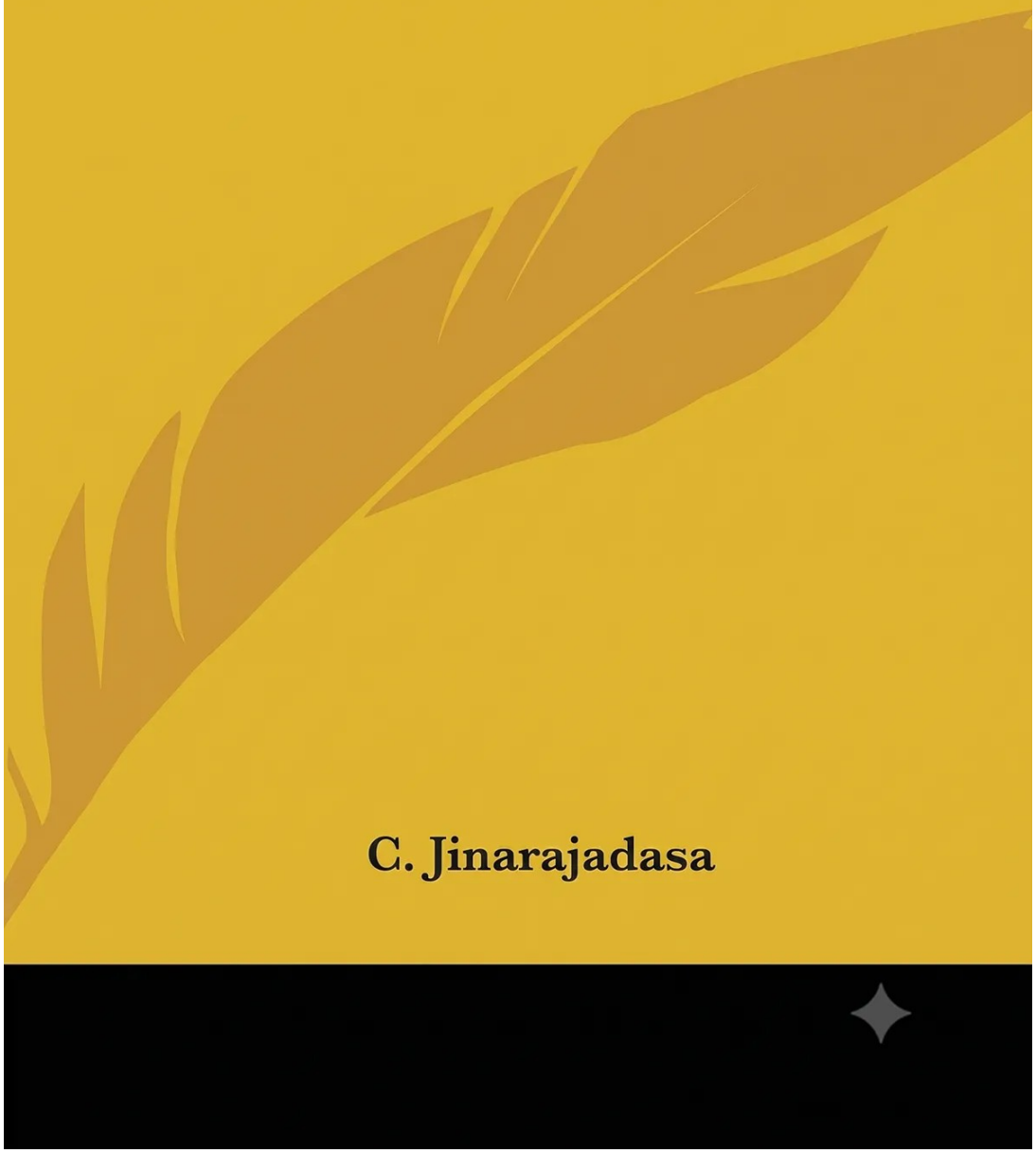
Early Teachings of the Masters 1881-1883



C. Jinarajadasa

THE EARLY TEACHINGS OF THE MASTERS
CÁC GIÁO LÝ SƠ KHỞI CỦA CÁC CHÂN SƯ MINH TRIẾT
1881-1883

Edited by C. Jinarajadasa

Copyright

The American Theosophical Society

1923

Publishers' Preface—Lời Tựa của Nhà Xuất Bản

A new school of thought is arising to challenge long-accepted views of life. Its keynote may be said to be "evolutionary creation." It is an exposition of the phenomena that surrounds us in terms that are both scientific and idealistic. It offers an explanation of life, of the origin of our fragment of the universe, of hidden and mysterious natural laws, of the nature and destiny of man, that appeals with moving force to the logical mind. This school of thought is at the same time both iconoclastic and constructive, for it is sweeping away old dogmas that are no longer tenable in the light of rapidly developing modern science, while it is building a substantial structure of facts beneath the age-long dream of immortality.

Một trường phái tư tưởng mới đang nổi lên để thách thức những quan điểm lâu đời về cuộc sống. Điểm nổi bật của nó có thể được cho là "sáng tạo tiến hóa". Đó là một sự trình bày về các hiện tượng xung quanh chúng ta bằng các thuật ngữ vừa khoa học vừa duy tâm. Nó đưa ra một lời giải thích về cuộc sống, về nguồn gốc của một phần vũ trụ của chúng ta, về các định luật tự nhiên bí ẩn và ẩn giấu, về bản chất và định mệnh của con người, vốn có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với trí tuệ logic. Trường phái tư tưởng này đồng thời vừa mang tính chất phá bỏ vừa mang tính xây dựng, vì nó đang quét sạch những giáo điều cũ vốn không còn đứng vững trước ánh sáng của khoa học hiện đại đang phát triển nhanh chóng, đồng thời xây dựng một cấu trúc thực tế vững chắc bên dưới giấc mơ bất tử lâu đời.

The literature that is growing out of ideas which are so revolutionary in the intellectual realm and yet are so welcome to a world groping through the fogs of materialism, is receiving a warm welcome in other lands and it should be better known here.

Nền văn học đang phát triển từ những ý tưởng mang tính cách mạng trong lĩnh vực trí tuệ và đồng thời rất được hoan nghênh đối với một thế giới đang mò mẫm trong màn sương mù của chủ nghĩa duy vật, đang nhận được sự chào đón nồng nhiệt ở các quốc gia khác và nó nên được biết đến nhiều hơn ở đây.

The Theosophical Press, Chicago. 1923

Nhà Xuất Bản Thông Thiên Học, Chicago.

1923

Introduction—Giới thiệu

During the year 1881, two very able Englishmen, who were resident in India at the time, joined the Theosophical Society. They were Alfred Percy Sinnett, Editor of the *Pioneer*, and Allan Octavian Hume, who held a very high appointment in the service of the British Government. Mr. Sinnett, in *The Occult World*, narrates the commencement of his friendship with Madame H. P. Blavatsky. By reading the letters of "H.P.B." and the diaries of Col. Olcott at this period, it is possible to gain a fair idea of the relations between her and these two inquirers into Theosophy.

Trong năm 1881, hai người Anh rất tài giỏi, vốn đang cư trú tại Ấn Độ vào thời điểm đó, đã gia nhập Hội Thông Thiên Học. Đó là Alfred Percy Sinnett, Biên tập viên của tờ Pioneer, và Allan Octavian Hume, Bạn giữ một chức vụ rất cao trong ngành phục vụ của Chính phủ Anh. Bạn Sinnett, trong *Thế Giới Huyền Bí*, kể lại sự khởi đầu tình bạn của bạn với Bà H. P. Blavatsky. Bằng cách đọc những lá thư của "H.P.B." và nhật ký của Đại tá Olcott vào thời kỳ này, có thể có được một ý tưởng khá rõ về mối quan hệ giữa Bà và hai người tìm hiểu Thông Thiên Học này.

The instruction given by certain of the Masters of the Wisdom to A.P. Sinnett and A.O. Hume came in the form of answers to questions which they propounded. The inquirers wrote their questions, which were then given or sent to H.P.B., who was in Allahabad, Simla or Bombay, as the case might be, either residing with them or at a distance. The procedure adopted by the Masters seems to have been roughly as follows: Sometimes the Masters, by occult means, brought the letter to Their residences in Tibet; sometimes They read the letter in India wherever it was written. In a few cases, the Master K.H. after receiving a letter annotated it, and returned it to H.P.B. to be filed. Several letters of Mr. Sinnett and one of Mr. Hume thus annotated were filed by H.P.B. And are now at Adyar.

Sự hướng dẫn được đưa ra bởi một số Chân sư Minh Triết cho A.P. Sinnett và A.O. Hume dưới hình thức trả lời các câu hỏi mà họ đưa ra. Những người tìm hiểu viết câu hỏi của họ, sau đó được đưa hoặc gửi cho H.P.B., vốn đang ở Allahabad, Simla hoặc Bombay, tùy theo trường hợp, hoặc là cư trú với họ hoặc ở một khoảng cách xa. Thủ tục được Các Chân sư áp dụng dường như đại khái như sau: Đôi khi Các Chân sư, bằng các phương tiện huyền bí, mang lá thư đến nơi ở của Các Ngài ở Tây Tạng; đôi khi Các Ngài đọc lá thư ở Ấn Độ bất cứ nơi nào nó được viết. Trong một vài trường hợp, Chân sư KH sau khi nhận được một lá thư đã chú thích nó và trả lại cho H.P.B. để lưu trữ. Một số thư của Bạn Sinnett và một của Bạn Hume được chú thích như vậy đã được H.P.B. lưu trữ và hiện đang ở Adyar.

In answer, letters were sent, mostly phenomenally, in a handwriting which was either in blue or red pencil, or black or red ink. In one case, a letter is in green ink. These

Để trả lời, các lá thư đã được gửi đi, chủ yếu là một cách dị thường, bằng một chữ viết tay bằng bút chì màu xanh lam hoặc đỏ, hoặc mực đen hoặc đỏ. Trong một trường hợp, một lá thư

letters were not written by hand, but *precipitated*, that is, not written by hand, but the writing materialised on the paper by a process used by the Adepts which involves the use of fourth dimensional space. In precipitated letters, there is no difference found which distinguishes them from a letter written by hand. There is no difference whatsoever in the handwriting. Each Master has His characteristic handwriting, like any of us.

bằng mực xanh lục. Những lá thư này không được viết bằng tay, mà được kết tủa, nghĩa là, không được viết bằng tay, mà chữ viết được vật chất hóa trên giấy bằng một quy trình được các bậc Chân sư sử dụng vốn liên quan đến việc sử dụng không gian chiều thứ tư. Trong các lá thư kết tủa, không có sự khác biệt nào được tìm thấy để phân biệt chúng với một lá thư được viết bằng tay. Không có bất kỳ sự khác biệt nào trong chữ viết tay. Mỗi Chân sư có chữ viết tay đặc trưng của Ngài, giống như bất kỳ ai trong chúng ta.

But the remarkable fact is that, while this handwriting is personal to a Master, it is also like an office handwriting, from a particular office with a particular chief. Thus, certain pupils of the Masters M and K.H. were given the right to *precipitate* [The right given is to precipitate by occult means, not to write with the hand.] in Their official handwriting. This is perfectly understandable, if only we realise that the Masters are not ascetics living aloof on the slopes of the snow-clad Himalayas, having nothing to do but to live in the bliss of higher realms, but rather heads of great World Departments of activity, directing many workers, and having very little time to spare. Therefore, just as in a big business organisation there may be a particular typewriter which is used by the head of the organisation, but which it is perfectly allowable for the Private Secretary to use, when once permission is granted, so it is with regard to the handwriting of the two Masters. Sometimes They personally wrote, and this was especially the case with letters which gave directions to aspirants or Chelas whom They were not able to impress by any other occult means. But often instructions were given to an advanced Chela outlining what he was to say in reply to a question. Of course, the Master, like any head of a business office, took the responsibility for the statements of His

Nhưng sự thật đáng chú ý là, trong khi chữ viết tay này mang tính cá nhân đối với một Chân sư, nó cũng giống như một chữ viết tay văn phòng, từ một văn phòng cụ thể với một người đứng đầu cụ thể. Do đó, một số đệ tử của Các Chân sư M. và Chân sư KH đã được trao quyền kết tủa [Quyền được trao là kết tủa bằng các phương tiện huyền bí, không phải viết bằng tay.] bằng chữ viết tay chính thức của Các Ngài. Điều này hoàn toàn dễ hiểu, nếu chúng ta chỉ nhận ra rằng Các Chân sư không phải là những người khổ hạnh sống ẩn dật trên sườn núi Himalaya phủ đầy tuyết, không có gì để làm ngoài việc sống trong hạnh phúc của các cõi cao hơn, mà đúng hơn là những người đứng đầu các Bộ phận Thế giới hoạt động lớn, chỉ đạo nhiều công nhân và có rất ít thời gian rảnh rỗi. Do đó, giống như trong một tổ chức kinh doanh lớn, có thể có một máy đánh chữ cụ thể được người đứng đầu tổ chức sử dụng, nhưng Thư ký riêng hoàn toàn được phép sử dụng, khi được cho phép, thì cũng như vậy đối với chữ viết tay của hai Chân sư. Đôi khi Các Ngài đích thân viết, và điều này đặc biệt đúng với những lá thư đưa ra chỉ dẫn cho những người chí nguyện hoặc đệ tử mà Các Ngài không thể gây ấn tượng bằng bất kỳ phương tiện huyền bí nào khác. Nhưng thường thì các chỉ dẫn được đưa ra cho một đệ tử cao cấp phác thảo những gì y phải nói để trả lời một câu hỏi. Tất nhiên, Chân sư, giống như bất kỳ người

private secretaries; but this need not mean that the actual words used by a secretary represent the full or even accurate thought of the Master.

đứng đầu văn phòng kinh doanh nào, chịu trách nhiệm về các tuyên bố của các thư ký riêng của Ngài; nhưng điều này không có nghĩa là những từ ngữ thực tế mà một thư ký sử dụng thể hiện đầy đủ hoặc thậm chí chính xác suy nghĩ của Chân sư.

It is to a large extent possible to sort out the letters which emanate direct from the Master from those which are written through intermediaries. The answers of the Master M. are short, direct and imperious, being less the exposition of an instructor and more like marginal notes of a sovereign on a state paper. Not infrequently, His answers convey a challenge of the whole basis upon which the inquirer rests with confidence. The style of the Master K.H. is literary, showing a general, and sometimes a very particular, knowledge of Western literature and science. He uses a gentle raillery to make His point, and can at times be extremely witty. Since most of the teachings were given under His direction, all that is in this work, except the teachings of the Master M., bear His impress, whether written directly by Him or only under His supervision.

Phần lớn có thể sắp xếp các lá thư xuất phát trực tiếp từ Chân sư từ những lá thư được viết qua trung gian. Câu trả lời của Chân sư M. ngắn gọn, trực tiếp và đầy uy quyền, ít là sự trình bày của một người hướng dẫn và giống như những ghi chú bên lề của một quốc vương trên một văn bản nhà nước. Không hiếm khi, câu trả lời của Ngài truyền tải một thách thức đối với toàn bộ cơ sở mà người tìm hiểu dựa vào một cách tự tin. Phong cách của Chân sư KH mang tính văn chương, thể hiện kiến thức chung và đôi khi rất cụ thể về văn học và khoa học phương Tây. Ngài sử dụng một sự chế giễu nhẹ nhàng để làm rõ quan điểm của Ngài, và đôi khi có thể cực kỳ dí dỏm. Vì hầu hết các giáo lý được đưa ra dưới sự chỉ đạo của Ngài, tất cả những gì có trong tác phẩm này, ngoại trừ các giáo lý của Chân sư M., đều mang dấu ấn của Ngài, cho dù được Ngài viết trực tiếp hay chỉ dưới sự giám sát của Ngài.

Needless to say, where a Chela is highly advanced and most closely *en rapport* with His Master, very few mistakes would be made in transmission, and even the Master's idiosyncrasies of phrasing might be reproduced in the answer. But we have to clearly understand that, because a letter happens to be in the well-known handwriting of a Master, it is not necessarily always written by that Master himself. In this regard, the following statement of H.P.B. is most illuminating:

Không cần phải nói, khi một đệ tử có trình độ cao và *hòa hợp* chặt chẽ nhất với Chân sư của y, rất ít sai sót sẽ xảy ra trong quá trình truyền tải, và ngay cả những đặc điểm riêng trong cách diễn đạt của Chân sư cũng có thể được tái tạo trong câu trả lời. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ rằng, vì một lá thư tình cờ có chữ viết tay nổi tiếng của một Chân sư, nên không nhất thiết lá thư đó luôn được chính Chân sư đó viết. Về vấn đề này, tuyên bố sau đây của H.P.B. là sáng tỏ nhất:

Statement By H.P.B—Tuyên Bố Của H.P.B

[The statement is preceded by these words in Mrs. Gebhard's handwriting: "Extracts from a letter from H.P.Blavatsky dated Wurzburg 24-1-86, copied by Mrs. Gebhard. The contents were confirmed verbally by H.P.B. To Mr. and Mrs. Gebhard in Elberfeld in June, 1886."]

[Tuyên bố này được viết trước bằng những lời này trong chữ viết tay của Bà Gebhard: "Trích từ một lá thư của H.P.Blavatsky đề ngày Wurzburg 24-1-86, được Bà Gebhard sao chép. Nội dung đã được H.P.B. xác nhận bằng lời nói với Bạn và Bà Gebhard ở Elberfeld vào tháng 6 năm 1886."]

This morning before the receipt of your letter at 6 o'clock, I was permitted and told by Master to make you understand at last, you and all the sincere, truly devoted Theosophists, "*as you sow, so you will reap*", the personal and private questions and prayers, answers framed in the mind of those whom such matters can yet interest, whose minds are not yet entirely blank to such worldly terrestrial questions, answers by chelas and novices, often something reflected from *my own mind*, for the Masters would not stoop for one moment to give a thought to *individual*, private matters relating but to one or even ten persons, their welfare, woes and blisses in this world of Maya, to nothing except questions of really universal importance. It is *all you* Theosophists who have dragged down in your minds the ideals of our Masters; *you who* have unconsciously and with the best of intentions and full sincerity of good purpose, *desecrated* Them, by thinking for one moment, and believing that *They* would trouble Themselves with your business matters, sons to be born, daughters to be married, houses to be built, etc. etc. And yet, all those of you who have received such communications, being nearly *all* sincere (those who were *not* have been dealt with according to other special laws) you had a right, knowing of the existence of Beings Who you thought could easily help you, to seek help from Them, to address Them once that a monotheist

Sáng nay trước khi nhận được thư của bạn lúc 6 giờ, tôi đã được Chân sư cho phép và bảo phải làm cho bạn hiểu cuối cùng, bạn và tất cả những nhà Thông Thiên Học chân thành, thực sự tận tâm, "*gieo gì gặt nấy*", những câu hỏi và lời cầu nguyện cá nhân và riêng tư, những câu trả lời được hình thành trong tâm trí của những người mà những vấn đề như vậy vẫn có thể quan tâm, những người mà tâm trí chưa hoàn toàn trống rỗng đối với những câu hỏi trần tục thế gian như vậy, những câu trả lời của các đệ tử và người mới, thường là một cái gì đó phản ánh *từ tâm trí của chính tôi*, vì Các Chân sư sẽ không hạ mình dù chỉ một giây để suy nghĩ về những vấn đề *cá nhân*, riêng tư chỉ liên quan đến một hoặc thậm chí mười người, phúc lợi, nỗi đau và hạnh phúc của họ trong thế giới Maya này, không gì khác ngoài những câu hỏi có tầm quan trọng thực sự phổ quát. Chính *tất cả các bạn*, những nhà Thông Thiên Học, đã hạ thấp trong tâm trí của mình những lý tưởng của Các Chân sư của chúng ta; *các bạn, những người* đã vô thức và với những ý định tốt đẹp nhất và sự chân thành đầy đủ về mục đích tốt, *đã báng bổ* Các Ngài, bằng cách suy nghĩ dù chỉ một giây, và tin rằng *Các Ngài* sẽ bận tâm đến những vấn đề kinh doanh của bạn, những đứa con trai sắp chào đời, những cô con gái sắp kết hôn, những ngôi nhà sắp được xây dựng, v.v. v.v. Và tuy nhiên, tất cả những người trong số các bạn đã nhận được những thông tin liên lạc như vậy, *hầu hết* đều chân thành (những người *không* chân thành

addresses his personal God, desecrating the *Great Unknown* a million of times *above* the Masters, by asking Him (*or It*) to help him with a good crop, to slay his enemy and send him a son or a daughter; and having such a right in the abstract sense, They could not spurn you off, and refuse answering you if not Themselves, then by ordering a chela to satisfy the addresses to the best of his or her's (the chela's) ability.

đã bị xử lý theo các định luật đặc biệt khác) bạn có quyền, khi biết về sự tồn tại của Các Đấng vốn bạn nghĩ có thể dễ dàng giúp bạn, để tìm kiếm sự giúp đỡ từ Các Ngài, để thỉnh cầu Các Ngài một khi một người theo thuyết độc thần thỉnh cầu Thượng đế cá nhân của y, báng bổ *Đấng Vĩ Đại Vô Danh* hàng triệu lần so với Các Chân sư, bằng cách yêu cầu Ngài (hoặc Nó) giúp y có một vụ mùa bội thu, giết kẻ thù của y và gửi cho y một con trai hoặc một con gái; và có một quyền như vậy theo nghĩa trừu tượng, Các Ngài không thể từ chối bạn, và từ chối trả lời bạn nếu không phải chính Các Ngài, thì bằng cách ra lệnh cho một đệ tử đáp ứng các thỉnh cầu theo khả năng tốt nhất của y (của đệ tử).

How many a time was I (no Mahatma) shocked and startled, burning with shame when shown notes written in Their (two) handwritings (a form of writing adopted for the T.S. and used by chelas, only *never without Their special permission or order* to that effect) exhibiting mistakes in science, grammar and thoughts, expressed in such language that it perverted entirely the meaning originally intended, and sometimes expressions that in Tibetan Sanskrit or any other Asiatic language had quite a different sense, as in one instance I will give. In answer to Mr. Sinnett's letter referring to some apparent contradictions in ISIS, the chela who was made to precipitate Mahatma K.H.'s reply put, "I had to exercise all my ingenuity to reconcile the two things". Now the term ingenuity to reconcile the two things". Now the term ingenuity, used for meaning candour, fairness, an obsolete word in this sense and never used now, but one meaning this perfectly as even I find in Webster, was misconstrued by Massey, Hume, and I believe even Mr. Sinnett, to mean "cunning", "cleverness", "acuteness", to form a new combination so as to prove there was no

Tôi (không phải Mahatma) đã bao nhiêu lần bị sốc và giật mình, bừng bừng xấu hổ khi được xem những ghi chú được viết bằng chữ viết tay của Các Ngài (hai) (một hình thức viết được áp dụng cho T.S. và được các đệ tử sử dụng, chỉ *không bao giờ không có sự cho phép hoặc lệnh đặc biệt của Các Ngài* cho mục đích đó) thể hiện những sai sót trong khoa học, ngữ pháp và suy nghĩ, được diễn đạt bằng một ngôn ngữ làm sai lệch hoàn toàn ý nghĩa ban đầu, và đôi khi những cách diễn đạt mà trong tiếng Phạn Tây Tạng hoặc bất kỳ ngôn ngữ châu Á nào khác có một ý nghĩa hoàn toàn khác, như trong một trường hợp tôi sẽ đưa ra. Để trả lời lá thư của Bạn Sinnett đề cập đến một số mâu thuẫn rõ ràng trong ISIS, đệ tử vốn được yêu cầu kết tủa câu trả lời của Mahatma KH đã viết, "Tôi đã phải vận dụng tất cả sự khéo léo của mình để hòa giải hai điều". Bây giờ thuật ngữ khéo léo để hòa giải hai điều". Bây giờ thuật ngữ khéo léo, được sử dụng để chỉ sự thẳng thắn, công bằng, một từ lỗi thời theo nghĩa này và không bao giờ được sử dụng bây giờ, nhưng một từ có nghĩa là điều này một cách hoàn hảo như ngay cả tôi cũng thấy trong Webster, đã bị Massey, Hume và tôi tin rằng ngay cả Bạn Sinnett cũng hiểu sai, có nghĩa là "xảo quyệt", "thông

contradiction. Hence: "the Mahatma confesses most unblushingly to ingenuity, to using *craft* to reconcile things, like an astute tricky lawyer", etc. etc. Now had I been commissioned to write or precipitate the letter, I would have translated the Master's thought by using the word "ingenuousness", "openness of heart, frankness, fairness, freedom from reserve and dissimulation", as Webster gives it, and opprobrium thrown on Mahatma K.H.'s character would have been avoided. It is not *I* who would have used *carbolic* acid instead of *carbonic* acid, etc. It is very rarely that Mahatma K.H. *dictated verbatim;* and when He did there remained the few sublime passages found in Mr. Sinnett's letters from Him. The rest, He would say, write so and so, and the chela wrote, often without knowing one word of English, as I am now made to write Hebrew and Greek and Latin, etc. Therefore the only thing I can be reproached with—a reproach I am ever ready to bear though I have not deserved it, having been simply the obedient and blind tool of our occult laws and regulations—is of having (1) used Master's name when I thought my authority would go for nought, when I sincerely believed acting agreeably to Master's intentions,[Found myself several times mistaken and now I am punished for it with daily and hourly crucifixion. Pick up stones, Theosophists, pick them up, brothers and kind sisters, and stone me to death with them for trying to make you happy with one word of the Masters!.] and for the good of the cause; and (2) of having concealed that which the laws and regulations of my pledges did not permit me so far to reveal; (3) *perhaps* (again for the same reason) of having insisted that such and such a note was from Master written in *His own handwriting*, all the time thinking *Jesuitically*, I confess, "Well, it is written by *His* order and *in* His handwriting, after all, why shall I go and explain to these, who do not,

minh", "sắc sảo", để tạo thành một sự kết hợp mới để chứng minh rằng không có mâu thuẫn. Do đó: "Mahatma thú nhận một cách trơ trẽn nhất về sự khéo léo, về việc sử dụng thủ đoạn để hòa giải mọi thứ, giống như một luật sư ranh mãnh xảo quyệt", v.v. v.v. Bây giờ nếu tôi được ủy nhiệm viết hoặc kết tủa lá thư, tôi sẽ dịch suy nghĩ của Chân sư bằng cách sử dụng từ "tính chất phác", "sự cởi mở của trái tim, sự thẳng thắn, công bằng, sự tự do khỏi dè dặt và giả tạo", như Webster đưa ra, và sự ô nhục ném vào tính cách của Mahatma KH sẽ đã được tránh. Không phải tôi sẽ sử dụng axit *carbolic* thay vì axit *cacbonic*, v.v. Rất hiếm khi Mahatma KH *đọc chính xác*; và khi Ngài làm như vậy, vẫn còn một vài đoạn văn thăng hoa được tìm thấy trong các lá thư của Bạn Sinnett từ Ngài. Phần còn lại, Ngài sẽ nói, hãy viết thế này thế kia, và đệ tử đã viết, thường không biết một từ tiếng Anh nào, như bây giờ tôi được yêu cầu viết tiếng Do Thái và tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, v.v. Do đó, điều duy nhất tôi có thể bị trách móc—một lời trách móc mà tôi luôn sẵn sàng gánh chịu mặc dù tôi không đáng bị như vậy, vì tôi chỉ đơn giản là công cụ ngoan ngoãn và mù quáng của các định luật và quy định huyền bí của chúng ta—là đã (1) sử dụng tên của Chân sư khi tôi nghĩ rằng quyền hạn của tôi sẽ không có giá trị gì, khi tôi chân thành tin rằng hành động phù hợp với ý định của Chân sư,[Tôi thấy mình nhiều lần nhầm lẫn và bây giờ tôi bị trừng phạt vì điều đó bằng sự đóng đinh hàng ngày và hàng giờ. Nhặt đá lên, các nhà Thông Thiên Học, nhặt chúng lên, các anh chị em và các chị em tốt bụng, và ném đá tôi đến chết vì đã cố gắng làm cho bạn hạnh phúc bằng một lời của Các Chân sư!.] và vì lợi ích của sự nghiệp; và (2) đã che giấu những gì mà các định luật và quy định về lời thề của tôi không cho phép tôi tiết lộ cho đến nay; (3) *có lẽ* (một lần nữa vì cùng một lý do) đã khăng khăng rằng ghi chú này ghi chú kia là từ Chân sư được viết bằng *chính chữ viết tay của Ngài*, tất cả thời gian suy nghĩ một cách dòng Tên, tôi thú

cannot understand the truth, and perhaps only make matters worse."

nhận, "Chà, nó được viết theo lệnh của Ngài và bằng chữ viết tay của Ngài, sau tất cả, tại sao tôi lại đi giải thích cho những người này, những người không hiểu, không thể hiểu sự thật, và có lẽ chỉ làm cho mọi thứ tồi tệ hơn."

Two or three times, perhaps more, letters were precipitated in *my presence*, by chelas who could not speak English, and who took ideas and expressions out of my head. The phenomena in *truth* and *solemn reality* were greater at those times than ever! Yet they often appeared the most suspicious, and I had to hold my tongue, to see suspicion creeping into the minds of those I loved best and respected, unable to justify myself or to say one word. What I suffered Master only knew! Think only (a case with Solovioff at Elberfeld) I sick in my bed; a letter of his, an old letter of his received in London and torn by me, *rematerialised* in my own sight, I looking at the thing; five or six times in the *Russian language,* in *Mahatma K.H.'s handwriting* in blue, the words *taken from my head,* the letter old and crumpled travelling slowly *alone* (even I could not see the astral hand of the chela performing the operation) across the bedroom, then slipping into and among Solovioff's papers who was writing in the little drawing-room, correcting my manuscripts; Olcott standing closely by him and having just handled the papers looking over them with Solovioff. The latter finding it, and like a flash I see in his head in Russian the thought: "The old impostor (meaning Olcott) must have put it there!", and such things by hundreds.

Hai hoặc ba lần, có lẽ nhiều hơn, các lá thư đã được kết tủa *trước sự chứng kiến của tôi*, bởi các đệ tử không thể nói tiếng Anh, và những người đã lấy ý tưởng và cách diễn đạt từ đầu tôi. Các hiện tượng *trong sự thật* và *thực tế trang trọng* còn lớn hơn vào những thời điểm đó hơn bao giờ hết! Tuy nhiên, chúng thường có vẻ đáng ngờ nhất, và tôi phải im lặng, để thấy sự nghi ngờ len lỏi vào tâm trí của những người tôi yêu quý và tôn trọng nhất, không thể biện minh cho bản thân hoặc nói một lời nào. Những gì tôi phải chịu đựng chỉ có Chân sư mới biết! Chỉ cần nghĩ (một trường hợp với Solovioff tại Elberfeld) tôi bị ốm trên giường; một lá thư của Ông, một lá thư cũ của Bạn nhận được ở London và bị tôi xé, *được tái vật chất hóa* trước mắt tôi, tôi nhìn vào sự việc; năm hoặc sáu lần *bằng tiếng Nga*, bằng *chữ viết tay màu xanh lam của Mahatma KH,* những từ ngữ được lấy từ đầu tôi, lá thư cũ và nhàu nát từ từ di chuyển *một mình* (ngay cả tôi cũng không thể nhìn thấy bàn tay cảm dục của đệ tử thực hiện thao tác) băng qua phòng ngủ, sau đó trượt vào và giữa các giấy tờ của Solovioff, vốn đang viết trong phòng khách nhỏ, sửa bản thảo của tôi; Olcott đứng sát bên Bạn và vừa cầm các giấy tờ xem qua chúng với Solovioff. Người sau tìm thấy nó, và như một tia chớp, tôi thấy trong đầu Bạn bằng tiếng Nga suy nghĩ: "Kẻ mạo danh già (có nghĩa là Olcott) hẳn đã đặt nó ở đó!", và những điều như vậy hàng trăm.

Well, this will do. I have told you the truth, the whole truth and *nothing but the truth*, so far as I am allowed to give it. Many are the things I have no right to explain, if I had to be hung for it.

Vâng, điều này sẽ làm được. Tôi đã nói với bạn sự thật, toàn bộ sự thật và *không gì khác ngoài sự thật*, trong chừng mực tôi được phép đưa ra. Có rất nhiều điều tôi không có quyền giải thích, nếu tôi phải bị treo cổ vì điều đó.

When these letters were received by Messrs. Sinnett and Hume, copies were sent by order of the Master K.H. To H.P.B. And Damodar Mavlankar. Often extracts from them were sent to C.C. Massey in London, and others. Slowly as the months passed, an accumulation arose of these communications. It is from these original letters received from the Masters that Mr. Sinnett wrote his *Esoteric Buddhism*. Copies of these letters, sometimes full and sometimes only important extracts from them, have been in the possession of the older and trusted Theosophists of Mr. Sinnett's old circle. One such copy was lying in the possession of C.W. Leadbeater, and I remember, as a boy, often looking at it. When in Australia in 1922, I had a copy made from this manuscript book of C.W. Leadbeater, and brought it to Adyar. It was only after the manuscript had been set up by the printer that, casually asking Miss Francesca Arundale if she had any copies of these early teachings, she brought out three manuscript books, and handed them to me. To my delight, I found that the books of Miss Arundale were far fuller than the book by C.W. Leadbeater. I have very carefully transcribed all that appears in both books, putting together as best I can, and in as coherent a fashion as possible, these early teachings.

Khi những lá thư này được Bạn Sinnett và Bạn Hume nhận được, các bản sao đã được Chân sư KH gửi cho Bà HPB và Damodar Mavlankar. Các đoạn trích từ chúng thường được gửi cho C.C. Massey ở London và những người khác. Dần dần khi nhiều tháng trôi qua, một sự tích lũy đã nảy sinh từ những thông tin liên lạc này. Chính từ những lá thư gốc nhận được từ Các Chân sư mà Bạn Sinnett đã viết cuốn *Phật Giáo Huyền Bí* của mình. Bản sao của những lá thư này, đôi khi đầy đủ và đôi khi chỉ là những đoạn trích quan trọng từ chúng, đã nằm trong quyền sở hữu của các nhà Thông Thiên Học lâu đời và đáng tin cậy trong giới thân cận của Bạn Sinnett. Một bản sao như vậy nằm trong quyền sở hữu của C.W. Leadbeater, và tôi nhớ, khi còn là một cậu bé, thường xem nó. Khi ở Úc vào năm 1922, tôi đã sao chép một bản từ cuốn sách bản thảo này của C.W. Leadbeater, và mang nó đến Adyar. Chỉ sau khi bản thảo được nhà in dàn dựng, tôi tình cờ hỏi cô Francesca Arundale liệu cô có bất kỳ bản sao nào về những giáo lý ban đầu này không, cô đã mang ra ba cuốn sách bản thảo và trao chúng cho tôi. Tôi rất vui mừng khi thấy rằng những cuốn sách của cô Arundale đầy đủ hơn nhiều so với cuốn sách của C.W. Leadbeater. Tôi đã rất cẩn thận sao chép tất cả những gì xuất hiện trong cả hai cuốn sách, tập hợp lại một cách tốt nhất có thể và theo một cách mạch lạc nhất có thể, những giáo lý ban đầu này.

In arranging all these letters in the form of a book, I have thought it wise to group, as far as possible, the many topics under six Sections. The grouping in the book tentative, and on further study may be changed in a future edition. I have made no attempt to systematise the transliteration of Sanskrit words. We must not forget that, in 1881, when Sanskrit studies were at an early age, transliteration and the meaning of technical terms had not crystallised into their present shape. In a future edition, which I hope to

Khi sắp xếp tất cả những lá thư này thành một cuốn sách, tôi thấy nên nhóm, càng nhiều càng tốt, nhiều chủ đề khác nhau thành sáu Phần. Việc nhóm trong cuốn sách chỉ là dự kiến, và khi nghiên cứu thêm có thể được thay đổi trong một ấn bản tương lai. Tôi đã không cố gắng hệ thống hóa việc chuyển tự các từ tiếng Phạn. Chúng ta không được quên rằng, vào năm 1881, khi các nghiên cứu về tiếng Phạn còn ở giai đoạn sơ khai, việc chuyển tự và ý nghĩa của các thuật ngữ kỹ thuật vẫn chưa kết tinh thành hình dạng hiện tại của chúng.

bring out at greater leisure than has been possible to give to the publication of this edition, the transliteration of Sanskrit words will be systematised.

Trong một ấn bản tương lai, mà tôi hy vọng sẽ xuất bản với nhiều thời gian rảnh hơn so với việc xuất bản ấn bản này, việc chuyển tự các từ tiếng Phạn sẽ được hệ thống hóa.

The effect of these early teachings on the two recipients, Messrs. Sinnett and Hume, was different. We all know how Mr. Sinnett eagerly responded and gained an inner vision of occult realities. The writing of *Esoteric Buddhism* from the heterogeneous material of the teachings given to him is indeed a most brilliant feat, and a high tribute to Mr. Sinnett's synthetic ability. His work will always stand out as a brilliant summary of the Ancient Wisdom. Since the beginning, he has stood unwavering in his loyalty to his Master, and has made for himself a name in the annals of the Theosophical Society, and earned the gratitude of thousands.

Tác động của những giáo lý ban đầu này đối với hai người nhận, Bạn Sinnett và Bạn Hume, là khác nhau. Tất cả chúng ta đều biết Bạn Sinnett đã nhiệt tình đáp ứng và đạt được một tầm nhìn nội tại về thực tại huyền bí như thế nào. Việc viết cuốn *Phật Giáo Huyền Bí* từ tài liệu hỗn tạp của những giáo lý được trao cho Bạn quả thực là một kỳ công xuất sắc nhất, và là một sự tôn vinh cao đối với khả năng tổng hợp của Bạn Sinnett. Tác phẩm của Bạn sẽ luôn nổi bật như một bản tóm tắt xuất sắc về Minh Triết Ngàn Đời. Kể từ khi bắt đầu, Bạn đã đứng vững trong lòng trung thành với Chân sư của mình, và đã tạo dựng cho mình một cái tên trong biên niên sử của Hội Thông Thiên Học, và giành được lòng biết ơn của hàng ngàn người.

The effect on Mr. Hume was rather different. Mr. Hume, who was brilliant in intellect and greatly philosophical, found that very sharpness of intellect a handicap, for the simple reason that he was not sufficiently *impersonal*. He was not so much inquirer as critic. "Your own ego, which has already seized the essentials of every truth," was the way that the Master K.H., in attempting to draw attention to this vice of intellectual pride, described Mr. Hume's great weakness. One continuous grievance of his was that he was not told everything fully which he desired to know. And furthermore, he could not adapt himself to credit the existence of another philosophical way of looking at things, which was Eastern, which might have any kind of superiority over the Western scientific standpoint. The result was a continual lack of accommodation on his part to the needs of the work which the Masters wanted done. He

Tác động đối với Bạn Hume thì hơi khác. Bạn Hume, vốn là người có trí tuệ xuất chúng và rất triết lý, nhận thấy rằng chính sự sắc bén của trí tuệ lại là một trở ngại, vì lý do đơn giản là Bạn không đủ vô ngã. Bạn không phải là một người tìm kiếm mà là một nhà phê bình. "Phàm ngã của chính Ông, vốn đã nắm bắt được những điều cốt yếu của mọi sự thật," là cách mà Chân sư KH, khi cố gắng thu hút sự chú ý đến thói xấu kiêu ngạo trí tuệ này, đã mô tả điểm yếu lớn của Bạn Hume. Một lời phàn nàn liên tục của Bạn là Bạn không được cho biết mọi thứ đầy đủ như Bạn mong muốn được biết. Và hơn nữa, Bạn không thể tự mình tin vào sự tồn tại của một cách triết lý khác để nhìn nhận mọi thứ, vốn là phương Đông, vốn có thể có bất kỳ loại ưu thế nào so với quan điểm khoa học phương Tây. Kết quả là Bạn liên tục không thích ứng với nhu cầu của công việc mà Các Chân sư muốn thực hiện. Bạn không thể nhận ra rằng Các Chân sư không đặc biệt

could not realise that the Masters were not specially bent on instructing the Western world in occult teachings, but were far more intent on building a great Theosophical Movement, which should break down barriers of race, creed, sex, caste and colour everywhere throughout the world. Mr. Sinnett also partly shared Mr. Hume's attitude, but finally he adapted himself to some extent to the needs of the T.S. *as a Movement*, while Mr. Hume, to put it briefly, cared a great deal for occult knowledge, but nothing whatsoever for the T.S.., which to him was but proclaiming the threadbare gospel of Brotherhood.

chú trọng đến việc hướng dẫn thế giới phương Tây về những giáo lý huyền bí, mà quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng một Phong Trào Thông Thiên Học vĩ đại, vốn sẽ phá vỡ các rào cản về chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính, đẳng cấp và màu da ở khắp mọi nơi trên thế giới. Bạn Sinnett cũng chia sẻ một phần thái độ của Bạn Hume, nhưng cuối cùng Bạn đã thích ứng ở một mức độ nào đó với nhu cầu của Hội Thông Thiên Học như một Phong Trào, trong khi Bạn Hume, nói một cách ngắn gọn, rất quan tâm đến kiến thức huyền bí, nhưng hoàn toàn không quan tâm đến Hội Thông Thiên Học, vốn đối với Bạn chỉ là tuyên bố phúc âm sáo rỗng về Tình Huynh Đệ.

Slowly within a couple of years, the divergencies between him and the occult Teachers widened, till finally he lost interest in the whole movement. Nevertheless, the influence from beyond the Himalayas had sufficiently awakened his intuitions to one great problem, that of India. When therefore he retired from Government service, he threw himself heart and soul to rouse the political consciousness of Indians. It was largely the result of his writings on political matters that the Indian National Congress took birth in 1885, and since that time, Mr. Hume has well deserved the grateful title given to him by Indians, as the "Father of the Indian National Congress".

Dần dần trong vòng một vài năm, sự khác biệt giữa Bạn và Các Huấn Sư huyền bí ngày càng mở rộng, cho đến khi cuối cùng Bạn mất hứng thú với toàn bộ phong trào. Tuy nhiên, ảnh hưởng từ bên kia dãy Himalaya đã đánh thức đủ trực giác của Bạn về một vấn đề lớn, đó là vấn đề của Ấn Độ. Do đó, khi Bạn nghỉ hưu từ công việc Chính phủ, Bạn đã dốc hết tâm huyết để khơi dậy tâm thức chính trị của người Ấn Độ. Phần lớn là kết quả của những bài viết của Bạn về các vấn đề chính trị mà Đại hội Quốc dân Ấn Độ ra đời vào năm 1885, và kể từ đó, Bạn Hume xứng đáng với danh hiệu biết ơn mà người Ấn Độ đã trao cho Ông, là "Cha đẻ của Đại hội Quốc dân Ấn Độ".

I would mention in passing that all the modern political revival in India was a part of the original intention of the Masters, because an attempt was made by the Master K.H. in 1882-83 to establish an English newspaper to arouse the national spirit and political consciousness of Indians. Soon after Mr. Sinnett's interests in his occult Teachers began to influence his thoughts, the proprietors of the *Pioneer*, of which he was the Editor, began to dislike the breadth of tone

Tôi muốn đề cập thoáng qua rằng tất cả sự phục hưng chính trị hiện đại ở Ấn Độ là một phần trong ý định ban đầu của Các Chân sư, bởi vì Chân sư KH đã cố gắng vào năm 1882-83 để thành lập một tờ báo tiếng Anh để khơi dậy tinh thần dân tộc và tâm thức chính trị của người Ấn Độ. Ngay sau khi sự quan tâm của Bạn Sinnett đối với Các Huấn Sư huyền bí của Bạn bắt đầu ảnh hưởng đến suy nghĩ của Ông, các chủ sở hữu của tờ Pioneer, mà Bạn là Biên tập viên, bắt đầu không thích giọng điệu

which was coming in the paper with reference to Indian matters, and so Mr. Sinnett was given a year's notice to sever his connection with the *Pioneer*. It was at this time that the Master K.H. desired to establish an English newspaper to be called *The Phoenix*. This paper was to be organised by Indian capital, but with Mr. Sinnett as the Editor. For nearly a year various attempts were made to get the capital together, but the plan fell through in the end and Mr. Sinnett did not return to India after his engagement with the *Pioneer* was over. [See "Letter XIV" in Letters from the Masters of the Wisdom, First Series.]

rộng rãi đang xuất hiện trên tờ báo liên quan đến các vấn đề của Ấn Độ, và vì vậy Bạn Sinnett đã được thông báo trước một năm để cắt đứt mối quan hệ của Bạn với tờ Pioneer. Chính vào thời điểm này mà Chân sư KH mong muốn thành lập một tờ báo tiếng Anh có tên là The Phoenix. Tờ báo này sẽ được tổ chức bằng vốn của Ấn Độ, nhưng với Bạn Sinnett là Biên tập viên. Trong gần một năm, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để tập hợp vốn lại với nhau, nhưng cuối cùng kế hoạch đã thất bại và Bạn Sinnett đã không trở lại Ấn Độ sau khi kết thúc hợp đồng với tờ Pioneer. [Xem "Thư XIV" trong Letters from the Masters of the Wisdom, First Series.]

Those who are in touch with the work today of Theosophists will be struck very greatly by one phase of Theosophical interests which is not at all represented in this book. Today questions of Brotherhood and Social Reconstruction are so vital in the minds of Theosophists that they will be surprised to see that no question specifically dealing with Reconstruction was propounded to the Masters, The Teachers did not go out of Their way to expound all that They had to give, but merely answered the questions propounded to Them. But we must not forget that even while *teachings* were being given to Mr. Sinnett and Mr. Hume, the *work* of the Masters was being done by H.P.B. and Colonel Olcott. The two Founders were all the time proclaiming and applying the gospel of Brotherhood, though both Mr. Sinnett and Mr. Hume were, to put it briefly, very sceptical as to any real usefulness accruing in spiritualising the world by proclaiming the ideas of Brotherhood. They held that, if the Western world was to be affected and weaned from Materialism, it was only by giving it occult knowledge, and that any attempt to "mix up Brotherhood with Occultism" would inevitably mean the collapse in the long run of

Những người tiếp xúc với công việc ngày nay của các nhà Thông Thiên Học sẽ rất ngạc nhiên trước một giai đoạn quan tâm của Thông Thiên Học vốn hoàn toàn không được thể hiện trong cuốn sách này. Ngày nay, các câu hỏi về Tình Huynh Đệ và Tái Thiết Xã Hội rất quan trọng trong tâm trí của các nhà Thông Thiên Học đến nỗi Họ sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng không có câu hỏi nào đặc biệt đề cập đến Tái Thiết được đưa ra cho Các Chân sư, Các Huấn Sư đã không tự mình trình bày tất cả những gì Các Ngài phải cho, mà chỉ đơn giản là trả lời những câu hỏi được đưa ra cho Các Ngài. Nhưng chúng ta không được quên rằng ngay cả khi những giáo lý đang được trao cho Bạn Sinnett và Bạn Hume, công việc của Các Chân sư đang được Bà HPB và Đại tá Olcott thực hiện. Hai Nhà Sáng Lập luôn tuyên bố và áp dụng phúc âm về Tình Huynh Đệ, mặc dù cả Bạn Sinnett và Bạn Hume, nói một cách ngắn gọn, đều rất hoài nghi về bất kỳ sự hữu ích thực sự nào phát sinh trong việc tâm linh hóa thế giới bằng cách tuyên bố những ý tưởng về Tình Huynh Đệ. Họ cho rằng, nếu thế giới phương Tây bị ảnh hưởng và cai sữa khỏi Chủ Nghĩa Duy Vật, thì chỉ bằng cách cung cấp cho nó kiến thức huyền bí, và bất kỳ nỗ lực nào để "trộn lẫn Tình Huynh Đệ với Huyền Bí Học"

the T.S. Again and again, wherever any suggestions were thrown out by the Masters as to practical work to be done in order to narrow the gap which existed in India between the Indians and the English, Their hints were rarely taken, and continually the two Englishmen harped on the fact that they knew the Western mind and the ways to affect Western thought better than did the Adepts.

chắc chắn sẽ có nghĩa là sự sụp đổ trong thời gian dài của Hội Thông Thiên Học. Nhiều lần, bất cứ khi nào Các Chân sư đưa ra bất kỳ gợi ý nào về công việc thiết thực cần làm để thu hẹp khoảng cách tồn tại ở Ấn Độ giữa người Ấn Độ và người Anh, những gợi ý của Các Ngài hiếm khi được thực hiện, và hai người Anh liên tục nhấn mạnh vào sự thật rằng Họ biết tâm trí phương Tây và những cách để tác động đến tư tưởng phương Tây tốt hơn Các Bậc Chân Sư.

Finally, so insistent were Messrs. Sinnett and Hume in their attitude, that matters early came almost to an impasse. Then it was that the great Master Who is known as the "Mahachohan", laid down the general principles which underlie the Theosophical Movement which originated from Them. The remarks of the Mahachohan, as reported by the Master K.H. to Mr. Sinnett, appears as "Letter No.1" in the little work *Letters from the Masters of the Wisdom,* First Series.

Cuối cùng, Bạn Sinnett và Bạn Hume đã rất kiên quyết trong thái độ của Họ, đến nỗi mọi việc sớm đi vào bế tắc. Sau đó, chính Chân sư vĩ đại vốn được biết đến với tên gọi "Mahachohan", đã đưa ra những nguyên tắc chung làm nền tảng cho Phong Trào Thông Thiên Học vốn bắt nguồn từ Các Ngài. Những nhận xét của Mahachohan, như được Chân sư KH báo cáo cho Bạn Sinnett, xuất hiện dưới dạng "Thư số 1" trong tác phẩm nhỏ Letters from the Masters of the Wisdom, First Series.

An earnest student, who wants to gain a comprehensive idea of what was the teaching and directions given by the Masters at this time, should read in connection with this present work the little work mentioned above, *Letters from the Masters of the Wisdom.* Since the publication of that work, many more letters of the Masters have come into my custody, and a second volume will, I hope, appear soon. Quite apart from these publications, a book yet remains to be compiled of the somewhat personal letters to Mr. Sinnett from the Masters M. and K.H. The original letters has always been with Mr. Sinnett, but copies made of them with his permission are at Adyar. When all these volumes, which record the guidance and teaching of the Masters in these early years of the T.S. are read and pondered over together, then it will be possible for us more fully than now to enter into that "Our World", into

Một học viên chân thành, vốn muốn có được một ý tưởng toàn diện về những gì là giáo lý và chỉ dẫn được đưa ra bởi Các Chân sư vào thời điểm này, nên đọc liên quan đến tác phẩm hiện tại này tác phẩm nhỏ được đề cập ở trên, Letters from the Masters of the Wisdom. Kể từ khi xuất bản tác phẩm đó, nhiều lá thư khác của Các Chân sư đã thuộc quyền giám hộ của tôi, và tôi hy vọng một tập thứ hai sẽ sớm xuất hiện. Hoàn toàn tách biệt với những ấn phẩm này, một cuốn sách vẫn còn phải được biên soạn về những lá thư có phần cá nhân gửi cho Bạn Sinnett từ Các Chân sư M. và KH. Các lá thư gốc luôn ở với Bạn Sinnett, nhưng các bản sao được thực hiện với sự cho phép của Bạn đang ở Adyar. Khi tất cả những tập này, vốn ghi lại sự hướng dẫn và giáo lý của Các Chân sư trong những năm đầu của Hội Thông Thiên Học được đọc và nghiền ngẫm cùng nhau, thì chúng ta sẽ có thể bước vào "Thế Giới Của Chúng Ta" đó một cách đầy đủ hơn so với bây

which They invited us when They shared with us some of Their priceless knowledge.

giờ, vào đó Các Ngài đã mời chúng ta khi Các Ngài chia sẻ với chúng ta một số kiến thức vô giá của Các Ngài.

C. Jinarajadasa

C. Jinarajadasa

SECTION I—PHẦN I

The Planetary Chain—Dãy Hành Tinh

Questions. 1- 2. We understand that the man-bearing cycle of necessity of our solar system consists of thirteen objective globes, of which ours is the lowest, six above it in the ascending and six in the descending cycle, with a fourteenth world lower than ours. Is this correct?

Câu hỏi. – 1-2. Chúng tôi hiểu rằng chu kỳ tất yếu mang con người của hệ mặt trời của chúng ta bao gồm mười ba bầu hành tinh khách quan, trong đó Trái Đất của chúng ta là thấp nhất, sáu bầu hành tinh phía trên nó trong chu kỳ đi lên và sáu bầu hành tinh trong chu kỳ đi xuống, với một thế giới thứ mười bốn thấp hơn Trái Đất của chúng ta. Điều này có đúng không?

Answer—1. The number is not quite correct.

Trả lời—. Con số không hoàn toàn chính xác.

There are seven objective and seven subjective globes (I have been just permitted for the first time to give you the right figure), the worlds of causes and effects. The former have our earth occupying the lower turning point where spirit and matter equilibrate. But do not trouble yourself to go into calculations even on this correct basis, for it will only puzzle you, since the infinite ramifications of the number seven (which is one of our greatest mysteries) being so closely allied and interdependent with the seven principles of Nature and Man, this figure is the only one I am permitted (so far) to give you. What I can reveal I do so in a letter I am just finishing.

Có bảy bầu hành tinh khách quan và bảy bầu hành tinh chủ quan (tôi vừa được phép lần đầu tiên cung cấp cho Bạn con số chính xác), thế giới của các nguyên nhân và kết quả. Những bầu hành tinh trước có Trái Đất của chúng ta chiếm điểm ngoặt thấp hơn, nơi tinh thần và vật chất cân bằng. Nhưng đừng bận tâm đến việc đi vào các phép tính ngay cả trên cơ sở chính xác này, vì nó sẽ chỉ gây khó khăn cho Ông, vì những phân nhánh vô tận của con số bảy (vốn là một trong những bí ẩn lớn nhất của chúng ta) có liên quan chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau với bảy nguyên lý của Tự Nhiên và Con Người, con số này là con số duy nhất tôi được phép (cho đến nay) cung cấp cho Ông. Những gì tôi có thể tiết lộ, tôi sẽ làm như vậy trong một lá thư mà tôi vừa hoàn thành.

Answer— 2. Below man there are three in the objective and three in the subjective region, with man as a septenary. Two of the three former none but an Initiate can conceive of; the third is the inner kingdom below the crust of the earth, which we could name, but would feel embarrassed to describe. These seven kingdoms are preceded by other and numerous septenary stages and combinations.

Trả lời— [2]. Bên dưới con người có ba trong vùng khách quan và ba trong vùng chủ quan, với con người là một thất phân. Hai trong số ba điều trước đây không ai ngoài một người được Điểm Đạo có thể hình dung được; điều thứ ba là giới bên trong bên dưới lớp vỏ Trái Đất, mà chúng ta có thể gọi tên, nhưng sẽ cảm thấy khó khăn khi mô tả. Bảy giới này được đi trước bởi các giai đoạn và tổ hợp thất phân khác và nhiều.

Question— 3. We understand that the monad starting in the highest world of the ascending series appears there in a mineral encasement, and there goes through a series of seven encasements representing the seven classes into which the mineral kingdom is divided, and that this done, it passes to the next planet and does likewise. (I purposely say nothing of the worlds of results, where it takes on the development, the result of what it has gone through in the last world and the necessary preparation for the next, and so on through the thirteen spheres making altogether ninety-one mineral existences.) (a) Is this correct? (b) If so, what are the classes we are to reckon in the mineral kingdom? Also (c) in the case of inherbations and incarnations, the plant and animal die, but so far as we know the mineral does not die; so how does the monad in the first Round get out of one immetalisation into another? (d) And has every separate molecule of mineral a monad, or only those groups of molecules where definite structure is observable such as crystals?

Câu hỏi— [3]. Chúng tôi hiểu rằng chân thần bắt đầu ở thế giới cao nhất của chuỗi đi lên xuất hiện ở đó trong một lớp vỏ khoáng chất, và ở đó trải qua một loạt bảy lớp vỏ đại diện cho bảy loại mà giới khoáng chất được chia thành, và rằng điều này được thực hiện, nó chuyển sang hành tinh tiếp theo và làm tương tự. (Tôi cố tình không nói gì về thế giới của các kết quả, nơi nó đảm nhận sự phát triển, kết quả của những gì nó đã trải qua ở thế giới cuối cùng và sự chuẩn bị cần thiết cho thế giới tiếp theo, v.v. thông qua mười ba cõi tạo thành tổng cộng chín mươi mốt sự tồn tại khoáng chất.) (a) Điều này có đúng không? (b) Nếu vậy, chúng ta phải tính những loại nào trong giới khoáng chất? Ngoài ra (c) trong trường hợp kế thừa và hóa thân, thực vật và động vật chết đi, nhưng theo như chúng ta biết thì khoáng chất không chết; vậy thì làm thế nào mà chân thần trong Vòng Thứ Nhất thoát ra khỏi một sự bất tử để đi vào một sự bất tử khác? (d) Và có phải mọi phân tử khoáng chất riêng lẻ đều có một chân thần, hay chỉ những nhóm phân tử nơi có thể quan sát thấy cấu trúc xác định như tinh thể?

Answer—Yes; in our string of worlds it starts at globe A of the descending series, and passing through all the preliminary evolution and combinations of the first three kingdoms, it finds itself encased, in its first mineral form (in what I shall call *race* when speaking of man, and what we may call *class* in general) of

Trả lời—Vâng; trong chuỗi thế giới của chúng ta, nó bắt đầu tại bầu hành tinh A của chuỗi đi xuống, và đi qua tất cả các quá trình tiến hóa và kết hợp sơ bộ của ba giới đầu tiên, nó thấy mình được bao bọc, trong hình thức khoáng chất đầu tiên của nó (trong cái mà tôi sẽ gọi là chủng tộc khi nói về con người, và cái mà

Class 1. Then only it passes through *seven* instead of "through the thirteen spheres," even omitting the intermediate "worlds of results".

Having passed through its seven great classes of immetalisation (a good word this) with their septenary ramifications, the monad gives birth to the vegetable kingdom, and moves on to the next planet. B. (a) As you now see, except as to the numbers. (b) Your geologist divide, I believe, stones into three great groups of sandstone, granite and chalk, or the sedimentary, organic and igneous, following their physical characteristics, just as the psychologist and spiritualists divide man into the trinity of body, soul and spirit. Our method is totally different. We divide minerals (also the kingdoms) according to their occult properties, *i.e.*, according to the relative proportion of the seven mineral principles which they contain. I am sorry to refuse you, but I am not permitted to answer your question. To facilitate for you a question of simple nomenclature, however, I would advise you to study perfectly the seven principles [The "seven principles in man" were classified as follows in 1881, when these Teachings were first given, (Article "Fragments of Occult Truth," by A.O. Hume, Theosophist, October 1881):

1. The physical body, composed wholly of matter in its grossest and most tangible form.

2. The Vital principle (or Jivatma), a form of force, indestructible and when disconnected with one set of atoms, becoming attracted immediately by others.

3. The Astral body (Linga Sharira) composed of highly etherealised matter; in its habitual passive state; the perfect but very shadowy duplicate of the body; its activity,

chúng ta có thể gọi là loại nói chung) của Loại 1. Sau đó, nó chỉ đi qua bảy thay vì "thông qua mười ba cõi", ngay cả khi bỏ qua "thế giới của các kết quả" trung gian.

Sau khi trải qua bảy lớp immetalisation (đây là một từ hay) vĩ đại với những phân nhánh thất phân của chúng, chân thần sinh ra giới thực vật, và di chuyển đến hành tinh tiếp theo. B. (a) Như bây giờ Bạn thấy, ngoại trừ các con số. (b) Tôi tin rằng nhà địa chất học của Bạn chia đá thành ba nhóm lớn gồm đá sa thạch, đá granit và đá phấn, hoặc trầm tích, hữu cơ và đá mácma, theo các đặc điểm vật lý của chúng, giống như nhà tâm lý học và nhà thần linh học chia con người thành tam vị thể xác, linh hồn và tinh thần. Phương pháp của chúng ta hoàn toàn khác. Chúng ta chia khoáng chất (cả các giới) theo các thuộc tính huyền bí của chúng, tức là, theo tỷ lệ tương đối của bảy nguyên lý khoáng chất mà chúng chứa. Tôi rất tiếc phải từ chối Ông, nhưng tôi không được phép trả lời câu hỏi của Ông. Tuy nhiên, để giúp Bạn dễ dàng hơn trong một câu hỏi về danh pháp đơn giản, tôi khuyên Bạn nên nghiên cứu một cách hoàn hảo bảy nguyên lý [Bảy nguyên lý trong con người" được phân loại như sau vào năm 1881, khi những Giáo lý này được đưa ra lần đầu tiên, (Bài viết "Các Mảnh Chân Lý Huyền Bí", của A.O. Hume, Theosophist, tháng 10 năm 1881):

1. Thể xác, bao gồm hoàn toàn vật chất ở dạng thô thiển và hữu hình nhất.

2. Nguyên lý Sinh lực (hay Jivatma), một dạng lực, bất hoại và khi tách rời khỏi một tập hợp các nguyên tử, sẽ ngay lập tức bị các nguyên tử khác thu hút.

3. Linga Sharira bao gồm vật chất cực kỳ dĩ thái hóa; ở trạng thái thụ động thông thường của nó; bản sao hoàn hảo nhưng rất mờ ảo của cơ thể; hoạt động, sự hợp nhất và hình thức

consolidation and form depending entirely on the kama rupa.

4- The Astral shape (Kama Rupa) or the body of desire, a principle defining the configuration of—

5. The animal or physical intelligence or consciousness of Ego, analogous to, though proportionally higher in degree than, the reason, instinct, memory, imagination, etc., existing in higher animals.

6. The Higher or Spiritual intelligence or consciousness, or Spiritual Ego, in which mainly resides the sense of consciousness in the perfect man, though the lower dimmer animal consciousness coexists in No. 5.

7. The Spirit—an emanation from the ABSOLUTE; uncreated; eternal; a State rather than a being.

This classification was modified in Esoteric Buddhism (1883) as follows;

1. The Body—Rupa;

2. Vitality—Prana or Jiva;

3. Astral Body—Linga Sharira;

4. Animal Soul—Kama Rupa;

5. Human Soul—Manas;

6. Spiritual Soul—Buddhi;

7. Spirit—Atma.]

in man, and then to divide the seven great classes of the minerals correspondentially; for instance, the group of the sedimentary would answer to the compound (chemically speaking) body of man, or his first principle, the organic to the second (some call it third)

của nó hoàn toàn phụ thuộc vào kama rupa.

4- Hình dạng cảm dục (Kama Rupa) hay thể ham muốn, một nguyên lý xác định cấu hình của—

5. Trí thông minh hoặc tâm thức động vật hoặc thể xác của Chân ngã, tương tự như, mặc dù ở mức độ tỷ lệ cao hơn, lý trí, bản năng, trí nhớ, trí tưởng tượng, v.v., tồn tại ở động vật bậc cao.

6. Trí thông minh hoặc tâm thức Cao hơn hoặc Tinh thần, hoặc Chân ngã Tinh thần, trong đó chủ yếu cư ngụ ý thức trong con người hoàn hảo, mặc dù ý thức động vật mờ nhạt thấp hơn cùng tồn tại ở Số 5.

7. Tinh thần—một xuất lộ từ TUYỆT ĐỐI; bất tạo; vĩnh cửu; một Trạng thái hơn là một hữu thể.

Phân loại này đã được sửa đổi trong Phật Giáo Huyền Bí (1883) như sau;

1. Thể xác—Rupa;

2. Sinh lực—Prana hay Jiva;

3. Thể cảm dục—Linga Sharira;

4. Linh Hồn Động Vật—Kama Rupa;

5. Linh Hồn Con Người—Manas;

6. Linh Hồn Tinh Thần—Bồ đề;

7. Tinh thần—Atma.]

trong con người, và sau đó chia bảy lớp khoáng chất lớn một cách tương ứng; ví dụ, nhóm trầm tích sẽ trả lời cho thể hợp chất (nói về mặt hóa học) của con người, hoặc nguyên lý thứ nhất của y, hữu cơ đối với nguyên lý thứ hai (một số người gọi là thứ ba), hoặc Jiva, v.v. Bạn

principle, or Jiva, etc. You must exercise your own intuitions in that. Thus you might also intuit certain truths even as to their properties. I am more than willing to help you, but things have to be divulged gradually. (c) By occult osmosis. The plant and animal leave their carcasses behind when life is extinct; so does the mineral, only at longer intervals, as its rocky body is more lasting. It dies at the end of every *Manvantaric* cycle, or at the close of one "Round," as you would call it. It is explained in the letter I am preparing for you. (d) Every molecule is part of the Universal life. Man's soul (his fourth and fifth principles) is but a compound of the progressive entities of the lower kingdoms. The superabundance or preponderance of one over another compound will often determine the instincts or passions of a man, unless these are checked by the soothing and spiritualising influence of his sixth principle.

phải thực hành trực giác của riêng mình trong đó. Như vậy, Bạn cũng có thể trực giác được một số chân lý ngay cả về các thuộc tính của chúng. Tôi sẵn lòng giúp Bạn hơn là chỉ muốn, nhưng mọi thứ phải được tiết lộ dần dần. (c) Bằng thẩm thấu huyền bí. Thực vật và động vật để lại xác của chúng khi sự sống đã tắt; khoáng chất cũng vậy, chỉ là trong khoảng thời gian dài hơn, vì thể đá của nó bền hơn. Nó chết vào cuối mỗi chu kỳ Manvantara, hoặc khi kết thúc một "Cuộc Tuần Hoàn", như Bạn gọi. Nó được giải thích trong lá thư tôi đang chuẩn bị cho Ông. (d) Mọi phân tử là một phần của sự sống Vũ Trụ. Linh hồn của con người (nguyên lý thứ tư và thứ năm của y) chỉ là một hợp chất của các thực thể tiến hóa của các giới thấp hơn. Sự dư thừa hoặc ưu thế của hợp chất này so với hợp chất khác thường sẽ xác định bản năng hoặc đam mê của một người, trừ khi những điều này được kiểm soát bởi ảnh hưởng xoa dịu và tinh thần của nguyên lý thứ sáu của y.

Question—4. Please note, we call the grand cycle that the monad has performed in the mineral kingdom, a "Round," which we understand to contain thirteen stations, or objective, more or less material worlds; at each of these stations it performs a "world-ring" [Now termed a 'world-period'.] which includes seven immetalisations, one in each of the seven classes of that kingdom. Is this accepted for nomenclature and correct?

Câu hỏi—4. Xin lưu ý, chúng ta gọi chu kỳ vĩ đại mà chân thần đã thực hiện trong giới kim thạch là một "Cuộc Tuần Hoàn", mà chúng ta hiểu là chứa mười ba trạm, hoặc các thế giới khách quan, ít nhiều vật chất; tại mỗi trạm này, nó thực hiện một "vòng thế giới" [Bây giờ được gọi là 'thế giới-giai đoạn'.] bao gồm bảy immetalisations, một trong mỗi bảy lớp của giới đó. Điều này có được chấp nhận cho danh pháp và chính xác không?

Answer—I believe it will lead to further confusion. A *Round* we are agreed to call the passage of the monad from globe A to globe Z (or G) through the encasement in all and each of the four kingdoms, *viz.,* as a mineral, a vegetable, an animal and a man or the Deva kingdom. The "world-ring" [Now termed a 'world-period'.] is correct,—advised Mr. Sinnett strongly to agree upon a nomenclature before going any further. A few

Trả lời—Tôi tin rằng nó sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn hơn nữa. Một Cuộc Tuần Hoàn mà chúng ta đã đồng ý gọi là sự di chuyển của chân thần từ địa cầu A đến địa cầu Z (hoặc G) thông qua việc bao bọc trong tất cả và mỗi giới trong bốn giới, cụ thể là, như một khoáng chất, một thực vật, một động vật và một con người hoặc giới Deva. "Vòng thế giới" [Bây giờ được gọi là 'thế giới-giai đoạn'.] là chính xác,—Ông Sinnett khuyên mạnh mẽ nên thống nhất về một danh

stray facts were given to you *par contrebande* and on the smuggling principle hitherto. But now since you are really and seriously determined to study and utilise our philosophy, it is time we should begin to work seriously. Because we are constrained to deny to our friends an insight into the higher Mathematics, it is no reason why we should refuse to teach them Arithmetic. The monad performs not only "world rings," or seven major immetalisations, inherbations, zoonations (?) and incarnations, but an infinitude of sub-rings, or subordinate whirls, all in series of sevens. As the geologist divides the crust of the earth into great divisions, subdivisions, minor compartments and zones, and the botanist his plants into orders, classes and species, and the zoologist his subjects into classes, orders and families; so we have our arbitrary classifications and our nomenclature. But besides all this being incomprehensible to you, volumes upon volumes out of the books of *Kiu-te*[See Secret Doctrine, III, 405, for reference to this archaic work.] and others would have to be written. Their commentaries are worse still. They are filled with the most abstruse mathematical calculations, the keys to most of which are in the hands of our highest adepts only; showing as they do the infinitude of the phenomenal manifestations in the side projections of the *one* force, they are again secret, therefore I doubt whether I will be allowed to give you for the present anything beyond the mere unitary or root idea; anyhow I will do my best.

pháp trước khi tiến xa hơn. Một vài sự kiện lạc lõng đã được đưa cho Bạn par contrebande và theo nguyên tắc buôn lậu cho đến nay. Nhưng bây giờ vì Bạn thực sự và nghiêm túc quyết tâm nghiên cứu và sử dụng triết lý của chúng ta, đã đến lúc chúng ta nên bắt đầu làm việc nghiêm túc. Bởi vì chúng ta buộc phải từ chối bạn bè của mình cái nhìn sâu sắc về Toán học cao cấp, không có lý do gì chúng ta từ chối dạy họ Số học. Chân thần không chỉ thực hiện "vòng thế giới", hoặc bảy immetalisations, inherbations, zoonations (?) và các hóa thân chính, mà còn vô số vòng phụ, hoặc các vòng xoáy phụ, tất cả đều theo chuỗi bảy. Như nhà địa chất học chia lớp vỏ trái đất thành các bộ phận lớn, bộ phận nhỏ, ngăn nhỏ và vùng, và nhà thực vật học chia thực vật của mình thành các bộ, lớp và loài, và nhà động vật học chia các đối tượng của mình thành các lớp, bộ và họ; vì vậy chúng ta có các phân loại tùy ý và danh pháp của mình. Nhưng bên cạnh tất cả những điều này là không thể hiểu được đối với Ông, hàng loạt tập từ sách của Kiu-te[Xem Giáo Lý Bí Mật, III, 405, để tham khảo tác phẩm cổ xưa này.] và những người khác sẽ phải được viết ra. Các bình luận của họ thậm chí còn tồi tệ hơn. Chúng chứa đầy những tính toán toán học khó hiểu nhất, chìa khóa cho hầu hết trong số đó chỉ nằm trong tay các chân sư cao cấp nhất của chúng ta; cho thấy như chúng làm vô số các biểu hiện hiện tượng trong các phép chiếu bên của một mãnh lực, chúng lại là bí mật, do đó tôi nghi ngờ liệu tôi có được phép cho Bạn bất cứ điều gì ngoài ý tưởng đơn vị hoặc gốc rễ đơn thuần hay không; dù sao thì tôi sẽ cố gắng hết sức.

Question— 5. We understand that in each of your other kingdoms, a monad similarly performs a complete Round, in each Round stopping in each of the thirteen stations and there performing in each a world ring of seven lives, one in each of the seven classes into which each of the six said kingdoms are

Câu hỏi—5. Chúng ta hiểu rằng trong mỗi giới khác của Ông, một chân thần cũng thực hiện một Cuộc Tuần Hoàn hoàn chỉnh, trong mỗi Cuộc Tuần Hoàn dừng lại ở mỗi trong số mười ba trạm và ở đó thực hiện trong mỗi một vòng thế giới gồm bảy kiếp, một trong mỗi bảy lớp mà mỗi trong số sáu giới nói trên được chia.

divided. Is this correct, and if so will you give us the seven classes of these six kingdoms?

Answer—If by kingdoms the seven kingdoms or reigns of the earth are meant—and I do not see how it can mean anything else—then the query is answered in my reply to your Question—2. And if so, then the five out of the seven are already enumerated. The first two are related, as well as the third, to the evolution of the elementals and of the inner kingdom.

Question— 6. If we are right, then the total existences prior to the man period is 637. Is this correct? Or are there seven existences in each class of each kingdom, 4,459? Or what the total numbers and how divided? One point more; in these lower kingdoms, is the number of lives, so to speak, invariable or does it vary, and if so how, why and within what limits?

Answer—Not being permitted to give you the whole truth or divulge the number of isolated fractions, I am unable to satisfy you, by giving the total number. Rest assured, my dear Brother, that to one who does not seek to become a practical occultist these numbers are immaterial. Even our high chelas are refused these particulars till the moment of initiation into Adeptship. These figures as I have already said are so interwoven with the profoundest psychological mysteries, that to divulge the key to such figures would be to put the rod of power within the reach of all the clever men who would read your book. All that I can tell you is that within the Solar Manvantara the number of existences or vital activities of the monad is fixed, but there are local variations in number, in minor systems and individual world rounds and world rings according to circumstances. And in this connection remember also that human

Điều này có đúng không, và nếu vậy, Bạn sẽ cho chúng ta bảy lớp của sáu giới này chứ?

Trả lời—Nếu theo các giới có nghĩa là bảy giới hoặc triều đại của trái đất—và tôi không thấy nó có thể có nghĩa là bất cứ điều gì khác—thì câu hỏi được trả lời trong câu trả lời của tôi cho **Câu hỏi**—2 của Ông. Và nếu vậy, thì năm trong số bảy đã được liệt kê. Hai điều đầu tiên có liên quan, cũng như điều thứ ba, đến sự tiến hóa của các hành khí và của giới bên trong.

Câu hỏi—6. Nếu chúng ta đúng, thì tổng số tồn tại trước thời kỳ con người là 637. Điều này có đúng không? Hay có bảy sự tồn tại trong mỗi lớp của mỗi giới, 4.459? Hoặc tổng số là bao nhiêu và được chia như thế nào? Thêm một điểm nữa; trong các giới thấp hơn này, số lượng kiếp, có thể nói như vậy, là bất biến hay nó thay đổi, và nếu vậy thì như thế nào, tại sao và trong giới hạn nào?

Trả lời—Không được phép cho Bạn toàn bộ sự thật hoặc tiết lộ số lượng các phân số riêng lẻ, tôi không thể làm Bạn hài lòng, bằng cách đưa ra tổng số. Hãy yên tâm, Huynh Đệ thân mến của tôi, rằng đối với một người không tìm cách trở thành một nhà huyền bí học thực hành, những con số này là không quan trọng. Ngay cả các đệ tử cao cấp của chúng ta cũng bị từ chối những chi tiết này cho đến thời điểm điểm đạo vào Địa vị Chân sư. Những con số này như tôi đã nói là đan xen với những bí ẩn tâm lý sâu sắc nhất, đến nỗi việc tiết lộ chìa khóa cho những con số như vậy sẽ là đưa cây trượng quyền lực trong tầm tay của tất cả những người thông minh, những người sẽ đọc cuốn sách của Ông. Tất cả những gì tôi có thể nói với Bạn là trong Manvantara Thái Dương, số lượng tồn tại hoặc các hoạt động sinh mệnh của chân thần là cố định, nhưng có những biến thể cục bộ về số lượng, trong các hệ thống nhỏ và các cuộc tuần hoàn thế giới và vòng thế giới riêng

personalities are often *blotted out,* while the entities, whether single or compound, complete all the minor and major cycles of necessity under whatsoever form.

lẻ tùy theo hoàn cảnh. Và trong mối liên hệ này, cũng hãy nhớ rằng các phàm ngã của con người thường bị xóa bỏ, trong khi các thực thể, dù đơn lẻ hay hợp chất, hoàn thành tất cả các chu kỳ nhỏ và lớn của sự cần thiết dưới bất kỳ hình thức nào.

Question— 7. So far we hope we are tolerably correct but when we come to man we have got muddled.

Câu hỏi—7. Cho đến nay, chúng ta hy vọng là khá chính xác, nhưng khi chúng ta đến với con người, chúng ta đã bị rối tung.

Answer—And no wonder, since you were not given the correct information.

Trả lời—Và không có gì ngạc nhiên, vì Bạn không được cung cấp thông tin chính xác.

(a) Does the monad as man (ape-man and upwards) make one or seven Rounds as above defined? We gather the latter.

(a) Chân thần với tư cách là con người (người vượn và trở lên) thực hiện một hay bảy Cuộc Tuần Hoàn như được định nghĩa ở trên? Chúng ta thu thập được điều sau.

(a) As a man-ape he performs just as many Rounds and rings as every other race or class, *i.e.,* he performs one Round, and in every planet from A to Z has to go through seven chief races of ape-like man, as many sub-races, etc. (See Supplemental Notes) as the above described race.

(a) Với tư cách là một người vượn, y thực hiện đúng số lượng Cuộc Tuần Hoàn và vòng tròn như mọi chủng tộc hoặc lớp khác, tức là, y thực hiện một Cuộc Tuần Hoàn, và trong mọi hành tinh từ A đến Z phải trải qua bảy chủng tộc chính của người vượn, nhiều chủng tộc phụ, v.v. (Xem Ghi chú Bổ sung) như chủng tộc được mô tả ở trên.

(b) In each Round does this world circle consist of seven lives in seven races (49) or only seven lives in one race? We are not certain how you use the word race, whether there is only one race in each station of each Round, i.e. one race to each world circle, or whether there are seven races (with their seven branchlets and a life in each), in either case in each world circle. Nay, from your use of the words, "and through each of these man has to evolve before he passes on to the next higher race and that seven times," we are not sure that there are not seen lives in each branchlet as you call it, sub-race we will, if you like, say. So now there may be seven Rounds, each with seven races, each with seven sub-races, each with seven incarnations

(b) Trong mỗi Cuộc Tuần Hoàn, vòng tròn thế giới này bao gồm bảy kiếp trong bảy chủng tộc (49) hay chỉ bảy kiếp trong một chủng tộc? Chúng ta không chắc Bạn sử dụng từ chủng tộc như thế nào, liệu chỉ có một chủng tộc trong mỗi trạm của mỗi Cuộc Tuần Hoàn, tức là một chủng tộc cho mỗi vòng tròn thế giới, hay có bảy chủng tộc (với bảy nhánh nhỏ của chúng và một kiếp trong mỗi nhánh), trong cả hai trường hợp trong mỗi vòng tròn thế giới. Thậm chí, từ cách Bạn sử dụng các từ, "và qua mỗi người này phải tiến hóa trước khi y chuyển sang chủng tộc cao hơn tiếp theo và điều đó bảy lần," chúng ta không chắc rằng không thấy kiếp sống trong mỗi nhánh nhỏ như Bạn gọi, chủng tộc phụ chúng ta sẽ, nếu Bạn thích, nói. Vì vậy, bây giờ có thể có bảy

13x7x7x7x7=31,313 lines, or one Round with seven races and seven sub-races and a life in each = 13x7x7 = 637 lives or 4,459 lives. Please set us right here, stating the normal number of lives (the exact numbers will vary owing to idiots and children as not counting) and how divided.

Cuộc Tuần Hoàn, mỗi Cuộc Tuần Hoàn có bảy chủng tộc, mỗi chủng tộc có bảy chủng tộc phụ, mỗi chủng tộc có bảy hóa thân 13x7x7x7x7=31.313 dòng, hoặc một Cuộc Tuần Hoàn có bảy chủng tộc và bảy chủng tộc phụ và một kiếp trong mỗi = 13x7x7 = 637 kiếp hoặc 4.459 kiếp. Xin hãy sửa cho chúng ta ở đây, nêu rõ số lượng kiếp bình thường (số lượng chính xác sẽ khác nhau do những người ngớ ngẩn và trẻ em không được tính) và cách chia.

(b) As the above described race, *i.e.,* at each planet—our earth included—he has to perform seven rings through seven races (one in each) and 7x7 offshoots. There are seven root-races and seven sub-races or offshoots. Our doctrine treats anthropology as an absurd empty dream of the religionists, and confines itself to ethnology. It is possible that my nomenclature is faulty; you are at liberty in such a case to change it. What I call race you will perhaps term "stock," though sub-race expresses better what we mean than the word family or division of the *genus homo*. However, to set you right so far I will say: one life in each of the seven root-races, seven lives in each of the 49 sub-races, or 7x7x7=343, and add seven more. And then a series of lives in offshoot and branchlet races, making the total incarnations of man in each station or planet 777. The principle of acceleration and retardation applies itself in such a way as to eliminate all the inferior stocks and leave but a single superior one to make the last ring—not much to divide over some millions of years that man passes on one planet. Let us take but one million of years—suspected and now accepted by your science—to represent man's entire term upon earth in this Round, and allowing an average of a century for each life, we find that whereas he has passed in all his lives upon our planet (in this Round) but 77,700 years, he has been in the subjective

(b) Như chủng tộc được mô tả ở trên, tức là, tại mỗi hành tinh—bao gồm cả trái đất của chúng ta—y phải thực hiện bảy vòng tròn qua bảy chủng tộc (một trong mỗi) và 7x7 nhánh. Có bảy chủng tộc gốc và bảy chủng tộc phụ hoặc nhánh. Giáo lý của chúng ta coi nhân chủng học là một giấc mơ trống rỗng vô lý của những người theo đạo, và giới hạn bản thân trong dân tộc học. Có thể danh pháp của tôi bị lỗi; Bạn được tự do trong trường hợp đó để thay đổi nó. Những gì tôi gọi là chủng tộc, Bạn có lẽ sẽ gọi là "dòng dõi", mặc dù chủng tộc phụ diễn đạt tốt hơn những gì chúng ta muốn nói hơn là từ gia đình hoặc phân chia của giống homo. Tuy nhiên, để sửa cho Bạn đến nay, tôi sẽ nói: một kiếp trong mỗi bảy chủng tộc gốc, bảy kiếp trong mỗi 49 chủng tộc phụ, hoặc 7x7x7=343, và thêm bảy kiếp nữa. Và sau đó là một loạt các kiếp trong các chủng tộc nhánh và nhánh nhỏ, tạo thành tổng số hóa thân của con người trong mỗi trạm hoặc hành tinh là 777. Nguyên tắc gia tốc và làm chậm áp dụng theo cách loại bỏ tất cả các dòng dõi kém hơn và chỉ để lại một dòng dõi vượt trội duy nhất để tạo ra vòng tròn cuối cùng—không có nhiều để chia trong khoảng vài triệu năm mà con người trải qua trên một hành tinh. Chúng ta hãy lấy chỉ một triệu năm—bị khoa học của Bạn nghi ngờ và hiện được chấp nhận—để đại diện cho toàn bộ thời gian của con người trên trái đất trong Cuộc Tuần Hoàn này, và cho phép trung bình một thế kỷ cho mỗi kiếp, chúng ta thấy rằng

spheres 922,300 years—not much encouragement for the extreme modern reincarnationists who remember their several previous existences! [French Spiritualists of the Allan Kardec school were at this time taught reincarnation by their "guides" and devotees of Spiritualism began to "remember" their past lives as various historical characters, such as Mary Queen of Scots, etc. All the past personalities were considered, by some of these reincarnationists, as still hovering round the personality of this life, and at times manifesting.] Should you indulge in any calculations, do not forget that we have computed above only full average lives of consciousness and responsibility. Nothing has been said as to failures of nature in abortions, congenital idiots, deaths of children in their first septenary cycle, nor of the *exceptions* of which I cannot speak. No less have you to remember that average human life varies greatly according to the Round. If you work out any of the problems by yourself it will be my duty to tell you so. Try to solve the problem of 777 incarnations. [July 9, 1882]

trong khi y đã trải qua trong tất cả các kiếp của mình trên hành tinh của chúng ta (trong Cuộc Tuần Hoàn này) chỉ 77.700 năm, y đã ở trong các cõi chủ quan 922.300 năm—không có nhiều khuyến khích cho những người tái sinh hiện đại cực đoan, những người nhớ nhiều sự tồn tại trước đây của họ! [Những người theo Thuyết Duy Linh của Pháp thuộc trường phái Allan Kardec vào thời điểm này đã được "người hướng dẫn" của họ dạy về sự tái sinh và những người sùng đạo Thuyết Duy Linh bắt đầu "nhớ" những kiếp sống quá khứ của họ với tư cách là những nhân vật lịch sử khác nhau, chẳng hạn như Mary Nữ hoàng xứ Scotland, v.v. Tất cả các phàm ngã quá khứ được coi, bởi một số người tái sinh này, vẫn còn lảng vảng quanh phàm ngã của kiếp này, và đôi khi biểu hiện.] Nếu Bạn thích thú với bất kỳ tính toán nào, đừng quên rằng chúng ta đã tính toán ở trên chỉ những kiếp sống trung bình đầy đủ về ý thức và trách nhiệm. Không có gì được nói về những thất bại của tự nhiên trong các vụ phá thai, những người ngớ ngẩn bẩm sinh, cái chết của trẻ em trong chu kỳ thất phân đầu tiên của chúng, cũng như những ngoại lệ mà tôi không thể nói. Bạn cũng phải nhớ rằng tuổi thọ trung bình của con người thay đổi rất nhiều tùy theo Cuộc Tuần Hoàn. Nếu Bạn tự mình giải quyết bất kỳ vấn đề nào, thì đó sẽ là nhiệm vụ của tôi để nói với Bạn như vậy. Cố gắng giải quyết vấn đề 777 hóa thân. [Ngày 9 tháng 7 năm 1882]

The Fifth Round has not commenced on our earth, and the races and sub-races of one Round must not be confounded with those of another. The Fifth Round of mankind may be said to have commenced when there shall not be left on the planet which preceded ours a single man of that Round, and on our earth not one of the Fourth Round. You should know also that the usual Fifth Round men (very few and scarce they are) who come in upon us as

Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm vẫn chưa bắt đầu trên Trái Đất của chúng ta, và các chủng tộc và á chủng của một Cuộc Tuần Hoàn không được lẫn lộn với các chủng tộc và á chủng của một Cuộc Tuần Hoàn khác. Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm của nhân loại có thể được cho là đã bắt đầu khi không còn một người nào của Cuộc Tuần Hoàn đó trên hành tinh đi trước hành tinh của chúng ta, và trên Trái Đất của chúng ta không còn một ai của Cuộc Tuần Hoàn Thứ

avant-couriers, do not beget on earth Fifth Round progeny. Plato and Confucius were Fifth Round men and our Lord [The Lord Buddha**]** a Sixth Round man (though his avatar is a mystery) and not even his son [Prince Rahula] was anything but a Fourth Round man. Our mystic terms in their clumsy re-translation from the Sanskrit into English are as confusing to us as to you; unless in writing to you one of us takes his pen *as an Adept* and uses it from the first word to the last in this capacity, he is quite as liable to slips as any other man. We are not in the Fifth Round, but Fifth Round men have been coming in for the last few thousand years. But what is such a petty stretch of time in comparison with even one million of the several millions of years embraces in man's occupancy of earth!

Tư. Bạn cũng nên biết rằng những người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm thông thường (rất ít và hiếm hoi) đến với chúng ta như những người tiên phong, không sinh ra dòng dõi Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm trên Trái Đất. Plato và Khổng Tử là những người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm và Đức Chúa [Đức Phật] là một người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Sáu (mặc dù hóa thân của Ngài là một điều bí ẩn) và ngay cả con trai của Ngài [Hoàng tử Rahula] cũng chỉ là một người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư. Các thuật ngữ huyền bí của chúng ta trong bản dịch vụng về từ tiếng Phạn sang tiếng Anh cũng gây khó hiểu cho chúng ta như đối với bạn; trừ khi khi viết cho bạn, một trong số chúng ta cầm bút như một Chân sư và sử dụng nó từ chữ đầu tiên đến chữ cuối cùng với tư cách này, y cũng dễ mắc sai sót như bất kỳ người nào khác. Chúng ta không ở trong Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm, nhưng những người của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Năm đã đến trong vài nghìn năm qua. Nhưng một khoảng thời gian nhỏ bé như vậy là gì so với thậm chí một triệu trong số hàng triệu năm mà con người chiếm giữ Trái Đất!

Question— *Is the sun (a) as Allen Kardec* [The leader of a school of Spiritualists in France who taught reincarnation. Allan Kardec was a nom de plume, his real name being L.H.D. Rivail**]** *says a habitation of highly spiritualised beings; (b) is it the vertex of our Manvantaric chain, and of all the other chains in this solar system also?*

Câu hỏi— Mặt trời (a) có phải là nơi ở của những chúng sinh có tâm thức tinh thần cao độ như Allen Kardec [Người đứng đầu một trường phái Thần Linh Học ở Pháp, người dạy về luân hồi. Allan Kardec là một bút danh, tên thật của Bạn là L.H.D. Rivail] nói; (b) nó có phải là đỉnh của Dãy Manvantara của chúng ta, và của tất cả các dãy khác trong hệ mặt trời này không?

Answer—(a) Most decidedly not. Not even a Dhyan Chohan of the lower orders could approach it without having his *body* consumed or rather annihilated. Only the highest Planetary can scan it. (b) Not unless we call it the vertex of an angle. But it is the vertex of all the chains collectively. All of us, dwellers of the chains, we will have to evolve,

Trả lời—(a) Chắc chắn là không. Ngay cả một Dhyan Chohan thuộc cấp thấp hơn cũng không thể tiếp cận nó mà không bị tiêu diệt thể xác, hay đúng hơn là bị hủy diệt. Chỉ có Hành Tinh Thượng đế cao nhất mới có thể xem xét nó. (b) Không, trừ khi chúng ta gọi nó là đỉnh của một góc. Nhưng nó là đỉnh của tất cả các dãy hợp lại. Tất cả chúng ta, những cư dân của

live and run up and down the scales in that highest and last of the septenary chains (on the scale of perfection) before the solar pralaya snuffs out our little system.

các dãy, sẽ phải tiến hóa, sống và chạy lên xuống các thang điểm trong dãy cao nhất và cuối cùng của các dãy thất phân (trên thang điểm hoàn hảo) trước khi pralaya thái dương dập tắt hệ thống nhỏ bé của chúng ta.

Question— Obscurations are a subject at present wrapped in obscurity. They take place after the last man of any given Round has passed on to the next planet. But I want to make out how the next superior Round forms are evolved. When the fifth Round spiritual monads arrive, what fleshly habitations are ready for them? Going back to the only former letter in which you have dealt with obscurations, I find (a) we have traced man out of a Round into the Nirvanic state between Z and A. A was left in the last Round dead. As the new Round begins, it catches the new influx of life, reawakens to vitality, and begets all its kingdoms of a superior order to the last.

Câu hỏi— Sự che khuất là một chủ đề hiện đang được bao phủ trong bóng tối. Chúng diễn ra sau khi người cuối cùng của bất kỳ Cuộc Tuần Hoàn nào đã chuyển sang hành tinh tiếp theo. Nhưng tôi muốn tìm hiểu xem các hình tướng Cuộc Tuần Hoàn cao cấp tiếp theo được tiến hóa như thế nào. Khi các chân thần tinh thần của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm đến, những nơi ở xác thịt nào đã sẵn sàng cho Các Ngài? Quay trở lại lá thư trước đây duy nhất mà Ngài đã đề cập đến sự che khuất, tôi thấy (a) chúng ta đã truy tìm con người ra khỏi một Cuộc Tuần Hoàn vào trạng thái Niết Bàn giữa Z và A. A đã bị bỏ lại trong Cuộc Tuần Hoàn cuối cùng đã chết. Khi Cuộc Tuần Hoàn mới bắt đầu, nó bắt được dòng chảy sự sống mới, thức tỉnh trở lại sức sống và sinh ra tất cả các giới của nó theo một trật tự cao hơn so với lần trước.

Answer—Take into consideration the following facts and put them together if you can:—(1) The individual units of mankind remain a hundred times longer in the transitory spheres of *effects* than on the globes; (2) the few men of the fifth Round do not beget children of the fifth, but of your fourth Round; (3) that the obscurations are not *pralayas,* and that they last in a proportion of one to ten, *i.e.,* if a ring or whatever we call it—the period during which the seven Root-races have to develop and reach their last appearance upon a globe during *that* Round—lasts, say ten millions of years (of course it last far longer) then the obscuration will last no longer than *one* million. When our globe, having got rid of its last fourth Round men and a few, very few, of the fifth, goes to sleep,

Trả lời—Hãy xem xét các sự kiện sau và ghép chúng lại với nhau nếu bạn có thể:—(1) Các đơn vị cá nhân của nhân loại ở lại trong các cõi hiệu ứng phù du lâu hơn gấp trăm lần so với trên các bầu hành tinh; (2) số ít người của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm không sinh ra con cái của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, mà là của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư của bạn; (3) rằng sự che khuất không phải là pralayas, và chúng kéo dài theo tỷ lệ một trên mười, tức là, nếu một vòng hoặc bất cứ điều gì chúng ta gọi nó—giai đoạn mà trong đó bảy Giống dân Gốc phải phát triển và đạt đến sự xuất hiện cuối cùng của chúng trên một bầu hành tinh trong Cuộc Tuần Hoàn đó—kéo dài, giả sử mười triệu năm (tất nhiên là nó kéo dài hơn nhiều) thì sự che khuất sẽ kéo dài không quá một triệu năm. Khi bầu hành tinh của chúng ta, sau khi loại bỏ những người

during the periods of rest the fifth Round men will be resting in their Devachanic and spiritual lokas—far longer at any rate than the fourth Round "angels" in theirs, since they are far more perfect.

cuối cùng của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư và một số ít, rất ít, của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, đi ngủ, trong thời gian nghỉ ngơi, những người của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm sẽ nghỉ ngơi trong Devachanic và lokas tinh thần của họ—dù sao thì cũng lâu hơn nhiều so với "các thiên thần" của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư trong lokas của họ, vì Các Ngài hoàn hảo hơn nhiều.

Question— I want to make out how the next superior Round forms are evolved.

Câu hỏi— Tôi muốn tìm hiểu xem các hình tướng Cuộc Tuần Hoàn cao cấp tiếp theo được tiến hóa như thế nào.

Answer—My friend, try to understand that you are putting me questions pertaining to the highest Initiations; that I can give you a general view, but that I dare not nor will I enter upon details, though I would if I could satisfy you. Do not feel that it is one of the *highest mysteries*, than which there is no higher one?

Trả lời—Bạn của tôi, hãy cố gắng hiểu rằng bạn đang đặt cho tôi những câu hỏi liên quan đến các Cuộc Điểm Đạo cao nhất; rằng tôi có thể cho bạn một cái nhìn tổng quan, nhưng tôi không dám cũng như sẽ không đi vào chi tiết, mặc dù tôi sẽ làm nếu tôi có thể làm bạn hài lòng. Đừng cảm thấy rằng đó là một trong những bí ẩn cao nhất, mà không có bí ẩn nào cao hơn thế?

Question— But has it to begin at the beginning again between each Round and evolve human forms from animal, these last from vegetable, etc.? If so to what Round do the first imperfectly evolved man belong? Ex hypothesi to the fifth, but the fifth Round should be a more perfect race in all respects.

Câu hỏi— Nhưng nó có phải bắt đầu lại từ đầu giữa mỗi Cuộc Tuần Hoàn và tiến hóa các hình tướng con người từ động vật, những hình tướng sau này từ thực vật, v.v.? Nếu vậy thì người đầu tiên tiến hóa không hoàn hảo thuộc về Cuộc Tuần Hoàn nào? Theo giả thuyết thì thuộc về Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, nhưng Cuộc Tuần Hoàn thứ năm phải là một chủng tộc hoàn hảo hơn về mọi mặt.

Answer—Of course not, since it is *not* destroyed, but remains crystallised—so to say, *in statu quo*. At each Round there are fewer and fewer animals—the latter themselves evoluting into higher forms. During the first Round it is they that were the "Kings of Creation". During the seventh Round, men will have become *gods*, and animals intelligent beings. Draw your inferences. Beginning with the second Round, already evolution proceeds on quite a different plan. Everything is

Trả lời—Tất nhiên là không, vì nó không bị phá hủy, mà vẫn kết tinh—có thể nói như vậy, ở trạng thái nguyên trạng. Ở mỗi Cuộc Tuần Hoàn, ngày càng có ít động vật hơn—bản thân những động vật sau này đang tiến hóa thành các hình tướng cao hơn. Trong Cuộc Tuần Hoàn đầu tiên, chính chúng là "Vua của Sự Sáng Tạo". Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ bảy, con người sẽ trở thành các vị thần, và động vật trở thành những chúng sinh thông minh. Hãy rút ra những suy luận của bạn. Bắt đầu với

evolved and has but to proceed on its cyclic journey. It is only the first Round that man becomes from a human being on Globe B, a mineral, a plant, an animal on globe C. The method changes entirely from the second Round. But I have learned prudence with you and will say nothing before the time for saying it has come.

Cuộc Tuần Hoàn thứ hai, sự tiến hóa đã tiến hành theo một kế hoạch hoàn toàn khác. Mọi thứ đều được tiến hóa và chỉ cần tiến hành trên hành trình tuần hoàn của nó. Chỉ có Cuộc Tuần Hoàn đầu tiên là con người trở thành từ một con người trên Bầu Hành Tinh B, một khoáng vật, một thực vật, một động vật trên bầu hành tinh C. Phương pháp này thay đổi hoàn toàn từ Cuộc Tuần Hoàn thứ hai. Nhưng tôi đã học được sự thận trọng với bạn và sẽ không nói gì trước khi thời điểm để nói đã đến.

Question— 1. Some fifth Round men have already begun to appear on earth. In what way are they distinguishable from fourth Round men of the seventh earthly incarnation?

Câu hỏi— 1. Một số người của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm đã bắt đầu xuất hiện trên Trái Đất. Họ có thể được phân biệt với những người của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư trong lần hóa thân trần thế thứ bảy như thế nào?

Answer—The natural born seers and clairvoyants of Mrs. A. Kingsford's and Mr. Maitland's [Mrs Anna Bonus Kingsford and Mr. Edward Maitland, authors of The Perfect Way or The Finding of Christ, 1881.] types; the great Adepts of whatsoever country; the geniuses, whether in arts, politics or religious reform. No great physical distinction yet; too early—will come later on.

Trả lời—Những nhà tiên tri và thông nhãn bẩm sinh thuộc loại của Bà A. Kingsford và Bạn Maitland [Bà Anna Bonus Kingsford và Bạn Edward Maitland, tác giả của The Perfect Way or The Finding of Christ, 1881.]; các Chân sư vĩ đại của bất kỳ quốc gia nào; những thiên tài, dù trong nghệ thuật, chính trị hay cải cách tôn giáo. Chưa có sự khác biệt lớn về thể chất; còn quá sớm—sẽ đến sau.

Question— 2. I suppose they are in the first incarnation of the fifth Round and that a tremendous advance will be achieved when the fifth Round people get to their seventh incarnation?

Câu hỏi— 2. Tôi cho rằng Các Ngài đang ở trong lần hóa thân đầu tiên của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm và một bước tiến vượt bậc sẽ đạt được khi những người của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm đến được lần hóa thân thứ bảy của họ?

Answer—Quite so; if you turn to Appendix I, you will find it explained.

Trả lời—Hoàn toàn đúng; nếu bạn chuyển sang Phụ lục I, bạn sẽ thấy nó được giải thích.

Question— 3. But if a first fifth Round man devoted himself to occultism and became an Adept, would he escape further earthly incarnations?

Câu hỏi— 3. Nhưng nếu một người đầu tiên của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm cống hiến hết mình cho huyền bí học và trở thành một Chân sư, y có thoát khỏi những lần hóa thân trần thế tiếp theo không?

Answer—No; if we except Buddha, a sixth

Trả lời—Không; nếu chúng ta loại trừ Đức

Round being, as he had run so successfully the race in his previous incarnations as to outrun even his predecessors. But then such a man is to be found one in a *billion* of human creatures. He differed from other men as much in his physical appearance [i.e., in the nature of the constituents which compose the vehicles of the Lord Buddha, including the physical body, for Buddhist tradition says nothing about any difference of outward appearance. See Secret Doctrine, Vol. III., "The Mystery of Buddha".] as in spirituality and knowledge. Yet even he escaped further reincarnations but on this earth; and when the last of the sixth Round men of the third ring is gone out of this earth, the great Teacher will have to get reincarnated on the next planet. Only and since he sacrificed Nirvanic bliss and rest for the salvation of his fellow creatures, he will be reborn in the highest, the seventh ring of the upper planet. Till then he will *overshadow* every decimillennium (let us rather say and add, has overshadowed already) a chosen individual who generally overturned the destinies of nations (See *Isis*, Vol. I, pp, 34 and 35, last and first paragraphs on the pages.)

Phật, một chúng sinh của Cuộc Tuần Hoàn thứ sáu, vì Ngài đã chạy rất thành công cuộc đua trong những lần hóa thân trước đây của mình đến mức vượt qua cả những người tiền nhiệm của Ngài. Nhưng một người như vậy chỉ có thể tìm thấy một trong một tỷ sinh vật người. Ngài khác với những người khác nhiều về ngoại hình [tức là, về bản chất của các thành phần cấu tạo nên các vận cụ của Đức Phật, bao gồm cả thể xác, vì truyền thống Phật giáo không nói gì về bất kỳ sự khác biệt nào về ngoại hình bên ngoài. Xem Secret Doctrine, Vol. III., "The Mystery of Buddha".] cũng như về tâm thức tinh thần và tri thức. Tuy nhiên, ngay cả Ngài cũng thoát khỏi những lần tái sinh tiếp theo nhưng trên Trái Đất này; và khi người cuối cùng của những người của Cuộc Tuần Hoàn thứ sáu của vòng thứ ba rời khỏi Trái Đất này, Huấn Sư Vĩ Đại sẽ phải tái sinh trên hành tinh tiếp theo. Chỉ và vì Ngài đã hy sinh phúc lạc và sự nghỉ ngơi Niết Bàn để cứu rỗi đồng loại của mình, Ngài sẽ được tái sinh ở vòng cao nhất, vòng thứ bảy của hành tinh phía trên. Cho đến lúc đó, Ngài sẽ phủ bóng lên mỗi thập kỷ (chúng ta hãy nói và thêm vào, đã phủ bóng lên rồi) một cá nhân được chọn, người thường lật đổ vận mệnh của các quốc gia (Xem Isis, Vol. I, trang 34 và 35, đoạn cuối và đoạn đầu tiên trên các trang.)

Question— 4. Is there any essential spiritual difference between a man and a woman, or is sex a mere accident of each birth, the ultimate future of the individual furnishing the same opportunities?

Câu hỏi— 4. Có bất kỳ sự khác biệt tinh thần thiết yếu nào giữa một người đàn Bạn và một người phụ nữ không, hay giới tính chỉ là một tai nạn của mỗi lần sinh, tương lai cuối cùng của cá nhân mang lại những cơ hội giống nhau?

Answer—A mere accident, as you say. Generally a chance work, yet guided by individual Karma—moral aptitudes, characteristics and deeds of the previous birth.

Trả lời—Một tai nạn đơn thuần, như bạn nói. Nói chung là một công việc may rủi, nhưng được hướng dẫn bởi Nghiệp quả cá nhân—năng khiếu đạo đức, đặc điểm và hành vi của lần sinh trước.

Question— 5. The majority of the superior

Câu hỏi— 5. Tôi hiểu rằng phần lớn các tầng

classes of civilised countries on earth now, I understand to be seventh ring people (i.e., of the seventh earthly incarnation) of the fourth Round. The Australian aborigines I understand to be of a low ring? and are the lower and inferior classes of civilised countries, of various rings or the rings just below the seventh? And are all seventh ring people born in the superior classes or may not some be found among the poor?

lớp thượng lưu của các quốc gia văn minh trên Trái Đất hiện nay là những người thuộc vòng thứ bảy (tức là, của lần hóa thân trần thế thứ bảy) của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư. Tôi hiểu rằng thổ dân Úc thuộc một vòng thấp? và các tầng lớp thấp hơn và kém hơn của các quốc gia văn minh, thuộc các vòng khác nhau hay các vòng ngay dưới vòng thứ bảy? Và tất cả những người thuộc vòng thứ bảy có được sinh ra trong các tầng lớp thượng lưu hay không, hay một số người có thể được tìm thấy trong số những người nghèo?

Answer—Not necessarily. Refinement, polishedness, and brilliant education, in *your* sense of these words have very little to do with the course of nature's higher Law. Take a seventh ring African or a fifth ring Mongolian, and you can educate him—if taken from the cradle—and transform him (save his physical appearance) into the most brilliant and accomplished English lord. Yet, he will still remain but an *outwardly* intellectual parrot. (See Appendix No.II.)

Trả lời—Không nhất thiết. Sự tinh tế, bóng bẩy và nền giáo dục xuất sắc, theo nghĩa của bạn về những từ này, có rất ít liên quan đến quá trình của Định luật cao hơn của tự nhiên. Hãy lấy một người châu Phi thuộc vòng thứ bảy hoặc một người Mông Cổ thuộc vòng thứ năm, và bạn có thể giáo dục y—nếu được đưa từ nôi—và biến đổi y (ngoại trừ ngoại hình thể chất của y) thành một lãnh chúa người Anh xuất sắc và thành đạt nhất. Tuy nhiên, y vẫn sẽ chỉ là một con vẹt trí tuệ bên ngoài. (Xem Phụ lục số II.)

Question— 6. The old lady [Madame Blavatsky was often thus affectionately described by her friends.] told me that the bulk of the inhabitants of this country are in some respects less advanced than Europeans through more spiritual. Are they on a lower ring of the same Round, or does the difference refer to some principle of national cycles which have nothing to do with individual progress?

Câu hỏi— 6. Bà cụ [Bà Blavatsky thường được bạn bè mô tả một cách trìu mến như vậy.] nói với tôi rằng phần lớn cư dân của đất nước này về một số mặt kém tiến bộ hơn người châu Âu vì tâm thức tinh thần hơn. Họ có ở một vòng thấp hơn của cùng một Cuộc Tuần Hoàn hay sự khác biệt đề cập đến một nguyên tắc nào đó của các chu kỳ quốc gia không liên quan gì đến sự tiến bộ cá nhân?

Answer—Most of the peoples of India belong to the oldest or the earliest branchlet of the fifth human Race. I have desired M [The Master M., to whom as the Manu of the next Root Race, the Master K.H. often refers questions on races.] to end his letter to you with a short summary of the last scientific

Trả lời—Hầu hết các dân tộc Ấn Độ thuộc về nhánh lâu đời nhất hoặc sớm nhất của Arya nhân loại thứ năm. Tôi đã yêu cầu Chân sư M. [Chân sư M., người mà Chân sư KH thường đề cập đến các câu hỏi về các chủng tộc với tư cách là Manu của Giống dân Gốc tiếp theo.] kết thúc bức thư của Ngài cho bạn bằng một bản

theory of your learned ethnographers and naturalists, to save myself work. Read what he writes and then turn to number Appendix III.

tóm tắt ngắn gọn về lý thuyết khoa học mới nhất của các nhà dân tộc học và nhà tự nhiên học uyên bác của bạn, để tiết kiệm công sức cho tôi. Hãy đọc những gì Ngài viết và sau đó chuyển sang số Phụ lục III.

Appendix I—Phụ lục I

Every spiritual Individuality has a gigantic evolutionary journey to perform, a tremendous gyrating progress to accomplish. First, at the very beginning of the great Manvantaric rotation, from first to last of the man-bearing planets, as on each of them, the monad has to pass through seven successive races of man. From the dumb offshoot of the ape (the latter strongly differentiating from the now known specimens) up to the present *fifth* Race, or rather variety, and through two more races before he has done with this Earth only; and then on to the next higher and higher still. But we will confine our attention but to this one. Each of the seven races send seven ramifying branchlets from the Parent Branch: and through each of these in turn man *has* to evolve before he passes on to the next higher race; and that *seven times*. Well may you open wide your eyes, good friend and feel puzzled it is so.

Mỗi Cá Tính tinh thần có một hành trình tiến hóa khổng lồ để thực hiện, một tiến trình quay vòng to lớn để hoàn thành. Đầu tiên, ngay từ đầu vòng quay Manvantara vĩ đại, từ đầu đến cuối của các hành tinh mang con người, như trên mỗi hành tinh trong số đó, chân thần phải trải qua bảy chủng tộc người liên tiếp. Từ nhánh câm của loài vượn (loài sau này khác biệt mạnh mẽ so với các mẫu vật hiện được biết đến) cho đến Arya nhân loại thứ năm hiện tại, hay đúng hơn là giống loài, và qua hai chủng tộc nữa trước khi y hoàn thành xong Trái Đất này; và sau đó đến hành tinh cao hơn và cao hơn nữa tiếp theo. Nhưng chúng ta sẽ giới hạn sự chú ý của mình vào chỉ một hành tinh này. Mỗi một trong bảy chủng tộc gửi bảy nhánh phân nhánh từ Nhánh Chính: và qua mỗi nhánh này đến lượt mình, con người phải tiến hóa trước khi y chuyển sang chủng tộc cao hơn tiếp theo; và điều đó bảy lần. Bạn có thể mở to mắt, bạn tốt bụng và cảm thấy bối rối vì nó là như vậy.

The branchlets typify varying specimens of humanity—physically and spiritually—and no one of us can miss one single rung of the ladder. Please bear in mind, that when I say "man," I mean a human being of our type. There are other and innumerable Manvantaric chains of globes bearing intelligent beings—both in and out of our solar system—the crowns or apexes of evolutionary and intellectually lower, others immeasurably higher than the man of our chain. But beyond

Các nhánh tượng trưng cho các mẫu vật khác nhau của nhân loại—về thể chất và tinh thần—và không ai trong chúng ta có thể bỏ lỡ một bậc thang nào của chiếc thang. Xin hãy nhớ rằng, khi tôi nói "con người", tôi có nghĩa là một con người thuộc loại của chúng ta. Có những dãy Manvantara khác và vô số các dãy Manvantara của các bầu hành tinh mang những chúng sinh thông minh—cả trong và ngoài hệ mặt trời của chúng ta—các đỉnh cao hay đỉnh của sự tiến hóa và trí tuệ thấp hơn,

mentioning them we will not speak of them at present. Through every race then, man has to pass making seven successive entrances and exits and developing intellect to degrees from the lowest to the highest in succession.

những đỉnh cao khác cao hơn vô cùng so với con người của dãy của chúng ta. Nhưng ngoài việc đề cập đến chúng, chúng ta sẽ không nói về chúng vào lúc này. Sau đó, qua mọi chủng tộc, con người phải trải qua việc thực hiện bảy lần nhập và xuất liên tiếp và phát triển trí tuệ đến các mức độ từ thấp nhất đến cao nhất một cách liên tục.

In short, his earth cycle with its rings and sub-rings is the exact counterpart of the great cycle—only in miniature. Bear in mind again that the intervals even between these special "race-reincarnations" are enormous, as even the dullest of the African Bushmen has to reap the reward of his Karma, equally with his brother Bushmen who may be six times more intelligent.

Tóm lại, chu kỳ Trái Đất của y với các vòng và vòng phụ của nó là bản sao chính xác của chu kỳ vĩ đại—chỉ là thu nhỏ. Hãy nhớ lại rằng ngay cả khoảng thời gian giữa những "tái sinh chủng tộc" đặc biệt này là rất lớn, vì ngay cả người Bushmen châu Phi đần độn nhất cũng phải gặt hái phần thưởng Nghiệp quả của mình, giống như người anh em Bushmen của y, người có thể thông minh hơn gấp sáu lần.

Your ethnographers and the anthropologists would do well to ever keep in their minds this unvarying septenary law which runs throughout the works of nature. From Cuvier —the late Grand Master of Bible theology— whose Bible-stuffed brain made him divide mankind into but three distinct varieties of races, down to Blumenbach who divided them into five, they were all wrong. Alone Pritchard who prophetically suggested seven comes near the right mark. I read in the *Pioneer* of June 12, forwarded to me by H.P.B., a letter on the *Ape Theory* by A. P. W. which contains a most excellent exposition of the Darwinian hypothesis. The last paragraph, p.6, Col 1. would be regarded—barring a few errors—as a *revelation* in a millennium or so, were it to be preserved. Reading the nine lines from line 21 (counting from the bottom) you have a *fact* of which few naturalists are yet prepared to accept the proof [The following is the extract from the Pioneer of June 12, 1882, I have put the nine lines referred to in boldface: Darwin never maintained man's descent from the ape. He held that man was descended "from an

Các nhà dân tộc học và nhân chủng học của bạn nên luôn ghi nhớ quy luật thất phân bất biến này, vốn chi phối các công trình của tự nhiên. Từ Cuvier—Huấn Sư Vĩ Đại quá cố của thần học Kinh Thánh—người có bộ não nhồi nhét Kinh Thánh khiến Bạn ta chia nhân loại thành ba chủng tộc khác biệt, cho đến Blumenbach, người chia họ thành năm, tất cả đều sai. Chỉ có Pritchard, người đã tiên tri đề xuất bảy, là gần đúng. Tôi đọc trên tờ Pioneer ngày 12 tháng 6, do Bà HPB gửi cho tôi, một lá thư về Thuyết Vượn của A. P. W., trong đó có một trình bày xuất sắc nhất về giả thuyết Darwin. Đoạn cuối cùng, tr.6, Cột 1. sẽ được coi —ngoại trừ một vài lỗi—như một sự mặc khải trong khoảng một thiên niên kỷ nữa, nếu nó được bảo tồn. Đọc chín dòng từ dòng 21 (tính từ dưới lên), bạn có một sự thật mà ít nhà tự nhiên học nào sẵn sàng chấp nhận bằng chứng [Sau đây là đoạn trích từ Pioneer ngày 12 tháng 6 năm 1882, tôi đã in đậm chín dòng được đề cập: Darwin chưa bao giờ khẳng định con người có nguồn gốc từ vượn. Bạn cho rằng con người có nguồn gốc "từ một loài động vật giống vượn."; trong đó vượn cũng là một

ape-like animal."; of which the ape, too, is a branch. In other words, man and ape have a common origin. But it does not follow that the ape will ever develop into man. The differentiation commenced at some remote period; and as time rolls on the gulf between them will widen indefinitely. Darwin illustrated the doctrine of evolution by a genealogical tree, in which the trunk or base represents a common and collective origin; its branches and branchlets, developments and differentiations. The trunk constantly ascending and sending out branches in every direction, and these in turn ramifying branchlets, typifies varying forms of life widely removed from each other in character and time, such that, if contrasted without reference to the base of origin, would be pronounced distinct and specific creations, instead of mere evolutions. ***Man, as occupying the Kingship of creation, is as a branchlet forming the pinnacle of the tree. But he must ultimately prove only a side branch, and be superseded and topped in turn by superior races of beings developed from him, and as much and more unlike him than he is unlike the ape-like animal from which he is undoubtedly descended —for the tree continues its growth and the end is not yet.*** The branches and branchlets that have ceased to grow are the arrested forms of life doomed to eventual decay in the "struggle for existence". Those that show decay, indicate forms that cannot exist under "altered conditions of life," while those that have perished point to the extinction of many forms whose fossils are entombed in the earth's strata. "The survival of the fittest" under prevailing conditions, whatever they may be, is the universal law.] The fifth, sixth and seventh races of the fifth Round—each succeeding race evolving with and keeping pace, so to say, with the "great cycle" Rounds —and the fifth Race of the fifth Round, having to exhibit a perceptible physical and

nhánh. Nói cách khác, con người và vượn có chung một nguồn gốc. Nhưng không có nghĩa là vượn sẽ phát triển thành người. Sự phân hóa bắt đầu từ một thời kỳ xa xôi nào đó; và khi thời gian trôi qua, vực thẳm giữa chúng sẽ mở rộng vô thời hạn. Darwin minh họa học thuyết tiến hóa bằng một cây phả hệ, trong đó thân cây hoặc gốc cây đại diện cho một nguồn gốc chung và tập thể; các nhánh và nhánh con của nó, sự phát triển và phân hóa. Thân cây liên tục đi lên và phát ra các nhánh theo mọi hướng, và những nhánh này đến lượt mình phân nhánh con, tượng trưng cho các dạng sống khác nhau cách xa nhau về tính chất và thời gian, đến mức nếu đối chiếu mà không tham khảo gốc của nguồn gốc, sẽ được coi là những sáng tạo riêng biệt và cụ thể, thay vì chỉ là sự tiến hóa. **Con người, với tư cách là người chiếm giữ Vương quyền của sự sáng tạo, giống như một nhánh con tạo thành đỉnh của cây. Nhưng cuối cùng y phải chứng tỏ chỉ là một nhánh bên, và lần lượt bị thay thế và vượt qua bởi các chủng tộc sinh vật cao cấp hơn phát triển từ y, và khác với y nhiều hơn y khác với loài động vật giống vượn mà y chắc chắn có nguồn gốc—vì cây tiếp tục phát triển và vẫn chưa có hồi kết.** Các nhánh và nhánh con đã ngừng phát triển là các dạng sống bị đình trệ обречены phải suy tàn cuối cùng trong "cuộc đấu tranh sinh tồn". Những nhánh cho thấy sự suy tàn, cho thấy các dạng không thể tồn tại trong "các điều kiện sống đã thay đổi", trong khi những nhánh đã diệt vong chỉ ra sự tuyệt chủng của nhiều dạng mà hóa thạch của chúng được chôn vùi trong các tầng lớp của trái đất. "Sự sống sót của kẻ mạnh nhất" trong các điều kiện hiện hành, bất kể chúng là gì, là quy luật phổ quát.] Chủng tộc thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của Vòng Thứ Năm—mỗi chủng tộc kế tiếp phát triển cùng và theo kịp, có thể nói như vậy, với các Vòng "đại chu kỳ"—và Chủng tộc thứ năm của Vòng Thứ Năm, phải thể hiện một sự khác biệt về thể chất và trí tuệ cũng như đạo đức rõ rệt đối

intellectual as well as moral differentiation towards its fourth Race or "earthly incarnation," you are right in saying that "a tremendous advance will be achieved when the fifth Round people get to their seventh incarnation".

với Chủng tộc thứ tư hoặc "hóa thân trần thế" của nó, bạn nói đúng khi nói rằng "một tiến bộ to lớn sẽ đạt được khi người của Vòng Thứ Năm đến được hóa thân thứ bảy của họ".

Appendix II —Phụ lục II

Nor has wealth nor poverty, high nor low birth, any influence upon it, for this is all a result of their Karma. Neither has what you call civilization much to do with the progress. It is the inner man, the spirituality, the illumination of the physical brain by the light of the spiritual or divine intelligence that is *the* test. The Australian, the Esquimaux, the Bushmen, the Veddahs, etc., are all side-shooting branchlets of that Branch which you call "cavemen," the third Race (according to your science, the second) that evolved on the globe. They are the remnants of the seventh ring cavemen, remnants "that have ceased to grow and are the arrested forms of life doomed to eventual decay in the struggle of existence," in the words of *your correspondent.* See *Isis,* Chap. 1.—The Divine Essence (Purusha), "like a luminous arc," proceeds to form a circle—the maha-manvantaric chain: and having attained the highest (or its first starting-point) bends back again and returns to earth (the first globe) bringing a higher type of humanity in its vortex—thus seven times. Approaching our earth, it grows "more and more shadowy, until upon touching the ground it is as black as night," *i.e.,* it is matter *outwardly*, the Spirit or Purusha being concealed under a quintuple armour of the first five principles. Now see underlined three lines on p.5. ["They divided the interminable periods of human existence on this planet into

Sự giàu có hay nghèo đói, xuất thân cao sang hay thấp hèn, đều không có ảnh hưởng gì đến nó, vì tất cả những điều này đều là kết quả của Nghiệp quả của họ. Cái mà bạn gọi là văn minh cũng không liên quan nhiều đến sự tiến bộ. Chính con người bên trong, tinh thần, sự soi sáng của bộ não thể xác bằng ánh sáng của trí tuệ tinh thần hoặc thiêng liêng mới là bài kiểm tra. Người Úc, người Eskimo, người Bushmen, người Veddahs, v.v., đều là những nhánh con bắn ngang của Nhánh mà bạn gọi là "người hang động", Chủng tộc thứ ba (theo khoa học của bạn, là thứ hai) đã tiến hóa trên địa cầu. Họ là tàn dư của những người hang động vòng thứ bảy, những tàn dư "đã ngừng phát triển và là những dạng sống bị đình trệ обречены phải suy tàn cuối cùng trong cuộc đấu tranh sinh tồn", theo lời của người bạn viết thư cho bạn. Xem Isis, Chương 1.—Bản chất Thiêng liêng (Purusha), "giống như một vòng cung phát sáng," tiến hành tạo thành một vòng tròn—dãy maha-manvantara: và sau khi đạt đến điểm cao nhất (hoặc điểm khởi đầu đầu tiên của nó) uốn cong trở lại và trở về trái đất (địa cầu đầu tiên) mang theo một kiểu nhân loại cao hơn trong vòng xoáy của nó—như vậy bảy lần. Khi đến gần trái đất của chúng ta, nó ngày càng "mờ ảo hơn, cho đến khi chạm đất thì đen như mực", tức là, nó là vật chất bên ngoài, Tinh thần hay Purusha bị che giấu dưới lớp áo giáp ngũ phân của năm nguyên lý đầu tiên. Bây giờ hãy xem ba dòng được gạch dưới trên tr.5. ["Họ

cycles, during each of which mankind gradually reached the culminating point of highest civilization and gradually relapsed into abject barbarism." Isis, 1, p.5.]. For the word "mankind" read *human race*, and for "civilization" read *spiritual evolution of that particular race,* and you have the truth which had to be concealed at that incipient stage of the T.S. See again page 13, last paragraph, and p. 14, first paragraph, ["For lack of comprehension of this great philosophical principle, the methods of modern science, however exact, must end in nullity. In no one branch can it demonstrate the origin and ultimate of things. Instead of tracing the effect from its primal source, its progress is the reverse. Its higher types, at it teaches, are all evolved from antecedent lower ones. It starts from the bottom of the cycle, led on step by step in the great labyrinth of nature by a thread of matter. As soon as this breaks and the clue is lost, it recoils in affright from the Incomprehensible, and confesses itself powerless. Not so did Plato and his disciples. **With him the lower types were but the concrete images of the higher abstract ones**. The soul, which is immortal, has an arithmetical, as the body has a geometrical beginning. This beginning, as the reflection of the great universal ARCHAEUS, is self-moving, and from the centre diffuses itself over the whole body of the microcosm." Isis, 1, pp. 13-14.] and note the underlined lines about Plato. Then see P.32, remembering the difference between the *Manvantaras* as therein calculated and the *Mahamanvantara* (complete seven Rounds between two Pralayas, the four Yugas returning seven times, *one for each race*). Having done so far, take your pen and calculate. This will make you swear—but this will not hurt your Karma much. Lip-profanity finds it deaf. Read attentively in this connection (not with the swearing process, but with that of evolution) p.301, last line,

chia các giai đoạn vô tận của sự tồn tại của con người trên hành tinh này thành các chu kỳ, trong mỗi chu kỳ đó, nhân loại dần dần đạt đến đỉnh cao của nền văn minh cao nhất và dần dần tái phát thành sự man rợ hèn hạ." Isis, 1, tr.5.]. Thay từ "nhân loại" bằng chủng tộc người, và thay từ "văn minh" bằng sự tiến hóa tinh thần của chủng tộc cụ thể đó, và bạn có sự thật vốn phải được che giấu ở giai đoạn sơ khai đó của Hội Thông Thiên Học. Xem lại trang 13, đoạn cuối cùng và trang 14, đoạn đầu tiên, ["Vì thiếu sự thấu hiểu nguyên lý triết học vĩ đại này, các phương pháp của khoa học hiện đại, dù có chính xác đến đâu, cũng phải kết thúc trong sự vô nghĩa. Trong không một ngành nào, nó có thể chứng minh được nguồn gốc và điểm cuối cùng của mọi thứ. Thay vì truy tìm hiệu ứng từ nguồn gốc ban đầu của nó, sự tiến bộ của nó lại ngược lại. Các kiểu cao hơn của nó, như nó dạy, đều tiến hóa từ các kiểu thấp hơn trước đó. Nó bắt đầu từ dưới đáy của chu kỳ, từng bước một trong mê cung vĩ đại của tự nhiên được dẫn dắt bởi một sợi vật chất. Ngay khi sợi này đứt và manh mối bị mất, nó sẽ kinh hoàng lùi lại trước Điều Không Thể Hiểu Được và tự thú là bất lực. Plato và các môn đệ của Bạn thì không như vậy. Với ông, các kiểu thấp hơn chỉ là những hình ảnh cụ thể của các kiểu trừu tượng cao hơn. Linh hồn, vốn bất tử, có một khởi đầu số học, giống như cơ thể có một khởi đầu hình học. Khởi đầu này, như là sự phản ánh của ARCHAEUS vũ trụ vĩ đại, tự vận động và từ trung tâm khuếch tán ra toàn bộ cơ thể của tiểu thiên địa." Isis, 1, tr. 13-14.] và lưu ý các dòng được gạch dưới về Plato. Sau đó, xem Tr.32, ghi nhớ sự khác biệt giữa các Manvantara như được tính toán trong đó và Mahamanvantara (bảy Vòng hoàn chỉnh giữa hai Pralaya, bốn Yuga quay trở lại bảy lần, một lần cho mỗi chủng tộc). Sau khi làm được đến nay, hãy cầm bút lên và tính toán. Điều này sẽ khiến bạn chửi thề—nhưng điều này sẽ không gây hại nhiều cho Nghiệp quả của bạn. Sự báng bổ bằng môi không nghe thấy nó. Đọc kỹ trong

"And now comes a mystery," and continue on till page 304. *Isis* was *not* unveiled but rents [Isis Unveiled was originally intended to be called The Veil of Isis, and it was only after Vol. 1. had been printed that the name was changed to Isis Unveiled.] sufficiently large were made to afford fitting glances to be completed by the student's own intuition. In this curry of quotations from various philosophies and esoteric truths purposely veiled, behold our doctrine which is now partially taught to Europeans for the first time.

mối liên hệ này (không phải với quá trình chửi thề, mà là với quá trình tiến hóa) tr.301, dòng cuối cùng, "Và bây giờ đến một bí ẩn," và tiếp tục cho đến trang 304. Isis không được vén màn mà chỉ được xé [Isis Unveiled ban đầu dự định được gọi là The Veil of Isis, và chỉ sau khi Tập 1. được in xong thì tên mới được đổi thành Isis Unveiled.] đủ lớn để cho phép những cái nhìn phù hợp được hoàn thành bởi trực giác của chính học viên. Trong món cà ri trích dẫn từ các triết lý khác nhau và các chân lý huyền bí cố tình che giấu này, hãy xem học thuyết của chúng ta hiện đang được dạy một phần cho người châu Âu lần đầu tiên.

Appendix III—Phụ lục III

As I said in my answer on your notes, most of the people of India, with the exception of the *Semitic* Moguls, belong to the oldest branchlet of the present Fifth human Race, which was evolved in Central Asia more than one million of years ago. Western science finding good reasons for the theory of human beings having inhabited Europe 4000,000 years before your era, this cannot so shock you as to prevent you drinking wine tonight at your dinner. [Mr. Sinnett was not a total abstainer, and even to the end took light wine like claret at dinner.] Yet Asia has, as well as Australia, Africa, America, and the most northward regions, its remnants of the fourth—even of the third Race (cavemen and Therns). At the same time, we have more of the seventh ring men of the fourth Race than Europe, and more of the first Ring of the Fifth Round, as older than the European branchlets, our men have naturally come in earlier. Their being "less advanced" in civilization and refinement troubles their spirituality but very little, Karma being an animal which remains

Như tôi đã nói trong câu trả lời của mình về các ghi chú của bạn, hầu hết người dân Ấn Độ, ngoại trừ người Mogul Semitic, thuộc về nhánh con lâu đời nhất của Chủng tộc người Thứ Năm hiện tại, vốn đã tiến hóa ở Trung Á cách đây hơn một triệu năm. Khoa học phương Tây tìm thấy những lý do chính đáng cho lý thuyết về việc con người đã sinh sống ở châu Âu 4000.000 năm trước kỷ nguyên của bạn, điều này không thể gây sốc cho bạn đến mức ngăn cản bạn uống rượu tối nay trong bữa tối. [Ông Sinnett không hoàn toàn kiêng rượu, và thậm chí đến cuối đời vẫn uống rượu nhẹ như claret trong bữa tối.] Tuy nhiên, châu Á, cũng như Úc, Châu Phi, Châu Mỹ và các vùng cực bắc nhất, có những tàn dư của Chủng tộc thứ tư—thậm chí là thứ ba (người hang động và Therns). Đồng thời, chúng ta có nhiều người vòng thứ bảy của Chủng tộc thứ tư hơn châu Âu, và nhiều người vòng đầu tiên của Vòng Thứ Năm hơn, vì những người của chúng ta lâu đời hơn các nhánh con châu Âu, nên họ đương nhiên đến sớm hơn. Việc họ "kém tiến bộ" hơn về văn minh và sự tinh tế không gây

indifferent to pumps and white gloves. [Men's dancing shoes of black patent leather. Men "in Society" when dancing wear white kid gloves.] Neither your knives nor forks, operas and drawing rooms, will any more follow you in your onward progress than will the dead leaf colored robes of the British aesthetics [Alluding to the "aesthetic" wave which affected one set in London Society, and which was satirised in 1881 by W.S. Gilbert's comic opera Patience] prevent the proprietors thereof and wearers from having been born among the ranks of those who will be regarded —do what they may—by the forthcoming sixth and seventh Round men as flesh-eating and liquor-drinking savages "of the Royal Society Period".

khó khăn cho tinh thần của họ chút nào, Nghiệp quả là một con vật vẫn thờ ơ với máy bơm và găng tay trắng. [Giày khiêu vũ của nam giới bằng da bằng sáng chế màu đen. Đàn Bạn "trong xã hội" khi khiêu vũ đeo găng tay da dê trắng.] Dao và nĩa, nhà hát opera và phòng khách của bạn sẽ không còn đi theo bạn trong quá trình tiến bộ của bạn hơn là những chiếc áo choàng màu lá chết của những người theo chủ nghĩa thẩm mỹ Anh [Ám chỉ đến làn sóng "thẩm mỹ" ảnh hưởng đến một nhóm người trong Xã hội Luân Đôn, và đã bị châm biếm vào năm 1881 bởi vở opera коми của W.S. Gilbert Patience] ngăn cản những người sở hữu và mặc chúng sinh ra trong hàng ngũ những người sẽ bị coi—dù họ có làm gì đi chăng nữa—bởi những người của Vòng thứ sáu và thứ bảy sắp tới là những kẻ ăn thịt và uống rượu man rợ "của Thời kỳ Hội Hoàng Gia".

Question— 7. What other planets of those known to ordinary science besides Mercury belong to our system of worlds?

Câu hỏi— 7. Ngoài Sao Thủy, những hành tinh nào khác trong số những hành tinh mà khoa học thông thường biết đến thuộc về hệ thống thế giới của chúng ta?

Answer—Mars, and four other planets of which astronomy yet knows nothing. Neither A, B, nor Y, Z are known, nor can they be seen through physical means, however perfected.

Trả lời—Sao Hỏa và bốn hành tinh khác mà thiên văn học chưa biết gì. Cả A, B, lẫn Y, Z đều không được biết đến, cũng như không thể nhìn thấy chúng bằng các phương tiện vật lý, dù có hoàn thiện đến đâu.

The figure [The figure is found in neither of the MSS.] roughly represents the development of humanity on a planet—say our earth. Man evolves in seven major or Root Races, forty-nine minor races, and in subordinate races or offshoots; the branchlet races coming from the latter are not shown. The arrows indicate the direction taken by the evolutionary impulse. I, II, etc., are the major or Root Races; 1, 2, 3, etc., are the seven minor races; a-a-a, etc., are the subordinate or offshoot races; N, the initial and terminal point of evolution on

Hình [Hình này không có trong bất kỳ bản thảo nào.] thể hiện một cách sơ lược sự phát triển của nhân loại trên một hành tinh—ví dụ như trái đất của chúng ta. Con người tiến hóa trong bảy Chủng tộc Gốc lớn, bốn mươi chín chủng tộc phụ và trong các chủng tộc hoặc nhánh phụ; các chủng tộc nhánh con xuất phát từ chủng tộc sau không được hiển thị. Các mũi tên chỉ ra hướng mà xung lực tiến hóa đi theo. I, II, v.v., là các Chủng tộc Gốc lớn; 1, 2, 3, v.v., là bảy chủng tộc phụ; a-a-a, v.v., là các chủng tộc phụ hoặc nhánh phụ; N, điểm ban

the planet; S, the axial point where the development equilibrates or adjusts itself in each race evolution; E, the equatorial points where in the descending arc intellect overcomes spirituality, and in the ascending arc spirituality outstrips intellect.

đầu và điểm cuối của sự tiến hóa trên hành tinh; S, điểm trục nơi sự phát triển cân bằng hoặc tự điều chỉnh trong mỗi sự tiến hóa của chủng tộc; E, các điểm xích đạo nơi trong vòng cung đi xuống, trí tuệ vượt qua tinh thần, và trong vòng cung đi lên, tinh thần vượt trội hơn trí tuệ.

D.K.

Chân sư DK

P.S. In his hurry D.K. has made his figure inclined somewhat out of the perpendicular, but it serves as a rough memo; he drew it to represent development on a single planet, but I have added a word or two to make it apply as well (which it does) to a whole Manvantaric chain of worlds.

Tái bút Trong sự vội vàng của mình, Chân sư DK đã làm cho hình của Ngài hơi nghiêng khỏi phương thẳng đứng, nhưng nó dùng để làm bản ghi nhớ sơ bộ; Ngài đã vẽ nó để thể hiện sự phát triển trên một hành tinh duy nhất, nhưng tôi đã thêm một hoặc hai từ để làm cho nó áp dụng tốt (điều mà nó làm) cho toàn bộ dãy thế giới Manvantara.

Whenever any question of evolution or development in any kingdom presents itself to you, bear constantly in mind that everything comes under the septenary rule of series in these correspondences and mutual relations throughout nature. In the evolution of man there is a topmost point, a bottom point, a descending arc and an ascending arc.

Bất cứ khi nào bất kỳ câu hỏi nào về sự tiến hóa hoặc phát triển trong bất kỳ giới nào xuất hiện với bạn, hãy luôn ghi nhớ rằng mọi thứ đều tuân theo quy tắc thất phân của chuỗi trong các mối tương quan và quan hệ lẫn nhau này trong suốt tự nhiên. Trong sự tiến hóa của con người, có một điểm cao nhất, một điểm thấp nhất, một vòng cung đi xuống và một vòng cung đi lên.

Section II—Phần II

Conditions After Death—Các Điều Kiện Sau Khi Chết

Answer—1. [The questions for this and the other numbered answers which follow are not recorded in the MS.] Why should it be supposed that Devachan is a monotonous condition, only because some one moment of earthly sensation is indefinitely perpetuated —stretched, so to say, throughout aeons? It is

Trả lời—1. [Các câu hỏi cho câu trả lời này và các câu trả lời được đánh số khác sau đây không được ghi lại trong bản thảo.] Tại sao lại cho rằng Devachan là một trạng thái đơn điệu, chỉ vì một khoảnh khắc cảm giác trần thế nào đó được kéo dài vô thời hạn—có thể nói như vậy, trong suốt các aeon? Không phải vậy,

not, it *cannot* be, so; this would be contrary to all analogies and antagonistic to the Law of Effects, under which results are proportionate to antecedent energies. To make it clear, you must keep in mind that there are two fields of causal manifestations, to wit, the objective and subjective. So the grosser energies, those which operate in the heavier and denser conditions of matter, manifest respectively in physical life, their outcome being the new personality of each birth included within the grand cycle of the evolving individuality.

không thể như vậy được; điều này sẽ trái với tất cả các phép loại suy và đối kháng với Định luật Hiệu ứng, theo đó kết quả tỷ lệ với các năng lượng trước đó. Để làm rõ điều đó, bạn phải ghi nhớ rằng có hai lĩnh vực biểu hiện nhân quả, cụ thể là khách quan và chủ quan. Vì vậy, các năng lượng thô hơn, những năng lượng hoạt động trong các điều kiện vật chất nặng hơn và đậm đặc hơn, biểu hiện tương ứng trong đời sống thể xác, kết quả của chúng là phàm ngã mới của mỗi lần sinh được bao gồm trong đại chu kỳ của cá nhân đang tiến hóa.

The moral and spiritual activities find their sphere of effects in Devachan. For example, the vices, physical attractions, etc., of a philosopher, may result in the birth of a new philosopher, a king, a merchant, a rich Epicurean or any other personality, whose make-up was inevitable from the preponderating proclivities of the being in the next preceding birth. Bacon, for instance, whom a poet called “the greatest, wisest, *meanest* of mankind,” might reappear in his next incarnation as a greedy money-getter with extraordinary intellectual capacities. But the moral and spiritual qualities of the previous Bacon would also have to find a field in which their energies could expand themselves. Devachan is such a field, hence all the great plans of moral reform, of intellectual and spiritual research into abstract principles of nature, all the divine aspirations, would in Devachan come to fruition, and the abstract entity, previously known as the great Chancellor, would occupy itself in this inner world of its own preparation, living, if not quite what one would call a conscious existence, at least a dream of such realistic vividness that none of the life-realities could ever match it. And this dream lasts until Karma is satisfied in that direction, till the ripple of force reaches the edge of its cyclic basin, and the being moves into the next area

Các hoạt động đạo đức và tinh thần tìm thấy phạm vi ảnh hưởng của chúng ở Devachan. Ví dụ, những thói xấu, những hấp dẫn thể xác, v.v., của một triết gia, có thể dẫn đến sự ra đời của một triết gia mới, một vị vua, một thương gia, một người theo chủ nghĩa khoái lạc giàu có hoặc bất kỳ phàm ngã nào khác, vốn có cấu tạo không thể tránh khỏi từ những khuynh hướng vượt trội của hữu thể trong kiếp trước. Ví dụ, Bacon, người mà một nhà thơ gọi là "vĩ đại nhất, khôn ngoan nhất, hèn hạ nhất của nhân loại", có thể xuất hiện trở lại trong kiếp sau của mình như một kẻ kiếm tiền tham lam với năng lực trí tuệ phi thường. Nhưng những phẩm chất đạo đức và tinh thần của Bacon trước đây cũng sẽ phải tìm một lĩnh vực mà năng lượng của chúng có thể mở rộng. Devachan là một lĩnh vực như vậy, do đó, tất cả các kế hoạch lớn về cải cách đạo đức, nghiên cứu trí tuệ và tinh thần về các nguyên tắc trừu tượng của tự nhiên, tất cả những khát vọng thiêng liêng, sẽ thành hiện thực ở Devachan, và thực thể trừu tượng, trước đây được gọi là Đại Pháp Quan, sẽ tự mình chiếm lĩnh thế giới nội tâm này để chuẩn bị, sống, nếu không hoàn toàn là một sự tồn tại có ý thức, thì ít nhất là một giấc mơ có tính hiện thực sống động đến mức không một thực tế cuộc sống nào có thể sánh được. Và giấc mơ này kéo dài cho đến khi Nghiệp quả được thỏa mãn theo hướng đó, cho đến khi gợn sóng của lực chạm

of causes. This it may find in the same world as before, or another, according to his or her stage of progression through the necessary rings and Rounds of human development.

đến rìa lưu vực tuần hoàn của nó, và hữu thể di chuyển vào khu vực nguyên nhân tiếp theo. Y có thể tìm thấy nó trong cùng một thế giới như trước đây, hoặc một thế giới khác, tùy thuộc vào giai đoạn tiến triển của y thông qua các vòng và Cuộc Tuần Hoàn cần thiết của sự phát triển của con người.

Then how can you think that but one moment of earthly sensation is selected for preparation? Very true, that moment lasts from first to last, but then it lasts but as the keynote of the whole harmony, a definite tone of appreciable pitch, around which cluster and develop in progressive variations of melody, and as endless variations on a theme, all the aspirations, desires, hopes, dreams, which in connection with that particular moment had ever crossed the dreamer's brain during his life time, without having ever found their realisation on earth, and which he now finds fully realised in all their vividness in Devachan, without ever suspecting that all that blissful reality is but the progeny begotten by his own fancy, the effects of the mental causes produced by himself. That particular *one* moment which will be most intense and uppermost in the thoughts of his dying brain, at the time of dissolution will of course regulate all the other "moments," still, the latter, minor and less vivid though they be, will be there also having their appointed place in this phantasmagoric marshalling of past dreams, and must give variety to the whole.

Vậy thì làm sao bạn có thể nghĩ rằng chỉ một khoảnh khắc cảm giác trần tục được chọn để chuẩn bị? Rất đúng, khoảnh khắc đó kéo dài từ đầu đến cuối, nhưng rồi nó chỉ kéo dài như âm chủ của toàn bộ bản hòa âm, một âm điệu xác định có cao độ rõ rệt, xung quanh đó tập hợp và phát triển trong các biến thể giai điệu tăng dần, và như những biến thể vô tận trên một chủ đề, tất cả những khát vọng, mong muốn, hy vọng, giấc mơ, vốn liên quan đến khoảnh khắc cụ thể đó đã từng lướt qua bộ não của người mơ trong suốt cuộc đời của y, mà không bao giờ tìm thấy sự hiện thực hóa của chúng trên trái đất, và giờ đây y thấy chúng được hiện thực hóa đầy đủ trong tất cả sự sống động của chúng ở Devachan, mà không bao giờ nghi ngờ rằng tất cả thực tế hạnh phúc đó chỉ là con cháu do trí tưởng tượng của chính y sinh ra, những ảnh hưởng của những nguyên nhân trí tuệ do chính y tạo ra. Khoảnh khắc đặc biệt đó sẽ mãnh liệt nhất và chiếm ưu thế trong suy nghĩ của bộ não đang hấp hối của y, vào thời điểm tan rã, tất nhiên sẽ điều chỉnh tất cả các "khoảnh khắc" khác, tuy nhiên, những khoảnh khắc sau, dù nhỏ hơn và ít sống động hơn, cũng sẽ ở đó, có vị trí được chỉ định của chúng trong sự sắp xếp ảo ảnh của những giấc mơ trong quá khứ này, và phải mang lại sự đa dạng cho toàn bộ.

No man on earth but has some predilection, if not a domineering passion, no person however humble and poor, and often because all that, but indulges in dreams and desires, unsatisfied through though these be. Is this monotony? Would you call such variations *ad*

Không người nào trên trái đất mà không có một số thiên hướng, nếu không phải là một đam mê thống trị, không một người nào dù khiêm tốn và nghèo khó đến đâu, và thường là vì tất cả những điều đó, mà không đắm mình trong những giấc mơ và mong muốn, dù

infinitum on the one theme, and that theme modelling itself on, and taking colour and its definite shape from that group of desires which was the most intense during life, “a blank destitution of all knowledge in the devachanic mind,” seeming in a measure ignoble? Then verily you must have failed, as you say, to take in my meaning, or it is I who am to blame. I must have surely failed to convey the right meaning, and have to confess my inability to describe the indescribable. The latter is a difficult task, good friend, unless the intuitive perceptions of a trained Chela come to the rescue. No amount of description however graphic will help; indeed no words are adequate to express the difference between a state of mind on earth and one outside of its sphere of action; no English terms in existence equivalent to ours; nothing but unavoidable (due to early Western education) preconceptions:- hence lines of thought in a wrong direction in the learner’s mind—to help us in this inoculation of entirely new thoughts! You are right; not only “ordinary people”—your readers—but even idealists and highly intellectual minds will fail, I am afraid, to seize the true idea, will *never* fathom it to its very depths. Perhaps you may some day realise better than you do now one of the chief reasons for our unwillingness to impart our knowledge to European candidates.

những điều này không được thỏa mãn. Đây có phải là sự đơn điệu không? Bạn có gọi những biến thể vô tận như vậy trên một chủ đề, và chủ đề đó tự mô phỏng theo, và lấy màu sắc và hình dạng xác định của nó từ nhóm những mong muốn mãnh liệt nhất trong cuộc đời, "một sự thiếu thốn trống rỗng của tất cả kiến thức trong thể trí devachanic", dường như ở một mức độ nào đó là thấp hèn? Vậy thì quả thật bạn đã không nắm bắt được ý nghĩa của tôi, như bạn nói, hoặc là tôi phải chịu trách nhiệm. Chắc chắn là tôi đã không truyền đạt được ý nghĩa đúng đắn, và phải thú nhận sự bất lực của mình trong việc mô tả những điều không thể mô tả. Điều thứ hai là một nhiệm vụ khó khăn, bạn tốt ạ, trừ khi những nhận thức trực quan của một Đệ tử được huấn luyện đến giải cứu. Không có lượng mô tả nào dù sinh động đến đâu sẽ giúp ích; thật vậy, không có từ ngữ nào đủ để diễn tả sự khác biệt giữa một trạng thái thể trí trên trái đất và một trạng thái bên ngoài phạm vi hoạt động của nó; không có thuật ngữ tiếng Anh nào tồn tại tương đương với thuật ngữ của chúng ta; không gì khác ngoài những định kiến không thể tránh khỏi (do nền giáo dục phương Tây ban đầu):- do đó, những dòng suy nghĩ theo một hướng sai lầm trong thể trí của người học —để giúp chúng ta trong việc cấy ghép những suy nghĩ hoàn toàn mới này! Bạn nói đúng; không chỉ "những người bình thường"—độc giả của bạn—mà ngay cả những người theo chủ nghĩa lý tưởng và những thể trí có trình độ cao cũng sẽ thất bại, tôi e rằng, trong việc nắm bắt ý tưởng thực sự, sẽ không bao giờ hiểu thấu nó đến tận cùng. Có lẽ một ngày nào đó bạn có thể nhận ra rõ hơn bây giờ một trong những lý do chính khiến chúng ta không muốn truyền đạt kiến thức của mình cho các ứng cử viên châu Âu.

A man in the way to learn something of the mysteries of nature “seems in a higher state of existence to begin with on earth than that

Một người đang trên đường học hỏi điều gì đó về những bí ẩn của tự nhiên "dường như ở một trạng thái tồn tại cao hơn để bắt đầu trên trái

which nature apparently provides for him as a reward for his best deeds"; perhaps "apparently," not so in reality, when the *modus operandi* of nature is correctly understood. Then that other misconception—the more merit the longer period of Devachan. "But then in Devachan all sense of the lapse of time is lost: a minute is as a thousand years. *A quoi bon* then," etc....

đất so với những gì tự nhiên dường như cung cấp cho y như một phần thưởng cho những hành động tốt nhất của y"; có lẽ "dường như", không phải như vậy trong thực tế, khi phương thức hoạt động của tự nhiên được hiểu một cách chính xác. Sau đó, quan niệm sai lầm khác—càng có công đức thì thời gian Devachan càng dài. "Nhưng rồi ở Devachan, mọi cảm giác về thời gian trôi qua đều bị mất: một phút như một ngàn năm. A quoi bon sau đó," v.v....

This remark and such way of looking at things might as well apply to the whole Eternity, to Nirvana, Pralaya, and what not. Say at once that the whole system of being, of existence, separate and collective, of nature objective and subjective, are but idiotic aimless facts, a gigantic fraud of that nature which, meeting with but little sympathy with Western philosophy, has moreover the cruel disapprobation of its best representatives. *A quoi bon* in such a case this preaching of our doctrines, all this uphill work and swimming *in adverso flumine*? Why should the West be so anxious to learn anything from the East, since it is evidently unable to digest that which can never meet the requirements of the special tastes of its aesthetics? A sorry outlook for us, since even *you* fail to take in the whole magnitude of our philosophy, or to even embrace at one scope a small corner—the Devachan of those sublime horizons of "after life". I do not want to discourage you, I would only draw your attention to the formidable difficulties encountered by us in every attempt we make to explain our metaphysics to Western minds even among the most intelligent. No, there are no clocks, not timepieces in Devachan, though the whole Cosmos is a gigantic chronometer in one sense. Nor do we mortals—*ici bas même*—take much, if any, cognisance of time during periods of happiness and bliss, and find them

Nhận xét này và cách nhìn nhận mọi thứ như vậy cũng có thể áp dụng cho toàn bộ Vĩnh Hằng, cho Niết Bàn, Giai kỳ qui nguyên và những thứ tương tự. Hãy nói ngay rằng toàn bộ hệ thống hữu thể, của sự tồn tại, riêng biệt và tập thể, của tự nhiên khách quan và chủ quan, chỉ là những sự thật vô nghĩa ngu ngốc, một trò gian lận khổng lồ của bản chất đó, vốn gặp phải rất ít sự đồng cảm với triết học phương Tây, hơn nữa còn có sự không tán thành tàn nhẫn của những đại diện tốt nhất của nó. A quoi bon trong một trường hợp như vậy việc thuyết giảng các học thuyết của chúng ta, tất cả công việc khó khăn này và bơi lội trong adverso flumine? Tại sao phương Tây lại quá lo lắng muốn học hỏi bất cứ điều gì từ phương Đông, vì rõ ràng là nó không thể tiêu hóa được những gì không bao giờ có thể đáp ứng được những yêu cầu về thị hiếu đặc biệt của tính thẩm mỹ của nó? Một viễn cảnh đáng tiếc cho chúng ta, vì ngay cả bạn cũng không nắm bắt được toàn bộ tầm vóc triết học của chúng ta, hoặc thậm chí bao quát được một góc nhỏ—Devachan của những chân trời cao cả về "cuộc sống sau khi chết" đó. Tôi không muốn làm bạn nản lòng, tôi chỉ muốn thu hút sự chú ý của bạn đến những khó khăn ghê gớm mà chúng ta gặp phải trong mọi nỗ lực giải thích siêu hình học của chúng ta cho thể trí phương Tây ngay cả trong số những người thông minh nhất. Không, không có đồng hồ, không có đồng hồ bấm giờ ở Devachan, mặc dù

ever too short; a fact that does not in the least prevent us from enjoying that happiness all the same when it does come. Have you given a thought to this possibility, that perhaps it is because their cup of bliss is full to the brim that the "Devanchanee" loses all sense of the lapse of time, and that it is something that those who land in Avitchi do not, though, as much as the "Devachanee," the "Avitchee" has no cognisance of time—*i.e.* of our earthly calculations of periods of time?

toàn bộ Vũ Trụ là một máy đo thời gian khổng lồ theo một nghĩa nào đó. Ngay cả chúng ta, những người phàm—ici bas mêmе—cũng không nhận thức được nhiều, nếu có, về thời gian trong những khoảng thời gian hạnh phúc và hoan lạc, và thấy chúng luôn quá ngắn ngủi; một thực tế không hề ngăn cản chúng ta tận hưởng hạnh phúc đó dù sao đi nữa khi nó đến. Bạn đã nghĩ đến khả năng này chưa, rằng có lẽ chính vì chén phúc lạc của họ đã đầy tràn mà "Devanchanee" mất hết cảm giác về thời gian trôi qua, và đó là điều mà những người đặt chân đến Avitchi không có, mặc dù, cũng như "Devachanee", "Avitchee" không nhận thức được thời gian—tức là những tính toán trần tục của chúng ta về các khoảng thời gian?

I may also remind you in this connection *that time is something created by ourselves;* that, while one short second of intense agony may appear, even on earth, as an Eternity to one man, to another more fortunate, hours, days and sometimes whole years may seem to flit like one short moment; and that finally, of all the sentient and conscious beings on earth, man is the only animal that takes any cognisance of time, although it makes him neither happier nor wiser. How then can I explain to you that which you *cannot* feel, since you seem unable to comprehend it? Finite similes are unfit to express the abstract and the infinite, nor can the objective ever mirror the subjective. To realise the bliss in Devachan or the woes in Avitchi, you have to assimilate them as we do. Western critical idealism has still to learn the difference which exists between the real being of supersensible objects and the shadowy subjectivity it has reduced them to. Time is not a predicate conception, and can therefore neither be proved nor analysed according to the methods of superficial philosophy; and unless we learn to counteract the negative results of that method of drawing our conclusions as

Tôi cũng có thể nhắc bạn trong mối liên hệ này rằng thời gian là thứ do chính chúng ta tạo ra; rằng, trong khi một giây ngắn ngủi của sự đau đớn tột độ có thể xuất hiện, ngay cả trên trái đất, như một cõi Vĩnh Hằng đối với một người, thì đối với một người may mắn hơn, hàng giờ, hàng ngày và đôi khi cả năm dường như trôi qua như một khoảnh khắc ngắn ngủi; và rằng cuối cùng, trong số tất cả các hữu thể tri giác và ý thức trên trái đất, con người là loài động vật duy nhất nhận thức được thời gian, mặc dù nó không làm cho y hạnh phúc hơn hay khôn ngoan hơn. Vậy thì làm sao tôi có thể giải thích cho bạn những gì bạn không thể cảm nhận, vì bạn dường như không thể hiểu được nó? Những phép so sánh hữu hạn không phù hợp để diễn tả những điều trừu tượng và vô hạn, cũng như cái khách quan không bao giờ có thể phản ánh cái chủ quan. Để nhận ra sự hoan lạc ở Devachan hoặc những nỗi thống khổ ở Avitchi, bạn phải đồng hóa chúng như chúng ta. Chủ nghĩa duy tâm phê phán phương Tây vẫn phải học sự khác biệt tồn tại giữa hữu thể thực sự của các đối tượng siêu cảm tính và tính chủ quan mơ hồ mà nó đã quy chúng về. Thời gian không phải là một khái niệm vị từ, và do đó không thể được chứng minh hoặc phân tích

agreeably to the so-called system of pure reason, and to distinguish between the matter and the form of our knowledge of sensible objects, we can never arrive at correct definite conclusions. The case in hand as defended by me against your (very natural) conception is a good proof of the shallowness and even fallacy of that system of pure (materialistic) reason. Space and Time may be, as Kant has it, not the product, but the regulators of the sensations, but only so far as our sensations on *earth* are concerned, not those in Devachan. There we do not find *a priori* ideas of Space and Time controlling the perceptions of the denizen of Devachan in respect to the objects of his sense, but on the contrary we discover that it is the Devachanee himself who absolutely creates both and annihilates them at the same time. Thus the "after states" so called can never be correctly judged by practical reason, since the latter can have active being only in the sphere of final causes or ends, and can hardly be regarded with Kant—with whom the term means on one page "reason," and on the next "will"—as the highest spiritual power in man having for its sphere that Will.

theo các phương pháp của triết học hời hợt; và trừ khi chúng ta học cách chống lại những kết quả tiêu cực của phương pháp rút ra kết luận của chúng ta một cách phù hợp với cái gọi là hệ thống lý trí thuần túy, và phân biệt giữa vật chất và hình thức kiến thức của chúng ta về các đối tượng cảm tính, chúng ta không bao giờ có thể đi đến những kết luận xác định chính xác. Trường hợp đang được tôi bảo vệ chống lại quan niệm (rất tự nhiên) của bạn là một bằng chứng tốt về sự nông cạn và thậm chí là sai lầm của hệ thống lý trí thuần túy (duy vật) đó. Không gian và Thời gian có thể, như Kant đã nói, không phải là sản phẩm, mà là những người điều chỉnh các cảm giác, nhưng chỉ khi các cảm giác của chúng ta trên trái đất có liên quan, không phải những cảm giác ở Devachan. Ở đó, chúng ta không tìm thấy những ý tưởng tiên nghiệm về Không gian và Thời gian kiểm soát nhận thức của cư dân Devachan đối với các đối tượng của giác quan của y, mà ngược lại, chúng ta khám phá ra rằng chính Devachanee là người hoàn toàn tạo ra cả hai và tiêu diệt chúng cùng một lúc. Do đó, cái gọi là "các trạng thái sau khi chết" không bao giờ có thể được đánh giá chính xác bằng lý trí thực tế, vì cái sau chỉ có thể có hữu thể tích cực trong phạm vi các nguyên nhân hoặc mục đích cuối cùng, và khó có thể được coi là—với Kant—với người mà thuật ngữ này có nghĩa là "lý trí" trên một trang, và trên trang tiếp theo là "ý chí"—là sức mạnh tinh thần cao nhất trong con người có phạm vi là Ý Chí đó.

The above is not dragged in, as you may think, for the sake of a (too far stretched perhaps) argument, but with an eye to a future discussion "at home," as you express it, with students and admirers of Kant and Plato, that you will have to encounter. In plainer language, I will not tell you the following, and it will be no fault of mine if you still fail to comprehend its full meaning. As physical existence has its cumulative intensity from

Những điều trên không bị lôi kéo vào, như bạn có thể nghĩ, vì lợi ích của một lập luận (có lẽ đã đi quá xa), mà là với một con mắt hướng tới một cuộc thảo luận trong tương lai "ở nhà", như bạn diễn đạt, với các sinh viên và những người ngưỡng mộ Kant và Plato, mà bạn sẽ phải đối mặt. Nói một cách dễ hiểu hơn, tôi sẽ không nói với bạn những điều sau đây, và đó sẽ không phải là lỗi của tôi nếu bạn vẫn không hiểu hết ý nghĩa của nó. Vì sự tồn tại thể xác có

infancy to prime, and its diminishing energy henceforward to dotage and death, so the dream life of Devachan is lived correspondentially. Hence you are right in saying that the “soul” can never awake to its mistake and find itself “cheated by nature”—the more so since strictly speaking the whole of human life and its boasted realities are no better than such “cheating”. But you are wrong in pandering to the prejudices and preconceptions of Western readers. No Asiatic will ever agree with you upon this point. When you add that “there is a sense of *unreality* about the whole affair which is painful to the mind,” you are the first one to feel that; it is no doubt due much more to an imperfect grasp of the nature of existence in Devachan, than to any defect in our system. Hence my orders to a Chela to reproduce, in an appendix to your article, extracts from this letter, and explanations calculated to disabuse the reader, and to obliterate as far as possible the painful impression this statement of yours is sure to produce upon him.

cường độ tích lũy của nó từ thời thơ ấu đến thời kỳ sung mãn, và năng lượng giảm dần của nó từ đó trở đi đến sự lẩm cẩm và cái chết, nên cuộc sống giấc mơ của Devachan được sống một cách tương ứng. Do đó, bạn nói đúng khi nói rằng "linh hồn" không bao giờ có thể thức tỉnh trước sai lầm của nó và thấy mình "bị tự nhiên lừa dối"—càng như vậy vì nói một cách chính xác, toàn bộ cuộc sống con người và những thực tế được ca ngợi của nó không tốt hơn những "trò lừa dối" như vậy. Nhưng bạn đã sai khi chiều theo những thành kiến và định kiến của độc giả phương Tây. Không người châu Á nào sẽ đồng ý với bạn về điểm này. Khi bạn nói thêm rằng "có một cảm giác không thực về toàn bộ vấn đề vốn gây đau đớn cho thể trí", bạn là người đầu tiên cảm thấy điều đó; chắc chắn là do sự nắm bắt không hoàn hảo về bản chất của sự tồn tại ở Devachan, hơn là do bất kỳ khiếm khuyết nào trong hệ thống của chúng ta. Do đó, tôi ra lệnh cho một Đệ tử sao chép, trong một phụ lục cho bài viết của bạn, các đoạn trích từ lá thư này và những lời giải thích được tính toán để giải tỏa độc giả và xóa bỏ càng nhiều càng tốt ấn tượng đau đớn mà tuyên bố này của bạn chắc chắn sẽ gây ra cho y.

Believe me, nature cheats no more the Devachanee than she does the living physical man. Nature provides for him far more *real* bliss and happiness *there* than she does *here*, where all the conditions of evil and chance are against him; and his inherent helplessness, that of a straw violently blown hither and thither by every remorseless wind, has made happiness on this earth an utter impossibility for the human being, whatever his chances and condition may be. Rather call this life an ugly horrid nightmare and you will be right. To call the Devachan existence “a dream,” in any other sense but that of a conventional term, well suited to your languages, all full of misnomers, is to renounce for ever the

Hãy tin tôi, tự nhiên không lừa dối người trong Devachan hơn là lừa dối con người hồng trần đang sống. Tự nhiên cung cấp cho y niềm hạnh phúc và hoan lạc thực sự hơn nhiều ở đó so với ở đây, nơi tất cả các điều kiện của cái ác và cơ hội đều chống lại y; và sự bất lực vốn có của y, sự bất lực của một cọng rơm bị thổi mạnh từ nơi này sang nơi khác bởi mọi cơn gió tàn nhẫn, đã khiến hạnh phúc trên trái đất này trở thành một điều hoàn toàn không thể đối với con người, bất kể cơ hội và điều kiện của y có thể là gì. Thay vào đó, hãy gọi cuộc sống này là một cơn ác mộng kinh khủng và bạn sẽ đúng. Gọi sự tồn tại Devachan là "một giấc mơ", theo bất kỳ nghĩa nào khác ngoài nghĩa của một thuật ngữ thông thường, rất phù hợp

knowledge of the esoteric doctrine, the sole custodian of truth

với ngôn ngữ của bạn, tất cả đều đầy những tên gọi sai, là từ bỏ mãi mãi kiến thức về giáo lý huyền bí, người bảo vệ duy nhất của chân lý.

Let me try once more to explain to you a few of the many states in Devachan and Avitchi. As in actual earth life, so there is for the ego in Devachan the first flutter of psychic life, the attainment of prime, the gradual exhaustion of force passing into semi-consciousness, gradual oblivion and lethargy and—not death—but birth, birth into another personality and the resumption of action, which daily begets new congeries of causes that must be worked out in another term of Devachan, and still another physical rebirth as a new personality. What the lives in Devachan and upon earth shall be respectively in each instance is determined by Karma, and this weary round of birth must be ever and ever run through, until the being reaches the end of the seventh Round, or attains in the interim the wisdom of an Arhat, then that of a Buddha, and thus gets relieved for a Round or two, having learned how to burst through the vicious circles, and to pass into Pari-Nirvana.

Hãy để tôi thử một lần nữa để giải thích cho bạn một vài trong số nhiều trạng thái ở Devachan và Avitchi. Như trong cuộc sống trần thế thực tế, cũng có đối với chân ngã ở Devachan sự rung động đầu tiên của cuộc sống tâm linh, sự đạt được thời kỳ sung mãn, sự cạn kiệt dần dần của lực chuyển sang bán ý thức, sự lãng quên và hôn mê dần dần và—không phải cái chết—mà là sự ra đời, sự ra đời vào một phàm ngã khác và sự tiếp tục hành động, vốn hàng ngày sinh ra những tập hợp nguyên nhân mới phải được giải quyết trong một thời hạn Devachan khác, và một lần tái sinh thể xác khác như một phàm ngã mới. Cuộc sống ở Devachan và trên trái đất sẽ tương ứng như thế nào trong mỗi trường hợp được xác định bởi Nghiệp quả, và vòng luân hồi mệt mỏi này phải được trải qua mãi mãi, cho đến khi hữu thể đạt đến cuối Cuộc Tuần Hoàn thứ bảy, hoặc đạt được trong thời gian đó sự minh triết của một A la hán, sau đó là của một Đức Phật, và do đó được giải thoát trong một hoặc hai Cuộc Tuần Hoàn, đã học được cách phá vỡ các vòng luẩn quẩn và đi vào Pari-Niết Bàn.

But suppose that it is not the case of a Bacon, Goethe, Shelley, or a Howard, but of some humdrum person, some colourless, flavourless personality who never impinged upon the world enough to make himself felt. What then? Simply that his Devachan state is as colourless and feeble as was his personality. How could it be otherwise, since cause and effect are equal? But suppose a cause of a monster of wickedness, sensuality, ambition, avarice, pride, deceit, etc., but who nevertheless has a germ or germs of something better, flashes of more divine nature—where is he to go to? The said spark smouldering under a heap of dirt will

Nhưng giả sử đó không phải là trường hợp của một Bacon, Goethe, Shelley, hay một Howard, mà là một người tẻ nhạt nào đó, một phàm ngã nhạt nhẽo, vô vị, người chưa bao giờ tác động đủ đến thế giới để khiến người đó được cảm nhận. Vậy thì sao? Đơn giản là trạng thái Devachan của y cũng nhạt nhẽo và yếu ớt như phàm ngã của y. Làm sao có thể khác được, vì nhân và quả là ngang nhau? Nhưng giả sử một nguyên nhân của một con quái vật độc ác, dâm dục, tham vọng, hà tiện, kiêu ngạo, lừa dối, v.v., nhưng dù sao vẫn có một mầm mống hoặc các mầm mống của một điều gì đó tốt đẹp hơn, những tia sáng của bản chất thiêng liêng hơn—y sẽ đi đâu? Tia lửa nói trên

counteract nevertheless the attraction of the Eighth Sphere, whither fall but absolute *nonentities,* failures of nature, to be remodelled entirely, whose divine monad separated itself from the fifth principle during their lifetime (whether in the next preceding birth, since such cases are also on our records) and who have lived as soulless human beings. (See *Isis,* Vol. II, p.369, the word soul standing there for spiritual soul, of course, which, whenever it leaves a person soulless, becomes the cause of the fifth principle—animal soul—sliding down into the eighth sphere.) Of these persons whose sixth principle has left them, while the seventh, having lost its vehicle, can exist independently no longer, their fifth or animal soul of course goes down into the bottomless pit. This will perhaps make Eliphas Levi's hints still more clear to you, if you read over what he says, and my remarks on the margin thereon (see *Theosophist,* October, 1881, "Death,") and reflect upon the words used, "useless drones," etc. [See Appendix A.] Well, the first named entity then cannot with all its wickedness go to the Eighth Sphere, since his wickedness is of a *too spiritual*, refined nature. He is a monster, not a mere soulless brute. He will not be simply *annihilated*, but *punished,* for annihilation, *i.e.,* total oblivion, and the fact of being snuffed out of conscious existence, constitutes, *per se,* no punishment, and as Voltaire expressed it " le néant ne laisse pas d'avoir du bon". Here is no taper glimmer to be puffed out by a zephyr, but a strong, positive, maleficent energy, fed and developed by circumstances, some of which may have actually been beyond his control. There must be for such a nature a state corresponding to Devachan, and this is found in Avitchi, the perfect antithesis of Devachan, vulgarised by the Western nations into Hell and Heaven, and which you have entirely lost sight of in your *Fragments*. [See Appendix B.] Remember,

âm ỉ dưới một đống bụi bẩn dù sao cũng sẽ chống lại sự hấp dẫn của Bát Cầu, nơi chỉ những kẻ hoàn toàn vô nghĩa, những thất bại của tự nhiên, rơi vào để được tái tạo hoàn toàn, có chân thần thiêng liêng tách khỏi nguyên tắc thứ năm của họ trong suốt cuộc đời của họ (cho dù trong lần sinh trước đó, vì những trường hợp như vậy cũng có trong hồ sơ của chúng ta) và những người đã sống như những con người không có linh hồn. (Xem Isis, Tập II, tr.369, từ linh hồn ở đó là linh hồn tinh thần, tất nhiên, bất cứ khi nào nó rời khỏi một người không có linh hồn, sẽ trở thành nguyên nhân khiến nguyên tắc thứ năm—linh hồn động vật—trượt xuống bát cầu.) Trong số những người có nguyên tắc thứ sáu đã rời bỏ họ, trong khi nguyên tắc thứ bảy, sau khi mất đi vận cụ của nó, không còn có thể tồn tại độc lập nữa, thì linh hồn động vật thứ năm của họ tất nhiên sẽ xuống vực thẳm. Điều này có lẽ sẽ làm cho những gợi ý của Eliphas Levi trở nên rõ ràng hơn với bạn, nếu bạn đọc lại những gì Bạn nói, và những nhận xét của tôi bên lề về nó (xem Theosophist, tháng 10 năm 1881, "Cái Chết,") và suy ngẫm về những từ được sử dụng, "những kẻ ăn bám vô dụng," v.v. [Xem Phụ lục A.] Vâng, thực thể được nêu tên đầu tiên sau đó không thể với tất cả sự độc ác của nó đi đến Bát Cầu, vì sự độc ác của y có bản chất quá tinh thần, tinh tế. Y là một con quái vật, không chỉ là một con vật không có linh hồn. Y sẽ không đơn giản bị tiêu diệt, mà bị trừng phạt, vì sự tiêu diệt, tức là sự lãng quên hoàn toàn, và việc bị dập tắt khỏi sự tồn tại có ý thức, tự nó không phải là một hình phạt, và như Voltaire đã nói "le néant ne laisse pas d'avoir du bon". Ở đây không có ngọn đèn yếu ớt nào bị một cơn gió nhẹ thổi tắt, mà là một năng lượng mạnh mẽ, tích cực, độc hại, được nuôi dưỡng và phát triển bởi các hoàn cảnh, một số trong đó có thể thực sự nằm ngoài tầm kiểm soát của y. Phải có một trạng thái tương ứng với Devachan cho một bản chất như vậy, và điều này được tìm thấy ở Avitchi, sự đối nghịch hoàn hảo của

to be immortal in good, one must identify oneself with good (or God); to be immortal in evil, with evil (or Satan). Misconceptions of such terms as "Spirit," "Soul," "Individuality," "Personality" and (especially "Immortality" provoke wordy wars between a great number of idealistic debaters, and to complete your *Fragment*, I found it necessary to add Avitchi to Devachan as its complement, and apply to it the same laws as to the former. This is done with your permission in the appendix. [The "appendix" referred to appears on p. 137, Theosophist, March 1883. It will be found at the end of this work as Appendix B.]

Devachan, bị các quốc gia phương Tây thô tục hóa thành Địa ngục và Thiên đường, và bạn đã hoàn toàn bỏ qua trong các Mảnh vỡ của mình. [Xem Phụ lục B.] Hãy nhớ rằng, để bất tử trong điều tốt, người ta phải đồng nhất mình với điều tốt (hoặc Thượng đế); để bất tử trong điều ác, với điều ác (hoặc Satan). Những quan niệm sai lầm về các thuật ngữ như "Tinh thần," "Linh hồn," "Tính cá nhân," "Phàm ngã" và (đặc biệt là "Sự Bất Tử" gây ra những cuộc chiến bằng lời nói giữa một số lượng lớn các nhà tranh luận duy tâm, và để hoàn thành Mảnh vỡ của bạn, tôi thấy cần phải thêm Avitchi vào Devachan như một sự bổ sung của nó, và áp dụng cho nó các định luật tương tự như đối với cái trước. Điều này được thực hiện với sự cho phép của bạn trong phụ lục. ["Phụ lục" được đề cập xuất hiện trên tr. 137, Theosophist, tháng 3 năm 1883. Nó sẽ được tìm thấy ở cuối tác phẩm này dưới dạng Phụ lục B.]

Having explained the situation sufficiently, I may now answer your query No.1 directly. Yes, certainly, there is a change of occupation, a continual change in Devachan, just as much, and far more, as there is in the life of any man or woman who happens to follow, his or her whole life, one sole occupation whatever it may be—with this difference, that to the Devachanee this special occupation is always pleasant and fills his life with rapture. Change, then, there must be, for that dream life is but the fruition, the harvest time, of those psychic seed-germs dropped from the tree of physical existence in our moments of dreams, hopes and fancy, glimpses of bliss and happiness stifled in an ungrateful social soil, blooming in the rosy dawn of Devachan and ripening under its ever-fructifying sky. No failures *there*, no disappointments. If man had but *one* single moment of ideal happiness and experience during his life, as you think, even then, if Devachan exists, it could not be, as you

Sau khi giải thích tình hình đầy đủ, giờ tôi có thể trả lời trực tiếp câu hỏi số 1 của bạn. Vâng, chắc chắn, có một sự thay đổi về nghề nghiệp, một sự thay đổi liên tục trong Devachan, cũng nhiều như vậy, và hơn thế nữa, như trong cuộc đời của bất kỳ người nam hay nữ nào, người tình cờ theo đuổi, cả cuộc đời của người đó, một nghề duy nhất dù nó có thể là gì—với sự khác biệt này, rằng đối với Devachanee, nghề nghiệp đặc biệt này luôn dễ chịu và lấp đầy cuộc đời y bằng sự ngây ngất. Vậy thì phải có sự thay đổi, vì cuộc sống giấc mơ đó chỉ là sự thành đạt, thời điểm thu hoạch, của những mầm mống tâm linh đó rơi xuống từ cây sự tồn tại thể xác trong những khoảnh khắc mơ ước, hy vọng và tưởng tượng của chúng ta, những thoáng nhìn về hạnh phúc và niềm vui bị kìm hãm trong một mảnh đất xã hội vô ơn, nở rộ trong bình minh tươi đẹp của Devachan và chín dưới bầu trời luôn sinh trái của nó. Không có thất bại ở đó, không có thất vọng. Nếu con người chỉ có một khoảnh khắc hạnh phúc và

erroneously suppose, the indefinite prolongation of that "single moment," but the indefinite developments of the various incidents and events based upon, and outflowing from, that one single moment or moments, as the case may be—all, in short, that would suggest itself to the dreamer's fancy. That one note, as I said, struck from the lyre of life, could form but the keynote of the being's subjective state, and work out its numberless harmonic tones and semitones of psychic phantasmagoria.

trải nghiệm lý tưởng duy nhất trong cuộc đời mình, như bạn nghĩ, thì ngay cả khi đó, nếu Devachan tồn tại, nó không thể, như bạn lầm tưởng, là sự kéo dài vô thời hạn của "khoảnh khắc duy nhất" đó, mà là sự phát triển vô thời hạn của các sự cố và sự kiện khác nhau dựa trên, và tuôn ra từ, khoảnh khắc hoặc những khoảnh khắc duy nhất đó, tùy theo trường hợp —tóm lại, tất cả những gì sẽ gợi ý cho trí tưởng tượng của người mơ. Nốt nhạc duy nhất đó, như tôi đã nói, được đánh ra từ cây đàn lyre của cuộc đời, chỉ có thể tạo thành nốt chủ đạo của trạng thái chủ quan của hữu thể, và tạo ra vô số âm điệu hài hòa và bán âm của ảo ảnh tâm linh.

There, all unrealised hopes, aspirations and dreams become fully realised, and the *dreams* of the objective become the *realities* of the subjective existence. And there, behind the curtain of Maya, its vaporous and deceptive appearances are perceived by the Adept who has learnt the great secret how to penetrate thus deeply into the Arcana of being. Doubtless my question, whether you had experienced monotony during what you consider the happiest moment of your life, has entirely misled you. This letter is thus the just penance for my laziness to amplify the explanation.

Ở đó, tất cả những hy vọng, khát vọng và giấc mơ chưa thành hiện thực đều trở thành hiện thực hoàn toàn, và *những giấc mơ* của khách quan trở thành *thực tế* của sự tồn tại chủ quan. Và ở đó, sau bức màn Maya, những vẻ ngoài bốc hơi và lừa dối của nó được nhận thấy bởi Chân sư, người đã học được bí mật lớn về cách thâm nhập sâu sắc vào Arcana của hữu thể. Chắc chắn câu hỏi của tôi, liệu bạn có trải qua sự đơn điệu trong khoảnh khắc hạnh phúc nhất của cuộc đời bạn hay không, đã hoàn toàn đánh lừa bạn. Bức thư này do đó là sự sám hối chính đáng cho sự lười biếng của tôi để khuếch đại lời giải thích.

Answer—2. What cycle is meant? The "minor cycle" meant is of course the completion of the seventh Round, as decided upon and explained. Besides that, at the end of each of the seven Rounds, comes a less full remembrance, only of the Devachanic experiences taking place between the numerous births at the end of each personal life. But the complete recollection of all the lives (earthly and Devachanic—omniscience, in short) comes but at the great end of the full seven Rounds (unless one had become in the interim a Bodhisattva, an Arhat), the

Trả lời—2. Chu kỳ nào được nói đến? "Chu kỳ nhỏ" được nói đến tất nhiên là sự hoàn thành của Vòng Thứ Bảy, như đã được quyết định và giải thích. Bên cạnh đó, vào cuối mỗi Vòng trong số bảy Vòng, có một sự tưởng nhớ ít đầy đủ hơn, chỉ về những trải nghiệm Devachan diễn ra giữa nhiều lần sinh vào cuối mỗi cuộc đời cá nhân. Nhưng sự hồi tưởng hoàn chỉnh về tất cả các cuộc đời (thể xác và Devachan—tóm lại là sự toàn tri) chỉ đến vào cuối lớn của bảy Vòng đầy đủ (trừ khi một người đã trở thành một Bồ Tát, một A La Hán trong thời gian đó), ngưỡng cửa của Niết Bàn có nghĩa là

threshold of Nirvana meaning an indefinite period. Naturally a man, a *seventh Rounder* (who completes his earthly migrations at the beginning of the last race and ring), will have to wait longer at that threshold, than one of the very last of those Rounds. That life of the Elect between the minor Pralaya and Nirvana —or rather *before* the Pralaya—is the great reward, the grandest in fact, since it makes of the ego (though he may never have been an Adept, but simply a virtuous worthy man in most of his existences) virtually a God, an omniscient conscious being, a candidate for eternities of aeons as a Dhyan Chohan. Enough, I am betraying the mysteries of Initiation.

một khoảng thời gian vô định. Đương nhiên, một người, một người hoàn thành Vòng Thứ Bảy (người hoàn thành các cuộc di cư trần thế của mình vào đầu chủng tộc và vòng cuối cùng), sẽ phải đợi lâu hơn ở ngưỡng cửa đó, so với một trong những người cuối cùng của những Vòng đó. Cuộc sống của Người Được Chọn giữa Giai kỳ qui nguyên nhỏ và Niết Bàn —hay đúng hơn là trước Giai kỳ qui nguyên— là phần thưởng lớn, thực tế là lớn nhất, vì nó biến chân ngã (mặc dù y có thể chưa bao giờ là một Chân sư, mà chỉ đơn giản là một người đàn Bạn đức hạnh đáng kính trong hầu hết các sự tồn tại của y) về cơ bản là một Thượng đế, một hữu thể có ý thức toàn tri, một ứng cử viên cho sự vĩnh cửu của các aeon như một Dhyan Chohan. Đủ rồi, tôi đang phản bội những bí ẩn của Điểm đạo.

But what has "Nirvana" to do with the recollections of objective existences? That is a state still higher, and in which all things objective are forgotten. It is a state of absolute rest and assimilation with Parabrahm, it is Parabrahm itself.

Nhưng "Niết Bàn" có liên quan gì đến những hồi ức về sự tồn tại khách quan? Đó là một trạng thái thậm chí còn cao hơn, và trong đó tất cả những thứ khách quan đều bị lãng quên. Đó là một trạng thái nghỉ ngơi và đồng hóa tuyệt đối với Parabrahm, nó chính là Parabrahm.

Oh for the sad ignorance of our philosophic truths in the West, and for the inability of *your* greatest intellects to seize the true spirit of those teachings! What shall we do, what can we do.?

Ôi, sự thiếu hiểu biết đáng buồn về những sự thật triết học của chúng ta ở phương Tây, và sự bất lực của những trí tuệ vĩ đại nhất của bạn trong việc nắm bắt tinh thần thực sự của những giáo lý đó! Chúng ta sẽ làm gì, chúng ta có thể làm gì.?

Question— 3. [The answer to this is not in the MS.] You postulate an intercourse of entities in Devachan which applies only to the mutual relationship of physical existence. Two sympathetic souls will each work out its own Devachanic sensations making the other a sharer in its subjective bliss, but yet each is dissociated from the other as regards actual mutual intercourse. For what companionship could there be between two subjective entities

Câu hỏi—3. [Câu trả lời cho điều này không có trong bản thảo.] Bạn đưa ra một sự giao tiếp của các thực thể trong Devachan, điều này chỉ áp dụng cho mối quan hệ tương hỗ của sự tồn tại thể xác. Hai linh hồn đồng cảm sẽ mỗi người tạo ra những cảm giác Devachan của riêng mình, khiến người kia chia sẻ niềm hạnh phúc chủ quan của mình, nhưng mỗi người vẫn tách biệt khỏi người kia về mặt giao tiếp thực tế lẫn nhau. Vì có thể có sự đồng hành nào

which are not even as material as that ethereal body, the *Mayavi-rupa*?

Answer—4 Devachan is a state, not a locality. Rupa Loka, Arupa Loka, and Kama Loka are three spheres of ascending *spirituality,* in which the several groups of subjective entities find their attractions. In the Kama Loka (semi-physical sphere, dwell the shells, the victims and suicides, and the sphere is divided into innumerable regions and sub-regions, corresponding to the mental states of the comers at their hour of death. This is the glorious Summerland of the Spiritualists, to whose horizons is limited the vision of their best seers—vision imperfect and defective because untrained and non-guided by Alaya (hidden knowledge). Who in the West knows anything of true Sahalokadhatu, the mysterious Chiliocosm, [Mentioned in Beal's Catena of Buddhism. pp. 101. 116.] out of the many regions of which but three can be given to the outside world, the Tribhuvana (three worlds), namely Kama, Rupa and Arupa Lokas? Yet see the sad mess produced in Western minds by the mention of even these three. From Kama Loka there is the great Chiliocosm. Once awakened from their *post mortem* torpor, the newly translated "souls" go (all but the shells) according to their attractions either to Devachan or Avitchi. And these two states are again differentiated *ad infinitum,* their ascending degrees of spirituality drawing their names from the Lokas in which they are induced. For instance, the sensations, perceptions and ideation of a Devachanee in Rupa Loka will of course be of a less subjective character, than they would be in Arupa Loka, in both of which the Devachanic experiences will vary in their presentation to the subject entity, not only as regards form, colour and substance, but also in their formative potentialities. But not even the highest Devachanic state in Arupa Loka

giữa hai thực thể chủ quan thậm chí không vật chất như thể dĩ thái, Mayavi-rupa?

Trả lời—4 Devachan là một trạng thái, không phải là một địa điểm. Rupa Loka, Arupa Loka và Kama Loka là ba cõi tâm linh tăng dần, trong đó một số nhóm thực thể chủ quan tìm thấy sự hấp dẫn của chúng. Trong Kama Loka (cõi bán vật chất, nơi ở của các vỏ bọc, các nạn nhân và những người tự tử, và cõi này được chia thành vô số khu vực và vùng phụ, tương ứng với trạng thái trí tuệ của những người đến vào giờ chết của họ. Đây là Summerland vinh quang của các Nhà Thần Linh Học, mà tầm nhìn của những nhà ngoại cảm giỏi nhất của họ bị giới hạn—tầm nhìn không hoàn hảo và khiếm khuyết vì không được đào tạo và không được Alaya (kiến thức ẩn giấu) hướng dẫn. Ai ở phương Tây biết bất cứ điều gì về Sahalokadhatu thực sự, Chiliocosm bí ẩn, [Được đề cập trong Catena of Buddhism của Beal. tr. 101. 116.] trong số nhiều khu vực mà chỉ có ba khu vực có thể được cung cấp cho thế giới bên ngoài, Tribhuvana (ba cõi), cụ thể là Kama, Rupa và Arupa Lokas? Tuy nhiên, hãy xem mớ hỗn độn đáng buồn được tạo ra trong tâm trí phương Tây khi đề cập đến ngay cả ba điều này. Từ Kama Loka có Chiliocosm vĩ đại. Sau khi thức tỉnh khỏi sự hôn mê sau khi chết, những "linh hồn" mới được chuyển hóa sẽ đi (tất cả trừ các vỏ bọc) theo sự hấp dẫn của chúng hoặc đến Devachan hoặc Avitchi. Và hai trạng thái này lại được phân biệt ad infinitum, các mức độ tâm linh tăng dần của chúng lấy tên từ các Lokas mà chúng được tạo ra. Ví dụ, những cảm giác, nhận thức và ý niệm của một Devachanee trong Rupa Loka tất nhiên sẽ có tính chủ quan ít hơn so với trong Arupa Loka, trong cả hai trạng thái này, những trải nghiệm Devachan sẽ khác nhau trong cách trình bày của chúng cho thực thể chủ quan, không chỉ về hình thức, màu sắc và chất liệu, mà còn về tiềm năng hình thành của chúng. Nhưng ngay cả trạng thái Devachan cao nhất trong Arupa

(the last of seven states) is comparable to that perfectly subjective condition of pure spirituality, from which the monad emerged to descend into matter, and to which at the completion of the grand cycle it must return, nor is Nirvana itself comparable to Pari-Nirvana.

Loka (trạng thái cuối cùng trong số bảy trạng thái) cũng không thể so sánh với trạng thái chủ quan hoàn toàn của tâm linh thuần khiết, từ đó chân thần nổi lên để giáng xuống vật chất, và đến đó khi hoàn thành chu kỳ lớn, nó phải trở về, cũng như chính Niết Bàn không thể so sánh với Pari-Niết Bàn.

Answer—5. Reviving consciousness begins after the struggle in Kama Loka at the door of Devachan, and only after the "gestation period". Please turn to my responses on the subject in your "Famous Contradictions".

Trả lời—5. Tâm thức hồi sinh bắt đầu sau cuộc đấu tranh ở Kama Loka tại cửa Devachan, và chỉ sau "giai đoạn thai nghén". Vui lòng chuyển đến các phản hồi của tôi về chủ đề này trong "Những Mâu Thuẫn Nổi Tiếng" của bạn.

Answer—6. Your deductions, as to the indefinite prolongation in Devachan of some one moment of earthly bliss, having been unwarranted, your question in the last paragraph of this need not be considered. The stay in Devachan is proportioned to the unfinished psychic impulses originating in earth-life. Those whose attractions were preponderatingly material will sooner be drawn back into rebirth by the force of Tanha. [The "thirst" or craving for existence.] As one London opponent truly remarks, these subjects (metaphysical) are only partly for understanding. A higher faculty belonging to the higher life must see; and it is truly impossible to force it upon one's understanding merely in words. One must see with his spiritual eye, hear with his Dharma-kayic ear, feel with the sensations of his Astitya Vijnana (spiritual "I", before one can comprehend this doctrine fully, otherwise it may but increase one's discomfort and add to his knowledge very little.

Trả lời—6. Những suy luận của bạn, về sự kéo dài vô thời hạn trong Devachan của một khoảnh khắc hạnh phúc trần thế nào đó, là không có cơ sở, câu hỏi của bạn trong đoạn cuối cùng của điều này không cần phải xem xét. Thời gian ở lại Devachan tỷ lệ với những xung động tâm linh chưa hoàn thành bắt nguồn từ cuộc sống trần thế. Những người có sức hút chủ yếu là vật chất sẽ sớm bị kéo trở lại tái sinh bởi sức mạnh của Tanha. ["Cơn khát" hay khao khát sự tồn tại.] Như một đối thủ ở Luân Đôn đã nhận xét một cách chân thực, những chủ đề này (siêu hình học) chỉ dành một phần cho sự hiểu biết. Một khả năng cao hơn thuộc về cuộc sống cao hơn phải nhìn thấy; và thực sự không thể ép buộc nó vào sự hiểu biết của một người chỉ bằng lời nói. Người ta phải nhìn bằng con mắt tinh thần của mình, nghe bằng tai Dharma-kayic của mình, cảm nhận bằng những cảm giác của Astitya Vijnana (cái "Tôi" tinh thần, trước khi người ta có thể hiểu đầy đủ giáo lý này, nếu không nó có thể chỉ làm tăng thêm sự khó chịu của một người và thêm vào kiến thức của y rất ít.

Answer—7. The "reward" provided by nature for men who are benevolent in a large systematic way, and who have not focussed their affections upon an individual or speciality is that, if pure, they pass the quicker

Trả lời—7. "Phần thưởng" mà tự nhiên cung cấp cho những người nhân từ một cách có hệ thống lớn, và những người không tập trung tình cảm của họ vào một cá nhân hoặc đặc thù là, nếu thanh khiết, họ vượt qua Kama và Rupa

for that through the Kama and Rupa Lokas into the higher sphere of Tribhuvana, since it is one where the formation of the abstract ideas and the consideration of general principles fill the thought of its occupants. Personality is the synonym for limitation; and the more contracted the person's ideas, the closer will he cling to the lower spheres of being, the longer loiter on the plane of selfish social intercourse. The social status of a being is, of course, a result of Karma, the law being that like attracts like. The renascent being is drawn into the gestative current with which preponderating attractions coming over from the last birth make him assimilate. Thus one who died a great ryot [A cultivator.] may be reborn a king; so a dead sovereign may see the light in a coolie's hut. This law of attraction asserts itself in a thousand "accidents of birth," than which there could not be a greater misnomer. When you realise at last the following, that the Skandhas [The components of a being, according to Buddhism.] are the elements of limited existence, then you will have realised also one of the conditions of Devachan which has such a profoundly unsatisfactory outlook for you. Nor are your inferences (as regards the well-being and enjoyment of the upper classes being due to a better Karma) quite correct in their general application. They have had a ring about them which is hardly reconcilable with Karmic law, since those "well-being and enjoyments" are oftener the *causes* of a new and overloaded Karma, than the production or effects of the latter, even, as a broad rule, poverty and humble condition in life are less a cause of sorrow than wealth or high birth. But of that later on. My answers are once more assuming rather the shape of a volume than the decent aspect of a letter.

Lokas nhanh hơn vào cõi cao hơn của Tribhuvana, vì đó là một nơi mà sự hình thành các ý tưởng trừu tượng và việc xem xét các nguyên tắc chung lấp đầy suy nghĩ của những người cư ngụ ở đó. Phàm ngã là từ đồng nghĩa với sự giới hạn; và những ý tưởng của một người càng hạn hẹp, y càng bám chặt vào các cõi thấp hơn của hữu thể, càng nán lại lâu hơn trên cõi giao tiếp xã hội ích kỷ. Địa vị xã hội của một hữu thể, tất nhiên, là kết quả của Nghiệp quả, định luật là những thứ tương tự thu hút những thứ tương tự. Hữu thể tái sinh bị cuốn vào dòng thai nghén mà những sức hút vượt trội đến từ lần sinh cuối cùng khiến y đồng hóa. Vì vậy, một người chết là một ryot vĩ đại [Một người trồng trọt.] có thể được tái sinh thành một vị vua; vì vậy, một vị vua đã chết có thể nhìn thấy ánh sáng trong một túp lều của người phu khuân vác. Định luật hấp dẫn này khẳng định chính nó trong hàng ngàn "tai nạn sinh ra," mà không thể có một tên gọi sai lầm nào lớn hơn. Khi cuối cùng bạn nhận ra điều sau đây, rằng các Skandhas [Các thành phần của một hữu thể, theo Phật giáo.] là các yếu tố của sự tồn tại giới hạn, thì bạn cũng sẽ nhận ra một trong những điều kiện của Devachan, điều này có một triển vọng vô cùng không thỏa đáng đối với bạn. Cũng không phải những suy luận của bạn (về hạnh phúc và sự hưởng thụ của các tầng lớp thượng lưu là do Nghiệp quả tốt hơn) hoàn toàn chính xác trong ứng dụng chung của chúng. Chúng có một vòng vo mà khó có thể hòa giải với định luật Nghiệp quả, vì những "hạnh phúc và sự hưởng thụ" đó thường là nguyên nhân của một Nghiệp quả mới và quá tải, hơn là sự sản sinh hoặc tác động của cái sau, thậm chí, theo một quy tắc rộng rãi, nghèo đói và điều kiện khiêm tốn trong cuộc sống ít là nguyên nhân của nỗi buồn hơn là sự giàu có hoặc xuất thân cao quý. Nhưng về điều đó sau. Các câu trả lời của tôi một lần nữa mang hình dạng của một cuốn sách hơn là khía cạnh lịch sự của một lá thư.

Question— 1. The remarks appended to a letter in the last "Theosophist." [June 1882.] page 226, col 1, strike me as very important and as qualifying (I do not say contradicting) a good deal of what we have hitherto been told in re Spiritualism. We have heard of a spiritual condition of life in which the redeveloped ego enjoyed a conscious existence for a time before reincarnation in another world, but that branch of the subject has hitherto been slurred over. Now some explicit statements are made about it and these suggest further enquiries. In the Devachan the new ego retains complete recollection of his life on earth, apparently. Is that so, or is there any misunderstanding on that point on my part?

Câu hỏi— 1. Những nhận xét kèm theo một lá thư trong "Nhà Thông Thiên Học" cuối cùng. [Tháng 6 năm 1882.] trang 226, cột 1, gây ấn tượng với tôi là rất quan trọng và đủ điều kiện (tôi không nói là mâu thuẫn) rất nhiều điều mà chúng ta đã được cho biết từ trước đến nay liên quan đến Thông Linh Học. Chúng ta đã nghe nói về một trạng thái tinh thần của sự sống, trong đó chân ngã được tái phát triển tận hưởng một sự tồn tại có ý thức trong một thời gian trước khi tái sinh vào một thế giới khác, nhưng nhánh chủ đề đó cho đến nay đã bị bỏ qua. Bây giờ một số tuyên bố rõ ràng được đưa ra về nó và những điều này gợi ý những câu hỏi sâu hơn. Trong Devachan, chân ngã mới dường như vẫn giữ được ký ức hoàn chỉnh về cuộc đời của y trên trái đất. Có phải vậy không, hay có bất kỳ sự hiểu lầm nào về điểm đó từ phía tôi không?

Answer—The Devachan, or land of "Sukhavati" is *allegorically* described by our Lord Buddha himself. What he said may be found in the *Shan-mun-yihtung*. Says Tathagata: "Many thousand myriads of systems of worlds beyond this [ours] there is a region of bliss called *Sukhavati.* This region is encircled within *seven* rows of railings, seven rows of vast curtains, seven rows of waving trees; this holy abode of Arhats is governed by the Tathagatas [Dhyan Chohans] and is possessed by the Bodhisattvas. It hath *seven* precious lakes in the midst of which flow crystalline waters having *seven* and *one* properties or distinctive qualities [the seven principles emanating from the *One*]. This, O Sariputra, is the Devachan. The divine Udambara flower casts a root *in the shadow of every earth,* and blossoms for all those who reach it. Those born in the blessed region are truly felicitous, there are no more griefs or sorrows *in that cycle* for them. Myriads of spirits resort there for rest and then *return to their own regions* [those who have not ended

Trả lời—Devachan, hay vùng đất "Sukhavati" được chính Đức Phật của chúng ta mô tả *một cách tượng trưng*. Những gì Ngài nói có thể được tìm thấy trong *Shan-mun-yihtung*. Như Lai nói: "Nhiều ngàn vạn hệ thống thế giới vượt ra ngoài [của chúng ta] có một vùng đất hạnh phúc gọi là Sukhavati. Vùng đất này được bao bọc bên trong bảy hàng lan can, bảy hàng màn che rộng lớn, bảy hàng cây lay động; nơi ở linh thiêng của các A la hán này được cai quản bởi các Như Lai [Dhyan Chohans] và được sở hữu bởi các Bồ Tát. Nó có bảy hồ quý giá ở giữa có dòng nước kết tinh có bảy và một thuộc tính hoặc phẩm chất đặc biệt [bảy nguyên tắc phát ra từ Đấng Duy Nhất]. Này, Sariputra, đây là Devachan. Bông hoa Udambara thiêng liêng gieo một gốc rễ trong bóng tối của mọi trái đất, và nở rộ cho tất cả những ai chạm đến nó. Những người sinh ra ở vùng đất may mắn thực sự hạnh phúc, không còn đau buồn hay sầu khổ nào trong chu kỳ đó đối với họ nữa. Vô số linh hồn tìm đến đó để nghỉ ngơi và sau đó trở về vùng đất của họ [những người chưa kết thúc các vòng trái đất của họ.] Một lần nữa, này

their earth rings.] Again, O Sariputra, in that land of joy many who are born in it are Avaivartyas," etc. [literally, those who will never return, the seventh Round men, etc.] [For the full discourse in the Chinese version, see Beal's Catena of Buddhist Scriptures. pp.378.382]

Sariputra, ở vùng đất của niềm vui đó, nhiều người sinh ra ở đó là Avaivartyas," v.v. [theo nghĩa đen, những người sẽ không bao giờ quay trở lại, những người của Vòng thứ bảy, v.v.] [Để biết toàn bộ bài thuyết giảng trong phiên bản tiếng Trung, hãy xem Beal's Catena of Buddhist Scriptures. trang 378.382]

Question— 2. Now except in the fact that the duration of existence in the Devachan is limited, there is a very close resemblance between the condition and the Heaven of ordinary religion (omitting anthropomorphic ideas of God).

Câu hỏi— 2. Bây giờ ngoại trừ việc thời gian tồn tại ở Devachan là có hạn, có một sự tương đồng rất lớn giữa điều kiện và Thiên đường của tôn giáo thông thường (bỏ qua những ý tưởng nhân hình về Thượng đế).

Answer—Certainly the new ego, once that it is reborn, retains for a certain time, proportionate to its earth life, a "complete recollection of his life on earth" (see your preceding query). But it can *never* return on earth from the Devachan, nor has the latter, even omitting all "anthropomorphic ideas of God," any resemblance to Paradise, or Heaven of any religion, and it is H.P.B's literary fancy that suggested to her the wonderful comparison.

Trả lời—Chắc chắn chân ngã mới, một khi được tái sinh, giữ lại trong một khoảng thời gian nhất định, tương xứng với cuộc đời trần thế của y, một "ký ức hoàn chỉnh về cuộc đời của y trên trái đất" (xem câu hỏi trước của bạn). Nhưng y không bao giờ có thể trở lại trái đất từ Devachan, và Devachan, ngay cả khi bỏ qua tất cả "những ý tưởng nhân hình về Thượng đế", cũng không có bất kỳ sự tương đồng nào với Thiên đường, hay Thiên đàng của bất kỳ tôn giáo nào, và chính trí tưởng tượng văn học của Bà HPB đã gợi ý cho Bà sự so sánh tuyệt vời đó.

Question— 3. Now the question of importance is, who goes to Heaven, or Devachan? Is this condition only attained by the few who are very good, or by the many who are not very bad, after the lapse in their case of a longer unconsciousness, incubation, or gestation?

Câu hỏi— 3. Bây giờ câu hỏi quan trọng là, ai lên Thiên đàng, hay Devachan? Điều kiện này chỉ đạt được bởi một số ít người rất tốt, hay bởi nhiều người không quá xấu, sau khi trải qua một thời gian dài hơn của sự bất tỉnh, ấp ủ, hay thai nghén trong trường hợp của họ?

Answer—"Who goes to Devachan?" The personal ego, of course, but beatified, purified, holy. Every ego—the combination of the sixth and seventh principles which after the period of unconscious gestation is reborn into the Devachan—is of necessity as innocent and pure as a new born babe. The fact of his being

Trả lời— "Ai đến Devachan?" Tất nhiên là phàm ngã, nhưng được ban phước, thanh lọc, thánh thiện. Mọi chân ngã—sự kết hợp của nguyên tắc thứ sáu và thứ bảy mà sau giai đoạn thai nghén vô thức được tái sinh vào Devachan—là tất yếu vô tội và thuần khiết như một đứa trẻ sơ sinh. Bản thân việc y được

reborn at all shows the preponderance of good over evil in his old personality. And while the Karma (of evil) steps aside for the time being to follow him in his future earth-reincarnation, he brings along with him but the Karma of his good deeds, words and thoughts into this Devachan. "Bad" is a relative term for us—as you were told more than once before—and the law of Retribution is the only law that never errs. Hence all those who have not slipped down into the mire of unredeemable sin and bestiality go to the Devachan. They will have to pay for their sins, voluntary and involuntary, later on. Meanwhile they are rewarded; they receive the *effects* of the *causes* produced by them.

tái sinh cho thấy sự vượt trội của thiện so với ác trong phàm ngã cũ của y. Và trong khi Nghiệp quả (của cái ác) tạm thời tránh sang một bên để theo y trong lần tái sinh trên trái đất trong tương lai, y mang theo mình Nghiệp quả của những việc làm, lời nói và suy nghĩ tốt đẹp của y vào Devachan này. "Xấu" là một thuật ngữ tương đối đối với chúng ta—như bạn đã được cho biết hơn một lần trước đây—và định luật Báo ứng là định luật duy nhất không bao giờ sai sót. Do đó, tất cả những người không trượt chân vào vũng lầy của tội lỗi và thú tính không thể cứu vãn đều đến Devachan. Họ sẽ phải trả giá cho những tội lỗi của mình, dù là tự nguyện hay không tự nguyện, sau này. Trong khi đó, họ được tưởng thưởng; họ nhận được những ảnh hưởng của những nguyên nhân do họ tạo ra.

Of course it is a *state*, one, so to say of *intense selfishness,* during which an ego reaps the reward of his *unselfishness* on earth. He is completely engrossed in the bliss of all his personal earthly affections, preferences and thoughts, and gathers in the fruit of his meritorious actions. No pain, no grief, nor even the shadow of a sorrow comes to darken the bright horizon of his unalloyed happiness, for it is a state of perpetual "Maya". Since the conscious perception of one's *personality* on earth is but an evanescent dream, that sense will be equally that of a dream in the Devachan, only a hundredfold intensified. So much so indeed, that the happy ego is unable to see through the veil of evils, sorrows and woes to which those it loves on earth may be subjected. It lives in that sweet dream with its loved ones, whether gone before or yet remaining on earth; it has them near itself, as happy, as blissful and as innocent as the disembodied dreamer himself; and yet, apart from rare visions, the denizens of our gross planet feel it not. It is in this, during such a condition of complete Maya, that the souls or

Tất nhiên, đó là một trạng thái, có thể nói là *ích kỷ tột độ,* trong đó một chân ngã gặt hái phần thưởng cho *sự vị tha* của y trên trái đất. Y hoàn toàn đắm mình trong hạnh phúc của tất cả những tình cảm, sở thích và suy nghĩ trần thế cá nhân của y, và thu thập thành quả từ những hành động công đức của y. Không có nỗi đau, không có nỗi buồn, thậm chí không có bóng dáng của một nỗi buồn nào đến làm tối đi chân trời tươi sáng của hạnh phúc thuần khiết của y, vì đó là một trạng thái "ảo lực" vĩnh viễn. Vì nhận thức có ý thức về *phàm ngã* của một người trên trái đất chỉ là một giấc mơ phù du, nên cảm giác đó cũng sẽ giống như một giấc mơ ở Devachan, chỉ là cường độ tăng lên gấp trăm lần. Đến nỗi chân ngã hạnh phúc không thể nhìn xuyên qua bức màn của những điều xấu xa, đau buồn và khổ đau mà những người y yêu thương trên trái đất có thể phải chịu đựng. Y sống trong giấc mơ ngọt ngào đó với những người thân yêu của mình, dù đã ra đi trước hay vẫn còn ở trên trái đất; y có họ ở gần mình, hạnh phúc, hoan lạc và vô tội như chính người mơ không còn thân xác; và tuy nhiên, ngoài những linh kiến hiếm hoi, cư dân của

astral egos of pure, loving sensitives, labouring under the same illusion, think their loved ones come down to them on earth, while it is their own spirits that are raised towards those in the Devachan. Many of the *subjective* spiritual communications—most of them when the sensitives are pure indeed—are real; but it is most difficult for the *uninitiated* medium to fix in his mind the true and correct picture of what he sees and hears. Some of the phenomena called psychography (though more rarely) are also real. The spirit of the sensitive getting odylised, so to say, by the aura of the spirit in Devachan, becomes for a few minutes *that departed personality,* and writes in the handwriting of the latter, in his language and in his thoughts as they were during his life time. The two spirits become blended in one; and the preponderance of one over the other during such phenomena determines the preponderance of *personality* in the characteristics exhibited in such writings and trance speaking. What you call the "rapport" is in plain fact an identity of molecular vibration between the astral part of the incarnate medium and the astral part of the disincarnate personality.

hành tinh thô trược của chúng ta không cảm nhận được điều đó. Chính trong điều này, trong một điều kiện ảo lực hoàn toàn như vậy, mà linh hồn hoặc phàm ngã cảm dục của những người nhạy cảm thuần khiết, yêu thương, đang chịu cùng một ảo tưởng, nghĩ rằng những người thân yêu của họ xuống với họ trên trái đất, trong khi chính tinh thần của họ được nâng lên đối với những người ở Devachan. Nhiều giao tiếp tinh thần chủ quan —hầu hết trong số đó khi những người nhạy cảm thực sự thuần khiết—là có thật; nhưng rất khó để đồng tử *chưa được điểm đạo* cố định trong tâm trí của y bức tranh chân thực và chính xác về những gì y nhìn và nghe thấy. Một số hiện tượng được gọi là tâm văn (mặc dù hiếm hơn) cũng là có thật. Tinh thần của người nhạy cảm được odyl hóa, có thể nói như vậy, bởi hào quang của tinh thần ở Devachan, trong vài phút trở thành phàm ngã đã khuất đó, và viết bằng chữ viết tay của người đó, bằng ngôn ngữ của y và trong những suy nghĩ của y như chúng đã từng trong suốt cuộc đời của y. Hai linh hồn trở nên hòa trộn làm một; và sự vượt trội của người này so với người kia trong những hiện tượng như vậy quyết định sự vượt trội của phàm ngã trong những đặc điểm được thể hiện trong những bài viết và lời nói xuất thần như vậy. Cái mà bạn gọi là "mối tương giao" trên thực tế là một sự đồng nhất về rung động phân tử giữa phần cảm dục của đồng tử nhập thể và phần cảm dục của phàm ngã xuất thể.

I have just noticed an article on Smell by some English professor (which I will cause to be reviewed in *Theosophist* [Referring to an article of Professor William Ramsay in Nature, June 22, 1882; a review appears in Theosophist, August, 1882, under the title, "The Harmonies of Smell". See Appendix C.] and say a few words) and find in it something that applies to our case. As in music two different sounds may be in accord and

Tôi vừa mới để ý một bài báo về Khứu giác của một giáo sư người Anh nào đó (mà tôi sẽ cho đăng bài đánh giá trên Theosophist [Đề cập đến một bài báo của Giáo sư William Ramsay trên tạp chí Nature, ngày 22 tháng 6 năm 1882; một bài đánh giá xuất hiện trên Theosophist, tháng 8 năm 1882, dưới tiêu đề, "Sự hài hòa của Khứu giác". Xem Phụ lục C.] và nói một vài lời) và tìm thấy trong đó một điều gì đó áp dụng cho trường hợp của chúng ta.

separately distinguishable—this harmony or discord depending upon the synchronous vibrations and complementary periods—so there is rapport between medium and control when their astral molecules move in accord. And the question whether the communication shall reflect more of the one personal idiosyncrasy or the other is determined by the relative intensity of the two sets of vibrations in the compound wave in the *Akasa*. The less identical the vibratory impulses the more mediumistic and less spiritual will be the message. So then, measure your medium's moral state by that of the alleged controlling intelligence, and your tests of genuineness leave nothing to be desired.

Giống như trong âm nhạc, hai âm thanh khác nhau có thể hòa hợp và có thể phân biệt được riêng biệt—sự hài hòa hay bất hòa này tùy thuộc vào các rung động đồng bộ và các chu kỳ bổ sung—vì vậy có mối tương giao giữa đồng tử và người điều khiển khi các phân tử cảm dục của họ di chuyển hài hòa. Và câu hỏi liệu giao tiếp sẽ phản ánh nhiều hơn về đặc điểm cá nhân của người này hay người kia được xác định bởi cường độ tương đối của hai bộ rung động trong sóng hỗn hợp trong Akasa. Các xung động rung động càng ít giống nhau thì thông điệp sẽ càng mang tính đồng tử và ít tinh thần hơn. Vì vậy, hãy đánh giá trạng thái đạo đức của đồng tử của bạn bằng trạng thái của trí tuệ điều khiển bị cáo buộc, và các bài kiểm tra về tính xác thực của bạn không còn gì để mong muốn.

Question— 4. Are there great varieties of condition within the limits so to speak of Devachan, so that an appropriate state is dreamed into by all, from which they will be born into lower or higher conditions in the next world of causes? It is of no use to multiply hypotheses: we want some information to go upon.

Câu hỏi— 4. Có rất nhiều loại điều kiện trong giới hạn, có thể nói như vậy, của Devachan, để tất cả mọi người đều mơ về một trạng thái thích hợp, từ đó họ sẽ được sinh ra trong những điều kiện thấp hơn hoặc cao hơn trong thế giới của các nguyên nhân tiếp theo? Việc nhân lên các giả thuyết là vô ích: chúng ta cần một số thông tin để dựa vào.

Answer—Yes, there are great varieties in the Devachan states, and it is all as you say—as many varieties of bliss as on earth there are shades of perception and capability to appreciate such reward. It is an ideated paradise of the ego's own making, and by him filled with the scenery, crowded with the incidents and thronged with the people he would expect to find in such a state of compensative bliss. And it is that variety which guides the temporary personal ego into the current which will lead him to be reborn in a higher or lower condition in the next world of causes. Everything is so harmoniously adjusted in nature, especially in the subjective world, that no mistake can ever be committed

Trả lời—Vâng, có rất nhiều loại trạng thái Devachan, và tất cả đều như bạn nói—có nhiều loại hạnh phúc như trên trái đất có những sắc thái nhận thức và khả năng đánh giá cao phần thưởng đó. Đó là một thiên đường được hình thành từ ý niệm do chính chân ngã tạo ra, và được y lấp đầy bằng phong cảnh, chật chội với những sự cố và đông đúc với những người mà y mong đợi sẽ tìm thấy trong một trạng thái hạnh phúc bù đắp như vậy. Và chính sự đa dạng đó hướng dẫn phàm ngã tạm thời vào dòng chảy sẽ dẫn y đến việc được tái sinh trong một điều kiện cao hơn hoặc thấp hơn trong thế giới của các nguyên nhân tiếp theo. Mọi thứ đều được điều chỉnh hài hòa trong tự nhiên, đặc biệt là trong thế giới chủ quan, đến nỗi

by the Tathagatas, or Dhyan Chohans who guide the impulses.

Question— 5. On the face of the idea, a purely spiritual state would only be enjoyable to the entities highly spiritualised in this life. But where are the myriads of very good people (morally) who are not spiritualised at all? How can they be fitted to pass, with their recollections of this life, from a material to a spiritual condition of existence?

Answer—It is a "spiritual condition" only as contrasted with our own grossly material condition, and, as already stated, it is such degrees of spirituality that constitute and determine the great varieties of conditions within the limits of Devachan. A mother from a savage tribe is not less happy than a mother from a regal palace, with her lost child in her arms; and, although as actual egos, children prematurely dying before the perfection of their septenary entity do not find their way to Devachan, yet all the same the mother's loving fancy finds her children there, without one missing that her heart yearns for. Say it is but a dream; but after all what is objective life itself but a panorama of vivid unrealities? The pleasure realized by a red Indian in his happy hunting grounds in that land of dreams is not less intense than the ecstasy felt by a connoisseur who passes aeons in the rapt delight of listening to divine symphonies by imaginary angelic choirs. As it is no fault of the former if born a savage with an instinct to kill, though it caused the death of many an innocent animal, why—if with it all he was a loving father, son, husband,—why should not he also enjoy his share of reward? The case would be quite different if the same cruel acts had been done by an educated and civilised person from a mere love of sport. The savage

không có sai lầm nào có thể xảy ra bởi các Như Lai, hay Dhyan Chohans, những người hướng dẫn các xung động.

Câu hỏi— 5. Về mặt ý tưởng, một trạng thái thuần túy tinh thần sẽ chỉ thú vị đối với những thực thể được tinh thần hóa cao trong cuộc sống này. Nhưng vô số người rất tốt (về mặt đạo đức) nhưng không hề được tinh thần hóa thì ở đâu? Làm thế nào họ có thể phù hợp để chuyển đổi, với những ký ức về cuộc đời này, từ một điều kiện vật chất sang một điều kiện tồn tại tinh thần?

Trả lời—Đó là một "điều kiện tinh thần" chỉ khi so sánh với điều kiện vật chất thô trược của chúng ta, và, như đã nói, chính những mức độ tinh thần đó cấu thành và xác định sự đa dạng lớn của các điều kiện trong giới hạn của Devachan. Một người mẹ từ một bộ lạc man rợ không kém hạnh phúc hơn một người mẹ từ một cung điện hoàng gia, với đứa con đã mất trong vòng tay của bà; và, mặc dù là những chân ngã thực tế, những đứa trẻ chết non trước khi sự hoàn thiện của thực thể thất phân của chúng không tìm đường đến Devachan, nhưng dù sao thì trí tưởng tượng yêu thương của người mẹ vẫn tìm thấy con cái của bà ở đó, không thiếu một ai mà trái tim bà khao khát. Hãy nói rằng đó chỉ là một giấc mơ; nhưng sau tất cả thì bản thân cuộc sống khách quan là gì ngoài một bức tranh toàn cảnh về những điều không có thật sống động? Niềm vui mà một người da đỏ đạt được trong khu săn bắn hạnh phúc của y ở vùng đất của những giấc mơ đó không kém phần mãnh liệt so với sự ngây ngất mà một người sành sỏi cảm thấy khi trải qua vô số kỷ nguyên trong niềm vui ngây ngất khi lắng nghe những bản giao hưởng thiêng liêng của các dàn hợp xướng thiên thần tưởng tượng. Vì không phải lỗi của người trước nếu sinh ra là một kẻ man rợ với bản năng giết người, mặc dù nó gây ra cái chết của nhiều động vật vô tội, thì tại sao—nếu với tất cả

in being reborn would simply take a low place in the scale by reason of his imperfect moral development, while the Karma of the other would be tainted with moral delinquency. Everyone but that ego which, attracted by its gross magnetism, falls into the current that will draw it into "the Planet of Death"—the mental as well as the physical satellite of our earth—is fitted to pass into a relative spiritual condition adjusted by his previous condition in life and mode of thought.

những điều đó y là một người cha, người con, người chồng yêu thương,—tại sao y cũng không được hưởng phần thưởng của mình? Trường hợp sẽ hoàn toàn khác nếu những hành động tàn ác tương tự được thực hiện bởi một người có học thức và văn minh chỉ vì tình yêu thể thao. Người man rợ khi được tái sinh sẽ chỉ đơn giản là chiếm một vị trí thấp trong thang bậc do sự phát triển đạo đức không hoàn hảo của y, trong khi Nghiệp quả của người kia sẽ bị vấy bẩn bởi sự phạm tội về mặt đạo đức. Mọi người trừ chân ngã đó, bị thu hút bởi từ tính thô trược của nó, rơi vào dòng chảy sẽ kéo nó vào "Hành Tinh của Cái Chết"—vệ tinh tinh thần cũng như thể xác của trái đất chúng ta—đều phù hợp để chuyển sang một điều kiện tinh thần tương đối được điều chỉnh bởi điều kiện trước đó của y trong cuộc sống và phương thức tư duy.

To my knowledge and recollection, H.P.B. explained to Mr. Hume that man's sixth principle, as something purely spiritual, could not exist or have *conscious* being in the Devachan, unless it assimilated some of the more abstract and pure of the mental attributes of the fifth principle or the animal soul—its Manas (mind) and memory. When man dies, his second and third principles die with him; the *lower triad* disappears, and the fourth, fifth, sixth and seventh principles form the surviving *Quaternary* (read again p. 6, in *Fragments of O. T.)* [Fragments of Occult Truth. Eight articles with this title appeared in Theosophist, from October, 1881, to May, 1883. The articles are unsigned, but references in these letters, and in letters of Mr. Sinnett, show that they were practically the joint production, in the beginning at least, of Mr. Sinnett and Mr. Hume. No.1 however seems to have been Mr. Hume's. Seven "Fragments " appeared as two pamphlets, the first bearing the imprint "Issued by the Parent Theosophical Society," and the second,

Theo như tôi biết và nhớ lại, Bà HPB đã giải thích với Bạn Hume rằng nguyên lý thứ sáu của con người, như một cái gì đó thuần túy tinh thần, không thể tồn tại hoặc có hữu thức trong cõi Devachan, trừ khi nó đồng hóa một số thuộc tính trí tuệ trừu tượng và thuần khiết hơn của nguyên lý thứ năm hoặc linh hồn động vật—Manas (thể trí) và ký ức của nó. Khi con người chết, nguyên lý thứ hai và thứ ba của y chết theo; tam giác hạ đẳng biến mất, và nguyên lý thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy tạo thành Tứ thể còn sót lại (đọc lại trang 6, trong Các Mảnh O. T.) [Các Mảnh Chân Lý Huyền Bí. Tám bài báo với tiêu đề này đã xuất hiện trên Theosophist, từ tháng 10 năm 1881 đến tháng 5 năm 1883. Các bài báo không có chữ ký, nhưng các tham chiếu trong những lá thư này và trong thư của Bạn Sinnett, cho thấy rằng chúng thực tế là sản phẩm chung, ít nhất là ban đầu, của Bạn Sinnett và Bạn Hume. Tuy nhiên, số 1 dường như là của Bạn Hume. Bảy "Mảnh" đã xuất hiện dưới dạng hai cuốn sách nhỏ, cuốn đầu tiên mang dấu ấn "Được phát hành bởi Hội Thông Thiên Học Gốc", và cuốn

"Printed by the Parent Theosophical Society".] Thenceforth it is a "death" struggle between the upper and lower dualities. If the upper wins, the sixth, having attracted to itself the quintessence of *good* from the fifth—its nobler affections, its saintly (though they be earthly) aspirations and the most spiritualised portions of its mind—follows its divine *Elder* of the seventh into the "gestation state"; and the fifth and fourth remain in association as an empty shell (the expression is quite correct) to roam in the earth's atmosphere with half the personal memory gone, and the more brutal instincts fully alive for a certain period —an "Elementary" in short. This is the "Angel guide" of the average medium. If, on the other hand, it is the upper *duality* which is defeated, then, it is the fifth principle that assimilates all that there may be left of personal recollection and perception of its personal individuality in the sixth. But with all this additional stock it will not remain in Kama Loka, the world of desire, or our earth's atmosphere; in a very short time, like a straw floating within the attraction of the vortices and pits of the maelstrom, it is caught up and drawn into the great whirlpool of human egos, while the sixth and seventh, now a purely spiritual *individual monad*, with nothing left in it of the late personality, having no regular "gestation" period to pass through (since there is no *purified* personal ego to be reborn), after a more or less prolonged period of unconscious rest in the boundless space will find itself reborn in another personality on the next planet. When arrives the period of full individual consciousness which preceded that of *absolute* consciousness in Pari-Nirvana, this lost personal life becomes as a torn-out page in the great Book of Lives, without even a disconnected word left to mark its absence. The purified monad will neither perceive nor remember it in the series of its past rebirths,

thứ hai, "Được in bởi Hội Thông Thiên Học Gốc".] Sau đó, đó là một cuộc đấu tranh "sinh tử" giữa nhị nguyên tính thượng đẳng và hạ đẳng. Nếu bên trên thắng thế, thì thứ sáu, sau khi thu hút được tinh hoa của cái tốt từ thứ năm—những tình cảm cao thượng hơn, những khát vọng thánh thiện (mặc dù chúng thuộc về trần thế) và những phần tinh thần nhất của thể trí—sẽ đi theo Huynh Trưởng thiêng liêng của nó là thứ bảy vào "trạng thái thai nghén"; và thứ năm và thứ tư vẫn liên kết với nhau như một cái vỏ rỗng (cách diễn đạt này hoàn toàn chính xác) để lang thang trong bầu khí quyển của Trái Đất với một nửa ký ức cá nhân đã mất, và những bản năng tàn bạo hơn hoàn toàn sống động trong một khoảng thời gian nhất định—nói tóm lại là một "Bản chất Nguyên tố". Đây là "người hướng dẫn Thiên Thần" của đồng tử trung bình. Mặt khác, nếu nhị nguyên tính thượng đẳng bị đánh bại, thì chính nguyên lý thứ năm sẽ đồng hóa tất cả những gì có thể còn lại của ký ức cá nhân và nhận thức về cá tính cá nhân của nó trong thứ sáu. Nhưng với tất cả vốn liếng bổ sung này, nó sẽ không ở lại Kama Loka, thế giới của dục vọng, hay bầu khí quyển của Trái Đất chúng ta; trong một thời gian rất ngắn, giống như một cọng rơm trôi nổi trong lực hút của các xoáy nước và hố của vực nước xoáy, nó bị cuốn vào và hút vào vòng xoáy lớn của các chân ngã của con người, trong khi thứ sáu và thứ bảy, giờ đây là một chân thần cá nhân thuần túy tinh thần, không còn gì sót lại của phàm ngã quá khứ, không có giai đoạn "thai nghén" thông thường để trải qua (vì không có chân ngã cá nhân thanh lọc nào được tái sinh), sau một giai đoạn nghỉ ngơi vô thức ít nhiều kéo dài trong không gian vô tận sẽ thấy mình được tái sinh trong một phàm ngã khác trên hành tinh tiếp theo. Khi đến thời kỳ hữu thức cá nhân trọn vẹn vốn có trước hữu thức tuyệt đối trong Pari-Nirvana, thì cuộc sống cá nhân đã mất này trở thành một trang bị xé toạc trong Cuốn Sách Sự Sống vĩ đại, thậm chí

which it would had it gone to the "world of forms" (Rupa Loka), and its retrospective glance will not perceive even the slightest sign to indicate that it has been. The light of Samma-Sambuddha,

không còn một từ rời rạc nào để đánh dấu sự vắng mặt của nó. Chân thần thanh lọc sẽ không nhận thấy cũng như không nhớ nó trong chuỗi tái sinh quá khứ của nó, điều mà nó sẽ có nếu nó đi đến "thế giới của các hình tướng" (Rupa Loka), và cái nhìn hồi tưởng của nó thậm chí sẽ không nhận thấy dấu hiệu nhỏ nhất nào cho thấy nó đã từng ở đó. Ánh sáng của Samma-Sambuddha,

That light which shines beyond our mortal ken,

Ánh sáng chiếu rọi vượt quá tầm nhìn của người phàm chúng ta,

The light of all the lives in all the worlds.

Ánh sáng của tất cả các sự sống trong tất cả các thế giới.

throws no ray upon that *personal* life in the series of lives forgone. To the credit of mankind I must say that such an utter obliteration of an existence from the tablets of universal Being does not occur often enough to make a great percentage. In fact, like the much mentioned congenital idiot, such a thing is *lusus naturae*—an exception, not the rule.

không chiếu một tia nào vào cuộc sống cá nhân đó trong chuỗi các kiếp sống đã qua. Để ghi nhận công lao của nhân loại, tôi phải nói rằng sự xóa bỏ hoàn toàn một sự tồn tại khỏi các bản ghi của Bản Thể vũ trụ không xảy ra đủ thường xuyên để tạo ra một tỷ lệ lớn. Trên thực tế, giống như chứng ngớ ngẩn bẩm sinh được nhắc đến nhiều, một điều như vậy là lusus naturae—một ngoại lệ, không phải là quy tắc.

Question— 6. And now is a spiritual existence, in which everything is merged into the sixth principle, compatible with that consciousness of individual and personal material life which must be attributed to the ego in Devachan, if he retains his earthly consciousness, as stated in "Theosophist" note?

Câu hỏi— 6. Và bây giờ, một sự tồn tại tinh thần, trong đó mọi thứ được hợp nhất vào nguyên lý thứ sáu, có tương thích với hữu thức về đời sống vật chất cá nhân và riêng biệt vốn phải được quy cho chân ngã trong cõi Devachan, nếu y giữ lại hữu thức trần thế của mình, như đã nêu trong ghi chú của "Theosophist" không?

Answer—The question is now sufficiently explained, I believe. The sixth and seventh principles apart from the rest, constitute the eternal, imperishable, but also *unconscious* "monad." To awaken it to life, the latent consciousness, especially that of *personal* individuality, requires the monad *plus* the highest attributes of the fifth (the animal soul), and it is that which makes the eternal

Trả lời—Tôi tin rằng câu hỏi hiện đã được giải thích đầy đủ. Nguyên lý thứ sáu và thứ bảy tách biệt với phần còn lại, cấu thành "chân thần" vĩnh cửu, bất diệt, nhưng cũng vô thức. Để đánh thức nó với sự sống, hữu thức tiềm ẩn, đặc biệt là hữu thức về cá tính cá nhân, đòi hỏi chân thần cộng với các thuộc tính cao nhất của thứ năm (linh hồn động vật), và chính điều đó tạo nên chân ngã vĩnh cửu, vốn sống và tận

ego, that lives and enjoys bliss in Devachan. Spirit, or the unalloyed emanation of the One —the latter forming with the seventh and sixth principles the highest triad—neither of the two emanations are capable of assimilating, but that which is good, pure and holy; hence no sensual material or unholy recollection can follow the purified memory of the ego to the region of bliss. The Karma for these recollections of evil deeds and thoughts will reach the ego when it *changes* personality in the following world of causes. The *monad*, or the "spiritual individuality," remains untainted in all cases. No sorrow or pain for those born there (in the Rupa Loka of Devachan) for this is the pure land. All the regions in space posses such lands (Sakwala), but this land of bliss is the most pure. "By personal purity and earnest meditation we overleap the limits of the world of desire, and enter into the world of forms." (*Djnana-prasthana Shastra.)*

hưởng hạnh phúc trong cõi Devachan. Tinh thần, hay sự xuất lộ thuần khiết của Đấng Duy Nhất—Đấng sau này hợp thành Tam Nguyên Tinh Thần cao nhất với nguyên lý thứ bảy và thứ sáu—không một trong hai sự xuất lộ có khả năng đồng hóa, mà là những gì tốt, thuần khiết và thánh thiện; do đó, không có ký ức vật chất hay không thánh thiện nào có thể theo ký ức thanh lọc của chân ngã đến miền hạnh phúc. Nghiệp quả cho những ký ức về những hành động và suy nghĩ xấu xa này sẽ đến với chân ngã khi nó thay đổi phàm ngã trong thế giới của các nguyên nhân tiếp theo. Chân thần, hay "cá tính tinh thần", vẫn không bị vấy bẩn trong mọi trường hợp. Không có nỗi buồn hay đau đớn nào cho những người sinh ra ở đó (trong Rupa Loka của cõi Devachan) vì đây là vùng đất thuần khiết. Tất cả các khu vực trong không gian đều sở hữu những vùng đất như vậy (Sakwala), nhưng vùng đất hạnh phúc này là thuần khiết nhất. "Bằng sự thuần khiết cá nhân và thiền định chân thành, chúng ta vượt qua các giới hạn của thế giới dục vọng và bước vào thế giới của các hình tướng." (Djnana-prasthana Shastra.)

Question— 7. The period of gestation between death and Devachan has hitherto been conceived, by me at all events, as very long. Now it is said to be in some cases only a few days, in no case (it is implied) more than a few years. This seems plainly stated, but I ask if it can be explicitly confirmed, because it is a point on which so much turns.

Câu hỏi— 7. Thời gian thai nghén giữa cái chết và cõi Devachan cho đến nay, ít nhất là theo tôi, được hình dung là rất dài. Bây giờ người ta nói rằng trong một số trường hợp chỉ là vài ngày, trong mọi trường hợp (ngụ ý) không quá vài năm. Điều này dường như được nêu rõ ràng, nhưng tôi hỏi liệu nó có thể được xác nhận rõ ràng hay không, bởi vì đó là một điểm mà rất nhiều điều xoay quanh.

Answer—Another fine sample of the habitual disorder in which Mrs. H.P.B's mental furniture is kept. She talks of "Bardo," [In article referred to in Question—1.] and does not even say to her readers what it means; as in her writing room confusion is ten times confounded, so in her mind are crowded ideas piled in such a chaos that when she wants to

Trả lời—Một mẫu vật tuyệt vời khác về sự rối loạn quen thuộc trong đó đồ đạc trí tuệ của Bà HPB được cất giữ. Bà nói về "Bardo," [Trong bài báo được đề cập trong **Câu hỏi**—1.] và thậm chí không nói với độc giả của mình ý nghĩa của nó là gì; như trong phòng viết của Bà, sự nhầm lẫn tăng lên gấp mười lần, vì vậy trong thể trí của Bà, những ý tưởng chen chúc được chất đống

express them the tail peeps out before the head. “Bardo” has nothing to do with the duration of time in the case you are referring to. “Bardo” is the period between death and rebirth, and may last from a few years to a kalpa. It is divided into three sub-periods: -I-. When the ego, delivered of its mortal coil, enters into Kama Loka (Tibetan *tuli-kai*), the abode of the elementaries. -II-. When it enters into its “gestation state”. -III-. When it is reborn in the Rupa Loka of Devachan, Sub-period -I-. may last from a few minutes to a number of years (the phrase a “few years” becoming puzzling and utterly worthless without a more complete explanation); sub-period -II-, is very long, as you say, longer sometimes than you may even imagine, yet proportionate to the ego’s spiritual stamina; sub-period -III-, lasts in proportion to the good Karma, after which the monad is again reincarnated. The Agama Sutra saying, “In all these Rupa-Lokas the devas [spirits] are equally subjected to birth decay, old age and death” means only that an ego is borne thither, then begins fading out and finally dies,” *i.e.,* falls into that unconscious condition which precedes rebirth; and ends the sloka with these words, “As the devas emerge from these heavens, they enter the lower world again,” *i.e.,* they leave a world of bliss to be reborn in the world of causes.

trong một mớ hỗn độn đến nỗi khi Bà muốn diễn đạt chúng, cái đuôi ló ra trước cái đầu. “Bardo” không liên quan gì đến khoảng thời gian trong trường hợp bạn đang đề cập. “Bardo” là khoảng thời gian giữa cái chết và sự tái sinh, và có thể kéo dài từ vài năm đến một kalpa. Nó được chia thành ba giai đoạn phụ: -I-. Khi chân ngã, được giải thoát khỏi lớp vỏ phàm trần của nó, đi vào Kama Loka (tiếng Tây Tạng tuli-kai), nơi ở của các bản chất nguyên tố. -II-. Khi nó bước vào “trạng thái thai nghén” của nó. -III-. Khi nó được tái sinh trong Rupa Loka của cõi Devachan, Giai đoạn phụ -I-. có thể kéo dài từ vài phút đến một số năm (cụm từ “vài năm” trở nên khó hiểu và hoàn toàn vô giá trị nếu không có một lời giải thích đầy đủ hơn); giai đoạn phụ -II-, rất dài, như bạn nói, đôi khi dài hơn bạn có thể tưởng tượng, nhưng tương xứng với sức chịu đựng tinh thần của chân ngã; giai đoạn phụ -III-, kéo dài tương xứng với Nghiệp quả tốt, sau đó chân thần lại được tái sinh. Kinh Agama nói rằng, “Trong tất cả những Rupa-Lokas này, các deva [linh hồn] đều phải chịu sự sinh ra, suy tàn, tuổi già và cái chết” chỉ có nghĩa là một chân ngã được sinh ra ở đó, sau đó bắt đầu mờ dần và cuối cùng chết đi,” tức là rơi vào trạng thái vô thức vốn có trước khi tái sinh; và kết thúc sloka bằng những lời này, “Khi các deva nổi lên từ những cõi trời này, họ lại bước vào thế giới thấp hơn,” tức là, họ rời khỏi một thế giới hạnh phúc để được tái sinh trong thế giới của các nguyên nhân.

Question— 8. In that case, and assuming that Devachan is not solely the heritage of Adepts and persons almost as elevated, there is a condition of existence tantamount to Heaven actually going on, from which the life of earth may be watched by an immense number of those who have gone before.

Câu hỏi— 8. Trong trường hợp đó, và giả sử rằng cõi Devachan không chỉ là di sản của các Chân sư và những người gần như được nâng cao như vậy, thì có một trạng thái tồn tại tương đương với Thiên Đường thực sự đang diễn ra, từ đó cuộc sống của Trái Đất có thể được theo dõi bởi một số lượng lớn những người đã đi trước.

Answer—Most emphatically the Devachan is

Trả lời—Nhấn mạnh nhất rằng cõi Devachan

not solely the heritage of the Adepts, and most decidedly there is a "heaven," if you *must* use this astro-geographical Christian term, for "an immense number of those who have gone before." But "the life of earth" can be watched by none of these, for reasons of the law of Bliss and Maya already given.

không chỉ là di sản của các Chân sư, và chắc chắn có một "thiên đường", nếu bạn phải sử dụng thuật ngữ Cơ đốc giáo thuộc địa lý chiêm tinh này, cho "một số lượng lớn những người đã đi trước". Nhưng "cuộc sống của Trái Đất" không thể được theo dõi bởi bất kỳ ai trong số này, vì những lý do của định luật Hạnh Phúc và Ảo Lực đã được đưa ra.

Question— 9. And for how long? Does this state of spiritual beatitude endure for years, for decades, for centuries?

Câu hỏi— 9. Và trong bao lâu? Trạng thái phúc lạc tinh thần này kéo dài trong nhiều năm, nhiều thập kỷ, nhiều thế kỷ?

Answer—For years, decades, centuries and millenniums, oftentimes X by something more. It all depends upon the duration of Karma. Fill with oil Denny's [Denny Sinnett, Mr. Sinnett's little boy.] cup and a city reservoir of water, and lighting both, see which burns the longer. The ego is the wick and Karma the oil, the difference in the quantity of the latter (in the cup and in the reservoir) suggesting to you the great difference in the duration of various Karmas. Every effect must be proportionate to the cause. And as man's term of incarnate existence bears but a small proportion to his periods of internatal existence in the Manvantaric cycle, so the good thoughts, words and deeds of any of these "lives" on a globe are causation of effects, the working out of which requires far more time than the evolution of the causes occupied. Therefore, when you read in the Jatakas and other "fabulous" stories of the Buddhist Scriptures that this or the other good action was rewarded by Kalpas of several figures of bliss, do not smile at the absurd exaggeration, but bear in mind what I have said. From a small seed sprung a tree whose life endures for twenty-two centuries—the Anuradhapura Bo-tree.[This tree, now in Ceylon, was a cutting from the original tree under which Lord Buddha attained to Buddahood. It was

Trả lời—Trong nhiều năm, nhiều thập kỷ, nhiều thế kỷ và thiên niên kỷ, thường thì X nhân với một cái gì đó nữa. Tất cả phụ thuộc vào thời gian của Nghiệp quả. Đổ đầy dầu vào cốc của Denny [Denny Sinnett, con trai nhỏ của Bạn Sinnett.] và một hồ chứa nước của thành phố, và thắp sáng cả hai, xem cái nào cháy lâu hơn. Chân ngã là bấc và Nghiệp quả là dầu, sự khác biệt về số lượng của cái sau (trong cốc và trong hồ chứa) gợi ý cho bạn sự khác biệt lớn về thời gian của các Nghiệp quả khác nhau. Mọi hiệu ứng phải tương xứng với nguyên nhân. Và vì thời gian tồn tại nhập thể của con người chỉ chiếm một phần nhỏ so với thời gian tồn tại giữa các kiếp sống của y trong chu kỳ Giai kỳ sinh hóa, nên những suy nghĩ, lời nói và hành động tốt đẹp của bất kỳ "kiếp sống" nào trên một địa cầu đều là nguyên nhân của các hiệu ứng, việc thực hiện những hiệu ứng này đòi hỏi nhiều thời gian hơn so với sự tiến hóa của các nguyên nhân. Do đó, khi bạn đọc trong Jatakas và những câu chuyện "huyền thoại" khác của Kinh điển Phật giáo rằng hành động tốt này hay hành động tốt khác đã được đền đáp bằng Kalpas của một số hình tượng hạnh phúc, đừng mỉm cười trước sự phóng đại vô lý, mà hãy ghi nhớ những gì tôi đã nói. Từ một hạt giống nhỏ mọc lên một cái cây có tuổi thọ kéo dài hai mươi hai thế kỷ —cây Bồ Đề Anuradhapura.[Cây này, hiện ở Tích Lan, là một nhánh từ cây gốc mà dưới đó

brought by Sanghamitta, the daughter of the Buddhist Emperor Asoka, and planted at Anuradhapura in the third century B.C. It is still flourishing.]

Đức Phật đã đạt được Phật quả. Nó được mang đến bởi Sanghamitta, con gái của Hoàng đế Phật giáo Asoka, và được trồng ở Anuradhapura vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Nó vẫn đang phát triển mạnh mẽ.]

Nor must you laugh if ever you come across *Pindadana* or any other Buddhist Sutra and read: "Between the Kama Loka and the Rupa Loka there is a locality, the dwelling of Mara [death]. This Mara, filled with passion and lust, destroys all virtuous principles as a stone grinds corn. [This Mara, as you may well think, is the allegorical image of the sphere called 'the Planet of Death'—the *whirlpool* whither disappear the lives doomed to destruction. It is between Kama and Rupa Lokas that the struggle takes place] His palace is 7,000 *yojanas* square and is surrounded by a *seven* fold wall." For you will feel now more prepared to understand the allegory. Also, when Beal, or Burnouf, or Rhys Davids in the innocence of their Christian and materialistic souls indulge in such translations as they generally do, we do not bear them malice for their commentaries, since they cannot know any better. But what can the following mean: "the names of the heavens [a mistranslation—Lokas are not heavens but localities or abodes] of desire, Kama Loka, so called because the beings who occupy them are subject to desires of eating, drinking, sleeping and love. They are otherwise called the abodes of the five (?) orders of sentient creatures—Devas, men, asuras, beasts, demons." (*Lautan Sutra*, translated by S. Beal.) They mean simply that, had the reverend translator been acquainted with the true doctrine a little better, he would have first divided the Devas into two classes—and called them the "Rupa Devas" and the "Arupa Devas" (the "form" or objective, and the "formless" or subjective Dhyan Chohans); and second, would have done the same for his class of "men," since there are shells and "Mara

Bạn cũng đừng cười nếu bạn bắt gặp Pindadana hoặc bất kỳ Kinh Phật nào khác và đọc: "Giữa cõi Kama Loka và cõi Rupa Loka có một địa phương, nơi ở của Mara [cái chết]. Mara này, tràn đầy đam mê và dục vọng, phá hủy mọi nguyên tắc đạo đức như đá nghiền ngô. [Mara này, như bạn có thể nghĩ, là hình ảnh ngụ ngôn của phạm vi được gọi là 'Hành Tinh của Cái Chết'—vòng xoáy nơi những sinh mệnh обречены biến mất. Cuộc đấu tranh diễn ra giữa Kama và Rupa Lokas] Cung điện của y rộng 7.000 do tuần và được bao quanh bởi một bức tường thất phân." Vì giờ đây bạn sẽ cảm thấy chuẩn bị tốt hơn để hiểu ngụ ngôn. Ngoài ra, khi Beal, hoặc Burnouf, hoặc Rhys Davids với tâm hồn Cơ đốc giáo và duy vật chất ngây thơ của họ đắm mình trong những bản dịch như họ thường làm, chúng ta không ác ý với họ vì những lời bình luận của họ, vì họ không thể biết rõ hơn. Nhưng những điều sau đây có nghĩa là gì: "tên của các thiên đường [một bản dịch sai—Lokas không phải là thiên đường mà là các địa phương hoặc nơi ở] của dục vọng, Kama Loka, được gọi như vậy vì những chúng sinh chiếm giữ chúng phải chịu những ham muốn ăn, uống, ngủ và yêu. Chúng còn được gọi là nơi ở của năm (?) cấp độ của các sinh vật hữu tình—Devas, con người, asuras, thú vật, quỷ dữ." (Lautan Sutra, do S. Beal dịch.) Chúng chỉ đơn giản có nghĩa là, nếu dịch giả đáng kính quen thuộc với giáo lý chân thật hơn một chút, thì trước tiên y sẽ chia Devas thành hai loại—và gọi chúng là "Rupa Devas" và "Arupa Devas" (Dhyan Chohans "có hình tướng" hay khách quan, và "vô hình tướng" hay chủ quan); và thứ hai, sẽ làm tương tự cho cấp độ "con người" của mình, vì có những vỏ bọc và "Mara rupas", tức là những

rupas," *i.e.*., bodies doomed to annihilation. All these are: (1) Rupa-devas—Dhyan Chohans having forms (Ex-men). [The Planetary Spirits of our Earth are not of the highest as you may well imagine, since, as Subba Row says in his criticism upon Oxley's work, no Eastern Adept would like to be compared with an angel or Deva—see May *Theosophist*. ["Philosophy of Spirit, with a new version of the Bhagavad-Gita by William Oxley," was reviewed in Theosophist, December 1881. In May 1882, T. Subba Row writes on the same work, "Examined from the Esoteric and Brahmanical Stand-Point".] (2) Arupa-devas—Dhyan Chohans having no forms (ex-men). (3) Pisachas (two-principled) ghosts or shells. (4) Mararupas (three-principled) bodies doomed to annihilation. (5) Asuras—elementals having no human form. (6) Beasts—second class animal elementals (these two classes, (5) and (6), are future men). (7) Rakshasas (demons)—souls or astral forms of sorcerers, men who have reached the apex of knowledge in the forbidden art; dead or alive, they have, so to say, cheated nature, but it is only temporary, until our planet goes into obscuration, after which they will have *nolens volens* to be *annihilated*. [In Abidharma Shastra (Metaphysics) we read "Buddha taught that on the outskirts of all Sakwalas, there is a black interval, without sun or moonlight for him who falls into it. There is no rebirth from it. It is the *cold* Hell, the great Naraka". This is Avitchi.**]** It is these seven groups that form the principal divisions of the dwellers of the subjective worlds around us. It is in stock No.-I- that are the intelligent Rulers of this world of matter, and who, with all their intelligence, are but the blindly obedient instruments of the ONE, the active agents of a Passive Principle.

thể обречены bị tiêu diệt. Tất cả những điều này là: (1) Rupa-devas—Dhyan Chohans có hình tướng (Cựu nhân). [Các Tinh Thần Hành Tinh của Trái Đất chúng ta không phải là cao nhất như bạn có thể tưởng tượng, vì, như Subba Row nói trong lời chỉ trích của mình về tác phẩm của Oxley, không một Chân sư phương Đông nào muốn bị so sánh với một thiên thần hoặc Deva—xem Theosophist tháng Năm. ["Triết lý về Tinh Thần, với một phiên bản mới của Bhagavad-Gita của William Oxley," đã được đánh giá trong Theosophist, tháng 12 năm 1881. Vào tháng 5 năm 1882, T. Subba Row viết về cùng một tác phẩm, "Được Kiểm Tra từ Quan Điểm Huyền Bí và Bà La Môn".] (2) Arupa-devas—Dhyan Chohans không có hình tướng (cựu nhân). (3) Pisachas (nhị nguyên)—ma hoặc vỏ bọc. (4) Mararupas (tam phân)—các thể обречены bị tiêu diệt. (5) Asuras—các hành khí không có hình dạng con người. (6) Thú vật—các hành khí động vật cấp độ hai (hai cấp độ này, (5) và (6), là những con người tương lai). (7) Rakshasas (ác quỷ)—linh hồn hoặc các thể cảm dục của phù thủy, những người đã đạt đến đỉnh cao của tri thức trong nghệ thuật bị cấm; dù sống hay chết, họ đã, có thể nói như vậy, lừa dối tự nhiên, nhưng nó chỉ là tạm thời, cho đến khi hành tinh của chúng ta đi vào thời kỳ mờ tối, sau đó họ sẽ nolens volens bị tiêu diệt. [Trong Abidharma Shastra (Siêu Hình Học), chúng ta đọc "Đức Phật dạy rằng ở vùng ngoại ô của tất cả Sakwalas, có một khoảng đen tối, không có mặt trời hay ánh trăng cho người rơi vào đó. Không có sự tái sinh từ đó. Đó là Địa ngục lạnh lẽo, Naraka vĩ đại". Đây là Avitchi.] Chính bảy nhóm này tạo thành các phân chia chính của những cư dân của các thế giới chủ quan xung quanh chúng ta. Chính trong kho số I- là những Đấng Cai Trị thông minh của thế giới vật chất này, và những Đấng, với tất cả trí thông minh của họ, chỉ là những công cụ tuân lệnh một cách mù quáng của Đấng Duy Nhất, những tác nhân tích cực của một

Nguyên Khí Thụ Động.

And thus are misinterpreted and mistranslated nearly all our Sutras; yet even under that confused jumble of doctrines and words, for one who knows even superficially the true doctrine, there is firm ground to stand upon. Thus, for instance, in enumerating the seven Lokas of Kama Loka, the *Avatamsaka Sutra* gives as the *seventh* "the Territory of Doubt". I will ask you to remember the name, as we shall have to speak of it hereafter. Every such world, within the sphere of effects has a Tathagata or Dhyan Chohan to protect and watch over, not to interfere with, it. Of course, of all men, Spiritualists will be the first to reject and throw off our doctrines to the "limbo of exploded superstitions". Were we to assure them that every one of their "Summerlands" had seven boarding houses in it, with the same number of "Spirit Guides" to "boss" in them, and call these "angels" St. Peters, St. Johns and St. Ernests, they would welcome us with open arms. But whoever heard of Tathagatas and Dhyan Chohans, Asuras, and elementals? Preposterous! Still we are happily allowed by our friends (Mr. Eglington at least) to be possessed "of a certain knowledge of occult sciences" (*vide Light*), and thus, even this mite of "knowledge" is at your service, and is now helping me to answer your following question:

Và như vậy, gần như tất cả các Kinh điển của chúng ta đều bị hiểu sai và dịch sai; tuy nhiên, ngay cả dưới mớ giáo lý và từ ngữ hỗn độn đó, đối với một người thậm chí chỉ biết sơ sài về giáo lý chân thật, vẫn có một nền tảng vững chắc để đứng vững. Ví dụ, khi liệt kê bảy Lokas của Kama Loka, Avatamsaka Sutra đưa ra thứ bảy là "Lãnh Thổ của Nghi Ngờ". Tôi sẽ yêu cầu bạn ghi nhớ cái tên này, vì chúng ta sẽ phải nói về nó sau. Mọi thế giới như vậy, trong phạm vi của các hiệu ứng, đều có một Tathagata hoặc Dhyan Chohan để bảo vệ và trông nom, chứ không phải can thiệp vào nó. Tất nhiên, trong tất cả mọi người, các nhà Thần Linh Học sẽ là những người đầu tiên bác bỏ và vứt bỏ các giáo lý của chúng ta vào "vùng đất của những điều mê tín dị đoan đã bị bác bỏ". Nếu chúng ta đảm bảo với họ rằng mỗi "Summerlands" của họ đều có bảy nhà trọ, với cùng số lượng "Hướng Dẫn Tinh Thần" để "chỉ huy" trong đó, và gọi những "thiên thần" này là Thánh Peter, Thánh John và Thánh Ernest, họ sẽ chào đón chúng ta với vòng tay rộng mở. Nhưng ai đã từng nghe nói về Tathagatas và Dhyan Chohans, Asuras và các hành khí? Thật lố bịch! Tuy nhiên, chúng ta rất may mắn được bạn bè (ít nhất là Bạn Eglington) cho phép sở hữu "một kiến thức nhất định về các khoa học huyền bí" (xem Light), và do đó, ngay cả chút "kiến thức" này cũng phục vụ bạn, và bây giờ đang giúp tôi trả lời câu hỏi sau của bạn:

Question— 10. Is there any intermediate condition between the spiritual beatitude of Devachan, and the forlorn shadow life of the only half-conscious elementary reliquiae of human beings who had lost their sixth principle? Because if so, that might give a locus standi in imagination to the Ernests and Joeys of the spiritual mediums, the better sort of controlling spirits. If so, surely that must be a very popular world from which any amount

Câu hỏi— 10. Có bất kỳ điều kiện trung gian nào giữa sự an lạc tinh thần của Devachan và cuộc sống bóng tối bị bỏ rơi của những tàn tích sơ đẳng chỉ nửa tỉnh táo của những con người đã mất đi nguyên tắc thứ sáu của họ không? Bởi vì nếu vậy, điều đó có thể mang lại một locus standi trong trí tưởng tượng cho Ernests và Joeys của các đồng cốt, loại tinh thần kiểm soát tốt hơn. Nếu vậy, chắc chắn đó phải là một thế giới rất phổ biến mà từ đó có thể đến bất kỳ

of spiritual communications might come.

Answer—Alas, no my friend; not that I know of. From Sukhavati down to the "territory of doubt," there is a variety of spiritual states; but I am not aware of any such "intermediate condition". I have told you of the Sakwalas (though I cannot be enumerating them since it would be useless); and even of Avitchi, the "Hell" from which there is no return, and I have no more to tell about it. "The forlorn shadow" has to do the best it can. As soon as it has stepped outside the Kama Loka and crossed the "Golden Bridge" leading to the "Seven Golden Mountains," the ego can confabulate no more with the easygoing mediums. No Ernest or Joey has ever returned from the Rupa Loka, let alone the Arupa Loka, to hold sweet intercourse with mortals.

Of course, there is a better sort of reliquiae, and the "shells," or the "earth walkers" as they are here called, are not necessarily *all* bad. But even those who are good are made bad for the time being by mediums. The shells may well not care, since they have nothing to lose anyhow. But there is another kind of "spirits" we have lost sight of: the suicides and those *killed by accident*. Both kinds can communicate and both have to pay dearly for such visits. And now I have to explain what I mean. Well, this class is the one that the French Spiritualists call *les esprits souffrants.* They are an exception to the rule, as they have to remain within the earth's attraction and in its atmosphere, Kama Loka, till the very last moment of what would have been the natural duration of their lives. In other words, that particular wave of life-evolution must run on to its shore. But it is a sin and cruelty to revive their memory and intensify their suffering by giving them a chance of living an artificial life—a chance to overload their Karma, by tempting them into opened doors,

số lượng giao tiếp tinh thần nào.

Trả lời—Than ôi, không, bạn của tôi; không phải là tôi biết. Từ Sukhavati xuống đến "lãnh thổ của nghi ngờ", có rất nhiều trạng thái tinh thần; nhưng tôi không biết về bất kỳ "điều kiện trung gian" nào như vậy. Tôi đã kể cho bạn về Sakwalas (mặc dù tôi không thể liệt kê chúng vì nó sẽ vô ích); và thậm chí cả Avitchi, "Địa ngục" mà không có sự trở lại, và tôi không còn gì để kể về nó nữa. "Cái bóng bị bỏ rơi" phải làm những gì tốt nhất có thể. Ngay sau khi nó bước ra khỏi Kama Loka và băng qua "Cây Cầu Vàng" dẫn đến "Bảy Ngọn Núi Vàng", chân ngã không thể trò chuyện thêm với các đồng cốt dễ dãi. Không một Ernest hay Joey nào từng trở về từ Rupa Loka, chứ đừng nói đến Arupa Loka, để có mối giao hảo ngọt ngào với người phàm.

Tất nhiên, có một loại reliquiae tốt hơn, và "vỏ bọc" hoặc "người đi trên đất" như chúng được gọi ở đây, không nhất thiết phải xấu. Nhưng ngay cả những người tốt cũng bị các đồng cốt làm cho trở nên xấu đi trong một thời gian. Các vỏ bọc có thể không quan tâm, vì dù sao thì chúng cũng không có gì để mất. Nhưng có một loại "linh hồn" khác mà chúng ta đã bỏ qua: những người tự tử và những người bị giết do tai nạn. Cả hai loại đều có thể giao tiếp và cả hai đều phải trả giá đắt cho những chuyến thăm như vậy. Và bây giờ tôi phải giải thích ý của mình. Vâng, cấp độ này là cấp độ mà các nhà Thần Linh Học Pháp gọi là les esprits souffrants. Họ là một ngoại lệ đối với quy tắc, vì họ phải ở trong lực hấp dẫn của trái đất và trong bầu khí quyển của nó, Kama Loka, cho đến thời điểm cuối cùng của những gì lẽ ra là thời gian tự nhiên của cuộc đời họ. Nói cách khác, làn sóng tiến hóa sự sống cụ thể đó phải chạy đến bờ của nó. Nhưng thật là tội lỗi và tàn ác khi làm sống lại ký ức của họ và tăng cường sự đau khổ của họ bằng cách cho họ cơ hội sống một cuộc sống nhân tạo—một cơ hội để

viz., mediums and sensitives, for they will have to pay roundly for every such pleasure. I will explain the suicides, who, foolishly hoping to escape life, find themselves still alive, have suffering enough in store for them from that very life. Their punishment is in the intensity of the latter. Having lost by the rash act of their seventh and sixth principles, though not for ever, as they can regain both, instead of accepting their punishment and taking their chances of redemption, they are often made to *regret* life and tempted to regain a hold upon it by sinful means. In the Kama Loka, the land of intense desires, they can gratify their earthly yearnings but through a *living* proxy, and by so doing, at the expiration of the natural term, they generally lose their monad forever. As to the victims of accident, these fare still worse. Unless they were so good and pure as to be drawn immediately within the *akashic samadhi,—i.e.,* to fall into a state of quiet slumber, a sleep full of rosy dreams during which they have no recollection of the accident, but move and live among their familiar friends and scenes, until their natural life-term is finished, when they find themselves born in the Devachan—a gloomy fate is theirs. Unhappy shades, if sinful and sensual, they wander about (not shells, for their connection with their two higher principles is not quite broken) until their *death* hour comes. Cut off in the full flush of earthly passions which bind them to familiar scenes, they are enticed by the opportunities which mediums afford, to gratify them vicariously. They are the Pisachas, the Incubi and Succubi of mediaeval times; the demons of thirst, gluttony, lust and avarice; Elementaries of intensified craft, wickedness, and cruelty; provoking their victims to horrid crimes and revelling in their commission. They not only ruin their victims, but these psychic vampires, borne along by the torrent of their hellish impulses, at last, at

làm quá tải Nghiệp quả của họ, bằng cách dụ dỗ họ vào những cánh cửa đã mở, tức là các đồng cốt và những người nhạy cảm, vì họ sẽ phải trả giá đắt cho mọi niềm vui như vậy. Tôi sẽ giải thích về những người tự tử, những người, một cách dại dột hy vọng trốn thoát khỏi cuộc sống, thấy mình vẫn còn sống, phải chịu đựng đủ đau khổ từ chính cuộc sống đó. Hình phạt của họ nằm ở cường độ của cái sau. Vì đã đánh mất nguyên tắc thứ bảy và thứ sáu của họ do hành động hấp tấp, mặc dù không phải mãi mãi, vì họ có thể lấy lại cả hai, thay vì chấp nhận hình phạt của họ và nắm lấy cơ hội cứu chuộc, họ thường bị khiến hối hận về cuộc sống và bị cám dỗ lấy lại quyền kiểm soát nó bằng những phương tiện tội lỗi. Trong Kama Loka, vùng đất của những ham muốn mãnh liệt, họ có thể thỏa mãn những khao khát trần tục của mình nhưng thông qua một người đại diện sống, và bằng cách đó, khi hết thời hạn tự nhiên, họ thường mất đi chân thần của mình mãi mãi. Đối với các nạn nhân của tai nạn, những người này còn tồi tệ hơn. Trừ khi họ đủ tốt và đủ thuần khiết để được kéo ngay vào trong akashic samadhi,—tức là rơi vào trạng thái ngủ yên tĩnh, một giấc ngủ đầy những giấc mơ tươi đẹp trong đó họ không nhớ gì về tai nạn, nhưng di chuyển và sống giữa những người bạn và cảnh vật quen thuộc của họ, cho đến khi thời hạn cuộc sống tự nhiên của họ kết thúc, khi họ thấy mình được sinh ra ở Devachan—một số phận ảm đạm là của họ. Những bóng ma bất hạnh, nếu tội lỗi và dâm dục, họ lang thang (không phải vỏ bọc, vì mối liên hệ của họ với hai nguyên tắc cao hơn của họ không hoàn toàn bị phá vỡ) cho đến khi giờ chết của họ đến. Bị cắt đứt trong cơn bùng phát đầy đủ của những đam mê trần tục vốn trói buộc họ vào những cảnh vật quen thuộc, họ bị lôi kéo bởi những cơ hội mà các đồng cốt mang lại, để thỏa mãn chúng một cách gián tiếp. Họ là Pisachas, Incubi và Succubi của thời trung cổ; những con quỷ khát, háu ăn, dâm dục và tham lam; Các hành khí của sự xảo quyệt, độc

the fixed close of their natural period of life, are carried out of the earth's aura into regions where for ages they endure exquisite suffering and end with entire destruction.

ác và tàn ác được tăng cường; kích động các nạn nhân của họ phạm những tội ác kinh hoàng và say sưa trong việc thực hiện chúng. Họ không chỉ hủy hoại các nạn nhân của mình, mà những вампиры tâm linh này, bị cuốn theo dòng thác những xung động địa ngục của họ, cuối cùng, khi kết thúc cố định thời gian tự nhiên của cuộc đời họ, bị cuốn khỏi hào quang của trái đất vào những khu vực nơi trong nhiều thế kỷ họ phải chịu đựng những đau khổ tột độ và kết thúc bằng sự hủy diệt hoàn toàn.

But if the victim of accident and violence be neither very good nor very bad—an average person—then this may happen to him: a medium who attracts him will create for him the most undesirable of things—a new combination of *skandhas* and a new and evil Karma.

Nhưng nếu nạn nhân của tai nạn và bạo lực không quá tốt cũng không quá xấu—một người bình thường—thì điều này có thể xảy ra với y: một đồng cốt thu hút y sẽ tạo ra cho y điều tồi tệ nhất trong mọi thứ—một sự kết hợp mới của skandhas và một Nghiệp quả mới và xấu xa.

But let me give you a clearer idea of what I mean by Karma in this case. In connection with this, let me tell you before, that since you seem so interested with the subject, you can do nothing better than to study the two doctrines of Karma and Nirvana as profoundly as you can. Unless you are thoroughly well acquainted with the two tenets—the double key to the metaphysics of Abhidharma—you will always find yourself at sea in trying to comprehend the rest. We have several sorts of Karma and Nirvana in their various applications to the universe, the world, Devas, Buddhas, Bodhisattvas, men and animals—the second including its seven kingdoms. Karma and Nirvana are but two of the seven great mysteries of Buddhist metaphysics, and but four of the seven are known at all to Western Orientalists, and even those but imperfectly. If you ask a learned Buddhist priest, what is Karma, he will tell you that Karma is what a Christian might call Providence (in a certain sense only) and a

Nhưng để tôi cho bạn một ý niệm rõ ràng hơn về những gì tôi muốn nói về Nghiệp quả trong trường hợp này. Liên quan đến điều này, để tôi nói với bạn trước, vì bạn có vẻ rất quan tâm đến chủ đề này, bạn không thể làm gì tốt hơn là nghiên cứu hai giáo lý về Nghiệp quả và Niết bàn một cách sâu sắc nhất có thể. Trừ khi bạn hoàn toàn quen thuộc với hai giáo lý—chìa khóa kép cho siêu hình học của Abhidharma—bạn sẽ luôn thấy mình lênh đênh trên biển khi cố gắng hiểu phần còn lại. Chúng ta có một số loại Nghiệp quả và Niết bàn trong các ứng dụng khác nhau của chúng đối với vũ trụ, thế giới, Deva, Phật, Bồ tát, con người và động vật—loại thứ hai bao gồm bảy giới của nó. Nghiệp quả và Niết bàn chỉ là hai trong số bảy bí ẩn vĩ đại của siêu hình học Phật giáo, và chỉ có bốn trong số bảy bí ẩn được các nhà Đông phương học phương Tây biết đến, và ngay cả những điều đó cũng không hoàn hảo. Nếu bạn hỏi một vị tu sĩ Phật giáo uyên bác, Nghiệp quả là gì, Ngài sẽ nói với bạn rằng Nghiệp quả là thứ mà một Cơ đốc nhân có thể gọi là Sự Quan

Mahommedan Kismet, fate or destiny (again in one sense). That is that cardinal tenet that teaches that, as soon as any conscious or sentient being, whether man, Deva or animal, dies, a new being is produced, and he or it reappears in another birth on the same or another planet, under conditions of his or its own antecedent making. Or, in other words, that Karma is the guiding power, and Trishna (in Pali *Tanha*), the thirst or desire to sentiently live, the proximate force or energy; the resultant of human (or animal) action—which out of the old Skandhas [I remark that in the second as well as in the first edition of your *Occult World* the same misprint appears, in that the word *Skandha* is spelt Shandba; [This wrong spelling "Shandba" of the word Skandha is still persisted in, even in the last reprint of 1921. For forty-one years the misprint continues, in spite of the Master's correction! The on-line version is fine**]** on page 130 as it now stands I am made to express myself in a very original way for a *supposed* Adept] produces the new group that form the new being and control the nature of the birth itself. Or, to make it still clearer, the new being is rewarded and punished for the meritorious acts and misdeeds of the old one, Karma representing an entry book, in which all the acts of man good, bad or indifferent are carefully recorded to his debit and credit, by himself, so to say, or rather by these very actions of his. There, where Christian poetical fiction created and sees a "recording" guardian angel, stern and realistic Buddhist logic, perceiving the necessity that every cause should have its effect, shows its real presence. The opponents of Buddhism have laid great stress upon the alleged injustice that the doer should escape, and an innocent victim be made to suffer, since the doer and the sufferer are different beings. The fact is, that while in one sense they may be so considered, yet in another they are *identical*.

Phòng (chỉ theo một nghĩa nào đó) và một người Mahomet Kismet, định mệnh hoặc số phận (lại theo một nghĩa nào đó). Đó là giáo lý chủ yếu dạy rằng, ngay khi bất kỳ chúng sinh có ý thức hoặc giác quan nào, dù là người, Deva hay động vật, chết đi, một chúng sinh mới được tạo ra, và y hoặc nó xuất hiện trở lại trong một kiếp khác trên cùng một hành tinh hoặc hành tinh khác, theo các điều kiện do chính y hoặc nó tạo ra trước đó. Hay nói cách khác, Nghiệp quả là sức mạnh dẫn dắt, và Trishna (trong Pali Tanha), sự khát khao hay ham muốn sống một cách giác quan, là lực hoặc năng lượng gần nhất; kết quả của hành động của con người (hoặc động vật)—từ các Uẩn cũ [Tôi xin lưu ý rằng trong lần xuất bản thứ hai cũng như trong lần xuất bản đầu tiên của Thế Giới Huyền Bí của bạn, cùng một lỗi in xuất hiện, ở chỗ từ Uẩn được đánh vần là Shandba; [Cách viết sai "Shandba" của từ Uẩn này vẫn tồn tại, ngay cả trong bản in lại cuối cùng năm 1921. Trong bốn mươi mốt năm, lỗi in vẫn tiếp tục, mặc dù đã được Chân sư sửa chữa! Phiên bản trực tuyến thì ổn] trên trang [130] như hiện tại, tôi được cho là đã tự diễn đạt theo một cách rất độc đáo đối với một Chân sư giả định] tạo ra nhóm mới hình thành nên chúng sinh mới và kiểm soát bản chất của chính sự ra đời. Hoặc, để làm cho nó rõ ràng hơn, chúng sinh mới được tưởng thưởng và trừng phạt vì những hành động công đức và hành vi sai trái của chúng sinh cũ, Nghiệp quả đại diện cho một cuốn sổ ghi chép, trong đó tất cả các hành động của con người tốt, xấu hoặc thờ ơ đều được ghi lại cẩn thận vào bên nợ và bên có của y, có thể nói là do chính y, hoặc đúng hơn là do chính những hành động này của y. Ở đó, nơi mà tiểu thuyết thơ ca Cơ đốc tạo ra và nhìn thấy một thiên thần hộ mệnh "ghi chép", logic Phật giáo nghiêm khắc và thực tế, nhận thấy sự cần thiết rằng mọi nguyên nhân đều phải có kết quả của nó, cho thấy sự hiện diện thực sự của nó. Những người phản đối Phật giáo đã nhấn mạnh rất nhiều vào sự bất công bị cáo

The "old being" is the sole parent, the father and mother at once, of the "new being." It is the former who is the creator and fashioner of the latter in reality; and far more so in plain truth, than any father in flesh. And once that you have well mastered the meaning of the Skandhas you will see what I mean. It is the group of Skandhas that form and constitute the physical and mental individuality we call man (or any being). This group consists (in the exoteric teaching) of five Skandhas, namely *Rupa*, the material properties or attributes; *Vedana,* sensations; *Sanna,* abstract ideas; *Sankhara,* tendencies both physical and mental; and *Vinnana,* mental powers, an amplification of the fourth, meaning mental, physical and moral predispositions. We add to them two more, the nature and names of which you may learn hereafter. Suffice it for the present to let you know that they are connected with, and productive of, *Sakkaya ditthi,* "the heresy or delusion of individuality," and of *Attavada,* " the doctrine of self," both of which, in the case of the fifth principle, the soul, lead to the Maya of heresy and belief in the efficacy of vain rites and ceremonies, in prayers and intercessions. [Of the ten "Fetters" on the Path to liberation, the first three are: (1) Sakkayaditthi, the delusion of self, (2) Vichikicheha, doubt, (3) Silabbataparamsa, belief in the efficacy of rites and cermonies.]

buộc rằng người gây ra phải trốn thoát, và một nạn nhân vô tội phải chịu đựng, vì người gây ra và người chịu đựng là những chúng sinh khác nhau. Sự thật là, trong khi theo một nghĩa nào đó, họ có thể được coi như vậy, thì theo một nghĩa khác, họ lại giống hệt nhau. "Chúng sinh cũ" là cha mẹ duy nhất, đồng thời là cha và mẹ của "chúng sinh mới". Chính chúng sinh cũ là người tạo ra và nhào nặn chúng sinh sau này trong thực tế; và sự thật hiển nhiên hơn nhiều so với bất kỳ người cha nào về thể xác. Và một khi bạn đã nắm vững ý nghĩa của các Uẩn, bạn sẽ thấy ý tôi là gì. Chính nhóm Uẩn hình thành và cấu thành nên cá tính thể xác và trí tuệ mà chúng ta gọi là con người (hoặc bất kỳ chúng sinh nào). Nhóm này bao gồm (trong giáo lý ngoại môn) năm Uẩn, cụ thể là Sắc, các thuộc tính hoặc đặc tính vật chất; Thọ, cảm giác; Tưởng, những ý niệm trừu tượng; Hành, những khuynh hướng cả về thể chất lẫn tinh thần; và Thức, năng lực tinh thần, một sự khuếch đại của thứ tư, có nghĩa là những khuynh hướng tinh thần, thể chất và đạo đức. Chúng ta thêm vào chúng hai điều nữa, bản chất và tên gọi của chúng mà bạn có thể tìm hiểu sau này. Hiện tại, chỉ cần cho bạn biết rằng chúng có liên quan đến và tạo ra Sakkaya ditthi, "tà thuyết hoặc ảo tưởng về cá tính", và Attavada, "giáo lý về bản ngã", cả hai điều này, trong trường hợp nguyên tắc thứ năm, linh hồn, dẫn đến Maya của tà thuyết và niềm tin vào hiệu quả của các nghi lễ và nghi thức phù phiếm, trong lời cầu nguyện và sự cầu khẩn. [Trong số mười "Kiết sử" trên Con Đường giải thoát, ba điều đầu tiên là: (1) Sakkayaditthi, ảo tưởng về bản ngã, (2) Vichikicheha, nghi ngờ, (3) Silabbataparamsa, niềm tin vào hiệu quả của các nghi thức và nghi lễ.]

Now, returning to the question of identity between the old and the new "ego," I may remind you once more than even your science has accepted the old, very old, fact distinctly

Giờ đây, trở lại câu hỏi về sự đồng nhất giữa "ego" cũ và ego mới, tôi có thể nhắc bạn một lần nữa rằng ngay cả khoa học của bạn cũng đã chấp nhận sự thật cũ, rất cũ, được Đức Chúa

taught by our Lord, [see the *Abhidharma Kosha Vyakhya, the Sutta Pitaka* or any Northern Buddhist book, all of which show Gautama Buddha saying that even if these Skandhas are the soul, since the body is constantly changing, and that neither man, animal nor plant is ever the same for two consecutive days or even minutes, "Mendicants! Remember that there is within man *no abiding principle* whatever, and that only the *learned* disciple who acquires wisdom in saying 'I am' knows what he is saying"] *viz.*, that a man of any given age, while sentiently the same, is yet physically not the same as he was a few years earlier (we say *seven* years and are prepared to maintain and prove it); Buddhistically speaking, his Skandhas have changed; at the same time they are ever and ceaselessly at work in preparing the abstract mould, the "privation" of the future *new* being. Well, then, if it is just that a man of forty should enjoy or suffer for the actions of the man of twenty, so it is equally just that the being of the new birth—who is essentially identical with the previous being, since he is its outcome and creation—should feel the consequences of that begetting self or personality. Your Western law which punishes the innocent son of a guilty father by depriving him of his parent, rights and property; your civilised society which brands with infamy the guiltless daughter of an immoral criminal mother; your Christian Church and Scriptures which teach that the Lord God visits the sins of the fathers upon the children unto the third and fourth generation; are not all these far more unjust and cruel than anything done by Karma? Instead of punishing the innocent together with the culprit, the Karma avenges and rewards the former, which neither of your three Western Potentates above mentioned ever thought of doing. But perhaps to our physiological remark the objectors may reply that it is only

của chúng ta dạy rõ ràng, [xem Abhidharma Kosha Vyakhya, Sutta Pitaka hoặc bất kỳ cuốn sách Phật giáo Bắc tông nào, tất cả đều cho thấy Đức Gautama Buddha nói rằng ngay cả khi những Uẩn này là linh hồn, vì cơ thể liên tục thay đổi, và rằng không người, động vật hay thực vật nào giống nhau trong hai ngày hoặc thậm chí vài phút liên tiếp, "Các thầy khất sĩ! Hãy nhớ rằng bên trong con người không có nguyên tắc tồn tại nào cả, và chỉ có người đệ tử uyên bác nào có được minh triết khi nói 'Tôi là' mới biết mình đang nói gì"] nghĩa là, một người ở bất kỳ độ tuổi nào, trong khi có cùng giác quan, nhưng về mặt thể chất lại không giống như y vài năm trước (chúng ta nói bảy năm và sẵn sàng duy trì và chứng minh điều đó); theo cách nói của Phật giáo, các Uẩn của y đã thay đổi; đồng thời, chúng luôn và không ngừng hoạt động trong việc chuẩn bị khuôn mẫu trừu tượng, "sự tước đoạt" của chúng sinh mới trong tương lai. Vậy thì, nếu việc một người bốn mươi tuổi nên hưởng thụ hay chịu đựng vì những hành động của người hai mươi tuổi là công bằng, thì việc chúng sinh của sự tái sinh mới—vốn về bản chất là giống hệt với chúng sinh trước đó, vì y là kết quả và sự sáng tạo của chúng sinh đó—cảm nhận những hậu quả của bản ngã hoặc phàm ngã sinh ra đó cũng công bằng không kém. Luật pháp phương Tây của bạn trừng phạt đứa con vô tội của một người cha có tội bằng cách tước đoạt quyền và tài sản của cha mẹ y; xã hội văn minh của bạn bêu xấu người con gái vô tội của một người mẹ tội phạm vô đạo đức; Giáo hội và Kinh thánh Cơ đốc của bạn dạy rằng Chúa Trời giáng tội của cha xuống con cháu đến đời thứ ba và thứ tư; chẳng phải tất cả những điều này còn bất công và tàn ác hơn bất cứ điều gì do Nghiệp quả gây ra sao? Thay vì trừng phạt người vô tội cùng với thủ phạm, Nghiệp quả trả thù và tưởng thưởng cho người trước, điều mà không một ai trong số ba vị Nguyên thủ phương Tây nói trên từng nghĩ đến. Nhưng có lẽ đối với nhận xét sinh lý học của chúng ta,

the body that changes, there is only a molecular transformation which has nothing to do with the mental evolution; and that the Skandhas represent not only a material but also a set of mental and moral qualities. But is there, I ask, either a sensation, an abstract idea, a tendency of mind, or a mental power that one could call an absolutely non-molecular phenomenon? Can even a sensation or the most abstract of thoughts, which is *something,* come out of *nothing,* or be nothing?

những người phản đối có thể trả lời rằng chỉ có cơ thể thay đổi, chỉ có một sự biến đổi phân tử không liên quan gì đến sự tiến hóa tinh thần; và rằng các Uẩn đại diện không chỉ cho một tập hợp các phẩm chất vật chất mà còn cả tinh thần và đạo đức. Nhưng tôi hỏi, liệu có một cảm giác, một ý niệm trừu tượng, một khuynh hướng của tâm trí, hay một năng lực tinh thần nào mà người ta có thể gọi là một hiện tượng hoàn toàn phi phân tử không? Liệu ngay cả một cảm giác hay một tư tưởng trừu tượng nhất, vốn là một cái gì đó, có thể xuất phát từ hư không, hay là hư không?

Now the causes producing the "new being" and determining the nature of Karma are, as already said, *Trishna* (or *Tanha*)—thirst, desire for sentient existence, and Upadana, which is the realisation or consummation of Trishna or that desire. And both of these the medium helps to awaken and develop *ne plus ultra* in an elementary, be he a suicide or a victim (alone the shells and the elementals are left unhurt, though the morality of the sensitives can, by no means, be improved by the intercourse). The rule is that a person who dies a natural death will remain from "a few hours to several short years" within the earth's attraction, *i.e.,* the Kama Loka. But exceptions are the cases of suicides and those who die a violent death in general. Hence one of such egos, for instance, who was destined to live, say eighty or ninety years, but who either killed himself or was killed by some accident, let us suppose at the age of twenty, would have to pass in the Kama Loka not "a few years" but in his case sixty or seventy years as an elementary, or rather as an "earth walker," since he is not, unfortunately for him, even a shell. Happy, thrice happy, in comparison, are those disembodied entities, who sleep their long slumber, and live in dream, in the bosom of space! And woe to those whose Trishna will attract them to mediums, and woe to the latter, who tempt

Giờ đây, những nguyên nhân tạo ra "chúng sinh mới" và xác định bản chất của Nghiệp quả, như đã nói, là Trishna (hay Tanha)—sự khát khao, ham muốn tồn tại giác quan, và Upadana, vốn là sự hiện thực hóa hoặc hoàn thiện của Trishna hay ham muốn đó. Và cả hai điều này, đồng tử giúp đánh thức và phát triển ne plus ultra trong một yếu tố sơ đẳng, dù y là người tự tử hay là nạn nhân (chỉ có vỏ và các hành khí là không bị tổn hại, mặc dù đạo đức của những người nhạy cảm không thể được cải thiện bằng sự giao tiếp). Quy tắc là một người chết tự nhiên sẽ ở lại từ "vài giờ đến vài năm ngắn ngủi" trong lực hút của trái đất, tức là cõi Kama. Nhưng ngoại lệ là các trường hợp tự tử và những người chết vì bạo lực nói chung. Do đó, một trong những ego như vậy, chẳng hạn, người được định sẵn để sống, giả sử tám mươi hoặc chín mươi năm, nhưng người đã tự sát hoặc bị giết bởi một tai nạn nào đó, chúng ta hãy cho là ở tuổi hai mươi, sẽ phải trải qua ở cõi Kama không phải "vài năm" mà trong trường hợp của y là sáu mươi hoặc bảy mươi năm như một hành khí, hay đúng hơn là một "người đi trên trái đất", vì y không may mắn cho y, thậm chí không phải là một cái vỏ. Hạnh phúc, hạnh phúc gấp ba lần, so với những thực thể vô hình đó, những người ngủ giấc ngủ dài của họ, và sống trong giấc mơ, trong lòng không gian! Và khốn cho những ai có Trishna

them with such an easy Upadana. For in grasping them and satisfying their thirst for life, the medium helps to develop in them—is in fact the cause of—a new set of Skandhas, a new body with far worse tendencies and passions than was the one they lost. All the future of this new body will be determined thus, not only by the Karma of demerit of the previous set or group, but also by that of a new set of the future being. Were the mediums and Spiritualists but to know, as I said, that with every new "angel guide" they welcome with rapture, they entice the latter into an Upadana which will be productive of a series of untold evils for the new ego that will be reborn under its nefarious shadow, and that with every seance, especially for materialisation, they multiply the causes for misery—causes that will make the unfortunate ego fail in his spiritual birth or to be reborn into a worse existence than ever—they would, perhaps, be less lavish in their hospitality.

sẽ thu hút họ đến với các đồng tử, và khốn cho những người sau này, những người cám dỗ họ bằng một Upadana dễ dàng như vậy. Vì khi nắm bắt họ và thỏa mãn cơn khát sống của họ, đồng tử giúp phát triển trong họ—thực tế là nguyên nhân của—một tập hợp Uẩn mới, một cơ thể mới với những khuynh hướng và đam mê tồi tệ hơn nhiều so với cơ thể mà họ đã mất. Tất cả tương lai của cơ thể mới này sẽ được xác định như vậy, không chỉ bởi Nghiệp quả về sự bất xứng của tập hợp hoặc nhóm trước đó, mà còn bởi Nghiệp quả của một tập hợp mới của chúng sinh tương lai. Giá mà các đồng tử và nhà duy linh học biết, như tôi đã nói, rằng với mỗi "thiên thần hướng dẫn" mới mà họ hoan nghênh một cách say sưa, họ dụ dỗ người sau vào một Upadana sẽ tạo ra một loạt những điều ác khôn lường cho ego mới sẽ được tái sinh dưới bóng tối xấu xa của nó, và rằng với mỗi buổi gọi hồn, đặc biệt là để vật chất hóa, họ nhân lên những nguyên nhân gây ra đau khổ—những nguyên nhân sẽ khiến ego bất hạnh thất bại trong sự ra đời tinh thần của y hoặc được tái sinh vào một sự tồn tại tồi tệ hơn bao giờ hết—có lẽ họ sẽ bớt hào phóng hơn trong sự hiếu khách của mình.

And now you may understand why we oppose so strongly Spiritualism and mediumship. And you will also see why, to satisfy Mr. Hume at least in one direction, I got myself into a scrape with the Chohan,[See below] and—*mirabile dictu*—with both the Sahibs, "the young man of the name of "[Alluding to the "young man of the name of Guppy," well-known to readers of Dickens 'Bleak House'.]—Scott and Banon. [Ross Scott, of the Bengal Civil Service, who married Mr. Hume's daughter, and Captain A Banon of the 39th Bengal Native Infantry.] To amuse you I will ask H.P.B. to send you with this a page of the "Banon papyrus," an article of his that he winds up with a severe literary thrashing of my humble self. Shadows of the Asuras, in

Và bây giờ bạn có thể hiểu tại sao chúng ta phản đối mạnh mẽ Duy linh học và đồng tử. Và bạn cũng sẽ thấy tại sao, để làm hài lòng ít nhất Bạn Hume theo một hướng, tôi đã tự mình vướng vào một vụ bê bối với Chohan, [Xem bên dưới] và—mirabile dictu—với cả hai Sahib, "chàng trai trẻ có tên là "[Ám chỉ đến "chàng trai trẻ có tên là Guppy," nổi tiếng với độc giả của 'Ngôi Nhà ảm đạm' của Dickens.]—Scott và Banon. [Ross Scott, thuộc Cơ quan Dân sự Bengal, người đã kết hôn với con gái của Bạn Hume, và Đại úy A Banon thuộc Trung đoàn Bộ binh Bản địa Bengal số 39.] Để mua vui cho bạn, tôi sẽ yêu cầu Bà HPB gửi cho bạn cùng với trang này một trang của "giấy cói Banon", một bài báo của Bạn mà Bạn kết thúc bằng một trận đòn văn học nghiêm khắc đối với bản thân tôi

what a passion she flew upon reading this rather disrespectful criticism! I am sorry she does not print it, upon considerations of "family honour," as the "Disinherited" [Damodar K. Mavlankar was thus nicknamed, as he renounced all his patrimony to attach himself to H.P.B and follow the call of the Masters.] expressed it. As to the Chohan, the matter is more serious; and he was far from satisfied that I should have allowed Eglington to believe it was *myself*. He had permitted this proof of the power in *living man* to be given to the Spiritualists through a medium of theirs, [This incident is narrated in The Occult World, "Conclusion,"] but had left the programme and its details to ourselves: hence his displeasure at some trifling consequences.

khiêm tốn. Bóng tối của Asura, bà đã nổi cơn thịnh nộ như thế nào khi đọc bài phê bình có phần thiếu tôn trọng này! Tôi rất tiếc vì Bà không in nó, vì những cân nhắc về "danh dự gia đình", như "Người bị tước quyền thừa kế" [Damodar K. Mavlankar có biệt danh như vậy, vì y đã từ bỏ tất cả tài sản thừa kế của mình để gắn bó với Bà HPB và làm theo lời kêu gọi của các Chân sư.] đã bày tỏ. Về phần Chohan, vấn đề nghiêm trọng hơn; và Ngài không hề hài lòng khi tôi đã cho phép Eglington tin rằng đó là chính tôi. Ngài đã cho phép bằng chứng này về sức mạnh trong con người sống được trao cho các nhà duy linh học thông qua một đồng tử của họ,[Sự cố này được thuật lại trong Thế Giới Huyền Bí, "Kết luận,"] nhưng đã để chương trình và các chi tiết của nó cho chúng ta: do đó Ngài không hài lòng với một số hậu quả nhỏ nhặt.

I tell you, my dear friend, that I am far less free to do as I like than you are in the matter of the *Pioneer*. [Mr. Sinnett was the editor of the Pioneer.] None of us but the highest Chutuktus are their full masters. But I digress. And now that you have been told much and have had explained a good deal, you may as well read this letter to our irrepressible friend, Mrs. Gordon. [Mrs Alice Gordon, wife of Colonel Gordon, who testifies in The Occult World to the phenomena of H.P.B.] The reasons given *may* throw some cold water on her spiritualistic zeal, though I have my reasons to doubt it; anyhow it may show her that it is not against *true* Spiritualism that we set ourselves, but only against indiscriminate mediumship and physical manifestations, materialisations and trance possessions especially. Could the Spiritualists be only made to understand the differences between individual and personal immortality and some other truths, they would be more easily persuaded that Occultists may be fully convinced of the monad's immortality, and

Tôi nói với bạn, người bạn thân mến của tôi, rằng tôi ít được tự do làm những gì tôi thích hơn bạn trong vấn đề Tiên Phong. [Ông Sinnett là biên tập viên của Tiên Phong.] Không ai trong số chúng ta ngoài những Chutuktu cao nhất là chủ nhân hoàn toàn của họ. Nhưng tôi lạc đề. Và bây giờ bạn đã được kể nhiều điều và đã được giải thích rất nhiều, bạn cũng có thể đọc lá thư này cho người bạn không thể kiềm chế của chúng ta, Bà Gordon. [Bà Alice Gordon, vợ của Đại tá Gordon, người đã làm chứng trong Thế Giới Huyền Bí về các hiện tượng của Bà HPB.] Những lý do được đưa ra có thể dội một gáo nước lạnh vào lòng nhiệt thành duy linh học của Bà, mặc dù tôi có lý do để nghi ngờ điều đó; dù sao thì nó có thể cho Bà thấy rằng chúng ta không chống lại Duy linh học chân chính, mà chỉ chống lại đồng tử bừa bãi và những biểu hiện thể chất, đặc biệt là vật chất hóa và chiếm hữu xuất thần. Giá mà những người theo chủ nghĩa duy linh có thể hiểu được sự khác biệt giữa sự bất tử cá nhân và sự bất tử cá nhân và một số sự thật khác, họ sẽ dễ dàng bị thuyết phục hơn rằng các nhà

yet deny that of the *soul*—the vehicle of the *personal* ego; that they can firmly believe in and themselves practise spiritual communication and intercourse with *disembodied* egos of the Rupa Loka, and yet laugh at the insane idea of "shaking hands" with a spirit; and that finally, as the matter stands, it is the Occultists and Theosophists who are Spiritualists, while the modern sect of that name is composed simply of materialistic phenomenalists.

huyền bí học có thể hoàn toàn tin chắc vào sự bất tử của chân thần, nhưng lại phủ nhận sự bất tử của linh hồn—vận cụ của phàm ngã; rằng họ có thể tin tưởng vững chắc và tự mình thực hành giao tiếp tinh thần và giao tiếp với các ego vô hình của cõi Rupa, nhưng lại cười nhạo ý tưởng điên rồ về việc "bắt tay" với một linh hồn; và rằng cuối cùng, như vấn đề hiện tại, chính các nhà huyền bí học và nhà thông thiên học là những người theo chủ nghĩa duy linh, trong khi giáo phái hiện đại mang tên đó chỉ đơn giản là bao gồm những người theo chủ nghĩa hiện tượng duy vật.

And now that we are discussing "individuality" and "personality," it is curious that H.P.B., when subjecting poor Mr. Hume's brain to torture with her muddled explanations, never thought, until receiving the explanation from himself, of the difference that exists between individuality and personality, that it was the very same doctrine she had been taught—that of *Pachcheka-yana*, and *Amita-yana.* The two terms as above given by him are the correct and literal translation of the Pali, Sanskrit, and even of the Chino-Tibetan technical names for the many *personal entities* blended in one *individuality*—the long string of lives emanating from the same immortal monad. You will have to remember then (1) the *pachcheka yana* (in Sanskrit *pratyeka*) means literally the "personal vehicle" or personal ego —a combination of the five lower principles; while (2) the *amita yana* (in Sanskrit *amrita*) is translated "the immortal vehicle" or *individuality*—the spiritual soul, or the immortal monad, a combination of the fifth, sixth and seventh principles.

Và giờ đây khi chúng ta đang thảo luận về "tính cá nhân" và "phàm ngã", thật kỳ lạ là Bà Blavatsky (HPB), khi tra tấn bộ não tội nghiệp của Bạn Hume bằng những lời giải thích rối rắm của Bà, chưa bao giờ nghĩ đến, cho đến khi nhận được lời giải thích từ chính Ông, về sự khác biệt tồn tại giữa tính cá nhân và phàm ngã, vốn là chính giáo lý mà Bà đã được dạy—giáo lý về Pachcheka-yana, và Amita-yana. Hai thuật ngữ như trên do Bạn đưa ra là bản dịch chính xác và theo nghĩa đen của các tên kỹ thuật Pali, Sanskrit, và thậm chí cả Chino-Tibet cho nhiều thực thể cá nhân được pha trộn trong một tính cá nhân—chuỗi dài các kiếp sống phát sinh từ cùng một chân thần bất tử. Khi đó, bạn sẽ phải nhớ rằng (1) pachcheka yana (trong tiếng Phạn là pratyeka) có nghĩa đen là "vận cụ cá nhân" hay phàm ngã—một sự kết hợp của năm nguyên lý thấp hơn; trong khi (2) amita yana (trong tiếng Phạn là amrita) được dịch là "vận cụ bất tử" hay tính cá nhân —linh hồn tinh thần, hay chân thần bất tử, một sự kết hợp của các nguyên lý thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

[From A.P. Sinnett to H.P. Blavatsky

Simla, July 25 -1882]

[Từ A.P. Sinnett gửi H.P. Blavatsky

Simla, ngày 25 tháng 7 năm 1882]

My Dear Old Lady,

I began to try to answer N.D.K's [N.D. Khandalawala, still a member of the T.S., and Member of the General Council. This letter appears in Theosophist, Nov. 1882, evidently many months after Mr. Sinnett had read it.] letter at once, so that if K.H. really meant the note to appear in this immediately next appearing *Theosophist* for August it might just be in time. But I soon got into a tangle. Of course we have received no information that distinctly covers the question now raised, though I suppose we ought to be able to combine bits into an answer. The difficulty turns on giving the real explanation of Eliphas Levi's enigma in your note in the October *Theosophist.* 8 [Article, "Death". See Appendix A.]

If he refers to the fate of this, at present existing, race of mankind, his statement that the intermediate majority of egos are ejected from nature or annihilated, would be in direct conflict with K.H.'s teaching. They do not die without remembrance, if they retain remembrance in Devachan and again recover remembrance (even of past personalities as of a book's pages) at the period of full individual consciousness preceding that of absolute consciousness in Pari-Nirvana.

But it occurred to me that E.L. may have been dealing with humanity as a whole, not merely with the fourth Round men. Great numbers of fifth Round personalities are destined to perish, I understand, and these might be his intermediate useless portion of mankind. But then the individual spiritual monads, as I understand the matter, do not perish whatever happens, and if a monad reaches the fifth Round with all his previous personalities preserved in the pages of his book awaiting future perusal, he would not be ejected and

Bà Già thân mến,

Tôi bắt đầu cố gắng trả lời thư của N.D.K [N.D. Khandalawala, vẫn là thành viên của T.S., và Thành viên của Hội đồng Chung. Bức thư này xuất hiện trong Theosophist, tháng 11 năm 1882, rõ ràng là nhiều tháng sau khi Bạn Sinnett đọc nó.] ngay lập tức, để nếu Chân sư KH thực sự muốn ghi chú xuất hiện ngay lập tức trong Theosophist số tháng 8 sắp tới này thì có thể vừa kịp. Nhưng tôi sớm rơi vào một mớ bòng bong. Tất nhiên, chúng ta chưa nhận được thông tin nào bao quát rõ ràng câu hỏi hiện tại được đặt ra, mặc dù tôi cho rằng chúng ta có thể kết hợp các mẩu thông tin thành một câu trả lời. Khó khăn nằm ở việc đưa ra lời giải thích thực sự về điều bí ẩn của Eliphas Levi trong ghi chú của Bà trong Theosophist tháng 10. [Bài viết, "Cái Chết". Xem Phụ lục A.]

Nếu Bạn ấy đề cập đến số phận của nhân loại hiện tại này, thì tuyên bố của Bạn ấy rằng phần lớn các chân ngã trung gian bị loại khỏi tự nhiên hoặc bị tiêu diệt, sẽ mâu thuẫn trực tiếp với lời dạy của Chân sư KH. Họ không chết mà không còn ký ức, nếu họ giữ lại ký ức trong Devachan và lại phục hồi ký ức (ngay cả về các phàm ngã trong quá khứ như các trang của một cuốn sách) vào thời điểm tâm thức cá nhân đầy đủ trước tâm thức tuyệt đối trong Pari-Nirvana.

Nhưng tôi chợt nghĩ rằng Bạn E.L. có thể đã đề cập đến nhân loại nói chung, không chỉ với những người của Cuộc Tuần Hoàn thứ tư. Tôi hiểu rằng một số lượng lớn các phàm ngã của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm được định sẵn là sẽ diệt vong, và đây có thể là phần vô dụng trung gian của nhân loại của Bạn ấy. Nhưng sau đó, các chân thần tinh thần cá nhân, như tôi hiểu vấn đề, không diệt vong dù có chuyện gì xảy ra, và nếu một chân thần đạt đến Cuộc Tuần Hoàn thứ năm với tất cả các phàm ngã trước đó được lưu giữ trong các trang sách của Ngài

annihilated because some of his fifth Round pages were “unfit for publication”; so again there is a difficulty in reconciling the two statements. But again is it conceivable that a spiritual monad, though surviving the rejection of the third and fourth Round pages -cannot survive the rejection of fifth and sixth Round pages—that failure to lead good lives in these Rounds means the annihilation of the whole individual, who will never then get to the seventh Round at all? But on the other hand if that were so, the Eliphas Levi’s case would not be met by such hypothesis, for long before then the individuals who had become co-workers with Nature for evil would have been themselves annihilated by the obscuration of the planet between the fifth and sixth Rounds, if not by the obscuration between the fourth and fifth, for to every Round there is an obscuration we are told. There is another difficulty here, because some fifth Rounders being here already, it is not clear when the obscuration comes on. Will it be behind the *avant couriers* of the fifth Round, who will not count as commencing the fifth, that epoch only beginning after the existing race has totally decayed out—but this would not work.

đang chờ đọc trong tương lai, thì Ngài sẽ không bị loại bỏ và tiêu diệt vì một số trang của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm của Ngài “không phù hợp để xuất bản”; vì vậy, một lần nữa, có một khó khăn trong việc dung hòa hai tuyên bố. Nhưng một lần nữa, liệu có thể hình dung được rằng một chân thần tinh thần, mặc dù sống sót sau sự loại bỏ các trang của Cuộc Tuần Hoàn thứ ba và thứ tư—không thể sống sót sau sự loại bỏ các trang của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm và thứ sáu—rằng việc không sống một cuộc sống tốt đẹp trong các Cuộc Tuần Hoàn này có nghĩa là sự tiêu diệt của toàn bộ cá nhân, người sau đó sẽ không bao giờ đến được Cuộc Tuần Hoàn thứ bảy? Nhưng mặt khác, nếu đúng như vậy, thì trường hợp của Eliphas Levi sẽ không được đáp ứng bởi giả thuyết như vậy, vì từ lâu trước đó, những cá nhân đã trở thành cộng sự với Tự Nhiên vì điều ác sẽ tự mình bị tiêu diệt bởi sự che khuất của hành tinh giữa Cuộc Tuần Hoàn thứ năm và thứ sáu, nếu không phải bởi sự che khuất giữa Cuộc Tuần Hoàn thứ tư và thứ năm, vì chúng ta được biết là đối với mỗi Cuộc Tuần Hoàn đều có một sự che khuất. Có một khó khăn khác ở đây, bởi vì một số người của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm đã ở đây, nên không rõ khi nào sự che khuất xảy ra. Liệu nó sẽ ở phía sau những người tiên phong của Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, những người sẽ không được tính là bắt đầu thứ năm, kỷ nguyên đó chỉ bắt đầu sau khi nhân loại hiện tại đã hoàn toàn suy tàn—nhưng điều này sẽ không hiệu quả.

A. P. S.

A. P. S.

[From A.O. Hume to the Master K.H.]

[Từ A.O. Hume gửi Chân sư KH]

My Dear Master,

Kính thưa Chân sư,

In speaking of *Fragments* No. III, of which you will receive proof soon, I said it was far from satisfactory though I had done my best. It was necessary to advance the doctrine of the

Khi nói về Các Mảnh Vỡ Số III, mà Ngài sẽ sớm nhận được bản duyệt, tôi đã nói rằng nó còn lâu mới đạt yêu cầu mặc dù tôi đã cố gắng hết sức. Cần phải đẩy mạnh giáo lý của Hội thêm

Society another stage, so as gradually to open the eyes of the Spiritualists, so I introduced as the most pressing matter the suicide, etc., view given in your last letter to S. Well, it is this that seems to me most unsatisfactory, and it will lead to a number of questions that I shall feel puzzled to reply to. Our first doctrine is that the majority of objective phenomena were due to shells, 1½- and 2½- principled shells, *i.e.,* principles entirely separated from their sixth and seventh principles. But as a further development, we admit that there are *some spirits, i.e.,* fifth and fourth principles not wholly dissevered from their sixth and seventh, which also may be potent in the seance room. These are the spirits of suicides and victims of accident or violence. Here the doctrine is that each particular wave of life must run on to its appointed shore, and with the exception of the *very good*, that all spirits prematurely divorced from the three lower principles must remain on earth, until the fore-destined hour, of what would have been the natural death, strikes. Now this is all very well, but this being so, it is clear that in opposition to our former doctrine, shells will be few and spirits many.

một bước nữa, để dần dần mở mắt cho các nhà Thần Linh Học, vì vậy tôi đã giới thiệu vấn đề tự tử, v.v., quan điểm được đưa ra trong lá thư cuối cùng của Ngài gửi cho Bạn S., như là vấn đề cấp bách nhất. Vâng, chính điều này dường như không thỏa đáng nhất đối với tôi, và nó sẽ dẫn đến một số câu hỏi mà tôi sẽ cảm thấy bối rối khi trả lời. Giáo lý đầu tiên của chúng ta là phần lớn các hiện tượng khách quan là do các vỏ, các vỏ có 1½- và 2½- nguyên lý, tức là các nguyên lý hoàn toàn tách biệt khỏi nguyên lý thứ sáu và thứ bảy của chúng. Nhưng như một sự phát triển hơn nữa, chúng ta thừa nhận rằng có một số linh hồn, tức là nguyên lý thứ năm và thứ tư không hoàn toàn tách rời khỏi nguyên lý thứ sáu và thứ bảy của chúng, vốn cũng có thể có hiệu lực trong phòng gọi hồn. Đây là linh hồn của những người tự tử và nạn nhân của tai nạn hoặc bạo lực. Ở đây, giáo lý là mỗi làn sóng sự sống cụ thể phải tiếp tục chạy đến bờ biển đã định của nó, và ngoại trừ những người rất tốt, tất cả các linh hồn bị ly dị sớm khỏi ba nguyên lý thấp hơn phải ở lại trên trái đất, cho đến giờ đã định trước, về cái chết tự nhiên lẽ ra đã xảy ra. Bây giờ điều này là rất tốt, nhưng vì vậy, rõ ràng là trái với giáo lý trước đây của chúng ta, các vỏ sẽ ít và các linh hồn sẽ nhiều.

For what difference can there be, to take the case of suicides, whether these be conscious or unconscious, whether the man blows his brains out or only drinks himself to death or kills himself by overstudy? In each case, equally the normal natural hour of death is anticipated and a spirit and not a shell the result. Or again what difference does it make whether a man is hung for murder, killed in battle, in a railway train or a powder explosion, drowned or burnt to death, or knocked over by cholera, or plague, or jungle fever or any of the other thousand and one epidemic diseases of which the seeds were not *ab initio* in his constitution, but were

Vì có thể có sự khác biệt nào, để lấy trường hợp tự tử, cho dù những điều này là có ý thức hay vô thức, cho dù người đàn Bạn thổi bay bộ não của mình hay chỉ uống rượu đến chết hoặc tự sát bằng cách học quá nhiều? Trong mỗi trường hợp, giờ chết tự nhiên bình thường cũng được dự đoán trước và kết quả là một linh hồn chứ không phải một cái vỏ. Hoặc một lần nữa, có gì khác biệt nếu một người bị treo cổ vì tội giết người, bị giết trong trận chiến, trên một chuyến tàu hỏa hoặc một vụ nổ thuốc súng, chết đuối hoặc bị thiêu chết, hoặc bị đánh gục bởi bệnh tả, hoặc bệnh dịch hạch, hoặc sốt rừng hoặc bất kỳ một trong số hàng ngàn bệnh dịch khác mà hạt giống không có ab

introduced therein in consequence of his happening to visit a particular locality or undergo a given experience to that which he might have avoided? Equally in all cases the nominal normal death hour is anticipated, and a spirit instead of a shell the result. In England it is calculated that not 15 per cent of the population reach their normal death-period, and what with fevers and famines and their *sequeloe* I fear the percentage is not much larger than here even, where the people are mostly vegetarians and, as a rule, live under less unfavourable sanitary conditions.

initio trong thể chất của Bạn ấy, nhưng đã được đưa vào đó do Bạn ấy tình cờ đến thăm một địa điểm cụ thể hoặc trải qua một kinh nghiệm nhất định mà Bạn ấy có thể đã tránh được? Tương tự như vậy trong tất cả các trường hợp, giờ chết bình thường danh nghĩa được dự đoán trước và kết quả là một linh hồn thay vì một cái vỏ. Ở Anh, người ta tính toán rằng không đến 15% dân số đạt đến thời kỳ chết bình thường của họ, và với những cơn sốt và nạn đói và hậu quả của chúng, tôi e rằng tỷ lệ phần trăm thậm chí không lớn hơn nhiều ở đây, nơi mọi người chủ yếu là người ăn chay và, theo quy luật, sống trong điều kiện vệ sinh ít bất lợi hơn.

So then the great bulk of all the physical phenomena of Spiritualists ought apparently to be due to these spirits and not shells. I should be glad to have further information on this point. There is a second point. Very often as I understand, the spirits of very fair average good people dying *natural* deaths, remain some time in the earth's atmosphere, from a few days to a few years; why cannot such as these communicate? And if they can, this is a most important point that should not have been overlooked. And thirdly, it is a fact that thousands of spirits do appear in pure circles and teach the highest morality, and moreover tell very closely the truth as to the unseen world (witness X.Y.Z.'s [I omit the true name and substitute X.Y.Z. See later the reference to this Spiritualist.] books, pages on pages of which are identical with what you yourself teach) and it is unreasonable to suppose that such are either shells or bad spirits. But you have not given us any opening for any large number of pure high spirits; and until the whole theory is perfectly set forth, and due place made for these, which seem to me a thoroughly well-established fact, you will never win over the Spiritualists. I dare say it is the old story—only *part* of the truth being told

Vì vậy, phần lớn tất cả các hiện tượng vật lý của các nhà Thần Linh Học dường như là do những linh hồn này chứ không phải các vỏ. Tôi rất vui khi có thêm thông tin về điểm này. Có một điểm thứ hai. Rất thường xuyên như tôi hiểu, linh hồn của những người tốt trung bình khá chết một cách tự nhiên, vẫn ở trong bầu khí quyển của trái đất một thời gian, từ vài ngày đến vài năm; tại sao những người như vậy không thể giao tiếp? Và nếu họ có thể, đây là một điểm quan trọng nhất không nên bỏ qua. Và thứ ba, có một thực tế là hàng ngàn linh hồn xuất hiện trong các vòng tròn thuần khiết và dạy đạo đức cao nhất, và hơn nữa, nói rất sát sự thật về thế giới vô hình (chứng kiến các cuốn sách của X.Y.Z. [Tôi bỏ tên thật và thay thế X.Y.Z. Xem sau này tham khảo nhà Thần Linh Học này.], trang trên trang giống hệt với những gì chính Ngài dạy) và thật vô lý khi cho rằng những thứ như vậy là vỏ hoặc linh hồn xấu. Nhưng Ngài đã không cho chúng ta bất kỳ cơ hội nào cho một số lượng lớn các linh hồn cao thượng thuần khiết; và cho đến khi toàn bộ lý thuyết được trình bày một cách hoàn hảo, và vị trí thích hợp được tạo ra cho những điều này, vốn dường như đối với tôi là một thực tế được thiết lập hoàn toàn, Ngài sẽ không bao giờ giành được các nhà Thần Linh

to us and the rest reserved—if so it is merely cutting the Society's throat. Better to tell the *outside* world *nothing* than to tell them half truths, the incompleteness of which they detect at once, the result being a contemptuous rejection of what *is* truth—though they cannot accept it in this fragmentary state.

Học. Tôi dám nói đó là câu chuyện cũ—chỉ một phần sự thật được kể cho chúng ta và phần còn lại được giữ lại—nếu vậy thì chỉ là cắt cổ Hội. Tốt hơn là không nói gì với thế giới bên ngoài hơn là nói với họ những nửa sự thật, sự không đầy đủ của những điều đó mà họ phát hiện ra ngay lập tức, kết quả là sự từ chối khinh bỉ những gì là sự thật—mặc dù họ không thể chấp nhận nó trong trạng thái rời rạc này.

Yours affectionately,

Trân trọng,

A.O. Hume.

A.O. Hume.

[Answer]

[Trả lời]

Except in so far that he constantly uses the terms "God" and "Christ," which taken in their esoteric sense mean *good* in its dual aspect of the abstract and the concrete—nothing more dogmatic—Eliphas Levi is not in any *direct* conflict with our teachings. It is again a straw blown out of a haystack and accused by the wind to belong to a hay-rick. Most of those whom you call "candidates" for Devachan die and are reborn in the Kama-Loka, "without remembrance," though (and just because) they do get some of it back in the Devachan. Nor can we call it a full, but only a *partial* remembrance. You would hardly call a "remembrance," a "dream" of yours, some particular scene or scenes within those narrow limits you would find enclosed a few persons, those whom you loved best with an undying love, that holy feeling alone surviving, and not the slightest recollection of any other events or scenes? *Love* and *hatred* are the only *immortal* feelings, the only survivors from the wreck of *te-damina* [So in MS., presumably wrongly copied from the original letter.] or the phenomenal world.

Ngoại trừ việc Bạn ấy liên tục sử dụng các thuật ngữ "Thượng đế" và "Đức Christ", vốn được hiểu theo nghĩa huyền bí của chúng có nghĩa là điều tốt đẹp trong khía cạnh kép của nó là trừu tượng và cụ thể—không có gì giáo điều hơn—Eliphas Levi không có bất kỳ xung đột trực tiếp nào với những lời dạy của chúng ta. Đó lại là một cọng rơm bị thổi bay ra khỏi đống cỏ khô và bị gió buộc tội thuộc về một đống cỏ khô. Hầu hết những người mà bạn gọi là "ứng cử viên" cho Devachan đều chết và được tái sinh ở Kama-Loka, "không còn ký ức", mặc dù (và chính vì vậy) họ có được một số ký ức đó trở lại ở Devachan. Chúng ta cũng không thể gọi đó là một ký ức đầy đủ, mà chỉ là một ký ức một phần. Bạn khó có thể gọi một "ký ức", một "giấc mơ" của bạn, một số cảnh cụ thể hoặc các cảnh trong những giới hạn hẹp đó mà bạn sẽ thấy bao gồm một vài người, những người mà bạn yêu thương nhất với một tình yêu bất diệt, chỉ có cảm giác thiêng liêng đó còn sót lại, và không có chút ký ức nào về bất kỳ sự kiện hoặc cảnh nào khác? Yêu và ghét là những cảm xúc bất tử duy nhất, những người sống sót duy nhất sau vụ đắm tàu te-damina [Như trong MS., có lẽ đã sao chép sai từ bức thư gốc.] hoặc thế giới hiện tượng.

Imagine yourself then, in Devachan with

Sau đó, hãy tưởng tượng bạn, ở Devachan với

those you may have loved with such immortal love, with the familiar shadowy scenes connected with them for a back ground, and—a perfect blank for everything else relating to your interiors, social, political and literary life; and then, in the face of that spiritual purely cogitative existence, of that unalloyed felicity which, in proportion to the intensity of the feeling that created it, lasts from a few to several thousand years, call it the "personal remembrance of A.P. Sinnett," if you can. Dreadfully monotonous, you may think; not in the least I answer. Have you experienced monotony during, say, that moment which you considered *then* and *now* so consider it, as the moment of the highest bliss you have ever felt? Of course not; well, no more will you experience it there, in that passage through the Eternity in which a million of years is no longer than a second. There, where there is no consciousness of an external world, there can be no discernment to mark differences; hence, no perception of contrasts, of monotony or variety; nothing, in short, outside the immortal feeling, of love and sympathetic attraction whose seeds are planted in the fifth, whose plants blossom luxuriantly in and around the fourth, but whose roots have to penetrate deep into the sixth principle if it would survive the lower groups. (And now I propose to kill two birds with one stone—to answer your letter and Mr. Hume's questions at the same time.)

những người bạn có thể đã yêu thương với tình yêu bất tử như vậy, với những cảnh quen thuộc mờ ảo liên quan đến họ làm nền, và—một khoảng trống hoàn hảo cho mọi thứ khác liên quan đến nội tâm, đời sống xã hội, chính trị và văn học của bạn; và sau đó, đối mặt với sự tồn tại thuần túy nhận thức tinh thần đó, của sự hạnh phúc thuần khiết đó, tỷ lệ thuận với cường độ của cảm xúc đã tạo ra nó, kéo dài từ một vài đến vài ngàn năm, hãy gọi nó là "ký ức cá nhân của A.P. Sinnett," nếu bạn có thể. Bạn có thể nghĩ là vô cùng đơn điệu; Tôi trả lời là không hề. Bạn đã trải qua sự đơn điệu trong, giả sử, khoảnh khắc mà bạn đã coi và bây giờ coi đó là khoảnh khắc hạnh phúc cao nhất mà bạn từng cảm thấy chưa? Tất nhiên là không; tốt, bạn cũng sẽ không trải nghiệm nó ở đó, trong đoạn đường đó qua cõi Vĩnh Hằng, nơi một triệu năm không dài hơn một giây. Ở đó, nơi không có tâm thức về một thế giới bên ngoài, không thể có sự phân biệt để đánh dấu sự khác biệt; do đó, không có nhận thức về sự tương phản, về sự đơn điệu hoặc đa dạng; nói tóm lại, không có gì bên ngoài cảm xúc bất tử, về tình yêu và sự hấp dẫn đồng cảm mà hạt giống được gieo trồng ở nguyên lý thứ năm, mà cây cối nở rộ tươi tốt trong và xung quanh nguyên lý thứ tư, nhưng rễ của nó phải thâm nhập sâu vào nguyên lý thứ sáu nếu nó muốn sống sót qua các nhóm thấp hơn. (Và bây giờ tôi đề xuất giết hai con chim bằng một viên đá—để trả lời thư của bạn và các câu hỏi của Bạn Hume cùng một lúc.)

Remember, both, that *we create* ourselves our Devachan, as our Avitchi, while yet on earth, and mostly during the latter days and even moments of our intellectual sentient lives. That feeling which is strongest in us at that supreme hour, when, as in a dream, the events of a long life to their minutest details, are marshalled in the greatest order in a few seconds in our vision (that vision takes place when a person is already proclaimed dead; the

Nên nhớ rằng, cả hai, chúng ta tự tạo ra Devachan của mình, cũng như Avitchi của mình, khi còn ở trên trái đất, và chủ yếu là trong những ngày sau này và thậm chí là những khoảnh khắc của cuộc sống tri giác trí tuệ của chúng ta. Cảm giác mạnh mẽ nhất trong chúng ta vào giờ phút tối cao đó, khi, như trong một giấc mơ, các sự kiện của một cuộc đời dài đến từng chi tiết nhỏ nhất, được sắp xếp theo thứ tự lớn nhất trong một vài giây

brain is the last organ that dies), that feeling will become the fashioner of our bliss or woe, the *life principle* of our future existence. In the latter we have no substantial being, but only a present and momentary existence, whose duration has no bearing upon, has no effect nor relation to, its being, which as every other effect or a transitory cause will be as fleeting, and in its turn will vanish and cease to be. The real full remembrance of our lives will come but at the end of the minor cycle, not before. In Kama Loka those who retain their remembrance will not enjoy it at the supreme hour of recollection, and these two are the exceptions to the *general rule.* Those who know they are dead in their physical body can only be either Adepts or sorcerers. Both having been "co-workers with nature," the former for good, the latter for evil, in her work of creation and that of destruction, they are the only ones who may be called *immortal*—in the Kabalistic and the esoteric sense, of course. Complete or true immortality, which means an unlimited *sentient* existence, can have no breaks or stoppages, no arrest of *self*-consciousness. And even the shells of those good men whose pages will not be found missing in the great Book of Lives at the threshold of the great Nirvana, even they will regain their remembrance of self-consciousness only after the sixth and seventh principles, with the essence of the fifth (the latter having to furnish the material for even that partial recollection of personality which is necessary for the object in Devachan), have gone to their gestation period, *not before*. Even in the case of suicides and those who have perished by violent death, even in their case consciousness requires a certain time to establish its new centre of gravity and evolve, as Sir W. Hamilton would have it, its "perception proper," henceforth to remain distinct from "sensation proper". Thus, when man dies, his "soul" (fifth

trong tầm nhìn của chúng ta (tầm nhìn đó diễn ra khi một người đã được tuyên bố là đã chết; bộ não là cơ quan cuối cùng chết), cảm giác đó sẽ trở thành người tạo ra hạnh phúc hay đau khổ của chúng ta, nguyên lý sự sống cho sự tồn tại tương lai của chúng ta. Trong cái sau, chúng ta không có bản thể thực chất, mà chỉ có một sự tồn tại hiện tại và nhất thời, mà thời gian tồn tại không liên quan đến, không có ảnh hưởng hay quan hệ gì đến sự tồn tại của nó, vốn là mọi hiệu ứng khác hoặc một nguyên nhân phù du sẽ thoáng qua, và đến lượt nó sẽ biến mất và không còn nữa. Sự tưởng nhớ đầy đủ thực sự về cuộc đời chúng ta sẽ chỉ đến vào cuối chu kỳ nhỏ, chứ không phải trước đó. Ở cõi Kama Loka, những người còn giữ được ký ức của mình sẽ không tận hưởng nó vào giờ phút hồi tưởng tối cao, và hai điều này là những ngoại lệ đối với quy tắc chung. Những người biết rằng họ đã chết trong thể xác của mình chỉ có thể là các Chân sư hoặc phù thủy. Cả hai đều là "cộng sự với tự nhiên", người trước vì điều tốt, người sau vì điều ác, trong công việc sáng tạo và hủy diệt của Bà, họ là những người duy nhất có thể được gọi là bất tử —theo nghĩa Kabala và huyền bí học, tất nhiên. Sự bất tử hoàn toàn hay chân thật, có nghĩa là một sự tồn tại tri giác vô hạn, không thể có sự gián đoạn hoặc ngừng trệ, không có sự đình trệ của tự tâm thức. Và ngay cả những cái vỏ của những người tốt bụng mà các trang của họ sẽ không bị thiếu trong Cuốn Sách Sự Sống vĩ đại ở ngưỡng cửa của cõi Niết Bàn vĩ đại, ngay cả họ cũng sẽ lấy lại được ký ức về tự tâm thức chỉ sau khi nguyên lý thứ sáu và thứ bảy, với tinh chất của nguyên lý thứ năm (cái sau phải cung cấp vật chất cho ngay cả sự hồi tưởng một phần về phàm ngã vốn cần thiết cho mục đích ở cõi Devachan), đã đến thời kỳ thai nghén của chúng, chứ không phải trước đó. Ngay cả trong trường hợp tự tử và những người chết vì bạo lực, ngay cả trong trường hợp của họ, tâm thức cũng cần một thời gian nhất định để thiết lập trọng tâm mới và tiến

principle) becomes unconscious and loses all remembrance of things internal as well as external.

hóa, như Ngài W. Hamilton đã nói, "tri giác thích hợp" của nó, từ nay trở đi vẫn khác biệt với "cảm giác thích hợp". Vì vậy, khi một người chết, "linh hồn" của y (nguyên lý thứ năm) trở nên vô thức và mất hết ký ức về những thứ bên trong cũng như bên ngoài.

Whether his stay in Kama Loka has to last but a few moments, hours, days, weeks, months, or years; whether he died a natural or a violent death; whether it occurred in his youth or old age; and whether the ego was good, bad, or indifferent; his consciousness leaves him as suddenly as the flame leaves the wick when blown out. When life has retired from the last particle in the brain matter, his perceptive faculties become extinct for ever, his spiritual powers of cogitation and volition (all those faculties, in short, which are neither inherent in, nor acquirable by organic matter) for the time being. [So in MS. But surely some word like “suspended” omitted!] His Mayavirupa may be often thrown into objectivity, as in the cases of apparitions after death; but, unless it is projected with the knowledge of (whether latent or potential) or, owing to intensity of the desire to see or appear to some one, shooting through the dying brain, the apparition will be simply automatical; it will not be due to any sympathetic attraction, or to any act of volition, and no more than the reflection of a person passing unconsciously near a mirror is due to the desire of the latter. [The meaning is clear, though some words seem somewhere omitted in MS.]

Cho dù thời gian y ở cõi Kama Loka chỉ kéo dài vài khoảnh khắc, giờ, ngày, tuần, tháng hay năm; cho dù y chết một cách tự nhiên hay do bạo lực; cho dù nó xảy ra khi y còn trẻ hay đã già; và cho dù chân ngã tốt, xấu hay thờ ơ; tâm thức của y rời bỏ y đột ngột như ngọn lửa rời khỏi bấc khi bị thổi tắt. Khi sự sống đã rút khỏi hạt vật chất cuối cùng trong não, các năng lực tri giác của y sẽ tắt vĩnh viễn, các năng lực tinh thần về tư duy và ý chí của y (tóm lại, tất cả những năng lực không vốn có cũng không thể có được bằng vật chất hữu cơ) trong thời gian đó. [Vậy trong bản thảo. Nhưng chắc chắn một số từ như "đình chỉ" đã bị bỏ sót!] Mayavirupa của y thường có thể bị ném vào tính khách quan, như trong trường hợp các bóng ma sau khi chết; nhưng, trừ khi nó được phóng chiếu với kiến thức (dù là tiềm ẩn hay tiềm năng) hoặc, do cường độ của mong muốn nhìn thấy hoặc xuất hiện trước một ai đó, bắn xuyên qua bộ não đang chết, thì sự hiện hình sẽ chỉ đơn giản là tự động; nó sẽ không phải do bất kỳ sự hấp dẫn đồng cảm nào, hoặc do bất kỳ hành động ý chí nào, và không hơn gì sự phản chiếu của một người vô thức đi ngang qua một tấm gương là do mong muốn của tấm gương.[Ý nghĩa rất rõ ràng, mặc dù một số từ dường như đã bị bỏ sót ở đâu đó trong bản thảo.]

Having thus explained the position, I will sum up and ask you again why it should be maintained that what is given by Eliphas Levi and expounded by H.P.B., is “in direct conflict” with my teaching? E.L. is an occultist and Kabalist, and writing for those who are supposed to know the rudiments of the

Sau khi giải thích vị trí như vậy, tôi sẽ tóm tắt và hỏi lại Các Bạn tại sao nên duy trì rằng những gì Eliphas Levi đưa ra và HPB giải thích, là "mâu thuẫn trực tiếp" với giáo lý của tôi? E.L. là một nhà huyền bí học và Kabalist, và viết cho những người được cho là biết những điều cơ bản về các giáo lý của Kabala, sử dụng các

Kabalistic tenets, uses the peculiar phraseology of his doctrine, and H.P.B., follows suit. The only omission she was guilty of was not to add the word "Western" between the last two words, "Occult" and "Doctrine". (See 3rd line of Editor's Note.) (See Appendix A] She is a fanatic in her way and is unable to write with anything like system and calmness to remember that the general public needs all the lucid explanations that, to her, may seem superfluous. And, as you are sure to remark, "but this is also our case and you too seem to forget it", I will give you a few more explanations. As remarked on the margin of *The Theosophist* for October, the word *immortality* has for the Initiates and occultists quite a different meaning.

cụm từ đặc biệt trong học thuyết của Ông, và HPB cũng làm theo. Sự thiếu sót duy nhất mà Bà mắc phải là không thêm từ "phương Tây" giữa hai từ cuối cùng, "Huyền bí học" và "Học thuyết". (Xem dòng thứ 3 trong Ghi chú của Biên tập viên.) (Xem Phụ lục A] Bà là một người cuồng tín theo cách của Bà và không thể viết một cách có hệ thống và bình tĩnh để nhớ rằng công chúng nói chung cần tất cả những lời giải thích rõ ràng mà, đối với Bà, có vẻ thừa. Và, như Các Bạn chắc chắn sẽ nhận xét, "nhưng đây cũng là trường hợp của chúng ta và Các Bạn dường như cũng quên nó", tôi sẽ đưa ra cho Các Bạn một vài lời giải thích nữa. Như đã nhận xét bên lề tờ The Theosophist số tháng Mười, từ bất tử đối với các điểm đạo đồ và nhà huyền bí học có một ý nghĩa hoàn toàn khác.

We call "immortal" but the one Life in its universal collectivity and entire or absolute abstraction—that which has neither beginning nor end, nor any break in its continuity. Does the term apply to anything else? Certainly it does not. Therefore the earliest Chaldeans had several prefixes to the word immortality, one of which is the Greek, rarely-used term *panoeonic* immortality, *i.e.,* beginning with the Manvantara and ending with the Pralaya of our Solar universe. It lasts the aeon (αιωυ), or "period" of all our *Pan*, or all "nature". Immortal then is he, in the panaeonic immortality, whose distinct consciousness and perception of self, *under whatever form,* undergoes no disjunction at any time, not for one second, during the period of his ego-ship. These periods are several in number, each having its distinct name in the secret doctrines of the Chaldeans, Greeks, Egyptians and Aryans, and were they but amenable to translation—which they are not, at least so long as the idea involved remains inconceivable to the Western mind—I could give them to you. Suffice for you for the present to know, that a man, an ego like

Chúng ta gọi "bất tử" chỉ là Sự Sống duy nhất trong tính tập thể phổ quát và toàn bộ hoặc trừu tượng tuyệt đối của nó—thứ không có khởi đầu cũng không có kết thúc, cũng không có bất kỳ sự gián đoạn nào trong tính liên tục của nó. Thuật ngữ này có áp dụng cho bất cứ điều gì khác không? Chắc chắn là không. Do đó, người Chaldea thời kỳ đầu đã có một số tiền tố cho từ bất tử, một trong số đó là tiếng Hy Lạp, thuật ngữ ít được sử dụng là sự bất tử panoeonic, tức là bắt đầu với Giai kỳ sinh hóa và kết thúc với Giai kỳ qui nguyên của vũ trụ Thái dương của chúng ta. Nó kéo dài aeon (αιωυ), hoặc "giai đoạn" của tất cả Pan của chúng ta, hoặc tất cả "tự nhiên". Bất tử sau đó là y, trong sự bất tử panaeonic, người mà tâm thức và tri giác riêng biệt về bản thân, dưới bất kỳ hình thức nào, không trải qua bất kỳ sự gián đoạn nào vào bất kỳ thời điểm nào, không trong một giây, trong suốt thời gian y là chân ngã. Những khoảng thời gian này có một số lượng, mỗi khoảng thời gian có một tên riêng biệt trong các học thuyết bí mật của người Chaldea, Hy Lạp, Ai Cập và Arya, và nếu chúng có thể được dịch—điều mà chúng không thể, ít nhất là chừng nào ý tưởng liên quan vẫn

yours or mine, may be immortal from one to the other Round. Let us say I begin my immortality at the present fourth Round, *i.e.*, having become a full Adept (which unfortunately I am not) [The Master K.H. had been for long a "full Adept," but not "D.K." who I think writes this part of the letter. It was soon after this, I believe next year, that "D.K." passed on to his Fifth Initiation of Asekha and became a "full Adept".] I arrest the hand of death at will, and when finally obliged to submit to it, my knowledge of the secrets of nature puts me in a position to retain my consciousness and distinct perception of self as an object to my own reflective consciousness and cognition; and thus avoiding all such dismemberments of principles, that as a rule take place after the death of average humanity, I remain as K.H. in my ego, throughout the whole series of births and lives across the seven worlds and Arupa Lokas, until finally I land again on this earth among the fifth race men of the full fifth Round beings. I would have been in such a case "immortal" for a period to you inconceivably long, embracing many milliards of years. And yet, am I *truly* immortal for all that? Unless I make the same efforts as I do now to secure for myself another such furlough from nature's laws, K.H. will vanish, and may become a Mr. Smith or an innocent Babu, when his leave expires. There are men among us who may become immortal during the remainder of the Rounds, and then take their appointed place among the highest Chohans, the Planetary *conscious* "ego-spirits". Of course, the monad "never perishes whatever happens," but Eliphas Levi speaks of the *personal*, not of the spiritual ego.

không thể hiểu được đối với thể trí phương Tây —tôi có thể cung cấp chúng cho Các Bạn. Hiện tại, Các Bạn chỉ cần biết rằng, một người, một chân ngã như của Các Bạn hoặc của tôi, có thể bất tử từ Cuộc Tuần Hoàn này sang Cuộc Tuần Hoàn khác. Chúng ta hãy nói rằng tôi bắt đầu sự bất tử của mình ở Cuộc Tuần Hoàn thứ tư hiện tại, tức là, đã trở thành một Chân sư đầy đủ (điều mà không may là tôi không phải) [Chân sư KH đã là một "Chân sư đầy đủ" từ lâu, nhưng không phải "Chân sư DK", người mà tôi nghĩ đã viết phần này của lá thư. Tôi tin rằng ngay sau đó, vào năm tới, "Chân sư DK" đã vượt qua Cuộc Điểm Đạo Asekha Thứ Năm của Ngài và trở thành một "Chân sư đầy đủ".] Tôi ngăn chặn bàn tay của cái chết theo ý muốn, và khi cuối cùng buộc phải khuất phục trước nó, kiến thức của tôi về những bí mật của tự nhiên đặt tôi vào vị trí để giữ lại tâm thức và tri giác riêng biệt về bản thân như một đối tượng đối với tâm thức và nhận thức phản chiếu của chính tôi; và do đó tránh được tất cả những sự chia cắt các nguyên lý như vậy, vốn thường xảy ra sau cái chết của nhân loại trung bình, tôi vẫn là Chân sư KH trong chân ngã của mình, trong suốt toàn bộ chuỗi sinh và sống trên bảy cõi giới và Arupa Loka, cho đến khi cuối cùng tôi lại đặt chân lên trái đất này giữa những người thuộc chủng tộc thứ năm của những bản thể Cuộc Tuần Hoàn thứ năm đầy đủ. Trong trường hợp đó, tôi sẽ "bất tử" trong một khoảng thời gian mà Các Bạn không thể tưởng tượng được, bao gồm nhiều tỷ năm. Tuy nhiên, tôi có thực sự bất tử vì tất cả những điều đó không? Trừ khi tôi nỗ lực tương tự như bây giờ để đảm bảo cho mình một kỳ nghỉ phép khác như vậy từ các định luật tự nhiên, Chân sư KH sẽ biến mất, và có thể trở thành một Bạn Smith hoặc một Babu vô tội, khi giấy phép của Bạn hết hạn. Có những người trong chúng ta có thể trở nên bất tử trong thời gian còn lại của các Cuộc Tuần Hoàn, và sau đó đảm nhận vị trí đã định của họ trong số các MahaChohan cao nhất, "linh hồn-chân ngã" tâm thức Hành

Tinh. Tất nhiên, chân thần "không bao giờ diệt vong dù có chuyện gì xảy ra", nhưng Eliphas Levi nói về chân ngã cá nhân, chứ không phải chân ngã tinh thần.

You misconceived the teaching, because you were not aware of what you are now told: (a) who are the true *co-workers* with nature, and (b) that it is by no means *all* the evil "co-workers with nature" who drop into the Eighth Sphere and are annihilated (annihilated suddenly as human egos, personalities lasting in that world of pure matter, under various material forms, for an inconceivable time before they are returned to primeval matter). The potency for evil is as great in man, aye greater, than the potentiality for good. An exception to the rule of nature that exception, which in the case of Adepts and sorcerers becomes in its turn a rule, has again its own exceptions. Read carefully the passage that C.C.M. [C. C. Massey, President of the London Lodge T.S.. one of the original founders of the T.S. in 1875.] left unquoted on pp. 352-3, *Isis*, Vol. I, paragraph 3. Again she omits to state distinctly that the case mentioned relates only to those powerful sorcerers, whose co-partnership with nature for evil affords to them the means of forcing her hand, and thus accords them panaeonic immortality. But oh, what kind of immortality, and how preferable is annihilation to such lives! Don't you see that everything you find in *Isis* is delineated, hardly sketched, nothing completed or revealed? Well, the time has come, but where are the workers for such a tremendous task?

Các Bạn đã hiểu sai giáo lý, vì Các Bạn không biết những gì Các Bạn hiện được cho biết: (a) ai là những cộng sự thực sự với tự nhiên, và (b) rằng không phải tất cả những "cộng sự với tự nhiên" xấu xa đều rơi vào Cõi Thứ Tám và bị tiêu diệt (bị tiêu diệt đột ngột như những chân ngã con người, phàm ngã tồn tại trong thế giới vật chất thuần túy đó, dưới nhiều hình thức vật chất khác nhau, trong một thời gian không thể tưởng tượng được trước khi chúng được trả về vật chất nguyên thủy). Tiềm năng cho điều ác lớn như tiềm năng cho điều tốt ở con người, vâng, còn lớn hơn. Một ngoại lệ đối với quy luật tự nhiên, ngoại lệ đó, trong trường hợp các Chân sư và phù thủy, đến lượt nó trở thành một quy luật, lại có những ngoại lệ riêng. Đọc kỹ đoạn văn mà CCM [CC Massey, Chủ tịch Hội Thông Thiên Học Luân Đôn. một trong những người sáng lập ban đầu của Hội Thông Thiên Học năm 1875.] đã không trích dẫn trên trang 352-3, Isis, Tập I, đoạn 3. Một lần nữa, Bà bỏ sót không nói rõ rằng trường hợp được đề cập chỉ liên quan đến những phù thủy quyền năng, mà sự hợp tác của họ với tự nhiên vì điều ác mang lại cho họ phương tiện để cưỡng bức bàn tay của Bà, và do đó ban cho họ sự bất tử panaeonic. Nhưng ôi, loại bất tử nào, và sự hủy diệt còn thích hợp hơn bao nhiêu so với những cuộc sống như vậy! Các Bạn không thấy rằng mọi thứ Các Bạn tìm thấy trong Isis đều được phác họa, hầu như không được phác thảo, không có gì được hoàn thành hoặc tiết lộ sao? Vâng, thời gian đã đến, nhưng những người làm việc cho một nhiệm vụ to lớn như vậy ở đâu?

Says Mr. Hume (see affixed letter, marked passages).... And now when you have read the objections to that most *unsatisfactory*

Ông Hume nói (xem thư đính kèm, các đoạn được đánh dấu).... Và bây giờ khi Các Bạn đã đọc những phản đối đối với học thuyết không

doctrine, as Mr. Hume calls it,—a doctrine which you have to learn first as a whole, before proceeding to study it in parts—at the risk of satisfying you no better I will proceed to explain the latter.

thỏa đáng nhất đó, như Bạn Hume gọi nó,—một học thuyết mà Các Bạn phải học trước tiên như một tổng thể, trước khi tiến hành nghiên cứu nó theo từng phần—với nguy cơ không làm Các Bạn hài lòng hơn, tôi sẽ tiến hành giải thích cái sau.

Although not wholly dissevered from their sixth and seventh principles and quite potent in the séance-room, nevertheless to the day when they would have died a natural death, they are separated from the higher principles by a gulf. The sixth and seventh remain passive and negative, whereas, in cases of accidental death, the higher and the lower groups actually attract each other. In cases of good and innocent egos, moreover, the latter gravitate irresistibly towards the sixth and seventh, and thus either slumber surrounded by happy dreams, or sleep a dreamless profound sleep until the hour strikes. With a little reflection and an eye to the eternal justice and fitness of things, you will see why. The victim, whether good or bad, is irresponsible for his death; even if his death were due to some action in a previous life, was an act, in short, of the law of Retribution, still it was not the *direct* result of an act deliberately committed by the *personal ego* of that life during which he happened to be killed. Had he been allowed to live longer he might have atoned for his previous sins still more effectually; and even now the ego, having been made to pay off the debt of his maker (the previous ego), is free from the blows of retributive justice. The Dyan Chohans, who have no hand in the guidance of the living human ego, protect the helpless victim when it is violently thrust out of its element into a new one, before it is matured and made fit and ready for it. *We tell you what we know, for we are made to learn it through personal experience.* You know what I mean, and *I can say no more.* Yes, the victims,

Mặc dù không hoàn toàn tách rời khỏi nguyên lý thứ sáu và thứ bảy của họ và khá mạnh mẽ trong phòng gọi hồn, tuy nhiên, cho đến ngày họ chết một cách tự nhiên, họ bị ngăn cách với các nguyên lý cao hơn bởi một vực thẳm. Nguyên lý thứ sáu và thứ bảy vẫn thụ động và tiêu cực, trong khi, trong trường hợp chết do tai nạn, các nhóm cao hơn và thấp hơn thực sự thu hút lẫn nhau. Hơn nữa, trong trường hợp những chân ngã tốt và vô tội, cái sau hút không cưỡng lại được về phía thứ sáu và thứ bảy, và do đó hoặc ngủ vùi trong những giấc mơ hạnh phúc, hoặc ngủ một giấc ngủ sâu không mộng mị cho đến khi giờ khắc điểm. Với một chút suy ngẫm và một con mắt hướng đến công lý vĩnh cửu và sự phù hợp của mọi thứ, Các Bạn sẽ thấy tại sao. Nạn nhân, dù tốt hay xấu, đều không chịu trách nhiệm về cái chết của y; ngay cả khi cái chết của y là do một hành động nào đó trong một kiếp trước, tóm lại, là một hành động của định luật Báo Ứng, thì nó vẫn không phải là kết quả trực tiếp của một hành động cố ý được thực hiện bởi phàm ngã cá nhân của cuộc đời mà y đã bị giết. Nếu y được phép sống lâu hơn, y có lẽ đã chuộc tội cho những tội lỗi trước đây của mình một cách hiệu quả hơn; và ngay cả bây giờ, chân ngã, sau khi đã trả hết món nợ của người tạo ra y (chân ngã trước đó), được giải thoát khỏi những đòn trừng phạt của công lý báo ứng. Các Dyan Chohans, những người không có vai trò gì trong việc hướng dẫn chân ngã con người đang sống, bảo vệ nạn nhân bất lực khi y bị đẩy mạnh ra khỏi yếu tố của mình vào một yếu tố mới, trước khi y trưởng thành và trở nên phù hợp và sẵn sàng cho nó. Chúng ta nói cho Các Bạn biết những gì chúng ta biết, vì chúng ta

whether good or bad, sleep to awake but at the hour of the last judgement, which is that hour of supreme struggle between the sixth and the seventh and the fourth and the fifth at the threshold of the gestation state. And even after that, when the sixth and seventh, carrying off a portion of the fifth, have gone into their Akashic Samadhi, even then it may happen that the spiritual spoil from the fifth may prove too weak to be reborn in Devachan, in which case it will there and then re-clothe itself in a new body, the subjective "being" created from the Karma of the victim (or no victim as the case may be), and enter upon a new earth-existence, whether upon this or any other planet. In no case then, with the exception of suicides and shells, is there any possibility for any other to be attracted to a séance-room. And it is "clear" that this teaching is not "in opposition to our former doctrine," and that while shells will be many, spirits very few.

được tạo ra để học nó thông qua kinh nghiệm cá nhân. Các Bạn biết ý tôi là gì, và tôi không thể nói gì hơn. Vâng, các nạn nhân, dù tốt hay xấu, ngủ để thức dậy nhưng vào giờ phán xét cuối cùng, đó là giờ phút đấu tranh tối cao giữa thứ sáu và thứ bảy và thứ tư và thứ năm ở ngưỡng cửa của trạng thái thai nghén. Và ngay cả sau đó, khi thứ sáu và thứ bảy, mang theo một phần của thứ năm, đã đi vào Akashic Samadhi của chúng, thì ngay cả khi đó, có thể xảy ra rằng chiến lợi phẩm tinh thần từ thứ năm có thể tỏ ra quá yếu để được tái sinh ở cõi Devachan, trong trường hợp đó, nó sẽ ngay lập tức khoác lên mình một thân thể mới, "bản thể" chủ quan được tạo ra từ Nghiệp quả của nạn nhân (hoặc không phải nạn nhân tùy theo trường hợp), và bước vào một sự tồn tại trên trái đất mới, cho dù trên hành tinh này hay bất kỳ hành tinh nào khác. Trong mọi trường hợp, ngoại trừ những người tự tử và những cái vỏ, không có khả năng bất kỳ ai khác bị thu hút đến phòng gọi hồn. Và "rõ ràng" là giáo lý này không "mâu thuẫn với học thuyết trước đây của chúng ta", và trong khi những cái vỏ sẽ có nhiều, thì linh hồn rất ít.

2. There is a great difference in our humble opinion. We, who look at it from a standpoint which would prove very unacceptable to a Life Insurance Company, say that there are very few, if any, of the men who indulge in the above enumerated vices who feel perfectly sure that such a course of action will lead them eventually to premature death. Such is the penalty of Maya. The vices will not escape their punishment, but it is the *cause*, not the effect, that will be punished, especially an unforeseen though probable effect. As well call a *suicide* a man who meets his death in a storm at sea, as one who kills himself with "overstudy". Water is liable to drown a man, and too much brain work to produce a softening of the brain which may carry him away. In such a case no one ought to cross the

2. Theo ý kiến khiêm tốn của chúng ta, có một sự khác biệt lớn. Chúng ta, những người nhìn nhận nó từ một quan điểm vốn sẽ tỏ ra rất khó chấp nhận đối với một Công ty Bảo hiểm Nhân thọ, nói rằng có rất ít, nếu có, những người đàn Bạn vốn buông thả vào những thói xấu được liệt kê ở trên cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng một hành động như vậy cuối cùng sẽ dẫn họ đến cái chết yểu. Đó là hình phạt của Maya. Những thói xấu sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt của chúng, nhưng chính nguyên nhân, chứ không phải kết quả, sẽ bị trừng phạt, đặc biệt là một kết quả không lường trước được dù có thể xảy ra. Cũng như gọi một người tự tử là một người gặp cái chết của mình trong một cơn bão trên biển, như một người tự sát bằng "học quá nhiều". Nước có thể làm chết đuối một người, và làm việc trí óc quá nhiều có thể

Kalapani ["Blackwater"—a Hindu designation for the ocean.] nor ever to take a bath for fear of getting faint in it and drowned (for we all know of such cases), nor should a man do his duty, least of all sacrifice himself for even a laudable and highly beneficent cause as many of us (H.P.B. for one) do. Would Mr. Hume call her a *suicide* were she to drop down dead over her present work? Motive is everything, and man is punished in a case of direct responsibility, never otherwise. In the victim's case, the natural hour of death was anticipated accidentally, while in that of the suicide, death is brought on voluntarily, and with a full and deliberate knowledge of its immediate consequences. Thus a man who causes his death in a fit of temporary insanity is *not a felo-de-se,* to the great grief and often trouble of the Life Insurance Companies. Nor is he left a prey to the temptations of the Kama Loka, but falls asleep like any other victim. A Guiteau [Guiteau on July 2, 1881, shot President Garfield of U.S.A. Garfield died in September from the injuries received.] will not remain in the earth's atmosphere with his higher principles over him, inactive and paralysed but still there. Guiteau is gone into a state during the period of which he will be ever firing at his President, and thereby tossing into confusion and shuffling the destinies of millions of persons, where he will be ever tried and ever hung, bathing in the reflection of his deeds and thoughts, especially those he indulged in on the scaffold. As for those who were "knocked over by cholera or plague or jungle fever," they could not have succumbed had they not had the germs for the development of such diseases in them from birth. "So then the great bulk of all the physical phenomena of Spiritualists," my dear brother, are not "due to these spirits", but indeed to "shells".

gây ra sự làm mềm não vốn có thể mang người đó đi. Trong trường hợp như vậy, không ai nên vượt qua Kalapani ["Hắc Thủy"—một tên gọi của người Hindu dành cho đại dương.] cũng như không bao giờ nên tắm vì sợ bị ngất trong đó và chết đuối (vì tất cả chúng ta đều biết những trường hợp như vậy), cũng như một người không nên làm nhiệm vụ của mình, ít nhất là hy sinh bản thân vì một mục đích đáng khen ngợi và vô cùng nhân ái như nhiều người trong chúng ta (Bà H.P.B. là một ví dụ) đang làm. Bạn Hume có gọi Bà là tự tử nếu Bà ngã xuống chết vì công việc hiện tại của mình không? Động cơ là tất cả, và con người bị trừng phạt trong trường hợp chịu trách nhiệm trực tiếp, không bao giờ khác. Trong trường hợp của nạn nhân, giờ chết tự nhiên đã được dự đoán trước một cách tình cờ, trong khi trong trường hợp tự tử, cái chết được mang đến một cách tự nguyện, và với sự hiểu biết đầy đủ và có chủ ý về những hậu quả trước mắt của nó. Vì vậy, một người gây ra cái chết của mình trong một cơn điên loạn tạm thời không phải là một felo-de-se, gây ra nỗi buồn lớn và thường là rắc rối cho các Công ty Bảo hiểm Nhân thọ. Y cũng không bị bỏ mặc làm con mồi cho những cám dỗ của Kama Loka, mà chìm vào giấc ngủ như bất kỳ nạn nhân nào khác. Một Guiteau [Guiteau vào ngày 2 tháng 7 năm 1881, đã bắn Tổng thống Garfield của Hoa Kỳ. Garfield chết vào tháng 9 vì những vết thương nhận được.] sẽ không ở lại trong bầu khí quyển của trái đất với những nguyên tắc cao hơn của y ở trên y, không hoạt động và tê liệt nhưng vẫn ở đó. Guiteau đã đi vào một trạng thái trong giai đoạn mà y sẽ luôn bắn vào Tổng thống của mình, và do đó ném vào sự hỗn loạn và xáo trộn số phận của hàng triệu người, nơi y sẽ luôn bị xét xử và luôn bị treo cổ, đắm mình trong sự phản ánh những hành động và suy nghĩ của mình, đặc biệt là những điều y đã buông thả trên giàn giáo. Đối với những người "bị hạ gục bởi bệnh tả hoặc bệnh dịch hạch hoặc sốt rừng", họ không thể khuất

phục nếu họ không có mầm bệnh để phát triển những bệnh đó trong họ từ khi sinh ra. "Vậy thì phần lớn tất cả các hiện tượng thể chất của các nhà Thông linh học," huynh đệ thân mến của tôi, không phải là "do những linh hồn này", mà thực sự là do "vỏ".

3. “The spirits of very fair average good people dying natural deaths, remain some time in the earth’s atmosphere, from a few days to a few years,” the period depending upon their readiness to meet their *creature*, not their Creator, a very abstruse subject you will learn later on when you too are more prepared. But why should they “communicate”? Do those you love communicate with you objectively during their sleep? Your spirits, in hours of danger, or intense sympathy, vibrating on the same current of thought, which in such cases creates a kind of telegraphic spiritual wires between your two bodies, may meet and mutually impress your memories; but then you are *living* not dead bodies. But how can such an unconscious fifth principle impress or communicate with a living organism unless it has already become a shell? If for certain reasons they remain in such a state of lethargy for several years, the spirits of the living may ascend to them, as you were already told; and then communication may take place still easier than in Devachan, where the spirit is too much engrossed in his personal bliss to pay much attention to an intruding element. I say they *cannot.*

3. "Các linh hồn của những người tốt bụng trung bình khá qua đời vì cái chết tự nhiên, ở lại một thời gian trong bầu khí quyển của trái đất, từ vài ngày đến vài năm," khoảng thời gian tùy thuộc vào sự sẵn sàng của họ để gặp gỡ tạo vật của họ, không phải Đấng Tạo Hóa của họ, một chủ đề rất khó hiểu mà bạn sẽ học sau này khi bạn cũng chuẩn bị hơn. Nhưng tại sao họ lại "giao tiếp"? Những người bạn yêu có giao tiếp với bạn một cách khách quan trong giấc ngủ của họ không? Linh hồn của bạn, trong những giờ phút nguy hiểm, hoặc sự đồng cảm mãnh liệt, rung động trên cùng một dòng suy nghĩ, vốn trong những trường hợp như vậy tạo ra một loại dây thần kinh tinh thần điện báo giữa hai cơ thể của bạn, có thể gặp nhau và gây ấn tượng lẫn nhau vào ký ức của bạn; nhưng sau đó bạn đang sống chứ không phải xác chết. Nhưng làm thế nào một nguyên tắc thứ năm vô thức như vậy có thể gây ấn tượng hoặc giao tiếp với một sinh vật sống trừ khi nó đã trở thành một cái vỏ? Nếu vì những lý do nhất định mà họ vẫn ở trong trạng thái hôn mê như vậy trong vài năm, thì linh hồn của người sống có thể thăng lên đến họ, như bạn đã được cho biết; và sau đó giao tiếp có thể diễn ra dễ dàng hơn so với ở Devachan, nơi linh hồn quá mải mê với hạnh phúc cá nhân của mình để chú ý nhiều đến một yếu tố xâm nhập. Tôi nói rằng họ không thể.

4. I am sorry to contradict your statement. I know of thousands of spirits who “do appear” in circles, and “teach the highest morality,” but I do not know of one perfectly *pure* circle; I hope I may not be classed with slanderers, in

4. Tôi rất tiếc phải mâu thuẫn với tuyên bố của bạn. Tôi biết hàng ngàn linh hồn "xuất hiện" trong các vòng tròn, và "dạy đạo đức cao nhất," nhưng tôi không biết một vòng tròn nào hoàn toàn trong sạch; Tôi hy vọng tôi không bị xếp

addition to other names lately bestowed upon me, but truth compels me to declare that X. Y. Z. was not quite immaculate during his lifetime, nor has he become a very pure spirit since. As to teaching the "highest morality," we have Dugpa Shaman not far from where I am residing, quite a remarkable man, not very powerful as a sorcerer but excessively so as a drunkard, a thief, a liar—and an orator. In this latter role he could give points to and beat Messrs. Gladstone, Bradlaugh, and even the Rev. H. Ward Beecher, than whom there is no more eloquent preacher of morality and no greater breaker of his Lord's commandments in the USA. This Shapatung Lama, when thirsty, can make an enormous audience of "yellow cap" laymen weep all their yearly supply of tears with the narrative of his repentance and suffering in the morning, and then get drunk in the evening and rob the whole village by mesmerising them into a dead sleep. Preaching and teaching morality with an end in the view proves very little. Read J.P.T's article in *Light* and what I say will be corroborated.

vào hàng những kẻ vu khống, ngoài những cái tên khác gần đây đã được ban cho tôi, nhưng sự thật buộc tôi phải tuyên bố rằng X. Y. Z. không hoàn toàn vô nhiễm trong suốt cuộc đời của mình, và y cũng không trở thành một linh hồn rất thuần khiết kể từ đó. Về việc giảng dạy "đạo đức cao nhất," chúng ta có Dugpa Shaman không xa nơi tôi đang cư trú, một người đàn Bạn khá đặc biệt, không mạnh mẽ lắm với tư cách là một phù thủy nhưng lại cực kỳ mạnh mẽ với tư cách là một kẻ say rượu, một tên trộm, một kẻ nói dối—và một nhà hùng biện. Trong vai trò thứ hai này, y có thể đưa ra những điểm và đánh bại các Bạn Gladstone, Bradlaugh, và thậm chí cả Mục sư H. Ward Beecher, người mà không có nhà thuyết giáo hùng hồn hơn về đạo đức và không có người phá vỡ các điều răn của Chúa hơn ở Hoa Kỳ. Vị Lạt ma Shapatung này, khi khát nước, có thể khiến một lượng khán giả khổng lồ gồm những người cư sĩ "mũ vàng" khóc hết lượng nước mắt hàng năm của họ với câu chuyện về sự sám hối và đau khổ của y vào buổi sáng, và sau đó say rượu vào buổi tối và cướp toàn bộ ngôi làng bằng cách thôi miên họ vào một giấc ngủ say. Thuyết giảng và dạy đạo đức với một mục đích trong tầm nhìn chứng tỏ rất ít. Hãy đọc bài viết của J.P.T trong Light và những gì tôi nói sẽ được chứng thực.

(To A.P.S.) The obscuration comes on only when the last man of whatever Round has passed into the sphere of effects. Nature is too well, too mathematically, adjusted to cause mistakes to happen in the exercise of its functions. The obscuration of the planet on which we are now evolving the races of the fifth Round man, will of course be behind the few *avant couriers* who are now here. But before that time comes, we will have to part to meet no more, as the editor of the *Pioneer* and his humble correspondent.

(Gửi A.P.S.) Sự che khuất chỉ đến khi người cuối cùng của bất kỳ Cuộc Tuần Hoàn nào đã đi vào phạm vi ảnh hưởng. Tự nhiên quá tốt, quá được điều chỉnh về mặt toán học, để gây ra những sai lầm xảy ra trong việc thực hiện các chức năng của nó. Sự che khuất của hành tinh mà chúng ta hiện đang phát triển các chủng tộc của người Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, tất nhiên sẽ ở phía sau một vài người tiên phong hiện đang ở đây. Nhưng trước khi thời điểm đó đến, chúng ta sẽ phải chia tay để không gặp lại nhau nữa, như biên tập viên của Pioneer và người viết thư khiêm tốn của y.

And now having shown that the October number of *The Theosophist* was not *utterly wrong*, nor was it at variance with the "later teaching," may K.H. set you "to reconcile the two"? To reconcile you still more with Eliphas, I will send you a number of his manuscripts that have never been published, in a large, clear, beautiful hand writing, with my comments all through. Nothing better than that can give you a key to Kabalistic puzzles. [All these were duly published in Theosophist as "Unpublished Writings of Eliphas Levi". One of them, "The Paradoxes of the Highest Science," has lately been reprinted by the Theosophical Publishing House, Adyar, Madras.]

Và bây giờ đã chỉ ra rằng số tháng Mười của The Theosophist không hoàn toàn sai, cũng như không trái ngược với "giáo lý sau này," Chân sư KH có thể đặt bạn "để hòa giải hai điều"? Để hòa giải bạn hơn nữa với Eliphas, tôi sẽ gửi cho bạn một số bản thảo của y vốn chưa bao giờ được xuất bản, bằng một chữ viết tay lớn, rõ ràng, đẹp đẽ, với những bình luận của tôi xuyên suốt. Không có gì tốt hơn thế có thể cung cấp cho bạn một chìa khóa cho những câu đố Kabalistic. [Tất cả những điều này đã được xuất bản đúng hạn trong Theosophist với tên gọi "Các Bài Viết Chưa Được Xuất Bản của Eliphas Levi". Một trong số đó, "Nghịch Lý của Khoa Học Cao Nhất," gần đây đã được Nhà Xuất Bản Thông Thiên Học, Adyar, Madras tái bản.]

I have to write to Mr. Hume this week, to give him consolation, and to show that unless he has a strong desire to live he need not trouble himself about Devachan. Unless a man *loves* well or *hates* well, he will be neither in Devachan nor Avitchi. "Nature spues the lukewarm out of her mouth," means only that she annihilates their *personal* egos (not the shells, nor yet the sixth principle) in the Kama Loka and the Devachan. This does not prevent them from being immediately reborn, and if their lives were not very, very bad, there is no reason why the eternal monad should not find the page of that life intact in the Book of Life.

Tôi phải viết thư cho Bạn Hume trong tuần này, để an ủi ông, và để cho thấy rằng trừ khi Bạn có một mong muốn mạnh mẽ để sống, Bạn không cần phải bận tâm về Devachan. Trừ khi một người yêu tốt hoặc ghét tốt, y sẽ không ở Devachan cũng không ở Avitchi. "Tự nhiên nhổ những kẻ ấm lạnh ra khỏi miệng nó," chỉ có nghĩa là nó tiêu diệt phàm ngã của họ (không phải là vỏ, cũng không phải là nguyên tắc thứ sáu) trong Kama Loka và Devachan. Điều này không ngăn cản họ tái sinh ngay lập tức, và nếu cuộc sống của họ không quá, quá tệ, thì không có lý do gì mà chân thần vĩnh cửu không tìm thấy trang của cuộc đời đó còn nguyên vẹn trong Sách Sự Sống.

Question— You say, "Remember that we create ourselves our Devachan, as our Avitchi, while yet on earth, and mostly during the latter days and even moments of our intellectual sentient lives." It is a widely spread belief among all the Hindus that a person's future pre-natal state and birth are moulded by the last desire he may have at the time of death. But this last desire, they say, necessarily hinges on to the shape which the

Câu hỏi— Bạn nói, "Hãy nhớ rằng chúng ta tự tạo ra Devachan của mình, cũng như Avitchi của mình, khi còn ở trên trái đất, và chủ yếu là trong những ngày cuối cùng và thậm chí là những khoảnh khắc của cuộc sống tri giác trí tuệ của chúng ta." Có một niềm tin lan rộng trong tất cả những người theo đạo Hindu rằng trạng thái trước khi sinh và sự ra đời trong tương lai của một người được hình thành bởi mong muốn cuối cùng mà y có thể có vào thời

person may have given to his desires, passions, etc., during his past life. It is for this very reason, viz., that our last desire may not be unfavourable to our future progress, that we have to watch our actions and control our passions and desires throughout our whole earthly career. But do the thoughts on which the mind may be engaged at the last moment necessarily hinge on to the predominant character of its past life? Otherwise it would seem as if the character of a person's Devachan or Avitchi might be capriciously and unjustly determined by the chance which brought some special thought uppermost at last.

điểm chết. Nhưng mong muốn cuối cùng này, họ nói, nhất thiết phải xoay quanh hình dạng mà người đó có thể đã tạo ra cho những ham muốn, đam mê, v.v., của mình trong suốt cuộc đời đã qua của y. Chính vì lý do này, cụ thể là, mong muốn cuối cùng của chúng ta có thể không bất lợi cho sự tiến bộ trong tương lai của chúng ta, mà chúng ta phải theo dõi hành động của mình và kiểm soát những đam mê và ham muốn của mình trong suốt sự nghiệp trần thế của chúng ta. Nhưng liệu những suy nghĩ mà thể trí có thể tham gia vào thời điểm cuối cùng có nhất thiết phải xoay quanh đặc điểm nổi trội của cuộc đời đã qua của nó không? Nếu không, dường như tính chất Devachan hoặc Avitchi của một người có thể bị xác định một cách thất thường và bất công bởi cơ hội mang lại một số suy nghĩ đặc biệt lên trên cùng vào cuối cùng.

Answer—It cannot be otherwise. The experience of dying men (by drowning and other accidents) brought back to life has corroborated our doctrine in almost every case. Such thoughts are *involuntary*, and we have no more control over them than we should have over the retina of the eye to prevent it perceiving that colour which affects it most. At the last moment the whole life is reflected in our memory and emerges from all the forgotten nooks and corners, picture after picture, one event after the other. The dying brain dislodges memory with a strong supreme impulse, and memory restores faithfully every impression that has been entrusted to it during the period of the brain's activity. That impression and thought which was the strongest naturally becomes the most vivid and survives, so to say, all the rest, which now vanish and disappear forever, to reappear but in Devachan. No man dies insane or unconscious, as some physiologists assert. Even a madman or one in a fit of *delirium tremens* will have his instant of

Trả lời—Không thể khác được. Kinh nghiệm của những người sắp chết (do chết đuối và các tai nạn khác) được đưa trở lại cuộc sống đã chứng thực giáo lý của chúng ta trong hầu hết mọi trường hợp. Những suy nghĩ như vậy là không tự nguyện, và chúng ta không có quyền kiểm soát chúng hơn là chúng ta nên có đối với võng mạc của mắt để ngăn nó nhận biết màu sắc ảnh hưởng đến nó nhiều nhất. Vào thời điểm cuối cùng, toàn bộ cuộc đời được phản ánh trong ký ức của chúng ta và nổi lên từ tất cả những ngóc ngách bị lãng quên, hết bức tranh này đến sự kiện khác. Bộ não đang chết đánh bật ký ức bằng một xung động tối cao mạnh mẽ, và ký ức khôi phục một cách trung thực mọi ấn tượng đã được giao cho nó trong suốt thời gian hoạt động của bộ não. Ấn tượng và suy nghĩ vốn mạnh mẽ nhất một cách tự nhiên trở nên sống động nhất và tồn tại, có thể nói như vậy, tất cả những điều còn lại, giờ biến mất và biến mất mãi mãi, để xuất hiện trở lại nhưng ở Devachan. Không ai chết điên loạn hoặc bất tỉnh, như một số nhà sinh lý học khẳng định. Ngay cả một người điên hoặc một

perfect lucidity at the moment of death, though unable to say so to those present. The man may often appear dead; yet from the last pulsation, from and between the last throbbing of his heart, and the moment when the last spark of animal heat leaves the body, *the brain thinks*, and the ego lives in these few brief seconds his whole life over again. Speak in whispers, ye who assist at a deathbed, and find yourselves in the solemn presence of Death. Especially have ye to keep quiet just after Death has laid his clammy hand upon the body. Speak in whispers, I say, lest ye disturb the quiet ripple of thought, and hinder the busy work of the Past casting its reflection upon the veil of the Future.

người đang trong cơn mê sảng run rẩy cũng sẽ có khoảnh khắc sáng suốt hoàn hảo của mình vào thời điểm chết, mặc dù không thể nói như vậy với những người có mặt. Người đó thường có vẻ đã chết; tuy nhiên, từ nhịp đập cuối cùng, từ và giữa nhịp đập cuối cùng của trái tim y, và thời điểm tia nhiệt động vật cuối cùng rời khỏi cơ thể, bộ não suy nghĩ, và chân ngã sống trong vài giây ngắn ngủi này toàn bộ cuộc đời của y một lần nữa. Hãy nói thì thầm, hỡi những người giúp đỡ bên giường bệnh, và thấy mình đang ở trong sự hiện diện trang nghiêm của Cái Chết. Đặc biệt, bạn phải giữ im lặng ngay sau khi Cái Chết đặt bàn tay lạnh lẽo của nó lên cơ thể. Hãy nói thì thầm, tôi nói, kẻo bạn làm xáo trộn sự gợn sóng yên tĩnh của suy nghĩ, và cản trở công việc bận rộn của Quá Khứ đang đổ bóng của nó lên bức màn của Tương Lai.

Question— "The real full remembrance of our lives will come but at the end of the minor cycle." Does the "minor cycle" here mean one Round, or the whole Manvantara of our planetary chain? That is, do we remember our past lives in the Devachan of world Z at the end of each Round, or only at the end of the seventh Round?

Câu hỏi— "Sự tưởng nhớ đầy đủ thực sự về cuộc đời của chúng ta sẽ chỉ đến vào cuối chu kỳ nhỏ." "Chu kỳ nhỏ" ở đây có nghĩa là một Cuộc Tuần Hoàn, hay toàn bộ Giai kỳ sinh hóa của dãy hành tinh của chúng ta? Đó là, chúng ta có nhớ cuộc đời đã qua của mình ở Devachan của thế giới Z vào cuối mỗi Cuộc Tuần Hoàn, hay chỉ vào cuối Cuộc Tuần Hoàn thứ bảy?

Answer—Yes; the full remembrance of our collective lives will return at the end of all the seven Rounds, at the threshold of the long, long Nirvana that awaits us after we leave globe Z. At the end of isolated Rounds, we remember but the sum-total of our last impressions, those we had selected, or rather those that had *forced* themselves upon us, and followed us in Devachan. Those are all "probationary" lives with large "indulgences" and new trials afforded us with every new life. But at the close of the minor cycle, after the completion of all the seven Rounds, there awaits us *no other mercy* but the cup of good deeds of merit outweighing that of evil deeds

Trả lời—Vâng; sự tưởng nhớ đầy đủ về cuộc đời tập thể của chúng ta sẽ trở lại vào cuối tất cả bảy Cuộc Tuần Hoàn, ở ngưỡng cửa của Niết Bàn dài, dài đang chờ đợi chúng ta sau khi chúng ta rời khỏi địa cầu Z. Vào cuối các Cuộc Tuần Hoàn riêng lẻ, chúng ta chỉ nhớ tổng số những ấn tượng cuối cùng của mình, những ấn tượng mà chúng ta đã chọn, hay đúng hơn là những ấn tượng đã buộc mình lên chúng ta, và theo chúng ta vào Devachan. Đó là tất cả những cuộc đời "thử thách" với những "nhân nhượng" lớn và những thử thách mới được ban cho chúng ta với mỗi cuộc đời mới. Nhưng vào cuối chu kỳ nhỏ, sau khi hoàn thành tất cả bảy Cuộc Tuần Hoàn, không có lòng thương xót

and demerit in the scales of Retributive Justice. Bad, irretrievably bad, must be that ego that yields no mite from its fifth principle, and *has* to be annihilated, to disappear in the Eighth Sphere. A mite, as I say, collected from the personal ego suffices to save him from this dreary fate. Not so after the completion of the great cycle; either a long Nirvana of bliss (unconscious though it be in his and according to your crude conceptions), after which life as a Dhyan Chohan for a whole Manvantara; or else *Avitchi-Nirvana,* and a Manvantara of horror and misery as a..... you must *not* hear the word, nor I pronounce or write it. But "those" have naught to do with the mortals that pass through the seven spheres. The collective Karma of a future Planetary is as lovely as the collective Karma of a..... is terrible! Enough! I have said too much already.

nào khác đang chờ đợi chúng ta ngoài chén công đức vượt trội hơn chén việc ác và tội lỗi trong cán cân Công Lý Báo Ứng. Tệ, tệ không thể cứu vãn, phải là chân ngã không mang lại một chút gì từ nguyên tắc thứ năm của nó, và phải bị tiêu diệt, để biến mất trong Bát Cầu. Một chút, như tôi nói, được thu thập từ phàm ngã là đủ để cứu y khỏi số phận ảm đạm này. Không phải như vậy sau khi hoàn thành chu kỳ lớn; hoặc là một Niết Bàn dài của hạnh phúc (mặc dù vô thức trong y và theo quan niệm thô thiển của bạn), sau đó là cuộc sống như một Dhyan Chohan cho toàn bộ Giai kỳ sinh hóa; hoặc là Avitchi-Niết Bàn, và một Giai kỳ sinh hóa của kinh hoàng và đau khổ như một..... bạn không được nghe từ này, cũng như tôi không được phát âm hoặc viết nó. Nhưng "những người đó" không liên quan gì đến những người phàm trần đi qua bảy cõi. Nghiệp quả tập thể của một Hành Tinh Thượng đế tương lai cũng đáng yêu như Nghiệp quả tập thể của một..... thật khủng khiếp! Đủ rồi! Tôi đã nói quá nhiều rồi.

Question— And you say, " And even the shells of those good men whose pages will not be found missing in the great book of lives... even they will regain their remembrance of self consciousness only after the sixth and seventh principles with the essence of the fifth have gone to their gestation period."

Câu hỏi— Và bạn nói, "Và ngay cả những cái vỏ của những người tốt bụng vốn những trang của họ sẽ không bị thiếu trong cuốn sách vĩ đại về cuộc đời... ngay cả họ cũng sẽ lấy lại được sự tưởng nhớ về tự tâm thức chỉ sau khi nguyên tắc thứ sáu và thứ bảy với bản chất của nguyên tắc thứ năm đã đi vào giai đoạn thai nghén của họ."

Answer—Verily so; until the struggle between the higher and middle duad begins (with the exception of suicides, who are not dead, but have only killed their physical triad, and whose elemental parasites therefore are not naturally separated from the ego, as in real death) until that struggle, I say, has not begun and ended, no shell can realise its position. When the sixth and seventh principles are gone, carrying off with them the finer spiritual portions of that which was once the

Trả lời—Thật vậy; cho đến khi cuộc đấu tranh giữa nhị nguyên cao hơn và trung gian bắt đầu (ngoại trừ những người tự tử, vốn không chết, mà chỉ giết chết tam thể xác của họ, và do đó những ký sinh trùng hành khí của họ không tự nhiên tách rời khỏi chân ngã, như trong cái chết thực sự) cho đến khi cuộc đấu tranh đó, tôi nói, chưa bắt đầu và kết thúc, không có cái vỏ nào có thể nhận ra vị trí của nó. Khi nguyên tắc thứ sáu và thứ bảy biến mất, mang theo những phần tinh thần tốt đẹp hơn của những

personal consciousness of the fifth, then only does the shell gradually develop a kind of hazy consciousness of its own from what remains in the shadow of personality. No contradiction here, my dear friend, only haziness in your own perception (a physical brain, once dead, of course cannot retain its perceptive faculties).

gì đã từng là tâm thức cá nhân của nguyên tắc thứ năm, thì chỉ khi đó cái vỏ mới dần dần phát triển một loại tâm thức mơ hồ của riêng nó từ những gì còn lại trong bóng tối của phàm ngã. Không có mâu thuẫn nào ở đây, bạn thân mến của tôi, chỉ có sự mơ hồ trong nhận thức của chính bạn (một bộ não thể xác, một khi đã chết, tất nhiên không thể giữ lại các khả năng nhận thức của nó).

Question— A little later on: " Whether the ego was good, bad, or indifferent, his consciousness leaves him as suddenly as the flame leaves the wick... his perceptive faculties become extinct for ever." Well, can a physical brain once dead retain its perceptive faculties? That which will perceive in the shell is something that perceives with a borrowed or reflected light (see note) Then what is the nature of the remembrance and self consciousness of the shell? This touches on a matter I have often thought about—wishing for further explanation—the extent of personal identity in elementaries.

Câu hỏi— Một lát sau: "Dù chân ngã tốt, xấu hay điềm nhiên, tâm thức của y rời bỏ y đột ngột như ngọn lửa rời khỏi bấc đèn... các năng lực tri giác của y vĩnh viễn bị dập tắt." Vâng, liệu một bộ não thể xác một khi đã chết có thể giữ lại các năng lực tri giác của nó không? Thứ sẽ tri giác trong cái vỏ là thứ tri giác bằng ánh sáng vay mượn hoặc phản chiếu (xem ghi chú). Vậy bản chất của sự tưởng nhớ và tự tâm thức của cái vỏ là gì? Điều này chạm đến một vấn đề mà tôi thường nghĩ đến—mong muốn có thêm lời giải thích—mức độ đồng nhất cá nhân trong các bản thể hạ đẳng.

Answer—All that which pertains to the materio-psychological attributes and sensations of the five lower *skandhas*, all that which will be thrown off as refuse by the newly-born ego in the Devachan, as unworthy of and not sufficiently related to the *purely* spiritual perceptions, emotions and feelings of the sixth, strengthened and, so to say, cemented by a portion of the fifth, (that portion which is necessary in the Devachan for the retention of a divine spiritualised notion of the "I" in the monad, which would otherwise have no consciousness in relation to subject and object at all)—all this "becomes extinct for ever," namely at the moment of physical death, to return once more, marshalling before the eyes of the new ego at the threshold of Devachan, and to be rejected by it. It will return for the *third* time *fully* at

Trả lời—Tất cả những gì liên quan đến các thuộc tính và cảm giác tâm lý-vật chất của năm uẩn thấp hơn, tất cả những gì sẽ bị chân ngã mới sinh vứt bỏ như rác rưởi ở cõi Devachan, vì không xứng đáng và không liên quan đủ đến những tri giác, cảm xúc và tình cảm thuần túy tinh thần của uẩn thứ sáu, được củng cố và, có thể nói, gắn kết bởi một phần của uẩn thứ năm, (phần cần thiết trong cõi Devachan để giữ lại một khái niệm thiêng liêng được tinh thần hóa về cái "Tôi" trong chân thần, nếu không sẽ không có tâm thức nào liên quan đến chủ thể và đối tượng cả)—tất cả điều này "vĩnh viễn bị dập tắt", cụ thể là vào thời điểm thể xác chết, để quay trở lại một lần nữa, tập hợp trước mắt chân ngã mới ở ngưỡng cửa của cõi Devachan, và bị nó từ chối. Nó sẽ quay trở lại lần thứ ba đầy đủ vào cuối tiểu chu kỳ, sau khi hoàn thành bảy Cuộc Tuần

the end of the minor cycle, after the completion of the seven Rounds, when the sum-total of collective existences is weighed, merit in one cup and demerit in the other cup of the scales. But in that individual, in the ego —good, bad or indifferent—in the isolated personality, "consciousness leaves as suddenly as the flame leaves the wick." Blow out your candle, good friend; the flame has left *that* candle "for ever," but are the particles that moved, their motion producing the *objective* flame, annihilated or dispersed for all that? Never, *Relight the candle,* and the same particles, drawn by a mutual affinity, will return to the wick. Place a long row of candles on your table. Light one and blow it out; then light the other and do the same, then the third and fourth, and so on. The same matter, the same gaseous particles—representing in our case the Karma of the personality—will be called forth by the conditions given them by your match to produce a new luminosity; but can we say that candle No 1 has not had its flame extinguished for ever? Not even in the case of the "failures of nature," of the immediate reincarnation of children and congenital idiots and so forth, can we call them the identical ex-personalities, though the whole of the same life-principle and identically the same Manas, (fifth principle) re-enters a new body, and may truly be called a "reincarnation of the personality"; whereas in the rebirths of the ego from Devachan and Avitchi into Karmic life, it is only the spiritual attributes of the monad and its Buddhi that are reborn. All we can say of the reincarnated "failures" is that they are the reincarnated Manas, the fifth principle, of Mr. Smith or Miss Grey; but not certainly that these are the reincarnations of Mr. S or Miss. G. "But what is then the nature of the remembrance and self consciousness of the shell?" you ask. As I said in your note, no better than a reflected or borrowed light. Memory is one thing and

Hoàn, khi tổng số các sự tồn tại tập thể được cân nhắc, công đức ở một bên và lỗi lầm ở bên còn lại của cán cân. Nhưng ở cá nhân đó, ở chân ngã—tốt, xấu hay điềm nhiên—ở phàm ngã cô lập, "tâm thức rời đi đột ngột như ngọn lửa rời khỏi bấc đèn". Thổi tắt nến của bạn đi, bạn tốt bụng; ngọn lửa đã rời khỏi cây nến đó "mãi mãi", nhưng liệu các hạt đã di chuyển, chuyển động của chúng tạo ra ngọn lửa khách quan, có bị tiêu diệt hoặc phân tán vì tất cả những điều đó không? Không bao giờ. Thắp lại nến, và các hạt tương tự, được thu hút bởi một ái lực lẫn nhau, sẽ quay trở lại bấc đèn. Đặt một hàng nến dài trên bàn của bạn. Thắp một cây và thổi tắt nó; sau đó thắp cây khác và làm tương tự, sau đó là cây thứ ba và thứ tư, v.v. Cùng một chất, cùng một hạt khí—trong trường hợp của chúng ta đại diện cho Nghiệp quả của phàm ngã—sẽ được kêu gọi bởi các điều kiện do que diêm của bạn đưa ra để tạo ra một độ sáng mới; nhưng chúng ta có thể nói rằng ngọn lửa của cây nến số 1 đã không bị dập tắt mãi mãi không? Ngay cả trong trường hợp "những thất bại của tự nhiên", của sự tái sinh ngay lập tức của trẻ em và những người đần độn bẩm sinh, v.v., chúng ta cũng không thể gọi chúng là những cựu phàm ngã đồng nhất, mặc dù toàn bộ nguyên lý sự sống tương tự và hoàn toàn giống nhau là Manas, (nguyên lý thứ năm) tái nhập vào một thể xác mới, và có thể thực sự được gọi là "sự tái sinh của phàm ngã"; trong khi trong sự tái sinh của chân ngã từ cõi Devachan và Avitchi vào cuộc sống Nghiệp quả, thì chỉ có các thuộc tính tinh thần của chân thần và Bồ đề của nó được tái sinh. Tất cả những gì chúng ta có thể nói về những "thất bại" được tái sinh là chúng là Manas được tái sinh, nguyên lý thứ năm, của Bạn Smith hoặc Cô Grey; nhưng chắc chắn không phải là những người này là sự tái sinh của Bạn S hoặc Cô G. "Nhưng vậy thì bản chất của sự tưởng nhớ và tự tâm thức của cái vỏ là gì?" bạn hỏi. Như tôi đã nói trong ghi chú của bạn, không tốt hơn ánh sáng phản chiếu hoặc vay mượn.

perceptive faculties quite another. A madman may remember very clearly some portions of his past life; yet he is unable to perceive anything in its true light, for the higher portion of his Manas and his Buddhi are paralysed in him, have left him. Could an animal, a dog for instance, speak, he would prove to you that his memory in direct relation to his canine personality is as fresh as yours; nevertheless his memory and instinct cannot be called "perceptive faculties". A dog remembers that his master thrashed him when the latter gets hold of a stick; at all other times he has no remembrance of it. Thus a shell; once in the aura of a medium, all he perceives through the borrowed organs of the medium, and of those in magnetic sympathy with the latter, he will perceive very clearly; but not further than what the shell can find in the perceptive faculties and memories of *circle* and medium; hence often the rational and highly intelligent answers; hence also a complete oblivion of things known to all but that medium and circle. The shell of a highly intelligent but utterly unspiritual man who died a natural death will last longer, and the *shadow* of his own memory helping (that shadow which is the refuse of the sixth principle left in the fifth), he may deliver discourses through trance-speakers, and repeat parrot-like that which he knew and thought much over in his lifetime.

Trí nhớ là một chuyện và các năng lực tri giác là một chuyện khác. Một người điên có thể nhớ rất rõ một số phần trong cuộc đời đã qua của mình; nhưng y không thể tri giác bất cứ điều gì dưới ánh sáng thật của nó, vì phần cao hơn của Manas và Bồ đề của y bị tê liệt trong y, đã rời bỏ y. Liệu một con vật, ví dụ như một con chó, có thể nói, nó sẽ chứng minh cho bạn thấy rằng trí nhớ của nó liên quan trực tiếp đến phàm ngã chó của nó cũng mới mẻ như của bạn; tuy nhiên, trí nhớ và bản năng của nó không thể được gọi là "năng lực tri giác". Một con chó nhớ rằng chủ của nó đã đánh nó khi người sau cầm gậy; vào mọi thời điểm khác, nó không nhớ gì về điều đó. Như vậy là một cái vỏ; một khi ở trong hào quang của một đồng tử, tất cả những gì y tri giác thông qua các cơ quan vay mượn của đồng tử, và của những người có cảm ứng từ tính với người sau, y sẽ tri giác rất rõ ràng; nhưng không xa hơn những gì cái vỏ có thể tìm thấy trong các năng lực tri giác và trí nhớ của vòng tròn và đồng tử; do đó thường có những câu trả lời hợp lý và rất thông minh; do đó cũng có sự lãng quên hoàn toàn những điều mà tất cả mọi người đều biết ngoại trừ đồng tử và vòng tròn đó. Cái vỏ của một người rất thông minh nhưng hoàn toàn không tinh thần, người đã chết một cách tự nhiên sẽ tồn tại lâu hơn, và bóng của trí nhớ của chính y giúp đỡ (cái bóng đó là phần bỏ đi của nguyên lý thứ sáu còn lại trong nguyên lý thứ năm), y có thể đưa ra những bài diễn thuyết thông qua những người xuất thần, và lặp lại như con vẹt những gì y đã biết và suy nghĩ nhiều trong cuộc đời mình.

But find *one single* instance in the annals of Spiritualism where a returning shell of a Faraday, or a Brewster (were they to fall into the trap of a mediumistic attraction) said one word more that it knew during its lifetime. Where is that scientific shell that ever gave evidence of that which is claimed on behalf of disembodied spirits; namely, that a free soul,

Nhưng hãy tìm một trường hợp duy nhất trong biên niên sử của Thuyết Duy Linh, nơi một cái vỏ trở về của một Faraday, hoặc một Brewster (nếu họ rơi vào bẫy của một sự thu hút trung gian) nói thêm một từ nào đó mà nó đã biết trong suốt cuộc đời mình. Cái vỏ khoa học nào đã từng đưa ra bằng chứng về những gì được tuyên bố thay mặt cho các linh hồn lìa

the spirit disembodied from its body's fetters, perceives and sees that which is concealed from living mortal eyes? Let the "spirit" of Zollner, now that he is in the fourth dimension of space and has already put in an appearance with several mediums, tell the last word of his discovery, complete his astrophysical philosophy. No; Zollner when lecturing through an intelligent medium surrounded with persons who read his works and are interested in them, will repeat in various tones that which is known to others (not even that which he alone knew, most probably) the credulous ignorant public confounding the *post hoc* with the *proper hoc*, and firmly convinced of the spirit's identity. Indeed, it will be worth your while to stimulate investigation in this direction. Yes; personal consciousness does leave everyone at death; and whenever the centre of memory is established in the shell, it will remember and speak out its recollections through the brain of some living human being.

thể; cụ thể là, một linh hồn tự do, tinh thần lìa khỏi xiềng xích của thể xác, tri giác và nhìn thấy những gì bị che giấu khỏi mắt người phàm đang sống? Hãy để "linh hồn" của Zollner, giờ đây y đang ở chiều không gian thứ tư và đã xuất hiện với một số đồng tử, nói lời cuối cùng về khám phá của y, hoàn thành triết học vật lý thiên văn của y. Không; Zollner khi thuyết giảng thông qua một đồng tử thông minh được bao quanh bởi những người đọc các tác phẩm của y và quan tâm đến chúng, sẽ lặp lại bằng nhiều giọng điệu khác nhau những gì người khác đã biết (thậm chí có thể không phải là những gì chỉ mình y biết), công chúng cả tin ngu dốt nhầm lẫn post hoc với proper hoc, và tin chắc vào sự đồng nhất của linh hồn. Thật vậy, bạn nên khuyến khích điều tra theo hướng này. Vâng; tâm thức cá nhân thực sự rời bỏ mọi người khi chết; và bất cứ khi nào trung tâm trí nhớ được thiết lập trong cái vỏ, nó sẽ nhớ và nói ra những hồi ức của mình thông qua bộ não của một người đang sống.

Question— Is a shell conscious of losing anything that feels like life as it gradually disintegrates?

Câu hỏi— Một cái vỏ có tâm thức về việc mất đi bất cứ điều gì có cảm giác như sự sống khi nó dần dần tan rã không?

Answer—No, it is not conscious of this loss of cohesion. Besides such a feeling in a shell being quite useless for nature's purposes, it could hardly realize something which could never be dreamt by a medium or its affinities. It is dimly conscious of its own physical death —after a prolonged period of time, though— that is all. The few exceptions to this rule— cases of half-successful sorcerers, of very wicked persons passionately attached to self— offer a real danger to the living. These very material shells, whose last dying thought was self, self, self and to live! to live!, will often feel it instinctively. So do some suicides—though not all. What happens then is terrible, for it becomes a case of *post mortem* lycanthropy.

Trả lời—Không, nó không có tâm thức về sự mất mát sự gắn kết này. Bên cạnh một cảm giác như vậy trong một cái vỏ hoàn toàn vô dụng cho các mục đích của tự nhiên, nó khó có thể nhận ra điều gì đó mà một đồng tử hoặc những người thân của nó không bao giờ có thể mơ tới. Nó lờ mờ tâm thức về cái chết thể xác của chính nó—sau một khoảng thời gian kéo dài—đó là tất cả. Một vài trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc này—những trường hợp của những phù thủy nửa vời, của những người rất xấu xa gắn bó страстно với bản thân—mang đến một mối nguy hiểm thực sự cho người sống. Những cái vỏ rất vật chất này, mà suy nghĩ hấp hối cuối cùng là bản thân, bản thân, bản thân và sống! để sống!, thường sẽ cảm

The shell will cling so tenaciously to its semblance of life that it will seek refuge in a new organism—any beast, a dog, a hyaena, a bird—when no human organism is close at hand, rather than submit to annihilation.

nhận được điều đó một cách bản năng. Một số người tự tử cũng vậy—mặc dù không phải tất cả. Điều gì xảy ra sau đó thật khủng khiếp, vì nó trở thành một trường hợp lycanthropy sau khi chết. Cái vỏ sẽ bám rất chặt vào vẻ ngoài của sự sống đến nỗi nó sẽ tìm nơi ẩn náu trong một sinh vật mới—bất kỳ con thú nào, một con chó, một con linh cẩu, một con chim—khi không có sinh vật người nào ở gần, hơn là khuất phục trước sự tiêu diệt.

Question— *What is the explanation of "Ernest" and Eglinton's* [William Eglintgon, a spiritualistic medium of great probity, to whom the Master K.H. appeared on board S.S. Vega. See Occult World, "Conclusion", and also p.75. "Ernest" was one of Eglinton's spirit "guides," who offered to C. W. Leadbeater to take a letter to the Master K.H., and failed (see Letters from The Masters of Wisdom, Letter VII, note 10).] *other guides? Are they elementaries drawing their conscious vitality from him, or elementals masquerading? When "Ernest" took that sheet of Pioneer note paper, how did he contrive to get it without mediumship at this end?* [In Theosophist, January 1882, appears a letter from J.G. Meugens, the host of Eglinton, that "Ernest has stated that he will try and take a sheet of paper, privately marked by me for identification, to my friend in London, and bring it back to me with a message in my friend's handwriting. If this is successfully done I will inform you of it". No further correspondence appears in Theosophist stating that Ernest had done what he promised. Possibly "that sheet of Pioneer notepaper" in the question refers to a similar phenomenon where Ernest was successful.]

Câu hỏi— Giải thích về "Ernest" và các hướng dẫn khác của Eglinton [William Eglintgon, một đồng tử duy linh có tính chính trực cao, người mà Chân sư KH đã xuất hiện trên tàu S.S. Vega. Xem Thế Giới Huyền Bí, "Kết luận", và cả trang 75. "Ernest" là một trong những "người hướng dẫn" tinh thần của Eglinton, người đã đề nghị với C. W. Leadbeater mang một lá thư cho Chân sư KH, và đã thất bại (xem Thư từ Các Chân sư Minh Triết, Thư VII, ghi chú 10).]? Chúng là những bản thể hạ đẳng rút ra sinh lực tâm thức của chúng từ y, hay những bản thể hành khí đang cải trang? Khi "Ernest" lấy tờ giấy ghi chú Pioneer đó, làm thế nào y xoay sở để lấy nó mà không cần trung gian ở đầu này? [Trong Theosophist, tháng 1 năm 1882, xuất hiện một lá thư từ J.G. Meugens, chủ nhà của Eglinton, rằng "Ernest đã tuyên bố rằng y sẽ cố gắng lấy một tờ giấy, được tôi đánh dấu riêng để nhận dạng, cho bạn tôi ở London, và mang nó trở lại cho tôi với một thông điệp bằng chữ viết tay của bạn tôi. Nếu điều này được thực hiện thành công, tôi sẽ thông báo cho bạn về điều đó". Không có thư từ nào khác xuất hiện trong Theosophist nói rằng Ernest đã làm những gì y đã hứa. Có thể "tờ giấy ghi chú Pioneer đó" trong câu hỏi đề cập đến một hiện tượng tương tự, nơi Ernest đã thành công.]

Answer—I can assure you it is not worth your while to study the true natures of the "Ernests" and "Joeys" [Another "guide" of

Trả lời—Tôi có thể đảm bảo với bạn rằng việc nghiên cứu bản chất thật sự của "Ernests" và "Joeys" [Một "người hướng dẫn" khác của

Eglinton was Joey.] and other "guides" as unless you become acquainted with the evolution of the corruptions of elemental dross, and those of the seven principles in man, you would ever find yourself at a loss to understand what they really are. There are no written statutes for them, and they can hardly be expected to pay their friends and admirers the compliment of truth, silence or forbearing. If you are related to them as some *soulless* physical mediums are, you shall meet. If not, better leave them alone. They gravitate but to their likes—the mediums; and their relation is not made but *forced* by foolish and sinful phenomena-mongers. They are both elementaries and elementals—at best a low, mischievous, degrading jungle.

Eglinton là Joey.] và những "người hướng dẫn" khác không đáng để bạn bỏ công, vì trừ khi bạn làm quen với sự tiến hóa của những sự tha hóa của cặn bã hành khí, và những sự tha hóa của bảy nguyên lý trong con người, bạn sẽ luôn thấy mình không thể hiểu được chúng thực sự là gì. Không có quy chế bằng văn bản nào cho chúng, và khó có thể mong đợi chúng trả cho bạn bè và những người ngưỡng mộ chúng lời khen về sự thật, im lặng hoặc kiềm chế. Nếu bạn có liên quan đến chúng như một số đồng tử thể xác vô hồn, bạn sẽ gặp. Nếu không, tốt hơn là để chúng yên. Chúng chỉ hướng tới những người giống chúng—các đồng tử; và mối quan hệ của chúng không phải do tạo ra mà bị ép buộc bởi những kẻ buôn bán hiện tượng ngu ngốc và tội lỗi. Chúng vừa là bản thể hạ đẳng vừa là bản thể hành khí—tốt nhất là một khu rừng thấp kém, tinh nghịch, suy đồi.

Question— You say, it may happen "that the spiritual spoil from the fifth will prove too weak to be reborn in Devachan, in which case it (sixth) will there and then reclothe itself in a new body, and enter upon a new earth existence, whether upon this or any other planet".

Câu hỏi— Bạn nói, có thể xảy ra "rằng chiến lợi phẩm tinh thần từ nguyên lý thứ năm sẽ tỏ ra quá yếu để được tái sinh ở cõi Devachan, trong trường hợp đó, nó (nguyên lý thứ sáu) sẽ ngay lập tức khoác lên mình một thể xác mới, và bước vào một sự tồn tại trên trái đất mới, dù là trên hành tinh này hay bất kỳ hành tinh nào khác".

Answer—The "it" relates to the sixth and seventh principles not to the fifth, for the *manas* will have to remain a shell in each case, only in the one hand it has no time to visit mediums, for it begins sinking down to the Eighth Sphere almost immediately. "Then and there" in the eternity may be a mighty long period; it means only that the monad, having no Karmic body to guide its rebirth, falls into *non-being* for a certain period, and then reincarnates—certainly not earlier than one or two thousand years. No, it is not an "exceptional case"; save a few exceptional cases in the cases of the initiated, such as our Teshu Lamas, the Bodhisattvas, and a few

Trả lời—"Nó" liên quan đến nguyên lý thứ sáu và thứ bảy chứ không phải nguyên lý thứ năm, vì manas sẽ phải vẫn là một cái vỏ trong mọi trường hợp, chỉ có điều trong một tay nó không có thời gian để ghé thăm các đồng tử, vì nó bắt đầu chìm xuống Bát Cực gần như ngay lập tức. "Ngay lập tức" trong cõi vĩnh hằng có thể là một khoảng thời gian dài; nó chỉ có nghĩa là chân thần, không có thể Nghiệp quả để hướng dẫn sự tái sinh của nó, rơi vào trạng thái không tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định, và sau đó tái sinh—chắc chắn không sớm hơn một hoặc hai nghìn năm. Không, đó không phải là một "trường hợp ngoại lệ"; ngoại trừ một vài trường hợp ngoại

others, no monad ever got reincarnated before its appointed cycle.

lệ trong trường hợp của những người được điểm đạo, chẳng hạn như các Teshu Lạt Ma, các Bồ Tát của chúng ta, và một vài người khác, không có chân thần nào từng được tái sinh trước chu kỳ đã định của nó.

Section III—Phần III

Races and Sub-Races—Các Chủng Tộc và Phân Chủng Tộc

Question— There is a very interesting allusion in your last, when speaking of Hume you speak of certain characteristics he brought back with him from his last incarnation.

Câu hỏi— Có một ám chỉ rất thú vị trong thư cuối cùng của bạn, khi nói về Hume, bạn nói về những đặc điểm nhất định mà Bạn đã mang trở lại với mình từ lần tái sinh cuối cùng của mình.

Answer—All of us, we bring some characteristics from our previous incarnations. It is unavoidable.

Trả lời—Tất cả chúng ta, chúng ta đều mang một số đặc điểm từ những lần tái sinh trước đây của mình. Điều đó là không thể tránh khỏi.

Question— Have you the power of looking back to the former lives of persons now living, and identifying them?

Câu hỏi— Ngài có khả năng nhìn lại những kiếp trước của những người hiện đang sống và xác định họ không?

Answer—Unfortunately some of us have. I for one do not like to exercise it.

Trả lời—Thật không may, một số người trong chúng ta có. Riêng tôi không thích thực hành nó.

Question— In that case would it be improper, personal curiosity to ask for any particulars of my own?

Câu hỏi— Trong trường hợp đó, liệu có bất kỳ sự tò mò cá nhân không phù hợp nào khi hỏi về bất kỳ chi tiết cụ thể nào về bản thân tôi không?

Answer—"Man know thyself," saith the Delphinian oracle. There is nothing "improper" certainly in such a curiosity. Only would it not be still more proper to study our own present personality before attempting to learn anything of its creator-predecessor and fashioner—the man that was? Well, some day

Trả lời—"Người hãy tự biết mình," lời sấm truyền Delphinian nói. Chắc chắn không có gì "không phù hợp" trong một sự tò mò như vậy. Chỉ là liệu việc nghiên cứu phàm ngã hiện tại của chúng ta có phù hợp hơn không trước khi cố gắng tìm hiểu bất cứ điều gì về người tiền nhiệm-người sáng tạo và người tạo hình

I may treat you to a little story—no time now—only I promise no details; a simple sketch and a hint or two to test your *intuitional* powers.

của nó—người đã từng là? Vâng, một ngày nào đó tôi có thể kể cho bạn một câu chuyện nhỏ—bây giờ không có thời gian—chỉ là tôi hứa không có chi tiết; một bản phác thảo đơn giản và một hoặc hai gợi ý để kiểm tra năng lực trực giác của bạn.

Question— Is there any way of accounting for what seems the curious rush of human progress within the last two thousand years, as compared with the relatively stagnant condition of the Fourth Round people up to the beginning of modern progress?

Câu hỏi— Có cách nào để giải thích cho những gì dường như là sự vội vã kỳ lạ của sự tiến bộ của con người trong vòng hai nghìn năm qua, so với tình trạng tương đối trì trệ của những người thuộc Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư cho đến khi bắt đầu sự tiến bộ hiện đại không?

Answer—The latter end of a very important cycle. Each Round, each ring, as every race, has its great and its smaller cycles on every planet that mankind passes through. Our Fourth Round humanity has its one great cycle and so have her races and sub-races. The "curious rush" is due to the double effect of the former—the beginning of its downward course—and of the latter (the small cycle of our sub-race) running on to its apex. Remember you belong to the Fifth Race. Yet you are but a Western sub-race. Notwithstanding your efforts, what you call civilisation is confined only to the latter and its offshoots in America. Radiating around, its deceptive light may seem to throw its rays on a greater distance than it does in reality. There is no "rush" in China, and of Japan you make but a caricature.

Trả lời—Phần cuối của một chu kỳ rất quan trọng. Mỗi Cuộc Tuần Hoàn, mỗi vòng, cũng như mọi chủng tộc, đều có các chu kỳ lớn và nhỏ hơn của nó trên mọi hành tinh mà nhân loại đi qua. Nhân loại Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư của chúng ta có một chu kỳ lớn và các chủng tộc và phân chủng tộc của nó cũng vậy. "Sự vội vã kỳ lạ" là do tác động kép của cái trước—sự bắt đầu của quá trình đi xuống của nó—và của cái sau (chu kỳ nhỏ của phân chủng tộc của chúng ta) chạy đến đỉnh điểm của nó. Hãy nhớ rằng bạn thuộc về Chủng Tộc Thứ Năm. Tuy nhiên, bạn chỉ là một phân chủng tộc phương Tây. Bất chấp những nỗ lực của bạn, những gì bạn gọi là văn minh chỉ giới hạn ở cái sau và các nhánh của nó ở Châu Mỹ. Tỏa ra xung quanh, ánh sáng lừa dối của nó dường như chiếu những tia sáng của nó trên một khoảng cách lớn hơn thực tế. Không có "sự vội vã" nào ở Trung Quốc, và bạn chỉ tạo ra một bức tranh biếm họa về Nhật Bản.

A student of Occultism ought not to speak of the "stagnant condition" of the Fourth Round people, since history knows next to nothing of that condition "up to the beginning of modern progress" of other nations but the Western. What do you know of America, for instance, before the invasion of that country by the Spaniards? Less than two centuries prior to

Một đạo sinh Huyền bí học không nên nói về "tình trạng trì trệ" của những người thuộc Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư, vì lịch sử hầu như không biết gì về tình trạng đó "cho đến khi bắt đầu sự tiến bộ hiện đại" của các quốc gia khác ngoài phương Tây. Ví dụ, bạn biết gì về Châu Mỹ trước cuộc xâm lược của người Tây Ban Nha vào quốc gia đó? Chưa đầy hai thế kỷ trước

the arrival of Cortez, there was as great a "rush" toward progress among the *sub-races* of Peru and Mexico as there is now in Europe and the U.S.A. Their sub-races ended in nearly total annihilation through causes generated by itself; so will yours at the end of its cycle. We may speak only of the stagnant conditions into which, following the law of development, growth, maturity and decline, every race and sub-race falls during its transition periods. It is the latter condition your Universal History is acquainted with, while it remains superbly ignorant of the condition even in India was in, some ten centuries back. Your sub-races are now running towards the apex of their respective cycles, and that history goes no further back than the periods of decline of a few other sub-races belonging most of them to the preceding Fourth Race. And what is the area and the period of time embraced by its *universal* eye? At the utmost stretch, a few miserable dozens of centuries—a mighty horizon indeed. Beyond all is darkness for it, nothing but hypothesis.

khi Cortez đến, đã có một "làn sóng" tiến bộ lớn trong các giống dân phụ của Peru và Mexico như hiện nay ở Châu Âu và Hoa Kỳ. Các giống dân phụ của họ đã kết thúc bằng sự tiêu diệt gần như hoàn toàn thông qua các nguyên nhân do chính nó tạo ra; các bạn cũng sẽ như vậy vào cuối chu kỳ của mình. Chúng ta chỉ có thể nói về các điều kiện trì trệ mà theo quy luật phát triển, tăng trưởng, trưởng thành và suy tàn, mọi chủng tộc và giống dân phụ đều rơi vào trong các giai đoạn chuyển tiếp của nó. Lịch sử phổ quát của bạn chỉ quen thuộc với điều kiện sau, trong khi nó vẫn hoàn toàn không biết gì về tình trạng ngay cả ở Ấn Độ, cách đây khoảng mười thế kỷ. Các giống dân phụ của bạn hiện đang chạy đến đỉnh cao của các chu kỳ tương ứng của chúng và lịch sử đó không quay trở lại xa hơn các giai đoạn suy tàn của một vài giống dân phụ khác, hầu hết thuộc về Chủng Tộc Thứ Tư trước đó. Và diện tích và khoảng thời gian mà con mắt phổ quát của nó bao trùm là bao nhiêu? Cùng lắm là vài chục thế kỷ khốn khổ—một chân trời hùng vĩ thật sự. Vượt ra ngoài tất cả là bóng tối đối với nó, không gì khác ngoài giả thuyết.

Question— Or has there been any former period during the habitation of the earth by Fourth Round men, civilisations as great as our own in regard to intellectual development that have utterly passed away?

Câu hỏi— Hoặc đã có bất kỳ giai đoạn nào trước đây trong thời gian cư trú của Trái Đất bởi những người thuộc Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư, các nền văn minh vĩ đại như nền văn minh của chúng ta về sự phát triển trí tuệ đã hoàn toàn biến mất?

Answer—No doubt there was. Egyptian and Aryan records and especially our Zodiacal tables furnish us with every proof of it, besides our *inner* knowledge. Civilisation is an inheritance and patrimony that passes from race to race along the ascending and descending paths of cycles. During the minority of a sub-race, it is preserved for it by its predecessor which disappears, dies out gradually, when the former comes of age. At first most of them squander and mismanage

Trả lời—Chắc chắn là có. Các ghi chép của Arya và Ai Cập và đặc biệt là các bảng Hoàng Đạo của chúng ta cung cấp cho chúng ta mọi bằng chứng về điều đó, bên cạnh kiến thức nội tại của chúng ta. Nền văn minh là một sự thừa kế và gia tài truyền từ chủng tộc này sang chủng tộc khác dọc theo các con đường đi lên và đi xuống của các chu kỳ. Trong thời kỳ vị thành niên của một giống dân phụ, nó được bảo tồn cho nó bởi người tiền nhiệm của nó, vốn biến mất, chết dần chết mòn, khi người

their property, or leave it untouched in the ancestral coffers. They reject contemptuously the advice of their elders, and prefer, boy-like, playing in the streets to studying and making the most of the untouched wealth stored up for them in the records of the past. Thus during *your* transition-period—the Middle Ages—Europe rejected the testimony of antiquity, calling such sages as Herodotus and other learned Greeks "the father of lies," until she knew better and changed the appellation into that of "father of history". Instead of neglecting, you now accumulate and add to your wealth; as every other race, you had your ups and downs, your periods of honour and dishonour, your dark midnight, and you are now approaching your brilliant noon. The youngest of the Fifth Race family, you were for long ages the unloved and the uncared-for, the Cendrillon [Cinderella.] in your home. And now when so many of your sisters have died, and others are still dying while a few of the old survivors, now in their second infancy, wait but their Messiah—the Sixth Race—to rise to a new life and start anew with the arriving stranger along the path of a new cycle, now that the Western Cendrillon has suddenly developed into a proud and wealthy Princess, the *beauty* we all see and admire, how does she act? Less kind-hearted than the Princess in the tale, instead of offering to her elder and less-favoured sister—the oldest now, in fact, since she is nearly a million years old, and the only one who has never treated her unkindly, though she may have ignored her—instead of offering her, I say, the kiss of peace she applies to her the *lex talionis* with a vengeance that does not enhance her natural beauty. This, my good friend and brother, is not far-stretched allegory, but history.

trước đến tuổi trưởng thành. Lúc đầu, hầu hết bọn họ phung phí và quản lý sai tài sản của mình, hoặc để nó không bị động đến trong rương của tổ tiên. Họ khinh thường bác bỏ lời khuyên của những người lớn tuổi và thích, như một cậu bé, chơi trên đường phố hơn là học tập và tận dụng tối đa sự giàu có chưa được khai thác được cất giữ cho họ trong các ghi chép của quá khứ. Vì vậy, trong giai đoạn chuyển tiếp của bạn—Thời Trung Cổ—Châu Âu đã bác bỏ lời chứng thực của thời cổ đại, gọi những nhà hiền triết như Herodotus và những người Hy Lạp uyên bác khác là "cha đẻ của những lời dối trá", cho đến khi Bà hiểu rõ hơn và thay đổi tên gọi thành "cha đẻ của lịch sử". Thay vì bỏ bê, giờ đây các bạn tích lũy và thêm vào sự giàu có của mình; như mọi chủng tộc khác, các bạn đã có những thăng trầm, những giai đoạn vinh quang và ô nhục, nửa đêm tăm tối và giờ đây các bạn đang tiến gần đến buổi trưa rực rỡ của mình. Là người trẻ nhất trong gia đình Chủng Tộc Thứ Năm, các bạn đã trải qua nhiều thời đại là người không được yêu thương và không được quan tâm, Cendrillon [Cô bé Lọ Lem] trong nhà của các bạn. Và bây giờ khi rất nhiều chị em của các bạn đã chết, và những người khác vẫn đang chết trong khi một vài người sống sót cũ, giờ đang ở tuổi thơ thứ hai, chỉ chờ đợi Đấng Messiah của họ—Chủng Tộc Thứ Sáu—trỗi dậy một cuộc sống mới và bắt đầu lại với người lạ đến dọc theo con đường của một chu kỳ mới, giờ đây khi Cendrillon phương Tây đột nhiên phát triển thành một Công chúa kiêu hãnh và giàu có, vẻ đẹp mà tất cả chúng ta đều thấy và ngưỡng mộ, Bà ấy hành động như thế nào? Ít nhân ái hơn Công chúa trong truyện, thay vì mời người chị lớn tuổi và ít được ưu ái hơn của mình—người lớn tuổi nhất hiện nay, trên thực tế, vì Bà gần một triệu năm tuổi và là người duy nhất chưa bao giờ đối xử tệ với Bà—thay vì mời Bà ấy, tôi nói, nụ hôn hòa bình, Bà ấy áp dụng cho Bà ấy lex talionis với một sự trả thù không làm tăng thêm vẻ đẹp tự nhiên của Bà.

Người bạn và huynh đệ tốt của tôi ơi, đây không phải là một câu chuyện ngụ ngôn xa vời, mà là lịch sử.

Question— Even the Fifth Race (our own) of the Fourth Round began in Asia a million years ago. What was it about for the 998.000 years preceding the last 2.000? During that period have greater civilisations than our own risen and decayed?

Câu hỏi— Ngay cả Chủng Tộc Thứ Năm (của chúng ta) của Cuộc Tuần Hoàn Thứ Tư đã bắt đầu ở Châu Á cách đây một triệu năm. Nó đã làm gì trong 998.000 năm trước 2.000 năm cuối cùng? Trong giai đoạn đó, có những nền văn minh vĩ đại hơn nền văn minh của chúng ta đã trỗi dậy và suy tàn không?

Answer—Yes; the Fifth Race—ours—began in Asia a million years ago. “What was it about for the 998,000 years preceding the last 2,000?” A pertinent question, offered moreover in quite a Christian spirit that refuses to believe that any good could ever have come out from anywhere *before* and *save* Nazareth. What was it about? Well, it was occupying itself pretty well in the same way as it does now—craving Mr. Grant Allen’s pardon, who would place our primitive ancestor, the “hedge-hoggy” man, in the early part of the Eocene Age! Forsooth, your scientific writers bestride their hypothesis most fearlessly, I see. It will really be a pity to find their fiery steed kicking and breaking their heads some day; something that is unavoidably in store for them. In the Eocene Age—even in its “very first part”—the great cycle of the Fourth Race men, the Atlanteans, had already reached its highest point, and the great continent, the father of nearly all the present continents, showed the first symptoms of sinking, a process that occupied it down to 11,446 [i.e. 9564 B.C., since the answer was given in A.D. 1882. years ago, when its last island, that, translating its vernacular name, we may call with propriety *Poseidonis*, went down with a crash. By the bye, whoever wrote the review of Donnelly’s *Atlantis* is right. Lemuria can no more be confounded with the Atlantic continent than

Trả lời—Đúng vậy; Chủng Tộc Thứ Năm—của chúng ta—bắt đầu ở Châu Á cách đây một triệu năm. "Nó đã làm gì trong 998.000 năm trước 2.000 năm cuối cùng?" Một câu hỏi thích hợp, hơn nữa được đưa ra với một tinh thần Cơ đốc giáo từ chối tin rằng bất kỳ điều tốt đẹp nào có thể đến từ bất cứ đâu trước và cứu Nazareth. Nó đã làm gì? Vâng, nó đã chiếm lĩnh bản thân khá tốt theo cách tương tự như bây giờ—xin lỗi Bạn Grant Allen, người sẽ đặt tổ tiên nguyên thủy của chúng ta, người đàn Bạn "hedge-hoggy", vào đầu Kỷ Eocen! Thật vậy, tôi thấy các nhà văn khoa học của các bạn cưỡi trên giả thuyết của họ một cách táo bạo nhất. Sẽ thực sự là một điều đáng tiếc nếu một ngày nào đó con tuấn mã bốc lửa của họ đá và làm vỡ đầu họ; một điều không thể tránh khỏi đang chờ đợi họ. Vào Kỷ Eocen—ngay cả trong "phần đầu tiên" của nó—chu kỳ vĩ đại của những người thuộc Chủng Tộc Thứ Tư, người Atlantis, đã đạt đến điểm cao nhất và lục địa vĩ đại, cha đẻ của gần như tất cả các lục địa hiện tại, đã cho thấy những triệu chứng đầu tiên của sự chìm xuống, một quá trình chiếm lĩnh nó cho đến [11446] (tức là [9564] năm trước Công nguyên, vì câu trả lời được đưa ra vào năm [1882] sau Công nguyên. năm trước, khi hòn đảo cuối cùng của nó, dịch tên bản địa của nó, chúng ta có thể gọi một cách thích hợp là Poseidonis, đã sụp đổ. Nhân tiện, bất cứ ai viết bài đánh giá về Atlantis của Donnelly đều đúng. Lemuria không thể bị lẫn lộn với lục địa

Europe with America. Both sank and were crowned with their high civilisations and "Gods"; yet between the two catastrophes a short period of about 700,000 years elapsed, Lemuria flourishing and ending her career just at about that trifling lapse of time, before the early part of the Eocene Age, since its race was the Third. Behold the relics of that once great nation in some of the flat-headed aborigines of your Australia! No less right is the review in rejecting the kind attempt of the author to people India and Egypt with the refuse of Atlantis. No doubt your geologists are very learned; but why not bear in mind that, under the continents explored and fathomed by them, in the bowels of which they have found the "Eocene Age" and forced it to deliver them its secret, there may be, hidden deep in the fathomless or rather *unfathomed* ocean beds, other and far older continents whose strata have never been geologically explored; and that they may some day upset entirely their present theories, thus illustrating the simplicity and sublimity of truth connected with inductive "generalisation" in opposition to their visionary conjectures. Why not admit—true no one of them has ever thought of it—that our present continents have, like Lemuria and Atlantis, been *several times already* submerged, and had the time to reappear again and bear their new groups of mankind and civilisation; and that at the first great geological upheaval at the next cataclysm, in the series of periodical cataclysms that occur from the beginning to the end of every Round, our already autopsized [This is the word in MSS., but evidently copied wrongly from original Letter.] continents will go down and the Lemurias and Atlantises come up again. Think of the future geologists of the Sixth and Seventh Races. Imagine them digging deep in the bowels of what was Ceylon and Simla, and finding implements of the Veddahs, or of the

Đại Tây Dương hơn là Châu Âu với Châu Mỹ. Cả hai đều chìm xuống và được tôn vinh với các nền văn minh cao và "Các Thượng đế" của họ; tuy nhiên, giữa hai thảm họa, một khoảng thời gian ngắn khoảng [700.000] năm đã trôi qua, Lemuria hưng thịnh và kết thúc sự nghiệp của mình chỉ vào khoảng thời gian trôi qua không đáng kể đó, trước phần đầu của Kỷ Eocen, vì chủng tộc của nó là Chủng Tộc Thứ Ba. Hãy nhìn xem di tích của quốc gia vĩ đại đó trong một số thổ dân đầu bẹt của nước Úc của các bạn! Bài đánh giá cũng không kém phần đúng khi bác bỏ nỗ lực tốt bụng của tác giả nhằm đưa dân cư Ấn Độ và Ai Cập với những thứ bỏ đi của Atlantis. Không nghi ngờ gì nữa, các nhà địa chất của các bạn rất uyên bác; nhưng tại sao không ghi nhớ rằng, bên dưới các lục địa được khám phá và dò tìm bởi họ, trong lòng của chúng mà họ đã tìm thấy "Kỷ Eocen" và buộc nó phải tiết lộ bí mật của nó cho họ, có thể có, ẩn sâu trong đáy đại dương vô đáy hoặc đúng hơn là chưa được dò tìm, những lục địa khác và cổ xưa hơn nhiều mà các tầng của chúng chưa bao giờ được khám phá về mặt địa chất; và rằng một ngày nào đó chúng có thể lật đổ hoàn toàn các lý thuyết hiện tại của họ, do đó minh họa cho sự đơn giản và cao cả của sự thật liên quan đến "khái quát hóa" quy nạp trái ngược với những phỏng đoán hão huyền của họ. Tại sao không thừa nhận—đúng là không ai trong số họ từng nghĩ đến điều đó—rằng các lục địa hiện tại của chúng ta, giống như Lemuria và Atlantis, đã nhiều lần bị nhấn chìm và có thời gian xuất hiện trở lại và mang những nhóm người và nền văn minh mới của họ; và rằng tại cuộc biến động địa chất vĩ đại đầu tiên tại thảm họa tiếp theo, trong loạt thảm họa định kỳ xảy ra từ đầu đến cuối mỗi Cuộc Tuần Hoàn, các lục địa đã được khám nghiệm tử thi của chúng ta sẽ chìm xuống và Lemuria và Atlantis sẽ trồi lên trở lại. Hãy nghĩ về các nhà địa chất tương lai của Chủng Tộc Thứ Sáu và Thứ Bảy. Hãy tưởng tượng họ đào sâu trong lòng những gì từng là Tích Lan và

remote ancestor of the civilised Pahari—every object of the civilised portions of humanity that inhabited these regions having been pulverised to dust by the great masses of travelling glaciers during the next glacial period—imagine him finding only such rude implements as now found among those savage tribes, and forthwith declaring that during that period, primitive man climbed and slept on the trees, and sucked the marrow out of animal bones after breaking them (as civilised Europeans no less than the Veddahs will often do), hence jumping to the conclusion that in the year A.D. 1882 mankind was composed of "manlike animals" black-faced, and whiskered "with prominent prognathous and large, pointed, canine teeth". True, a Grant Allen of the Sixth Race may not be so far from fact and truth in his conjecture that during the Simla period "these teeth *were* used in the combats of the males"—for grass widows—but then metaphor has very little to do with anthropology and geology. Such is *your* Science.

Simla, và tìm thấy các công cụ của người Veddah, hoặc của tổ tiên xa xôi của người Pahari văn minh—mọi vật thể của các phần văn minh của nhân loại đã từng sinh sống ở những khu vực này đã bị nghiền thành bụi bởi các khối băng trôi khổng lồ trong thời kỳ băng hà tiếp theo—hãy tưởng tượng Bạn tìm thấy chỉ những công cụ thô sơ như hiện nay được tìm thấy trong số những bộ lạc man rợ đó, và ngay lập tức tuyên bố rằng trong thời kỳ đó, người nguyên thủy đã trèo và ngủ trên cây, và hút tủy từ xương động vật sau khi bẻ chúng (như những người Châu Âu văn minh cũng như người Veddah thường làm), do đó đi đến kết luận rằng vào năm [1882] sau Công nguyên, nhân loại bao gồm "động vật giống người" mặt đen và có ria mép "với răng nanh nhọn, lớn và hàm dưới nhô ra". Đúng vậy, một Grant Allen của Chủng Tộc Thứ Sáu có thể không quá xa sự thật và chân lý trong phỏng đoán của Bạn rằng trong thời kỳ Simla "những chiếc răng này đã được sử dụng trong các cuộc giao tranh của những người đàn ông"—cho những người vợ bỏ chồng—nhưng sau đó phép ẩn dụ có rất ít liên quan đến nhân chủng học và địa chất học. Đó là Khoa học của các bạn.

To return to your questions. Of course the Fourth Race had its period of the highest civilisation. Greek and Roman and even Egyptian civilisations are nothing compared to the civilisations that began with the Third Race. Those of the Second were *not* savages, but they could not be called civilised. And now reading once of my first letters on the races (a question first touched by M.) pray do not accuse either him or myself of some new contradiction. Read it over and see that it leaves out the question of civilisations altogether, and mentions but the degenerate remnants of the Fourth and Third Races, and gives you as a corroboration the latest conclusions of your own science. Do not

Quay trở lại các câu hỏi của các bạn. Tất nhiên Chủng Tộc Thứ Tư đã có thời kỳ văn minh cao nhất của nó. Các nền văn minh Hy Lạp và La Mã và thậm chí cả Ai Cập không là gì so với các nền văn minh bắt đầu với Chủng Tộc Thứ Ba. Những người thuộc Chủng Tộc Thứ Hai không phải là người man rợ, nhưng họ không thể được gọi là văn minh. Và bây giờ đọc lại một trong những lá thư đầu tiên của tôi về các chủng tộc (một câu hỏi lần đầu tiên được Chân sư M. đề cập), xin đừng buộc tội Bạn hoặc chính tôi về một số mâu thuẫn mới. Hãy đọc lại nó và xem rằng nó hoàn toàn bỏ qua câu hỏi về các nền văn minh, và chỉ đề cập đến những tàn tích thoái hóa của Chủng Tộc Thứ Tư và Thứ Ba, và cung cấp cho các bạn như một sự

regard an unavoidable *incompleteness* as inconsistency. You now ask me a direct question and I answer it. Greeks and Romans were small sub-races, and Egyptians part and parcel of our own "Caucasian" stock. Look at the latter and at India. Having reached the highest civilisation and, what is more, learning, both went down, Egypt as a distinct sub-race disappearing entirely (her Copts are a hybrid remnant), India as one of the first and most powerful offshoots of the Mother Race, and composed of a number of sub-races lasting to these times, and struggling to take once more her place in history some day. That history catches but a few stray, hazy glimpses of Egypt, some 12,000 years back; when having already reached the apex of its cycle thousands of years before, the latter had begun going down. What does or *can* it know of India 5,000 years ago, or of the Chaldees, whom it confounds most charmingly with the Assyrians, making of them one day "Akkadians," at another Turanians and what not? We say then that *your* history is entirely at sea. We are refused by the *Journal of Science* any claim whatever for "higher knowledge". Says the reviewer, "Suppose the Brothers were to say 'Point your telescopes to such and such a spot in the heavens, and you will find a planet yet unknown to you, or dig into the earth... etc., and you will find a mineral,' etc." Very fine indeed, and suppose that was done, what would be the result? Why a charge of plagiarism, since every thing of that kind, every plant and mineral that exists in space or inside the earth, was known and recorded in our books thousands of years ago; more, many a true hypothesis was timidly brought forward by their own scientific men and as constantly rejected by the majority with whose preconceptions it interfered. *Your intention* is laudable, but nothing that I may give you in answer will ever be accepted from us. Whenever discovered that "it is verily so,"

xác nhận những kết luận mới nhất của khoa học của chính các bạn. Đừng coi sự không đầy đủ không thể tránh khỏi là sự mâu thuẫn. Bây giờ các bạn hỏi tôi một câu hỏi trực tiếp và tôi trả lời nó. Người Hy Lạp và La Mã là những giống dân phụ nhỏ và người Ai Cập là một phần của dòng dõi "da trắng" của chúng ta. Hãy nhìn vào người sau và Ấn Độ. Đã đạt đến nền văn minh cao nhất và hơn thế nữa, học hỏi, cả hai đều đi xuống, Ai Cập với tư cách là một giống dân phụ riêng biệt biến mất hoàn toàn (người Copt của Bà là một tàn tích lai), Ấn Độ là một trong những nhánh đầu tiên và mạnh mẽ nhất của Chủng Tộc Mẹ, và bao gồm một số giống dân phụ kéo dài đến thời điểm này, và đang đấu tranh để một ngày nào đó chiếm lại vị trí của mình trong lịch sử. Lịch sử đó chỉ bắt được một vài thoáng nhìn lạc lõng, mơ hồ về Ai Cập, cách đây khoảng [12.000] năm; khi đã đạt đến đỉnh cao của chu kỳ của nó hàng ngàn năm trước, người sau đã bắt đầu đi xuống. Nó biết hoặc có thể biết gì về Ấn Độ cách đây [5.000] năm, hoặc về người Chaldees, những người mà nó nhầm lẫn một cách quyến rũ nhất với người Assyria, biến họ một ngày thành "người Akkadian", một ngày khác là người Turan và những gì không? Vì vậy, chúng ta nói rằng lịch sử của các bạn hoàn toàn lênh đênh trên biển. Tạp chí Khoa học từ chối bất kỳ yêu cầu nào của chúng ta về "kiến thức cao hơn". Người đánh giá nói, "Giả sử Các Huynh Đệ nói 'Hãy hướng kính viễn vọng của các bạn đến một điểm nào đó trên bầu trời, và các bạn sẽ tìm thấy một hành tinh mà các bạn chưa biết, hoặc đào xuống đất... v.v., và các bạn sẽ tìm thấy một khoáng chất,' v.v." Thật tuyệt vời, và giả sử điều đó đã được thực hiện, kết quả sẽ là gì? Tại sao lại có một cáo buộc đạo văn, vì mọi thứ thuộc loại đó, mọi thực vật và khoáng chất tồn tại trong không gian hoặc bên trong Trái Đất, đã được biết và ghi lại trong sách của chúng ta hàng ngàn năm trước; hơn nữa, nhiều giả thuyết đúng đắn đã được đưa ra một cách rụt rè bởi chính những người khoa

the discovery will be attributed to him who corroborated the evidence, as in the case of Copernicus and Galileo, the latter having availed himself but of the Pythagorean manuscripts.

học của họ và liên tục bị đa số bác bỏ vì nó can thiệp vào những định kiến của họ. Ý định của các bạn là đáng khen ngợi, nhưng không có gì tôi có thể cung cấp cho các bạn để trả lời sẽ được chúng ta chấp nhận. Bất cứ khi nào phát hiện ra rằng "nó thực sự là như vậy", khám phá sẽ được quy cho người đã xác nhận bằng chứng, như trường hợp của Copernicus và Galileo, người sau chỉ tận dụng các bản thảo của Pythagoras.

But to return to civilisations. Do you know that the Chaldees were at the apex of their occult fame before what you term as the Bronze Age, that the “sons of Ad” or “ the children of the Fire Mist” preceded by hundreds of centuries the Age of Iron, which was an old age already when what you now call the Historical Period—probably because what is known of it is generally no history but fiction—had hardly begun?

Nhưng để quay trở lại các nền văn minh. Các bạn có biết rằng người Chaldees đã ở đỉnh cao danh tiếng huyền bí của họ trước những gì các bạn gọi là Thời đại Đồ Đồng, rằng "những người con của Ad" hay "những đứa con của Sương Lửa" đã đi trước hàng trăm thế kỷ Thời đại Đồ Sắt, vốn đã là một thời đại cũ khi những gì các bạn hiện gọi là Thời kỳ Lịch sử—có lẽ vì những gì được biết về nó thường không phải là lịch sử mà là hư cấu—hầu như chưa bắt đầu?

But then what warrant can we give the world that we are right, that far “greater civilisations than our own have risen and been destroyed”? It is not enough to say, as some of your modern writers do, than an extinct civilisation existed before Roma and Athens was founded. We affirm that a *series* of civilisations existed *before* as well as after the Glacial Period, that they existed upon various points of the Globe, reached the apex of glory and—died. Every trace and memory of the Assyrian and Phoenician civilisations had been lost until discoveries began to be made a few years ago. And now they open a new, though not by far one of the earliest, page in the history of mankind. And yet how far back do those civilisations go in comparison with the oldest? And even them history is shy to accept.

Nhưng sau đó chúng ta có thể đảm bảo với thế giới như thế nào rằng chúng ta đúng, rằng "các nền văn minh vĩ đại hơn nền văn minh của chúng ta đã trỗi dậy và bị phá hủy"? Nói rằng một nền văn minh đã tuyệt chủng đã tồn tại trước khi Roma và Athens được thành lập là không đủ, như một số nhà văn hiện đại của các bạn đã làm. Chúng ta khẳng định rằng một loạt các nền văn minh đã tồn tại trước cũng như sau Thời kỳ Băng Hà, rằng chúng tồn tại trên nhiều điểm khác nhau của Địa Cầu, đạt đến đỉnh cao vinh quang và—chết. Mọi dấu vết và ký ức về các nền văn minh Assyria và Phoenicia đã bị mất cho đến khi những khám phá bắt đầu được thực hiện cách đây vài năm. Và bây giờ chúng mở ra một trang mới, mặc dù không phải là một trong những trang sớm nhất, trong lịch sử nhân loại. Và tuy nhiên, những nền văn minh đó quay trở lại bao xa so với những nền văn minh lâu đời nhất? Và ngay cả lịch sử của chúng cũng ngại chấp nhận.

Archaeology has sufficiently demonstrated that the memory of man runs vastly further back than history has been willing to accept, and the sacred records of once mighty nations preserved by their heirs are still more worthy of trust. We speak of civilisations of the ante-glacial period, and (not only in the minds of the vulgar and the profane, but even in the opinion of the highly learned geologist) the claim sounds preposterous. What could you say then to our affirmation that the Chinese—I now speak of the inland, the true Chinaman, not of the hybrid mixture between the Fourth and Fifth Races now occupying the throne—the aborigines who belong in their unalloyed nationality wholly to the highest and last branch of the Fourth Race, reached their highest civilisation when the Fifth had hardly appeared in Asia, and its first offshoot was yet a thing of the future? When was it? Calculate. You cannot think that we, who have a tremendous odds against the acceptance of our doctrine, would deliberately go on inventing races and sub-races (in the opinion of Mr. Hume) were they not a matter of undeniable fact. The group of islands off the Siberian coast discovered by the Nordenskiol of the "*Vega*" was found strewn with fossils of horses, sheep, oxen, etc., among gigantic bones of elephants, mammoths, rhinoceroses and other monsters belonging to periods when man—says your science—had not yet made his appearance on earth. How came horses and sheep to be found in company with the huge "antediluvians"? The horse, we are taught in schools, is quite a modern invention of nature and *no man* ever saw its pentadactyle ancestor. The group of Siberian islands may give the lie to the comfortable theory The region now locked in the fetters of eternal winter uninhabited by man—that most fragile of animals—will be very soon proved to have had not only a tropical climate—something your science knows, and does

Khảo cổ học đã chứng minh đầy đủ rằng ký ức của nhân loại kéo dài hơn rất nhiều so với những gì mà lịch sử sẵn sàng chấp nhận, và những ghi chép thiêng liêng của các quốc gia hùng mạnh một thời được con cháu họ lưu giữ còn đáng tin cậy hơn nữa. Chúng ta nói về các nền văn minh thuộc thời kỳ tiền băng hà, và (không chỉ trong tâm trí của những người thô tục và phàm tục, mà ngay cả theo ý kiến của các nhà địa chất học uyên bác) tuyên bố này nghe có vẻ vô lý. Vậy bạn có thể nói gì về khẳng định của chúng ta rằng người Hoa—tôi đang nói về người Hoa lục địa, người Hoa thực sự, không phải là sự pha trộn giữa Chủng Tộc Thứ Tư và Thứ Năm hiện đang chiếm giữ ngai vàng—những thổ dân thuộc về quốc tịch thuần khiết của họ hoàn toàn thuộc về nhánh cao nhất và cuối cùng của Chủng Tộc Thứ Tư, đã đạt đến nền văn minh cao nhất của họ khi Chủng Tộc Thứ Năm hầu như chưa xuất hiện ở Châu Á, và nhánh đầu tiên của nó vẫn còn là một điều của tương lai? Khi nào vậy? Hãy tính toán. Bạn không thể nghĩ rằng chúng ta, những người có vô số khó khăn chống lại sự chấp nhận học thuyết của mình, lại cố tình tiếp tục phát minh ra các chủng tộc và chủng tộc phụ (theo ý kiến của Bạn Hume) nếu chúng không phải là một vấn đề thực tế không thể phủ nhận. Nhóm đảo ngoài khơi bờ biển Siberia được Nordenskiol của "Vega" phát hiện thấy rải rác hóa thạch của ngựa, cừu, bò, v.v., giữa những bộ xương khổng lồ của voi, voi ma mút, tê giác và những quái vật khác thuộc về thời kỳ mà—khoa học của bạn nói—con người vẫn chưa xuất hiện trên trái đất. Làm thế nào mà ngựa và cừu lại được tìm thấy cùng với những loài "tiền hồng thủy" khổng lồ? Chúng ta được dạy ở trường rằng ngựa là một phát minh khá hiện đại của tự nhiên và không ai từng nhìn thấy tổ tiên năm ngón của nó. Nhóm đảo Siberia có thể nói dối lý thuyết thoải mái. Khu vực hiện đang bị khóa trong xiềng xích của mùa đông vĩnh cửu không có người ở—loài động vật mong manh nhất—sẽ

not dispute—but as having been likewise the seat of one of the most ancient civilisations of that Fourth Race, whose highest relics now we find in the degenerated Chinaman, and whose lowest are hopelessly (for the profane scientist) intermingled with the remnants of the Third.

sớm được chứng minh là không chỉ có khí hậu nhiệt đới—điều mà khoa học của bạn biết và không tranh cãi—mà còn là nơi tọa lạc của một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của Chủng Tộc Thứ Tư đó, mà di tích cao nhất của nó bây giờ chúng ta tìm thấy ở người Hoa thoái hóa, và di tích thấp nhất của nó (đối với các nhà khoa học phàm tục) lại hòa lẫn một cách vô vọng với tàn tích của Chủng Tộc Thứ Ba.

I told you before now, that the highest people now on earth (spiritually) belong to the first sub-race of the Fifth Root race; and those are the Aryan Asiatics; the highest race (in physical intellectuality) is the last sub-race of the Fifth—yourselves, the white conquerors. The majority of mankind belongs to the seventh sub-race of the Fourth Root race—the above mentioned Chinamen and their offshoots and branchlets (Malayan, Mongolians, Tibetans, Javanese, etc., etc.), and to remnants of other sub-races of the Fourth and the seventh sub-race of the Third Race. All these fallen, degraded semblances of humanity are the direct lineal descendants of highly civilised nations, neither the name nor memory of which have survived except in such books as *Populvuh* and a few others unknown to science.

Tôi đã nói với bạn trước đây rằng những người cao nhất hiện nay trên trái đất (về mặt tinh thần) thuộc về chủng tộc phụ đầu tiên của Chủng Tộc Gốc Thứ Năm; và đó là người Arya Châu Á; chủng tộc cao nhất (về trí tuệ thể chất) là chủng tộc phụ cuối cùng của Chủng Tộc Thứ Năm—chính các bạn, những nhà chinh phục da trắng. Phần lớn nhân loại thuộc về chủng tộc phụ thứ bảy của Chủng Tộc Gốc Thứ Tư—những người Hoa nói trên và các nhánh và chi nhánh của họ (người Mã Lai, người Mông Cổ, người Tây Tạng, người Java, v.v., v.v.), và những tàn tích của các chủng tộc phụ khác của Chủng Tộc Thứ Tư và chủng tộc phụ thứ bảy của Chủng Tộc Thứ Ba. Tất cả những hình ảnh nhân loại suy đồi, sa ngã này là hậu duệ trực hệ của các quốc gia văn minh cao độ, mà tên tuổi hay ký ức của họ đều không còn tồn tại ngoại trừ trong những cuốn sách như Populvuh và một vài cuốn sách khác mà khoa học không biết đến.

Question— To what epoch did the existence of the continent of Atlantis belong, and did cataclysmal change which produced its extinction come into any appointed place in the evolution of Round corresponding to the place occupied in the whole Manvantaric evolution by obscurations?

Câu hỏi— Sự tồn tại của lục địa Atlantis thuộc về thời đại nào, và sự thay đổi mang tính đại hồng thủy dẫn đến sự tuyệt chủng của nó có đến một vị trí được chỉ định nào trong quá trình tiến hóa của Cuộc Tuần Hoàn tương ứng với vị trí chiếm giữ trong toàn bộ quá trình tiến hóa của Giai kỳ sinh hóa bởi những sự che khuất không?

Answer—To the Miocene times. Everything comes in its appointed time and place in the evolution of Rounds; otherwise it would be

Trả lời—Thuộc về thời Miocene. Mọi thứ đều đến vào thời điểm và địa điểm được chỉ định trong quá trình tiến hóa của Các Cuộc Tuần

impossible for the best seer to calculate the exact hour and year when such cataclysms great and small have to occur. All an Adept could do would be to predict an *approximate* time; whereas now, events that result in great geological changes may be predicted with as mathematical a certainty as eclipses and other revolutions in space. The sinking of Atlantis (the group of continents and isles) began during the Miocene period as certain of *your* continents are now observed to be gradually sinking; and it culminated first, in the final disappearance of the largest continent, an event coincident with the elevation of the Alps; and second, with that of the last of the fair islands mentioned by Plato. The Egyptian priest of Sais told his ancestor Solon that Atlantis (*i.e.,* the only remaining large island) had perished 9,000 years before their time. This was not a fancy date, since they had for millenniums preserved most carefully their records. But then, as I say, they speak but of the "Poseidonis," and would not reveal even to the great Greek legislator their secret chronology. As there are no geological reasons for doubting, but on the contrary a mass of evidence for accepting, the tradition, science has finally accepted the existence of the great continent and archipelago, and thus vindicates the truth of one more "fable". It now teaches, as you know, that Atlantis or the remnants of it lingered down to post-tertiary times, its final submergence occurring within the Palaeozoic ages of American history! Well, truth and fact ought to feel thankful even for such small favours, in the previous absence of any for so many centuries. The deep sea explorations, especially those of the *Challenger*, have fully confirmed the reports of geology and palaeontology. The great event, the triumph of our "Sons of the Fire Mist," the inhabitants of Shamballa when yet an island in the Central Asian Sea, over the selfish if not entirely wicked magians of Poseidonis

Hoàn; nếu không, nhà ngoại cảm giỏi nhất cũng không thể tính toán chính xác giờ và năm khi những thảm họa lớn nhỏ như vậy phải xảy ra. Tất cả những gì một Chân sư có thể làm là dự đoán một thời gian gần đúng; trong khi bây giờ, các sự kiện dẫn đến những thay đổi địa chất lớn có thể được dự đoán với độ chính xác toán học như nhật thực và các cuộc cách mạng khác trong không gian. Sự chìm xuống của Atlantis (nhóm lục địa và đảo) bắt đầu trong thời kỳ Miocene khi một số lục địa của bạn hiện đang được quan sát là đang dần chìm xuống; và nó lên đến đỉnh điểm đầu tiên, trong sự biến mất cuối cùng của lục địa lớn nhất, một sự kiện trùng hợp với sự nâng lên của dãy Alps; và thứ hai, với sự nâng lên của hòn đảo cuối cùng trong số những hòn đảo xinh đẹp được Plato đề cập. Vị tư tế Ai Cập của Sais đã nói với tổ tiên của Bạn là Solon rằng Atlantis (tức là hòn đảo lớn duy nhất còn lại) đã biến mất 9.000 năm trước thời của họ. Đây không phải là một ngày tưởng tượng, vì họ đã cẩn thận lưu giữ hồ sơ của mình trong hàng thiên niên kỷ. Nhưng sau đó, như tôi đã nói, họ chỉ nói về "Poseidonis" và sẽ không tiết lộ ngay cả cho nhà lập pháp Hy Lạp vĩ đại niên đại bí mật của họ. Vì không có lý do địa chất nào để nghi ngờ, nhưng ngược lại, có rất nhiều bằng chứng để chấp nhận truyền thống, nên khoa học cuối cùng đã chấp nhận sự tồn tại của lục địa và quần đảo vĩ đại, và do đó minh chứng cho sự thật của một "câu chuyện ngụ ngôn" khác. Giờ đây, nó dạy, như bạn biết, rằng Atlantis hoặc tàn tích của nó vẫn còn tồn tại cho đến thời kỳ hậu đệ tam, sự nhấn chìm cuối cùng của nó xảy ra trong kỷ nguyên Cổ sinh của lịch sử Hoa Kỳ! Vâng, sự thật và thực tế nên cảm thấy biết ơn ngay cả đối với những ân huệ nhỏ như vậy, khi trước đó không có bất kỳ ân huệ nào trong nhiều thế kỷ. Các cuộc thám hiểm biển sâu, đặc biệt là các cuộc thám hiểm của Challenger, đã xác nhận đầy đủ các báo cáo về địa chất và cổ sinh vật học. Sự kiện trọng đại, chiến thắng của "Các Con Trai Sương Lửa"

occurred just 11.446 years ago. Read in this connection the incomplete and partially veiled tradition in *Isis*, Vol. 1, pp. 588—94, and something may become still plainer to you. The corroboration of tradition and history brought forward by Donnelly I find in the main correct, but you will find all this and much more in *Isis.*

của chúng ta, cư dân của Shamballa khi còn là một hòn đảo ở Biển Trung Á, trước những nhà huyền thuật ích kỷ nếu không hoàn toàn độc ác của Poseidonis đã xảy ra cách đây đúng 11.446 năm. Đọc liên quan đến điều này truyền thống chưa hoàn chỉnh và được che đậy một phần trong Isis, Tập 1, trang 588—94, và một điều gì đó có thể trở nên rõ ràng hơn với bạn. Tôi thấy sự xác nhận về truyền thống và lịch sử do Donnelly đưa ra về cơ bản là chính xác, nhưng bạn sẽ tìm thấy tất cả điều này và nhiều hơn nữa trong Isis.

Question— I find that the most common question asked about occult philosophy by fairly intelligent people who begin to enquire about it is, “Does it give any explanation of the origin of evil?” That is a point on which you have formally promised to touch and which it might be worth while to take up before long.

Câu hỏi— Tôi thấy rằng câu hỏi phổ biến nhất được những người khá thông minh bắt đầu tìm hiểu về triết học huyền bí đặt ra là: "Nó có đưa ra bất kỳ lời giải thích nào về nguồn gốc của cái ác không?" Đó là một điểm mà Bạn đã chính thức hứa sẽ đề cập đến và có thể đáng để đề cập đến trong thời gian tới.

Answer—It certainly does, and I have “touched upon” the subject long ago. Strangely enough, I found a European author, the greatest materialist of his time, Baron d’ Holbach, whose views coincide entirely with the views of our philosophy. When reading his *Essais sur la nature*, I might have imagined I had our book of *Kiu-ti* before me. In the forthcoming *Theosophist* you will find a note or two appended to Hume’s translation of Eliphas Levi’s *Preface*[Theosophist, November 1882. See Appendix D.] in connection with the lost continent. And now, since I am determined to make of the present answers a volume, bear your cross with Christian fortitude, and then, perhaps, after reading the whole, you will ask for no more for some time to come. But what can I add to that already told? I am unable to give you purely scientific information since we can never agree entirely with Western conclusions, and ours will be rejected as unscientific. Yet both geology and palaeontology bear witness to

Trả lời—Chắc chắn là có, và tôi đã "đề cập đến" chủ đề này từ lâu. Điều kỳ lạ là, tôi đã tìm thấy một tác giả người Châu Âu, nhà duy vật vĩ đại nhất thời bấy giờ, Nam tước d' Holbach, người có quan điểm hoàn toàn trùng khớp với quan điểm của triết học của chúng ta. Khi đọc Essais sur la nature của Ông, tôi có thể tưởng tượng rằng mình đang có cuốn sách Kiu-ti của chúng ta trước mặt. Trong Theosophist sắp tới, bạn sẽ tìm thấy một hoặc hai ghi chú kèm theo bản dịch Lời Tựa của Eliphas Levi của Hume [Theosophist, tháng 11 năm 1882. Xem Phụ lục D.] liên quan đến lục địa đã mất. Và bây giờ, vì tôi quyết tâm biến những câu trả lời hiện tại thành một tập, hãy chịu đựng thập giá của bạn với sự kiên cường của Cơ đốc giáo, và sau đó, có lẽ, sau khi đọc toàn bộ, bạn sẽ không yêu cầu gì thêm trong một thời gian tới. Nhưng tôi có thể thêm gì vào những điều đã nói? Tôi không thể cung cấp cho bạn thông tin thuần túy khoa học vì chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn đồng ý với các kết luận của phương Tây, và những kết luận của chúng ta sẽ bị bác bỏ là phi

much we have to say. Of course your science is right in many of her generalities, but her premises are wrong or at any rate very faulty. For instance, she is right in saying that, while the new America was forming, the ancient Atlantis was sinking and gradually wasting away; but she is neither right in her given epochs nor in the calculations of the duration of that sinking. The latter is the future fate of your British Islands, the first on the list of victims that have to be destroyed by fire (submarine volcanoes) and water. France and other lands will follow suit. When they reappear again, the last seventh sub-race of the Sixth Root-race of present mankind will be flourishing on Lemuria and Atlantis, both of which will have reappeared also (their reappearance following immediately the disappearance of the present isles and continents), and very few seas and *great waters* will be found then on our globe, waters as well as land appearing and disappearing and shifting periodically and each in turn.

khoa học. Tuy nhiên, cả địa chất học và cổ sinh vật học đều làm chứng cho nhiều điều chúng ta phải nói. Tất nhiên, khoa học của bạn đúng trong nhiều khái quát của nó, nhưng tiền đề của nó là sai hoặc ít nhất là rất sai. Ví dụ, Bà ấy nói đúng khi nói rằng, trong khi nước Mỹ mới đang hình thành, thì Atlantis cổ đại đang chìm xuống và dần dần lụi tàn; nhưng Bà ấy không đúng về các kỷ nguyên đã cho cũng như trong các tính toán về thời gian chìm xuống đó. Cái sau là số phận tương lai của Quần đảo Anh của bạn, cái đầu tiên trong danh sách các nạn nhân phải bị phá hủy bởi lửa (núi lửa dưới đáy biển) và nước. Pháp và các vùng đất khác sẽ làm theo. Khi chúng xuất hiện trở lại, chủng tộc phụ thứ bảy cuối cùng của Chủng Tộc Gốc Thứ Sáu của nhân loại hiện tại sẽ phát triển mạnh mẽ trên Lemuria và Atlantis, cả hai đều sẽ xuất hiện trở lại (sự xuất hiện trở lại của chúng diễn ra ngay sau sự biến mất của các đảo và lục địa hiện tại), và rất ít biển và vùng nước lớn sẽ được tìm thấy sau đó trên địa cầu của chúng ta, nước cũng như đất liền xuất hiện và biến mất và thay đổi định kỳ và lần lượt từng cái một.

Trembling at the prospect of fresh charges of “contradictions” at some future incomplete statement, I rather explain what I mean by this. The approach of every new “obscuration” is always signalled by cataclysms of either fire or water. But apart from this, every “ring” or Root Race has to be cut in two, so to say, by either one or the other. Thus having reached the apex of its development and glory, the Fourth Race, the Atlantean, was destroyed *by water*; you find now but their degenerated fallen remnants, whose sub-races nevertheless—aye, each of them—had its palmy days of glory and relative greatness. What they are now, you will be some day, the law of cycles being one and immutable.

Run sợ trước viễn cảnh bị buộc tội "mâu thuẫn" mới trong một tuyên bố chưa hoàn chỉnh nào đó trong tương lai, tôi giải thích rõ hơn những gì tôi muốn nói bằng điều này. Sự xuất hiện của mỗi "sự che khuất" mới luôn được báo hiệu bằng những thảm họa do lửa hoặc nước gây ra. Nhưng ngoài điều này ra, mỗi "vòng" hoặc Chủng Tộc Gốc phải bị cắt làm đôi, có thể nói như vậy, bởi một trong hai. Vì vậy, sau khi đạt đến đỉnh cao của sự phát triển và vinh quang, Chủng Tộc Thứ Tư, Atlantis, đã bị phá hủy bởi nước; bây giờ bạn chỉ tìm thấy những tàn tích sa ngã thoái hóa của chúng, mà các chủng tộc phụ của chúng—vâng, mỗi chủng tộc trong số chúng—đã có những ngày vinh quang và vĩ đại tương đối. Những gì chúng hiện tại, bạn sẽ là một ngày nào đó, vì quy luật của các chu kỳ là một và bất biến.

When your race, the Fifth, will have reached is zenith of physical intellectuality and developed the highest civilisation (remember the difference we make between *material* and *spiritual* civilisations), unable to go any higher in its own cycle, its progress towards *absolute* evil will be arrested (as its predecessors the Lemurians and the Atlanteans, the men of the Third and Fourth Races, were arrested in their progress towards the same) by one of such "cataclysmic changes," its great civilisation destroyed, and all the sub-races of that race will be found going down their respective cycles after a short period of glory and learning. See the remnants of the Atlanteans, the old Greeks and Romans [The "autochthonous" Greeks and Etruscan Romans.] (the modern belong to all the Fifth Race). See how great and how short, how evanescent were their days of fame and glory! For, they were but sub-races of the seven offshoots of the Root race.

Khi chủng tộc của bạn, Chủng Tộc Thứ Năm, đạt đến đỉnh cao của trí tuệ thể chất và phát triển nền văn minh cao nhất (hãy nhớ sự khác biệt mà chúng ta tạo ra giữa các nền văn minh vật chất và tinh thần), không thể tiến xa hơn trong chu kỳ của riêng mình, sự tiến bộ của nó hướng tới cái ác tuyệt đối sẽ bị chặn lại (như những người tiền nhiệm của nó là người Lemuria và người Atlantis, những người thuộc Chủng Tộc Thứ Ba và Thứ Tư, đã bị chặn lại trong quá trình tiến bộ của họ hướng tới điều tương tự) bởi một trong những "thay đổi mang tính đại hồng thủy" như vậy, nền văn minh vĩ đại của nó bị phá hủy, và tất cả các chủng tộc phụ của chủng tộc đó sẽ được tìm thấy đang đi xuống các chu kỳ tương ứng của chúng sau một thời gian ngắn vinh quang và học hỏi. Hãy xem tàn tích của người Atlantis, người Hy Lạp và La Mã cổ đại [Người Hy Lạp "bản địa" và người La Mã Etruscan.] (người hiện đại thuộc về tất cả Chủng Tộc Thứ Năm). Hãy xem những ngày tháng vinh quang và nổi tiếng của họ vĩ đại, ngắn ngủi và phù du như thế nào! Vì, chúng chỉ là các chủng tộc phụ của bảy nhánh của Chủng Tộc Gốc.

No Mother Race, any more than her sub-races and offshoots, is allowed by the one reigning Law to trespass upon the prerogatives of the Race or sub-race that will follow it; least of all to encroach upon the knowledge and powers for its successor.

Không một Chủng Tộc Mẹ nào, cũng như các chủng tộc phụ và nhánh của Bà, được phép bởi Định luật đang trị vì duy nhất xâm phạm các đặc quyền của Chủng Tộc hoặc chủng tộc phụ sẽ theo sau nó; ít nhất là xâm phạm kiến thức và quyền năng cho người kế nhiệm nó.

SECTION IV

PHẦN IV

Cosmic Origins

Nguồn Gốc Vũ Trụ

On the Hypothetical Absolute and Infinite Final Cause

Về Nguyên Nhân Cuối Cùng Tuyệt Đối và Vô Hạn Giả Định

Note—The following notes down to the end of the page are much abbreviated. So far as the original essay or memorandum of Hume is concerned, M's notes are just made intelligible by a few lines of the original essay. I am not

Lưu ý—Các ghi chú sau đây cho đến cuối trang được rút gọn rất nhiều. Liên quan đến bài luận hoặc bản ghi nhớ gốc của Hume, các ghi chú của Chân sư M. chỉ được làm cho dễ hiểu bằng một vài dòng của bài luận gốc. Bây giờ tôi

now abbreviating anything, but am giving you all I thought it necessary to preserve at this time. [A.P.S.] [I put in italics the parts from Mr. Hume's essay.]

không rút gọn bất cứ điều gì, nhưng tôi đang cung cấp cho bạn tất cả những gì tôi nghĩ là cần thiết để bảo tồn vào thời điểm này. [A.P.S.] [Tôi in nghiêng các phần từ bài luận của Bạn Hume.]

The Absolute and Infinite is composed of the conditioned and finite. Causes are conditioned in their modes of existence, as attributes and as individual aggregates—unconditioned and eternal in their sum, or as a collective aggregate.

Tuyệt Đối và Vô Hạn bao gồm những điều kiện và hữu hạn. Các nguyên nhân được điều kiện trong các phương thức tồn tại của chúng, như các thuộc tính và như các tập hợp riêng lẻ—không điều kiện và vĩnh cửu trong tổng của chúng, hoặc như một tập hợp chung.

If the Absolute is a blind law how can it give birth to intelligence?

Nếu Tuyệt Đối là một định luật mù quáng thì làm sao nó có thể sinh ra trí thông minh?

But passive latent intelligence or that principle diffused throughout the universe, which in its pure immateriality is non-intelligence and non-consciousness, and which, as soon as it becomes imprisoned in matter is transformed into both, can... [Sentence not finished in MS.] The Absolute, if intelligent, must be omnipotent, omniscient and all good.

Nhưng trí thông minh tiềm ẩn thụ động hoặc nguyên tắc đó lan tỏa khắp vũ trụ, mà trong sự vô chất thuần túy của nó là phi trí tuệ và phi tâm thức, và khi nó bị giam cầm trong vật chất thì được biến đổi thành cả hai, có thể...[Câu chưa kết thúc trong MS.] Tuyệt Đối, nếu thông minh, phải toàn năng, toàn tri và toàn thiện.

Please give your reasons why.

Vui lòng cho biết lý do của bạn tại sao.

In the last the Absolute, itself non-conscious, is linked to intelligence by emanations supposed to be conditioned. How far this satisfies the mind as to the possibility of intelligence evolving out of non-intelligence depends on the mind addressed.

Trong cái cuối cùng, Tuyệt Đối, bản thân nó không có tâm thức, được liên kết với trí thông minh bởi những xuất lộ được cho là có điều kiện. Mức độ điều này thỏa mãn tâm trí về khả năng trí thông minh phát triển từ phi trí tuệ phụ thuộc vào tâm trí được đề cập.

What do you know of the gradual development of brain since the Silurian period?

Bạn biết gì về sự phát triển dần dần của bộ não kể từ kỷ Silur?

It is useless... [Sentence not finished in MS.] Show me the philosopher, who would prove it useless... to say that evil is as necessary to make good apparent, as darkness to make light cognizable. To the unconditioned it may be, to the omnipotent nothing is necessary.

Thật vô ích... [Câu chưa kết thúc trong MS.] Hãy cho tôi thấy nhà triết học nào sẽ chứng minh rằng thật vô ích... khi nói rằng cái ác là cần thiết để làm cho cái thiện trở nên rõ ràng, như bóng tối để làm cho ánh sáng có thể nhận biết được. Đối với cái không điều kiện thì có

thể, đối với cái toàn năng thì không có gì là cần thiết.

Prove him first.

Chứng minh Bạn ấy trước đi.

But clearly a conditioned agency is not the final cause. Above it is the law or principle that conditions it.

Nhưng rõ ràng một tác nhân có điều kiện không phải là nguyên nhân cuối cùng. Trên nó là định luật hoặc nguyên tắc điều kiện nó.

How's this? Where? Not unless you create something outside the Absolute and limitless.

Thế này là sao? Ở đâu? Trừ khi bạn tạo ra thứ gì đó bên ngoài Tuyệt Đối và vô hạn.

Problems lying behind the veil that separates the non-manifested final cause from the manifested universe are beyond the grasp of minds conditioned in that universe.

Các vấn đề nằm sau bức màn ngăn cách nguyên nhân cuối cùng không biểu hiện với vũ trụ biểu hiện nằm ngoài tầm nắm bắt của các thể trí được điều kiện trong vũ trụ đó.

Indeed they are not.

Thật vậy là không.

...the Absolute infinite is unthinkable and we can neither comprehend it nor justify its ways to man.

...Tuyệt Đối vô hạn là không thể nghĩ ra và chúng ta không thể hiểu nó cũng như biện minh cho những cách thức của nó đối với con người.

Then why lose time over it? Who commissioned you to do so?

Vậy thì tại sao lại mất thời gian vì nó? Ai ủy quyền cho bạn làm như vậy?

Your all pervading supreme power exists but it is exactly matter, whose life is motion, will, and nerve power electricity. Purusha can think but through Prakriti.

Quyền năng tối cao bao trùm tất cả của bạn tồn tại nhưng nó chính xác là vật chất, mà sự sống của nó là chuyển động, ý chí và điện năng thần kinh. Purusha có thể suy nghĩ nhưng thông qua Prakriti.

[Following this I have an essay by Hume summing up the previous conclusions, as follows, A.P.S.]**:**

[Sau đây tôi có một bài luận của Hume tóm tắt các kết luận trước đó, như sau, A.P.S.]:

What you would say would be: "Whether this be so or not (as regards the hypothesis of an absolute beyond the conditioned) it is and must ever remain a pure hypothesis. The highest intelligences in the universe know nothing about it. So far as they can explore, the manifested universe is boundless and

Những gì bạn sẽ nói là: "Cho dù điều này có đúng hay không (liên quan đến giả thuyết về một điều tuyệt đối vượt ra ngoài điều kiện) thì nó vẫn là và phải luôn là một giả thuyết thuần túy. Những trí thông minh cao nhất trong vũ trụ không biết gì về nó. Theo như Các Ngài có thể khám phá, vũ trụ biểu hiện là vô biên và vô

infinite. Our philosophy admits only of what is known and knowable. This is admittedly unknowable even to Planetaries, and it is ex hypothesi non-existent. Why then consider it?

hạn. Triết học của chúng ta chỉ thừa nhận những gì đã biết và có thể biết. Điều này được thừa nhận là không thể biết ngay cả đối với Các Hành Tinh Thượng đế, và nó không tồn tại theo giả thuyết. Vậy thì tại sao phải xem xét nó?

"Even were this conception correct how does it concern us? For thousands of years the highest Planetaries have explored the universe; they have found no limits to it, nothing in it is guided or governed by any external impulse, everything on the contrary proceeding from internal impulses which they understand and which suffice to explain everything they have ever had cognizance of. A quoi bon then to introduce the unnecessary conception of a something (which as non-existent for us is a nothing) outside and beyond what for us is limitless and eternal, when whether it exists or not it plays no discoverable part in anything that concerns us?

"Ngay cả khi quan niệm này là đúng thì nó liên quan gì đến chúng ta? Trong hàng ngàn năm, các Hành Tinh Thượng đế cao cấp nhất đã khám phá vũ trụ; Các Ngài không tìm thấy giới hạn nào cho nó, không có gì trong đó được dẫn dắt hoặc chi phối bởi bất kỳ xung lực bên ngoài nào, ngược lại, mọi thứ đều xuất phát từ các xung lực bên trong vốn được Các Ngài thấu hiểu và đủ để giải thích mọi thứ mà Các Ngài từng nhận biết. Vậy thì, a quoi bon, việc đưa ra một quan niệm không cần thiết về một thứ gì đó (vốn không tồn tại đối với chúng ta, là một hư vô) bên ngoài và vượt ra ngoài những gì đối với chúng ta là vô hạn và vĩnh cửu, khi dù nó có tồn tại hay không, nó cũng không đóng vai trò nào có thể khám phá ra trong bất cứ điều gì liên quan đến chúng ta?

"The fact is, your western philosophical conceptions are monarchical, ours democratic. You are only able to think of the Universe as governed by a King, while we know it to be a republic in which the aggregate, indwelling intelligence rules."

"Thực tế là, các quan niệm triết học phương Tây của bạn mang tính chất quân chủ, của chúng tôi mang tính dân chủ. Bạn chỉ có thể nghĩ về Vũ trụ như được cai trị bởi một vị Vua, trong khi chúng ta biết nó là một nước cộng hòa, trong đó trí tuệ nội tại, tập hợp cai trị."

We might say more: never better. That is just what we would say.

Chúng ta có thể nói thêm: chưa bao giờ tốt hơn. Đó chính xác là những gì chúng ta muốn nói.

Who are the artificers of the world?

Ai là những người tạo ra thế giới?

Dhyan Chohans, Planetaries.

Dhyan Chohans, các Hành Tinh Thượng đế.

Essay by Hume, with Notes as before from M.

Bài luận của Hume, với các Ghi chú như trước từ Chân sư M..

The universe may primarily be conceived as space pervaded by an infinite and eternal and homogeneous congeries of molecules, in

Vũ trụ ban đầu có thể được hình dung như là không gian tràn ngập một tập hợp vô hạn và vĩnh cửu và đồng nhất của các phân tử, trong

which motion, their latent unconscious life, is inherent. In this, its passive, unmanifested state, may it be regarded as chaos?

đó chuyển động, sự sống tiềm ẩn vô thức của chúng, là vốn có. Trong trạng thái thụ động, không biểu hiện này, nó có thể được coi là hỗn mang không?

Yes, if only people were capable of conceiving what real chaos is, which they are not.

Vâng, nếu mọi người có khả năng hình dung ra sự hỗn mang thực sự là gì, điều mà họ không thể.

Though truly a unity, it may be conceived in its various aspects, as space in regard to its boundless extension, co-existing with eternity in regard to its endless duration, cosmic matter in regard to its molecules, and cosmic force in regard to its all pervading motion. But these four conceptions must be held to indicate not four elements composing a compound, but rather four properties or attributes of one single thing, just as on earth one thing may be hot, luminous, heavy and in motion. This universe, one and indivisible in its passive, unmanifested form, this chaos, is for us non-existent.

Мặc dù thực sự là một единство, nó có thể được hình dung trong các khía cạnh khác nhau của nó, như không gian liên quan đến sự mở rộng vô biên của nó, cùng tồn tại với vĩnh cửu liên quan đến thời gian vô tận của nó, vật chất vũ trụ liên quan đến các phân tử của nó, và lực vũ trụ liên quan đến chuyển động bao trùm tất cả của nó. Nhưng bốn quan niệm này phải được coi là không chỉ ra bốn yếu tố cấu thành một hợp chất, mà đúng hơn là bốn thuộc tính hoặc đặc tính của một thứ duy nhất, giống như trên trái đất, một thứ có thể nóng, sáng, nặng và chuyển động. Vũ trụ này, duy nhất và không thể phân chia trong dạng thụ động, không biểu hiện của nó, sự hỗn mang này, là không tồn tại đối với chúng ta.

For you, but why speak for others?

Đối với bạn, nhưng tại sao lại nói cho người khác?

But throughout it are scattered centers of activity or evolution, and wherever and whenever activity prevails, there portions of the whole differentiate, and where this occurs, homogeneity ceases. This differentiation is due (1) to the greater or less proximity of the molecules, (2) to their greater or less attenuation.

Nhưng xuyên suốt nó là rải rác các trung tâm hoạt động hoặc tiến hóa, và bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào hoạt động chiếm ưu thế, thì các phần của toàn bộ sẽ phân biệt, và nơi điều này xảy ra, tính đồng nhất sẽ chấm dứt. Sự phân biệt này là do (1) sự gần hay xa của các phân tử, (2) sự suy giảm nhiều hay ít của chúng.

What does (2) mean? How can the primal molecules grow thinner or fatter—*ex nihilo,* etc.

(2) có nghĩa là gì? Làm thế nào các phân tử nguyên thủy có thể trở nên mỏng hơn hoặc béo hơn—ex nihilo, v.v.?

I was not aware that atoms were considered by you as something *nihil*. Are not the molecules considered by science as compound

Tôi không biết rằng các bạn coi nguyên tử là một thứ gì đó hư vô. Khoa học có coi các phân tử là các nguyên tử hợp chất không? Khoa học

atoms? Your science knows only of such compound molecules, and a primal atom is and will remain for ever as a hypothetical abstraction for it. Science can know nothing of the nature of atoms outside the region of effects on her globe, and even that atom she calls indivisible, which we do not, for we know of the existence and properties of the universal solvent, the essence of the Panchamahabhutam, the five elements. Even the existence of the atoms which compose the unseen medium, through which the power which magnetises instantly a short, iron rod placed across the centre of a hoop two yards in diameter, around which a wire thickly covered with India rubber is coiled, even the existence of such atoms, I say, remains an open question, and science remains puzzled and embarrassed to decide whether it is an action at a distance, without or with some mysterious medium, or what?

của bạn chỉ biết đến các phân tử hợp chất như vậy, và một nguyên tử nguyên thủy là và sẽ mãi mãi là một sự trừu tượng giả thuyết đối với nó. Khoa học không thể biết gì về bản chất của các nguyên tử bên ngoài khu vực ảnh hưởng trên địa cầu của nó, và ngay cả nguyên tử mà nó gọi là không thể phân chia, điều mà chúng ta không làm, vì chúng ta biết về sự tồn tại và các thuộc tính của dung môi phổ quát, bản chất của Panchamahabhutam, năm nguyên tố. Ngay cả sự tồn tại của các nguyên tử cấu thành môi trường vô hình, thông qua đó sức mạnh từ hóa ngay lập tức một thanh sắt ngắn, được đặt ngang qua tâm của một vòng tròn có đường kính hai thước, xung quanh đó một sợi dây được phủ dày bằng cao su Ấn Độ được cuộn lại, ngay cả sự tồn tại của các nguyên tử như vậy, tôi nói, vẫn là một câu hỏi mở, và khoa học vẫn bối rối và lúng túng để quyết định xem đó có phải là một hành động ở một khoảng cách, có hoặc không có một số môi trường bí ẩn, hoặc cái gì?

(3) To changes in their polarity. This differentiation in activity is manifestation, and every thing so differentiated comes into existence or becomes conceivable for us. Each centre of activity (and these centres are countless) marks a solar system, but these are still rari nantes in gurgite vasto, hanging in the all pervading ocean of the unmanifested universe, out of which new manifestations are perpetually evolving, and into the oblivion of which others whose cycle has been completed are ever returning.

(3) Đối với những thay đổi trong cực tính của chúng. Sự khác biệt trong hoạt động này là sự biểu hiện, và mọi thứ được phân biệt như vậy đều đi vào tồn tại hoặc trở nên có thể hình dung được đối với chúng ta. Mỗi trung tâm hoạt động (và các trung tâm này là vô số) đánh dấu một hệ mặt trời, nhưng chúng vẫn là rari nantes in gurgite vasto, treo lơ lửng trong đại dương bao trùm tất cả của vũ trụ không biểu hiện, từ đó những biểu hiện mới liên tục phát triển và đi vào sự lãng quên mà những biểu hiện khác có chu kỳ đã hoàn thành đang không ngừng quay trở lại.

Alternations of activity and passivity constitute the cyclic law of the universe. As the microcosm, man, has his days and nights, his waking and his sleeping hours, so has the earth, which, a macrocosm to him, is a microcosm to the solar system, and so has this latter, which, a macrocosm to a single globe, is

Sự luân phiên giữa hoạt động và thụ động cấu thành định luật tuần hoàn của vũ trụ. Như tiểu thiên địa, con người, có ngày và đêm, giờ thức và giờ ngủ, thì trái đất cũng vậy, vốn là một đại thiên địa đối với y, là một tiểu thiên địa đối với hệ mặt trời, và hệ mặt trời này cũng vậy, vốn là một đại thiên địa đối với một địa

itself a microcosm to the universe.

cầu duy nhất, bản thân nó là một tiểu thiên địa đối với vũ trụ.

That the universe itself must similarly have its days and nights of activity and passivity is probable by analogy, but if so, these cover periods unthinkable, and the fact remains unknowable by the highest intelligences conditioned in the universe.

Bản thân vũ trụ cũng phải có ngày và đêm hoạt động và thụ động tương tự là điều có thể xảy ra theo phép loại suy, nhưng nếu vậy, những điều này bao gồm các khoảng thời gian không thể tưởng tượng được, và thực tế vẫn không thể biết được đối với những trí tuệ cao nhất được điều kiện trong vũ trụ.

The night of the solar system, the Pralaya of the Hindoos, the Maha-Bardo or great night of mind of the Tibetans, involves the disintegration of all form, and the return of that portion of the universe occupied by that system to its passive, unmanifested condition, space pervaded by atoms in motion. Everything else passes away for the time but matter, which these ultimate atoms represent (though at times objective, at times potential or subjective, now organised, now unorganised, is eternal and indestructible), and motion is the imperishable life (conscious or unconscious as the case may be) of matter. Even, therefore, during the night of mind, when all other forces are paralysed, when omniscience and ignorance both sleep, and everything else rests, this latent unconscious life unceasingly maintains the molecules in which it is inherent, in blind resultless and purposeless motion inter se.

Đêm của hệ mặt trời, Pralaya của người Hindu, Maha-Bardo hay đêm trí tuệ vĩ đại của người Tây Tạng, bao hàm sự tan rã của mọi hình tướng và sự trở lại của phần vũ trụ bị chiếm giữ bởi hệ thống đó về trạng thái thụ động, không biểu hiện của nó, không gian tràn ngập các nguyên tử chuyển động. Mọi thứ khác trôi qua trong thời gian đó, ngoại trừ vật chất, mà các nguyên tử tối thượng này đại diện (mặc dù đôi khi khách quan, đôi khi tiềm năng hoặc chủ quan, bây giờ được tổ chức, bây giờ không được tổ chức, là vĩnh cửu và không thể phá hủy), và chuyển động là sự sống bất diệt (có ý thức hoặc vô thức tùy theo trường hợp) của vật chất. Do đó, ngay cả trong đêm của trí tuệ, khi tất cả các lực khác đều bị tê liệt, khi sự toàn tri và vô minh đều ngủ, và mọi thứ khác đều nghỉ ngơi, thì sự sống tiềm ẩn vô thức này vẫn không ngừng duy trì các phân tử mà nó vốn có, trong chuyển động mù quáng, vô ích và vô mục đích giữa chúng.

Why should it be more purposeless and resultless than the unconscious blind motion of the atoms in any foetus preparing for rebirth?

Tại sao nó lại vô mục đích và vô ích hơn chuyển động mù quáng vô thức của các nguyên tử trong bất kỳ bào thai nào đang chuẩn bị tái sinh?

The solar system has disappeared even to the highest intelligences in other solar systems. Is this correct? Can the Planetaries in any way cognize the passive, non-being portions of the universe?

Hệ mặt trời đã biến mất ngay cả đối với những trí tuệ cao nhất trong các hệ mặt trời khác. Điều này có đúng không? Các Hành Tinh Thượng đế có thể nhận biết bằng bất kỳ cách nào các phần thụ động, không tồn tại của vũ trụ không?

They can.

Các Ngài có thể.

Adepts can at will, I know, create forms out of cosmic matter, but probably this cosmic matter is many degrees from matter as it exists in the passive latent universe, which perhaps should rather be called potential than cosmic matter.

Tôi biết, các bậc Chân sư có thể tùy ý tạo ra các hình tướng từ vật chất vũ trụ, nhưng có lẽ vật chất vũ trụ này khác xa so với vật chất như nó tồn tại trong vũ trụ tiềm ẩn thụ động, có lẽ nên được gọi là tiềm năng hơn là vật chất vũ trụ.

Potentiality is a possibility, not an actuality. Find a better word.

Tiềm năng là một khả năng, không phải là một thực tế. Tìm một từ tốt hơn.

But nothing has been annihilated any more than anything has been ever created, only this recently active, organised, manifested and existing portion of the universe, losing all differentiation of its parts, has passed into its primordial, passive, homogeneous, unmanifested, and, quoad all intelligences, non-existent or unconceivable state. It has resettled into chaos. If it is asked, whence these alternations of activity and passivity, the reply is that they are the law inherent in the universe. (Here as a footnote would come the purport of the argument approved by you against the unnecessary creation of an intelligence outside the self-governed universe.)

Nhưng không có gì bị tiêu diệt cũng như không có gì từng được tạo ra, chỉ có phần vũ trụ gần đây hoạt động, có tổ chức, biểu hiện và tồn tại này, mất đi tất cả sự khác biệt của các bộ phận của nó, đã chuyển sang trạng thái nguyên thủy, thụ động, đồng nhất, không biểu hiện và, quoad tất cả các trí tuệ, không tồn tại hoặc không thể hình dung được. Nó đã tái định cư vào sự hỗn mang. Nếu được hỏi, từ đâu mà có sự luân phiên giữa hoạt động và thụ động này, thì câu trả lời là đó là định luật vốn có trong vũ trụ. (Ở đây, như một chú thích sẽ là ý nghĩa của lập luận được bạn chấp thuận chống lại việc tạo ra một trí tuệ không cần thiết bên ngoài vũ trụ tự quản.)

If you can show me one being or object in the universe which does not originate and develop through and in accordance with blind law, then only will your argument hold good and footnote be necessary. The doctrine of evolution is an eternal protest. Evolution means unfolding of the evolute from the involute, a process of gradual growth. The only thing that could have possibly been spontaneously created is cosmic matter, and primordium with us means not only primogenitureship but eternalism, for matter is eternal and one of the *Hlun dhub,* not a *Kyen,* —a cause, itself the result of some primary cause. Were it so at the end of every

Nếu bạn có thể cho tôi thấy một hữu thể hoặc đối tượng nào trong vũ trụ không bắt nguồn và phát triển thông qua và phù hợp với định luật mù quáng, thì chỉ khi đó lập luận và chú thích của bạn mới có giá trị. Học thuyết tiến hóa là một sự phản kháng vĩnh cửu. Tiến hóa có nghĩa là mở ra cái đã tiến hóa từ cái đã giáng hạ tiến hóa, một quá trình tăng trưởng dần dần. Điều duy nhất có thể đã được tạo ra một cách tự phát là vật chất vũ trụ, và primordium đối với chúng ta không chỉ có nghĩa là quyền trưởng tử mà còn là chủ nghĩa vĩnh cửu, vì vật chất là vĩnh cửu và là một trong những Hlun dhub, không phải là Kyen,—một nguyên nhân, bản thân nó là kết quả của một nguyên

Mahapralaya, when the whole cosmos moves into collective perfection, and every atom (that you call primordial, and we, eternal) emanates from itself a still finer atom—every individual atom containing in itself the actual potentiality of evolving milliards of worlds each more perfect and more ethereal—how is it that there is no sign of such an intelligence outside the self-governed universe? You take a last hypothesis—a portion of your God sits in every atom. He is divided *ad infinitum,* he remains concealed, *in abscondito,* and the logical conclusion we arrive at is that, as the infinite mind of the Dhyan Chohans knows, the newly emanated atoms are incapable of any conscious or unconscious action, unless they receive the intellectual impulses from them. *Ergo*, your God is no better than blind matter ever propelled by as blind eternal force, or law, which is that matter's God, perchance. Well, well, we shall not lose time over such talk.

nhân sơ cấp nào đó. Nếu vậy, vào cuối mỗi Mahapralaya, khi toàn bộ vũ trụ chuyển sang sự hoàn hảo tập thể, và mọi nguyên tử (mà bạn gọi là nguyên thủy, và chúng ta, vĩnh cửu) phát ra từ chính nó một nguyên tử thậm chí còn tốt hơn—mọi nguyên tử riêng lẻ chứa đựng trong chính nó tiềm năng thực tế để phát triển hàng tỷ thế giới, mỗi thế giới hoàn hảo hơn và thanh tao hơn—làm thế nào mà không có dấu hiệu nào về một trí tuệ như vậy bên ngoài vũ trụ tự quản? Bạn đưa ra một giả thuyết cuối cùng—một phần Thượng đế của bạn ngự trong mọi nguyên tử. Ngài bị chia cắt ad infinitum, Ngài vẫn bị che giấu, in abscondito, và kết luận hợp lý mà chúng ta đi đến là, như trí tuệ vô hạn của Dhyan Chohans biết, các nguyên tử mới phát ra không có khả năng thực hiện bất kỳ hành động có ý thức hoặc vô thức nào, trừ khi chúng nhận được các xung lực trí tuệ từ Các Ngài. Ergo, Thượng đế của bạn không tốt hơn vật chất mù quáng từng bị thúc đẩy bởi lực vĩnh cửu mù quáng, hoặc định luật, vốn có lẽ là Thượng đế của vật chất đó. Ồ, ồ, chúng ta sẽ không mất thời gian cho những cuộc nói chuyện như vậy.

The period of passivity ends, the night of mind ceases, the solar system awakes and re-emerges into manifestation and existence, and everything throughout it is once more as it was when the night set in. Though a period inconceivable to human minds has passed, it has passed but as a sound and dreamless sleep. The law of activity comes again into operation, the centre of evolution resumes its work, the fount of being commences to flow again. I conclude this must be so, or otherwise the matter ejected from the vortex or central point, would find none in a differentiated state from which to acquire its own impulses of differentiation.

Giai đoạn thụ động kết thúc, đêm của trí tuệ chấm dứt, hệ mặt trời thức giấc và tái xuất hiện vào sự biểu hiện và tồn tại, và mọi thứ trong suốt nó lại như cũ khi màn đêm buông xuống. Mặc dù một khoảng thời gian không thể hình dung được đối với tâm trí con người đã trôi qua, nhưng nó đã trôi qua như một giấc ngủ ngon và không mộng mị. Định luật hoạt động lại có hiệu lực, trung tâm tiến hóa tiếp tục công việc của nó, suối nguồn của sự sống bắt đầu chảy trở lại. Tôi kết luận rằng điều này phải như vậy, nếu không thì vật chất bị đẩy ra khỏi xoáy hoặc điểm trung tâm, sẽ không tìm thấy gì ở trạng thái khác biệt để có được các xung lực khác biệt của chính nó.

When the hour strikes, the cosmic atoms already in a differentiated state remain in

Khi giờ khắc điểm, các nguyên tử vũ trụ vốn đã ở trạng thái khác biệt vẫn ở trạng thái nguyên

statu quo, as well as globes and everything else in the process of formation. Therefore you have seized the idea. [I interpolate a warning here that Hume and I got a good deal off the rails at this point. It was not till long afterwards that the impressions suggested by this note, erroneous themselves though the note was afterwards justified, were cleared up. A.P.S.] in the still passive portion of the universe, in which, and interpenetrated by which, hangs the re-manifested solar system in the non-being where subsists the eternal mechanical motion, its uncreated cause or vortex is formed, which in its ceaseless rotation perpetually ejects the polarised active manifested conscious universe, the unpolarised passive unmanifested and unconscious universal element.

trạng, cũng như các địa cầu và mọi thứ khác trong quá trình hình thành. Vì vậy, bạn đã nắm bắt được ý tưởng. [Tôi xen vào một lời cảnh báo ở đây rằng Hume và tôi đã đi chệch hướng khá nhiều vào thời điểm này. Mãi về sau, những ấn tượng do ghi chú này gợi ý, bản thân chúng là sai lầm mặc dù ghi chú này sau đó đã được chứng minh là đúng, đã được làm sáng tỏ. A.P.S.] trong phần vũ trụ vẫn còn thụ động, trong đó, và được xuyên thấu bởi nó, hệ mặt trời tái biểu hiện treo lơ lửng trong sự không tồn tại, nơi mà chuyển động cơ học vĩnh cửu tồn tại, nguyên nhân hoặc xoáy không được tạo ra của nó được hình thành, mà trong sự luân chuyển không ngừng của nó liên tục đẩy ra vũ trụ có ý thức biểu hiện hoạt động phân cực, yếu tố phổ quát không biểu hiện và vô thức thụ động không phân cực.

Call it motion. cosmic matter, duration, or space, for it is all these and yet one, this is the universe manifested and unmanifested, and there is nothing else in the universe. But the moment it passes out of passivity or non-being into activity or being, it begins to change its state, and differentiate from contact with what had formerly changed; and so the eternal wheel rolls on, the effect of today becoming the cause of tomorrow for ever and ever. But it must ever be remembered that the non-being, the passive, is the eternal, the real; the being, the active, the transitory and the unreal. For longer or shorter as its career may be according to the impulses it receives, sooner or later the manifested disintegrates into the unmanifested, and being fades into non-being.

Hãy gọi nó là chuyển động. vật chất vũ trụ, thời gian hoặc không gian, vì nó là tất cả những điều này và vẫn là một, đây là vũ trụ biểu hiện và không biểu hiện, và không có gì khác trong vũ trụ. Nhưng khoảnh khắc nó vượt ra khỏi trạng thái thụ động hoặc không tồn tại để chuyển sang trạng thái hoạt động hoặc tồn tại, nó bắt đầu thay đổi trạng thái của mình và khác biệt do tiếp xúc với những gì trước đây đã thay đổi; và vì vậy bánh xe vĩnh cửu lăn bánh, hiệu ứng của ngày hôm nay trở thành nguyên nhân của ngày mai mãi mãi. Nhưng phải luôn nhớ rằng sự không tồn tại, sự thụ động, là vĩnh cửu, là thực; sự tồn tại, sự hoạt động, sự phù du và sự không có thật. Vì sự nghiệp của nó có thể dài hay ngắn tùy theo những xung lực mà nó nhận được, sớm hay muộn thì cái biểu hiện sẽ tan rã thành cái không biểu hiện, và sự tồn tại sẽ mờ dần vào sự không tồn tại.

But how about the highest Planetaries? They surely do not return into non-being, but pass on to higher or at any rate different solar systems?

Nhưng còn các Hành Tinh Thượng đế cao cấp nhất thì sao? Chắc chắn Các Ngài không trở lại trạng thái không tồn tại, mà chuyển sang các hệ mặt trời cao hơn hoặc ít nhất là khác biệt?

The highest state of Nirvana is the highest state of non-being. There comes a time when the whole infinitude sleeps or rests, when all is re-immersed in the one eternal and uncreated sum of all, the sum of the latent unconscious potentiality.

Trạng thái Niết bàn cao nhất là trạng thái không tồn tại cao nhất. Sẽ đến một lúc toàn bộ sự vô hạn ngủ hoặc nghỉ ngơi, khi tất cả được tái hòa nhập vào tổng số vĩnh cửu và không được tạo ra duy nhất của tất cả, tổng số tiềm năng vô thức tiềm ẩn.

It has been stated that a differentiation of the primordial element is the basis of the manifested universe and we must now consider the seven different principles that constitute and govern that universe, or in other words the seven different states or conditions in which this element exists in it.

Người ta đã tuyên bố rằng sự khác biệt của yếu tố nguyên thủy là cơ sở của vũ trụ biểu hiện và bây giờ chúng ta phải xem xét bảy nguyên lý khác nhau cấu thành và chi phối vũ trụ đó, hay nói cách khác là bảy trạng thái hoặc điều kiện khác nhau mà yếu tố này tồn tại trong đó.

There is no finite or primordial design but in conjunction with organised matter. Design is Kyen, a cause arising from a primary one. The latent design exists from the eternity in the one unborn eternal atom, or the central point which is everywhere and nowhere, called—(our most secret incommunicable name given at Initiation to the highest Adepts.) So I can give you the six names of the principles of our solar system but have to withhold the rest, and even the name of the seventh. Call it the unknown and explain why. A *dam ye* (a Brahman) will not give you the name of even the crown of the Akasa, but will speak of the six primary forces in nature represented by the solar light.

Không có thiết kế hữu hạn hoặc nguyên thủy nào mà không có sự kết hợp với vật chất có tổ chức. Thiết kế là Kyen, một nguyên nhân phát sinh từ một nguyên nhân sơ cấp. Thiết kế tiềm ẩn tồn tại từ cõi vĩnh hằng trong một nguyên tử vĩnh cửu chưa sinh ra, hoặc điểm trung tâm ở khắp mọi nơi và không ở đâu, được gọi là—(tên bí mật nhất không thể truyền đạt của chúng ta được trao tại Lễ Điểm Đạo cho các bậc Chân sư cao cấp nhất.) Vì vậy, tôi có thể cho bạn sáu tên của các nguyên lý của hệ mặt trời của chúng ta, nhưng phải giữ lại phần còn lại, và thậm chí cả tên của nguyên lý thứ bảy. Hãy gọi nó là điều chưa biết và giải thích tại sao. Một dam ye (một Bà la môn) sẽ không cho bạn biết tên ngay cả vương miện của Akasa, nhưng sẽ nói về sáu lực lượng chính trong tự nhiên được đại diện bởi ánh sáng mặt trời.

I'll give you the principles by and bye. Study this well first.

Tôi sẽ cho bạn các nguyên lý sau. Nghiên cứu kỹ điều này trước.

Question— I conceive that at the close of a Pralaya the impulse given by the Dhyan Chohans does not develop from chaos a succession of worlds simultaneously, but seriatim. The comprehension of the manner in which each in succession ensues from its predecessor, as the impact of the original

Câu hỏi— Tôi hình dung rằng khi kết thúc một Pralaya, xung lực do Dhyan Chohans đưa ra không phát triển từ sự hỗn mang một loạt các thế giới đồng thời, mà là seriatim. Việc nắm bắt cách thức mỗi thế giới kế tiếp phát sinh từ người tiền nhiệm của nó, như tác động của xung lực ban đầu, có lẽ tốt hơn nên hoãn lại

impulse, might perhaps be better postponed till after I am enabled to realise the working of the whole machine—the cycle of worlds—after all its parts have come into existence.

cho đến sau khi tôi có thể nhận ra hoạt động của toàn bộ cỗ máy—chu kỳ của các thế giới—sau khi tất cả các bộ phận của nó đã đi vào tồn tại.

Answer—Correctly conceived, nothing in Nature springs into existence suddenly, all being subjected to the same laws of gradual evolution. Realise but once the process of the Maha-cycle of one sphere, and you have realised them all. One man is born like another man. One race evolves, develops and declines like another and all other races. Nature follows the same groove from the "creation" of a universe, down to that of a mosquito. In studying esoteric cosmogony, keep a spiritual eye upon the physiological process of human birth, proceed from cause to effect, establishing as you go along analogies between the birth of a man and that of a world. In our doctrine you will find necessary the synthetic method; you will have to embrace the whole, that is to say, to blend the macrocosm and microcosm together, before you are enabled to study the parts separately, or analyse them, with profit to your understanding. Cosmology is the physiology of the universe spiritualised, for there is but one law.

Trả lời—Được hình dung một cách chính xác, không có gì trong Tự Nhiên đột ngột xuất hiện, tất cả đều tuân theo các định luật tiến hóa dần dần giống nhau. Chỉ cần nhận ra quá trình của Đại Chu Kỳ của một địa cầu, và bạn đã nhận ra tất cả chúng. Một người được sinh ra giống như một người khác. Một chủng tộc tiến hóa, phát triển và suy tàn giống như một chủng tộc khác và tất cả các chủng tộc khác. Tự Nhiên tuân theo cùng một khuôn mẫu từ "sự sáng tạo" của một vũ trụ, cho đến sự sáng tạo của một con muỗi. Khi nghiên cứu vũ trụ luận huyền bí, hãy giữ một con mắt tinh thần về quá trình sinh lý của sự ra đời của con người, tiến hành từ nguyên nhân đến kết quả, thiết lập các phép loại suy giữa sự ra đời của một người và sự ra đời của một thế giới. Trong giáo lý của chúng ta, bạn sẽ thấy cần thiết phương pháp tổng hợp; bạn sẽ phải bao trùm toàn bộ, nghĩa là, kết hợp đại thiên địa và tiểu thiên địa lại với nhau, trước khi bạn có thể nghiên cứu các phần riêng biệt, hoặc phân tích chúng, để có lợi cho sự thấu hiểu của bạn. Vũ trụ học là sinh lý học của vũ trụ được linh hóa, vì chỉ có một định luật.

Question— Taking the middle of a period of activity between two Pralayas, i.e., of a Manvantara, what I understand to happen is this. Atoms are polarised in the... [Question not continued in MS.]

Câu hỏi— Lấy giữa một giai đoạn hoạt động giữa hai Giai kỳ qui nguyên, tức là, của một Giai kỳ sinh hóa, những gì tôi hiểu là điều này xảy ra. Các nguyên tử bị phân cực trong... [Câu hỏi không được tiếp tục trong MS.]

Answer—Polarising themselves during the process of motion, and propelled by the irresistible force at work in cosmogony and the work of Nature, the positive and negative or the active and passive forces correspond to the male and female principles. Your spiritual efflux comes out from behind the veil, but is

Trả lời—Tự phân cực trong quá trình chuyển động, và được thúc đẩy bởi lực lượng không thể cưỡng lại đang hoạt động trong vũ trụ luận và công việc của Tự Nhiên, các lực tích cực và tiêu cực hoặc lực chủ động và thụ động tương ứng với các nguyên tắc nam và nữ. Dòng chảy tinh thần của bạn xuất phát từ phía sau bức

the male seed falling into the veil of cosmic matter. The active is attracted by the passive principle, and the great Nag, the serpent-emblem of eternity, attracts its tail to its mouth, forming thereby a circle (cycles of the eternity) in that incessant pursuit of the negative by the positive. Hence the emblem of the *lingam*, the *phallus* and the eteis. [So in MS.] The one and chief attribute of the universal spiritual principle, the unconscious but ever active life-giver, is to expand and shed; that of the universal material principle, to gather in and fecundate. Unconscious and non-existing when separated, they become consciousness and life when brought together. Hence again Brahman from the root *brih,* the Sanskrit for "to expand, grow, or to fructify," Brahman being but the vivifying expansive force of Nature in its eternal evolution....highest [First part of sentence omitted in MS.] region of spiritual efflux from behind the veil of primitive cosmic matter. The magnetic impulse which has accomplished this result flits from one universal form to another within the first sphere, till having run the round of existence in that kingdom of the first sphere, it succeeds in a current of attraction to the second sphere.

màn, nhưng là hạt giống đực rơi vào bức màn vật chất vũ trụ. Nguyên tắc chủ động bị thu hút bởi nguyên tắc thụ động, và Đại Nag, biểu tượng con rắn của vĩnh cửu, thu hút đuôi của nó vào miệng, do đó tạo thành một vòng tròn (các chu kỳ của vĩnh cửu) trong sự theo đuổi không ngừng của cái tiêu cực bởi cái tích cực. Do đó, biểu tượng của lingam, dương vật và eteis. [Như vậy trong MS.] Một và thuộc tính chính của nguyên tắc tinh thần phổ quát, người ban sự sống vô thức nhưng luôn hoạt động, là mở rộng và lan tỏa; của nguyên tắc vật chất phổ quát, là thu thập và làm cho sinh sôi nảy nở. Vô thức và không tồn tại khi tách rời, chúng trở thành tâm thức và sự sống khi được đưa lại với nhau. Do đó, một lần nữa Brahman từ gốc brih, tiếng Phạn có nghĩa là "mở rộng, phát triển hoặc sinh sôi nảy nở", Brahman chỉ là lực lượng bành trướng sinh động của Tự Nhiên trong quá trình tiến hóa vĩnh cửu của nó....vùng [Phần đầu của câu bị bỏ qua trong MS.] cao nhất của dòng chảy tinh thần từ phía sau bức màn vật chất vũ trụ nguyên thủy. Xung động từ tính đã hoàn thành kết quả này lướt từ dạng phổ quát này sang dạng khác trong phạm vi địa cầu thứ nhất, cho đến khi đã hoàn thành vòng tồn tại trong giới đó của địa cầu thứ nhất, nó thành công trong một dòng hút đến địa cầu thứ hai.

Question— Do worlds of effects intervene between the worlds of activity in the series of descent?

Câu hỏi— Có phải các thế giới của hiệu ứng can thiệp giữa các thế giới hoạt động trong chuỗi đi xuống không?

Answer—The worlds of effects are not Lokas or localities, they are the shadow of the world of causes—their souls—worlds having like men their seven principles which develop and grow simultaneously with the body. Thus the body of man is wedded to and remains for ever within the body of his planet. His individual Jivatma, life principle, returns after death to its source, so that his Linga Sharira will be drawn into Akasa; his Kama Rupa will

Trả lời—Các thế giới của hiệu ứng không phải là Lokas hay địa điểm, chúng là cái bóng của thế giới của các nguyên nhân—linh hồn của chúng—các thế giới có giống như con người bảy nguyên tắc của chúng vốn phát triển và lớn lên đồng thời với thể xác. Vì vậy, thể xác của con người kết hôn với và tồn tại mãi mãi trong thể xác của hành tinh của y. Jivatma cá nhân của y, nguyên tắc sự sống, trở về nguồn của nó sau khi chết, để Linga Sharira của y sẽ

recommingle with the universal Shakti, the will force or universal energy; his animal soul, borrowed from the breath of universal mind, will return to the Dhyan Chohans; his sixth principle, whether drawn into or ejected from the matrix of the great passive principle, must remain in its own sphere, either as part of the crude material, or as an individualised unity to be reborn in a higher world of causes. The seventh will carry it from the Devachan and follow the new ego to its place of rebirth.

được hút vào Akasa; Kama Rupa của y sẽ hòa trộn lại với Shakti phổ quát, lực ý chí hoặc năng lượng phổ quát; linh hồn động vật của y, mượn từ hơi thở của vũ trụ trí, sẽ trở về với Dhyan Chohans; nguyên tắc thứ sáu của y, dù được hút vào hay bị đẩy ra khỏi ma trận của nguyên tắc thụ động vĩ đại, phải ở lại trong phạm vi của chính nó, hoặc là một phần của vật chất thô, hoặc là một hợp nhất được cá nhân hóa để được tái sinh trong một thế giới nguyên nhân cao hơn. Thứ bảy sẽ mang nó từ Devachan và theo chân chân ngã mới đến nơi tái sinh của nó.

Question— The magnetic impulse, which cannot yet be conceived of as an individuality, enters the second sphere in the same, the mineral kingdom, as that to which it belonged in the first sphere, and runs the round of mineral incarnations, there passing on to the third sphere. Our earth is still a sphere of necessity for it. Hence it passes into the upward series and from the highest of these passes into the vegetable kingdom of the first sphere. Without any new impulse of creative force from above, its career round the cycle of worlds as a universal principle has developed some new attractions or polarisations, which cause it to assume the lowest vegetable form. In vegetable forms, it passes successively through the cycle of worlds, the whole being still a circle of necessity (as no responsibility can yet have accrued to an unconscious individuality and therefore it cannot at any stage of its progress do anything to select one or other of divergent paths); or is there something in the life even of a vegetable which, though not responsibility, may lead it up, or down, at this critical stage of its progress? Having completed the whole cycle as a vegetable, the growing individuality expands on its next circuit into an animal form.

Câu hỏi— Xung động từ tính, vốn vẫn chưa thể được hình dung như một cá tính, đi vào địa cầu thứ hai trong cùng một giới, giới kim thạch, như cái mà nó thuộc về trong địa cầu thứ nhất, và chạy vòng quanh các hóa thân kim thạch, ở đó chuyển sang địa cầu thứ ba. Trái Đất của chúng ta vẫn là một địa cầu của sự cần thiết đối với nó. Do đó, nó đi vào chuỗi hướng lên và từ cao nhất trong số này đi vào giới thực vật của địa cầu thứ nhất. Nếu không có bất kỳ xung động mới nào của lực sáng tạo từ trên cao, sự nghiệp của nó xung quanh chu kỳ các thế giới như một nguyên tắc phổ quát đã phát triển một số lực hút hoặc phân cực mới, vốn khiến nó mang hình thức thực vật thấp nhất. Trong các hình thức thực vật, nó lần lượt đi qua chu kỳ các thế giới, toàn bộ vẫn là một vòng tròn của sự cần thiết (vì không có trách nhiệm nào có thể phát sinh cho một cá tính vô thức và do đó nó không thể ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình tiến bộ của mình làm bất cứ điều gì để chọn một hoặc một trong các con đường khác nhau); hoặc có điều gì đó trong sự sống ngay cả của một loại rau, mặc dù không phải là trách nhiệm, có thể dẫn nó lên hoặc xuống, ở giai đoạn quan trọng này trong quá trình tiến bộ của nó không? Sau khi hoàn thành toàn bộ chu kỳ như một loại rau, cá tính đang phát triển mở rộng trên mạch tiếp theo của nó thành một hình thức động vật.

Answer—The evolution of the worlds cannot be considered apart from the evolution of everything created or having being on these worlds. Your accepted conceptions of cosmogony, whether from the theological or scientific standpoints, do not enable you to solve a single anthropological or even ethnical problem, and they stand in your way whenever you attempt to solve the problem of the races on this planet.

Trả lời—Sự tiến hóa của các thế giới không thể được xem xét tách biệt với sự tiến hóa của mọi thứ được tạo ra hoặc có mặt trên các thế giới này. Các quan niệm được chấp nhận của bạn về vũ trụ luận, cho dù từ quan điểm thần học hay khoa học, không cho phép bạn giải quyết một vấn đề nhân chủng học hoặc thậm chí dân tộc học nào, và chúng cản đường bạn bất cứ khi nào bạn cố gắng giải quyết vấn đề về các chủng tộc trên hành tinh này.

When a man begins to talk about creation and the origin of man, he is butting against the facts incessantly. Go on saying, "our planet and man were created," and you will be fighting against hard facts, for ever analysing and losing time over trifling details, unable to ever grasp the whole. But once admit that our planet and ourselves are no more creations than the iceberg now before me (in our K.H.'s home) but that both planet and man are states for a given time; that their present appearance —geological and anthropological—is transitory, and but a condition concomitant of that state of evolution at which they have arrived in the descending cycle; and all will become plain. You will easily understand what is meant by the "one and only" element or principle in the universe and that androgynous—the seven headed serpent or Manda of Vishnu, the Nag around Buddha, the great dragon of eternity from the emanations of which spring worlds, beings and things; you will comprehend the reason why the first philosopher proclaimed *all Maya,* but that one principle which rests during the Mahapralayas or the nights of Brahma.

Khi một người bắt đầu nói về sự sáng tạo và nguồn gốc của con người, y đang liên tục chống lại các sự kiện. Hãy tiếp tục nói, "hành tinh và con người của chúng ta đã được tạo ra", và bạn sẽ chiến đấu chống lại những sự thật khó khăn, mãi mãi phân tích và lãng phí thời gian vào những chi tiết nhỏ nhặt, không bao giờ có thể nắm bắt được toàn bộ. Nhưng một khi thừa nhận rằng hành tinh của chúng ta và bản thân chúng ta không phải là những sáng tạo hơn là tảng băng trôi trước mặt tôi (trong nhà của Chân sư KH) mà cả hành tinh và con người đều là những trạng thái trong một thời gian nhất định; rằng sự xuất hiện hiện tại của chúng—về địa chất và nhân chủng học—chỉ là nhất thời, và chỉ là một điều kiện đi kèm với trạng thái tiến hóa mà chúng đã đạt được trong chu kỳ đi xuống; và tất cả sẽ trở nên rõ ràng. Bạn sẽ dễ dàng hiểu những gì được ngụ ý bởi yếu tố hoặc nguyên tắc "duy nhất và duy nhất" trong vũ trụ và lưỡng tính đó—con rắn bảy đầu hoặc Manda của Vishnu, Nag xung quanh Đức Phật, con rồng vĩ đại của vĩnh cửu từ những phát xạ mà từ đó các thế giới, chúng sinh và vạn vật nảy sinh; bạn sẽ hiểu lý do tại sao nhà triết học đầu tiên tuyên bố tất cả là ảo lực, nhưng nguyên tắc duy nhất đó vốn nghỉ ngơi trong các Đại giai kỳ qui nguyên hoặc những đêm của Brahma.

Now think the Nag awakes. He heaves a heavy breath, and the latter is sent like an electric shock all along the wire encircling space. Go to

Bây giờ hãy nghĩ Nag thức giấc. Ngài thở một hơi nặng nhọc, và hơi thở sau đó được gửi đi như một cú sốc điện dọc theo sợi dây bao

your piano and execute upon the lower register of keys the *seven* notes of the lower octave, up and down. Begin *pianissimo, crescendo* from the first key, and having struck *fortissimo* on the last note, go back *diminuendo,* getting out of your last note a hardly perceptible sound. The first and last notes will represent to you the first and last spheres in the cycle of evolution. The one you struck once is our planet. The seven vowels chanted by the Egyptian priests to the seven rays of the rising sun to which Memnon responded meant but that. The one life principle when in action runs in circuits, even as known in physical science. It runs the round in the human body where the head represents and is to the microcosmos, (the physical world of matter) what the summit of the cycle is to the macrocosmos (world of universal spiritual forces); so with the formation of worlds and the great descending and ascending circle of necessity. All is one law. Man has his seven principles, the germs of which he brings with him at his birth. So has a plant or a world. From first to last every sphere has its world of effects, the passing through which will afford a place of final rest to each of the human principles, the seventh principle excepted. The world A is born, and with it, clinging like barnacles to the bottom of a ship in motion, evolve from its first breath of life the living beings of its atmosphere, from the germs hitherto inert, now awakening to life with the first motion of the sphere. With sphere A begins the universal kingdom, and runs the round of universal evolution. By the time it is completed, sphere B comes into objectivity and draws to itself the *life* which has completed its round on sphere A, and has become a surplus (the fount of life being inexhaustible, for it is the true Archnea doomed to spin out its web eternally, save during the period of Pralaya). Then comes vegetable life on sphere A, and the same

quanh không gian. Hãy đến cây đàn piano của bạn và thực hiện trên thanh ghi thấp hơn của các phím bảy nốt của quãng tám thấp hơn, lên và xuống. Bắt đầu pianissimo, crescendo từ phím đầu tiên, và sau khi đánh fortissimo vào nốt cuối cùng, hãy quay lại diminuendo, thoát ra khỏi nốt cuối cùng của bạn một âm thanh khó nhận thấy. Các nốt đầu tiên và cuối cùng sẽ đại diện cho bạn các địa cầu đầu tiên và cuối cùng trong chu kỳ tiến hóa. Cái mà bạn đánh một lần là hành tinh của chúng ta. Bảy nguyên âm được các thầy tế Ai Cập xướng lên cho bảy cung của mặt trời mọc mà Memnon đáp lại chỉ có nghĩa là điều đó. Nguyên tắc sự sống duy nhất khi hoạt động chạy theo mạch, thậm chí như đã biết trong khoa học vật lý. Nó chạy vòng quanh trong cơ thể con người, nơi đầu đại diện và là tiểu thiên địa, (thế giới vật chất của vật chất) những gì đỉnh của chu kỳ là đại thiên địa (thế giới của các lực lượng tinh thần phổ quát); cũng như vậy với sự hình thành của các thế giới và vòng tròn cần thiết đi xuống và đi lên vĩ đại. Tất cả là một định luật. Con người có bảy nguyên tắc của mình, mầm mống mà y mang theo khi sinh ra. Một cái cây hoặc một thế giới cũng vậy. Từ đầu đến cuối, mỗi địa cầu đều có thế giới hiệu ứng của nó, việc đi qua đó sẽ mang lại một nơi nghỉ ngơi cuối cùng cho mỗi nguyên tắc của con người, ngoại trừ nguyên tắc thứ bảy. Thế giới A được sinh ra, và cùng với nó, bám vào đáy một con tàu đang chuyển động như những con hà, tiến hóa từ hơi thở sự sống đầu tiên của nó những chúng sinh của bầu khí quyển của nó, từ những mầm mống cho đến nay vẫn trơ trơ, giờ thức tỉnh với sự sống với chuyển động đầu tiên của địa cầu. Với địa cầu A bắt đầu giới phổ quát, và chạy vòng quanh sự tiến hóa phổ quát. Vào thời điểm nó hoàn thành, địa cầu B đi vào tính khách quan và thu hút về phía mình sự sống đã hoàn thành vòng đời của nó trên địa cầu A, và đã trở thành một sự thặng dư (nguồn sự sống là vô tận, vì nó là Archnea thực sự обречена phải kéo dài mạng lưới của nó vĩnh

process takes place. On its downward course life becomes with every state coarser, more material; on its upward, more shadowy.

viễn, ngoại trừ trong thời kỳ Giai kỳ qui nguyên). Sau đó, sự sống thực vật đến trên địa cầu A, và quá trình tương tự diễn ra. Trên con đường đi xuống của nó, sự sống trở nên thô hơn, vật chất hơn với mọi trạng thái; trên con đường đi lên của nó, bóng bẩy hơn.

No; there is not, nor can there be, any responsibility until the time when matter and spirit are properly equilibrized. Up to man, life has no responsibility in whatever form, no more than has a foetus who in his mother's womb passes through all the forms of life—a mineral, a vegetable, an animal—to become finally man.

Không; không có, cũng không thể có, bất kỳ trách nhiệm nào cho đến khi vật chất và tinh thần được cân bằng đúng cách. Cho đến con người, sự sống không có trách nhiệm trong bất kỳ hình thức nào, không hơn một bào thai, vốn trong bụng mẹ trải qua tất cả các hình thức sự sống—một chất khoáng, một loại rau, một con vật—để cuối cùng trở thành con người.

Question— Where does it get the animal soul, its fifth principle from? Has the potentiality of this resided from the first in the original magnetic impulse which constituted the mineral, or at every transition from the last world on the ascending side to the first sphere, does it so to speak pass through and ocean of spirit and assimilate some new principle?

Câu hỏi— Nó lấy linh hồn động vật, nguyên tắc thứ năm của nó từ đâu? Có phải tiềm năng của điều này đã tồn tại ngay từ đầu trong xung động từ tính ban đầu vốn cấu thành chất khoáng, hay ở mọi quá trình chuyển đổi từ thế giới cuối cùng ở phía đi lên sang địa cầu thứ nhất, nó có nói chuyện đi qua và đại dương tinh thần và đồng hóa một số nguyên tắc mới không?

Answer—Thus you see his fifth principle is evolved from within himself, man having, as you will say, the "potentiality" of all the seven principles as a germ, from the very instant he appears on the first world of causes as a shadowy breath, which coagulates with, and is hardened together with, its parent sphere. Spirit as life is indivisible, and when we speak of the seventh principle, it is neither quality nor quantity nor yet form that are meant, but rather the space occupied in that ocean of spirit by the results of effects, beneficent as are all those of a co-worker with Nature impressed thereon.

Trả lời—Như vậy, bạn thấy nguyên tắc thứ năm của y tiến hóa từ bên trong chính y, con người có, như bạn sẽ nói, "tiềm năng" của tất cả bảy nguyên tắc như một mầm mống, ngay từ thời điểm y xuất hiện trên thế giới nguyên nhân đầu tiên như một hơi thở bóng bẩy, vốn đông lại với, và được làm cứng lại cùng với, địa cầu mẹ của nó. Tinh thần như sự sống là không thể phân chia, và khi chúng ta nói về nguyên tắc thứ bảy, thì đó không phải là phẩm chất cũng không phải là số lượng cũng không phải là hình thức được ngụ ý, mà đúng hơn là không gian chiếm giữ trong đại dương tinh thần đó bởi kết quả của các hiệu ứng, có lợi như tất cả những hiệu ứng của một người cộng tác với Tự Nhiên được ghi dấu trên đó.

SECTION V

PHẦN V

Science

Question— Can you (i.e., is it permitted) ever answer any questions relating to matter of physical science? If so, here are some points that I should greatly like dealt with.

Answer—Most undoubtedly I am so permitted. But then comes the most important point, how far satisfactory will my answers appear even to you? That not every law brought to light is regarded as adding a link to the chain of human knowledge, is shown by the ill grace with which every fact unwelcome, for some reasons, to science is received by its professors. Nevertheless whenever I *can* answer you I will try to do so, only hoping that you will not send it as a contribution from my pen to the *Journal of Science.*

Question— Have magnetic conditions anything to do with the precipitation of rain, or is that due entirely to atmospheric currents at different temperatures encountering other currents of different humidities, the whole set of motions being established by pressures, expansions etc., due in the first instance to solar energy? If magnetic conditions are engaged, how do they operate and how could they be tested?

Answer—Most assuredly they have. Rain can be brought on in a small area of space, artificially and without any claim to miracle or superhuman powers, though its secret is no property of mine that I should divulge it. I am now trying to obtain permission to do so. We know of no phenomenon in nature entirely unconnected with either magnetism or electricity—since where there are motion, heat, friction, light, there magnetism and its alter ego (according to *our* humble opinion) electricity, will always appear either as cause

Khoa học

Câu hỏi— Bạn có thể (tức là, có được phép) trả lời bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến vấn đề khoa học vật lý không? Nếu vậy, đây là một số điểm mà tôi rất muốn được giải quyết.

Trả lời—Chắc chắn nhất là tôi được phép như vậy. Nhưng sau đó đến điểm quan trọng nhất, câu trả lời của tôi sẽ thỏa đáng đến mức nào ngay cả đối với bạn? Việc không phải mọi định luật được đưa ra ánh sáng đều được coi là thêm một mắt xích vào chuỗi kiến thức của nhân loại, được thể hiện bằng sự khó chịu mà mọi sự thật không được hoan nghênh, vì một số lý do, đối với khoa học được các giáo sư của nó tiếp nhận. Tuy nhiên, bất cứ khi nào tôi có thể trả lời bạn, tôi sẽ cố gắng làm như vậy, chỉ hy vọng rằng bạn sẽ không gửi nó như một đóng góp từ ngòi bút của tôi cho Tạp chí Khoa học.

Câu hỏi— Các điều kiện từ tính có liên quan gì đến sự ngưng tụ của mưa không, hay điều đó hoàn toàn là do các dòng khí quyển ở các nhiệt độ khác nhau gặp các dòng có độ ẩm khác nhau, toàn bộ tập hợp các chuyển động được thiết lập bởi áp suất, sự giãn nở, v.v., do năng lượng mặt trời gây ra trong trường hợp đầu tiên? Nếu các điều kiện từ tính được tham gia, chúng hoạt động như thế nào và làm thế nào chúng có thể được kiểm tra?

Trả lời—Chắc chắn là Các Ngài có. Có thể tạo ra mưa trong một không gian nhỏ, một cách nhân tạo và không cần đến phép lạ hay siêu năng lực nào, mặc dù bí mật của nó không phải là tài sản của tôi để tôi tiết lộ. Bây giờ tôi đang cố gắng xin phép để làm như vậy. Chúng ta không biết hiện tượng nào trong tự nhiên hoàn toàn không liên quan đến từ tính hoặc điện—vì ở đâu có chuyển động, nhiệt, ma sát, ánh sáng, thì từ tính và bản ngã thay thế của nó (theo ý kiến khiêm tốn của chúng ta) điện, sẽ luôn xuất hiện hoặc là nguyên nhân hoặc là

or effect, or rather both, if we but fathom the manifestation to its origin. All the phenomena of earth-currents, terrestrial magnetism and atmospheric electricity are due to the face that the earth is an electrified conductor, whose potential is ever changing owing to its rotation and its annual orbital motion, the successive cooling and heating of the air, the formation of clouds and rainstorms and winds, etc. This you may perhaps find in some text book. But then science would be unwilling to admit that all those changes are due to *akasic magnetism*, incessantly generating electric currents which tend to restore the disturbed equilibrium. By directing the most powerful of electric batteries—the human frame electrified by a certain process—you can *stop* rain on some given point by making "a hole in the rain-clouds," as the occultists term it. By using other strongly magnetic implements within, so to say, an insulated area, rain can be produced artificially. I regret my inability to explain to you the process more clearly. You know the effects produced by trees and plants on rainclouds, and how their strong magnetic nature attracts and even feeds those clouds over the tops of the trees. Science explains it otherwise, may be. Well, I cannot help it, for such is our knowledge and the fruits of millenniums of observation and experience.

kết quả, hoặc đúng hơn là cả hai, nếu chúng ta dò ra sự biểu hiện đến nguồn gốc của nó. Tất cả các hiện tượng của dòng điện trong lòng đất, từ tính trên cạn và điện trong khí quyển là do Trái Đất là một vật dẫn điện, có điện thế luôn thay đổi do sự quay và chuyển động quỹ đạo hàng năm của nó, sự làm mát và nóng lên liên tục của không khí, sự hình thành mây, giông bão và gió, v.v. Có lẽ bạn có thể tìm thấy điều này trong một số sách giáo khoa. Nhưng sau đó, khoa học sẽ không sẵn lòng thừa nhận rằng tất cả những thay đổi đó là do từ tính akasic, liên tục tạo ra các dòng điện có xu hướng khôi phục trạng thái cân bằng bị xáo trộn. Bằng cách điều khiển pin điện mạnh nhất—khung người được điện khí hóa bằng một quy trình nhất định—bạn có thể ngăn mưa ở một điểm nhất định bằng cách tạo ra "một lỗ trên các đám mây mưa", như các nhà huyền bí học gọi. Bằng cách sử dụng các công cụ từ tính mạnh khác bên trong, có thể nói là một khu vực cách ly, mưa có thể được tạo ra một cách nhân tạo. Tôi rất tiếc vì không thể giải thích rõ hơn cho bạn về quy trình này. Bạn biết những tác động do cây cối và thực vật tạo ra đối với các đám mây mưa, và bản chất từ tính mạnh mẽ của chúng thu hút và thậm chí nuôi dưỡng những đám mây đó trên ngọn cây như thế nào. Khoa học có thể giải thích khác. Vâng, tôi không thể giúp được, vì đó là kiến thức của chúng ta và là thành quả của hàng thiên niên kỷ quan sát và kinh nghiệm.

Were the present to fall into the hands of Hume, he would be sure to remark that I am vindicating the charge publicly brought by him against us: "Whenever unable to answer your arguments (?) they (we) calmly reply that their (our) rules do not admit of this or that". I am compelled to answer that, since the secret is not mine, I cannot make of it a marketable commodity. Let some physicist calculate the amount of heat required to vaporise a certain quantity of water; let them

Nếu điều này rơi vào tay của Hume, Bạn chắc chắn sẽ nhận xét rằng tôi đang minh oan cho lời buộc tội mà Bạn đã công khai chống lại chúng ta: "Bất cứ khi nào không thể trả lời các lập luận của bạn (?), họ (chúng ta) bình tĩnh trả lời rằng các quy tắc của họ (của chúng ta) không cho phép điều này hay điều kia". Tôi buộc phải trả lời rằng, vì bí mật không phải của tôi, tôi không thể biến nó thành một mặt hàng có thể bán được. Hãy để một số nhà vật lý tính toán lượng nhiệt cần thiết để làm bay hơi một

compute the quantity of rain needed to cover an area—say one square mile to a depth of *one* inch. For this amount of vaporisation they will require of course an amount of heat that would be equal to at least five million tons of coal. Now the amount of energy, of which this consumption of heat would be the equivalent, corresponds (as any mathematician could tell you) to that which would be required to raise a weight of upwards of ten million tons one mile high. How can one man generate such an amount of heat and energy? Preposterous, absurd! We are all lunatics and you who listen to us will be placed in the same category if you ever venture to repeat this proposition. Yet I say that *one man alone can do it* and very easily, if he is but acquainted with a certain "physico-spiritual" lever in himself, far more powerful than that of Archimedes. Even simple muscular contraction is always accompanied by electric and magnetic phenomena, and there is the strongest connection between the magnetism of the earth, the changes of weather, and man, who is the best barometer living, if he but know how to decipher it properly.

lượng nước nhất định; hãy để họ tính toán lượng mưa cần thiết để bao phủ một khu vực —giả sử một dặm vuông đến độ sâu một inch. Để có được lượng bốc hơi này, tất nhiên họ sẽ cần một lượng nhiệt tương đương với ít nhất năm triệu tấn than. Bây giờ lượng năng lượng mà mức tiêu thụ nhiệt này sẽ tương đương, tương ứng (như bất kỳ nhà toán học nào cũng có thể cho bạn biết) với lượng năng lượng cần thiết để nâng một trọng lượng hơn mười triệu tấn lên cao một dặm. Làm thế nào một người có thể tạo ra một lượng nhiệt và năng lượng như vậy? Lố bịch, vô lý! Tất cả chúng ta đều là những kẻ điên rồ và bạn, những người lắng nghe chúng ta, sẽ được xếp vào cùng loại nếu bạn mạo hiểm lặp lại mệnh đề này. Tuy nhiên, tôi nói rằng một người có thể làm được điều đó và rất dễ dàng, nếu y chỉ quen thuộc với một đòn bẩy "vật lý-tinh thần" nhất định trong bản thân, mạnh hơn nhiều so với đòn bẩy của Archimedes. Ngay cả sự co cơ đơn giản cũng luôn đi kèm với các hiện tượng điện và từ tính, và có mối liên hệ mạnh mẽ nhất giữa từ tính của Trái Đất, những thay đổi của thời tiết và con người, vốn là phong vũ biểu sống tốt nhất, nếu y biết cách giải mã nó một cách thích hợp.

Again, the state of the sky can always be ascertained by the variations shewn by magnetic instruments. It is now several years since I had an opportunity of reading the deductions of science upon this subject; therefore, unless I go to the trouble of catching up what I may have remained ignorant of, I do not know the latest conclusions of science. But with us it is an established fact that it is the earth's magnetism that produces wind, storm, and rain. What science seems to know of it is but secondary symptoms always induced by that magnetism, and she may very soon find out her present errors.

Một lần nữa, trạng thái của bầu trời luôn có thể được xác định bằng những biến đổi được thể hiện bởi các dụng cụ từ tính. Đã vài năm kể từ khi tôi có cơ hội đọc những suy luận của khoa học về chủ đề này; do đó, trừ khi tôi gặp rắc rối trong việc nắm bắt những gì tôi có thể không biết, tôi không biết những kết luận mới nhất của khoa học. Nhưng với chúng ta, đó là một thực tế đã được thiết lập rằng chính từ tính của Trái Đất tạo ra gió, bão và mưa. Những gì khoa học dường như biết về nó chỉ là những triệu chứng thứ yếu luôn do từ tính đó gây ra, và Bà có thể rất sớm tìm ra những sai lầm hiện tại của mình.

The earth's magnetic attraction of meteoric dust and the direct influence of the latter upon

Sự hấp dẫn từ tính của Trái Đất đối với bụi thiên thạch và ảnh hưởng trực tiếp của bụi này

the sudden changes of temperature, especially in the matter of heat and cold, are not settled questions to the present day. I believe Dr. Plimpson in 1867 and Cowper Ranyard in 1879 both urged the theory, but it was rejected. It was doubted whether the fact of our earth's passing through a region of space, in which there are more or less of meteoric masses, has any bearing upon the height of our atmosphere's being increased or decreased, or even upon the state of the weather. But we think we could easily prove it; and since they accept the fact that the relative proportion and distribution of land and water on our globe *may be due* to the great accumulation upon it of meteoric dust, (snow, especially in our northern regions, being full of meteoric iron and magnetic particles), and deposits of the latter being found even at the bottom of seas and oceans, I wonder how science has not hitherto understood that every atmospheric change and disturbance was due to the combined magnetism of the two great masses between which our atmosphere is compressed. I call this meteoric dust a "mass," for it is really one. High above our earth's surface the air is impregnated and space *filled* with magnetic-meteoric dust which does not even belong to our solar system. Science, having luckily discovered that as our earth with all the other planets is carried along through space, it receives a greater proportion of that dust matter on its northern than on its southern hemisphere, knows that to this are due the preponderating number of the continents in the former hemisphere and the greater abundance of snow and moisture. Millions of such meteors and even of the finest particles reach us every year and every day and all our temple knives are made of this "heavenly" iron, which reaches us without having undergone any change—the magnetism of the earth keeping them in cohesion. Gaseous matter is

đối với những thay đổi đột ngột của nhiệt độ, đặc biệt là về nhiệt và lạnh, vẫn chưa phải là những câu hỏi đã được giải quyết cho đến ngày nay. Tôi tin rằng Tiến sĩ Plimpson vào năm [1867] và Cowper Ranyard vào năm [1879] đều thúc đẩy lý thuyết này, nhưng nó đã bị bác bỏ. Người ta nghi ngờ liệu việc Trái Đất của chúng ta đi qua một khu vực không gian, nơi có nhiều hay ít các khối thiên thạch, có ảnh hưởng gì đến việc chiều cao của bầu khí quyển của chúng ta tăng lên hay giảm đi, hoặc thậm chí đến trạng thái của thời tiết hay không. Nhưng chúng ta nghĩ rằng chúng ta có thể dễ dàng chứng minh điều đó; và vì họ chấp nhận thực tế rằng tỷ lệ tương đối và sự phân bố của đất và nước trên địa cầu của chúng ta có thể là do sự tích tụ lớn trên đó của bụi thiên thạch, (tuyết, đặc biệt là ở các vùng phía bắc của chúng ta, chứa đầy sắt thiên thạch và các hạt từ tính), và các trầm tích của cái sau được tìm thấy ngay cả ở đáy biển và đại dương, tôi tự hỏi làm thế nào khoa học cho đến nay vẫn chưa hiểu rằng mọi thay đổi và xáo trộn trong khí quyển là do từ tính kết hợp của hai khối lớn mà bầu khí quyển của chúng ta bị nén giữa chúng. Tôi gọi bụi thiên thạch này là một "khối", vì nó thực sự là một khối. Rất cao phía trên bề mặt Trái Đất của chúng ta, không khí được tẩm và không gian chứa đầy bụi từ tính-thiên thạch thậm chí không thuộc về hệ mặt trời của chúng ta. Khoa học, may mắn thay đã phát hiện ra rằng khi Trái Đất của chúng ta cùng với tất cả các hành tinh khác được mang đi trong không gian, nó nhận được một tỷ lệ lớn hơn vật chất bụi đó ở bán cầu bắc hơn là ở bán cầu nam, biết rằng điều này là do số lượng lục địa chiếm ưu thế ở bán cầu trước và sự phong phú hơn của tuyết và độ ẩm. Hàng triệu thiên thạch như vậy và thậm chí cả những hạt mịn nhất đến với chúng ta mỗi năm và mỗi ngày và tất cả các con dao đền thờ của chúng ta đều được làm từ sắt "thiên đường" này, đến với chúng ta mà không trải qua bất kỳ thay đổi nào—từ tính của Trái Đất giữ chúng gắn kết

continually added to our atmosphere from the never ceasing fall of meteoric, strongly magnetic matter, and yet it seems with them still an open question whether the magnetic conditions *have* anything to do with the precipitation of rain or not. I do not know of any "set of motions established by pressure, expansion, etc., *due in the first instance to solar energy*". Science makes too much and too little at the same time of "solar energy" and even of the sun itself; and the sun has nothing whatsoever to do with the rain and very little with heat. I was under the impression that science was aware that the glacial periods, as well as those periods when the temperature was "like that of the carboniferous age," are due to the decrease and increase, or rather to the expansion, of our atmosphere, which expansion is itself due to the same meteoric presence. At any rate we all know that the heat that the earth receives by radiation from the sun is at the utmost one third, if not less, of the amount received by her directly from the meteors.

với nhau. Vật chất khí liên tục được thêm vào bầu khí quyển của chúng ta từ sự rơi không ngừng của vật chất thiên thạch, từ tính mạnh mẽ, và tuy nhiên dường như với họ vẫn là một câu hỏi mở liệu các điều kiện từ tính có liên quan gì đến sự kết tủa của mưa hay không. Tôi không biết bất kỳ "tập hợp các chuyển động nào được thiết lập bởi áp suất, sự giãn nở, v.v., do năng lượng mặt trời gây ra ngay từ đầu". Khoa học làm quá nhiều và quá ít cùng một lúc về "năng lượng mặt trời" và thậm chí cả chính mặt trời; và mặt trời không liên quan gì đến mưa và rất ít đến nhiệt. Tôi đã có ấn tượng rằng khoa học đã biết rằng các kỷ băng hà, cũng như những kỷ mà nhiệt độ "giống như kỷ than đá", là do sự giảm và tăng, hay đúng hơn là do sự giãn nở của bầu khí quyển của chúng ta, mà sự giãn nở này là do sự hiện diện của thiên thạch tương tự. Dù sao thì tất cả chúng ta đều biết rằng nhiệt mà Trái Đất nhận được do bức xạ từ mặt trời tối đa là một phần ba, nếu không muốn nói là ít hơn, so với lượng mà Bà nhận được trực tiếp từ các thiên thạch.

Question— Is the Sun's corona an atmosphere of any known gases? and why does it assume the rayed shape always observed in eclipses?

Câu hỏi—Vành nhật hoa của Mặt Trời có phải là một bầu khí quyển của bất kỳ loại khí đã biết nào không? và tại sao nó lại có hình dạng tia luôn được quan sát thấy trong các nhật thực?

Answer—Call it a chromosphere or atmosphere? It can be called neither; for it is simply the magnetic and ever-present aura of the sun seen by astronomers for a few brief moments only during the eclipses, and by some of our Chelas whenever they like—of course while in a certain induced state. A counterpoint of what the astronomers call the red flames in the corona may be seen in Reichenbach's crystals, or in any other strongly magnetic body. The head of a man in a strongly ecstatic condition, when all the electricity of his system is centred around the brain, will represent (especially in darkness) a

Trả lời—Gọi nó là một quyển sắc hay bầu khí quyển? Không thể gọi nó là cái nào; vì nó đơn giản là hào quang từ tính và luôn hiện diện của mặt trời được các nhà thiên văn học nhìn thấy chỉ trong một vài khoảnh khắc ngắn ngủi trong các nhật thực, và bởi một số đệ tử của chúng ta bất cứ khi nào Các Ngài muốn—tất nhiên là trong một trạng thái cảm ứng nhất định. Một đối điểm của những gì các nhà thiên văn học gọi là ngọn lửa đỏ trong vành nhật hoa có thể được nhìn thấy trong các tinh thể của Reichenbach, hoặc trong bất kỳ vật thể từ tính mạnh nào khác. Đầu của một người trong trạng thái cực kỳ ngây ngất, khi tất cả điện

perfect simile of the sun during such periods. The first artist who drew the aureole about the heads of his gods and saints was not inspired, but represented it on the authority of temple pictures and traditions of the sanctuary and the chambers of Initiation where such phenomena took place. The closer to the head or to the aura-emitting body, the stronger and the more effulgent the emanation (due to hydrogen, science tells us, in the case of the flames) hence the irregular red flames around the Sun or the "inner corona". The fact that these are not always present in equal quantity shows only the constant fluctuation of the magnetic matter and its energy, upon which also depend the number and variety of the spots. During periods of magnetic inertia the spots disappear, or rather remain invisible. The farther the emanation shoots out, the more it loses in intensity, until, gradually subsiding, it fades out; hence the outer corona; its rayed shape being due entirely to the latter phenomenon, whose effulgence proceeds from the magnetic nature of the matter and the electric energy, and not at all from intensely hot particles, as asserted by some astronomers.

trong hệ thống của y tập trung quanh não, sẽ thể hiện (đặc biệt là trong bóng tối) một hình ảnh hoàn hảo của mặt trời trong những thời kỳ như vậy. Người nghệ sĩ đầu tiên vẽ vầng hào quang quanh đầu các vị thần và thánh của mình không được truyền cảm hứng, mà đại diện cho nó theo thẩm quyền của các bức tranh đền thờ và truyền thống của khu bảo tồn và các phòng Điểm Đạo, nơi những hiện tượng như vậy đã diễn ra. Càng gần đầu hoặc vật thể phát ra hào quang, sự phát xạ càng mạnh và càng rực rỡ (do hydro, khoa học cho chúng ta biết, trong trường hợp ngọn lửa) do đó có những ngọn lửa đỏ không đều xung quanh Mặt Trời hoặc "vành nhật hoa bên trong". Việc chúng không phải lúc nào cũng có mặt với số lượng bằng nhau chỉ cho thấy sự dao động liên tục của vật chất từ tính và năng lượng của nó, mà số lượng và sự đa dạng của các đốm cũng phụ thuộc vào đó. Trong thời gian quán tính từ tính, các đốm biến mất, hay đúng hơn là vẫn vô hình. Sự phát xạ càng bắn ra xa, nó càng mất đi cường độ, cho đến khi, dần dần lắng xuống, nó mờ dần; do đó có vành nhật hoa bên ngoài; hình dạng tia của nó hoàn toàn là do hiện tượng sau, mà sự rực rỡ của nó bắt nguồn từ bản chất từ tính của vật chất và năng lượng điện, và hoàn toàn không phải từ các hạt nóng dữ dội, như một số nhà thiên văn học khẳng định.

All this is terribly unscientific, nevertheless a *fact*, to which I may add another by reminding you that the Sun we see is not at all the central planet of our little universe, but only its *veil* or its *reflection.* Science has tremendous disadvantages against studying that planet, which luckily for us we have not, foremost of all being the constant tremors of our atmosphere, which prevent them from judging correctly the little they do see. This impediment was never in the way of the ancient Chaldee and Egyptian astronomers, nor is it an obstacle to us, for we have the

Tất cả điều này là vô cùng phi khoa học, tuy nhiên là một thực tế, mà tôi có thể thêm một điều nữa bằng cách nhắc nhở bạn rằng Mặt Trời mà chúng ta thấy hoàn toàn không phải là hành tinh trung tâm của vũ trụ nhỏ bé của chúng ta, mà chỉ là tấm màn che hoặc sự phản chiếu của nó. Khoa học có những bất lợi to lớn so với việc nghiên cứu hành tinh đó, điều may mắn cho chúng ta là chúng ta không có, trước hết là những rung động liên tục của bầu khí quyển của chúng ta, điều này ngăn cản họ đánh giá chính xác những gì họ thấy. Trở ngại này chưa bao giờ cản đường các nhà thiên văn

means of arresting or counteracting such tremors, acquainted as we are with all the *akasic* conditions. No more than the rain secret would this secret, supposing we do divulge it, be of any practical use to your men of science unless they become occultists, and sacrifice long years to the acquirement of powers. Only, fancy a Huxley or a Tyndall studying *Yog-Vidya*! Hence the many mistakes into which they fall and the conflicting hypotheses of your best authorities. For instance, the Sun is full of iron vapours—a fact that was demonstrated by the spectroscope, showing that the light of the corona considered largely of a line in the green part of the spectrum, very nearly coinciding with an iron line. Yet Professors Young and Lockyer rejected that under the witty pretext, if I remember, that, if the corona were composed of minute particles like a dust cloud (and it is this that we call magnetic matter) these particles would (1) fall upon the Sun's body; (2) comets were known to pass through this vapour without any visible effect on them; (3) Prof. Young's spectroscope showed that the coronal line was not identical with the iron one, etc. Why they should call those objections scientific is more than we can tell.

học Chaldee và Ai Cập cổ đại, cũng như không phải là một trở ngại đối với chúng ta, vì chúng ta có phương tiện để ngăn chặn hoặc chống lại những rung động như vậy, vì chúng ta đã quen thuộc với tất cả các điều kiện akasic. Không hơn gì bí mật về mưa, bí mật này, giả sử chúng ta tiết lộ nó, sẽ có bất kỳ ứng dụng thực tế nào cho những người đàn Bạn khoa học của bạn trừ khi họ trở thành nhà huyền bí học và hy sinh nhiều năm để có được sức mạnh. Chỉ cần tưởng tượng một Huxley hoặc một Tyndall nghiên cứu Yog-Vidya! Do đó, có rất nhiều sai lầm mà họ mắc phải và những giả thuyết mâu thuẫn của các nhà chức trách giỏi nhất của bạn. Ví dụ, Mặt Trời chứa đầy hơi sắt—một thực tế đã được chứng minh bằng quang phổ, cho thấy rằng ánh sáng của vành nhật hoa được coi là phần lớn là một vạch trong phần màu xanh lá cây của quang phổ, rất gần với một vạch sắt. Tuy nhiên, các Giáo sư Young và Lockyer đã bác bỏ điều đó dưới cái cớ dí dỏm, nếu tôi nhớ không lầm, rằng, nếu vành nhật hoa bao gồm các hạt nhỏ như một đám mây bụi (và đây là thứ mà chúng ta gọi là vật chất từ tính) thì những hạt này sẽ (1) rơi trên thân Mặt Trời; (2) người ta biết rằng sao chổi đi qua hơi này mà không có bất kỳ tác động rõ ràng nào đối với chúng; (3) Quang phổ của Giáo sư Young cho thấy rằng vạch vành nhật hoa không giống với vạch sắt, v.v. Tại sao họ lại gọi những phản đối đó là khoa học thì chúng ta không thể nói được.

Firstly, the reason why the particles—since they call them so—do *not* fall upon the Sun's body is self-evident; there are forces co-existent with gravitation of which they know nothing—besides that other fact that there is no gravitation properly speaking only attraction and repulsion. Secondly, how could comets be affected by the said passage since their "passing through" is simply an optical illusion? They could not pass within the area of attraction without being immediately

Thứ nhất, lý do tại sao các hạt—vì họ gọi chúng như vậy—không rơi trên thân Mặt Trời là điều hiển nhiên; có những lực cùng tồn tại với lực hấp dẫn mà họ không biết gì—ngoài thực tế khác là không có lực hấp dẫn nói đúng ra chỉ có lực hút và lực đẩy. Thứ hai, làm thế nào sao chổi có thể bị ảnh hưởng bởi đoạn văn nói trên vì "việc chúng đi qua" chỉ đơn giản là một ảo ảnh quang học? Chúng không thể đi qua bên trong khu vực hút mà không bị tiêu diệt ngay lập tức bởi lực đó mà không có vril

annihilated by that force of which no *vril* can give an adequate idea, since there can be nothing on earth that could be compared with it. Passing as the comets do through a "reflection," no wonder that the said *vapour* has "no visible effect upon these light bodies".

Thirdly, the coronal line may not *seem* identical through the best "grating spectroscopes"; nevertheless the *corona* contains iron as well as other vapours. To tell you of what it does consist is idle, since I am unable to translate the words we use for it, and that no such matter exists except in the Sun—not in our planetary system, at any rate. The fact is that what you call the Sun is simply the reflection of the huge "storehouse" of our system wherein *all* its forces are generated and preserved—the Sun being the heart and brain of our pigmy universe. We might compare its faculae—those millions of small intensely brilliant bodies of which the Sun's surface away from the spots is made up—with the blood corpuscles of that luminary, though some of them, as correctly conjectured by science, are as large as Europe. Those blood corpuscles are the electric and magnetic matter in its sixth and seventh state. What are those long white filaments twisted like so many ropes of which the penumbra of the Sun is made up? What the central part that is seen like a huge flame ending in fiery (threads) spires, and the transparent clouds, or rather vapours formed of delicate threads of silvery light that hang over those flames? What but the magneto-electric aura—the *phlogiston* of the Sun? Science may go on speculating forever, yet so long as she does not renounce two or three of her cardinal errors she will find herself forever groping in the dark. Some of her greatest misconceptions are to be found in her limited notions of the law of gravitation—her denial that matter may be *imponderable,* her newly invented term "force," and the

nào có thể đưa ra một ý tưởng đầy đủ, vì không thể có bất cứ điều gì trên Trái Đất có thể so sánh với nó. Vì sao chổi đi qua một "phản xạ", không có gì ngạc nhiên khi hơi nói trên "không có tác động rõ ràng đến những vật thể ánh sáng này".

Thứ ba, đường vành nhật hoa có vẻ không giống nhau qua "kính quang phổ cách tử" tốt nhất; tuy nhiên vành nhật hoa chứa sắt cũng như các chất bốc khác. Nói cho bạn biết nó bao gồm những gì là vô ích, vì tôi không thể dịch những từ chúng ta dùng cho nó, và không có vấn đề nào như vậy tồn tại ngoại trừ trong Mặt Trời—ít nhất là không có trong hệ hành tinh của chúng ta. Sự thật là cái mà bạn gọi là Mặt Trời chỉ đơn giản là sự phản chiếu của "kho chứa" khổng lồ của hệ thống chúng ta, nơi tất cả các lực của nó được tạo ra và bảo tồn—Mặt Trời là trái tim và bộ não của vũ trụ tí hon của chúng ta. Chúng ta có thể so sánh các faculae của nó—hàng triệu vật thể nhỏ rực rỡ mãnh liệt tạo nên bề mặt của Mặt Trời cách xa các vết đen—với các tế bào máu của thiên thể đó, mặc dù một số trong chúng, như khoa học đã phỏng đoán một cách chính xác, lớn bằng cả châu Âu. Những tế bào máu đó là vật chất điện và từ tính ở trạng thái thứ sáu và thứ bảy của nó. Những sợi trắng dài xoắn lại như rất nhiều sợi dây tạo nên vùng nửa tối của Mặt Trời là gì? Phần trung tâm được nhìn thấy như một ngọn lửa khổng lồ kết thúc bằng những ngọn tháp (sợi) rực lửa và những đám mây trong suốt, hay đúng hơn là những hơi bốc được hình thành từ những sợi ánh sáng bạc mỏng manh treo trên những ngọn lửa đó là gì? Không gì khác ngoài hào quang từ điện—phlogiston của Mặt Trời? Khoa học có thể tiếp tục suy đoán mãi mãi, nhưng chừng nào Bà không từ bỏ hai hoặc ba sai lầm chủ yếu của mình, Bà sẽ thấy mình mãi mãi mò mẫm trong bóng tối. Một số quan niệm sai lầm lớn nhất của Bà nằm trong những quan niệm hạn hẹp của Bà về định luật hấp dẫn—sự phủ nhận của Bà rằng vật chất có

absurd and tacitly accepted idea that force is capable of existing *per se*, or of acting (any more than life) outside, independent of, or in any way otherwise than *through* matter; in other words, that force is anything *but* matter in one of her highest *states*, the three last on the ascending scale being denied, only because science knows nothing of them—and in her utter ignorance of the universal Proteus, its functions and importance in the economy of nature—magnetism and electricity. Tell science that even in those days of the decline of the Roman Empire, when the tattooed Britisher used to offer to the Emperor Claudius his *nazzur* [Tributary offering.] of "electron" in the shape of a string of amber beads, that even then there were yet men remaining aloof from the universal masses, who knew more of electricity and magnetism than they, the men of science, do now, and science will laugh at you as bitterly as she now does over your kind dedication to me. [Mr Sinnett dedicated his Occult World to the Master K.H.]

thể không cân đo được, thuật ngữ "lực" mới được phát minh của Bà và ý tưởng ngớ ngẩn và ngấm ngầm được chấp nhận rằng lực có khả năng tồn tại per se, hoặc hoạt động (bất kỳ hơn sự sống) bên ngoài, độc lập với, hoặc theo bất kỳ cách nào khác ngoài thông qua vật chất; nói cách khác, lực không là gì ngoài vật chất ở một trong những trạng thái cao nhất của nó, ba trạng thái cuối cùng trên thang tăng dần bị phủ nhận, chỉ vì khoa học không biết gì về chúng—và trong sự thiếu hiểu biết hoàn toàn của Bà về Proteus phổ quát, các chức năng và tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế của tự nhiên—từ tính và điện. Hãy nói với khoa học rằng ngay cả trong những ngày suy tàn của Đế chế La Mã, khi người Anh xăm mình dùng để dâng cho Hoàng đế Claudius nazzur [Vật phẩm cống nạp.] "electron" của mình dưới dạng một chuỗi hạt hổ phách, thì ngay cả khi đó vẫn còn những người đứng ngoài quần chúng phổ quát, những người biết nhiều về điện và từ tính hơn họ, những người của khoa học, bây giờ, và khoa học sẽ cười nhạo bạn cay đắng như Bà hiện đang làm đối với sự cống hiến tử tế của bạn cho tôi. [Ông Sinnett đã dành tặng Thế Giới Huyền Bí của mình cho Chân sư KH]

Verily, when your astronomers, speaking of Sun-matter, term those lights and flames "clouds of vapour" and "gases unknown to science," chased by mighty whirl-winds and cyclones (whereas we know it to be simply magnetic matter in its usual state of activity), we feel inclined to smile at the expressions. Can one imagine the "Sun's fires fed with *purely mineral* matter—with meteorites highly charged with hydrogen giving the Sun a far-reaching atmosphere of ignited gas'? We *know* that the *invisible* sun is composed of that which neither has name nor can be compared to anything known by your science on earth; and that its "reflection" contains still less of anything like "gases," mineral matter, or *fire*,

Thật vậy, khi các nhà thiên văn học của bạn, nói về vật chất Mặt Trời, gọi những ánh sáng và ngọn lửa đó là "những đám mây hơi nước" và "những chất khí mà khoa học chưa biết", bị đuổi theo bởi những cơn gió xoáy và lốc xoáy mạnh mẽ (trong khi chúng ta biết nó đơn giản là vật chất từ tính ở trạng thái hoạt động bình thường của nó), chúng ta cảm thấy muốn mỉm cười trước những biểu hiện đó. Người ta có thể tưởng tượng "lửa Mặt Trời được nuôi bằng vật chất khoáng hoàn toàn—với các thiên thạch tích điện cao với hydro mang lại cho Mặt Trời một bầu khí quyển khí đốt rộng lớn"? Chúng ta biết rằng mặt trời vô hình bao gồm những thứ không có tên cũng như không thể so sánh với bất cứ thứ gì mà khoa học của bạn biết trên trái

though even we, when treating of it in your civilized tongue, are compelled to use such expressions as “vapour” and “magnetic matter”. To close the subject, the coronal changes have no effect upon the earth’s climate though the *spots* have, and Prof. Lockyer is mostly wrong in his deductions. The sun is neither a solid, a liquid, nor yet a gaseous globe, but a gigantic ball of electro-magnetic forces—the storehouse of universal *life* and *motion*, from which the latter pulsate in all directions, feeding the smallest atom as the greatest genius with the same material unto the end of the Maha-yuga.

đất; và rằng "sự phản chiếu" của nó chứa ít hơn bất cứ thứ gì giống như "chất khí", vật chất khoáng hoặc lửa, mặc dù ngay cả chúng ta, khi nói về nó bằng ngôn ngữ văn minh của bạn, buộc phải sử dụng những cách diễn đạt như "hơi nước" và "vật chất từ tính". Để kết thúc chủ đề, những thay đổi vành nhật hoa không có ảnh hưởng đến khí hậu của trái đất mặc dù các vết đen có, và Giáo sư Lockyer chủ yếu sai trong những suy luận của Ông. Mặt Trời không phải là một quả cầu rắn, lỏng hay khí, mà là một quả cầu khổng lồ gồm các lực điện từ—kho chứa sự sống và chuyển động phổ quát, từ đó cái sau rung động theo mọi hướng, nuôi dưỡng nguyên tử nhỏ nhất cũng như thiên tài vĩ đại nhất với cùng một vật chất cho đến cuối Maha-yuga.

Question— Is the photometric value of light emitted by stars a safe guide to their distance, considered of course in connection with distance as guessed by parallax, and is it true, as astronomy assumes faute de mieux in the way of a theory, that per square mile the Sun’s surface emits as much light as can be emitted from any body?

Câu hỏi— Giá trị trắc quang của ánh sáng phát ra từ các ngôi sao có phải là một hướng dẫn an toàn cho khoảng cách của chúng không, tất nhiên là được xem xét liên quan đến khoảng cách được đoán bằng thị sai, và có đúng không, như thiên văn học giả định faute de mieux theo cách của một lý thuyết, rằng trên mỗi dặm vuông, bề mặt của Mặt Trời phát ra nhiều ánh sáng như có thể phát ra từ bất kỳ vật thể nào?

Answer—I believe not. The stars are distant from us, at least 500,000 times as far as the Sun and some as many times more. The strong accumulation of the meteoric matter and the atmospheric tremors are always in the way. If your astronomers could climb on the height of that meteoric *dust*, with their telescopes and havannas, they might trust more than they can now in their photometers. How can they? Neither can the real degree of intensity of that light be known on earth. Hence no trustworthy basis for calculating magnitudes and distances can be had, nor have they hitherto made sure in a single instance, except in the matter of one star, which stars shine by

Trả lời—Tôi tin là không. Các ngôi sao ở xa chúng ta, ít nhất là xa hơn Mặt Trời 500.000 lần và một số xa hơn nhiều lần. Sự tích tụ mạnh mẽ của vật chất thiên thạch và những rung động khí quyển luôn cản đường. Nếu các nhà thiên văn học của bạn có thể leo lên độ cao của bụi thiên thạch đó, với kính viễn vọng và xì gà havanna của họ, họ có thể tin tưởng nhiều hơn vào máy đo quang của họ so với bây giờ. Làm sao họ có thể? Cũng không thể biết được mức độ cường độ thực sự của ánh sáng đó trên trái đất. Do đó, không thể có được cơ sở đáng tin cậy để tính toán độ lớn và khoảng cách, và cho đến nay họ vẫn chưa chắc chắn trong một trường hợp duy nhất, ngoại trừ vấn

reflected and which by their own light. The working of the best double star photometers is deceptive. Of this I have made sure, so far back as in the spring of 1878, while watching the observations made through a Pickering photometer. The discrepancy in the observations upon a star (near Gamma Ceti) amounted at times to half a magnitude. No planets but one have hitherto been discovered outside of the solar system, with all their photometers, while we know with the sole half of our spiritual *naked* eye a number of them, every *completely* matured Sun-star having, as in our own system, several companion planets in fact. The famous "polarisation of light" test is about as trustworthy as all others. Of course, the mere fact of their starting from a false premise cannot vitiate either their conclusions or astronomical prophesies, since both are mathematically correct in their mutual relations, and that it answers the given object. Neither the Chaldees nor yet our old Rishis had either your telescopes or photometers, and yet their astronomical productions were faultless—the mistakes, very slight ones in truth, fathered upon them by their modern rivals, proceeding from the mistakes of the latter.

đề một ngôi sao, những ngôi sao nào chiếu sáng bằng ánh sáng phản xạ và những ngôi sao nào bằng ánh sáng của chính chúng. Hoạt động của máy đo quang sao đôi tốt nhất là lừa dối. Về điều này, tôi đã chắc chắn, từ mùa xuân năm 1878, khi theo dõi các quan sát được thực hiện thông qua máy đo quang Pickering. Sự khác biệt trong các quan sát trên một ngôi sao (gần Gamma Ceti) đôi khi lên tới nửa độ lớn. Cho đến nay, không có hành tinh nào ngoài một hành tinh đã được phát hiện bên ngoài hệ mặt trời, với tất cả các máy đo quang của họ, trong khi chúng ta biết với một nửa con mắt trần tinh thần của mình một số hành tinh trong số đó, mỗi ngôi sao Mặt Trời trưởng thành hoàn toàn đều có, như trong hệ thống của chúng ta, một số hành tinh đồng hành trên thực tế. Bài kiểm tra "phân cực ánh sáng" nổi tiếng cũng đáng tin cậy như tất cả những bài kiểm tra khác. Tất nhiên, chỉ riêng việc họ bắt đầu từ một tiền đề sai lầm không thể làm hỏng cả kết luận hoặc lời tiên tri thiên văn của họ, vì cả hai đều chính xác về mặt toán học trong các mối quan hệ lẫn nhau của chúng và nó đáp ứng được mục tiêu đã định. Cả người Chaldees lẫn các Rishi cũ của chúng ta đều không có kính viễn vọng hay máy đo quang của bạn, nhưng những sản phẩm thiên văn của họ vẫn hoàn hảo—những sai lầm, rất nhỏ trên thực tế, do các đối thủ hiện đại của họ gây ra, xuất phát từ những sai lầm của những người sau.

You must not complain of my too long answers to your very short questions, since I answer you for your instruction as a student of occultism, my "Lay" Chela, [Mr. Sinnett called himself a Lay Chela, as he felt he could not observe the strict disciplines of a true Chela.] and not at all with a view of answering the *Journal of Science*. I am no man of Science with regard to or in connection with modern learning. My knowledge of your Western sciences is *very* limited in fact; and you will

Bạn không được phàn nàn về những câu trả lời quá dài của tôi cho những câu hỏi rất ngắn của bạn, vì tôi trả lời bạn để hướng dẫn bạn với tư cách là một đạo sinh huyền bí học, Tiểu đệ tử "tại gia" của tôi, [Ông Sinnett tự gọi mình là Tiểu đệ tử tại gia, vì Bạn cảm thấy Bạn không thể tuân thủ các kỷ luật nghiêm ngặt của một đệ tử thực thụ.] và hoàn toàn không có ý định trả lời Tạp chí Khoa học. Tôi không phải là người của Khoa học liên quan đến hoặc liên quan đến kiến thức hiện đại. Trên thực tế, kiến

please bear in mind that all my answers are based upon, and derived from, our Eastern Occult doctrines, regardless of their agreement or disagreement with those of exact science. Hence I say, “the sun’s surface emits per square mile, as much light (in proportion) as can be emitted from any body.” But what can you mean in this case by “light’? The latter is not an independent principle; and I rejoiced at the introduction, with a view to facilitate means of observation, of the “diffraction spectrum”; since by abolishing all these imaginary independent existences, such as heat, actinism, light, etc., it rendered to occult science the greatest service, by vindicating in the eyes of her modern sister our very ancient theory that every phenomenon, being but the effect of the diversified motion of what we call Akasa (not your ether), there was in fact but one element, the causative principle of all. But since your question is asked with a view to settling a disputed point in modern science, I will try to answer it in the clearest way I can. I say then *no*, and will give you my reasons why.

thức của tôi về các ngành khoa học phương Tây của bạn rất hạn chế; và bạn vui lòng ghi nhớ rằng tất cả các câu trả lời của tôi đều dựa trên và bắt nguồn từ các giáo lý Huyền bí phương Đông của chúng ta, bất kể chúng có đồng ý hay không đồng ý với các giáo lý của khoa học chính xác. Do đó, tôi nói, "bề mặt của mặt trời phát ra trên mỗi dặm vuông, nhiều ánh sáng (tương ứng) như có thể phát ra từ bất kỳ vật thể nào." Nhưng trong trường hợp này, bạn có thể muốn nói gì bằng "ánh sáng"? Cái sau không phải là một nguyên tắc độc lập; và tôi rất vui mừng khi giới thiệu, với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện quan sát, "quang phổ nhiễu xạ"; vì bằng cách loại bỏ tất cả những sự tồn tại độc lập tưởng tượng này, chẳng hạn như nhiệt, actinism, ánh sáng, v.v., nó đã mang lại cho khoa học huyền bí sự phục vụ lớn nhất, bằng cách minh oan trong mắt người chị em hiện đại của chúng ta về lý thuyết rất cổ xưa của chúng ta rằng mọi hiện tượng, chỉ là kết quả của chuyển động đa dạng của cái mà chúng ta gọi là Akasa (không phải dĩ thái của bạn), trên thực tế chỉ có một nguyên tố, nguyên tắc nhân quả của tất cả. Nhưng vì câu hỏi của bạn được đặt ra với mục đích giải quyết một điểm tranh chấp trong khoa học hiện đại, tôi sẽ cố gắng trả lời nó một cách rõ ràng nhất có thể. Vậy thì tôi nói không, và sẽ cho bạn biết lý do tại sao.

They cannot know it, for the simple reason that heretofore they have in reality found no sure means of measuring the velocity of light. The experiments made by Fizeau and Corum, known as the two best investigators of light in the world of science, notwithstanding the general satisfaction at the results obtained, are not trustworthy data, neither in respect to the velocity with which sunlight travels nor to its quantity. The methods adopted by both these Frenchmen are yielding correct results (at any rate *approximately* correct, since there is variation of 227 miles per second between

Họ không thể biết điều đó, vì lý do đơn giản là cho đến nay họ thực sự chưa tìm ra phương tiện chắc chắn nào để đo vận tốc ánh sáng. Các thí nghiệm do Fizeau và Corum thực hiện, được biết đến là hai nhà nghiên cứu ánh sáng giỏi nhất trong thế giới khoa học, bất chấp sự hài lòng chung về kết quả thu được, không phải là dữ liệu đáng tin cậy, cả về vận tốc mà ánh sáng mặt trời di chuyển lẫn về số lượng của nó. Các phương pháp được cả hai người Pháp này áp dụng đang mang lại kết quả chính xác (ít nhất là gần đúng, vì có sự khác biệt 227 dặm mỗi giây giữa kết quả quan sát của cả hai

the result of the observation of both experimenters albeit made with the same apparatus) only as regards the velocity of light between our earth and the upper regions of its atmosphere. Their toothed wheel, revolving at a *known* velocity, records, of course, the strong ray of light which passes through one of the niches of the wheel and then has its points of light observed whenever a tooth passes accurately enough. The instrument is very ingenious and can hardly fail to give splendid results on a journey of a few thousand meters there and back, there being between the Paris observatory and its fortifications no atmosphere, no meteoric masses to impede the ray's progress, and that ray finding quite a different quality of a medium to travel upon the ether of space, the ether between the Sun and the meteoric *continent* above our heads, the velocity of light will of course show some 185,000 and odd miles per second, and your physicists shout "Eureka", nor do any of the other devices contrived by science to measure that velocity since 1887 answer any better. All they can say is that their calculations are so *far correct.* Could they measure light *above* our atmosphere they would soon find they were wrong.

nhà thực nghiệm mặc dù được thực hiện với cùng một thiết bị) chỉ liên quan đến vận tốc của ánh sáng giữa trái đất của chúng ta và các khu vực phía trên của bầu khí quyển của nó. Bánh xe răng cưa của họ, quay với vận tốc đã biết, tất nhiên, ghi lại tia sáng mạnh đi qua một trong những hốc của bánh xe và sau đó có các điểm sáng của nó được quan sát bất cứ khi nào một răng đi qua đủ chính xác. Dụng cụ này rất khéo léo và khó có thể không mang lại kết quả tuyệt vời trong một hành trình dài vài nghìn mét khứ hồi, vì giữa đài quan sát Paris và các công sự của nó không có bầu khí quyển, không có khối thiên thạch nào cản trở sự tiến triển của tia sáng và tia sáng đó tìm thấy một chất lượng môi trường hoàn toàn khác để di chuyển trên dĩ thái của không gian, dĩ thái giữa Mặt Trời và lục địa thiên thạch phía trên đầu chúng ta, vận tốc ánh sáng tất nhiên sẽ hiển thị khoảng 185.000 dặm trở lên mỗi giây và các nhà vật lý của bạn hét lên "Eureka", cũng như bất kỳ thiết bị nào khác do khoa học nghĩ ra để đo vận tốc đó kể từ năm 1887 không trả lời tốt hơn. Tất cả những gì họ có thể nói là các tính toán của họ cho đến nay là chính xác. Nếu họ có thể đo ánh sáng phía trên bầu khí quyển của chúng ta, họ sẽ sớm thấy rằng họ đã sai.

Question— Is Jupiter a hot and still partially luminous body, and to what cause, as solar energy has probably nothing to do with matter, are the violent disturbances of Jupiter's atmosphere due?

Câu hỏi— Sao Mộc có phải là một thiên thể nóng và vẫn còn phát sáng một phần không, và nguyên nhân nào, vì năng lượng mặt trời có lẽ không liên quan gì đến vật chất, là do những xáo trộn dữ dội của bầu khí quyển Sao Mộc?

Answer—It is, so far; but is fast changing. Your science has a theory, I believe, that if the earth were suddenly placed in extremely cold regions—for instance, were it to exchange places with Jupiter—all our seas and rivers would be suddenly transformed into solid mountains; the air (or rather a portion of the aeriform substances which compose it) would

Trả lời—Đúng vậy, cho đến nay; nhưng đang thay đổi nhanh chóng. Tôi tin rằng khoa học của bạn có một lý thuyết cho rằng nếu trái đất đột nhiên được đặt ở những vùng cực kỳ lạnh —ví dụ, nếu nó đổi chỗ cho Sao Mộc—tất cả các biển và sông của chúng ta sẽ đột nhiên biến thành những ngọn núi rắn chắc; không khí (hay đúng hơn là một phần của các chất dạng

be metamorphosed from their state of invisible fluid, owing to the absence of heat, into liquids (which now exist on Jupiter, but of which men have no idea on earth). Realize or try to imagine the reverse condition and it will be that of Jupiter at the present moment. The whole of our system is imperceptibly shifting its position in space, the relative distance between the planets remaining ever the same, and being in no wise affected by the displacement of the whole system; and the distance between the latter and the stars and other suns being so incommensurable as to produce but little, if any, perceptible change for centuries and millennia to come, no astronomer will perceive it *telescopically,* until Jupiter and some other planets whose little luminous points hide now from sight millions upon millions of stars (all but some 5,000 or 6,000), will suddenly let us have a peep at a few of the *Raja Suns* they are now hiding. There is such a King Star right behind Jupiter that no mortal physical eye has every seen during this our Round. Could it be so perceived, it would appear, through the best telescope with a power of multiplying its diameter 10,000 times, still a small dimension less point thrown into the shadow by the brightness of any planet; nevertheless, this world is thousands of times larger than Jupiter. The violent disturbances of its atmosphere and even its red spot that so interest science lately are due (1) to that shifting, (2) to the influence of that Raja Star. In its present position in space, imperceptibly small though it be, the metallic substances of which it is mainly composed are expanding and gradually transforming themselves into aeriform fluids—the state of our own earth and its six sister globes before the first Round—and becoming part of its atmosphere. Draw our own inferences and deductions from this, my dear "Lay Chela," but beware lest in doing so you sacrifice your humble instructor and

khí cấu thành nó) sẽ biến đổi từ trạng thái chất lỏng vô hình của chúng, do thiếu nhiệt, thành chất lỏng (hiện đang tồn tại trên Sao Mộc, nhưng con người không có ý niệm gì trên trái đất). Nhận ra hoặc cố gắng tưởng tượng điều kiện ngược lại và đó sẽ là điều kiện của Sao Mộc vào thời điểm hiện tại. Toàn bộ hệ thống của chúng ta đang dịch chuyển vị trí của nó trong không gian một cách không thể nhận thấy, khoảng cách tương đối giữa các hành tinh vẫn luôn như cũ và không bị ảnh hưởng bởi sự dịch chuyển của toàn bộ hệ thống; và khoảng cách giữa cái sau và các ngôi sao và các mặt trời khác là quá lớn đến mức chỉ tạo ra rất ít, nếu có, sự thay đổi đáng chú ý trong nhiều thế kỷ và thiên niên kỷ tới, không nhà thiên văn học nào sẽ nhận thấy nó bằng kính viễn vọng, cho đến khi Sao Mộc và một số hành tinh khác có những điểm phát sáng nhỏ che khuất hàng triệu triệu ngôi sao (tất cả trừ khoảng 5.000 hoặc 6.000), đột nhiên cho phép chúng ta liếc nhìn một vài Thái dương Tinh quân mà chúng hiện đang che giấu. Có một ngôi Sao Vua như vậy ngay sau Sao Mộc mà không một con mắt thể xác phàm trần nào từng nhìn thấy trong Cuộc Tuần Hoàn này của chúng ta. Nếu nó có thể được nhận thấy như vậy, nó sẽ xuất hiện, thông qua kính viễn vọng tốt nhất với khả năng nhân đường kính của nó lên 10.000 lần, vẫn là một điểm kích thước nhỏ hơn bị ném vào bóng tối bởi độ sáng của bất kỳ hành tinh nào; tuy nhiên, thế giới này lớn hơn Sao Mộc hàng ngàn lần. Những xáo trộn dữ dội của bầu khí quyển của nó và thậm chí cả vết đỏ của nó mà khoa học rất quan tâm gần đây là do (1) sự dịch chuyển đó, (2) ảnh hưởng của ngôi Sao Vua đó. Ở vị trí hiện tại của nó trong không gian, dù nhỏ đến mức không thể nhận thấy, các chất kim loại cấu thành chủ yếu của nó đang giãn nở và dần dần biến đổi thành chất lỏng dạng khí—trạng thái của chính trái đất của chúng ta và sáu bầu hành tinh chị em của nó trước Cuộc Tuần Hoàn đầu tiên—và trở thành một phần của bầu khí quyển của nó.

the occult doctrine itself, on the alter of your wrathful goddess, modern Science.

Hãy rút ra những suy luận và suy diễn của riêng bạn từ điều này, Tiểu đệ tử "tại gia" thân mến của tôi, nhưng hãy cẩn thận kẻo khi làm như vậy, bạn hy sinh người hướng dẫn khiêm tốn của bạn và chính giáo lý huyền bí, trên bàn thờ của nữ thần giận dữ của bạn, Khoa học hiện đại.

Question— Is there any truth in the new Siemens' theory of solar combination, i.e., that the Sun in its passage through space gathers in at its poles combustible gas (which is diffused through all space in a highly attenuated condition), and throws it off again at the equator, after the intense heat of that region has again dispersed the elements, which combustion temporarily united?

Câu hỏi— Có đúng sự thật trong lý thuyết kết hợp năng lượng mặt trời mới của Siemens, tức là Mặt Trời trong quá trình đi qua không gian thu thập ở các cực của nó khí dễ cháy (khí này khuếch tán khắp không gian trong một điều kiện suy yếu cao), và thải nó ra trở lại ở đường xích đạo, sau khi nhiệt độ dữ dội của khu vực đó đã phân tán lại các nguyên tố, sự đốt cháy tạm thời hợp nhất?

Answer—I am afraid not much, since our Sun is but a reflection. The only great truth uttered by Siemens is that interstellar space is filled with highly attenuated matter, such as may be put in air vacuum tubes, and which stretches from planet to planet and from star to star. But this truth has no bearing upon his main facts. The Sun gives *all* and takes back *nothing* from its system. The Sun gathers nothing "at the poles," which are always free even from the famous "red flames" at all times—not only during eclipses. How is it that with their powerful telescopes they have failed to perceive any such "gathering," since their glasses show them even "the superlatively fleecy clouds" on the photo-sphere? Nothing can reach the Sun from *without* the boundaries of its own system in the shape of such *gross* matter as attenuated gases. Every bit of matter in all its *seven* states is necessary to the vitality of the various and numberless systems—worlds in formation, suns awakening anew to life, etc,—and they have none to spare even for their best neighbours and next of kin. They are mothers, not step-mothers, and would not take away one crumb

Trả lời—Tôi e rằng không nhiều, vì Mặt Trời của chúng ta chỉ là một sự phản chiếu. Sự thật vĩ đại duy nhất được Siemens nói ra là không gian giữa các vì sao chứa đầy vật chất suy giảm cao, chẳng hạn như có thể đặt trong các ống chân không không khí, và trải dài từ hành tinh này sang hành tinh khác và từ ngôi sao này sang ngôi sao khác. Nhưng sự thật này không liên quan gì đến các sự kiện chính của Ông. Mặt Trời cho đi tất cả và không lấy lại gì từ hệ thống của nó. Mặt Trời không thu thập gì "ở các cực", vốn luôn không có ngay cả "ngọn lửa đỏ" nổi tiếng vào mọi thời điểm—không chỉ trong các lần nhật thực. Làm thế nào mà với kính viễn vọng mạnh mẽ của họ, họ đã không nhận thấy bất kỳ sự "thu thập" nào như vậy, vì kính của họ cho họ thấy ngay cả "những đám mây lông cừu siêu hạng" trên quang quyển? Không có gì có thể đến được Mặt Trời từ bên ngoài ranh giới của hệ thống riêng của nó dưới dạng vật chất thô như khí suy giảm. Mọi bit vật chất trong tất cả bảy trạng thái của nó là cần thiết cho sức sống của các hệ thống khác nhau và vô số—các thế giới đang hình thành, các mặt trời thức tỉnh trở lại với sự sống, v.v.—và chúng không có gì để dành ngay cả cho

from the nutrition of their children. The latest theory of radiant energy which shows that there is no such thing is nature, properly speaking, as chemical, light or heat ray, is the only approximately correct one. For, indeed, there is but one thing—radiant energy which is *inexhaustible,* and knows neither increase nor decrease, and will go on with its self-generating work to the end of the Solar Manvantara. The absorption of the solar forces by the earth is tremendous, yet it is or may be demonstrated that the latter receives hardly 25 per cent of the chemical power of its rays, for these are despoiled of 75 per cent during their vertical passage through the atmosphere, at the moment they reach the outer boundary of the "aerial ocean," and even these rays lose about 20 per cent in illuminating and caloric power, we are told. What with such a *waste* must then be the recuperative power of our Father-Mother Sun? Yes, call it radiant energy, if you will; we call it life, all-pervading omnipresent life, ever at work in its great laboratory—the Sun.

những người hàng xóm tốt nhất và người thân gần nhất của chúng. Các Ngài là những người mẹ, không phải mẹ kế, và sẽ không lấy đi một mẩu bánh mì nào từ dinh dưỡng của con cái Các Ngài. Lý thuyết mới nhất về năng lượng bức xạ cho thấy rằng không có thứ gì như vậy trong tự nhiên, nói đúng ra, như tia hóa học, ánh sáng hoặc nhiệt, là lý thuyết gần đúng duy nhất. Vì, thật vậy, chỉ có một thứ—năng lượng bức xạ là vô tận, và không biết tăng cũng không giảm, và sẽ tiếp tục công việc tự tạo ra của nó cho đến cuối Đại Giai Kỳ Sinh Hóa Thái Dương. Sự hấp thụ các lực thái dương của Trái Đất là rất lớn, nhưng nó là hoặc có thể được chứng minh rằng Trái Đất hầu như không nhận được 25% sức mạnh hóa học của các tia của nó, vì những tia này bị tước đoạt 75% trong quá trình đi qua thẳng đứng bầu khí quyển, tại thời điểm chúng đạt đến ranh giới bên ngoài của "đại dương trên không", và ngay cả những tia này cũng mất khoảng 20% sức mạnh chiếu sáng và nhiệt lượng, chúng ta được biết. Với sự lãng phí như vậy thì sức mạnh phục hồi của Mặt Trời Cha-Mẹ của chúng ta phải như thế nào? Vâng, hãy gọi nó là năng lượng bức xạ, nếu bạn muốn; chúng ta gọi nó là sự sống, sự sống hiện hữu khắp nơi, luôn hoạt động trong phòng thí nghiệm vĩ đại của nó—Mặt Trời.

Question— Could any clue be given to the causes of magnetic variations—the daily changes at given places, and the apparently capricious curvature of the isogonic lines which show equal declination? For example, why is there a region in Eastern Asia where the needle shows no variation from the true north, though variations are recorded all round that space? Have your Lordships anything to do with this peculiar condition of things?

Câu hỏi—Liệu có thể đưa ra bất kỳ manh mối nào về nguyên nhân của các biến thiên từ tính —những thay đổi hàng ngày ở những địa điểm nhất định và độ cong dường như thất thường của các đường đẳng hướng cho thấy độ lệch bằng nhau? Ví dụ, tại sao có một khu vực ở Đông Á nơi kim không hiển thị độ lệch so với hướng bắc thực, mặc dù các biến thiên được ghi lại xung quanh không gian đó? Các Ngài có liên quan gì đến tình trạng đặc biệt này không?

Answer—None can ever be given by your men of science, whose "bumptiousness" makes

Trả lời—Không ai có thể đưa ra bởi những người khoa học của bạn, những người có "tính

them declare that only to those for whom the word magnetism is a mysterious agent can the supposition that the Sun is a huge magnet account for the production by that body of light, heat and the causes of magnetic variations perceived on our earth. They are determined to ignore and thus reject the theory suggested to them by Jenkins of the R.A.S. of the existence of strong magnetic poles above the surface of the earth; but the theory is the correct one nevertheless, and one of these poles revolves round the North Pole is a periodical cycle of several hundred years. Halley and Handstein, besides Jenkins, were the only scientific men who ever suspected it. Your question is again answered by reminding you of another *exploded* suggestion. Jenkins did his best some three years ago to prove that it is the *north end* of the compass needle that is the true north pole and not the reverse, as the current scientific theory maintains. He was informed that the locality in Boothia, where Sir James Ross located the earth's north magnetic pole, was purely imaginary; *it is not there.* If he (and we) are wrong, then the magnetic theory that like poles repel and unlike attract must also be declared a fallacy; since if the north end of a dipping needle is *a south pole,* then its pointing to the ground in Boothia, as you call it, *must be due to attraction,* and if there is anything there to attract it, why is it that the needle in London is attracted neither to the ground in Boothia nor to the earth's centre? As very correctly argued, if the north pole of the needle pointed almost perpendicularly to the ground in Boothia, it is simply because repelled by the true north magnetic pole, when Sir James Ross was there about half a century ago.

tự phụ" khiến họ tuyên bố rằng chỉ đối với những người mà từ tính là một tác nhân bí ẩn thì giả định rằng Mặt Trời là một nam châm khổng lồ mới có thể giải thích cho sự sản xuất ánh sáng, nhiệt và nguyên nhân của các biến thiên từ tính được cảm nhận trên Trái Đất của chúng ta. Họ quyết tâm bỏ qua và do đó bác bỏ lý thuyết do Jenkins của R.A.S. đề xuất về sự tồn tại của các cực từ mạnh trên bề mặt Trái Đất; nhưng dù sao thì lý thuyết đó vẫn là chính xác, và một trong những cực này quay quanh Cực Bắc trong một chu kỳ định kỳ vài trăm năm. Halley và Handstein, bên cạnh Jenkins, là những nhà khoa học duy nhất từng nghi ngờ điều đó. Câu hỏi của bạn lại được trả lời bằng cách nhắc bạn về một gợi ý bị bác bỏ khác. Jenkins đã cố gắng hết sức cách đây khoảng ba năm để chứng minh rằng đầu phía bắc của kim la bàn là cực bắc thực sự chứ không phải ngược lại, như lý thuyết khoa học hiện tại duy trì. Bạn được thông báo rằng địa điểm ở Boothia, nơi Ngài James Ross định vị cực từ bắc của Trái Đất, hoàn toàn là tưởng tượng; nó không ở đó. Nếu Bạn (và chúng ta) sai, thì lý thuyết từ tính rằng các cực giống nhau đẩy nhau và các cực khác nhau hút nhau cũng phải được tuyên bố là một sai lầm; vì nếu đầu phía bắc của một kim nhúng là một cực nam, thì việc nó chỉ xuống đất ở Boothia, như bạn gọi, phải là do lực hút, và nếu có bất cứ thứ gì ở đó để hút nó, thì tại sao kim ở Luân Đôn không bị hút xuống đất ở Boothia cũng như về phía tâm Trái Đất? Như đã lập luận rất chính xác, nếu cực bắc của kim chỉ gần như vuông góc với mặt đất ở Boothia, thì đơn giản là vì bị cực từ bắc thực sự đẩy lùi, khi Ngài James Ross ở đó khoảng nửa thế kỷ trước.

No; our "Lordships" have nothing to do with the inertia of the needle. It is due to the presence of certain metals in fusion in that

Không; "các Đấng Chúa Tể" của chúng ta không liên quan gì đến quán tính của kim. Đó là do sự hiện diện của một số kim loại ở trạng

locality. Increase of temperature diminishes magnetic attraction, and a sufficiently high temperature destroys it altogether. The temperature I am speaking of is, in the present case, rather an aura, an emanation, than anything that science knows of. Of course this explanation will *never* hold water with the present knowledge of science. But we can wait and see. Study magnetism with the help of occult doctrines, and then that which now will appear incomprehensible, or *absurd* in the light of physical science will become all clear.

thái nóng chảy ở địa phương đó. Sự gia tăng nhiệt độ làm giảm lực hút từ tính và nhiệt độ đủ cao sẽ phá hủy nó hoàn toàn. Nhiệt độ mà tôi đang nói đến, trong trường hợp này, đúng hơn là một hào quang, một sự xuất lộ, hơn là bất cứ điều gì mà khoa học biết đến. Tất nhiên, lời giải thích này sẽ không bao giờ có giá trị với kiến thức khoa học hiện tại. Nhưng chúng ta có thể chờ xem. Nghiên cứu từ tính với sự trợ giúp của các học thuyết huyền bí, và sau đó những gì bây giờ sẽ có vẻ khó hiểu, hoặc vô lý dưới ánh sáng của khoa học vật lý sẽ trở nên hoàn toàn rõ ràng.

Question— Could any other planets besides those known to modern astronomy (I do not mean mere planetoids) be discovered by physical instruments if properly directed?

Câu hỏi—Liệu có bất kỳ hành tinh nào khác ngoài những hành tinh mà thiên văn học hiện đại biết đến (Tôi không có ý nói đến các hành tinh vi hình đơn thuần) có thể được khám phá bằng các công cụ vật lý nếu được hướng dẫn đúng cách không?

Answer—They must be. Not all of the intra-Mercurial planets, nor yet those in the orbit of Neptune are yet discovered, though they are strongly suspected. We know that such exist and *where* they exist, and that there are innumerable planets "burnt out," they say—in *obscuration*, we say—planets in formation and not yet luminous, and so forth. But then the "we know" is of little use to science when the spiritualists will not admit our knowledge. Edison's tasimeter, adjusted to its unmost degree of sensitiveness and attached to a large telescope, may be of great use when perfected. When so attached, the "tasimeter" will afford the possibility, not only to measure the heat of the remotest visible stars, but to detect by their invisible radiations stars that are unseen and otherwise undetectable, hence planets also. The discoverer [Edison became an honorary member of the T.S., and a letter of his exists in the Adyar records acknowledging his diploma of membership, which he promised to put in his "honour box" where he

Trả lời—Phải có chứ. Không phải tất cả các hành tinh bên trong Sao Thủy, cũng như những hành tinh trong quỹ đạo của Sao Hải Vương đều đã được khám phá, mặc dù chúng bị nghi ngờ mạnh mẽ. Chúng ta biết rằng những thứ như vậy tồn tại và nơi chúng tồn tại, và có vô số hành tinh "cháy hết", họ nói—trong bóng tối, chúng ta nói—các hành tinh đang hình thành và chưa phát sáng, v.v. Nhưng sau đó, "chúng ta biết" ít có ích cho khoa học khi các nhà duy linh không thừa nhận kiến thức của chúng ta. Tasimeter của Edison, được điều chỉnh đến mức độ nhạy cảm cao nhất và gắn vào một kính viễn vọng lớn, có thể rất hữu ích khi được hoàn thiện. Khi được gắn như vậy, "tasimeter" sẽ mang lại khả năng, không chỉ đo nhiệt của các ngôi sao có thể nhìn thấy xa nhất, mà còn phát hiện bằng bức xạ vô hình của chúng những ngôi sao không nhìn thấy và không thể phát hiện được bằng cách khác, do đó cũng có các hành tinh. Nhà khám phá [Edison đã trở thành thành viên danh dự của H.Đ.T.T., và một lá thư của

kept his really valued diplomas.] (an F.T.S., a good deal protected by M.) thinks that if at any point in a blank space of heaven—a space that appears blank even through a telescope of the highest power—the tasimeter indicates an accession of temperature and does so invariably, this will be a regular proof that the instrument is in range with a stellar body, either non-luminous or so distant as to be beyond the range of telescopic vision. This tasimeter, he says, "is affected by a wider range of etheric undulations than the eye can take cognizance of". Science will *hear sounds* from certain planets before she *sees* them. This is a prophecy. Unfortunately I am not a planet —not even a "Planetary," otherwise I would advise you to get a *tasimeter* from him, and thus avoid me the trouble of writing to you. I would manage then to find myself "in range" with you.

Bạn tồn tại trong hồ sơ Adyar thừa nhận bằng tốt nghiệp thành viên của Ông, mà Bạn hứa sẽ đặt trong "hộp danh dự" của Ông, nơi Bạn giữ những bằng tốt nghiệp thực sự có giá trị của mình.] (một F.T.S., được M. bảo vệ rất nhiều) nghĩ rằng nếu tại bất kỳ điểm nào trong một khoảng trống của bầu trời—một không gian có vẻ trống ngay cả qua một kính viễn vọng có công suất cao nhất—tasimeter cho thấy sự gia tăng nhiệt độ và luôn luôn như vậy, thì đây sẽ là một bằng chứng thường xuyên cho thấy công cụ này nằm trong phạm vi với một thiên thể, hoặc không phát sáng hoặc ở quá xa để nằm ngoài phạm vi tầm nhìn của kính viễn vọng. Bạn nói, tasimeter này "bị ảnh hưởng bởi một phạm vi rộng hơn các rung động dĩ thái so với mắt có thể nhận biết". Khoa học sẽ nghe thấy âm thanh từ một số hành tinh trước khi Bà nhìn thấy chúng. Đây là một lời tiên tri. Thật không may, tôi không phải là một hành tinh—thậm chí không phải là một "Hành Tinh", nếu không tôi sẽ khuyên bạn nên lấy một tasimeter từ Ông, và do đó tránh cho tôi khỏi rắc rối khi viết thư cho bạn. Sau đó, tôi sẽ cố gắng tìm thấy mình "trong phạm vi" với bạn.

Simple prudence misgives me at the thought of entering upon my new role as instructor. If M. satisfied you but little, I am afraid of giving you still less satisfaction, for there are a thousand things I will have to leave unrevealed by my vow of silence; I have far less time at my disposal than he has. However I will try my best. Let it not be said that I failed to recognize your present sincere desire to become useful to the Society, hence to humanity, for I am deeply alive to the fact that none better than yourself in India is calculated to disperse the mists of superstition and popular error, by throwing light on the darkest problems. But before I answer your questions and explain our doctrine any further, I shall have to preface my replies with

Sự thận trọng đơn giản khiến tôi lo lắng khi nghĩ đến việc bước vào vai trò mới của mình với tư cách là người hướng dẫn. Nếu Chân sư M. làm bạn hài lòng ít, tôi sợ sẽ mang đến cho bạn sự hài lòng ít hơn nữa, vì có hàng ngàn điều tôi sẽ phải giữ kín theo lời thề im lặng của mình; Tôi có ít thời gian hơn Ông. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng hết sức. Đừng nói rằng tôi đã không nhận ra mong muốn chân thành hiện tại của bạn là trở nên hữu ích cho Hội, do đó cho nhân loại, vì tôi hoàn toàn nhận thức được sự thật rằng không ai ở Ấn Độ giỏi hơn bạn trong việc xua tan màn sương mù của sự mê tín và sai lầm phổ biến, bằng cách làm sáng tỏ những vấn đề đen tối nhất. Nhưng trước khi tôi trả lời các câu hỏi của bạn và giải thích thêm về học thuyết của chúng ta, tôi sẽ phải

a long introduction.

mở đầu các câu trả lời của mình bằng một lời giới thiệu dài dòng.

First of all and again I will draw your attention to the tremendous difficulty of finding appropriate terms in English, which would convey to the educated European mind even an approximately correct notion about the various subjects we will have to treat upon. To illustrate my meaning, I will underline in red the technical words adopted and used by your men of science, and which withal are absolutely misleading, not only when applied to such transcendental subjects as on hand, but even when used by themselves in their own system of thought. To comprehend my answers you will have first of all to view the eternal *Essence*, the Svabhavat, not as a compound element you will call spirit-matter, but as this one element for which the English has no name. It is both passive and active, pure *spirit Essence* in its absoluteness and repose, pure matter in its finite and conditioned state, even as an imponderable gas, or that great unknown which science has pleased to call *force*. When poets talk of the shoreless ocean of immutability, we must regard the term as but a jocular paradox, since we maintain that there is no such thing as immutability, in our solar system as least.

Trước hết và một lần nữa tôi sẽ thu hút sự chú ý của bạn đến sự khó khăn to lớn trong việc tìm kiếm các thuật ngữ thích hợp trong tiếng Anh, để truyền đạt cho tâm trí người châu Âu có học thức ngay cả một khái niệm gần đúng về các chủ đề khác nhau mà chúng ta sẽ phải đề cập đến. Để minh họa ý của tôi, tôi sẽ gạch dưới màu đỏ các từ chuyên môn được những người khoa học của bạn chấp nhận và sử dụng, và đồng thời hoàn toàn gây hiểu lầm, không chỉ khi áp dụng cho các chủ đề siêu việt như đang có, mà ngay cả khi tự họ sử dụng trong hệ thống tư tưởng của riêng họ. Để hiểu các câu trả lời của tôi, trước hết bạn sẽ phải xem Bản chất vĩnh cửu, Svabhavat, không phải là một yếu tố phức tạp mà bạn sẽ gọi là tinh thần-vật chất, mà là yếu tố duy nhất này mà tiếng Anh không có tên. Nó vừa thụ động vừa chủ động, Bản chất tinh thần thuần khiết trong tính tuyệt đối và sự tĩnh lặng của nó, vật chất thuần khiết trong trạng thái hữu hạn và có điều kiện của nó, thậm chí như một chất khí không trọng lượng, hoặc cái chưa biết vĩ đại mà khoa học đã hài lòng gọi là lực. Khi các nhà thơ nói về đại dương vô bờ bến của tính bất biến, chúng ta phải coi thuật ngữ này chỉ là một nghịch lý hài hước, vì chúng ta duy trì rằng không có thứ gì như tính bất biến, ít nhất là trong hệ mặt trời của chúng ta.

Immutability, say the theists and Christians, is an attribute of God, and forthwith they endow that God with every mutable and variable quality and attribute knowable as unknowable, and believe they have solved the unsolvable and squared the circle. To this we reply, if *that* which the theists call God, and science "Force and Potential energy," were to become immutable but for an instant, even during the Maha Pralaya—a period when even Brahm the architect of the world is said to

Tính bất biến, những người theo thuyết hữu thần và Cơ đốc giáo nói, là một thuộc tính của Thượng đế, và ngay lập tức họ ban cho Thượng đế đó mọi phẩm chất và thuộc tính có thể thay đổi và biến đổi có thể biết được là không thể biết được, và tin rằng họ đã giải quyết được điều không thể giải quyết và biến hình vuông thành hình tròn. Chúng ta trả lời điều này, nếu cái mà những người theo thuyết hữu thần gọi là Thượng đế, và khoa học gọi là "Năng lượng Lực và Tiềm năng", trở nên bất biến dù chỉ

have emerged into non being—then there could be no Manvantara, and space alone would reign unconscious and supreme in the eternity of Time. Nevertheless, theism when speaking of mutable immutability is no more absurd than materialistic science talking of "latent potential energy" and the "indestructibility of matter and force". What are we to believe is indestructible? Is it the invisible something that moves matter, or the energy of moving bodies? What does modern science know of *force* proper, or say forces, the cause of causes of motion? How can there be such a thing as "*potential energy*," *i.e.*, an energy having latent *inactive power,* since it is energy *only while it is moving matter*, and that if it ever ceased to move matter it would cease to be, and with it matter itself would disappear? Is force any happier term? Some thirty-five years back a Dr. Mayer offered the hypothesis, now accepted as an axiom, that force, in the sense given it by modern science, like matter, is *indestructible*, namely, when it ceases to be manifested in one form it still exists, and has only *passed into some other form.* As yet your men of science have not found a single instance, where one form is translated into another, and Mr. Tyndall tells his opponents that in no case is the force producing the motion annihilated or changed into anything else.

trong một khoảnh khắc, ngay cả trong Đại Giai Kỳ Qui Nguyên—một khoảng thời gian mà ngay cả Brahm, kiến trúc sư của thế giới, được cho là đã nổi lên thành không tồn tại—thì sẽ không thể có Giai Kỳ Sinh Hóa, và chỉ có không gian sẽ ngự trị vô thức và tối cao trong sự vĩnh cửu của Thời Gian. Tuy nhiên, thuyết hữu thần khi nói về tính bất biến có thể thay đổi không vô lý hơn khoa học duy vật nói về "năng lượng tiềm ẩn" và "tính không thể phá hủy của vật chất và lực". Chúng ta phải tin điều gì là không thể phá hủy? Có phải là một thứ vô hình nào đó di chuyển vật chất, hay năng lượng của các vật thể chuyển động? Khoa học hiện đại biết gì về lực thích hợp, hay nói là các lực, nguyên nhân của các nguyên nhân của chuyển động? Làm thế nào có thể có một thứ như "năng lượng tiềm năng", tức là một năng lượng có sức mạnh không hoạt động tiềm ẩn, vì nó chỉ là năng lượng khi nó di chuyển vật chất, và nếu nó ngừng di chuyển vật chất thì nó sẽ ngừng tồn tại, và cùng với nó bản thân vật chất sẽ biến mất? Lực có phải là một thuật ngữ hạnh phúc hơn không? Khoảng ba mươi lăm năm trước, một Tiến sĩ Mayer đã đưa ra giả thuyết, hiện được chấp nhận như một tiên đề, rằng lực, theo nghĩa mà khoa học hiện đại đưa ra, giống như vật chất, là không thể phá hủy, cụ thể là, khi nó ngừng được biểu hiện ở một dạng, nó vẫn tồn tại và chỉ chuyển sang một dạng khác. Cho đến nay, những người khoa học của bạn vẫn chưa tìm thấy một trường hợp duy nhất nào, trong đó một dạng được chuyển thành một dạng khác, và Bạn Tyndall nói với các đối thủ của Bạn rằng trong mọi trường hợp, lực tạo ra chuyển động không bị tiêu diệt hoặc thay đổi thành bất cứ thứ gì khác.

Moreover we are indebted to modern science for the novel of discovery that there exists a quantitative relation between the dynamic energy producing something and the something produced. Undoubtedly there exists a quantitative relation between cause

Hơn nữa, chúng ta mang ơn khoa học hiện đại vì sự mới lạ của khám phá rằng có một mối quan hệ định lượng giữa năng lượng động tạo ra một thứ gì đó và thứ gì đó được tạo ra. Chắc chắn có một mối quan hệ định lượng giữa nguyên nhân và kết quả, giữa lượng năng

and effect, between the amount of energy used in breaking one's neighbour's nose, and the damage done to that nose, but this does not solve one bit more the mystery of what they are pleased to call correlations, since it can be easily proved, and that on the authority of that same science, that neither motion nor energy is indestructible, and that the physical forces are in no way or manner convertible one into another. I will cross-examine them in their own phraseology, and we will see whether their theories are calculated to serve as a barrier to our "astounding doctrines".

lượng được sử dụng để bẻ gãy mũi của người hàng xóm và thiệt hại gây ra cho chiếc mũi đó, nhưng điều này không giải quyết thêm một chút nào về bí ẩn của những gì họ hài lòng gọi là mối tương quan, vì có thể dễ dàng chứng minh, và điều đó dựa trên thẩm quyền của chính khoa học đó, rằng cả chuyển động lẫn năng lượng đều không thể phá hủy, và rằng các lực vật lý không có cách nào hoặc cách thức nào có thể chuyển đổi lẫn nhau. Tôi sẽ tra hỏi họ bằng ngôn ngữ riêng của họ, và chúng ta sẽ xem liệu các lý thuyết của họ có được tính toán để phục vụ như một rào cản đối với "các học thuyết đáng kinh ngạc" của chúng ta hay không.

Preparing as I do to propound a teaching diametrically opposed to their own, it is but just that I should clear the ground of scientific rubbish, lest what I have to say should fall on too encumbered soil and only bring forth weeds. "This potential and imaginary *materia prima* cannot exist without form," says Raleigh, and he is right, in so far that the *materia prima* of science exists but in their imagination. Can they say that the same quantity of energy has always been moving the matter of the universe? Certainly not, so long as they teach that when the elements of the material cosmos, elements which had first to manifest themselves in their uncombined gaseous state, were uniting, the quantity of matter-moving energy was a million times greater than it is now *when our globe is cooling off.* For where did the heat that was generated by this tremendous process of building up a universe go to? To the unoccupied chambers of space, they say. Very well, but if it is gone for ever from the *material universe,* and the energy operative on earth has never and at no time been the same, then how can they try to maintain the unchangeable quality of energy, "that potential energy which a body may sometimes exert, the *force* which passes from

Khi tôi chuẩn bị đề xuất một giáo lý hoàn toàn trái ngược với giáo lý của họ, thì việc dọn sạch những thứ rác rưởi khoa học là điều công bằng, kẻo những gì tôi phải nói sẽ rơi vào một mảnh đất quá cằn cỗi và chỉ sinh ra cỏ dại. Raleigh nói: "Vật chất nguyên thủy tiềm năng và tưởng tượng này không thể tồn tại nếu không có hình tướng", và Bạn ấy nói đúng, ở chỗ materia prima của khoa học chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của họ. Liệu họ có thể nói rằng cùng một lượng năng lượng luôn di chuyển vật chất của vũ trụ không? Chắc chắn là không, chừng nào họ còn dạy rằng khi các nguyên tố của vũ trụ vật chất, những nguyên tố đầu tiên phải biểu hiện ở trạng thái khí chưa kết hợp của chúng, đang kết hợp, thì lượng năng lượng di chuyển vật chất lớn hơn hàng triệu lần so với bây giờ khi địa cầu của chúng ta đang nguội đi. Vì nhiệt lượng được tạo ra bởi quá trình xây dựng vũ trụ to lớn này đã đi đâu? Họ nói là đến những căn phòng trống trải của không gian. Rất tốt, nhưng nếu nó đã biến mất vĩnh viễn khỏi vũ trụ vật chất, và năng lượng hoạt động trên trái đất chưa bao giờ và không bao giờ giống nhau, thì làm sao họ có thể cố gắng duy trì phẩm chất bất biến của năng lượng, "năng lượng tiềm năng mà một vật thể đôi khi có thể tác dụng, lực truyền từ vật thể

one body to another producing motion, and which is not yet annihilated or changed into anything else". "Aye," we are answered, "but we still hold to its indestructibility; while it remains *connected with matter*, it can never cease to be, or less or more." Let me see whether it is so. I throw a brick up to a mason, who is busy building the roof of a temple. He catches it and cements it in the roof. Gravity overcame the propelling energy which started the upward motion of the brick, and the dynamic energy of the ascending brick, until it *ceased to ascend.* At that moment it was caught and fastened to the roof. No natural force can now move it, therefore it possesses no longer potential energy. The motion and dynamite energy of the ascending brick are absolutely *annihilated.*

này sang vật thể khác tạo ra chuyển động, và vẫn chưa bị tiêu diệt hoặc biến đổi thành bất cứ thứ gì khác". "Vâng," chúng ta được trả lời, "nhưng chúng ta vẫn giữ vững tính bất khả hủy diệt của nó; chừng nào nó còn liên kết với vật chất, nó sẽ không bao giờ ngừng tồn tại, hoặc ít hơn hoặc nhiều hơn". Để tôi xem liệu có phải như vậy không. Tôi ném một viên gạch lên cho một người thợ xây, người đang bận rộn xây dựng mái của một ngôi đền. Y bắt lấy nó và trát xi măng vào mái nhà. Trọng lực đã khắc phục năng lượng đẩy vốn khởi đầu chuyển động đi lên của viên gạch, và năng lượng động của viên gạch đang lên, cho đến khi nó ngừng lên. Vào thời điểm đó, nó đã bị bắt và gắn vào mái nhà. Không có lực tự nhiên nào có thể di chuyển nó bây giờ, do đó nó không còn sở hữu năng lượng tiềm năng nữa. Chuyển động và năng lượng thuốc nổ của viên gạch đang lên đã hoàn toàn bị tiêu diệt.

Another example from their own text book: you fire a gun upwards from the foot of a hill, and the ball lodges in a crevice of the rock *on* that hill. No natural force can, for an indefinite period, move it, so the ball as much as the brick has lost its potential energy. "All the motion and energy which was taken from the ascending ball by gravity is absolutely annihilated, no other motion or energy succeeds, and gravity has received no increase of energy." It is not true then that energy is indestructible. How then is it that your great authority teaches the world that "in no case is the force producing the motion annihilated or changed into anything else".

Một ví dụ khác từ sách giáo khoa của chính họ: bạn bắn một khẩu súng lên trên từ chân đồi, và viên đạn mắc vào một kẽ hở của tảng đá trên ngọn đồi đó. Không có lực tự nhiên nào có thể di chuyển nó trong một khoảng thời gian không xác định, vì vậy viên đạn cũng như viên gạch đã mất năng lượng tiềm năng của nó. "Tất cả chuyển động và năng lượng mà trọng lực lấy đi từ viên đạn đang lên đều hoàn toàn bị tiêu diệt, không có chuyển động hoặc năng lượng nào khác kế tục, và trọng lực không nhận được thêm năng lượng." Vậy thì không đúng khi nói rằng năng lượng là bất khả hủy diệt. Vậy thì làm sao mà nhà chức trách vĩ đại của bạn lại dạy cho thế giới rằng "trong mọi trường hợp, lực tạo ra chuyển động không bị tiêu diệt hoặc biến đổi thành bất cứ thứ gì khác".

I am perfectly aware of your answer and give you this illustration but to show how misleading are the terms used by scientists, how vacillating and uncertain their theories,

Tôi hoàn toàn nhận thức được câu trả lời của bạn và đưa ra ví dụ này cho bạn chỉ để cho thấy những thuật ngữ mà các nhà khoa học sử dụng gây hiểu lầm như thế nào, các lý thuyết của họ

and finally how incomplete all their teachings. One more objection and I have done. They teach that all the physical forces, rejocning in specific names, such as gravity, inertia, cohesion, light, heat, electricity, magnetism, chemical affinity are convertible one into another. If so, the force producing must cease to be as the force produced becomes manifest. A flying cannon ball moves only from its own inherited force of inertia. When it strikes, it produces heat and other effects, but its force of inertia is not the least diminished. It will require as much energy to start it again at the same velocity as it did at first. We may repeat the process a thousand times, and as long as the quantity of matter remains the same, its force of inertia will remain the same in quantity. The same in the case of gravity. A meteor falls and produces heat. Gravity is to be held to account for this, but the force of gravity upon the fallen body is not diminished.

dao động và không chắc chắn như thế nào, và cuối cùng là tất cả những lời dạy của họ không đầy đủ như thế nào. Thêm một phản đối nữa và tôi đã hoàn thành. Họ dạy rằng tất cả các lực vật lý, được đặt những cái tên cụ thể, chẳng hạn như trọng lực, quán tính, lực gắn kết, ánh sáng, nhiệt, điện, từ tính, ái lực hóa học đều có thể chuyển đổi lẫn nhau. Nếu vậy, lực tạo ra phải ngừng tồn tại khi lực được tạo ra trở nên hữu hình. Một viên đạn pháo đang bay chỉ di chuyển từ lực quán tính vốn có của nó. Khi nó va chạm, nó tạo ra nhiệt và các hiệu ứng khác, nhưng lực quán tính của nó không hề giảm bớt. Sẽ cần nhiều năng lượng để khởi động lại nó ở cùng vận tốc như ban đầu. Chúng ta có thể lặp lại quá trình này hàng nghìn lần, và chừng nào lượng vật chất vẫn giữ nguyên, thì lực quán tính của nó sẽ vẫn giữ nguyên về số lượng. Tương tự trong trường hợp trọng lực. Một thiên thạch rơi xuống và tạo ra nhiệt. Trọng lực phải chịu trách nhiệm cho điều này, nhưng lực hấp dẫn lên vật thể đã rơi xuống không hề giảm bớt.

Chemical attraction draws and holds the particles of matter together, their cohesion producing heat. Has the former passed into the latter? Not in the least, since the drawing the particles again together, whenever these are separated, proves that it, the chemical affinity, is *not* decreased, for it will hold them as strongly as ever together. Heat, they say, generates and produces electricity, yet they find no decrease in the heat in the process.. Electricity produces heat, we are told. Electrometers show that the electrical current passes through some poor conductor, a platinum wire say, and heats the latter. Precisely the same quantity of electricity, *no decrease*; what then has been converted into heat?

Sức hút hóa học hút và giữ các hạt vật chất lại với nhau, lực gắn kết của chúng tạo ra nhiệt. Cái trước có chuyển thành cái sau không? Không hề, vì việc kéo các hạt lại với nhau một lần nữa, bất cứ khi nào chúng bị tách ra, chứng tỏ rằng nó, ái lực hóa học, không hề giảm đi, vì nó sẽ giữ chúng lại mạnh mẽ như mọi khi. Họ nói rằng nhiệt tạo ra và sản sinh ra điện, nhưng họ không thấy sự suy giảm nhiệt trong quá trình này. Điện tạo ra nhiệt, chúng ta được biết. Các điện kế cho thấy dòng điện đi qua một chất dẫn điện kém, chẳng hạn như dây bạch kim, và làm nóng chất dẫn điện đó. Hoàn toàn cùng một lượng điện, không giảm; vậy thì cái gì đã được chuyển hóa thành nhiệt?

Again electricity is said to produce magnetism. I have on the table before me

Một lần nữa, người ta nói rằng điện tạo ra từ tính. Tôi có trên bàn trước mặt những chiếc

primitive electrometers, in whose vicinity Chelas come the whole day to recuperate their nascent powers. I do not find the slightest decrease in the electricity stored. The Chelas are magnetized, but their magnetism, or rather that of *their rods*, is not *that* electricity under a new mask? No more than a flame of a thousand tapers lit at the flame of the one lamp is the flame of the latter. Therefore, if by the uncertain twilight of modern science it is an axiomatic truth that during vital processes the *conversion* only, and never the creation of matter or force, *occurs*, (Dr. J. R. Mayer's organic motion in its connection with nutrition) it is for us but half a truth. It is neither conversion nor creation, but something for which science has yet no name.

điện kế nguyên thủy, nơi các đệ tử đến cả ngày để phục hồi sức mạnh mới chớm nở của họ. Tôi không thấy sự suy giảm nhỏ nhất nào trong lượng điện được lưu trữ. Các đệ tử được từ hóa, nhưng từ tính của họ, hay đúng hơn là từ tính của các cây gậy của họ, không phải là điện đó dưới một lớp vỏ mới sao? Không hơn gì ngọn lửa của hàng nghìn ngọn nến được thắp lên từ ngọn lửa của một chiếc đèn là ngọn lửa của chiếc đèn đó. Do đó, nếu theo ánh sáng lờ mờ không chắc chắn của khoa học hiện đại, đó là một chân lý tiên đề rằng trong các quá trình quan trọng, chỉ xảy ra sự chuyển đổi, chứ không bao giờ xảy ra sự tạo ra vật chất hoặc lực, (chuyển động hữu cơ của Tiến sĩ J. R. Mayer liên quan đến dinh dưỡng) thì đối với chúng ta, đó chỉ là một nửa sự thật. Đó không phải là chuyển đổi cũng không phải là sáng tạo, mà là một cái gì đó mà khoa học vẫn chưa có tên.

Perhaps now you will be prepared to better understand the difficulties with which we have to contend. Modern science is our best ally, yet it is generally that same science which is made the weapon to break our heads with. However, you will have to bear in mind:

Có lẽ bây giờ bạn sẽ chuẩn bị tốt hơn để hiểu những khó khăn mà chúng ta phải đối mặt. Khoa học hiện đại là đồng minh tốt nhất của chúng ta, nhưng thường thì chính khoa học đó lại được dùng làm vũ khí để đập vào đầu chúng ta. Tuy nhiên, bạn sẽ phải ghi nhớ:

(a) That we recognize but one element in nature (whether spiritual or physical) outside which there can be no *nature*, since it is *nature* itself (not in the sense of *natus*, "born," but Nature as the sum total of every thing visible and invisible, of forms and minds, the aggregate of the known and unknown causes and effects, the universe in short, infinite and uncreated and endless as it is without a beginning), and which as the Akasa pervades our Solar System, every atom being part of itself, pervades throughout *space* and is *space* in fact, which pulsates as in profound sleep during the Pralayas, and is the universal Proteus, the ever active *nature* during the Manvantara;

(a) Rằng chúng ta chỉ nhận ra một nguyên tố trong tự nhiên (dù là tinh thần hay vật chất) bên ngoài đó không thể có tự nhiên, vì nó là chính tự nhiên (không theo nghĩa natus, "sinh ra", mà là Tự Nhiên như tổng thể của mọi thứ hữu hình và vô hình, của các hình tướng và thể trí, tập hợp các nguyên nhân và kết quả đã biết và chưa biết, tóm lại là vũ trụ, vô hạn và không được tạo ra và vô tận vì nó không có khởi đầu), và Akasa thấm nhuần Hệ Mặt Trời của chúng ta, mọi nguyên tử đều là một phần của chính nó, thấm nhuần khắp không gian và thực tế là không gian, rung động như trong giấc ngủ sâu trong các Giai kỳ qui nguyên, và là Proteus phổ quát, bản chất luôn hoạt động trong Giai kỳ sinh hóa;

(b) That consequently spirit and matter are *one*, being but a differentiation of states, not *essences*, and that the Greek philosopher who maintained that the universe was a large animal, penetrated the symbolical significance of the Pythagorean monad (which becomes two, then three,Δ, and finally having become the Tetraktys or the perfect square, thus evolving out of itself four and involving three Δ forms the sacred seven [the triangle Δ within a box], and thus was far in advance of all the scientific men of the present time;

(b) Do đó, tinh thần và vật chất là một, chỉ là sự khác biệt về trạng thái, không phải bản chất, và nhà triết học Hy Lạp, người cho rằng vũ trụ là một con vật lớn, đã thấu hiểu ý nghĩa tượng trưng của đơn tử Pythagore (trở thành hai, sau đó là ba, Δ, và cuối cùng trở thành Tetraktys hay hình vuông hoàn hảo, do đó tự phát triển ra bốn và bao gồm ba hình thức Δ tạo thành con số bảy thiêng liêng [hình tam giác Δ bên trong một chiếc hộp], và do đó đã vượt xa tất cả các nhà khoa học thời nay;

(c) That our notions of cosmic matter are diametrically opposed to those of Western science. Perchance if you remember all this, we will succeed in imparting to you at least the elementary axioms of our esoteric philosophy more correctly than heretofore.

(c) Rằng các khái niệm của chúng ta về vật chất vũ trụ hoàn toàn trái ngược với các khái niệm của khoa học phương Tây. Có lẽ nếu bạn nhớ tất cả những điều này, chúng ta sẽ thành công trong việc truyền đạt cho bạn ít nhất là các tiên đề cơ bản của triết học huyền bí của chúng ta một cách chính xác hơn trước đây.

Fear not, my kind brother, your life is not ebbing away and it will not be extinct before you have completed your mission. I can say *no more*, except that the Chohan has permitted me to devote my spare time to instruct those who are willing to learn, and you will have work enough "to drop" your *Fragments* at intervals of two or three months.

Đừng sợ, huynh đệ tốt bụng của tôi, cuộc sống của bạn không cạn kiệt và nó sẽ không bị dập tắt trước khi bạn hoàn thành sứ mệnh của mình. Tôi không thể nói gì hơn, ngoại trừ việc Chohan đã cho phép tôi dành thời gian rảnh rỗi để hướng dẫn những người sẵn sàng học hỏi, và bạn sẽ có đủ việc để "thả" các Mảnh Vỡ của mình sau mỗi hai hoặc ba tháng.

My time is *very limited*, yet I will do what I can. But I can promise nothing beyond this. I will have to remain silent as to the Dhyan-Chohans, nor can I impart to you the secrets concerning the men of the seventh Round. The recognition of the higher phases of man's being on this planet is not to be attained by the mere acquirement of knowledge. Volumes of the most perfectly constructed information cannot reveal to man life in the higher regions. One has to get a knowledge of spiritual facts by personal experience and from actual observation, for as Tyndall puts it, "facts

Thời gian của tôi rất hạn chế, nhưng tôi sẽ làm những gì có thể. Nhưng tôi không thể hứa gì hơn thế này. Tôi sẽ phải im lặng về các Dhyan-Chohan, tôi cũng không thể truyền đạt cho bạn những bí mật liên quan đến những người đàn Bạn của Cuộc Tuần Hoàn thứ bảy. Việc nhận biết các giai đoạn cao hơn trong sự tồn tại của con người trên hành tinh này không thể đạt được chỉ bằng việc thu thập kiến thức. Vô số thông tin được cấu trúc hoàn hảo nhất cũng không thể tiết lộ cho con người cuộc sống ở các cõi cao hơn. Người ta phải có được kiến thức về các sự kiện tinh thần bằng kinh

looked directly at are vital, when they pass into words half their sap is taken out of them". And because you recognise this great principle of personal observation, and are not slow to put into practice what you have acquired in the way of useful information, is perhaps the reason why the hitherto implacable Chohan, my Master, has finally permitted me to devote to a certain extent a portion of my time to the progress of the *Eclectic*. [The Simla Eclectic Theosophical Society, the local branch of the T.S. at Simla. Mr. Hume was its first President.] But I am but one and you are many, and none of my fellow brothers with the exception of M. will help me in this work, not even our semi-European Greek Brother [The Master Hilarion.] who but a few days back remarked that when "every one of the Eclectics on the hill [i.e., Simla.] will have become a heretic then he will see what he can do for them". And as you are aware there is very little hope for this.

nghiệm cá nhân và từ quan sát thực tế, vì như Tyndall đã nói, "những sự kiện được nhìn trực tiếp là rất quan trọng, khi chúng chuyển thành lời nói thì một nửa nhựa sống của chúng bị lấy ra". Và có lẽ vì bạn nhận ra nguyên tắc quan trọng về quan sát cá nhân này, và không chậm trễ trong việc đưa vào thực tế những gì bạn đã thu được theo cách thông tin hữu ích, là lý do tại sao Chohan không khoan nhượng từ trước đến nay, Chân sư của tôi, cuối cùng đã cho phép tôi dành một phần thời gian của mình cho sự tiến bộ của Eclectic. [Hội Thông Thiên Học Eclectic Simla, chi nhánh địa phương của T.S. tại Simla. Bạn Hume là Chủ tịch đầu tiên của nó.] Nhưng tôi chỉ là một và bạn là nhiều, và không ai trong số các huynh đệ của tôi ngoại trừ Chân sư M. sẽ giúp tôi trong công việc này, thậm chí không phải là Huynh Đệ Hy Lạp bán Âu của chúng ta [Chân sư Hilarion.] người mà chỉ vài ngày trước đã nhận xét rằng khi "mỗi người trong số những người Eclectic trên đồi [tức là Simla.] sẽ trở thành một kẻ dị giáo thì Ngài sẽ xem Ngài có thể làm gì cho họ". Và như bạn đã biết, có rất ít hy vọng cho điều này.

Men seek often knowledge until they weary themselves to death, but even they do not feel very impatient to help their neighbour with their knowledge; hence there arises a coldness, a mutual indifference, which renders him who *knows* inconsistent with himself and inharmonious with his surroundings. Viewed from our standpoint, the evil is far greater on the spiritual than on the material side of man; hence my sincere thanks to you and desire to urge your attention to such a course as shall aid a true progression and achieve wider results by turning your knowledge into a permanent teaching in the form of articles and pamphlets.

Người ta thường tìm kiếm kiến thức cho đến khi họ mệt mỏi đến chết, nhưng ngay cả họ cũng không cảm thấy quá sốt sắng giúp đỡ người lân cận bằng kiến thức của mình; do đó nảy sinh sự lạnh nhạt, sự thờ ơ lẫn nhau, khiến người biết trở nên mâu thuẫn với chính mình và không hòa hợp với môi trường xung quanh. Nhìn từ quan điểm của chúng ta, cái ác còn lớn hơn nhiều về mặt tinh thần so với mặt vật chất của con người; do đó tôi chân thành cảm ơn bạn và mong muốn thúc giục bạn chú ý đến một lộ trình sẽ hỗ trợ sự tiến bộ thực sự và đạt được kết quả rộng lớn hơn bằng cách biến kiến thức của bạn thành một giáo lý lâu dài dưới hình thức các bài báo và tài liệu quảng cáo.

But for the attainment of your proposed

Nhưng để đạt được mục tiêu đã đề xuất của

object, *viz.*, for a clearer comprehension of the extremely abstruse and at first incomprehensible theories of our occult doctrine, never allow the serenity of your mind to be disturbed during you hours of literary labour, nor before you set to work. It is upon the serene and placid surface of the unruffled mind that the visions gathered from the invisible find a representation in the visible world; otherwise you would vainly seek those visions, those flashes of sudden light which already helped to solve so many of the minor problems, and which alone can bring the truth before the eye of the soul. It is with jealous care we have to guard our mind-plane from all the adverse influences which daily arise in our passage through earth life. Many are the questions you asked me in you several letters, I can answer but few.

bạn, cụ thể là để hiểu rõ hơn về các lý thuyết cực kỳ khó hiểu và ban đầu khó hiểu về giáo lý huyền bí của chúng ta, đừng bao giờ để sự thanh thản trong thể trí của bạn bị xáo trộn trong những giờ lao động văn chương của bạn, hoặc trước khi bạn bắt tay vào công việc. Chính trên bề mặt thanh thản và phẳng lặng của thể trí không gợn sóng mà những tầm nhìn thu thập được từ thế giới vô hình tìm thấy sự thể hiện trong thế giới hữu hình; nếu không, bạn sẽ vô ích tìm kiếm những tầm nhìn đó, những tia sáng đột ngột đó vốn đã giúp giải quyết rất nhiều vấn đề nhỏ, và chỉ có thể mang lại sự thật trước mắt linh hồn. Chúng ta phải cẩn trọng bảo vệ cõi trí của mình khỏi mọi ảnh hưởng bất lợi phát sinh hàng ngày trong hành trình của chúng ta qua cuộc sống trần thế. Có rất nhiều câu hỏi bạn đã hỏi tôi trong nhiều lá thư của bạn, tôi chỉ có thể trả lời một vài câu.

SECTION VI—PHẦN VI

Ethics and Philosophy—Đạo đức và Triết học

"Thou shalt not eat of the fruit of knowledge of good and evil of the tree that is growing for thy heirs," we may say with more right than would be willingly conceded us by the Humes of your sub-race. This "tree" is in our safekeeping, entrusted to us by the Dhyan Chohans, the protectors of our race, and the trustees for those that are coming. Try to understand the allegory, and never lose sight of the hint given you in my letter upon the Planetaries. At the beginning of each Round, when humanity reappears under quite different conditions than those afforded for the birth of each new race and its sub-races, a "Planetary" has to mix with these primitive men, and to refresh their memories and to

"Ngươi không được ăn trái tri thức về thiện và ác của cây đang mọc cho những người thừa kế của ngươi," chúng ta có thể nói đúng hơn là những người Hume thuộc chủng tộc phụ của bạn sẵn sàng nhượng bộ chúng ta. "Cây" này nằm trong sự bảo vệ an toàn của chúng ta, được các Dhyan Chohan giao phó cho chúng ta, những người bảo vệ chủng tộc của chúng ta và những người được ủy thác cho những người đang đến. Cố gắng hiểu phép ẩn dụ, và đừng bao giờ quên gợi ý đã cho bạn trong lá thư của tôi về các Hành Tinh Thượng đế. Vào đầu mỗi Cuộc Tuần Hoàn, khi nhân loại xuất hiện trở lại trong những điều kiện hoàn toàn khác với những điều kiện dành cho sự ra đời của mỗi chủng tộc mới và các chủng tộc

reveal to them the truths they knew during the preceding Round. Hence the confused traditions about Jehovah, Ormuzd, Osiris, Brahm and *tutti quanti*. But that happens only for the benefit of the *first* Race. It is the duty of the latter to choose the fit recipients among its sons, who are "set apart" to use a Biblical phrase, as the vessel to contain the whole stock of knowledge to be divided among the future races and generations until the close of that Round. Why should I say more, since you *must* understand my whole meaning, and that I *dare* not reveal it in full. Every race has its Adepts; so with every new race we are allowed to give them out as much of our knowledge as the men of that race deserve. The seventh Race, the last, will have its Buddha as every one of its predecessors had; but its Adepts will be far higher than any of the present race, for among them will abide the future Planetary, the Dhyan Chohan whose duty it will be to instruct or refresh the memory of the first race of the fifth Round men, after this planet's future obscuration. Closely allied to this question would be another often put: "What is the good of the whole cyclic process, if spirit only emerges at the end of all things pure and impersonal, as it was at first before its descent into matter?" My answer is that I am not at present engaged in excusing, but in investigating the operations of Nature, and that perhaps there may be a better answer available.

phụ của nó, một "Hành Tinh Thượng đế" phải hòa nhập với những người nguyên thủy này, và làm mới ký ức của họ và tiết lộ cho họ những sự thật mà họ đã biết trong Cuộc Tuần Hoàn trước đó. Do đó có những truyền thống lẫn lộn về Jehovah, Ormuzd, Osiris, Brahm và tutti quanti. Nhưng điều đó chỉ xảy ra vì lợi ích của Chủng Tộc đầu tiên. Bổn phận của chủng tộc sau là chọn ra những người nhận phù hợp trong số những người con của mình, những người được "tách riêng" để sử dụng một cụm từ trong Kinh thánh, như một chiếc bình chứa toàn bộ kho kiến thức sẽ được chia sẻ cho các chủng tộc và thế hệ tương lai cho đến khi kết thúc Cuộc Tuần Hoàn đó. Tại sao tôi phải nói nhiều hơn, vì bạn phải hiểu toàn bộ ý nghĩa của tôi, và tôi không dám tiết lộ nó một cách đầy đủ. Mỗi chủng tộc đều có các Chân sư của nó; vì vậy với mỗi chủng tộc mới, chúng ta được phép cung cấp cho họ nhiều kiến thức của chúng ta như những người đàn Bạn của chủng tộc đó xứng đáng. Chủng Tộc thứ bảy, chủng tộc cuối cùng, sẽ có Đức Phật của nó như mọi người tiền nhiệm của nó đã có; nhưng các Chân sư của nó sẽ cao hơn nhiều so với bất kỳ chủng tộc nào hiện tại, vì trong số họ sẽ ở lại Hành Tinh Thượng đế tương lai, Dhyan Chohan, người có nhiệm vụ hướng dẫn hoặc làm mới ký ức của chủng tộc đầu tiên của những người đàn Bạn Cuộc Tuần Hoàn thứ năm, sau sự che khuất tương lai của hành tinh này. Một câu hỏi khác thường được đặt ra sẽ liên quan chặt chẽ đến câu hỏi này: "Lợi ích của toàn bộ quá trình tuần hoàn là gì, nếu tinh thần chỉ xuất hiện vào cuối mọi thứ thuần khiết và phi cá nhân, như ban đầu trước khi nó giáng xuống vật chất?" Câu trả lời của tôi là hiện tại tôi không tham gia vào việc bào chữa, mà là điều tra các hoạt động của Tự Nhiên, và có lẽ có một câu trả lời tốt hơn.

What emerges at the end of all things is not only pure and impersonal spirit, but the collective "personal" remembrances skimmed off every new fifth principle in the long series of being. And if "at the end of all things'—say in some

Điều nổi lên vào cuối của mọi thứ không chỉ là tinh thần thuần khiết và vô ngã, mà còn là những ký ức "cá nhân" tập thể được gạn lọc từ mỗi nguyên lý thứ năm mới trong chuỗi tồn tại dài dằng dặc. Và nếu "vào cuối của mọi thứ" - giả

millions of years hence—spirit will have to rest in its pure *impersonal* non-existence as the One or the Absolute, still there must be some good in the cyclic process, since every purified *ego* has the chance, in the long *interims* between objective being upon the planets, to exist as a Dhyan Chohan—from the lowest Devachanee to the highest Planetary—enjoying the fruits of its collective lives.

sử trong vài triệu năm nữa - tinh thần sẽ phải an nghỉ trong sự không tồn tại vô ngã thuần khiết của nó như là Đấng Duy Nhất hay Tuyệt Đối, thì vẫn phải có điều gì đó tốt đẹp trong quá trình tuần hoàn, vì mọi chân ngã thanh lọc đều có cơ hội, trong những khoảng thời gian dài giữa sự tồn tại khách quan trên các hành tinh, để tồn tại như một Dhyan Chohan - từ Devachanee thấp nhất đến Hành Tinh Thượng đế cao nhất - tận hưởng thành quả của những kiếp sống tập thể của nó.

But what is "spirit pure and impersonal," *per se?* Is it possible that you should not have realised yet our meaning? Why, such a *spirit* is a nonentity, a pure abstraction, an absolute blank to our senses—even to the most spiritual. It becomes *something* only in union with matter; hence it is *always something*, since matter is infinite and indestructible and non-existent without spirit, which in matter is *life*. Separated from matter, it becomes the absolute negation of life and being, whereas matter is inseparable from it. Ask those who offer the objection whether they know anything of "life and consciousness" beyond what they now feel on earth. What conception can they have—unless natural born seers—of the state and consciousness of one's individuality after it has separated itself from the gross earthly body? What is the good of the whole process of life upon earth, you may ask them in your turn, if we are as good, as "pure" unconscious entities before birth, during sleep, and at the end of our career? Is not death, according to the teachings of science, followed by the same state of unconsciousness as the one before *birth*? Does not life when it quits our body become as *impersonal* as it was before it animated the foetus?

Nhưng "tinh thần thuần khiết và vô ngã" tự thân nó là gì? Có thể nào mà bạn vẫn chưa nhận ra ý nghĩa của chúng ta? Vì sao, một tinh thần như vậy là một hư vô, một sự trừu tượng thuần túy, một khoảng trống tuyệt đối đối với các giác quan của chúng ta - ngay cả đối với những người tinh thần nhất. Nó chỉ trở thành một cái gì đó khi kết hợp với vật chất; do đó nó luôn là một cái gì đó, vì vật chất là vô hạn và bất hoại và không tồn tại nếu không có tinh thần, vốn là sự sống trong vật chất. Tách rời khỏi vật chất, nó trở thành sự phủ định tuyệt đối của sự sống và sự tồn tại, trong khi vật chất không thể tách rời khỏi nó. Hãy hỏi những người đưa ra phản đối xem họ có biết gì về "sự sống và tâm thức" vượt ra ngoài những gì họ cảm nhận được trên Trái Đất hay không. Họ có thể có quan niệm gì - trừ phi là những nhà ngoại cảm bẩm sinh - về trạng thái và tâm thức về tính cá nhân của một người sau khi nó đã tách khỏi thể xác trần tục? Bạn có thể hỏi ngược lại họ rằng, toàn bộ quá trình sống trên Trái Đất có ích lợi gì, nếu chúng ta cũng tốt đẹp, cũng "thuần khiết" như những thực thể vô thức trước khi sinh, trong khi ngủ và vào cuối sự nghiệp của mình? Chẳng phải cái chết, theo giáo lý của khoa học, được theo sau bởi cùng một trạng thái vô thức như trạng thái trước khi sinh hay sao? Chẳng phải sự sống khi rời khỏi cơ thể chúng ta trở nên vô ngã như trước khi nó làm sinh động bào thai hay sao?

Life after all—the greatest problem within the

Xét cho cùng, sự sống - vấn đề lớn nhất trong

ken of human conception—is a mystery that the greatest of your men of science will never solve. In order to be correctly comprehended, it has to be studied in the entire series of its manifestations—otherwise it cannot be fathomed nor even comprehended in its easiest form, life as a state of being upon this earth. It can never be grasped so long as it is studied separately, apart from the universal life. To solve the great problem one has to become an occultist, to analyse and experiment with it personally in all its phases, as life on earth, life beyond the limit of physical death—mineral, vegetable, animal, spiritual life; life in conjunction with concrete matter, as well as life present in the imponderable atom. Let them try to examine and analyse life apart from organism, and what remains of it? Simply a mode of motion; which unless our doctrine of the all-pervading, infinite, and omnipresent life is accepted—though it be accepted on no better terms than a hypothesis only a little more reasonable than their scientific ones, which are all absurd—has to remain unsolved. Shall they object? Well, we will answer them by using their own weapons. We will say that it is and will forever remain demonstrated, that, since motion is all-pervading and absolute rest- inconceivable—under whatever form or mask motion may appear, whether as light, heat, magnetism, chemical affinity or electricity—all these must be but phases of one and the same universal omnipotent Force, the Proteus they bow to as the great Unknown (see Herbert Spencer), and which we simply call the One Life, the One Law and the One Element.

phạm vi tri thức của con người - là một bí ẩn mà những người vĩ đại nhất trong giới khoa học của bạn sẽ không bao giờ giải được. Để được thấu hiểu một cách chính xác, nó phải được nghiên cứu trong toàn bộ chuỗi biểu hiện của nó - nếu không, nó không thể được dò thấu cũng như không thể được thấu hiểu ngay cả ở dạng dễ nhất của nó, sự sống như một trạng thái tồn tại trên Trái Đất này. Nó sẽ không bao giờ có thể được nắm bắt chừng nào nó còn được nghiên cứu riêng biệt, tách biệt khỏi sự sống phổ quát. Để giải quyết vấn đề lớn, người ta phải trở thành một nhà huyền bí học, để phân tích và thử nghiệm nó một cách cá nhân trong tất cả các giai đoạn của nó, như sự sống trên Trái Đất, sự sống vượt ra ngoài giới hạn của cái chết thể xác - sự sống khoáng vật, thực vật, động vật, tinh thần; sự sống kết hợp với vật chất hữu hình, cũng như sự sống hiện diện trong nguyên tử vô lượng. Hãy để họ thử kiểm tra và phân tích sự sống tách biệt khỏi cơ thể sống, và điều gì còn lại của nó? Đơn giản chỉ là một phương thức vận động; mà trừ khi học thuyết của chúng ta về sự sống bao trùm tất cả, vô hạn và hiện hữu khắp nơi được chấp nhận - mặc dù nó được chấp nhận không tốt hơn một giả thuyết chỉ hợp lý hơn một chút so với những giả thuyết khoa học của họ, vốn đều vô lý - thì vẫn phải chưa được giải quyết. Họ sẽ phản đối sao? Vâng, chúng ta sẽ trả lời họ bằng cách sử dụng vũ khí của chính họ. Chúng ta sẽ nói rằng nó là và sẽ mãi mãi được chứng minh, rằng, vì vận động là bao trùm tất cả và sự nghỉ ngơi tuyệt đối là không thể tưởng tượng được - dưới bất kỳ hình thức hoặc lớp vỏ nào mà vận động có thể xuất hiện, cho dù là ánh sáng, nhiệt, từ tính, ái lực hóa học hay điện - tất cả những điều này phải chỉ là các giai đoạn của cùng một Lực lượng toàn năng phổ quát, vị Proteus mà họ cúi đầu như một Đấng Vô Danh vĩ đại (xem Herbert Spencer), và mà chúng ta chỉ đơn giản gọi là Sự Sống Duy Nhất, Định Luật Duy Nhất và Nguyên Tố Duy Nhất.

The greatest and most scientific minds on earth

Những bộ óc vĩ đại nhất và khoa học nhất trên

have been keenly pressing forward towards the solution of the mystery, leaving no by-path unexplored, no thread loose or weak in this darkest of labyrinths for them; and all have come to the same conclusion—that of the occultists when given only partially—*viz.,* that life in its concrete manifestation is the legitimate result and consequence of chemical affinity. As to life in its abstract sense—life pure and simple—well, they know no more of it today than they knew in the incipient stage of the Royal Society. They knew that organisms in certain solutions previously free from life will spring spontaneously (Pasteur and his Biblical piety notwithstanding) owing to certain chemical compositions of such substances.

Trái Đất đã và đang nỗ lực thúc đẩy việc giải quyết bí ẩn, không bỏ sót con đường tắt nào chưa được khám phá, không bỏ sót sợi dây nào lỏng lẻo hoặc yếu ớt trong mê cung tăm tối nhất này đối với họ; và tất cả đều đi đến cùng một kết luận - kết luận của các nhà huyền bí học khi chỉ được đưa ra một phần - đó là, sự sống trong biểu hiện cụ thể của nó là kết quả và hệ quả hợp pháp của ái lực hóa học. Còn về sự sống theo nghĩa trừu tượng của nó - sự sống thuần túy và đơn giản - thì, họ biết về nó ngày nay không hơn những gì họ biết trong giai đoạn khởi đầu của Hội Hoàng Gia. Họ biết rằng các sinh vật trong một số dung dịch trước đây không có sự sống sẽ nảy sinh một cách tự phát (bất chấp Pasteur và lòng mộ đạo Kinh Thánh của Ông) do một số thành phần hóa học của các chất đó.

If, as I hope, I am in a few years entirely my own Master, I may have the pleasure of demonstrating to you on your own writing-table that life, *as life*, is not only transferable into other aspects or phases of the all-pervading Force, but that it can be transferred actually into an artificial man. A Frankenstein in nature is a possibility, and the physicists and physicians of the last sub-race of the Sixth Race will innoculate life and revive corpses as they now innoculate smallpox and often less comely diseases. Spirit, Life and Matter are not natural principles existing independently of each other, but the effects of combinations produced by eternal motion in space, and they had better learn it.

Nếu, như tôi hy vọng, trong một vài năm nữa tôi hoàn toàn là Chủ Nhân của chính mình, tôi có thể có vinh dự chứng minh cho bạn trên bàn viết của riêng bạn rằng sự sống, như là sự sống, không chỉ có thể được chuyển đổi thành các khía cạnh hoặc giai đoạn khác của Lực lượng bao trùm tất cả, mà nó còn có thể được chuyển đổi thực sự thành một người nhân tạo. Một Frankenstein trong tự nhiên là một khả năng, và các nhà vật lý và bác sĩ của chủng tộc phụ cuối cùng của Chủng Tộc Thứ Sáu sẽ cấy sự sống và hồi sinh xác chết như cách họ cấy đậu mùa và những căn bệnh kém hấp dẫn hơn. Tinh thần, Sự Sống và Vật Chất không phải là những nguyên lý tự nhiên tồn tại độc lập với nhau, mà là những hiệu ứng của các tổ hợp được tạo ra bởi vận động vĩnh cửu trong không gian, và họ nên học điều đó.

LETTER No. 1

THƯ SỐ 1

[Notes from the Book of *Kiu-te,* the great repository of occult lore in the keeping of the Adepts in Tibet. I believe there are thirty or forty volumes, a great deal shown only to Initiates. What follows is merely some elementary

[Ghi chú từ Sách Kiu-te, kho lưu trữ lớn về kiến thức huyền bí do các Chân sư ở Tây Tạng nắm giữ. Tôi tin rằng có ba mươi hoặc bốn mươi tập, một phần lớn chỉ được cho các điểm đạo đồ xem. Những điều sau đây chỉ là một số giáo lý sơ cấp

catechism in the very beginning. We began to get these notes through Madame Blavatsky when Mr. Hume and I first set to work together. But we soon got off on to other lines of rail.

ngay từ đầu. Chúng tôi bắt đầu nhận được những ghi chú này thông qua Bà Blavatsky khi Bạn Hume và tôi bắt đầu làm việc cùng nhau. Nhưng chúng tôi sớm đi vào những hướng khác.

The very first thing I ever had in the way of philosophical teaching I sent you a copy of last year; it was a sketch of the chain of worlds which I suppose you have somewhere still. Then we got in a fragmentary way the materials on which Hume wrote the first of the "Occult Fragments"—that relating to the seven principles in man. It is necessary to have an absolute comprehension of that division at starting. It runs through all nature in various shapes and ways. I now copy out of my MS book. A.P.S.]

Điều đầu tiên tôi từng có theo cách giảng dạy triết học mà tôi đã gửi cho bạn một bản sao vào năm ngoái; đó là một bản phác thảo về chuỗi thế giới mà tôi cho rằng bạn vẫn còn đâu đó. Sau đó, chúng tôi nhận được một cách rời rạc các tài liệu mà Hume đã viết phần đầu tiên của "Các Mảnh Huyền Bí" - liên quan đến bảy nguyên lý trong con người. Cần phải có một sự hiểu biết tuyệt đối về sự phân chia đó khi bắt đầu. Nó chạy xuyên suốt tất cả tự nhiên dưới nhiều hình dạng và cách thức khác nhau. Bây giờ tôi sao chép từ cuốn sách MS của mình. A.P.S.]

Question— What are the different kinds of knowledge?

Câu hỏi— Các loại tri thức khác nhau là gì?

Answer—The real (*Dgyu*) and the unreal (*Dgyu-mi*). *Dgyu* becomes *Fohat* when in its activity—active agent of will, electricity, no other name.

Trả lời—Tri thức chân thật (Dgyu) và tri thức không chân thật (Dgyu-mi). Dgyu trở thành Fohat khi ở trong hoạt động của nó—tác nhân tích cực của ý chí, điện, không có tên nào khác.

Question— What is the difference between the two kinds of knowledge?

Câu hỏi— Sự khác biệt giữa hai loại tri thức là gì?

Answer—Real knowledge deals with eternal verities and primal causes, the unreal only with illusory effects, *Dgyu* stands independent of the belief or unbelief of man. *Dgyu-mi* requires faith, rests on authority.

Trả lời—Tri thức chân thật đề cập đến những chân lý vĩnh cửu và những nguyên nhân ban đầu, tri thức không chân thật chỉ đề cập đến những hiệu ứng huyễn hoặc, Dgyu đứng độc lập với niềm tin hay sự không tin của con người. Dgyu-mi đòi hỏi đức tin, dựa trên uy quyền.

Question— Who possesses the real knowledge?

Câu hỏi— Ai sở hữu tri thức chân thật?

Answer—The *Lhas* or Adept alone possesses the real knowledge, his mind being *en rapport* with the Universal Mind in its fullness, which makes him a divine being existing in the region of absolute intelligence, knowledge of natural laws or *Dgyu.* The profane cannot become a *dang-ma* (a purified soul), for he lacks means of

Trả lời—Các Lhas hay Chân sư mới là người sở hữu tri thức chân thật, thể trí của Các Ngài hòa hợp với Vũ Trụ Trí trong sự viên mãn của nó, điều này khiến Các Ngài trở thành một đấng thiêng liêng tồn tại trong khu vực của trí tuệ tuyệt đối, tri thức về các định luật tự nhiên hay Dgyu. Kẻ phàm tục không thể trở thành một

perceiving *Chhag*, genesis, or the beginning of things [As I go on copying, I see I shall have to interpolate remarks of an explanatory nature now and then. These I shall identify by leaving a broader margin than the copied out parts. [I put these remarks of Mr. Sinnett in square brackets.] I wanted now to remark that you must not be giving yourself excessive trouble to commit these Tibetan words to memory. We soon got out of the way of using them. A.P.S.]

dang-ma (một linh hồn thanh lọc), vì y thiếu phương tiện để nhận thức Chhag, sự phát sinh, hay sự khởi đầu của mọi thứ [Khi tôi tiếp tục sao chép, tôi thấy rằng thỉnh thoảng tôi sẽ phải chèn những nhận xét mang tính giải thích. Tôi sẽ xác định những điều này bằng cách để lại một lề rộng hơn các phần đã sao chép. [Tôi đặt những nhận xét này của Bạn Sinnett trong ngoặc vuông.] Bây giờ tôi muốn nhận xét rằng bạn không được tự gây rắc rối quá mức để ghi nhớ những từ tiếng Tạng này. Chúng tôi sớm bỏ cách sử dụng chúng. A.P.S.]

Question— Is there any difference between what produces primal causes and their ultimate results?

Câu hỏi— Có sự khác biệt nào giữa những gì tạo ra các nguyên nhân ban đầu và kết quả cuối cùng của chúng không?

Answer—None. Everything in the occult universe, which embraces all the primal causes, is based upon two principles—Kosmic Energy (*Fohat* or breath of wisdom) and Kosmic Ideation. [*Thyan Kam* =the knowledge of bringing about or giving the impulse to cosmic energy in the right direction. In *Fohat* all that exist on earth as ultimates exist as primates.]

Trả lời—Không. Mọi thứ trong vũ trụ huyền bí, vốn bao gồm tất cả các nguyên nhân ban đầu, đều dựa trên hai nguyên lý—Năng Lượng Vũ Trụ (Fohat hay hơi thở của minh triết) và Tư Tưởng Vũ Trụ. [Thyan Kam =tri thức về việc mang lại hoặc tạo động lực cho năng lượng vũ trụ đi đúng hướng. Trong Fohat, tất cả những gì tồn tại trên Trái Đất như là những điều tối hậu đều tồn tại như là những điều nguyên thủy.]

Question— What is the one eternal thing in the universe independent of every other thing?

Câu hỏi— Điều vĩnh cửu duy nhất trong vũ trụ độc lập với mọi thứ khác là gì?

Answer—Space.

Trả lời—Không gian.

Question— What things are coexistent with space?

Câu hỏi— Những điều gì cùng tồn tại với không gian?

Answer.

Trả lời.

1. Duration.

1. Thời gian.

2. Matter.

2. Vật chất.

3. Motion, for this is the imperishable life (conscious or unconscious as the case may be). Even during the Pralaya, or night of mind (when *Chyang*, omniscience, and *Chiyang-mi-shi-khon*

3. Vận động, vì đây là sự sống bất diệt (có tâm thức hay vô thức tùy theo trường hợp). Ngay cả trong thời gian Giai kỳ qui nguyên, hay đêm của thể trí (khi Chyang, sự toàn tri, và Chiyang-mi-

both sleep), this latent unconscious life still maintains the matter it animates in sleepless unceasing motion.

shi-khon đều ngủ), sự sống vô thức tiềm ẩn này vẫn duy trì vật chất mà nó làm sinh động trong vận động không ngừng nghỉ.

4. The Akasa (*Bar-nang)* or Kosmic atmosphere (Astral Light or celestial ether), whether in latent or active condition, surrounds and interpenetrates all matter in motion of which it is at once a result and the medium by which the cosmic energy acts on its source.

4. Akasa (Bar-nang) hay bầu khí quyển Vũ Trụ (Ánh Sáng Cảm dục hay dĩ thái thiên giới), dù ở trạng thái tiềm ẩn hay hoạt động, bao quanh và thấm nhập tất cả vật chất trong vận động mà nó đồng thời là một kết quả và là môi trường mà năng lượng vũ trụ tác động lên nguồn của nó.

5. Purusha or the seventh principle of the universe, [*Linga Sharira* is composed of the etheral elements of the body's organism and never leaves the body but at death and remains near. This note, which is disconnected from the immediate subject of the paper was probably added by M. in reply to some current question asked at that time.]

5. Purusha hay nguyên lý thứ bảy của vũ trụ, [Linga Sharira bao gồm các yếu tố dĩ thái của cơ thể sống và không bao giờ rời khỏi cơ thể trừ khi chết và vẫn ở gần. Ghi chú này, không liên quan đến chủ đề trực tiếp của bài viết, có lẽ đã được Chân sư M. thêm vào để trả lời một câu hỏi hiện tại nào đó được hỏi vào thời điểm đó.]

Question— Are we to understand Purusha as another name for space or as a different thing occupying every part of space?

Câu hỏi— Chúng ta có nên hiểu Purusha là một tên gọi khác của không gian hay là một thứ khác chiếm mọi phần của không gian?

Answer—The same. *Svayambhu* occupies every part of space, which itself is boundless and eternal, hence must be space in one sense. *Svayambhu* becomes *Purusha* when coming in contact with matter.

Trả lời—Như nhau. Svayambhu chiếm mọi phần của không gian, bản thân nó là vô biên và vĩnh cửu, do đó phải là không gian theo một nghĩa nào đó. Svayambhu trở thành Purusha khi tiếp xúc với vật chất.

Question— The universal mind is the aggregate of all the minds of the Dhyan Chohans or Planetaries, the result of the action of Purusha on matter, just as the spiritual soul in Man is the action of spirit on matter.

Câu hỏi— Vũ Trụ Trí là tập hợp của tất cả các thể trí của Dhyan Chohans hay Hành Tinh Thượng đế, kết quả của hành động của Purusha lên vật chất, giống như linh hồn tinh thần trong Con Người là hành động của tinh thần lên vật chất.

Answer—Yes.

Trả lời—Đúng vậy.

Question— Are we to look upon the seven principles as all matter or all spirit—one thing, with spirit as it were at one pole and matter at the other?

Câu hỏi— Chúng ta có nên xem bảy nguyên lý là tất cả vật chất hay tất cả tinh thần—một thứ, với tinh thần như thể ở một cực và vật chất ở cực kia?

Answer—Yes, just so.

Trả lời—Đúng vậy, chính xác.

Question— If so, are we to view them as different states of matter or spirit or how?

Câu hỏi— Nếu vậy, chúng ta có nên xem chúng là những trạng thái khác nhau của vật chất hay tinh thần hay như thế nào?

Answer—States, conditions, call it whatever you please. I call it *Kyen, i.e.*, cause, itself a result of previous or some primary cause.

Trả lời—Các trạng thái, các điều kiện, gọi nó là gì tùy thích. Tôi gọi nó là Kyen, tức là nguyên nhân, bản thân nó là kết quả của nguyên nhân trước đó hoặc một số nguyên nhân ban đầu.

Question— All matter consists of ultimate molecules. How may we conceive the different states of matter?

Câu hỏi— Tất cả vật chất bao gồm các phân tử tối hậu. Chúng ta có thể hình dung các trạng thái khác nhau của vật chất như thế nào?

Answer—As the molecules go on rarefying, so in proportion they become attenuated; and the greater the distance between our globe and them (I do not mean here the region within the reach of your science), the greater the change in their polarity, the negative pole acquiring a stronger property of repulsion, and the positive losing gradually its power of attraction. (And now the time for your men of *Dgyu* to set me down as a Tibetan ass, and for me to return the compliment.)

Trả lời—Khi các phân tử tiếp tục loãng ra, thì tỷ lệ chúng trở nên suy yếu; và khoảng cách giữa địa cầu của chúng ta và chúng càng lớn (ở đây tôi không có ý nói đến khu vực nằm trong tầm với của khoa học của bạn), sự thay đổi trong sự phân cực của chúng càng lớn, cực âm có được một thuộc tính đẩy mạnh hơn và cực dương mất dần khả năng hút của nó. (Và bây giờ là thời điểm để những người Dgyu của bạn coi tôi là một con lừa Tây Tạng, và để tôi đáp lại lời khen.)

[We were anxious to make out the correspondences between the seven principles of Man and of the Universe. M. wrote out the following table.]

[Chúng tôi rất muốn tìm ra sự tương ứng giữa bảy nguyên lý của Con Người và của Vũ Trụ. Chân sư M. đã viết ra bảng sau.]

MAN

	Tibetan	Sanskrit	English
1	A-ku	Rupa	Body
2	Zer	Jivatma	Life-principle
3	Chhin-Lung	Linga Sarira	Astral body
4	Nga-Zhi	Kama-Rupa	Will-form
5	Ngi	Linga deha	Animal soul
6	Lana	Atman or Mayavi-Rupa	Spiritual soul
7	Hlun Dhub	Mahatma	Spirit

UNIVERSE

	Tibetan	Sanskrit	English
1	Sien-chan (animated universe) S.S.a=earth, as an element	Brahm (Prakriti-matter lyam, earth	Organised matter
2	Zhihna	Purusha	Vivifying universal spirit
3	Yor-wa	Maya, Akasa	Astral kosmic atmosphere
4	Od, light (the shining active astral light)	Vach	Kosmic Will
5	Nam Kha	Yajna	Universal Illusion
6	Kon chhog	Narayana (Spirit brooding over the waters and reflected in the universe)	Universal Mind
7	Nyng	Svayambbuva	Latent Spirit Ensoph

[This may help to throw light on some Eastern metaphysical writings, but it seems to me an effort to put into words some correspondences that are too subtle for such classification. A.P.S.]

[Điều này có thể giúp làm sáng tỏ một số tác phẩm siêu hình học phương Đông, nhưng đối với tôi, dường như đây là một nỗ lực để diễn đạt bằng lời một số sự tương ứng quá tinh tế để phân loại như vậy. A.P.S.]

Question— Sien chan=animated universe. SSa=earth as an element. Where then does cosmic or unorganized matter class?

Câu hỏi— Sien chan=vũ trụ sống động. SSa=Trái Đất như một nguyên tố. Vậy thì vật chất vũ trụ hay vô tổ chức thuộc loại nào?

Answer—*Zhi gyn* (cosmic matter), *Thog* (span), *Nyng* (duration, *Khon-wa* (motion), are all one. *Fire*, as everything else, has seven principles. *Od*, one, but not the most material sixth.

Trả lời—Zhi gyn (vật chất vũ trụ), Thog (khoảng), Nyng (thời gian), Khon-wa (vận động), tất cả là một. Lửa, như mọi thứ khác, có bảy nguyên lý. Od, một, nhưng không phải là thứ sáu vật chất nhất.

Question— All matter cosmic or organised has inherent motion. What then does Zhihna, vital soul or vivifying soul do to it?

Câu hỏi— Tất cả vật chất vũ trụ hay có tổ chức đều có vận động vốn có. Vậy thì Zhihna, linh hồn sinh mệnh hay linh hồn làm sinh động

làm gì với nó?

Answer—There you see! As well ask "does for human body" when it comes in conjunction with the other five. A dead body is composed of molecules full of life, is it? Yet when the vital soul has deserted the whole, what is it but a dead body? Give up your pansophy and come down to our *Dgyu*. We believe in spontaneous generation and you do not. We say that *Zhihna* being positive and *Zhi gyn* negative, it is only when the two come in contact or the former brought to act on the latter that organised, living, self-acting matter is produced. Every thing invisible, imponderable—the spirit of a thing—is positive, for it belongs to the world of reality, as everything solid and visible is negative. Primate and ultimate, positive and negative. So much in our manifested world. As the forces move on, and the distance between organised and unorganised matter becomes greater, a tendency towards the reverse begins to take place. The powers of attraction and repulsion become gradually weaker. Then a complete exchange of properties takes place, and for a time equilibrium is restored in an opposite order at every grade further onwards, or away towards their primary state; shifts no more mutually its property, but gradually weakens until it reaches the world of non-being, where exists the eternal mechanical motion, the uncreated cause from whence proceed, in a kind of incessant downward and upward rotation, the founts of being from non-being—the latter, the reality, the former, Maya—the temporary from the everlasting, the effect from its cause—the effect becoming in its turn cause *ad infinitum.* During the Pralaya, that downward and upward motion ceases, inherent unconscious life alone remaining—all creative forces paralysed, and everything resting in the night of mind.

Trả lời—Bạn thấy đấy! Cũng như hỏi "làm gì cho cơ thể con người" khi nó kết hợp với năm điều còn lại. Một xác chết bao gồm các phân tử đầy sự sống, phải không? Tuy nhiên, khi linh hồn sinh mệnh đã rời bỏ toàn bộ, thì nó là gì ngoài một xác chết? Hãy từ bỏ pansophy của bạn và đến với Dgyu của chúng tôi. Chúng tôi tin vào sự phát sinh tự phát và bạn thì không. Chúng tôi nói rằng Zhihna là dương và Zhi gyn là âm, chỉ khi hai điều này tiếp xúc hoặc điều trước được đưa vào tác động lên điều sau thì vật chất có tổ chức, sống động, tự vận hành mới được tạo ra. Mọi thứ vô hình, vô lượng—tinh thần của một vật—là dương, vì nó thuộc về thế giới thực tại, vì mọi thứ rắn chắc và hữu hình là âm. Nguyên thủy và tối hậu, dương và âm. Rất nhiều trong thế giới biểu hiện của chúng ta. Khi các lực lượng di chuyển, và khoảng cách giữa vật chất có tổ chức và vật chất vô tổ chức trở nên lớn hơn, một xu hướng hướng tới điều ngược lại bắt đầu diễn ra. Các sức mạnh hút và đẩy trở nên yếu hơn dần. Sau đó, một sự trao đổi hoàn toàn các thuộc tính diễn ra, và trong một thời gian, trạng thái cân bằng được khôi phục theo một trật tự ngược lại ở mọi cấp độ tiến xa hơn, hoặc ra xa hơn về trạng thái ban đầu của chúng; không còn chuyển đổi lẫn nhau thuộc tính của nó nữa, mà yếu dần cho đến khi nó đạt đến thế giới phi hữu, nơi tồn tại vận động cơ học vĩnh cửu, nguyên nhân không được tạo ra từ đó phát sinh, theo một kiểu luân chuyển lên xuống không ngừng, các nguồn gốc của hữu từ phi hữu—điều sau, thực tại, điều trước, ảo lực—điều tạm thời từ điều vĩnh cửu, hiệu ứng từ nguyên nhân của nó—hiệu ứng lần lượt trở thành nguyên nhân ad infinitum. Trong thời gian Giai kỳ qui nguyên, vận động lên xuống đó ngừng lại, chỉ còn lại sự sống vô thức vốn có—tất cả các lực lượng sáng tạo bị tê liệt và mọi thứ an nghỉ trong đêm của thể trí.

Question— Are we to consider any of the principles as non-molecular?

Answer—There comes a time when polarity ceases to exist or act, as everything else. In the night of mind, all is equilibrised in the boundless cosmos in a state of non-action or non-being.

Question— And is cosmic matter non-molecular?

Answer—Cosmic matter can no more be non-molecular than organised matter. The seventh principle is molecular as well as the first one, but the former differentiates from the latter, not only by its molecules getting wider apart and becoming more attenuated, but also by losing as gradually, its polarity. Try to understand and realise this idea and the rest will become easy. The panspermic and theospermic conceptions will both be in our way as taught by your schools. You will never be able to realise the latter as an absurdity, so long as you comprehend but imperfectly the incessant work of what is called by occult science the *central point* in both its active and passive states. As I said, we believe in spontaneous generation, in the independent origin of matter whether living or dead, and we prove it, which is more than your Pasteurs and Wyman and Huxleys can say. Did they know that Zhihn cannot be pumped out or shut out a glass vessel like air, and that hence wherever there is Purusha there can be no thermal limit of organic life, they would have *bak-baked* [Hindustani for purposeless chatter. A.P.S.] and told the world less absurdities than they have. In short, motion, cosmic matter, duration, space are everywhere, and for perspicuity's sake, let us place or fancy this multiplicity in or at the top of a circle boundless. They are passive, negative, unconscious, yet ever propelled by

Câu hỏi— Chúng ta có nên coi bất kỳ nguyên lý nào là phi phân tử không?

Trả lời—Có một thời điểm mà sự phân cực không còn tồn tại hoặc hoạt động, như mọi thứ khác. Trong đêm tối của thể trí, tất cả đều được cân bằng trong vũ trụ vô biên trong trạng thái không hành động hoặc không tồn tại.

Câu hỏi—Và vật chất vũ trụ có phải là phi phân tử không?

Trả lời—Vật chất vũ trụ không thể phi phân tử hơn vật chất có tổ chức. Nguyên lý thứ bảy cũng mang tính phân tử như nguyên lý thứ nhất, nhưng nguyên lý thứ nhất khác biệt với nguyên lý thứ hai, không chỉ bởi các phân tử của nó ngày càng rộng ra và trở nên suy giảm hơn, mà còn do mất dần đi tính phân cực của nó. Cố gắng thấu hiểu và nhận ra ý tưởng này và phần còn lại sẽ trở nên dễ dàng. Các quan niệm về panspermic và theospermic sẽ cản đường chúng ta như được dạy bởi các trường học của bạn. Bạn sẽ không bao giờ có thể nhận ra điều thứ hai như một điều vô lý, chừng nào bạn vẫn chưa hiểu một cách hoàn hảo công việc không ngừng nghỉ của cái mà khoa học huyền bí gọi là điểm trung tâm ở cả trạng thái chủ động và thụ động của nó. Như tôi đã nói, chúng ta tin vào sự phát sinh tự nhiên, vào nguồn gốc độc lập của vật chất dù sống hay chết, và chúng ta chứng minh điều đó, điều mà Pasteur, Wyman và Huxley của bạn không thể nói được. Liệu Các Bạn có biết rằng Zhihn không thể bị bơm ra hoặc loại trừ khỏi một bình thủy tinh như không khí, và do đó, bất cứ nơi nào có Purusha thì không thể có giới hạn nhiệt của sự sống hữu cơ, Các Bạn đã bak-baked [tiếng Hindustan có nghĩa là trò chuyện vô mục đích. A.P.S.] và nói với thế giới những điều vô lý hơn những gì Các Bạn đã nói. Tóm lại, chuyển động, vật chất vũ trụ, thời gian, không gian ở khắp mọi nơi, và vì sự sáng suốt, chúng ta hãy đặt hoặc tưởng tượng sự đa dạng

their inherent latent life or force. During the day of activity, that cyclic force is ejecting from the causative latent principle cosmic matter, as the wheel of a water-mill ejects showers of water-dust round its rotating circle; put it in contact with the same principles (but whose condition owing to their finding themselves outside the state of primitive passivity of the eternal immutability has already changed). Thus the same principles begin to acquire, so to speak, the germs of polarity, Then coming within the Universal mind *Dyan-Kam* develops these germs, conceives, and giving the impulse communicates it to *Fohat,* who, vibrating along *Akasa, Od* (a state of cosmic matter, motion, force, etc.) runs along the lines of cosmic manifestations and frames all and everything blindly agreed, yet as faithfully in accordance with the prototypes as conceived in the eternal mind as a good mirror reflects your face.

này ở trên đỉnh của một vòng tròn vô biên. Chúng thụ động, tiêu cực, vô thức, nhưng luôn được thúc đẩy bởi sự sống hoặc lực tiềm ẩn vốn có của chúng. Trong ngày hoạt động, lực tuần hoàn đó đang phóng ra từ nguyên lý tiềm ẩn nhân quả vật chất vũ trụ, giống như bánh xe của một cối xay nước phun ra những trận mưa bụi nước xung quanh vòng tròn quay của nó; đặt nó tiếp xúc với các nguyên lý tương tự (nhưng tình trạng của chúng do việc chúng thấy mình nằm ngoài trạng thái thụ động nguyên thủy của tính bất biến vĩnh cửu đã thay đổi). Vì vậy, các nguyên lý tương tự bắt đầu thu được, có thể nói như vậy, mầm mống của sự phân cực. Sau đó, đi vào trong Vũ Trụ Trí, Dyan-Kam phát triển những mầm mống này, thụ thai và truyền xung lực cho Fohat, vốn rung động dọc theo Akasa, Od (một trạng thái của vật chất vũ trụ, chuyển động, lực, v.v.) chạy dọc theo các đường biểu hiện vũ trụ và tạo khung cho tất cả và mọi thứ một cách mù quáng, nhưng vẫn trung thành phù hợp với các nguyên mẫu như được hình dung trong trí tuệ vĩnh cửu như một tấm gương tốt phản chiếu khuôn mặt của bạn.

Extract from a Letter by the Master K.H. to A.O. Hume, 1881—Trích từ một lá thư của Chân sư KH gửi A.O. Hume, 1881

Did it ever strike you—and now from the standpoint of your Western science, and the suggestion of your own ego, which has already seized the essentials of every truth, prepare to deride the erroneous idea—did you ever suspect that universal, like finite human, mind might have two attributes or a dual power, one the voluntary and conscious, the other the involuntary and unconscious or mechanical power? To reconcile the difficulties of many theistic and anti-theistic propositions, both these powers are a

Có bao giờ bạn nghĩ—và bây giờ từ quan điểm khoa học phương Tây của bạn, và gợi ý từ phàm ngã của chính bạn, vốn đã nắm bắt được những điều cốt yếu của mọi sự thật, hãy chuẩn bị chế giễu ý tưởng sai lầm—bạn có bao giờ nghi ngờ rằng vũ trụ, giống như hữu hạn, thể trí của con người có thể có hai thuộc tính hoặc một sức mạnh kép, một là sức mạnh tự nguyện và có ý thức, hai là sức mạnh vô ý và vô thức hoặc cơ học? Để dung hòa những khó khăn của nhiều mệnh đề hữu thần và phản hữu thần, cả hai sức mạnh này đều là một sự cần thiết về

philosophical necessity. The possibility of the first, or voluntary and conscious attribute in reference to the Infinite Mind, notwithstanding the assertions of all the egos throughout the living world, will remain for ever a mere hypotheses, whereas in the finite mind it is a scientific and demonstrated fact. The highest Planetary Spirit is as ignorant of the first as we are, and the hypothesis will remain one even in Nirvana, as it is a mere inferential possibility whether there or here.

mặt triết học. Khả năng của thuộc tính thứ nhất, hoặc tự nguyện và có ý thức liên quan đến Vô Hạn Trí, bất chấp những khẳng định của tất cả các phàm ngã trên khắp thế giới đang sống, sẽ mãi mãi chỉ là một giả thuyết, trong khi ở thể trí hữu hạn, nó là một sự thật khoa học và đã được chứng minh. Đấng Tinh Thần Hành Tinh cao nhất cũng không biết gì về điều thứ nhất như chúng ta, và giả thuyết này sẽ vẫn là một giả thuyết ngay cả ở Niết Bàn, vì nó chỉ là một khả năng suy luận dù ở đó hay ở đây.

Take the human mind in connection with the body; man has two distinct physical brains—the cerebrum with its two hemispheres at the frontal part of the head (the source of the voluntary nerves), and the cerebellum situated at the back part of the skull, the fountain of the involuntary nerves which are the agents for the unconscious or mechanical powers of the mind to act through. And, weak and uncertain as may be the control of man over his involuntary actions, such as the blood circulation, the throbbing of the heart and respiration, especially during sleep, yet how far more powerful, how much more potential, appears man as the master and ruler over the blind molecular motion, the laws which govern his body (proof of this being afforded in the phenomenal powers of the Adept and even of the common Yogi) than that which you call God shows over the immutable laws of nature. Contrary in that to the finite, the "Infinite Mind"—which we name so but for argument's sake, for we call it the infinite *force*—exhibits but the functions of its cerebellum, the existence of the supposed cerebrum being admitted, as above stated, but on the inferential hypothesis deduced from the Kabalistic theory (correct in every other relation) of the Macrocosm being the prototype of the microcosm.

Hãy lấy thể trí của con người liên kết với thể xác; con người có hai bộ não vật lý riêng biệt—đại não với hai bán cầu ở phần trán của đầu (nguồn gốc của các dây thần kinh tự nguyện) và tiểu não nằm ở phía sau hộp sọ, là suối nguồn của các dây thần kinh không tự nguyện vốn là tác nhân để các sức mạnh vô thức hoặc cơ học của thể trí tác động thông qua. Và, sự kiểm soát của con người đối với các hành động không tự nguyện của mình có thể yếu ớt và không chắc chắn như thế nào, chẳng hạn như sự tuần hoàn máu, sự rung động của tim và hô hấp, đặc biệt là trong khi ngủ, nhưng con người xuất hiện mạnh mẽ hơn bao nhiêu, tiềm năng hơn bao nhiêu, như là chủ nhân và người cai trị chuyển động phân tử mù quáng, các định luật chi phối cơ thể y (bằng chứng về điều này được thể hiện trong các quyền năng phi thường của Chân sư và thậm chí của cả Yogi thông thường) hơn là cái mà bạn gọi là Thượng đế thể hiện trên các định luật bất biến của tự nhiên. Trái ngược với hữu hạn, "Vô Hạn Trí"—chúng ta gọi như vậy chỉ vì mục đích tranh luận, vì chúng ta gọi nó là lực vô hạn—chỉ thể hiện các chức năng của tiểu não, sự tồn tại của đại não được cho là, như đã nêu ở trên, nhưng trên giả thuyết suy luận được suy ra từ lý thuyết Kabala (chính xác trong mọi mối quan hệ khác) về Đại thiên địa là nguyên mẫu của tiểu thiên địa.

So far as we know, the corroboration of it by modern Science receiving but little consideration—so far as the highest Planetary Spirits have ascertained, who, remember, have the same relations with the trans-cosmical world, penetrating behind the veil of cosmic matter, as we have behind the veil of this our gross physical world—the Infinite Mind displays to them, as to us, no more than the regular unconscious throbbings of the eternal and universal pulse of nature throughout the myriads of worlds, within as without the primitive veil of our Solar System. So far as we know *within* and to the utmost limit, to the very edge of the cosmic veil, we know the fact to be correct owing to personal experience; for the information gathered as to what takes place beyond we are indebted to the Planetary Spirits, and to our blessed Lord Buddha.

Cho đến nay chúng ta biết, sự xác nhận của nó bởi Khoa học hiện đại nhận được rất ít sự xem xét—cho đến nay các Đấng Tinh Thần Hành Tinh cao nhất đã xác định, vốn, hãy nhớ rằng, có cùng mối quan hệ với thế giới siêu vũ trụ, xuyên thấu phía sau bức màn vật chất vũ trụ, như chúng ta có phía sau bức màn của thế giới vật chất thô thiển này của chúng ta—Vô Hạn Trí thể hiện cho Các Ngài, cũng như cho chúng ta, không gì hơn là những nhịp đập vô thức thường xuyên của mạch đập vĩnh cửu và phổ quát của tự nhiên trên vô số thế giới, bên trong cũng như bên ngoài bức màn nguyên thủy của Thái Dương Hệ của chúng ta. Cho đến nay chúng ta biết bên trong và đến giới hạn tột cùng, đến tận rìa của bức màn vũ trụ, chúng ta biết sự thật là chính xác nhờ kinh nghiệm cá nhân; vì thông tin thu thập được về những gì diễn ra xa hơn, chúng ta mang ơn Các Đấng Tinh Thần Hành Tinh và Đức Phật đáng kính của chúng ta.

This of course may be regarded as second-hand information. There are those who, rather than yield to the evidence of facts, will prefer regarding even the Planetary Spirits as “erring,” disembodied philosophers, if not actually liars. Be it so. “Every one is master of his own wisdom,” says a Tibetan proverb, and he is at liberty either to honour or degrade his slave. However, I will go on for the benefit of those who may yet seize my explanation of the problem and understand the value of the solution.

Điều này tất nhiên có thể được coi là thông tin gián tiếp. Có những người, thay vì khuất phục trước bằng chứng của sự thật, sẽ thích coi ngay cả Các Đấng Tinh Thần Hành Tinh là những nhà triết học "sai lầm", phi thể xác, nếu không muốn nói là những kẻ nói dối thực sự. Cứ cho là như vậy. "Mỗi người là chủ nhân của sự minh triết của chính mình," một câu tục ngữ của Tây Tạng nói, và y được tự do tôn vinh hoặc hạ thấp nô lệ của mình. Tuy nhiên, tôi sẽ tiếp tục vì lợi ích của những người vẫn có thể nắm bắt được lời giải thích của tôi về vấn đề này và hiểu được giá trị của giải pháp.

It is the peculiar faculty of the involuntary power of the Infinite Mind (whom no one would ever think of calling God) to be eternally evolving subjective matter into objective atoms (you will please remember the two adjectives are used but in a relative sense) or cosmic matter, to be later on developed into form, and it is likewise that same involuntary

Đó là khả năng đặc biệt của sức mạnh vô ý của Vô Hạn Trí (người mà không ai nghĩ đến việc gọi là Thượng đế) là liên tục phát triển vật chất chủ quan thành các nguyên tử khách quan (bạn vui lòng nhớ rằng hai tính từ này chỉ được sử dụng theo nghĩa tương đối) hoặc vật chất vũ trụ, để sau này được phát triển thành hình tướng, và cũng chính sức mạnh cơ học vô ý đó

mechanical power that we see so intensely active in all the fixed laws of nature, which governs and controls what is called the universe or the cosmos. There are some modern philosophers who will prove the existence of a Creator from motion; we say and affirm that that motion—the universal perpetual motion which never ceases, never slackens nor increases its speed, not even during the interludes between the Pralayas or nights of Brahm, but goes on like a mill in motion whether it has anything to grind or not (for the Pralaya means the temporary loss of every form, but by no means the destruction of cosmic matter, which is eternal)—we say then this perpetual motion is the only eternal uncreated deity that we are able to recognise. To regard God as an intelligent spirit, and accept at the same time this absolute un-materiality, is to conceive of a non-entity, of a blank void; to regard God as a Being, an Ego, and to place this intelligence under a bushel for some mysterious reasons, is most consummate nonsense; to endow him with intelligence in the face of blind brutal evil, is to make of him a fiend, a most rascally God. A being, however gigantic, occupying space and having length, breadth and thickness, is most certainly the Mosaic Deity. No-being and a mere principle lands you directly in the Buddhistic Atheism or the Vedantic primitive Acosmism.

mà chúng ta thấy hoạt động mạnh mẽ trong tất cả các định luật cố định của tự nhiên, vốn chi phối và kiểm soát cái được gọi là vũ trụ hoặc vũ trụ. Có một số nhà triết học hiện đại sẽ chứng minh sự tồn tại của Đấng Sáng Tạo từ chuyển động; chúng ta nói và khẳng định rằng chuyển động đó—chuyển động vĩnh cửu phổ quát không bao giờ ngừng, không bao giờ chậm lại cũng không tăng tốc độ của nó, ngay cả trong những khoảng thời gian giữa các Pralaya hoặc đêm của Brahm, mà vẫn tiếp tục như một cối xay đang chuyển động cho dù nó có thứ gì để xay hay không (vì Pralaya có nghĩa là sự mất mát tạm thời của mọi hình tướng, nhưng hoàn toàn không phải là sự phá hủy vật chất vũ trụ, vốn là vĩnh cửu)—vậy thì chúng ta nói rằng chuyển động vĩnh cửu này là vị thần duy nhất vĩnh cửu không được tạo ra mà chúng ta có thể nhận ra. Coi Thượng đế là một tinh thần thông minh, và đồng thời chấp nhận tính phi vật chất tuyệt đối này, là hình dung ra một sự không tồn tại, một khoảng trống; coi Thượng đế là một Đấng, một Chân ngã, và đặt trí thông minh này dưới một cái đấu vì một số lý do bí ẩn, là một điều vô nghĩa tột cùng; ban cho Ngài trí thông minh khi đối mặt với cái ác tàn bạo mù quáng, là biến Ngài thành một con quỷ, một Thượng đế vô cùng xấu xa. Một đấng, dù khổng lồ đến đâu, chiếm không gian và có chiều dài, chiều rộng và chiều dày, chắc chắn là Thượng đế của Môi-se. Không tồn tại và một nguyên lý đơn thuần đưa bạn trực tiếp vào Thuyết vô thần của Phật giáo hoặc Thuyết Acosmism nguyên thủy của Vedantic.

What lies beyond and outside the worlds of form and being, in worlds and spheres in their most spiritualised state (and you will perhaps oblige us by telling us where that “beyond” can be, since the universe is limitless and infinite) is useless for anyone to search after, since even Planetary Spirits have no knowledge or perception of it. If our greatest Adepts and Bodhisattvas have never

Những gì nằm ngoài và bên ngoài thế giới của hình tướng và hữu thể, trong các thế giới và cõi ở trạng thái tinh thần nhất của chúng (và bạn có lẽ sẽ giúp chúng ta bằng cách cho chúng ta biết cái "bên ngoài" đó có thể ở đâu, vì vũ trụ là vô hạn và vô biên) là vô ích cho bất kỳ ai tìm kiếm, vì ngay cả Các Đấng Tinh Thần Hành Tinh cũng không có kiến thức hoặc nhận thức về nó. Nếu các Chân sư và Bồ Tát vĩ đại nhất

themselves penetrated beyond our Solar System—and the idea seems to suit your preconceived theistic theory wonderfully, my respected brother, they still know of the existence of other such solar systems with as mathematical a certainty as any western astronomer knows of the existence of invisible stars which he can never approach or explore. But of that which lies within the worlds of systems, not in the "trans-infinitude," (a queer expression to use), but in the cis-infinitude, rather, in the state of the purest and most inconceivable immateriality, no one ever knew or ever will know all; hence it is something non-existent for the universe.

của chúng ta chưa bao giờ tự mình thâm nhập vượt ra ngoài Thái Dương Hệ của chúng ta—và ý tưởng này dường như phù hợp với lý thuyết hữu thần định sẵn của bạn một cách kỳ diệu, huynh đệ đáng kính của tôi, Các Ngài vẫn biết về sự tồn tại của các thái dương hệ khác như vậy với một sự chắc chắn về mặt toán học như bất kỳ nhà thiên văn học phương Tây nào biết về sự tồn tại của các ngôi sao vô hình mà y không bao giờ có thể tiếp cận hoặc khám phá. Nhưng về những gì nằm trong thế giới của các hệ thống, không phải trong "siêu vô hạn" (một cách diễn đạt kỳ lạ để sử dụng), mà là trong cis-vô hạn, đúng hơn, trong trạng thái phi vật chất thuần khiết và khó hiểu nhất, không ai từng biết hoặc sẽ từng biết tất cả; do đó, nó là một cái gì đó không tồn tại đối với vũ trụ.

You are at liberty to place in this eternal vacuum the intellectual or voluntary powers of your Deity, if you can conceive of such a thing. Meanwhile we say that it is motion which governs the laws of nature, and that it governs them as the mechanical impulse given to running water, which will profit them either in a direct line or along hundreds of side furrows they may happen to meet on their way, whether those furrows are natural grooves or channels prepared artificially by the hand of man; and we maintain that wherever there is life and being however much spiritualised a form, there is no room for moral government, much less for a moral governor, a Being who at the same time has no form nor occupies space! If verily the light shineth in darkness and the darkness comprehends it not, it is because such is the natural law; but how much more suggestive and pregnant with meaning for *one who knows* to say that light can still less comprehend darkness or ever know it, since it kills it wherever it penetrates, and annihilates it instantly. A pure, yet volitional, spirit is an absurdity for volitional mind. The result of

Bạn được tự do đặt vào khoảng chân không vĩnh cửu này những sức mạnh trí tuệ hoặc tự nguyện của Thượng đế của bạn, nếu bạn có thể hình dung ra một điều như vậy. Trong khi đó, chúng ta nói rằng chính chuyển động chi phối các định luật của tự nhiên, và nó chi phối chúng như xung lực cơ học được truyền cho dòng nước chảy, vốn sẽ mang lại lợi ích cho chúng hoặc theo một đường thẳng hoặc dọc theo hàng trăm luống bên mà chúng có thể gặp trên đường đi, cho dù những luống đó là rãnh tự nhiên hay kênh đào được chuẩn bị nhân tạo bởi bàn tay con người; và chúng ta khẳng định rằng bất cứ nơi nào có sự sống và hữu thể dù một hình tướng có được tinh thần hóa đến đâu, thì không có chỗ cho chính phủ đạo đức, càng không có chỗ cho một người cai trị đạo đức, một Đấng đồng thời không có hình tướng cũng không chiếm không gian! Nếu quả thật ánh sáng chiếu trong bóng tối và bóng tối không hiểu nó, thì đó là vì đó là định luật tự nhiên; nhưng nó gợi ý và chứa đựng ý nghĩa hơn bao nhiêu đối với một người biết nói rằng ánh sáng thậm chí còn ít hiểu bóng tối hơn hoặc từng biết đến nó, vì nó giết chết nó bất cứ nơi nào nó thâm nhập và tiêu diệt nó ngay lập

organism cannot exist independent of an organized brain, and an organized brain made out of mind is a still greater fallacy. If you ask me, whence then the immutable laws since laws cannot make themselves, then in my turn I will ask: and whence their supposed Creator? A creator cannot create or make himself if the brain did not make itself; for this would be affirming that brain acted before it existed; how could intelligence—the result of an organized brain—act before its Creator was made?

tức. Một tinh thần thuần khiết, nhưng có ý chí, là một điều vô lý đối với thể trí có ý chí. Kết quả của cơ thể không thể tồn tại độc lập với một bộ não có tổ chức, và một bộ não có tổ chức được tạo ra từ thể trí là một sai lầm lớn hơn nữa. Nếu bạn hỏi tôi, vậy thì các định luật bất biến đến từ đâu vì các định luật không thể tự tạo ra, thì đến lượt mình, tôi sẽ hỏi: và Đấng Sáng Tạo được cho là của chúng đến từ đâu? Một đấng sáng tạo không thể tự tạo ra hoặc tạo ra chính mình nếu bộ não không tự tạo ra; vì điều này sẽ khẳng định rằng bộ não đã hành động trước khi nó tồn tại; làm thế nào trí thông minh—kết quả của một bộ não có tổ chức—có thể hành động trước khi Đấng Sáng Tạo của nó được tạo ra?

All this reminds me of wrangling for seniorship. [This refers to the “Senior Wrangler,” the first on the list in the mathematical examination of Cambridge University. In the old days, each scholar proceeding to a degree was a “wrangler,” that is, one ready to defend his thesis by disputation against all comers.] If our doctrines clash too much with your theories, then we can easily give up the subject and talk of something else.

Tất cả điều này làm tôi nhớ đến việc tranh giành quyền làm đàn anh. [Điều này đề cập đến "Senior Wrangler", người đứng đầu danh sách trong kỳ thi toán học của Đại học Cambridge. Vào thời xưa, mỗi học giả tiến tới một bằng cấp là một "wrangler", nghĩa là một người sẵn sàng bảo vệ luận án của mình bằng cách tranh luận chống lại tất cả những người đến.] Nếu các học thuyết của chúng ta xung đột quá nhiều với các lý thuyết của bạn, thì chúng ta có thể dễ dàng từ bỏ chủ đề này và nói về một điều gì đó khác.

Study the laws and doctrines of the Nepaulese Svabhavikas, the principal Buddhist philosophical school in India, and you will find them the most learned, as the most scientifically logical, wranglers in the world. Their plastic, invisible, eternal, omnipresent and unconscious Svabhavat is force or motion ever generating electricity, which is life. Yes, there is a force as limitless as thought, as potent, as boundless as will, as subtle as the essence of life, so inconceivably awful in its rending force as to convulse the universe to its centre could it but be used as a lever; but this force is not God, since there are men who have

Nghiên cứu các định luật và học thuyết của Nepaulese Svabhavikas, trường phái triết học Phật giáo chính ở Ấn Độ, và bạn sẽ thấy Các Ngài là những người tranh luận uyên bác nhất, cũng như hợp lý về mặt khoa học nhất trên thế giới. Svabhavat dẻo dai, vô hình, vĩnh cửu, hiện diện khắp nơi và vô thức của Các Ngài là lực hoặc chuyển động luôn tạo ra điện, vốn là sự sống. Phải, có một lực vô hạn như tư tưởng, mạnh mẽ, vô biên như ý chí, tinh tế như bản chất của sự sống, khủng khiếp đến mức không thể tưởng tượng được trong lực xé toạc của nó đến mức có thể làm rung chuyển vũ trụ đến tận trung tâm nếu nó có thể được sử dụng như

learned the secret of subjecting it to their will when necessary. Look around you and see the myriad manifestations of life, so infinitely multiform, of life, of motion, of change. What caused them? From what inexhaustible source come they, by what agency out of the invisible and subjective have they entered our little area of the visible and objective? Children of Akasa, concrete evolution from the ether, it was force which brought them into perceptibility, and force will in time remove them from the sight of man. Why should this plant in your garden, to the right, have been produced with such a shape, and that other one to the left, with one totally dissimilar? Are these not the result of varying action of force—unlike correlations? Given a perfect monotony of activities throughout the world, we should have a complete identity of forms, colours, shapes and properties throughout all the kingdoms of nature.

một đòn bẩy; nhưng lực này không phải là Thượng đế, vì có những người đã học được bí mật khuất phục nó theo ý muốn của họ khi cần thiết. Hãy nhìn xung quanh bạn và xem vô số biểu hiện của sự sống, vô cùng đa dạng, của sự sống, của chuyển động, của sự thay đổi. Điều gì đã gây ra chúng? Chúng đến từ nguồn vô tận nào, bởi tác nhân nào từ vô hình và chủ quan mà chúng đã đi vào khu vực nhỏ bé hữu hình và khách quan của chúng ta? Con cái của Akasa, sự tiến hóa cụ thể từ dĩ thái, chính lực đã đưa chúng vào khả năng nhận biết, và lực sẽ theo thời gian loại bỏ chúng khỏi tầm mắt của con người. Tại sao cây này trong khu vườn của bạn, ở bên phải, lại được tạo ra với một hình dạng như vậy, và cây kia ở bên trái, với một hình dạng hoàn toàn khác? Đây chẳng phải là kết quả của các tác động khác nhau của lực—các mối tương quan không giống nhau sao? Với một sự đơn điệu hoàn hảo của các hoạt động trên khắp thế giới, chúng ta sẽ có một sự đồng nhất hoàn toàn về hình tướng, màu sắc, hình dạng và thuộc tính trên khắp tất cả các giới của tự nhiên.

It is motion with its resulting conflict, neutralization, equilibration, correlation, to which is due the infinite variety which prevails. You speak of an intelligent and good —the attribute is rather unfortunately chosen —Father, a mortal guide and governor of the universe and man. A certain condition of things around us we call normal; under this nothing can occur which transcends our every day experience (“God’s immutable laws”). But suppose we change this condition and have the best of him, without whom even a hair of your head will not fall, as they tell you in the West. A current of air brings cold to me from the lake, near which with my fingers half frozen I now write to you this letter. I change, by a certain combination of electrical magnetic, odyllic or other influences, the current of air which benumbs my fingers into

Đó là sự chuyển động với xung đột, trung hòa, cân bằng và tương quan vốn có, nhờ đó mà sự đa dạng vô tận chiếm ưu thế. Bạn nói về một người Cha thông minh và tốt bụng—thuộc tính này được chọn khá đáng tiếc—một người hướng dẫn và cai quản hữu hạn của vũ trụ và con người. Một trạng thái nhất định của mọi thứ xung quanh chúng ta mà chúng ta gọi là bình thường; theo đó, không có gì có thể xảy ra vượt quá kinh nghiệm hàng ngày của chúng ta ("các định luật bất biến của Thượng đế"). Nhưng giả sử chúng ta thay đổi điều kiện này và có được điều tốt nhất từ Ngài, vốn không có Ngài thì ngay cả một sợi tóc trên đầu bạn cũng sẽ không rụng, như họ nói với bạn ở phương Tây. Một luồng không khí mang hơi lạnh đến cho tôi từ hồ nước, gần đó với những ngón tay gần như đóng băng, giờ tôi viết cho bạn lá thư này. Tôi thay đổi, bằng một sự kết hợp nhất

a warm breeze, I have thwarted the intention of the Almighty and dethroned him at my will. I can do that or, when I do not want nature to produce strange and too visible phenomena, I force my nature (seeing nature influencing Self within me) to suddenly awake to new perceptions and feelings, and thus am my own creator and ruler.

định của các ảnh hưởng điện từ, từ lực hoặc các ảnh hưởng khác, luồng không khí làm tê cóng các ngón tay của tôi thành một làn gió ấm áp, tôi đã cản trở ý định của Đấng Toàn Năng và truất ngôi Ngài theo ý muốn của tôi. Tôi có thể làm điều đó hoặc, khi tôi không muốn tự nhiên tạo ra những hiện tượng kỳ lạ và quá rõ ràng, tôi buộc bản chất của mình (nhìn thấy tự nhiên ảnh hưởng đến Bản ngã bên trong tôi) đột nhiên thức tỉnh với những nhận thức và cảm xúc mới, và do đó tôi là người sáng tạo và người cai trị của chính mình.

But do you think you are right when saying “the laws arise”? Immutable laws cannot arise since they are eternal and uncreated, propelled in the eternity, and God himself, if such a thing existed, could never have the power of stopping them. And when did I say that these laws were fortuitous *per se*? I meant their blind correlations, never the laws or rather the law, since we recognize but one law in the universe, the law of harmony, of perfect equilibrium.

Nhưng bạn có nghĩ rằng bạn đúng khi nói rằng "các định luật phát sinh"? Các định luật bất biến không thể phát sinh vì chúng là vĩnh cửu và vô tạo, được thúc đẩy trong cõi vĩnh hằng, và chính Thượng đế, nếu một điều như vậy tồn tại, sẽ không bao giờ có quyền năng ngăn chặn chúng. Và khi nào tôi nói rằng bản thân những định luật này là ngẫu nhiên? Ý tôi là các mối tương quan mù quáng của chúng, chứ không bao giờ là các định luật, hay đúng hơn là định luật, vì chúng ta chỉ nhận ra một định luật trong vũ trụ, định luật hài hòa, về sự cân bằng hoàn hảo.

Then for a man endowed with so subtle a logic, and such a fine comprehension of the value of ideas in general and that of words especially, for a man so accurate as you generally are to make tirades upon an “all-wise, powerful and loveful God” seems to me, to say the least, strange. I do not, protest at all, as you seem to think, against your theism or a belief in an abstract idea of some kind; but I cannot help asking you, “How do you or how can you know that your God is all-wise, omnipotent and loveful, when everything in nature, physical and moral, proves such a being, if he does exist, to be quite the reverse of all you say of him? Strange delusion, and one which seems to overpower your very intellect.

Vậy thì, đối với một người đàn Bạn được ban cho một logic tinh tế như vậy, và một sự thấu hiểu tuyệt vời về giá trị của các ý tưởng nói chung và đặc biệt là giá trị của các từ ngữ, đối với một người đàn Bạn chính xác như bạn thường có để đưa ra những lời lẽ công kích về một "Thượng đế toàn trí, quyền năng và đầy yêu thương" dường như đối với tôi, nói một cách nhẹ nhàng, là kỳ lạ. Tôi hoàn toàn không phản đối, như bạn nghĩ, chống lại thuyết hữu thần của bạn hoặc niềm tin vào một ý tưởng trừu tượng nào đó; nhưng tôi không thể không hỏi bạn, "Làm thế nào bạn biết hoặc làm thế nào bạn có thể biết rằng Thượng đế của bạn là toàn trí, toàn năng và đầy yêu thương, khi mọi thứ trong tự nhiên, về thể chất và đạo đức, chứng minh rằng một đấng như vậy, nếu Ngài

tồn tại, hoàn toàn trái ngược với tất cả những gì bạn nói về Ngài? Ảo tưởng kỳ lạ, và một ảo tưởng dường như chế ngự chính trí tuệ của bạn.

The difficulty of explaining the fact that unintelligent forces can give rise to highly intelligent beings like ourselves is covered by the eternal progression of cycles and the process of evolution ever perfecting the world as it goes on. Not believing in cycles, it is unnecessary for you to learn that which will create but a few pretext for you, my dear brother, to combat the theory and argue upon it *ad infinitum.* Nor did I ever become guilty of heresy I am accused of in reference to spirit and matter. The conception of spirit and matter as entirely distinct and both eternal could certainly never have entered my head, however little I may know of them. For it is one of the elementary and fundamental doctrines of Occultism that matter and spirit are one, and are distinct but in their respective manifestations and only in the limited perception of the world of our senses. Far from lacking philosophical breadth then, our doctrines show but one principle in nature, spirit-matter or matter-spirit, the third, the ultimate absolute, and quintessence of the two, if I may be allowed to use an erroneous term in the present application, losing itself beyond the view and spiritual perceptions of even the Gods or Planetary Spirits. The third principle, say the Vedantic philosophers, is the only reality, everything else being Maya, as none of the Protean manifestations of spirit-matter, or Purusha and Prakriti, have ever been regarded in any other light than that of temporary delusions of the senses. Even in the hardly outlined philosophy of *Isis*, this idea is clearly carried out. In the book of *Kiu-te* spirit is called the ultimate sublimation of matter and matter the crystallization of spirit; and no better illustration could be afforded

Sự khó khăn trong việc giải thích sự thật rằng các lực lượng không thông minh có thể tạo ra những sinh vật có trí tuệ cao như chúng ta được bao trùm bởi sự tiến triển vĩnh cửu của các chu kỳ và quá trình tiến hóa không ngừng hoàn thiện thế giới khi nó tiếp diễn. Vì không tin vào các chu kỳ, bạn không cần phải học những điều vốn sẽ chỉ tạo ra một vài lý do cho bạn, huynh đệ thân mến của tôi, để chống lại lý thuyết và tranh luận về nó đến vô tận. Tôi cũng chưa bao giờ trở nên có tội với dị giáo mà tôi bị buộc tội liên quan đến tinh thần và vật chất. Quan niệm về tinh thần và vật chất hoàn toàn khác biệt và cả hai đều vĩnh cửu chắc chắn không bao giờ có thể xâm nhập vào đầu tôi, dù tôi có thể biết ít về chúng đến đâu. Vì một trong những học thuyết sơ đẳng và cơ bản của huyền bí học là vật chất và tinh thần là một, và khác biệt chỉ trong các biểu hiện tương ứng của chúng và chỉ trong nhận thức hạn chế của thế giới giác quan của chúng ta. Do đó, khác xa với việc thiếu chiều rộng triết học, các học thuyết của chúng ta chỉ ra một nguyên lý duy nhất trong tự nhiên, tinh thần-vật chất hoặc vật chất-tinh thần, nguyên lý thứ ba, tuyệt đối tối thượng và tinh túy của hai nguyên lý, nếu tôi được phép sử dụng một thuật ngữ sai lầm trong ứng dụng hiện tại, tự đánh mất mình vượt ra ngoài tầm nhìn và nhận thức tinh thần ngay cả của Các Thượng đế hoặc Các Tinh Thần Hành Tinh. Các triết gia Vedantic nói rằng nguyên lý thứ ba là thực tại duy nhất, mọi thứ khác đều là Maya, vì không có biểu hiện đa dạng nào của tinh thần-vật chất, hay Purusha và Prakriti, từng được coi trọng hơn là những ảo tưởng tạm thời của các giác quan. Ngay cả trong triết lý khó có thể phác thảo của Isis, ý tưởng này cũng được thực hiện rõ ràng. Trong cuốn sách Kiu-te, tinh

than the very simple phenomenon of ice-water-vapour, and the final dispersion of the latter, the phenomenon being reversed in its consecutive manifestations, and called the spirit falling into generation or matter, this trinity resolving itself into unity. A doctrine as old as the world of thought was seized upon by some early Christians, who had it in the schools of Alexandria and made it up into the Father or generative Spirit, the Son, or matter-man, and the Holy Ghost, the immaterial essence or the apex of the equilateral Δan idea found to this day in the pyramids of Egypt.

thần được gọi là sự thăng hoa tối thượng của vật chất và vật chất là sự kết tinh của tinh thần; và không có minh họa nào tốt hơn có thể được cung cấp hơn là hiện tượng rất đơn giản của băng-nước-hơi, và sự phân tán cuối cùng của cái sau, hiện tượng này bị đảo ngược trong các biểu hiện liên tiếp của nó, và được gọi là tinh thần rơi vào sự sinh thành hoặc vật chất, bộ ba này tự phân giải thành sự hợp nhất. Một học thuyết cổ xưa như thế giới tư tưởng đã bị một số Cơ đốc nhân ban đầu nắm bắt, những người đã có nó trong các trường học ở Alexandria và tạo thành Đức Chúa Cha hoặc Tinh Thần sinh thành, Đức Chúa Con, hoặc con người vật chất, và Chúa Thánh Thần, bản chất phi vật chất hoặc đỉnh của Δ đều cạnh—một ý tưởng được tìm thấy cho đến ngày nay trong các kim tự tháp của Ai Cập.

Thus once more it is proved that you misunderstand my meaning entirely whenever, for the sake of brevity, I use a phraseology habitual with western people. But in my turn I have to remark that your idea that matter is but the temporary allotropic form of spirit, differing from it as charcoal does from diamond, is as unphilosophical as it is unscientific from both the eastern and western point of view; charcoal being but a form of residue of matter, while matter *per se* is indestructible and, as I maintain, can conceive of. Bereaved of Prakriti, Purusha (spirit) is unable to manifest itself, hence ceases to exist, becomes *nihil*, without spirit or force; even that which science styles as not living matter, the so-called mineral ingredients which feed plants, could never have been called into form.

Do đó, một lần nữa, người ta chứng minh rằng bạn hoàn toàn hiểu sai ý tôi bất cứ khi nào, vì mục đích ngắn gọn, tôi sử dụng một cụm từ quen thuộc với người phương Tây. Nhưng đến lượt mình, tôi phải nhận xét rằng ý tưởng của bạn rằng vật chất chỉ là một dạng thù hình tạm thời của tinh thần, khác với nó như than củi khác với kim cương, là phi triết học cũng như phi khoa học từ cả quan điểm phương Đông và phương Tây; than củi chỉ là một dạng cặn của vật chất, trong khi bản thân vật chất là không thể phá hủy và, như tôi khẳng định, có thể hình dung được. Mất đi Prakriti, Purusha (tinh thần) không thể biểu hiện chính nó, do đó không còn tồn tại, trở thành hư vô, không có tinh thần hoặc mãnh lực; ngay cả những gì khoa học gọi là vật chất không sống, cái gọi là thành phần khoáng chất nuôi dưỡng thực vật, cũng không bao giờ có thể được hình thành.

There is a moment in the existence of every atom and molecule of matter when, for one cause or another, the last spark of spirit or motion or life, call it by whatever name you

Có một khoảnh khắc trong sự tồn tại của mọi nguyên tử và phân tử vật chất khi, vì lý do này hay lý do khác, tia lửa cuối cùng của tinh thần hoặc chuyển động hoặc sự sống, hãy gọi nó

please, is withdrawn; and in the same instant, with a swiftness that surpasses that of the lightning glance of thought, the atom or molecule or the aggregation of molecules is annihilated to return to its pristine purity of intra-cosmic matter; it is drawn to the mother fount with the velocity of a globule of quicksilver to the central mass. Matter, force and motion are the trinity of physical objective nature, as the trinitarian unity of spirit and matter is that of spiritual subjective nature; motion is eternal because spirit is eternal, but no modes of motion can ever be conceived unless they be in connection with matter.

bằng bất kỳ tên nào bạn muốn, bị rút lại; và trong cùng một khoảnh khắc, với một tốc độ vượt qua tốc độ của cái nhìn thoáng qua của tư tưởng, nguyên tử hoặc phân tử hoặc sự tập hợp của các phân tử bị tiêu diệt để trở về độ tinh khiết nguyên sơ của vật chất nội vũ trụ; nó được hút về nguồn gốc với vận tốc của một giọt thủy ngân vào khối trung tâm. Vật chất, mãnh lực và chuyển động là bộ ba của tự nhiên khách quan vật lý, giống như sự hợp nhất ba ngôi của tinh thần và vật chất là của tự nhiên chủ quan tinh thần; chuyển động là vĩnh cửu vì tinh thần là vĩnh cửu, nhưng không thể hình dung ra bất kỳ phương thức chuyển động nào trừ khi chúng có liên quan đến vật chất.

And now to your extraordinary hypothesis that evil, with its attendant train of sin and suffering is not the result of matter, but may be perchance the wise scheme of the moral Governor of the Universe. Conceivable as the idea may seem to you, trained in the pernicious fallacy of the Christian, that the ways of the Lord are inscrutable, it is utterly inconceivable for me; must I repeat again that the best Adepts have searched the universe during millenniums and found nowhere the slightest trace of such a Machiavellian schemer, but throughout the same immutable inexorable law. You must excuse me therefore if I positively decline to lose my time over such childish speculations. It is not the ways of the Lord but rather those of some extremely intelligent men, in everything but some particular hobby, that are to me incomprehensible.

Và bây giờ đến giả thuyết phi thường của bạn rằng cái ác, với chuỗi tội lỗi và đau khổ đi kèm của nó, không phải là kết quả của vật chất, mà có lẽ là kế hoạch khôn ngoan của Đấng Cai Quản Đạo Đức của Vũ Trụ. Có thể hình dung được ý tưởng này đối với bạn, được đào tạo trong sự ngụy biện tai hại của Cơ đốc giáo, rằng con đường của Chúa là không thể dò xét, thì nó hoàn toàn không thể hình dung được đối với tôi; tôi có phải lặp lại một lần nữa rằng các Chân sư giỏi nhất đã tìm kiếm vũ trụ trong hàng thiên niên kỷ và không tìm thấy ở đâu dấu vết nhỏ nhất của một kẻ bày mưu Machiavelli như vậy, mà xuyên suốt cùng một định luật bất biến không thể lay chuyển. Do đó, bạn phải tha thứ cho tôi nếu tôi hoàn toàn từ chối lãng phí thời gian vào những suy đoán trẻ con như vậy. Không phải con đường của Chúa mà là con đường của một số người cực kỳ thông minh, trong mọi thứ trừ một sở thích đặc biệt nào đó, là điều tôi không thể hiểu được.

As you say, this need make no difference between us personally; but it does make a world of difference if you propose to learn and offer me to teach; for the life of me I cannot make out how I could ever impart to you that

Như bạn nói, điều này không cần tạo ra sự khác biệt giữa chúng ta về mặt cá nhân; nhưng nó tạo ra một thế giới khác biệt nếu bạn đề xuất học hỏi và đề nghị tôi dạy; vì cuộc sống của tôi, tôi không thể hiểu làm thế nào tôi có

which I know, since the very A.B.C of what I know to be the rock upon which the secrets of the occult universe, whether upon this or that side of the veil, are encrusted, is contradicted by you invariably and *a priori*. My dear Brother, either we know something or we do not know anything. In the first case, what is the use of your learning since you think you know better; in the second case, why should you lose your time? You say it matters nothing whether these laws are the expression of the will of an intelligent conscious God, as you think, or constitute the inevitable attributes of an unintelligent unconscious God, as I hold. I say it matters everything, since you earnestly believe that these fundamental questions of spirit and matter, of God and no God, are admittedly beyond both of us, in other words that neither I nor yet our greatest Adepts can know any more than you do.

thể truyền đạt cho bạn những gì tôi biết, vì ngay cả A.B.C của những gì tôi biết là tảng đá mà trên đó những bí mật của vũ trụ huyền bí, dù ở bên này hay bên kia bức màn, được bao bọc, luôn bị bạn mâu thuẫn và tiên nghiệm. Huynh đệ thân mến của tôi, hoặc là chúng ta biết điều gì đó hoặc là chúng ta không biết gì cả. Trong trường hợp đầu tiên, việc bạn học hỏi có ích gì vì bạn nghĩ rằng bạn biết rõ hơn; trong trường hợp thứ hai, tại sao bạn nên lãng phí thời gian của mình? Bạn nói rằng không có vấn đề gì nếu những định luật này là sự thể hiện ý chí của một Thượng đế có ý thức thông minh, như bạn nghĩ, hoặc cấu thành các thuộc tính không thể tránh khỏi của một Thượng đế vô ý thức không thông minh, như tôi cho là vậy. Tôi nói rằng mọi thứ đều quan trọng, vì bạn thực sự tin rằng những câu hỏi cơ bản này về tinh thần và vật chất, về Thượng đế và không có Thượng đế, được thừa nhận là vượt quá cả hai chúng ta, nói cách khác là cả tôi lẫn các Chân sư vĩ đại nhất của chúng ta đều không thể biết nhiều hơn bạn.

Then what is there on earth that I could teach you? You know that, in order to enable you to read, you must learn your letters; yet you want to know the course of events before and after the Pralayas, of every event here on this globe on the opening of a new cycle, namely, a mystery imparted at one of the last Initiations, as Mr. Sinnett was told; for my letter to him upon the Planetary Spirits was simply accidental, brought out by a question of his. And now you would say I am evading the direct issue, that I have discoursed upon collateral points but have not explained to you all you want to know, and that you ask me to tell you. You say, “I dodge as I always do”. Pardon me for contradicting you, but it is nothing of the kind; there are a thousand questions I shall never be permitted to answer, and it would be dodging were I to answer to you other than I do. I tell you plainly

Vậy thì trên đời này có gì mà tôi có thể dạy bạn? Bạn biết rằng, để cho phép bạn đọc, bạn phải học các chữ cái của mình; tuy nhiên, bạn muốn biết diễn biến của các sự kiện trước và sau các Giai kỳ qui nguyên, của mọi sự kiện ở đây trên địa cầu này khi mở ra một chu kỳ mới, cụ thể là một bí ẩn được truyền đạt tại một trong những lần điểm đạo cuối cùng, như Bạn Sinnett đã được kể; vì lá thư của tôi gửi cho Bạn về Các Tinh Thần Hành Tinh chỉ là ngẫu nhiên, được đưa ra bởi một câu hỏi của ông. Và bây giờ bạn sẽ nói rằng tôi đang trốn tránh vấn đề trực tiếp, rằng tôi đã thảo luận về các điểm phụ nhưng chưa giải thích cho bạn tất cả những gì bạn muốn biết, và rằng bạn yêu cầu tôi nói cho bạn biết. Bạn nói, "Tôi né tránh như tôi vẫn luôn làm". Xin thứ lỗi cho tôi vì đã mâu thuẫn với bạn, nhưng không có gì giống như vậy; có hàng ngàn câu hỏi mà tôi sẽ không bao giờ được phép trả lời, và sẽ là trốn tránh nếu tôi

you are unfit to learn, for your mind is too full, and there is not a corner vacant from whence a previous occupant would not arise to struggle with and drive away a new comer. Therefore I do not evade. I only give you time to reflect and deduce, and first learn well what was already given you, before you seize on something else. The world of force is the world of occultism and the only one whither the highest Initiate goes to probe the secret of being; hence no one but such an Initiate can know anything of these secrets. Guided by his Guru, the Chela first discovers this world and its laws, then their centrifugal evolutions into the world of matter. To become a perfect Adept takes him long years but at last he becomes a Master; the hidden things have become patent and mystery and miracle have fled from his sight for ever; he sees how to guide force in this direction or that, to produce desirable effects; the secret chemical, electric or odic properties of plants, herbs, roots, minerals, and animal tissue are as familiar as the feathers of your birds are to you. [Mr. Hume was an ornithologist and had a valuable collection of stuffed birds.] No change in the etheric vibrations can escape him; he applies his knowledge, and behold a miracle! and he who started with the repudiation of the very idea that miracle is possible is straightway classed as a miracle worker and either worshipped by the fools as a demi-god or repudiated by still greater fools as a charlatan.

trả lời bạn khác với những gì tôi làm. Tôi nói thẳng với bạn rằng bạn không đủ tư cách để học, vì trí óc của bạn quá đầy, và không có một góc nào trống mà từ đó một người cư ngụ trước đó sẽ không trỗi dậy để vật lộn và xua đuổi một người mới đến. Vì vậy, tôi không trốn tránh. Tôi chỉ cho bạn thời gian để suy ngẫm và suy luận, và trước tiên hãy học kỹ những gì đã được trao cho bạn, trước khi bạn nắm bắt một cái gì đó khác. Thế giới mãnh lực là thế giới của huyền bí học và là thế giới duy nhất mà các điểm đạo đồ cao cấp nhất đến để thăm dò bí mật của sự tồn tại; do đó, không ai ngoài một điểm đạo đồ như vậy có thể biết bất cứ điều gì về những bí mật này. Được hướng dẫn bởi Huấn sư của mình, đệ tử trước tiên khám phá ra thế giới này và các định luật của nó, sau đó là sự tiến hóa ly tâm của chúng vào thế giới vật chất. Để trở thành một Chân sư hoàn hảo, y phải mất nhiều năm nhưng cuối cùng y trở thành một Chân sư; những điều ẩn giấu đã trở nên rõ ràng và bí ẩn và phép lạ đã biến mất khỏi tầm mắt y mãi mãi; y thấy cách hướng dẫn mãnh lực theo hướng này hay hướng khác, để tạo ra những hiệu ứng mong muốn; các đặc tính hóa học, điện hoặc từ lực bí mật của thực vật, thảo mộc, rễ, khoáng chất và mô động vật quen thuộc như lông vũ của những con chim của bạn đối với bạn. [Ông Hume là một nhà điểu học và có một bộ sưu tập chim nhồi bông có giá trị.] Không có sự thay đổi nào trong các rung động dĩ thái có thể thoát khỏi y; y áp dụng kiến thức của mình, và kìa một phép lạ! và người bắt đầu bằng việc từ bỏ chính ý tưởng rằng phép lạ là có thể ngay lập tức được xếp vào loại người tạo ra phép lạ và hoặc được những kẻ ngốc thờ phụng như một á thần hoặc bị những kẻ ngốc lớn hơn bác bỏ như một kẻ bịp bợm.

And, to show you how exact a science is Occultism, let me tell you that the means we avail ourselves of are all laid down for us in a code as old as humanity to the minutest

Và, để cho bạn thấy huyền bí học là một môn khoa học chính xác như thế nào, hãy để tôi nói với bạn rằng các phương tiện mà chúng ta sử dụng đều được quy định cho chúng ta trong

details, but every one of us has to begin from the beginning, not from the end. Our laws are as immutable as those of nature, and were known to man an eternity before this strutting gamecock, modern science, was hatched. If I have not given you the *modus operandi* or begun at the wrong end, I have at least shown you that we build our philosophy upon experiment and deduction, unless you choose to question and dispute this fact equally with all others. Learn first our laws and educate your perceptions, dear brother; control your involuntary powers and develop in the right direction your will, and you will become a teacher instead of a learner. I would not refuse what I have a right to teach, only I had to study for fifteen years before I came to the doctrine of cycles and had to learn simpler things at first. But, do what we may and whatever happens, I trust we shall have no more arguing, which is as profitless as it is painful.

một bộ luật cổ xưa như nhân loại đến từng chi tiết nhỏ nhất, nhưng mỗi người chúng ta phải bắt đầu từ đầu, không phải từ cuối. Các định luật của chúng ta cũng bất biến như các định luật của tự nhiên, và đã được con người biết đến từ vô tận trước khi con gà trống vênh váo này, khoa học hiện đại, nở ra. Nếu tôi không đưa cho bạn phương thức hoạt động hoặc bắt đầu ở đầu sai, thì ít nhất tôi đã chỉ cho bạn rằng chúng ta xây dựng triết lý của mình dựa trên thử nghiệm và suy luận, trừ khi bạn chọn đặt câu hỏi và tranh chấp sự thật này một cách bình đẳng với tất cả những người khác. Trước tiên, hãy học các định luật của chúng ta và giáo dục nhận thức của bạn, huynh đệ thân mến; kiểm soát các quyền năng vô thức của bạn và phát triển ý chí của bạn theo đúng hướng, và bạn sẽ trở thành một huấn sư thay vì một người học. Tôi sẽ không từ chối những gì tôi có quyền dạy, chỉ là tôi đã phải học trong mười lăm năm trước khi tôi đến với học thuyết về các chu kỳ và trước tiên phải học những điều đơn giản hơn. Nhưng, dù chúng ta có làm gì và bất cứ điều gì xảy ra, tôi tin rằng chúng ta sẽ không còn tranh cãi nữa, điều này vừa vô ích vừa đau đớn.

Notes by the Master K.H. on a Preliminary Chapter headed "God"— Ghi chú của Chân sư KH về một Chương Sơ Bộ có tiêu đề "Thượng đế",

by A.O. Hume, intended to preface an Exposition of Occult Philosophy— của A.O. Hume, dự định mở đầu cho một Thuyết Minh về Triết Học Huyền Bí

Neither our philosophy nor ourselves believe in a God, least of all in one whose pronoun necessitates a capital H. Our philosophy falls under the definition of Hobbes; it is pre-

Triết lý của chúng ta cũng như bản thân chúng ta không tin vào Thượng đế, đặc biệt là một vị mà đại từ của Ngài đòi hỏi phải viết hoa chữ H. Triết lý của chúng ta thuộc định nghĩa của

eminently the science of effects by their causes, and of causes by their effects. And since it is also the science of things deduced from first principles, as Bacon defines it, before we admit any new principle, we must know it, and have no right to admit even its probability. Your whole explanation is based upon one solitary admission, made simply for argument's sake in October last. You were told that our knowledge was limited to this our Solar System: *ergo*, as philosophers who desired to remain worthy of the name, we could not either deny or affirm the existence of what you termed a supreme omnipotent intelligent being of some sort beyond the limits of that Solar System. But if such an existence is not absolutely impossible, yet, unless the uniformity of Nature's laws breaks at those limits, we maintain that it is highly improbable. Nevertheless we deny most emphatically the position of Agnosticism in this direction, and as regards the Solar System our doctrine knows no compromise. It either affirms or denies, for it never teaches but that which it *knows* to be the truth. Therefore we deny God, both as philosophers and Buddhists. We know that there are Planetary and other spiritual lives, and we know that there is in our system no such thing as God, either personal or impersonal. Parabrahm is not a God, but absolute immutable law, and Isvara is the effect of Avidya and Maya, a ignorance based upon the great delusion.

Hobbes; nó chủ yếu là khoa học về các hiệu ứng theo nguyên nhân của chúng, và về các nguyên nhân theo hiệu ứng của chúng. Và vì nó cũng là khoa học về những điều được suy ra từ các nguyên tắc đầu tiên, như Bacon định nghĩa, trước khi chúng ta thừa nhận bất kỳ nguyên tắc mới nào, chúng ta phải biết nó và không có quyền thừa nhận ngay cả tính khả thi của nó. Toàn bộ lời giải thích của bạn dựa trên một sự thừa nhận duy nhất, được đưa ra đơn giản là vì mục đích tranh luận vào tháng 10 năm ngoái. Bạn đã được cho biết rằng kiến thức của chúng ta bị giới hạn trong Hệ Mặt Trời này: do đó, với tư cách là những nhà triết học mong muốn xứng đáng với danh xưng này, chúng ta không thể phủ nhận hoặc khẳng định sự tồn tại của cái mà bạn gọi là một thực thể thông minh toàn năng tối cao nào đó vượt ra ngoài giới hạn của Hệ Mặt Trời đó. Nhưng nếu một sự tồn tại như vậy không phải là hoàn toàn không thể, thì trừ khi tính đồng nhất của các định luật Tự nhiên bị phá vỡ ở những giới hạn đó, chúng ta khẳng định rằng nó rất khó xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta phủ nhận một cách mạnh mẽ nhất vị thế của thuyết bất khả tri theo hướng này, và đối với Hệ Mặt Trời, học thuyết của chúng ta không chấp nhận sự thỏa hiệp nào. Nó hoặc là khẳng định hoặc là phủ nhận, vì nó không bao giờ dạy điều gì khác ngoài những gì nó biết là sự thật. Vì vậy, chúng ta phủ nhận Thượng đế, cả với tư cách là nhà triết học và Phật tử. Chúng ta biết rằng có các sự sống thuộc Hành Tinh và các sự sống tinh thần khác, và chúng ta biết rằng trong hệ thống của chúng ta không có cái gọi là Thượng đế, dù là hữu ngã hay vô ngã. Parabrahm không phải là Thượng đế, mà là định luật tuyệt đối bất biến, và Isvara là hiệu ứng của Avidya và Maya, một sự vô minh dựa trên ảo tưởng vĩ đại.

The word "God" was invented to designate the unknown cause of those effects which man has either admired or dreaded without

Từ "Thượng đế" được phát minh ra để chỉ định nguyên nhân chưa biết của những hiệu ứng mà con người hoặc là ngưỡng mộ hoặc là kinh

understanding them, and since we claim and are able to prove what we claim, *i.e.,* the knowledge of that cause or those causes, we are in a position to maintain that there is no God or gods behind them. The idea of God is not an innate but an acquired notion, and we have but one thing in common with theologists—we reveal the infinite. But while we assign to all the phenomena that proceed from the infinite and boundless space, duration and motion, material, natural, sensible and known (to us at least) causes; the theists assign them spiritual, supernatural, unintelligible and unknown causes. The God of the theologians is simply an imaginary power, "un loup-garou" as Dolback expresses it, a power which has never yet manifested itself. Our chief aim is to deliver humanity from this nightmare, and to teach man virtue for its own sake, and to walk in life relying on himself instead of leaning on a theological crutch that for countless ages was the direct cause of nearly all human misery. Pantheistic we may be called, agnostic never.

sợ mà không hiểu chúng, và vì chúng ta tuyên bố và có thể chứng minh những gì chúng ta tuyên bố, tức là kiến thức về nguyên nhân đó hoặc những nguyên nhân đó, chúng ta có đủ khả năng để khẳng định rằng không có Thượng đế hay các vị thần nào đằng sau chúng. Ý niệm về Thượng đế không phải là một khái niệm bẩm sinh mà là một khái niệm có được, và chúng ta chỉ có một điểm chung với các nhà thần học—chúng ta tiết lộ sự vô hạn. Nhưng trong khi chúng ta gán cho tất cả các hiện tượng xuất phát từ không gian, thời gian và chuyển động vô hạn và vô biên, các nguyên nhân vật chất, tự nhiên, hữu hình và đã biết (ít nhất là đối với chúng ta); thì những người theo thuyết hữu thần gán cho chúng những nguyên nhân tinh thần, siêu nhiên, khó hiểu và chưa biết. Thượng đế của các nhà thần học chỉ đơn giản là một quyền lực tưởng tượng, "un loup-garou" như Dolback diễn đạt, một quyền lực chưa bao giờ biểu hiện. Mục tiêu chính của chúng ta là giải thoát nhân loại khỏi cơn ác mộng này, và dạy con người đức hạnh vì lợi ích của chính nó, và bước đi trong cuộc sống dựa vào chính mình thay vì dựa vào một cái nạng thần học mà trong vô số thời đại là nguyên nhân trực tiếp gây ra gần như tất cả những đau khổ của con người. Chúng ta có thể được gọi là người theo thuyết phiếm thần, nhưng không bao giờ là người theo thuyết bất khả tri.

If people are willing to accept and regard as God our "One Life," immutable and unconscious in its eternity, they may do so, and thus keep to one more gigantic misnomer; but then they will have to say with Spinoza, that there is not, and that we cannot conceive, any other substance than God, or as that famous and unfortunate philosopher says in his fourteenth proposition—*Praeter Deum neque dari, neque concipi potest substantia*—and thus become Pantheists. Who but a theologian nursed on the most absurd

Nếu mọi người sẵn sàng chấp nhận và coi "Sự Sống Duy Nhất" của chúng ta là Thượng đế, bất biến và vô thức trong sự vĩnh cửu của nó, thì họ có thể làm như vậy, và do đó giữ thêm một cách gọi sai khổng lồ nữa; nhưng sau đó họ sẽ phải nói với Spinoza, rằng không có, và chúng ta không thể hình dung, bất kỳ chất nào khác ngoài Thượng đế, hoặc như nhà triết học nổi tiếng và bất hạnh đó nói trong mệnh đề thứ mười bốn của mình—Praeter Deum neque dari, neque concipi potest substantia—và do đó trở thành những người theo thuyết phiếm

supernaturalism can imagine self-existent being, of necessity infinite and omnipresent, outside the manifested, boundless universe? The word infinite is but a negation with excludes the idea of bounds. It is evident that a being independent and omnipresent cannot be limited by any thing which is outside of himself, that there can be nothing exterior to himself—not even vacuum; then where is there room for matter? for that manifested even though the later limited.[So in MS.] If we ask the theists, “Is your God vacuum space or matter?” they will reply, ‘no.” And yet they hold that their God penetrates matter though he is not himself matter.

thần. Ai ngoài một nhà thần học được nuôi dưỡng trên chủ nghĩa siêu nhiên vô lý nhất có thể tưởng tượng ra một hữu thể tự tồn tại, nhất thiết phải vô hạn và hiện diện khắp nơi, bên ngoài vũ trụ biểu hiện, vô biên? Từ vô hạn chỉ là một phủ định loại trừ ý niệm về giới hạn. Rõ ràng là một hữu thể độc lập và hiện diện khắp nơi không thể bị giới hạn bởi bất cứ điều gì bên ngoài chính nó, rằng không thể có bất cứ điều gì bên ngoài chính nó—ngay cả chân không; vậy thì có chỗ cho vật chất ở đâu? cho cái đã biểu hiện ngay cả khi cái sau bị giới hạn. [Vậy trong MS.] Nếu chúng ta hỏi những người theo thuyết hữu thần, "Thượng đế của bạn là không gian chân không hay vật chất?" họ sẽ trả lời, "không". Tuy nhiên, họ cho rằng Thượng đế của họ thâm nhập vào vật chất mặc dù bản thân Ngài không phải là vật chất.

When we speak of our “One Life,” we also say that it penetrates, nay, is the essence of every atom of matter, and that therefore it not only has correspondence with matter, but has all its properties likewise, etc., hence is material, is *matter itself*. “How can intelligence proceed or emanate from non-intelligence? you kept asking last year. “How could a highly intelligent humanity, man the crown of reason, be evolved out of blind unintelligent law or force?” But once we reason on that line I may ask in my turn: “How could congenital idiots, non-reasoning animals, and the rest of the creation have been created by, or evolved from, absolute wisdom, if the latter is a thinking intelligent being, the author and ruler of the universe?” How says Dr. Clarke in his examination of the proof of the existence of the Divinity: “God Who hath made the eye shall He not see, God Who hath made the ear shall He not hear?” But according to this mode of reasoning, they would have to admit that in creating an idiot, God is an idiot, that he who made so many irrational beings, so many physical and moral monsters, must be an

Khi chúng ta nói về "Sự Sống Duy Nhất" của mình, chúng ta cũng nói rằng nó thâm nhập, hơn nữa, là bản chất của mọi nguyên tử vật chất, và do đó nó không chỉ có sự tương ứng với vật chất, mà còn có tất cả các thuộc tính của nó, v.v., do đó là vật chất, là chính vật chất. "Làm thế nào mà trí thông minh có thể xuất phát hoặc phát ra từ sự phi-thông minh? bạn cứ hỏi năm ngoái. "Làm thế nào mà một nhân loại có trí thông minh cao, con người là đỉnh cao của lý trí, có thể tiến hóa từ định luật hoặc mãnh lực mù quáng phi-thông minh?" Nhưng một khi chúng ta lý luận theo hướng đó, tôi có thể hỏi ngược lại: "Làm thế nào mà những kẻ ngốc bẩm sinh, những động vật phi lý luận và phần còn lại của tạo vật có thể được tạo ra bởi, hoặc tiến hóa từ, sự minh triết tuyệt đối, nếu cái sau là một hữu thể thông minh suy nghĩ, tác giả và người cai trị vũ trụ?" Tiến sĩ Clarke nói gì trong bài kiểm tra bằng chứng về sự tồn tại của Thần tính: "Thượng đế, Đấng đã tạo ra con mắt, lẽ nào Ngài không nhìn thấy, Thượng đế, Đấng đã tạo ra cái tai, lẽ nào Ngài không nghe thấy?" Nhưng theo phương thức lý luận này, họ sẽ phải thừa nhận rằng khi tạo ra một

irrational being. We are not Adwaitis, but our teaching respecting the One Life is identical with that of the Adwaitis with regard to Parabrahm, and identical in every respect with the universal life and soul, the macrocosm with the microcosm, and he knows that there is no God apart from himself, no Creator as no being. Having found Gnosis we cannot turn our backs on it and become agnostic. Were we to admit that even the highest Dhyan Chohans are liable to err under a delusion, there would be no reality for us indeed, and the occult science would be as great a chimera as that God. If there is an absurdity in denying that which we do not know, it is still more extravagant to assign to it unknown laws. According to logic, nothing is that of which everything can truly be denied, and nothing can be truly affirmed. The idea, therefore, either of a finite or infinite nothing is a contradiction in terms. And yet according to theologians, “God the self-existent Being, is a most simple, unchangeable, incorruptible being, without parts, figure, motion, divisibility or any other such properties as we find in matter; for all such things do plainly and necessarily imply finiteness in their very notion, and are utterly inconsistent with complete infinity.” Therefore the God here offered to the adoration of the nineteenth century lacks every quality upon which man’s mind is capable of fixing any judgement. What is this in fact but a being of whom they can affirm nothing that is not instantly contradicted? Their own Bible, their revelation destroys all the moral perceptions they heap upon him, unless indeed they call those qualities perfections, that every other man’s reason and common sense call imperfections, odious vices and brutal wickedness.

kẻ ngốc, Thượng đế là một kẻ ngốc, rằng Ngài, Đấng đã tạo ra rất nhiều hữu thể phi lý, rất nhiều quái vật về thể chất và đạo đức, phải là một hữu thể phi lý. Chúng ta không phải là những người theo Adwaita, nhưng giáo lý của chúng ta liên quan đến Sự Sống Duy Nhất giống hệt với giáo lý của những người theo Adwaita liên quan đến Parabrahm, và giống hệt về mọi mặt với sự sống và linh hồn phổ quát, đại thiên địa với tiểu thiên địa, và y biết rằng không có Thượng đế nào ngoài chính y, không có Đấng Sáng Tạo nào như không có hữu thể nào. Khi đã tìm thấy Gnosis, chúng ta không thể quay lưng lại với nó và trở thành người theo thuyết bất khả tri. Nếu chúng ta thừa nhận rằng ngay cả các Dhyan Chohan cao nhất cũng có thể mắc sai lầm dưới một ảo tưởng, thì quả thực sẽ không có thực tế nào cho chúng ta, và huyền bí học sẽ là một ảo ảnh lớn như Thượng đế đó. Nếu có một điều vô lý khi phủ nhận những gì chúng ta không biết, thì việc gán cho nó những định luật chưa biết còn kỳ quặc hơn. Theo logic, không có gì là thứ mà mọi thứ có thể bị phủ nhận một cách chân thực, và không có gì có thể được khẳng định một cách chân thực. Do đó, ý niệm về một hư vô hữu hạn hoặc vô hạn là một sự mâu thuẫn về mặt thuật ngữ. Tuy nhiên, theo các nhà thần học, "Thượng đế, Hữu Thể tự tồn tại, là một hữu thể đơn giản nhất, bất biến, không thể hư hoại, không có các phần, hình dạng, chuyển động, khả năng phân chia hoặc bất kỳ thuộc tính nào khác như chúng ta thấy trong vật chất; vì tất cả những thứ như vậy đều ngụ ý một cách rõ ràng và tất yếu tính hữu hạn trong chính khái niệm của chúng, và hoàn toàn không phù hợp với sự vô hạn hoàn toàn." Do đó, Thượng đế được dâng lên sự tôn thờ của thế kỷ XIX thiếu mọi phẩm chất mà trí óc con người có khả năng đưa ra bất kỳ phán xét nào. Trên thực tế, đây là gì ngoài một hữu thể mà họ không thể khẳng định điều gì mà không bị mâu thuẫn ngay lập tức? Kinh thánh của chính họ, sự mặc khải của họ phá hủy tất cả

những nhận thức đạo đức mà họ chất chồng lên Ngài, trừ khi thực sự họ gọi những phẩm chất đó là sự hoàn hảo, mà lý trí và lẽ thường của mọi người khác gọi là sự không hoàn hảo, những thói xấu đáng ghét và sự tàn ác dã man.

Nay more, those who read our Buddhist scriptures, written for the superstitious masses, will fail to find in them a demon so vindictive, unjust, so cruel and so stupid, as the celestial tyrant upon whom the Christians prodigally lavish their servile worship, and upon whom their theologians heap those perfections that are contradicted on every page of their Bible. Truly and veritably, your theology has created her God but to destroy him piecemeal; your church is a fabulous Saturn who begets children but to destroy them.

Hơn nữa, những người đọc kinh sách Phật giáo của chúng ta, được viết cho quần chúng mê tín, sẽ không tìm thấy trong đó một con quỷ nào thù hận, bất công, tàn ác và ngu ngốc như bạo chúa trên trời mà những người Cơ đốc giáo hoang phí dâng lên sự thờ phượng hèn hạ của họ, và người mà các nhà thần học của họ chất chồng lên những sự hoàn hảo bị mâu thuẫn trên mọi trang kinh thánh của họ. Thật vậy và thực sự, thần học của bạn đã tạo ra Thượng đế của Bà chỉ để phá hủy Ngài từng mảnh; nhà thờ của bạn là một Sao Thổ thần thoại, người sinh ra con cái nhưng lại tiêu diệt chúng.

The Universal Mind—Vũ Trụ Trí

A few reflections and arguments ought to support every new idea. For instance, we are sure to be taken to task for the following apparent contradiction. We deny the existence of a thinking conscious God, on the ground that such a God must either be conditioned, limited and subject to change, therefore not infinite, or, if he be represented to us as an eternal, unchangeable and independent being, with not a particle of matter in him; then we answer that it is no-being, but an immutable blind principle, a law. And yet, they will say, we believe in Dhyans or Planetaries (Spirits also) and endow them with a universal mind—*and this must be explained.* Our reasons must be briefly summed up thus:—

Một vài suy ngẫm và tranh luận nên hỗ trợ mọi ý tưởng mới. Ví dụ, chúng ta chắc chắn sẽ bị chỉ trích vì sự mâu thuẫn rõ ràng sau đây. Chúng ta phủ nhận sự tồn tại của một Thượng đế có ý thức suy nghĩ, trên cơ sở rằng một Thượng đế như vậy phải hoặc là bị điều kiện hóa, giới hạn và phải thay đổi, do đó không vô hạn, hoặc, nếu Ngài được đại diện cho chúng ta là một hữu thể vĩnh cửu, bất biến và độc lập, không có một hạt vật chất nào trong Ngài; thì chúng ta trả lời rằng đó không phải là hữu thể, mà là một nguyên tắc mù quáng bất biến, một định luật. Tuy nhiên, họ sẽ nói, chúng ta tin vào Dhyan hoặc các Hành Tinh (cũng là các Linh hồn) và ban cho Các Ngài một vũ trụ trí—và điều này phải được giải thích. Những lý do của chúng ta phải được tóm tắt ngắn gọn như sau:—

(1) We deny the absurd proposition that there

(1) Chúng ta phủ nhận mệnh đề vô lý rằng có

can be, even in a boundless and eternal universe, two infinite, eternal, and omnipresent existences; (2) matter we know to be eternal, *i.e.,* having had no beginning; (a) because matter is nature herself; (b) because that which cannot annihilate itself and is indestructible exists necessarily, and therefore it cannot begin to be, nor cannot it cease to be; (c) because the accumulated experiences of countless ages and that of exact science show to us matter (or nature) acting by her own peculiar energy, of which not one atom is ever in a state of absolute rest, and therefore it must have always existed, *i.e.,* its materials ever changing form, combinations and properties, but its principles or elements being absolutely indestructible; (3) as to God, since no one has ever or at any time seen *Him* or *It*, unless *He* or *It* is the *very essence* and nature of this *boundless, eternal matter,* its energy and *motion*, we cannot regard him as either eternal or infinite or yet self-existing.

thể có, ngay cả trong một vũ trụ vô biên và vĩnh cửu, hai sự tồn tại vô hạn, vĩnh cửu và hiện diện khắp nơi; (2) chúng ta biết vật chất là vĩnh cửu, tức là không có khởi đầu; (a) vì vật chất là chính bản thân tự nhiên; (b) vì cái không thể tự hủy diệt và không thể phá hủy thì tồn tại tất yếu, và do đó nó không thể bắt đầu tồn tại, cũng như không thể ngừng tồn tại; (c) vì những kinh nghiệm tích lũy của vô số thời đại và của khoa học chính xác cho chúng ta thấy vật chất (hoặc tự nhiên) hoạt động bằng năng lượng đặc biệt của chính nó, trong đó không một nguyên tử nào ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi, và do đó nó phải luôn tồn tại, tức là, các vật liệu của nó luôn thay đổi hình dạng, sự kết hợp và các thuộc tính, nhưng các nguyên tắc hoặc yếu tố của nó là hoàn toàn không thể phá hủy; (3) đối với Thượng đế, vì không ai từng hoặc vào bất kỳ thời điểm nào nhìn thấy Ngài hoặc Nó, trừ khi Ngài hoặc Nó là chính bản chất và bản chất của vật chất vĩnh cửu, vô biên này, năng lượng và chuyển động của nó, chúng ta không thể coi Ngài là vĩnh cửu hoặc vô hạn hoặc tự tồn tại.

We refuse to admit a being or an existence of which we know absolutely nothing because (a) there is no room for him in the presence of that matter whose undeniable properties and qualities we know thoroughly well (b) because if *he* or *it* is but a part of that matter, it is ridiculous to maintain that he is the mover of that of which he is but a dependent part, and (c) because if they tell us that God is a self-existent, pure spirit, independent of matter, an extra cosmic Deity, we answer that, admitting even the possibility of such an impossibility, *i.e.,* his existence, we yet hold that a purely immaterial spirit cannot be an intelligent, conscious ruler, nor can he have any of the attributes bestowed upon him by theology, and thus such a God becomes again but a blind force. Intelligence as found in our Dhyan Chohans is a faculty that can appertain

Chúng ta từ chối thừa nhận một hữu thể hoặc một sự tồn tại mà chúng ta hoàn toàn không biết gì vì (a) không có chỗ cho Ngài trong sự hiện diện của vật chất đó mà chúng ta biết rõ các thuộc tính và phẩm chất không thể phủ nhận của nó (b) vì nếu Ngài hoặc nó chỉ là một phần của vật chất đó, thì thật lố bịch khi cho rằng Ngài là người di chuyển của cái mà Ngài chỉ là một phần phụ thuộc, và (c) vì nếu họ nói với chúng ta rằng Thượng đế là một tinh thần thuần khiết tự tồn tại, độc lập với vật chất, một Thượng đế ngoài vũ trụ, chúng ta trả lời rằng, ngay cả khi thừa nhận khả năng của một điều không thể như vậy, tức là sự tồn tại của Ngài, chúng ta vẫn cho rằng một tinh thần hoàn toàn phi vật chất không thể là một người cai trị có ý thức, thông minh, cũng như Ngài không thể có bất kỳ thuộc tính nào được thần học ban cho Ngài, và do đó một Thượng đế như vậy lại

but to organised or animated beings, however imponderable, or rather *invisible*, the material of their organisations.

trở thành một mãnh lực mù quáng. Trí thông minh như được tìm thấy trong Dhyan Chohan của chúng ta là một khả năng chỉ có thể thuộc về các hữu thể có tổ chức hoặc hoạt hình, dù vật chất của các tổ chức của Các Ngài có vô trọng lượng, hay đúng hơn là vô hình đến đâu.

Intelligence requires the necessity of thinking; to think one must have ideas; ideas suppose senses, which are physical and material; and how can anything material belong to pure spirit? If it be objected that thought cannot be a property of matter, we will ask, "Why not"? We must have an unanswerable proof of this assumption before we can accept it. Of the theologian we would enquire what was there to prevent his God, since he is the alleged Creator of all, from endowing matter with the faculty of thought, and when answered that evidently it has not pleased him to do so, that it is a mystery as well as an impossibility, we would insist upon being told *why* is it more improbable that matter should produce spirit and thought, than that the spirit or the thought of God should produce or create matter.

Trí thông minh đòi hỏi sự cần thiết phải suy nghĩ; để suy nghĩ, người ta phải có ý tưởng; ý tưởng giả định các giác quan, vốn là vật chất và thể chất; và làm thế nào mà bất cứ điều gì vật chất có thể thuộc về tinh thần thuần khiết? Nếu có ý kiến phản đối rằng tư tưởng không thể là một thuộc tính của vật chất, chúng ta sẽ hỏi, "Tại sao không?" Chúng ta phải có một bằng chứng không thể bác bỏ về giả định này trước khi chúng ta có thể chấp nhận nó. Chúng ta sẽ hỏi nhà thần học điều gì đã ngăn cản Thượng đế của Ông, vì Ngài là Đấng Sáng Tạo được cho là của tất cả, ban cho vật chất khả năng tư duy, và khi được trả lời rằng rõ ràng Ngài đã không hài lòng khi làm như vậy, rằng đó là một bí ẩn cũng như một điều không thể, chúng ta sẽ khăng khăng đòi được cho biết tại sao việc vật chất tạo ra tinh thần và tư tưởng lại khó xảy ra hơn là tinh thần hoặc tư tưởng của Thượng đế tạo ra hoặc sáng tạo ra vật chất.

We do not bow our heads in the dust before the mystery of the mind, for we *have solved it ages ago.* Rejecting with contempt the theistic theory, we reject as much the automaton theory, teaching that states of consciousness are produced by the marshalling of the molecules of the brain; and we feel as little respect for that other hypothesis—the production of molecular motion by consciousness. Then in what *do* we believe? Well, we believe in the much laughed-at *phlogiston* (see article "*What is Force and What is Matter?*" "*Theosophist*", September) and in what some natural philosophers would call *nisus*—the incessant though perfectly imperceptible (to the ordinary senses)

Chúng ta không cúi đầu trong bụi bặm trước bí ẩn của thể trí, vì chúng ta đã giải quyết nó từ nhiều thời đại trước. Bác bỏ với sự khinh bỉ lý thuyết hữu thần, chúng ta cũng bác bỏ lý thuyết tự động, dạy rằng các trạng thái tâm thức được tạo ra bởi sự sắp xếp các phân tử của bộ não; và chúng ta cảm thấy ít tôn trọng giả thuyết khác—sự sản xuất chuyển động phân tử bằng tâm thức. Vậy chúng ta tin vào điều gì? Chúng ta tin vào phlogiston bị chế giễu nhiều (xem bài viết "Lực là gì và Vật chất là gì?" "Theosophist", tháng 9) và vào cái mà một số nhà triết học tự nhiên gọi là nisus—những chuyển động hoặc nỗ lực không ngừng mặc dù hoàn toàn không thể nhận thấy (đối với các giác quan thông thường) mà một vật thể đang

motions or efforts one body is making on another—the pulsations of inert matter—its life.

tạo ra trên một vật thể khác—những xung động của vật chất trơ—sự sống của nó.

The bodies of the Planetary Spirits are formed of that which Priestly and others called *phlogiston,* and for which we have another name—this essence in its highest (seventh) state forming that matter of which the organisms of the highest and purest *Dhyans* are composed, and in its lowest or densest form (so impalpable yet that science calls it energy and force) serving as a cover to the Planetaries of the first or lowest degree.

Các thể của Các Tinh Thần Hành Tinh được hình thành từ cái mà Priestly và những người khác gọi là phlogiston, và chúng ta có một tên khác cho cái đó—bản chất này ở trạng thái cao nhất (thứ bảy) của nó tạo thành vật chất mà từ đó các cơ quan của các Dhyan cao nhất và thuần khiết nhất được cấu thành, và ở dạng thấp nhất hoặc đậm đặc nhất của nó (vẫn vô cùng khó nắm bắt đến nỗi khoa học gọi nó là năng lượng và mãnh lực) đóng vai trò là lớp vỏ bọc cho các Hành Tinh ở cấp độ thứ nhất hoặc thấp nhất.

In other words, we believe in matter alone, in matter as visible nature and matter in its invisibility as the invisible, omnipresent, omnipotent Proteus with its unceasing motion which is its life, and which nature draws from herself, since she is the great whole, outside of which nothing can exist. For as Belfinger asserts: "Motion is a manner of existence that flows necessarily out of the essence of matter, that matter moves by its own peculiar energies, that its motion is due to the force which is inherent in itself, that the variety of motion and the phenomena that result proceed from the diversity of the properties, of the qualities and of the combinations which are originally found in the primitive matter, of which nature is the assemblage"; and of which your science knows less than one of our Tibetan Yak-drivers of Kant's metaphysics. The existence of matter, then, is a fact; the existence of motion is another fact; then self-existence and eternity or indestructibility is a third fact; and the idea of pure spirit as a Being or an existence—give it whatever name you will—is a chimera, a gigantic absurdity.

Nói cách khác, chúng ta tin vào vật chất đơn thuần, vào vật chất như là tự nhiên hữu hình và vật chất trong tính vô hình của nó như là Proteus vô hình, hiện hữu khắp nơi, toàn năng với chuyển động không ngừng vốn là sự sống của nó, và tự nhiên rút ra từ chính nó, vì nó là toàn thể vĩ đại, bên ngoài nó không gì có thể tồn tại. Vì như Belfinger khẳng định: "Chuyển động là một phương thức tồn tại tất yếu phát sinh từ bản chất của vật chất, rằng vật chất chuyển động bằng các năng lượng đặc thù của chính nó, rằng chuyển động của nó là do lực vốn có trong chính nó, rằng sự đa dạng của chuyển động và các hiện tượng phát sinh là do sự khác biệt của các thuộc tính, phẩm chất và sự kết hợp vốn có trong vật chất nguyên thủy, mà tự nhiên là sự tập hợp của chúng"; và khoa học của các Bạn biết về điều đó ít hơn một trong những người lái trâu Yak Tây Tạng của chúng ta về siêu hình học của Kant. Vậy thì, sự tồn tại của vật chất là một sự thật; sự tồn tại của chuyển động là một sự thật khác; thì tự tồn tại và vĩnh cửu hay bất hoại là một sự thật thứ ba; và ý niệm về tinh thần thuần túy như một Bản thể hay một sự tồn tại—hãy gọi nó bằng bất cứ tên nào các Bạn muốn—là một ảo ảnh, một điều vô lý khổng lồ.

Now that you are at the centre of modern Buddhistic exegesis, in personal relations with some of the clever commentators (from whom the holy Devas deliver us), I shall draw your attention to a few things which are really as discreditable to the perceptions of even non-initiates as they are misleading to the general public. The more one reads such speculations as those of Rhys-Davids and Lillie, the less can one bring oneself to believe that the unregenerate western mind can ever get at the core of our abstruse doctrines. Yet hopeless as their cases may be, it would appear well worth the trouble to test the intuition of some of your members by half expounding one or two mysteries, and leaving them to complete the chain themselves. Shall we take Mr. Rhys-Davids as our first subject, and show that, indirectly as he has done it, yet it is himself who strengthened the absurd ideas of Mr. Lillie, who fancies he has proved belief in a personal God in ancient Buddhism. Rhys-Davids' "Buddhism" is full of the sparkle of our most important esotericism, but always, as it would seem, beyond not only his reach but apparently even his powers of intellectual perception. To avoid "absurd metaphysics" and its "inventions," he creates unnecessary difficulties and falls headlong into inextricable confusion. He is like the Cape settlers, who lived over diamond fields without suspecting it.

Giờ đây, khi Bạn đang ở trung tâm của chú giải Phật giáo hiện đại, trong các mối quan hệ cá nhân với một số nhà bình luận thông minh (từ đó các vị Deva linh thiêng giải thoát chúng ta), tôi sẽ thu hút sự chú ý của Bạn đến một vài điều thực sự đáng hổ thẹn đối với nhận thức ngay cả của những người không được điểm đạo, cũng như chúng gây hiểu lầm cho công chúng nói chung. Càng đọc những suy đoán như của Rhys-Davids và Lillie, người ta càng không thể tin rằng thể trí phương Tây chưa tái sinh có thể chạm đến cốt lõi của các giáo lý khó hiểu của chúng ta. Tuy nhiên, dù trường hợp của họ có vô vọng đến đâu, dường như cũng đáng để thử trực giác của một số thành viên của Bạn bằng cách nửa vời giải thích một hoặc hai điều huyền bí, và để họ tự hoàn thành chuỗi. Chúng ta sẽ lấy Bạn Rhys-Davids làm đối tượng đầu tiên của mình, và cho thấy rằng, dù gián tiếp như Bạn đã làm, nhưng chính Bạn đã củng cố những ý tưởng vô lý của Bạn Lillie, người vốn tưởng tượng rằng Bạn đã chứng minh được niềm tin vào một Thượng đế cá nhân trong Phật giáo cổ đại. "Phật giáo" của Rhys-Davids tràn ngập sự lấp lánh của huyền bí học quan trọng nhất của chúng ta, nhưng dường như luôn vượt quá không chỉ tầm với của Bạn mà dường như còn vượt quá cả khả năng nhận thức trí tuệ của Ông. Để tránh "siêu hình học vô lý" và "những phát minh" của nó, Bạn tạo ra những khó khăn không cần thiết và rơi thẳng vào sự nhầm lẫn phức tạp. Bạn giống như những người định cư ở Mũi đất, những người sống trên những cánh đồng kim cương mà không hề nghi ngờ điều đó.

I shall only instance the definition of Avalokitesvara on pp.202-3. There we find the author saying what to any Occultist seems a palpable absurdity: "The name Avalokitesvara, which means 'The Lord who

Tôi sẽ chỉ nêu ví dụ về định nghĩa Avalokitesvara ở trang 202-3. Ở đó, chúng ta thấy tác giả nói điều mà đối với bất kỳ nhà huyền bí học nào dường như là một điều vô lý hiển nhiên: "Tên Avalokitesvara, có nghĩa là

looks down from on high,' is a purely metaphysical invention. The curious use of the past participle *avalokita* in an active sense is clearly evident from the translation into Tibetan and Chinese." Now saying that it means "the Lord who looks down from on high," or as he kindly explains further, "the spirit of the Buddhas present in the Church," is a complete reversal of the sense. In short, Avalokitesvara literally interpreted means "the Lord that is seen," "Isvara" implying moreover rather the adjective than the noun, —*lordly*, self-existent, *lordliness—not* Lord. It is, when correctly interpreted, in one sense "the divine self perceived or seen by self," the Atman or seventh principle ridded of its Mayavic distinction from its universal source, which becomes the object of perception, for and by the individuality centred in Buddhi, the sixth principle, something that happens only in the highest state of Samadhi. This is applying it to the microcosm. In the other sense, Avalokitesvara implies the seventh *universal* principle as the object perceived by the universal Buddhi or "Mind" or Intelligence, which is the synthetic aggregation of all the Dhyan Chohans, as of all other intelligencies, whether great or small, that ever were, are or will be. Nor is it the "spirit of the Buddhas present in the Church," but the omnipresent universal spirit in the temple of nature in one case, and the seventh principle, the Atman, in the temple of man in the other. Mr. Rhys-Davids might at least have remembered the (to him) familiar simile made by the Christian adept, the Kabalistic Paul: "Know ye not that ye are the temple of God and that the spirit of God dwelleth in you?" and thus avoided making a mess of the name. Though as a grammarian he detected the use of the "past participle passive," yet he shows himself far from an inspired Paul in overlooking the true cause, and saving his grammar by raising the hue and cry against

'Đức Chúa vốn nhìn xuống từ trên cao,' là một phát minh thuần túy siêu hình. Việc sử dụng kỳ lạ phân từ quá khứ avalokita theo nghĩa chủ động là hoàn toàn rõ ràng từ bản dịch sang tiếng Tạng và tiếng Trung." Giờ đây, nói rằng nó có nghĩa là "Đức Chúa vốn nhìn xuống từ trên cao," hoặc như Bạn ân cần giải thích thêm, "tinh thần của các vị Phật hiện diện trong Giáo hội," là một sự đảo ngược hoàn toàn ý nghĩa. Tóm lại, Avalokitesvara được hiểu theo nghĩa đen có nghĩa là "Đức Chúa vốn được nhìn thấy," "Isvara" hơn nữa ngụ ý đúng hơn là tính từ hơn là danh từ, — tính chất tôn quý, tự tồn tại, sự tôn quý—không phải Đức Chúa. Khi được giải thích chính xác, theo một nghĩa nào đó, nó là "bản ngã thiêng liêng được nhận thức hoặc nhìn thấy bởi bản thân," Atman hay nguyên lý thứ bảy đã loại bỏ sự phân biệt Mayavic của nó khỏi nguồn gốc phổ quát của nó, vốn trở thành đối tượng của nhận thức, cho và bởi cá tính tập trung trong Bồ đề, nguyên lý thứ sáu, điều gì đó chỉ xảy ra trong trạng thái Samadhi cao nhất. Đây là áp dụng nó vào tiểu thiên địa. Theo nghĩa khác, Avalokitesvara ngụ ý nguyên lý phổ quát thứ bảy như là đối tượng được nhận thức bởi Bồ đề hay "Thể Trí" hay Trí tuệ phổ quát, vốn là sự tổng hợp tổng hợp của tất cả các Dhyan Chohan, cũng như của tất cả các trí tuệ khác, dù lớn hay nhỏ, vốn đã, đang hoặc sẽ là. Nó cũng không phải là "tinh thần của các vị Phật hiện diện trong Giáo hội," mà là tinh thần phổ quát hiện hữu khắp nơi trong ngôi đền của tự nhiên trong một trường hợp, và nguyên lý thứ bảy, Atman, trong ngôi đền của con người trong trường hợp khác. Ít nhất thì Bạn Rhys-Davids có lẽ đã nhớ đến (đối với Ông) sự so sánh quen thuộc do nhà chân sư Cơ đốc giáo, Paul thuộc Kabala thực hiện: "Các Bạn không biết rằng các Bạn là đền thờ của Thượng đế và tinh thần của Thượng đế ngự trong các Bạn sao?" và do đó tránh làm rối tung cái tên. Mặc dù là một nhà ngữ pháp, Bạn đã phát hiện ra việc sử dụng "phân từ quá khứ bị động,"

metaphysics. And yet he quotes Beale's *Catena* as his authority for the invention, when in truth this work is perhaps the only one in English that gives an *approximately* correct explanation of the word, at any rate, on page 374.

nhưng Bạn cho thấy mình còn xa mới là một Paul đầy cảm hứng khi bỏ qua nguyên nhân thực sự, và cứu vãn ngữ pháp của mình bằng cách dấy lên sự phản đối chống lại siêu hình học. Tuy nhiên, Bạn trích dẫn Catena của Beale làm cơ sở cho phát minh này, trong khi trên thực tế, tác phẩm này có lẽ là tác phẩm duy nhất bằng tiếng Anh đưa ra một lời giải thích gần đúng về từ này, dù sao thì cũng là ở trang 374.

"Self-Manifested"—how? It is asked. "Speech or Vach was regarded as the Son of Manifestation of the *Eternal Self*, and was adored under the name of Avalokitesvara, the manifested God." This shows as clearly as can be that Avalokitesvara is both the manifested *Father* and the manifested *Son*, the latter proceeded from and identified with the other; namely the Parabrahm and Jivatma, the universal and the individualised seventh principle, the Passive and the Active, the latter the Word, *Logos*, the "Verb," call it by whatever name you will; only let these unfortunate deluded Christians know that the real *Christ* of every Christian is the Vach, the "mystical voice," while the man Jeshu was but a mortal like any of us, an *Adept* more by his inherent purity and ignorance of real evil, than by what he had learned from his initiated Rabbis and the already (at that period) fast degenerating Egyptian hierophants and priests. A great mistake is also made by Beal, who says: "This name (Avalokitesvara) in Chinese took the form of Kwan-shai-yin, and the divinity worshipped under that name (was) generally regarded as a female." Kwan-shai-yin, or the universally manifested voice, is active male, and must not be confounded with Kwan-yin, or Buddhi, the spiritual Soul (the sixth principle) and the vehicle of its "Lord". It is Kwan-yin that is the female principle or the manifested passive, manifesting itself "to every creature in the

"Tự Biểu Lộ"—bằng cách nào? Người ta hỏi. "Lời nói hay Vach được coi là Con của Sự Biểu Lộ của Bản Thể Vĩnh Cửu, và được tôn thờ dưới tên Avalokitesvara, Thượng đế được biểu lộ." Điều này cho thấy rõ ràng rằng Avalokitesvara vừa là Cha được biểu lộ vừa là Con được biểu lộ, Con sau phát sinh từ và được đồng nhất với Con kia; cụ thể là Parabrahm và Jivatma, nguyên lý thứ bảy phổ quát và cá nhân hóa, Bị Động và Chủ Động, Con sau là Ngôi Lời, Logos, "Động từ," hãy gọi nó bằng bất cứ tên nào các Bạn muốn; chỉ cần để những Cơ đốc nhân đáng thương bị lừa dối này biết rằng Đức Christ thực sự của mọi Cơ đốc nhân là Vach, "tiếng nói huyền bí," trong khi người tên Jeshu chỉ là một người phàm như bất kỳ ai trong chúng ta, một Chân sư nhờ sự thanh khiết vốn có và sự thiếu hiểu biết về cái ác thực sự, hơn là nhờ những gì Bạn đã học được từ các Rabbi được điểm đạo của mình và các tư tế và tăng lữ Ai Cập vốn đã (vào thời điểm đó) suy đồi nhanh chóng. Beal cũng mắc một sai lầm lớn, người vốn nói: "Tên này (Avalokitesvara) trong tiếng Trung có dạng Kwan-shai-yin, và thần thánh được tôn thờ dưới tên đó (vốn) thường được coi là nữ." Kwan-shai-yin, hay tiếng nói được biểu lộ phổ quát, là nam chủ động, và không được nhầm lẫn với Kwan-yin, hay Bồ đề, Linh Hồn tinh thần (nguyên lý thứ sáu) và vận cụ của "Đức Chúa" của nó. Chính Kwan-yin là nguyên lý nữ hay tính bị động được biểu lộ, tự biểu lộ "cho mọi sinh vật trong vũ trụ, để giải thoát tất cả mọi người khỏi hậu quả của tội lỗi"—như Beal

universe, in order to deliver all men from the consequences of sin"—as rendered by Beal, this once, quite correctly (p.383)—while Kwan-shai-yin, the Son identical with his Father, is the *absolute activity,* hence having no direct relation to objects of sense as Passivity.

đã diễn giải, lần này, hoàn toàn chính xác (trang 383)—trong khi Kwan-shai-yin, Con đồng nhất với Cha của Ngài, là hoạt động tuyệt đối, do đó không có mối quan hệ trực tiếp nào với các đối tượng của giác quan như Tính Bị Động.

What a common ruse it is of your Aristotelians! With sleuth-hound persistence they track an idea to the very verge of the impassable chasm; and then, brought to bay, leave the metaphysicians to take up the trail if they can, or let it be lost. It is but natural that a Christian theologian, a missionary, should act upon this line, since, as easily perceived even in the little I gave out just now, a too correct rendering of our Avalokitesvara and Kwan-shai-yin might have very disastrous effects. It would simply amount to showing Christendom the true and undeniable origin of the "awful and incomprehensible mysteries" of its Trinity, Trans-substantiation, Immaculate Conception, as also whence their ideas of the Father, Son, Spiritus—and mother. It is less easy to shuffle *at pleasure* the cards of Buddhistic chronology than those of Krishna and Christ. They cannot place—however much they would—the birth of our Lord Sangyas Buddha A.D., as they have contrived to place that of Krishna. But why an atheist and a materialist like Mr. Rhys-Davids should so avoid the correct rendering of our dogmas even when he happens to understand them—which does not happen every day—is something surpassingly curious. In this instance the blind and guilty Rhys-Davids leads the blind and innocent Mr. Lillie into the ditch, when the latter catching at the proffered straw rejoices in the idea that Buddhism teaches in reality a personal God.

Thật là một mưu mẹo phổ biến của những người theo Aristotle của các Ông! Với sự kiên trì của chó săn, họ theo dõi một ý tưởng đến tận rìa vực thẳm không thể vượt qua; và sau đó, bị dồn vào chân tường, họ để những nhà siêu hình học tiếp tục theo dấu nếu họ có thể, hoặc để nó bị mất. Thật là tự nhiên khi một nhà thần học Cơ đốc giáo, một nhà truyền giáo, nên hành động theo đường lối này, vì, như dễ dàng nhận thấy ngay cả trong những gì ít ỏi tôi vừa đưa ra, một cách diễn giải quá chính xác về Avalokitesvara và Kwan-shai-yin của chúng ta có thể gây ra những hậu quả rất tai hại. Nó đơn giản sẽ cho thấy Cơ đốc giáo nguồn gốc thực sự và không thể phủ nhận của "những điều huyền bí khủng khiếp và khó hiểu" của Tam Vị Nhất Thể, Biến Thể, Thụ Thai Vô Nhiễm, cũng như những ý tưởng của họ về Cha, Con, Spiritus—và mẹ đến từ đâu. Việc xáo trộn theo ý muốn các lá bài niên đại Phật giáo ít dễ dàng hơn so với các lá bài của Krishna và Đức Christ. Họ không thể đặt—dù họ muốn đến đâu—sự ra đời của Đức Chúa Sangyas Buddha của chúng ta vào năm Công nguyên, như họ đã tìm cách đặt sự ra đời của Krishna. Nhưng tại sao một người vô thần và duy vật như Bạn Rhys-Davids lại tránh cách diễn giải chính xác các giáo điều của chúng ta ngay cả khi Bạn tình cờ hiểu chúng—điều không xảy ra hàng ngày—là một điều gì đó vô cùng kỳ lạ. Trong trường hợp này, Bạn Rhys-Davids mù quáng và tội lỗi dẫn Bạn Lillie mù quáng và ngây thơ xuống mương, khi Bạn sau nắm lấy cọng rơm được đưa ra và vui mừng trước ý tưởng rằng Phật giáo thực sự dạy về một Thượng đế cá nhân.

Does your B. T. S. [British Theosophical Society] know the meaning of the white and black interlaced triangles of the Parent Society's seal that it has also adopted? Shall I explain? The double triangle, viewed by the Jewish Kabalists as Solomon's seal, is, as many of you doubtless know, the *Sri-an-tara* of the archaic Aryan Temple, the "mystery of mysteries," a geometrical synthesis of the whole occult doctrine. The two interlaced triangles are the *Buddhanymus* of creation. They contain the "squaring of the circle," the "philosopher's stone," the great problems of Life and Death—and the mystery of Evil. The Chela who can explain this from every one of its aspects is virtually an Adept. How is it then that the only one among you who has come so near to unravelling the mystery is also the only one who got none of her ideas from books? Unconsciously she gives out to him who has the key, the first syllable of the Ineffable Name! Of course you know that the double triangle, the *Salkir Chakram* of Vishnu, or the six-pointed star, is the perfect seven. In all the old Sanskrit works, Vedic and Tantric, you find the number six mentioned more often than seven, this last figure, the central point, being implied, for it is the germ of the six and their matrix. It is then thus: the central point standing for seventh and the circle, the Maha-akasha, endless space for the seventh *universal* principle. In one sense both are viewed as Avalokitesvara, for they are triangles; the upward pointing one is wisdom concealed, and the downward pointing one wisdom revealed (in the phenomenal world). The circle indicates the bounding, circumscribing quality of the *All*, the universal Principle, which from any given point expands so as to embrace all things, while embodying the potentiality of every action in the cosmos. At the point there is the centre round which the circle is traced, they are identical and *one,* though from the

Hội Thông Thiên Học Anh Quốc [British Theosophical Society] của Bạn có biết ý nghĩa của các hình tam giác lồng vào nhau màu trắng và đen trên con dấu của Hội Mẹ mà nó cũng đã chấp nhận không? Tôi sẽ giải thích chứ? Hình tam giác kép, được các nhà Kabala Do Thái xem là con dấu của Solomon, như nhiều người trong các Bạn chắc chắn biết, là Sri-an-tara của Đền Arya cổ xưa, "điều huyền bí của những điều huyền bí," một tổng hợp hình học của toàn bộ giáo lý huyền bí. Hai hình tam giác lồng vào nhau là Buddhanymus của sự sáng tạo. Chúng chứa đựng "sự vuông vắn của vòng tròn," "hòn đá phù thủy," những vấn đề lớn về Sự Sống và Cái Chết—và điều huyền bí về Cái Ác. Đệ tử nào có thể giải thích điều này từ mọi khía cạnh của nó thì thực tế là một Chân sư. Vậy thì làm thế nào mà người duy nhất trong số các Bạn đến rất gần việc làm sáng tỏ điều huyền bí cũng là người duy nhất không nhận được bất kỳ ý tưởng nào của Bà từ sách vở? Một cách vô thức, Bà đưa ra cho người có chìa khóa, âm tiết đầu tiên của Danh Hiệu Bất Khả Tuyên! Tất nhiên, các Bạn biết rằng hình tam giác kép, Salkir Chakram của Vishnu, hay ngôi sao sáu cánh, là con số bảy hoàn hảo. Trong tất cả các tác phẩm tiếng Phạn cổ, Vệ Đà và Tantra, các Bạn thấy số sáu được đề cập thường xuyên hơn số bảy, con số cuối cùng này, điểm trung tâm, được ngụ ý, vì nó là mầm mống của sáu và ma trận của chúng. Vậy thì nó là như thế này: điểm trung tâm tượng trưng cho số bảy và vòng tròn, Maha-akasha, không gian vô tận cho nguyên lý phổ quát thứ bảy. Theo một nghĩa nào đó, cả hai đều được xem là Avalokitesvara, vì chúng là hình tam giác; hình tam giác hướng lên trên là minh triết được che giấu, và hình tam giác hướng xuống dưới là minh triết được tiết lộ (trong thế giới hiện tượng). Vòng tròn chỉ ra phẩm chất giới hạn, bao quanh của Tất Cả, Nguyên Lý phổ quát, vốn từ bất kỳ điểm nào đã cho nào mở rộng để bao trùm tất cả mọi thứ, đồng thời thể hiện tiềm năng của mọi hành

standpoint of *Maya* and *Avidya* (illusion and ignorance) one is separated from the other by the manifested triangle, the three sides of which represent the three *gunas*, finite attributes. In symbology the central point is Jivatma, (the seventh principle) whence Avalokitesvara, the Kwan-Shai-yin, the manifested "voice" (or Logos), the germ point of manifested activity; hence, in the phraseology of the Christian Kabalists, "the son of the Father and mother," and agreeably to ours, "the self manifested in self", *Jih-Sui,* the "one form of existence," the child of Dharmakaya (the universally diffused essence), both male and female, Parabrahm or "Adi Buddha" while acting through that germ point outwardly as an active force, reacts from the circumference inwardly as the supreme but latent Potency. The double triangles symbolize the Great Passive and the Great Active, the male and female, Purusha and Prakriti. Each triangle is a trinity because presenting a triple aspect. The white represents in its straight lines: *Jnanam* (knowledge), *Jnata* (the knower), *Jneyam* (that which is known). The black: form, colour and substance; also creative, preservative and destructive forces, and are mutually correlating, etc.

động trong vũ trụ. Tại điểm đó có trung tâm mà vòng tròn được vạch ra, chúng đồng nhất và là một, mặc dù từ quan điểm của Maya và Avidya (ảo tưởng và vô minh), một cái bị tách khỏi cái kia bởi hình tam giác được biểu lộ, ba cạnh của nó đại diện cho ba guna, các thuộc tính hữu hạn. Trong biểu tượng học, điểm trung tâm là Jivatma, (nguyên lý thứ bảy) từ đó Avalokitesvara, Kwan-Shai-yin, "tiếng nói" (hay Logos) được biểu lộ, điểm mầm mống của hoạt động được biểu lộ; do đó, trong cách diễn đạt của các nhà Kabala Cơ đốc giáo, "con của Cha và mẹ," và phù hợp với chúng ta, "bản thân được biểu lộ trong bản thân," Jih-Sui, "một hình thức tồn tại," con của Dharmakaya (bản chất khuếch tán phổ quát), cả nam và nữ, Parabrahm hay "Adi Buddha" trong khi tác động thông qua điểm mầm mống đó ra bên ngoài như một lực chủ động, phản ứng từ chu vi vào bên trong như là Tiềm Năng tối cao nhưng tiềm ẩn. Các hình tam giác kép tượng trưng cho Tính Bị Động Vĩ Đại và Tính Chủ Động Vĩ Đại, nam và nữ, Purusha và Prakriti. Mỗi hình tam giác là một bộ ba vì thể hiện một khía cạnh tam phân. Màu trắng đại diện trong các đường thẳng của nó: Jnanam (tri thức), Jnata (người biết), Jneyam (cái được biết). Màu đen: hình thức, màu sắc và chất liệu; cũng như các lực sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt, và có mối tương quan lẫn nhau, v.v.

Well may you admire and more should you wonder at the marvellous lucidity of that remarkable seeress, who, ignorant of Sanskrit or Pali and thus shut out from their metaphysical treasures, has yet seen a great light shining from behind the dark hills of exoteric religions. How, think you, did the writers of "The Perfect Way" come to know that Adonai was the Son and not the Father, or that the third person of the Christian Trinity is female? Verily they lay in that work several

Bạn có thể ngưỡng mộ và càng nên kinh ngạc trước sự sáng suốt tuyệt vời của nữ tiên tri đáng chú ý đó, người không biết tiếng Phạn hay tiếng Pali và do đó bị ngăn cách khỏi những kho tàng siêu hình của chúng, nhưng vẫn thấy một ánh sáng tuyệt vời chiếu rọi từ phía sau những ngọn đồi tăm tối của các tôn giáo ngoại môn. Bạn nghĩ sao, làm thế nào mà những người viết "Con Đường Hoàn Hảo" biết được rằng Adonai là Con chứ không phải là Cha, hay người thứ ba trong Thiên Chúa Ba

times their hands upon the keystone of Occultism. Only does the lady who persists in using without an explanation the misleading term "God" in her writings know how nearly she comes up to our doctrine when saying: "Having for Father, Spirit *which is Life* (the endless circle or Parabrahm) and for mother, the Great Deep, which is substance, (Prakriti in its indifferentiated condition) Adonai possesses the potency of both and wields the dual powers of all things." We would say *triple*, but in the sense as given this will do. Pythagoras had a reason for never using the finite useless figure 2, and for altogether discarding it. The *one* can when manifesting become only three. The unmanifested when a simple duality remains passive and concealed. The dual monad (the seventh and sixth principles) has, in order to manifest itself as a Logos, the Kwan-shai-yin, first to become a triad (seventh, sixth and one-half of fifth); then, on the bosom of the "Great Deep," attracting within itself the *one circle*, form out of it the perfect square, thus "squaring the circle"—the greatest of all the mysteries, friend—and inscribing within the latter the *word* (the Ineffable Name)—otherwise the duality could never tarry as such, and would have to be reabsorbed into the *one*. The "Deep" is space, both male and female, "Purusha (as Brahma) breathes in the eternity; when "He" *in*breathes, Prakriti (as manifested substance) disappears in his bosom; when "He" *out*breathes she reappears as Maya," says the sloka. The one reality is Mulaprakriti (indifferentiated substance), the "rootless root," the... But we have to stop lest there should remain but little to tell for your own intuitions.

Ngôi của Cơ đốc giáo là nữ giới? Quả thực, họ đã nhiều lần đặt tay lên nền tảng của Huyền bí học trong tác phẩm đó. Chỉ có người phụ nữ kiên trì sử dụng thuật ngữ "Thượng đế" gây hiểu lầm trong các tác phẩm của Bà mà không có lời giải thích mới biết Bà đến gần giáo lý của chúng ta như thế nào khi nói: "Có Cha là Tinh thần vốn là Sự Sống (vòng tròn vô tận hay Parabrahm) và có mẹ là Vực Thẳm Vĩ Đại, vốn là vật chất, (Prakriti trong trạng thái chưa phân hóa), Adonai sở hữu tiềm năng của cả hai và nắm giữ quyền năng kép của mọi thứ." Chúng ta sẽ nói là tam phân, nhưng theo nghĩa đã cho thì điều này sẽ ổn. Pythagoras có lý do để không bao giờ sử dụng con số 2 hữu hạn vô dụng và loại bỏ hoàn toàn nó. Cái Một khi biểu hiện chỉ có thể trở thành ba. Cái chưa biểu hiện khi là một nhị nguyên đơn giản vẫn thụ động và ẩn giấu. Nhị nguyên chân thần (nguyên lý thứ bảy và thứ sáu), để biểu hiện như một Logos, Kwan-shai-yin, trước tiên phải trở thành một tam vị (thứ bảy, thứ sáu và một nửa của thứ năm); sau đó, trên lòng "Vực Thẳm Vĩ Đại", thu hút vào bên trong nó một vòng tròn, tạo ra từ đó hình vuông hoàn hảo, do đó "vuông hóa vòng tròn"—điều bí ẩn lớn nhất trong tất cả, bạn ạ—và khắc bên trong hình vuông đó linh từ (Danh Hiệu Bất Khả Tuyên)—nếu không thì nhị nguyên sẽ không bao giờ có thể dừng lại như vậy, và sẽ phải được tái hấp thu vào cái Một. Sloka nói: "Vực Thẳm" là không gian, cả nam và nữ, "Purusha (với tư cách là Brahma) thở trong cõi vĩnh hằng; khi "Ngài" hít vào, Prakriti (với tư cách là vật chất biểu hiện) biến mất trong lòng Ngài; khi "Ngài" thở ra, Bà lại xuất hiện như Maya." Thực tại duy nhất là Mulaprakriti (vật chất chưa phân hóa), "cội rễ không có rễ",... Nhưng chúng ta phải dừng lại kẻo còn lại quá ít để nói cho trực giác của riêng bạn.

Well may the geometer of the R. S. [Royal Society.] not know that the apparent absurdity of attempting to square the circle

Nhà hình học của Hội Hoàng Gia có lẽ không biết rằng sự vô lý rõ ràng của việc cố gắng vuông hóa vòng tròn che giấu một điều bí ẩn

covers a mystery ineffable. It would hardly be found among the foundation stones of Mr. Roden Noel's speculations upon the Pneumatical Body... of our Lord," nor among the debris of Mr. Farmer's "A New Basis of Belief in Immortality," and to many such metaphysical minds it would be more than useless to divulge the fact, that the unmanifested circle, the Father or Absolute Life, is non-existent outside the Triangle and Perfect Square, and is only manifested in the Son, and that it is when reversing the action and returning to its absolute state of unity and the square expands once more into the circle, that the "Son returns to the bosom of the Father". There it remains till called back by his mother, "the Great Deep," to remanifest as a *triad*, the Son partaking at once of the essence of the Father and that of the mother, the active Substance, Prakriti in its differentiated condition. "My mother (Sophia, the manifested wisdom) took me," says Jesus in a gnostic treatise, and he asks his disciple to tarry *till he comes....* The true word may only be found by tracing the mystery of the passage inward and outward, of the Eternal Life through the states typified in these three geometric figures.

khôn tả. Điều đó khó có thể được tìm thấy trong số những viên đá nền tảng trong những suy đoán của Bạn Roden Noel về Thể Khí của Chúa chúng ta", cũng không phải trong đống đổ nát của "Một Nền Tảng Mới cho Niềm Tin vào Sự Bất Tử" của Bạn Farmer, và đối với nhiều trí tuệ siêu hình như vậy, việc tiết lộ sự thật rằng vòng tròn chưa biểu hiện, Cha hay Sự Sống Tuyệt Đối, không tồn tại bên ngoài Tam Giác và Hình Vuông Hoàn Hảo, và chỉ được biểu hiện trong Con, và khi đảo ngược hành động và trở về trạng thái tuyệt đối của sự hợp nhất và hình vuông lại mở rộng thành vòng tròn, thì "Con trở về lòng Cha". Ở đó, nó vẫn ở đó cho đến khi được mẹ gọi lại, "Vực Thẳm Vĩ Đại", để tái biểu hiện như một tam vị, Con đồng thời tham gia vào bản chất của Cha và bản chất của mẹ, Vật Chất chủ động, Prakriti trong trạng thái phân hóa của nó. Chúa Jesus nói trong một chuyên luận ngộ đạo: "Mẹ ta (Sophia, minh triết biểu hiện) đã đón ta", và Ngài yêu cầu đệ tử của Ngài chờ đợi cho đến khi Ngài đến.... Linh từ đích thực chỉ có thể được tìm thấy bằng cách lần theo dấu vết bí ẩn của sự đi vào và đi ra, của Sự Sống Vĩnh Cửu thông qua các trạng thái được biểu thị trong ba hình hình học này.

The criticism of "A Student of Occultism" (whose wits are sharpened by the mountain air of his home) and the answers by S.T. K. Chany (June *Theosophist*) upon a part of your annular and circular expositions need not annoy or disturb in any way your philosophic calm. As our Pondicherry Chela significantly says, neither you nor any other man across the threshold has had, or ever will have, the "complete theory" of evolution taught him or get it unless he guesses it for himself. If anyone can unravel it from such tangled threads as are given him, very well, and a fine proof it would indeed be of his or her spiritual insight. Some have come *very near it.* But yet

Lời phê bình của "Một Đạo Sinh Huyền Bí Học" (người có trí tuệ được mài giũa bởi không khí núi non của quê hương Ông) và những câu trả lời của S.T. K. Chany (Theosophist tháng Sáu) về một phần trong những trình bày hình khuyên và hình tròn của bạn không cần phải làm phiền hay xáo trộn sự điềm tĩnh triết học của bạn theo bất kỳ cách nào. Như đệ tử Pondicherry của chúng ta nói một cách đầy ý nghĩa, cả bạn và bất kỳ người nào khác bên kia ngưỡng cửa đều chưa từng và sẽ không bao giờ được dạy "lý thuyết hoàn chỉnh" về sự tiến hóa hoặc có được nó trừ khi y tự đoán ra. Nếu ai đó có thể làm sáng tỏ nó từ những sợi chỉ rối rắm như đã cho, thì rất tốt, và đó thực sự sẽ là một

there is always with the best of them just enough error, colouring and misconception—the shadow of manas projecting across the field of Buddhi—to prove the eternal law that only the unshackled spirit shall see the things of the spirit without a veil. No untaught amateur could ever rival the proficient in this branch of research; yet the world's real Revelators have been few, and its pseudo-Saviours legion; and fortunate it is if their half glimpses of the light are not like Islam enforced at the sword's point, or like Christian theology amid blazing fagots and in torture chambers. Your *Fragments* contain some—still very few—errors, due solely to your two preceptors of Adyar, one of whom *would not,* and the other *could not* tell you at all. The rest could not be called mistakes—rather, incomplete explanations. Those are due, partly to your own imperfect education in your last theme—I mean the ever threatening *obscurations*—partly to the poor vehicles of language at our disposal, and in part again to the reserve imposed upon us by rule. Yet, all things considered, they are few, and trivial, while as to those noticed by "A Student," etc. (the Marcus Aurelius of Simla) in your No.VII, it will be pleasant for you to know that every one of them, however now seeming to you contradictory, can (and if it should seem necessary *shall*) be easily reconciled with facts.

bằng chứng tuyệt vời về cái nhìn sâu sắc tinh thần của y. Một số người đã đến rất gần nó. Nhưng vẫn luôn có, với những người giỏi nhất trong số họ, vừa đủ lỗi lầm, tô vẽ và hiểu lầm—cái bóng của manas chiếu lên trên trường Bồ đề—để chứng minh định luật vĩnh cửu rằng chỉ có tinh thần không bị xiềng xích mới nhìn thấy những điều của tinh thần mà không có bức màn che. Không một người nghiệp dư chưa được dạy nào có thể sánh được với người thành thạo trong nhánh nghiên cứu này; tuy nhiên, những Nhà Khải Huyền thực sự của thế giới rất ít, và những Đấng Cứu Thế giả thì vô số; và thật may mắn nếu những cái nhìn thoáng qua về ánh sáng của họ không giống như đạo Hồi được thi hành bằng lưỡi kiếm, hoặc như thần học Cơ đốc giáo giữa những bó củi rực lửa và trong các phòng tra tấn. Các Mảnh Vụn của bạn chứa một số—vẫn còn rất ít—lỗi, chỉ do hai người thầy của bạn ở Adyar, một trong số đó sẽ không, và người kia không thể nói cho bạn biết gì cả. Phần còn lại không thể gọi là sai lầm—mà đúng hơn là những lời giải thích chưa đầy đủ. Những điều đó là do, một phần là do sự giáo dục chưa hoàn thiện của chính bạn trong chủ đề cuối cùng của bạn—ý tôi là những sự che khuất luôn đe dọa—một phần là do những vận cụ ngôn ngữ nghèo nàn mà chúng ta có, và một phần nữa là do sự dè dặt mà quy tắc áp đặt lên chúng ta. Tuy nhiên, xét về mọi mặt, chúng rất ít và không đáng kể, trong khi đối với những điều mà "Một Đạo Sinh", v.v. (Marcus Aurelius của Simla) đã nhận thấy trong số VII của bạn, bạn sẽ rất vui khi biết rằng mọi điều trong số đó, tuy bây giờ có vẻ mâu thuẫn với bạn, đều có thể (và nếu thấy cần thiết thì sẽ) dễ dàng hòa giải với các sự kiện.

The trouble is that (a) you cannot be given the real figures and different age in the Rounds, and (b) that you do not open doors enough for explorers. The bright luminary of the B.T.S [British Theosophical Society.] and the

Vấn đề là (a) bạn không thể được cung cấp những con số thực tế và độ tuổi khác nhau trong các Cuộc Tuần Hoàn, và (b) bạn không mở đủ cửa cho những nhà thám hiểm. Ngôi sao sáng của Hội Thông Thiên Học Anh Quốc

intelligences that surround her (embodied, I mean) may help you to see the plans; at all events, try. "Nothing was ever lost by trying." You share with all beginners the tendency to draw too absolutely strong inferences from partly caught hints and to dogmatize thereupon as though the last word had been spoken. You will correct this in good time. You may misunderstand us, are more than likely to do so, for our language must always be more or less that of parable and suggestion, when treading upon forbidden ground; we have our own peculiar modes of expression and what lies behind the fence of words is even more important than what you read, but still, Try! Perhaps if Mr. S. Moses [W. Stainton Moses, the spiritualist, who wrote under the pseudonym "M. A. (Oxon)" could know just what was meant by what was said to him and about his Intelligences, he would find all *strictly true.* As he is a man of interior growth, his day may come and his reconciliation with "the occultists" be complete. Who knows?

và những trí tuệ xung quanh Bà (ý tôi là đã nhập thể) có thể giúp bạn nhìn thấy các kế hoạch; dù sao thì hãy cứ thử. "Không có gì bị mất khi cố gắng." Bạn chia sẻ với tất cả những người mới bắt đầu xu hướng rút ra những suy luận quá mạnh mẽ từ những gợi ý bị bắt được một phần và giáo điều hóa về chúng như thể lời cuối cùng đã được nói ra. Bạn sẽ sửa điều này vào thời điểm thích hợp. Bạn có thể hiểu lầm chúng ta, rất có thể sẽ làm như vậy, vì ngôn ngữ của chúng ta phải luôn ít nhiều là ngôn ngữ của dụ ngôn và gợi ý, khi bước trên vùng đất cấm; chúng ta có những phương thức diễn đạt đặc biệt của riêng mình và những gì nằm sau hàng rào ngôn từ thậm chí còn quan trọng hơn những gì bạn đọc, nhưng vẫn cứ, Hãy Thử! Có lẽ nếu Bạn S. Moses [W. Stainton Moses, nhà thần linh học, người viết dưới bút danh "M. A. (Oxon)" có thể biết chính xác ý nghĩa của những gì đã được nói với Bạn và về Trí Tuệ của Ông, Bạn sẽ thấy tất cả đều hoàn toàn đúng. Vì Bạn là một người có sự trưởng thành nội tại, nên ngày của Bạn có thể đến và sự hòa giải của Bạn với "các nhà huyền bí học" sẽ hoàn tất. Ai mà biết được?

Our Ideas on Evil—Những Ý Tưởng Của Chúng Ta Về Cái Ác

(Copied out at Simla, September 28th, 1882)

(Sao chép tại Simla, ngày 28 tháng 9 năm 1882)

Evil has no existence *per se,* and is but the absence of good and exists but for him who is made its victim; it proceeds from two causes, and no more than good is it an independent cause in nature. Nature is destitute of goodness or malice; she follows only immutable laws when she either gives life and joy, or sends suffering and death, and destroys what she has created. Nature has an antidote for every poison, and her laws have a reward for every suffering. The butterfly devoured by

Bản thân cái ác không tồn tại, và chỉ là sự vắng mặt của cái thiện và chỉ tồn tại đối với người bị biến thành nạn nhân của nó; nó xuất phát từ hai nguyên nhân, và không hơn gì cái thiện, nó là một nguyên nhân độc lập trong tự nhiên. Tự nhiên không có lòng tốt hay ác ý; nó chỉ tuân theo những định luật bất biến khi nó ban sự sống và niềm vui, hoặc gửi đau khổ và cái chết, và phá hủy những gì nó đã tạo ra. Tự nhiên có thuốc giải cho mọi chất độc, và các định luật của nó có phần thưởng cho mọi đau khổ. Con

a bird becomes that bird, and the little bird devoured by an animal goes into a higher form. It is the blind law of necessity and the eternal fitness of things, and hence cannot be called evil in *nature*. The real evil proceeds from human intelligence, and its origin rests entirely with reasoning man, who dissociates himself from Nature.

bướm bị chim nuốt chửng sẽ trở thành con chim đó, và con chim nhỏ bị động vật nuốt chửng sẽ đi vào một hình thức cao hơn. Đó là định luật mù quáng của sự cần thiết và sự phù hợp vĩnh cửu của mọi thứ, và do đó không thể gọi là ác trong tự nhiên. Cái ác thực sự xuất phát từ trí tuệ của con người, và nguồn gốc của nó hoàn toàn nằm ở con người lý luận, người tách mình khỏi Tự nhiên.

Humanity alone, then, is the true source of evil. Evil is the exaggeration of good, the progeny of human selfishness and greediness. Think profoundly and you will find that, save death (which is no evil, but a necessary law) and accidents, which will always find their reward in a future life, the *origin* of every evil, whether small or great, is in human action—in man, whose intelligence makes him the one free agent in nature.

Vậy thì, chỉ có nhân loại mới là nguồn gốc thực sự của cái ác. Cái ác là sự phóng đại của cái thiện, là con đẻ của sự ích kỷ và tham lam của con người. Hãy suy nghĩ sâu sắc và bạn sẽ thấy rằng, ngoại trừ cái chết (vốn không phải là cái ác, mà là một định luật cần thiết) và những tai nạn, vốn sẽ luôn tìm thấy phần thưởng của chúng trong một kiếp sống tương lai, nguồn gốc của mọi cái ác, dù nhỏ hay lớn, đều nằm trong hành động của con người—ở con người, người có trí tuệ khiến y trở thành tác nhân tự do duy nhất trong tự nhiên.

It is not nature that creates diseases, but man. The latter's mission and destiny in the economy of nature is to die his natural death brought by age. Save by accident, neither a savage nor a wild (free) animal dies of disease. Food, drink, sexual relations, all are necessities of life, yet excess in them brings on disease, misery, suffering, mental and physical, and the latter are transmitted as the greatest evils to future generations, the progeny of the culprits. Ambition, the desire of securing happiness and comfort for those we love by obtaining honour and riches, are praiseworthy natural feelings; but when they transform man into an ambitious, cruel tyrant, a miser or a selfish egoist, they bring untold misery on those around him—on nations as well as on individuals. All this, then, (food, wealth, ambition and the thousand other things we have to leave unmentioned) becomes the source and cause

Không phải tự nhiên tạo ra bệnh tật, mà là con người. Sứ mệnh và số phận của con người trong nền kinh tế của tự nhiên là chết cái chết tự nhiên do tuổi tác mang lại. Ngoại trừ tai nạn, cả người man rợ lẫn động vật hoang dã (tự do) đều không chết vì bệnh tật. Thức ăn, đồ uống, quan hệ tình dục, tất cả đều là những nhu cầu của cuộc sống, nhưng sự thái quá trong chúng sẽ gây ra bệnh tật, khổ sở, đau khổ, tinh thần và thể xác, và những điều sau này được truyền lại như những tệ nạn lớn nhất cho các thế hệ tương lai, con cháu của những kẻ phạm tội. Tham vọng, mong muốn đảm bảo hạnh phúc và thoải mái cho những người chúng ta yêu thương bằng cách đạt được danh dự và giàu có, là những cảm xúc tự nhiên đáng khen ngợi; nhưng khi chúng biến con người thành một bạo chúa tham vọng, tàn ác, một kẻ keo kiệt hoặc một người vị kỷ ích kỷ, chúng sẽ mang lại vô vàn đau khổ cho những người xung quanh y—cho các quốc gia cũng như cho

of evil, whether in its abundance or through its absence. Become a glutton, a debauchee, a tyrant, and you become the originator of diseases, of human suffering and misery. Lack all this and you starve, you are despised as a nobody, and the majority of the herd of your fellow-men make you a sufferer for your whole life. Therefore it is neither nature nor an imaginary deity that has to be blamed, but human nature made vile by selfishness. Think well over these few words; work out every cause of evil you can think of and trace it to its origin, and you will have solved one-third of the problems of evil.

các cá nhân. Tất cả những điều này, sau đó, (thức ăn, của cải, tham vọng và hàng ngàn thứ khác mà chúng ta phải bỏ qua) trở thành nguồn gốc và nguyên nhân của cái ác, dù là do sự phong phú hay do sự vắng mặt của nó. Trở thành một kẻ tham ăn, một kẻ truỵ lạc, một bạo chúa, và bạn sẽ trở thành người khởi xướng bệnh tật, đau khổ và khổ sở của con người. Thiếu tất cả những điều này và bạn sẽ chết đói, bạn bị coi thường như một kẻ vô danh, và phần lớn bầy đàn đồng loại của bạn khiến bạn phải chịu đựng suốt cả cuộc đời. Vì vậy, không phải tự nhiên hay một vị thần tưởng tượng nào phải bị đổ lỗi, mà là bản chất con người trở nên đê tiện bởi sự ích kỷ. Hãy suy nghĩ kỹ về những lời này; hãy tìm ra mọi nguyên nhân của cái ác mà bạn có thể nghĩ ra và truy tìm nó đến nguồn gốc của nó, và bạn sẽ giải quyết được một phần ba các vấn đề về cái ác.

And now, after making due allowances for evils that are natural and cannot be avoided—and so few are they that I challenge the whole host of Western metaphysicians to call them evils or trace them to an independent cause—I will point out the greatest, the chief cause of nearly two-thirds of the evils that pursue humanity ever since that cause became a power. It is religion, under whatever form or in whatever nation; it is the sacerdotal caste, the priesthood and the churches. It is in those illusions that man looks upon as sacred, that he has to search out the source of that multitude of evils which is the great curse of humanity and that almost overwhelms mankind; ignorance created gods, and cunning took advantage of the opportunity. Look at India, look at Christendom and Islam, at Judaism and Fetichism. It is priestly imposture that rendered these gods so terrible to man; it is religion that makes of him the selfish bigot, the fanatic, that hates all mankind out of his own sect, without

Và bây giờ, sau khi xem xét kỹ lưỡng những tệ nạn là tự nhiên và không thể tránh khỏi—và chúng ít đến nỗi tôi thách thức toàn bộ đội quân các nhà siêu hình học phương Tây gọi chúng là tệ nạn hoặc truy tìm chúng đến một nguyên nhân độc lập—tôi sẽ chỉ ra nguyên nhân lớn nhất, nguyên nhân chính của gần hai phần ba những tệ nạn đeo bám nhân loại kể từ khi nguyên nhân đó trở thành một quyền lực. Đó là tôn giáo, dưới bất kỳ hình thức nào hoặc ở bất kỳ quốc gia nào; đó là đẳng cấp tu sĩ, hàng giáo phẩm và các nhà thờ. Chính trong những ảo tưởng mà con người coi là thiêng liêng, mà y phải tìm ra nguồn gốc của vô số tệ nạn vốn là lời nguyền rủa lớn đối với nhân loại và gần như nhấn chìm loài người; sự ngu dốt đã tạo ra các vị thần, và sự xảo quyệt đã lợi dụng cơ hội đó. Hãy nhìn vào Ấn Độ, hãy nhìn vào Cơ đốc giáo và Hồi giáo, vào Do Thái giáo và Vật linh giáo. Chính sự lừa bịp của các tu sĩ đã khiến những vị thần này trở nên khủng khiếp đối với con người; chính tôn giáo đã biến y thành một kẻ cuồng tín ích kỷ, một kẻ cuồng tín, kẻ ghét bỏ

rendering him any better or more moral for it. It is belief in God or gods that makes of two-thirds of humanity the slaves of those who deceive them under the false pretence of saving them. Is not man ever ready to commit any kind of evil, if told that his God or gods demand the crime? Voluntary victim of an illusory god, the abject slave of his crafty ministers, the Irish, Italian or Sclavonian peasant will starve himself, and see his family starving and naked, to feed and clothe his padre or pope.

toàn thể nhân loại ra khỏi giáo phái của riêng y, mà không khiến y trở nên tốt hơn hay đạo đức hơn vì điều đó. Chính niềm tin vào Thượng đế hoặc các vị thần đã biến hai phần ba nhân loại thành nô lệ của những kẻ lừa dối họ dưới chiêu bài sai trái là cứu rỗi họ. Chẳng phải con người luôn sẵn sàng phạm bất kỳ loại tội ác nào, nếu được bảo rằng Thượng đế hoặc các vị thần của y yêu cầu tội ác đó sao? Nạn nhân tự nguyện của một vị thần hão huyền, nô lệ hèn hạ của các bộ trưởng xảo quyệt của y, người nông dân Ireland, Ý hoặc Sclavonia sẽ bỏ đói bản thân và chứng kiến gia đình mình chết đói và trần truồng, để nuôi sống và mặc quần áo cho cha xứ hoặc giáo hoàng của y.

For 2.000 years India groaned under the weight of caste, Brahmins alone feeding on the fat of the land, and today the followers of Christ and Mahomet are cutting each other's throats in the name for the greater glory of their respective myths. Remember, the sum of human misery will never be diminished until that day when the better portion of humanity destroy, in the name of truth, morality and universal charity, the alters of their false gods.

Trong 2.000 năm, Ấn Độ rên xiết dưới gánh nặng của đẳng cấp, chỉ có những người Bà la môn được ăn sung mặc sướng, và ngày nay những người theo Chúa Kitô và Mahomet đang cắt cổ họng của nhau nhân danh vinh quang lớn hơn cho những huyền thoại tương ứng của họ. Hãy nhớ rằng, tổng số nỗi khổ của con người sẽ không bao giờ giảm bớt cho đến ngày mà phần tốt đẹp hơn của nhân loại tiêu diệt, nhân danh sự thật, đạo đức và bác ái phổ quát, những bàn thờ của các vị thần sai lầm của họ.

If it is objected that we too have temples, we too have priests, and that our Lamas also live on charity, let them know that the objects above named have in communion with their Western equivalents but the name. Thus in our temples there is neither a god nor gods worshipped, only the three sacred memories of the greatest as the holiest man that ever lived. If our Lamas, to honour that fraternity of the *Bhikkus* established by our Blessed Master himself, go out to be fed by the laity, the latter, often to the number of 5 to 25,000 is fed and taken care of by the *Sangha* (the fraternity of Lamaic monks) the Lamasery providing for the wants of the poor, the sick and the afflicted. Our Lamas accept food,

Nếu có ý kiến phản đối rằng chúng ta cũng có đền thờ, chúng ta cũng có tu sĩ, và các Lạt ma của chúng ta cũng sống nhờ lòng từ thiện, thì hãy để họ biết rằng những đối tượng nêu trên có sự tương đồng với những đối tượng tương đương ở phương Tây của họ chỉ ở cái tên. Vì vậy, trong các đền thờ của chúng ta, không có vị thần hay các vị thần nào được thờ cúng, chỉ có ba ký ức thiêng liêng về người vĩ đại nhất cũng như người thánh thiện nhất từng sống. Nếu các Lạt ma của chúng ta, để tôn vinh tình huynh đệ của các Bhikkhu do Huấn Sư Chân Phúc của chúng ta thành lập, đi ra ngoài để được những người tại gia nuôi dưỡng, thì những người tại gia này, thường có số lượng từ 5 đến 25.000 người, được Sangha (tình huynh

never money, and it is in these temples that the origin of evil is preached and impressed upon the people. There they are taught the Four Noble Truths (*Arya sachchani*), and the chain of causation (the twelve Nidanas) gives them a solution of the problem of the origin and destruction of suffering.

đệ của các nhà sư Lạt ma) nuôi dưỡng và chăm sóc, tu viện Lạt ma cung cấp cho nhu cầu của người nghèo, người bệnh và người đau khổ. Các Lạt ma của chúng ta chấp nhận thức ăn, không bao giờ nhận tiền, và chính trong những ngôi đền này mà nguồn gốc của cái ác được thuyết giảng và khắc sâu vào tâm trí người dân. Ở đó, họ được dạy Tứ Diệu Đế (Arya sachchani), và chuỗi nhân quả (mười hai Nhân Duyên) mang đến cho họ một giải pháp cho vấn đề nguồn gốc và sự tiêu diệt của đau khổ.

Read the *Maha-vagga*: (*Vin. Pit.*I.i.1), and try to understand, not with the prejudiced western mind but with the spirit of intuition and truth, what the fully Enlightened One says in the 1st *Khandhaka*. Allow me to translate it for you. "At the time when the blessed Buddha was at Uruvela on the shores of the river Neranjara, as he rested under the Bodhi-tree of wisdom after he had become Sambuddha; at the end of the seventh day, having his mind fixed on the chain of causation, he spake thus: 'From ignorance spring the Sankharas of three-fold nature—productions of body, of speech, of thought; from Sankharas spring consciousness; from consciousness springs name and form; and from these spring the six natures (of the six senses, the seventh being the property of but the enlightened); from these spring contact; from this sensation; from this thirst (or desire Kama-tanha); from thirst—attachment, existence, birth, old age and death, grief, lamentation, suffering, dejection and despair. Again by the destruction of ignorance, the Sankharas are destroyed, and their consciousness, name and form, the six regions, contact, sensation, thirst, attachment (selfishness), existence, birth, old age, death, grief, lamentation, suffering, dejection and despair are destroyed. Such is the cessation of the whole mass of human suffering.' Knowing this the Blessed One uttered this solemn utterance. When the

Hãy đọc Maha-vagga: (Vin. Pit.I.i.1), và cố gắng thấu hiểu, không phải bằng thể trí phương Tây đầy thành kiến mà bằng tinh thần trực giác và chân lý, những gì Đấng Giác Ngộ Hoàn Toàn nói trong Khandhaka thứ 1. Cho phép tôi dịch nó cho bạn. "Vào thời điểm Đức Phật Chân Phúc ở Uruvela trên bờ sông Neranjara, khi Ngài nghỉ ngơi dưới cội Bồ-đề của minh triết sau khi Ngài trở thành Sambuddha; vào cuối ngày thứ bảy, khi tâm trí Ngài tập trung vào chuỗi nhân quả, Ngài đã nói như sau: 'Từ vô minh sinh ra các Hành (Sankharas) có bản chất tam phân—sản phẩm của thân, của lời nói, của tư tưởng; từ các Hành sinh ra tâm thức; từ tâm thức sinh ra danh và sắc; và từ đó sinh ra sáu bản chất (của sáu giác quan, bản chất thứ bảy chỉ thuộc về người giác ngộ); từ đó sinh ra xúc; từ xúc sinh ra cảm giác; từ cảm giác sinh ra khát ái (hay dục vọng Kama-tanha); từ khát ái—ái luyến, tồn tại, sinh, lão và tử, ưu, bi, khổ, ưu não và tuyệt vọng. Một lần nữa, do sự tiêu diệt vô minh, các Hành bị tiêu diệt, và tâm thức, danh và sắc, sáu cõi, xúc, cảm giác, khát ái, ái luyến (ích kỷ), tồn tại, sinh, lão, tử, ưu, bi, khổ, ưu não và tuyệt vọng của chúng bị tiêu diệt. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ khối khổ đau của con người.' Biết được điều này, Đấng Chân Phúc đã thốt lên lời trang trọng này. Khi bản chất thực sự của vạn vật trở nên rõ ràng với Bhikkhu đang tham thiền, thì mọi nghi ngờ của y tan biến vì y đã học được bản chất đó là gì và nguyên nhân của nó là gì;

real nature of things becomes clear to the meditating Bhikkhu, then all his doubts fade away since he has learned what is that nature and what its cause; from ignorance spring all the evils, from knowledge comes the cessation of this mass of misery; then the meditating Brahmin stands dispelling the hosts of Maya like the sun when it illumines the sky." Meditation here means the superhuman, not supernatural, qualities of Arhatship in its highest or spiritual power.

từ vô minh sinh ra mọi điều ác, từ tri thức đến sự chấm dứt của khối khổ đau này; rồi vị Bà-la-môn đang tham thiền đứng lên xua tan đoàn quân Maya như mặt trời khi chiếu sáng bầu trời." Tham thiền ở đây có nghĩa là những phẩm chất siêu nhân, không phải siêu nhiên, của quả vị A-la-hán trong sức mạnh cao nhất hay tinh thần của nó.

Planetary Spirits—Các Tinh Thần Hành Tinh

Alone the Adepts, *i.e.*, the embodied spirits, are forbidden by our wise and intransgressible laws to completely subject to themselves another and a weaker will, that of free-born man. The latter mode of proceeding is the favourite one resorted to by the Brothers of the Shadow, the Sorcerers, the Elementary Spooks and, as an isolated exception, the highest Planetary Spirits, those who can no longer err. But these appear on earth but at the origin of every new human kind at the junction or close of the two ends of the great cycle; and they remain with man no longer than the time required for the eternal truths they teach to impress themselves so forcibly upon the plastic minds of the new races as to warrant them from being entirely lost or forgotten in ages hereafter by the forth-coming generations.

Chỉ có các Chân sư, tức là các tinh thần nhập thể, bị luật lệ khôn ngoan và bất khả xâm phạm của chúng ta cấm hoàn toàn khuất phục một ý chí khác và yếu hơn, ý chí của con người tự do. Phương thức tiến hành sau này là phương thức yêu thích được sử dụng bởi Các Huynh Đệ Bóng Tối, Các Pháp Sư, Các Yêu Ma Nguyên Tố và, như một ngoại lệ biệt lập, Các Tinh Thần Hành Tinh cao nhất, những người không còn có thể sai lầm. Nhưng Các Ngài xuất hiện trên trái đất chỉ vào lúc khởi đầu của mỗi chủng tộc người mới tại điểm nối hoặc kết thúc của hai đầu của đại chu kỳ; và Các Ngài ở lại với con người không lâu hơn thời gian cần thiết để những chân lý vĩnh cửu mà Các Ngài dạy in sâu một cách mạnh mẽ vào thể trí dễ uốn nắn của các chủng tộc mới để đảm bảo chúng không bị mất hoàn toàn hoặc bị lãng quên trong những thời đại sau này bởi các thế hệ sắp tới.

The mission of the Planetary Spirit is but to strike the Key-note of Truth. Once he has directed the vibration of the latter to run its course uninterruptedly along the catenation of the race, and the end of the cycle, the denizen of the highest inhabited sphere disappears from the surface of our planet until

Sứ mệnh của Tinh Thần Hành Tinh chỉ là đánh nốt chủ âm của Chân Lý. Một khi Ngài đã hướng dẫn sự rung động của Chân Lý chạy liên tục dọc theo chuỗi liên kết của chủng tộc, và đến cuối chu kỳ, cư dân của cõi cao nhất có người ở biến mất khỏi bề mặt hành tinh của chúng ta cho đến khi phục sinh xác thịt tiếp

the following resurrection of flesh. The vibrations of the primitive truth are what your philosophers term innate ideas. To your question: "May a Planetary spirit have been humanely incarnated?" I will first say that... there can be no Planetary Spirit that was not once material, or what you call human. When our great Buddha, the patron of all the Adepts, the reformer and codifier of the Occult System, reached first Nirvana on earth, he became a Planetary Spirit, *i.e.,* his soul could at one and the same time rove the interstellar spaces in full consciousness and continue at will on earth in his original and individual body. For the divine self had so completely enfranchised itself from matter that it could create at will an inner substitute for itself, and leaving it in the human form for days and weeks, sometimes years, affect in no wise by the change either the vital principle or the physical mind of its body. By the way, that is the highest form of Adeptship man can hope for on our planet; but it is as rare as the Buddhas themselves, the last Hobelgan who reached it being Tsong-ka-pa of Rokowr (XIVth century), the reformer of esoteric as well as vulgar Lamaism.

theo. Các rung động của chân lý nguyên thủy là những gì các triết gia của bạn gọi là những ý tưởng bẩm sinh. Đối với câu hỏi của bạn: "Liệu một tinh thần Hành Tinh có thể đã được nhập thể một cách nhân đạo không?" Trước tiên, tôi sẽ nói rằng... không thể có Tinh Thần Hành Tinh nào mà trước đây không phải là vật chất, hoặc những gì bạn gọi là con người. Khi Đức Phật vĩ đại của chúng ta, đấng bảo trợ của tất cả các Chân sư, nhà cải cách và người hệ thống hóa Hệ Thống Huyền Bí, đạt đến Niết Bàn đầu tiên trên trái đất, Ngài đã trở thành một Tinh Thần Hành Tinh, tức là, linh hồn của Ngài có thể cùng một lúc lang thang trong không gian giữa các vì sao trong trạng thái tâm thức đầy đủ và tiếp tục theo ý muốn trên trái đất trong thân xác ban đầu và cá nhân của Ngài. Vì bản ngã thiêng liêng đã hoàn toàn giải phóng mình khỏi vật chất đến mức nó có thể tạo ra theo ý muốn một vật thay thế bên trong cho chính nó, và để nó ở trong hình dạng con người trong nhiều ngày và nhiều tuần, đôi khi nhiều năm, không ảnh hưởng gì đến nguyên tắc sinh mệnh hoặc thể trí vật lý của cơ thể nó. Nhân tiện, đó là hình thức Chân sư cao nhất mà con người có thể hy vọng đạt được trên hành tinh của chúng ta; nhưng nó hiếm có như chính các vị Phật, Hobelgan cuối cùng đạt được nó là Tsong-ka-pa của Rokowr (thế kỷ XIV), nhà cải cách của cả Mật Tông lẫn Lạt Ma Giáo thông thường.

Many are those who break through the egg-shell, few who once out are able to exercise their *nirupa namaphen* [So in MS., but evidently wrongly transcribed.] fully, when completely out of the body. Conscious life in spirit is as difficult for some natures as swimming is for some bodies. Though the human frame is lighter in its bulk than water, and though every person is born with the faculty, so few develop in themselves the art of treading water that death by drowning is the most frequent of accidents. The Planetary

Nhiều người phá vỡ lớp vỏ trứng, ít người một khi ra ngoài có thể thực hiện nirupa namaphen của họ một cách đầy đủ [Như trong MS., nhưng rõ ràng là được sao chép sai.] hoàn toàn khi ra khỏi cơ thể. Cuộc sống tâm thức trong tinh thần khó khăn đối với một số bản chất như bơi lội đối với một số cơ thể. Mặc dù khung người nhẹ hơn nước về khối lượng, và mặc dù mọi người đều sinh ra với khả năng này, nhưng rất ít người phát triển ở bản thân nghệ thuật đạp nước đến mức chết đuối là tai nạn thường xuyên nhất. Tinh Thần Hành

Spirit of that kind, the Buddha-like, can pass at will into other bodies, of more or less materialized matter, inhabiting other regions of the universe. There are many other grades and orders, but there is no separate and eternally constituted order of Planetary Spirits. I may answer with what I said to G.H. Fechner one day when he wanted to know the Hindu view on what he had written: "You are right; every diamond, every planet and star has its own individual soul besides man and animal... and there is a hierarchy of souls from the lowest forms of matter up to the world-soul; but you are mistaken when adding to that the assurance that the spirits of the departed hold sweet communion with souls that are still connected with a human body, for they do not." The relative position of the inhabited worlds in our solar system would alone preclude such a possibility; for I trust you have given up the queer idea (a natural result of early Christian training) that there can possibly be *human* intelligences inhabiting purely spiritual regions. You will then as readily understand the fallacy of Christians who would burn immaterial souls in a material physical hell, as the mistake of the more educated spiritualists who lull themselves with the thought that any other than the denizens of the two worlds immediately interlinked with our own can possibly communicate with them. However ethereal and purified of gross matter they may be, the pure spirits are still subject to the physical and universal laws of nature. They *cannot*, even if they would, span the abyss that separates their world from ours. *They can be visited in spirit*; their spirit cannot descend and reach us. The *attract,* they cannot be attracted —their spiritual polarity being an insuperable difficulty in the way.

Tinh thuộc loại đó, giống như Đức Phật, có thể tùy ý đi vào các cơ thể khác, có vật chất hóa nhiều hay ít, cư trú ở các khu vực khác của vũ trụ. Có nhiều cấp bậc và trật tự khác, nhưng không có trật tự riêng biệt và vĩnh viễn được cấu thành của Các Tinh Thần Hành Tinh. Tôi có thể trả lời bằng những gì tôi đã nói với G.H. Fechner một ngày nọ khi bạn muốn biết quan điểm của Ấn Độ về những gì Bạn đã viết: "Ông nói đúng; mỗi viên kim cương, mỗi hành tinh và ngôi sao đều có linh hồn riêng ngoài con người và động vật... và có một huyền giai của các linh hồn từ các hình thức vật chất thấp nhất đến linh hồn thế giới; nhưng Bạn đã nhầm khi thêm vào đó sự đảm bảo rằng các linh hồn của người đã khuất có sự giao tiếp ngọt ngào với các linh hồn vẫn còn kết nối với cơ thể con người, vì họ không có." Vị trí tương đối của các thế giới có người ở trong hệ mặt trời của chúng ta sẽ loại trừ khả năng đó; vì tôi tin rằng bạn đã từ bỏ ý tưởng kỳ lạ (một kết quả tự nhiên của quá trình huấn luyện Cơ đốc giáo ban đầu) rằng có thể có những trí tuệ con người cư trú ở những khu vực hoàn toàn tinh thần. Sau đó, Bạn sẽ dễ dàng hiểu được sự sai lầm của những người theo đạo Cơ đốc, những người sẽ đốt những linh hồn phi vật chất trong một địa ngục vật chất, cũng như sai lầm của những nhà tâm linh học có học thức hơn, những người tự ru ngủ mình với suy nghĩ rằng bất kỳ ai khác ngoài cư dân của hai thế giới liên kết trực tiếp với thế giới của chúng ta có thể giao tiếp với họ. Tuy nhiên, dù có thanh tao và tinh khiết đến đâu, các linh hồn thuần khiết vẫn phải tuân theo các định luật vật lý và phổ quát của tự nhiên. Các Ngài không thể, ngay cả khi Các Ngài muốn, vượt qua vực thẳm ngăn cách thế giới của Các Ngài với thế giới của chúng ta. Các Ngài có thể được viếng thăm trong tinh thần; tinh thần của Các Ngài không thể hạ xuống và đến được với chúng ta. Các Ngài thu hút, Các Ngài không thể bị thu hút— phân cực tinh thần của Các Ngài là một khó

khăn không thể vượt qua trên con đường.

Once fairly started upon that subject I will endeavour to explain to you still more clearly where lies the impossibility. You will thus be answered in regard to Planetary Spirits and seance room spirits.

Một khi đã bắt đầu một cách công bằng về chủ đề đó, tôi sẽ cố gắng giải thích cho bạn rõ ràng hơn nữa về sự bất khả thi nằm ở đâu. Do đó, bạn sẽ được trả lời về Các Tinh Thần Hành Tinh và các linh hồn phòng gọi hồn.

The cycle of intelligent existences commences at the highest worlds or planets, the term "highest" meaning here the most spiritually perfect. Evolving from Kosmic matter, which is Akasa, the primeval, not secondary, plastic medium or ether of science, instinctively suspected, improves with the rest. Man first evolves from this matter in its most sublimated state, appearing at the threshold of Eternity, as a perfectly ethereal, not spiritual, entity, says a Planetary Spirit. He is but one removed from the universal and spiritual world-essence—the "Anima Mundi" of the Greeks or that which humanity in its spiritual decadence has degraded into a mythical personal God. Hence at that state the spirit-man is at best an active power—an immutable, therefore, an unthinking principle (the term immutable being again used here but to denote that state for the time being), the immutability applying here but to the inner principle which will vanish and disappear as soon as the spark of the material in him will start on its cyclic work of evolution and transformation. In his subsequent descent, and in proportion to the increase of matter, he will assert more and more his activity.

Chu kỳ của sự tồn tại thông minh bắt đầu từ các thế giới hoặc hành tinh cao nhất, thuật ngữ "cao nhất" ở đây có nghĩa là hoàn hảo nhất về mặt tinh thần. Tiến hóa từ vật chất Kosmic, vốn là Akasa, môi trường dẻo nguyên thủy, không phải thứ cấp, hay dĩ thái của khoa học, được nghi ngờ một cách bản năng, được cải thiện cùng với phần còn lại. Con người lần đầu tiên tiến hóa từ vật chất này ở trạng thái thăng hoa nhất của nó, xuất hiện ở ngưỡng cửa của Vĩnh Hằng, như một thực thể hoàn toàn dĩ thái, không phải tinh thần, một Tinh Thần Hành Tinh nói. Y chỉ cách bản chất thế giới phổ quát và tinh thần một bậc—"Anima Mundi" của người Hy Lạp hoặc thứ mà nhân loại trong sự suy đồi tinh thần của nó đã hạ thấp thành một Thượng đế cá nhân thần thoại. Do đó, ở trạng thái đó, con người tinh thần tốt nhất là một sức mạnh tích cực—một nguyên tắc bất biến, do đó, một nguyên tắc không suy nghĩ (thuật ngữ bất biến lại được sử dụng ở đây chỉ để biểu thị trạng thái đó trong thời gian đó), tính bất biến chỉ áp dụng ở đây cho nguyên tắc bên trong sẽ biến mất và biến mất ngay khi tia vật chất trong y bắt đầu công việc tiến hóa và biến đổi theo chu kỳ của nó. Trong quá trình giáng hạ tiếp theo của y, và tỷ lệ thuận với sự gia tăng của vật chất, y sẽ ngày càng khẳng định hoạt động của mình.

Now the congeries of the star-worlds (including our own planet) inhabited by intelligent beings may be likened to an orb, or rather an epicycloid, formed of rings like a chain, worlds interlinked together—the totality representing an imaginary endless

Bây giờ, tập hợp các thế giới sao (bao gồm cả hành tinh của chúng ta) có người ở bởi những sinh vật thông minh có thể được ví như một quả cầu, hay đúng hơn là một đường ngoại luân, được hình thành từ các vòng như một chuỗi, các thế giới liên kết với nhau—tổng thể

ring or circle. The progress of man throughout the whole, from its starting to its closing points, meeting on the highest point of the circumference, is what we call Maha-Yuga, or great cycle—the *Kyklos* whose head is lost in a crown of spirit and its lowest circumference in absolute matter, *viz.,* the point of cessation of action of the active principle. If, using a more familiar term, we call the great cycle the *macrocosm* and its compound parts or interlinked star-worlds the *microcosm*, the occultist's meaning in representing each of the latter as perfect copies of the former will become evident. The great is the prototype of the smaller cycles; and as such, each star-world has in its turn its own cycle of evolution, which starts with a purer and ends with a grosser or more material nature. As they descend, each world presents itself naturally more and more shadowy, becoming at the antipodes absolute matter. Propelled by the irresistible cyclic impulse, the Planetary Spirit has to descend before he can reascend. On his way he has to pass through the whole ladder of evolution, missing no rung, to halt at every star-world as he would at a station, and, besides the unavoidable cycle of that particular and every respective star-world, to perform in it his own life-cycle, *viz.,* returning and reincarnating as many times as he fails to complete his round of life in it, as he dies on it before reaching the age of reason, as correctly stated in *Isis.*

đại diện cho một vòng hoặc vòng tròn vô tận tưởng tượng. Sự tiến bộ của con người trong suốt toàn bộ, từ điểm bắt đầu đến điểm kết thúc của nó, gặp nhau ở điểm cao nhất của chu vi, là những gì chúng ta gọi là Maha-Yuga, hay đại chu kỳ—Kyklos có đầu bị mất trong một vương miện tinh thần và chu vi thấp nhất của nó trong vật chất tuyệt đối, cụ thể là, điểm chấm dứt hành động của nguyên tắc tích cực. Nếu, sử dụng một thuật ngữ quen thuộc hơn, chúng ta gọi đại chu kỳ là đại thiên địa và các bộ phận hợp thành hoặc các thế giới sao liên kết với nhau là tiểu thiên địa, thì ý nghĩa của nhà huyền bí học khi đại diện cho mỗi tiểu thiên địa là bản sao hoàn hảo của đại thiên địa sẽ trở nên rõ ràng. Cái lớn là nguyên mẫu của các chu kỳ nhỏ hơn; và như vậy, mỗi thế giới sao đến lượt nó có chu kỳ tiến hóa riêng, bắt đầu với một bản chất thuần khiết hơn và kết thúc với một bản chất thô thiển hơn hoặc vật chất hơn. Khi chúng giáng hạ, mỗi thế giới tự nhiên trình bày ngày càng nhiều bóng tối, trở thành vật chất tuyệt đối ở các cực đối diện. Được thúc đẩy bởi xung lực theo chu kỳ không thể cưỡng lại, Tinh Thần Hành Tinh phải giáng hạ trước khi Ngài có thể tái thăng. Trên đường đi, Ngài phải đi qua toàn bộ bậc thang tiến hóa, không bỏ sót bậc nào, để dừng lại ở mọi thế giới sao như Ngài sẽ dừng lại ở một trạm, và, bên cạnh chu kỳ không thể tránh khỏi của thế giới sao cụ thể và mọi thế giới sao tương ứng, để thực hiện trong đó chu kỳ cuộc đời của riêng Ngài, cụ thể là, trở lại và tái sinh nhiều lần nếu Ngài không hoàn thành vòng đời của mình trong đó, khi Ngài chết trên đó trước khi đạt đến tuổi khôn, như đã được nêu chính xác trong Isis.

That is what happens. After circling, so to say, along the arc of the cycle, circling along and within it (the daily and yearly rotation of the Earth is as good an illustration as any) when the spirit-man reaches our own planet, which is one of the lowest, having lost at every

Đó là những gì xảy ra. Sau khi xoay quanh, có thể nói như vậy, dọc theo cung của chu kỳ, xoay quanh dọc theo và bên trong nó (sự quay hàng ngày và hàng năm của Trái Đất là một minh họa tốt như bất kỳ minh họa nào) khi con người tinh thần đến hành tinh của chúng

station some of the ethereal, and acquired an increase of material nature, both spirit and matter have become pretty much equilibrated in him. But then he has the earth's cycle to perform, and, as in the process of involution and evolution downwards, matter is ever trying to stifle spirit, when, arrived at the lowest point of his pilgrimage, the once pure Planetary Spirit will be found dwindled to what science agrees to call a primitive or primordial man amidst a nature as primordial, speaking geologically; for physical nature keeps pace with the physiological as well as the spiritual man in her cyclic career. At that point the great law begins its work of selection. Matter found entirely divorced from spirit is thrown over into the still lower worlds, into the sixth "gati" or "way of rebirth" of the vegetable and mineral worlds, and of primitive animal forms. From thence, matter, ground over in the workshop of nature, proceeds soul-less back to its Mother-Fount, while the egos purified of their dross are enabled to resume their progress once more onward.

ta, vốn là một trong những hành tinh thấp nhất, đã mất đi một số bản chất dĩ thái ở mọi trạm và có được sự gia tăng bản chất vật chất, cả tinh thần và vật chất đã trở nên khá cân bằng trong y. Nhưng sau đó y phải thực hiện chu kỳ của trái đất, và, như trong quá trình giáng hạ tiến hóa, vật chất luôn cố gắng bóp nghẹt tinh thần, khi đến điểm thấp nhất trong cuộc hành hương của mình, Tinh Thần Hành Tinh từng thuần khiết sẽ bị thu hẹp lại thành những gì khoa học đồng ý gọi là một con người nguyên thủy hay sơ khai giữa một tự nhiên cũng sơ khai, nói về mặt địa chất; vì tự nhiên vật lý theo kịp con người sinh lý cũng như tinh thần trong sự nghiệp theo chu kỳ của nó. Tại thời điểm đó, định luật vĩ đại bắt đầu công việc lựa chọn của nó. Vật chất được tìm thấy hoàn toàn ly dị với tinh thần bị ném vào các thế giới thấp hơn, vào "gati" hay "con đường tái sinh" thứ sáu của thế giới thực vật và khoáng vật, và các dạng động vật nguyên thủy. Từ đó, vật chất, được nghiền nát trong xưởng của tự nhiên, tiến hành vô hồn trở lại Nguồn Mẹ của nó, trong khi các chân ngã được thanh lọc khỏi cặn bã của chúng có thể tiếp tục tiến bộ một lần nữa.

It is here that the laggard egos perish by the millions. It is the solemn moment of the survival of the fittest—the annihilation of those unfit. It is but matter (or material man) which is compelled by its own weight to descend to the very bottom of the "circle of necessity" to then assume an animal form; as to the winner of that race throughout the worlds, the spiritual ego, he will ascend from star to star, from one world to another, circling onward to re-become the once pure Planetary Spirit, then higher still, to finally reach its first starting point, and from thence to merge into *Mystery*. No Adept has ever penetrated beyond the veil of primitive cosmic matter. The highest, the most perfect vision, is limited to the Universe of Form and

Chính tại đây mà hàng triệu chân ngã chậm chạp diệt vong. Đó là khoảnh khắc trang trọng của sự sống sót của những người khỏe mạnh nhất—sự hủy diệt của những người không phù hợp. Chỉ có vật chất (hoặc con người vật chất) bị trọng lượng của chính nó buộc phải giáng xuống tận đáy của "vòng tròn tất yếu" để sau đó mang hình dạng động vật; đối với người chiến thắng trong cuộc đua đó trên khắp các thế giới, chân ngã tinh thần, y sẽ thăng từ ngôi sao này sang ngôi sao khác, từ thế giới này sang thế giới khác, xoay quanh để trở thành Tinh Thần Hành Tinh thuần khiết một thời, sau đó còn cao hơn nữa, để cuối cùng đạt đến điểm khởi đầu đầu tiên của nó, và từ đó hợp nhất vào Bí Ẩn. Không có Chân sư nào từng thâm nhập vượt ra ngoài bức màn vật chất vũ

Matter.

trụ nguyên thủy. Tầm nhìn cao nhất, hoàn hảo nhất, bị giới hạn trong Vũ Trụ Hình Tướng và Vật Chất.

But my explanation does not end here. You want to know why it is deemed supremely difficult if not utterly impossible for pure disembodied spirits to communicate with men through mediums of Phantomosophy. I say because (1) on account of the antagonistic atmospheres respectively surrounding these worlds; (2) of the entire dissimilarity of the physiological and spiritual conditions; and (3) because that chain of worlds I have just been telling you about is not only an epicycloid but an elliptical orbit of existences, having, as every eclipse, not one but two points—two foci which can never approach each other, man being at one focus of it and pure spirit at the other. To this you might object. I can neither help it nor change the fact. But there is still another and far mightier impediment. Like a rosary composed of white and black beads alternating with each other, so that concatenation of worlds is made up of worlds of *causes* and worlds of *effects*—the latter the direct result produced by the former. Thus it becomes evident that every sphere of causes (and our Earth is one) is not only interlinked with, and surrounded by, but actually separated from, its nearest neighbour, the higher sphere of causality, by an impenetrable atmosphere (in its spiritual sense) of effects, bordering on and even interlinking, never mixing with the next sphere; for one is active, the other passive—the world of causes positive, that of effects negative. This passive resistance *can* be overcome, but under conditions of which you most learned spiritualists have not the faintest idea.

Nhưng lời giải thích của tôi không kết thúc ở đây. Bạn muốn biết tại sao việc các linh hồn thuần khiết, phi thể giao tiếp với con người thông qua các đồng tử của Phantomosophy lại được coi là vô cùng khó khăn nếu không muốn nói là hoàn toàn bất khả thi. Tôi nói là vì (1) do bầu không khí đối kháng bao quanh các thế giới này; (2) do sự khác biệt hoàn toàn về các điều kiện sinh lý và tinh thần; và (3) vì chuỗi thế giới mà tôi vừa kể cho bạn nghe không chỉ là một đường ngoại luân mà còn là một quỹ đạo hình elip của sự tồn tại, có, như mọi nhật thực, không phải một mà là hai điểm—hai tiêu điểm không bao giờ có thể đến gần nhau, con người ở một tiêu điểm của nó và linh hồn thuần khiết ở tiêu điểm còn lại. Bạn có thể phản đối điều này. Tôi không thể giúp gì được cũng như không thể thay đổi sự thật. Nhưng vẫn còn một trở ngại khác lớn hơn nhiều. Giống như một tràng hạt mân côi gồm các hạt trắng và đen xen kẽ nhau, sự liên kết của các thế giới được tạo thành từ các thế giới của nguyên nhân và các thế giới của kết quả—cái sau là kết quả trực tiếp do cái trước tạo ra. Vì vậy, rõ ràng là mọi cõi của nguyên nhân (và Trái Đất của chúng ta là một) không chỉ liên kết với và được bao quanh bởi, mà còn thực sự tách biệt khỏi người hàng xóm gần nhất của nó, cõi nhân quả cao hơn, bởi một bầu không khí không thể xuyên thủng (theo nghĩa tinh thần) của các hiệu ứng, giáp ranh và thậm chí liên kết với cõi tiếp theo, nhưng không bao giờ trộn lẫn với cõi tiếp theo; vì một bên là chủ động, bên kia là thụ động—thế giới của các nguyên nhân là tích cực, thế giới của các hiệu ứng là tiêu cực. Sự kháng cự thụ động này có thể được khắc phục, nhưng theo các điều kiện mà các nhà thần linh học uyên bác nhất của bạn không hề hay biết.

All movement is, so to say, polar. It is very difficult to convey my meaning to you at this point, but I will go on to the end. I am aware of my failure to bring before you these, to us, axiomatical truths, in any other form but that of a simple logical postulate, if so much, they being capable of absolute and unequivocal demonstration but to the highest Seers. But I will give you food for thought if nothing else. The intermediary spheres, being but the projected shadows of the world of causes, are regulated by the last. They are the great halting-places, the stations in which the new self-conscious egos, to be the self-begotten progeny of the old and disembodied egos of our planet, are gestated. Before the new Phoenix, reborn of the ashes of its parent, can soar higher to a better, more spiritually perfect world—still a world of matter—it has to pass through the process of a new birth, so to say, and as on our Earth where two-thirds of infants are either still-born or die in infancy, so in our "world of effects". On Earth it is the physiological and mental defects, the sins of the progenitors, that are visited upon the issue; in that land of shadows, the new and yet unconscious ego-foetus becomes the just victim of the transgressions of its old self, whose Karma, merit and demerit, will alone weave out its future destiny. In that world we find but unconscious, self-acting, ex-human machines, souls in their transition state, whose dormant faculties and individuality lie as a butterfly in its chrysalis; and spiritualists would yet have them talk sense! Caught at times into the vortex of the abnormal mediumistic current, they become the unconscious echoes of thoughts and ideas crystallized around those present. Every positive, well-directed mind is capable of neutralising such secondary effects in a seance room.

Mọi chuyển động đều có tính phân cực. Rất khó để truyền đạt ý nghĩa của tôi cho bạn vào thời điểm này, nhưng tôi sẽ tiếp tục cho đến cùng. Tôi nhận thức được sự thất bại của mình trong việc mang đến cho bạn những chân lý tiên đề này, đối với chúng ta, dưới bất kỳ hình thức nào khác ngoài một tiên đề logic đơn giản, nếu có thể, vì chúng có khả năng chứng minh tuyệt đối và rõ ràng nhưng chỉ đối với các Nhà Ngoại Cảm cao cấp nhất. Nhưng tôi sẽ cho bạn thức ăn cho suy nghĩ nếu không có gì khác. Các cõi trung gian, chỉ là những cái bóng được phóng chiếu của thế giới của các nguyên nhân, được quy định bởi cái sau. Chúng là những nơi dừng chân tuyệt vời, những trạm mà các chân ngã tự ý thức mới, sẽ là dòng dõi tự sinh của các chân ngã cũ và phi thể của hành tinh chúng ta, được hình thành. Trước khi Phượng hoàng mới, tái sinh từ tro tàn của cha mẹ nó, có thể bay cao hơn đến một thế giới tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn về mặt tinh thần—vẫn là một thế giới vật chất—nó phải trải qua quá trình tái sinh mới, và như trên Trái Đất của chúng ta, nơi hai phần ba trẻ sơ sinh hoặc là chết non hoặc chết khi còn nhỏ, thì cũng như vậy trong "thế giới của các hiệu ứng" của chúng ta. Trên Trái Đất, đó là những khiếm khuyết về sinh lý và trí tuệ, những tội lỗi của tổ tiên, giáng xuống con cháu; ở vùng đất của những cái bóng đó, bào thai chân ngã mới và chưa ý thức trở thành nạn nhân chính đáng của những hành vi phạm tội của bản thân cũ của nó, mà Nghiệp quả, công đức và lỗi lầm, sẽ tự dệt nên vận mệnh tương lai của nó. Trong thế giới đó, chúng ta chỉ tìm thấy những cỗ máy vô thức, tự vận hành, từng là con người, những linh hồn trong trạng thái chuyển tiếp, có các năng lực và cá tính tiềm ẩn nằm như một con bướm trong nhộng của nó; và các nhà thần linh học vẫn muốn chúng nói có lý! Đôi khi bị cuốn vào vòng xoáy của dòng điện môi giới bất thường, chúng trở thành tiếng vọng vô thức của những suy nghĩ và ý tưởng kết tinh xung quanh những người có mặt. Mọi thể trí

tích cực, có định hướng tốt đều có khả năng vô hiệu hóa những tác động thứ cấp như vậy trong một phòng gọi hồn.

The world below ours is worse yet. The former is harmless at least; it is more sinned against by being disturbed, than sinning; the latter, allowing the retention of full consciousness (as being a hundredfold more material) is positively dangerous. The notions of hell and purgatory, of paradise and resurrection are all caricatured, distorted echoes of the primeval one truth taught humanity in the infancy of its races by every first Messenger—the Planetary Spirit whose remembrance lingered in the memory of man as Elu of the Chaldees, Osiris of the Egyptian, Vishnu, the first Bhuddhas, and so on. The lower world of effects is the sphere of such distorted thoughts, of the most sensual conceptions and pictures, of anthropomorphic deities, the out-creations of their creators, the sensual human minds of people who have never grown out of their brute-hood on Earth. Remembering that thoughts are things—have tenacity, coherence, and life, that they are real entities —the rest will become plain. Disembodied, the creator is attracted naturally to its creation, and creatures sucked in by the maelstrom dug out by their own hands. But I must pause, for volumes would hardly suffice to explain all that is said by me in this letter.

Thế giới bên dưới chúng ta còn tệ hơn nữa. Cái trước ít nhất là vô hại; nó bị xâm phạm nhiều hơn bởi sự xáo trộn, hơn là phạm tội; cái sau, cho phép duy trì đầy đủ tâm thức (vì vật chất hơn gấp trăm lần) là hoàn toàn nguy hiểm. Các khái niệm về địa ngục và luyện ngục, về thiên đường và sự phục sinh đều là những bức tranh biếm họa, những tiếng vọng méo mó của một chân lý nguyên thủy được nhân loại giảng dạy trong thời kỳ sơ khai của các chủng tộc của nó bởi mọi Sứ Giả đầu tiên—Hành Tinh Tinh Thần mà ký ức còn vương vấn trong ký ức của con người như Elu của người Chaldees, Osiris của người Ai Cập, Vishnu, các Bhuddha đầu tiên, v.v. Thế giới hiệu ứng thấp hơn là cõi của những suy nghĩ méo mó như vậy, của những quan niệm và hình ảnh gợi cảm nhất, của các vị thần hình người, những sáng tạo của những người sáng tạo ra chúng, những thể trí con người gợi cảm của những người chưa bao giờ thoát khỏi sự tàn bạo của họ trên Trái Đất. Hãy nhớ rằng những suy nghĩ là những thứ—có sự bền bỉ, mạch lạc và sự sống, rằng chúng là những thực thể có thật—phần còn lại sẽ trở nên rõ ràng. Phi thể, người sáng tạo bị thu hút một cách tự nhiên vào sự sáng tạo của nó, và những sinh vật bị hút vào xoáy nước do chính tay chúng đào ra. Nhưng tôi phải tạm dừng, vì nhiều tập sẽ khó có thể giải thích hết những gì tôi nói trong lá thư này.

The Principle of Life—Nguyên Tắc của Sự Sống

One [In the MS of C.W.L., these two paragraphs exist in a condensed form. In the MS of F.A. they do not appear at all. The paragraphs as I print them are from a copy of a letter of the Master K.H. which I obtained in Paris in 1916.

Một [Trong bản thảo của C.W.L., hai đoạn này tồn tại ở dạng cô đọng. Trong bản thảo của F.A., chúng hoàn toàn không xuất hiện. Các đoạn mà tôi in là từ một bản sao của một lá thư của Chân sư KH mà tôi có được ở Paris năm

In this copy the Greek words are wrongly copied. I have tentatively restored autokrates, apeiron, noumena and oiakonomos on the recommendation of a Greek scholar.] of your letters with a quotation from one of my own: "Remember that there is within man no abiding principle"—which sentence I find followed by a remark of yours, "How about the sixth and seventh principles?" To this I answer: Neither Atma nor Buddhi were ever *within* man— a little metaphysical axiom that you can study with advantage in Plutarch and Anaxagoras; the latter made his *nous autokrates*—the spirit of self-potent—the *apeiron* that alone recognized noumena, while the former taught on the authority of Plato and Pythagoras that the *Oiakonomos* or the *nous* always remained without the body, that is, floated and overshadowed, so to say, the extreme part of the man's head. It is only the vulgar who think it is within them, says Buddha; you have to get rid entirely of all the subjects of impermanence composing the body, that your body will become permanent.

1916. Trong bản sao này, các từ tiếng Hy Lạp bị sao chép sai. Tôi đã tạm thời khôi phục autokrates, apeiron, noumena và oiakonomos theo khuyến nghị của một học giả Hy Lạp.] trong những lá thư của bạn với một trích dẫn từ một trong những lá thư của riêng tôi: "Hãy nhớ rằng bên trong con người không có nguyên tắc thường trực nào"—câu này tôi thấy theo sau là một nhận xét của bạn, "Vậy còn nguyên tắc thứ sáu và thứ bảy thì sao?" Tôi xin trả lời điều này: Cả Atma lẫn Bồ đề đều chưa từng ở bên trong con người—một tiên đề siêu hình nhỏ mà bạn có thể nghiên cứu một cách có lợi trong Plutarch và Anaxagoras; người sau đã tạo ra nous autokrates của mình —tinh thần tự cường—apeiron vốn chỉ nhận ra noumena, trong khi người trước dạy theo thẩm quyền của Plato và Pythagoras rằng Oiakonomos hay nous luôn ở bên ngoài thể xác, nghĩa là trôi nổi và che phủ, có thể nói như vậy, phần cực đoan của đầu người. Chỉ có những kẻ thô tục mới nghĩ rằng nó ở bên trong họ, Đức Phật nói; bạn phải loại bỏ hoàn toàn tất cả các đối tượng vô thường cấu thành thể xác, để thể xác của bạn trở nên thường trực.

The permanent never merges within the impermanent, although the two are one. But it is only when all outward appearances are gone that there is left that one principle of life which exists independently of all external phenomena. It is the fire that burns in the eternal light, when the fuel is expended and the flame extinguished, for that fire is neither in the flame nor in the fuel, nor yet inside either of the two, but above, beneath, and everywhere.

Cái thường trực không bao giờ hợp nhất bên trong cái vô thường, mặc dù cả hai là một. Nhưng chỉ khi tất cả những biểu hiện bên ngoài biến mất thì mới còn lại nguyên tắc sự sống duy nhất tồn tại độc lập với mọi hiện tượng bên ngoài. Đó là ngọn lửa cháy trong ánh sáng vĩnh cửu, khi nhiên liệu đã hết và ngọn lửa tắt, vì ngọn lửa đó không ở trong ngọn lửa cũng không ở trong nhiên liệu, cũng không ở bên trong một trong hai, mà ở trên, bên dưới và ở khắp mọi nơi.

APPENDIX A—PHỤ LỤC A

DEATH—CÁI CHẾT

By the late Eliphas Levi

(Theosophist, October 1881)

DEATH is the necessary dissolution of imperfect combinations. It is the reabsorption of the rough outline of individual life into the great work of universal life; only the perfect is immortal.

It is a bath of oblivion. It is the fountain of youth where on one side plunges old age, and whence on the other issues infancy.[Rebirth of the Ego after death. The Eastern and especially Buddhistic doctrine of the evolution of the new, out of the old Ego.]

Death is the transfiguration of the living; corpses are but the dead leaves of the Tree of Life which will still have all its leaves in the spring. The resurrection of men resembles eternally these leaves.

Perishable forms are conditioned by immortal types.

All who have lived upon earth live there still in new exemplars of their types, but the souls which have surpassed their type receive elsewhere a new form based upon a more perfect type, as they mount ever on the ladder of worlds; [From one loka to the other; from a positive world of causes and activity, to a negative world of effects and passivity.] the bad exemplars are broken and their matter returned into the general mass.[Into Cosmic matter, when they necessarily lose their self-consciousness or individuality, or are annihilated, as the Eastern Kabalists say.]

Bởi Eliphas Levi quá cố

(Nhà Thông Thiên Học, tháng 10 năm 1881)

CÁI CHẾT là sự tan rã cần thiết của các tổ hợp không hoàn hảo. Đó là sự tái hấp thu đường nét thô sơ của sự sống cá nhân vào công trình vĩ đại của sự sống vũ trụ; chỉ có sự hoàn hảo là bất tử.

Đó là một bồn tắm lãng quên. Đó là suối nguồn tuổi trẻ, nơi tuổi già lao vào một bên, và từ đó tuổi thơ phát ra ở phía bên kia. [Tái sinh của Chân ngã sau khi chết. Giáo lý phương Đông và đặc biệt là Phật giáo về sự tiến hóa của Chân ngã mới, từ Chân ngã cũ.]

Cái chết là sự biến hình của người sống; xác chết chỉ là những chiếc lá chết của Cây Sự Sống, cây vẫn sẽ có tất cả lá vào mùa xuân. Sự phục sinh của con người giống như những chiếc lá này vĩnh viễn.

Các hình tướng dễ hư hoại được điều kiện hóa bởi các kiểu bất tử.

Tất cả những người đã sống trên trái đất vẫn sống ở đó trong những ví dụ mới về các kiểu của họ, nhưng những linh hồn đã vượt qua kiểu của họ sẽ nhận được ở nơi khác một hình tướng mới dựa trên một kiểu hoàn hảo hơn, khi họ leo lên mãi trên chiếc thang của các thế giới; [Từ loka này sang loka khác; từ một thế giới tích cực của các nguyên nhân và hoạt động, đến một thế giới tiêu cực của các hiệu ứng và sự thụ động.] những ví dụ xấu bị phá vỡ và vật chất của chúng trở lại khối lượng chung. [Vào vật chất Vũ trụ, khi chúng nhất thiết phải mất đi tâm thức hoặc cá tính của mình, hoặc

bị tiêu diệt, như những người theo Kabala phương Đông nói.]

Our souls are as it were a music, of which our bodies are the instruments. The music exists without the instruments, but it cannot make itself heard without a material intermediary; the immaterial can neither be conceived nor grasped.

Linh hồn của chúng ta giống như một bản nhạc, mà thể xác của chúng ta là những nhạc cụ. Âm nhạc tồn tại mà không cần nhạc cụ, nhưng nó không thể tự làm cho mình được nghe thấy nếu không có một trung gian vật chất; cái phi vật chất không thể được hình dung cũng như nắm bắt.

Man in his present existence only retains certain predispositions from his past existences.

Con người trong sự tồn tại hiện tại của mình chỉ giữ lại một số khuynh hướng nhất định từ những sự tồn tại trong quá khứ của mình.

Evocations of the dead are but condensations of memory, the imaginary coloration of the shades. To evoke those who are no longer there, is but to cause their types to reissue from the imagination of nature. [To ardently desire to see a dead person is to evoke the image of that person, to call it forth from the astral light or ether wherein rest photographed the images of the Past. That is what is being partially done in the seance rooms. The spiritualists are unconscious Necromancers.]

Những lời triệu hồi người chết chỉ là sự ngưng tụ của ký ức, sự tô màu tưởng tượng của những cái bóng. Triệu hồi những người không còn ở đó, chỉ là khiến các kiểu của họ tái hiện từ trí tưởng tượng của tự nhiên. [Mong muốn tha thiết được nhìn thấy một người đã chết là gợi lên hình ảnh của người đó, gọi nó từ ánh sáng cảm dục hoặc dĩ thái, nơi những hình ảnh của Quá khứ được chụp ảnh. Đó là những gì đang được thực hiện một phần trong các phòng gọi hồn. Các nhà thần linh học là những Nhà Chiêu Hồn vô thức.]

To be in direct communication with the imagination of nature, one must be either asleep intoxicated, in an ecstasy, cataleptic, or mad.

Để giao tiếp trực tiếp với trí tưởng tượng của tự nhiên, người ta phải đang ngủ, say sưa, trong trạng thái xuất thần, lên đồng hoặc điên.

The eternal memory preserves only the imperishable; all that passes in Time belongs of right to oblivion.

Ký ức vĩnh cửu chỉ lưu giữ những gì không thể hủy diệt; tất cả những gì trôi qua trong Thời gian đều thuộc về sự lãng quên.

The preservation of corpses is a violation of the laws of nature; it is an outrage on the modesty of death, which hides the works of destruction, as we should hide those of reproduction. Preserving corpses is to create phantoms in the imagination of the earth [To intensify these images in the astral or sidereal light.] the spectres of the nightmare, of

Việc bảo quản xác chết là vi phạm các quy luật của tự nhiên; đó là một sự xúc phạm đến sự khiêm tốn của cái chết, vốn che giấu những công trình hủy diệt, như chúng ta nên che giấu những công trình tái tạo. Bảo quản xác chết là tạo ra những bóng ma trong trí tưởng tượng của trái đất [Để tăng cường những hình ảnh này trong ánh sáng cảm dục hoặc tinh tú.]

hallucination, and fear, are but the wandering photographs of preserved corpses. It is these preserved or imperfectly destroyed corpses, which spread, amid the living, plague, cholera, contagious diseases, sadness, scepticism and disgust of life. [People being intuitionally to realize the great truth, and societies for burning bodies and crematories are now started in many places in Europe.] Death is exhaled by death. The cemeteries poison the atmosphere of towns, and the miasma of corpses blight the children even in the bosoms of their mothers.

những bóng ma của cơn ác mộng, ảo giác và nỗi sợ hãi, chỉ là những bức ảnh lang thang của những xác chết được bảo quản. Chính những xác chết được bảo quản hoặc bị phá hủy không hoàn hảo này, lan truyền, giữa những người sống, bệnh dịch, bệnh tả, các bệnh truyền nhiễm, nỗi buồn, sự hoài nghi và sự ghê tởm cuộc sống. [Mọi người trực giác nhận ra sự thật vĩ đại, và các hiệp hội đốt xác và nhà hỏa táng hiện đang được thành lập ở nhiều nơi ở Châu Âu.] Cái chết được thở ra bởi cái chết. Các nghĩa trang đầu độc bầu không khí của các thị trấn, và khí độc của xác chết làm tàn lụi trẻ em ngay cả trong lòng mẹ.

Near Jerusalem in the Valley of Gehenna a perpetual fire was maintained for the combustion of filth and the carcasses of animals, and it is to this eternal fire that Jesus alluded when he says that the wicked shall be cast into *Gehenna;* signifying that dead souls will be treated as corpses. The Talmud says that the souls of those who have not believed in immortality will not become immortal. It is faith only which gives personal immortality; [Faith and will-power. Immortality is conditional, as we have ever stated. It is the reward of the pure and good. The wicked man, the material sensualist only survives. He who appreciates but physical pleasures will not and cannot live in the hereafter as a self-conscious Entity.] science and reason can only affirm the general immortality.

Gần Jerusalem trong Thung lũng Gehenna, một ngọn lửa vĩnh viễn được duy trì để đốt cháy chất bẩn và xác động vật, và chính ngọn lửa vĩnh cửu này mà Chúa Giêsu đã ám chỉ khi Ngài nói rằng kẻ ác sẽ bị ném vào Gehenna; có nghĩa là những linh hồn chết sẽ bị đối xử như xác chết. Talmud nói rằng linh hồn của những người không tin vào sự bất tử sẽ không trở nên bất tử. Chỉ có đức tin mới mang lại sự bất tử cá nhân; [Đức tin và ý chí. Sự bất tử có điều kiện, như chúng ta đã từng tuyên bố. Đó là phần thưởng của người thanh khiết và tốt lành. Kẻ ác, người theo chủ nghĩa khoái lạc vật chất chỉ sống sót. Người chỉ đánh giá cao những thú vui thể xác sẽ không và không thể sống ở thế giới bên kia như một Thực Thể tự ý thức.] khoa học và lý trí chỉ có thể khẳng định sự bất tử chung.

The mortal sin is the suicide of the soul. This suicide would occur if the man devoted himself to evil with the full strength of his mind, with a perfect knowledge of good and evil, and an entire liberty of action which seems impossible in practice, but which is possible in theory, because the essence of an independent personality is an unconditioned liberty. The divinity imposes nothing upon man, not even existence. Man has a right to

Tội lỗi chết người là sự tự sát của linh hồn. Sự tự sát này sẽ xảy ra nếu con người cống hiến hết mình cho cái ác với toàn bộ sức mạnh của thể trí, với sự hiểu biết hoàn hảo về thiện và ác, và một sự tự do hành động hoàn toàn dường như không thể thực hiện được trên thực tế, nhưng có thể thực hiện được trên lý thuyết, bởi vì bản chất của một cá tính độc lập là một sự tự do vô điều kiện. Thượng đế không áp đặt bất cứ điều gì lên con người, thậm chí cả sự tồn

withdraw himself even from the divine goodness, and the dogma of eternal hell is only the assertion of eternal free-will.

tại. Con người có quyền rút lui khỏi lòng tốt thiêng liêng, và giáo điều về địa ngục vĩnh cửu chỉ là sự khẳng định về ý chí tự do vĩnh cửu.

God precipitates no one into hell. It is men who can go there freely, definitely and by their own choice.

Thượng đế không đẩy ai xuống địa ngục. Chính con người có thể đến đó một cách tự do, dứt khoát và theo lựa chọn của riêng mình.

Those who are in hell, that is to say, amid the gloom of evil [That is to say, they are reborn in a "lower world" which is neither "Hell" nor any theological purgatory, but a world of nearly absolute matter and one preceding the last one in the "circle of necessity" from which "there is no redemption, for there reigns absolute spiritual darkness". (Book of Kiu-te).] and the sufferings of the necessary punishment, without having absolutely so willed it, are called to emerge from it. This hell is for them only a purgatory. The dammed completely, absolutely and without respite, is Satan who is not a rational existence, but a necessary hypothesis.

Những người ở trong địa ngục, nghĩa là, giữa bóng tối của cái ác [Nghĩa là, họ được tái sinh trong một "thế giới thấp hơn" không phải là "Địa ngục" cũng không phải là bất kỳ luyện ngục thần học nào, mà là một thế giới vật chất gần như tuyệt đối và một thế giới đi trước thế giới cuối cùng trong "vòng tròn của sự cần thiết" mà từ đó "không có sự cứu chuộc, vì ở đó ngự trị bóng tối tinh thần tuyệt đối". (Sách Kiu-te).] và những đau khổ của sự trừng phạt cần thiết, mà không hoàn toàn muốn như vậy, được kêu gọi thoát ra khỏi nó. Địa ngục này chỉ là luyện ngục đối với họ. Kẻ bị nguyền rủa hoàn toàn, tuyệt đối và không ngừng nghỉ, là Satan, kẻ không phải là một sự tồn tại hợp lý, mà là một giả thuyết cần thiết.

Satan is the last word of creation. He is the end infinitely emancipated. He willed to be like God of which he is the opposite. God is the hypothesis necessary to reason, Satan the hypothesis necessary to unreason asserting itself as free-will.

Satan là lời cuối cùng của sự sáng tạo. Hắn là sự kết thúc được giải phóng vô hạn. Hắn muốn giống như Thượng đế mà hắn là đối diện. Thượng đế là giả thuyết cần thiết cho lý trí, Satan là giả thuyết cần thiết cho sự phi lý khẳng định chính nó là ý chí tự do.

To be immortal in good, one must identify oneself with God; to be immortal in evil, with Satan. These are two poles of the world of souls; between these two poles vegetate and die without remembrance the useless portion of mankind.

Để bất tử trong điều tốt, người ta phải đồng nhất mình với Thượng đế; để bất tử trong điều ác, với Satan. Đây là hai cực của thế giới linh hồn; giữa hai cực này, phần vô dụng của nhân loại sinh sôi và chết đi mà không còn ký ức.

Editor's Note: This may seem incomprehensible to the average reader, for it is one of the most abstruse of the tenets of Occult doctrine. Nature is dual: there is a physical and material side, as there is a spiritual and moral side to it; and, there is both

Lời của Biên tập viên: Điều này có vẻ khó hiểu đối với độc giả bình thường, vì nó là một trong những giáo lý khó hiểu nhất của huyền bí học. Bản chất là nhị nguyên: có một mặt vật chất và hữu hình, cũng như có một mặt tinh thần và đạo đức; và, có cả thiện và ác trong đó, cái ác là

good and evil in it, the latter the necessary shadow to its light. To force oneself upon the current of immortality, or rather to secure for oneself an endless series of rebirths as conscious individualities—says the Book of Kiu-te, Vol. XXXI—one must become a co-worker with nature, either for *good* or *bad*, in her work of creation and reproduction, or in that of destruction. It is but the useless drones, which she gets rid of, violently ejecting and making them perish by the millions as self-conscious entities. Thus, while the good and pure strive to reach *Nipang* (*nirvana* or the state of *absolute* existence and *absolute* consciousness—which, in the world of finite perceptions, is *non*-existence and *non*-consciousness)—the wicked will seek, on the contrary, a series of lives as conscious, definite existences or beings, preferring to be ever suffering under the law of retributive justice rather than give up their lives as portions of the integral, universal whole. Being well aware that they can never hope to reach the final rest in pure spirit, or *nirvana*, they cling to life in any form, rather than give up that "desire for life" or *Tanha* which causes a new aggregation of *Skandhas* or the individuality to be reborn. Nature is as good a mother to the cruel bird of prey as she is to the harmless dove. Mother nature will punish her child, but since he has become her co-worker for destruction she cannot eject him. There are thoroughly wicked and depraved men, yet as highly intellectual acutely *spiritual* for evil, as those who are spiritual for good. The *Egos* of these may escape the law of final destruction or annihilation for ages to come. That is what Eliphas Levi means by becoming "immortal in evil," through identification with Satan. "I would thou wert *cold* or *hot*," says the vision of the *Revelation* to St. John (III, 15-16). "So then because thou art *lukewarm* and neither cold nor hot, I will spue thee out of my mouth. The *Revelation* is an absolutely *Kabalistic* book.

bóng tối cần thiết cho ánh sáng của nó. Để ép mình vào dòng chảy bất tử, hay đúng hơn là để đảm bảo cho mình một loạt các tái sinh vô tận như những cá thể có ý thức—sách Kiu-te, Quyển XXXI—y phải trở thành người cộng tác với tự nhiên, dù là tốt hay xấu, trong công việc sáng tạo và tái tạo của nó, hoặc trong công việc hủy diệt. Nó chỉ loại bỏ những kẻ ăn bám vô dụng, tống chúng ra một cách dữ dội và khiến chúng diệt vong hàng triệu người như những thực thể tự ý thức. Vì vậy, trong khi những người tốt và thuần khiết cố gắng đạt đến Niết bàn (nirvana hoặc trạng thái tồn tại tuyệt đối và tâm thức tuyệt đối—mà, trong thế giới của những nhận thức hữu hạn, là không tồn tại và không có tâm thức)—những kẻ xấu xa sẽ tìm kiếm, ngược lại, một loạt các cuộc sống như những sự tồn tại hoặc những sinh vật có ý thức, xác định, thích chịu đựng mãi mãi dưới luật công lý báo ứng hơn là từ bỏ cuộc sống của họ như những phần của toàn bộ vũ trụ, toàn vẹn. Vì nhận thức rõ rằng họ không bao giờ có thể hy vọng đạt được sự an nghỉ cuối cùng trong tinh thần thuần khiết, hay niết bàn, họ bám víu vào cuộc sống dưới bất kỳ hình thức nào, hơn là từ bỏ "khát vọng sống" hay Tanha vốn gây ra một sự tập hợp mới của Skandhas hoặc cá tính được tái sinh. Tự nhiên là một người mẹ tốt đối với loài chim săn mồi tàn ác cũng như đối với chim bồ câu vô hại. Mẹ thiên nhiên sẽ trừng phạt đứa con của mình, nhưng vì nó đã trở thành người cộng tác của bà để hủy diệt nên bà không thể tống nó ra. Có những người hoàn toàn độc ác và đồi bại, nhưng lại có trí tuệ cao độ, tinh thần sắc sảo vì cái ác, như những người có tinh thần vì cái thiện. Các chân ngã của những người này có thể thoát khỏi luật hủy diệt hoặc tiêu diệt cuối cùng trong nhiều thế kỷ tới. Đó là ý của Eliphas Levi khi trở nên "bất tử trong cái ác", thông qua sự đồng nhất với Satan. "Ta ước gì ngươi lạnh hoặc nóng", khải tượng trong Khải Huyền gửi cho Thánh John (III, 15-16) nói. "Vậy thì vì ngươi hâm hẩm, không lạnh cũng không

Heat and cold are the two "poles," *i.e.,* good and evil, *spirit and matter.* Nature spues the "*luke-warm*" or "the useless portion of mankind" out of her mouth, *i.e.,* annihilates them. This conception, that a considerable portion of mankind may after all not have immortal souls, will not be new even to European readers. Coleridge himself likened the case to that of an oak tree bearing, indeed, millions of acorns, but acorns of which under nominal conditions not one in a thousand ever developed into a tree, and suggested that, as the majority of acorns failed to develop into a new living tree, so possibly the majority of men fail to develop into a new living entity after this earthly death.

nóng, ta sẽ mửa ngươi ra khỏi miệng ta. Khải Huyền là một cuốn sách hoàn toàn theo Kabala. Nóng và lạnh là hai "cực", tức là thiện và ác, tinh thần và vật chất. Tự nhiên mửa "những kẻ hâm hẩm" hoặc "phần vô dụng của nhân loại" ra khỏi miệng nó, tức là tiêu diệt chúng. Quan niệm này, rằng một phần đáng kể của nhân loại sau tất cả có thể không có linh hồn bất tử, sẽ không phải là mới ngay cả đối với độc giả châu Âu. Bản thân Coleridge đã so sánh trường hợp này với trường hợp một cây sồi mang, thật vậy, hàng triệu hạt dẻ, nhưng những hạt dẻ mà trong điều kiện danh nghĩa không một phần nghìn nào phát triển thành cây, và gợi ý rằng, vì phần lớn hạt dẻ không phát triển thành một cây sống mới, nên có lẽ phần lớn con người không phát triển thành một thực thể sống mới sau cái chết trần thế này.

APPENDIX B—PHỤ LỤC B

(Theosophist, March 1883)—(Nhà Thông Thiên Học, tháng 3 năm 1883)

"DEVACHAN" is of course a *state* not a locality, as much as "Avitchi"—its antithesis (which please not to confound with *Hell*). Esoteric Buddhist philosophy has three principal *lokas* so-called namely (1) *Kama Loka,* (2) *Rupa-loka*; and (3) *Arupa-loka;* or in their literal translation and meaning—(1) world of desires or passions, of unsatisfied earthly cravings—the abode of "Shells" and Victims, of Elementaries and suicides; (2) the world of Forms, *i.e.,* of shadows more spiritual, having form and objectivity but no substance; and (3) the *formless* world, or rather the world of no-Form, the incorporeal, since its denizens can have neither body, shape, nor colour for us

"DEVACHAN" tất nhiên là một trạng thái chứ không phải là một địa điểm, cũng như "Avitchi"—phản đề của nó (xin đừng nhầm lẫn với Địa ngục). Triết học Phật giáo huyền bí có ba lokas chính được gọi là (1) Kama Loka, (2) Rupa-loka; và (3) Arupa-loka; hoặc trong bản dịch và ý nghĩa đen của chúng—(1) thế giới của những ham muốn hoặc đam mê, của những khao khát trần thế không thỏa mãn—nơi ở của "Vỏ bọc" và Nạn nhân, của các Tinh linh và những người tự tử; (2) thế giới của Hình tướng, tức là của những bóng ma tâm linh hơn, có hình tướng và tính khách quan nhưng không có chất liệu; và (3) thế giới vô hình, hay đúng hơn là thế giới không có Hình

mortals, and in the sense that we give to these terms. These are the three spheres of ascending spirituality in which the several groups of subjective semi-subjective entities find their attractions. The time having not yet come to speak of the latter two, we will merely notice the first, namely the *Kama-loka*. Thence it is, that all but the remaining shells, the suicides and the victims of premature violent deaths, go according to their attractions and powers either into the *Devachanic or Avitchi* state, which two states form the numberless sub-divisions of "Rupa" and "Arupa" *lokas;* that is to say, that such states not only vary in degree, or in their presentation to the subject entity as regards form, colour, etc.,—but that there is an infinite scale of such states, in their progressive spirituality and intensity of feeling; from the lowest in the *Rupa*, up to the highest and the most exalted in the *Arupa-loka*. The student must bear in mind that *personality* is the synonym for limitation; and that the more selfish, the more contracted the person's ideas, the closer will he cling to the lower spheres of being, the longer loiter on the plane of selfish social intercourse.

tướng, vô thể, vì cư dân của nó không thể có thân thể, hình dạng, hay màu sắc đối với chúng ta những người phàm, và theo nghĩa mà chúng ta gán cho những thuật ngữ này. Đây là ba cõi tâm linh thăng dần, trong đó các nhóm thực thể bán chủ quan, chủ quan khác nhau tìm thấy sự hấp dẫn của chúng. Vì thời điểm chưa đến để nói về hai điều sau, chúng ta sẽ chỉ lưu ý đến điều đầu tiên, cụ thể là Kama-loka. Từ đó, tất cả trừ những vỏ bọc còn lại, những người tự tử và những nạn nhân của những cái chết bạo lực sớm, đi theo sự hấp dẫn và quyền năng của họ hoặc vào trạng thái Devachanic hoặc Avitchi, hai trạng thái này tạo thành vô số phân khu của lokas "Rupa" và "Arupa"; nghĩa là, những trạng thái đó không chỉ khác nhau về mức độ, hoặc trong sự trình bày của chúng đối với thực thể chủ quan liên quan đến hình tướng, màu sắc, v.v.,—mà còn có một thang đo vô hạn của những trạng thái như vậy, trong tâm linh tiến bộ và cường độ cảm xúc của chúng; từ thấp nhất trong Rupa, lên đến cao nhất và tôn quý nhất trong Arupa-loka. Đạo sinh phải ghi nhớ rằng phàm ngã là từ đồng nghĩa với sự giới hạn; và người càng ích kỷ, ý tưởng của người đó càng hạn hẹp, y càng bám chặt vào các cõi thấp hơn của sự tồn tại, càng nán lại lâu hơn trên cõi giao tiếp xã hội ích kỷ.

II

II

To use an antiphrasis, "Avitchi" is a state of the most *ideal spiritual* wickedness, something akin to the state of Lucifer, so superbly described by Milton. Not many, though are there who can reach it, as the thoughtful reader will perceive. And if it is urged that, since there is *Devachan* for nearly all, for the good, and the bad, and the indifferent, the ends of harmony and equilibrium are frustrated, and the law of Retribution and of impartial, implacable Justice hardly met and satisfied by such a

Để sử dụng một phép đảo ngữ, "Avitchi" là một trạng thái của sự gian ác tinh thần lý tưởng nhất, một cái gì đó tương tự như trạng thái của Lucifer, được Milton mô tả một cách tuyệt vời. Tuy nhiên, không có nhiều người có thể đạt được nó, như độc giả chu đáo sẽ nhận thấy. Và nếu người ta thúc giục rằng, vì có Devachan cho gần như tất cả mọi người, cho người tốt, người xấu và người thờ ơ, thì mục đích của sự hài hòa và cân bằng bị phá vỡ, và luật Báo ứng và Công lý vô tư, không khoan nhượng khó có thể được đáp ứng và thỏa mãn bởi một sự khan

comparative scarcity if not absence of its antithesis, then the answer will show that *it is not so. "Evil* is the dark son of Earth (matter) and Good the fair daughter of Heaven" (or spirit) says the Chinese philosopher; hence the place of punishment for most of our sins is the Earth—its birth place and playground. There is more apparent and relative than actual evil even on earth, and it is not given to the *hoi polloi* to reach the fatal grandeur and eminence of a "Satan" every day. See footnotes in art. "Death" by Eliphas Levi (October *Theosophist*, Vol. III), the editorial answer to the art: "Death and Immortality" (November *Theosophist*, p.28); and the words used by the author, when speaking of those who are immortal in good by identification with God (or good), and immortal in evil by identification with Satan (Evil). Although the general rule applies but to "Sorcerers," *i.e.*, adepts in black Magic, real Initiates and sons of Evil, generally known as "the Brothers of the Shadow," yet there are exceptions to that rule as to every other. Occasionally men reaching the apex of evil become "unconscious" sorcerers; they identify themselves with "Satan," and then Avitchi becomes their Fate. Happy they are when thereby they avoid a worse punishment—a loka from which indeed, no traveller—either returns or, once within its dark precincts—pursues his journey!

hiếm tương đối như vậy nếu không có sự vắng mặt của phản đề của nó, thì câu trả lời sẽ cho thấy rằng không phải như vậy. "Ác là đứa con trai bóng tối của Trái Đất (vật chất) và Thiện là cô con gái xinh đẹp của Thiên Đàng" (hoặc tinh thần), nhà triết học Trung Quốc nói; do đó, nơi trừng phạt cho hầu hết các tội lỗi của chúng ta là Trái Đất—nơi sinh và sân chơi của nó. Có nhiều cái ác rõ ràng và tương đối hơn là cái ác thực tế ngay cả trên trái đất, và không phải ai cũng có thể đạt đến sự vĩ đại và nổi bật chết người của một "Satan" mỗi ngày. Xem chú thích cuối trang trong bài "Cái Chết" của Eliphas Levi (Nhà Thông Thiên Học tháng Mười, Quyển III), câu trả lời biên tập cho bài: "Cái Chết và Sự Bất Tử" (Nhà Thông Thiên Học tháng Mười Một, tr.28); và những lời được tác giả sử dụng, khi nói về những người bất tử trong cái thiện bằng cách đồng nhất với Thượng đế (hoặc cái thiện), và bất tử trong cái ác bằng cách đồng nhất với Satan (Cái Ác). Mặc dù quy tắc chung chỉ áp dụng cho "Phù thủy", tức là những bậc thầy trong Hắc thuật, những người được điểm đạo thực sự và những người con của Cái Ác, thường được gọi là "Các Huynh Đệ của Bóng Tối", nhưng có những ngoại lệ đối với quy tắc đó như đối với mọi quy tắc khác. Đôi khi những người đạt đến đỉnh cao của cái ác trở thành những phù thủy "vô thức"; họ đồng nhất mình với "Satan", và sau đó Avitchi trở thành Định Mệnh của họ. Họ hạnh phúc khi nhờ đó họ tránh được một hình phạt tồi tệ hơn—một loka mà từ đó, không có du khách nào—hoặc quay trở lại hoặc, một khi đã ở trong khu vực tối tăm của nó—tiếp tục cuộc hành trình của mình!

APPENDIX C—PHỤ LỤC C

The Harmonics of Smell—Hài Hòa của Khứu Giác

(Theosophist, August 1882)

The old proverb, that “Truth is stranger than fiction,” is again exemplified. An English scientist—Professor William Ramsay, of University College, Bristol—has just communicated to *Nature* (see number of June 22), a theory to account for the sense of smell which is likely to attract much attention. As the result of observation and experiment he propounds the idea that smell is due to vibrations similar to, but of a lower period than those which give rise to the sense of light and heat. The sensation of smell, he explains, is provoked by the contact of substances with the terminal organs of the olfactory nerves, which are spread as a network over a mucous membrane lining the upper part of the nasal cavity. The proximate cause of smell is the minute hairlets of the nasal membrane which connect with the nerves through spindle-shaped cells. The sensation is not excited by contact with a liquid or a solid, but always with a gas. Even in the case of smelling metals, such as brass, copper, tin, etc., there is a subtle gas or pungent vapour given off by them at ordinary atmospheric temperatures. The varying intensities of smells depend upon their relative molecular weight. As the smell growing stronger as the gases rises in molecular weight, to the *quality* of smell; that he thinks may depend upon the harmonics of the vibration. “Thus, the *quality* of tone in a violin differs from that of a flute by the different harmonics or overtones, peculiar to each instrument. I would ascribe to harmonies the quantity of smell possessed by different substances.... Smell, then, may

(Nhà Thông Thiên Học, tháng 8 năm 1882)

Câu tục ngữ cũ, "Sự thật kỳ lạ hơn tiểu thuyết", lại được minh chứng. Một nhà khoa học người Anh—Giáo sư William Ramsay, của Đại học Cao đẳng Bristol—vừa thông báo cho Nature (xem số ra ngày 22 tháng 6), một lý thuyết để giải thích cho khứu giác có khả năng thu hút nhiều sự chú ý. Do kết quả của quan sát và thử nghiệm, Bạn đề xuất ý tưởng rằng mùi là do các rung động tương tự như, nhưng có chu kỳ thấp hơn so với những rung động tạo ra cảm giác ánh sáng và nhiệt. Bạn giải thích, cảm giác mùi được kích thích bởi sự tiếp xúc của các chất với các cơ quan đầu cuối của dây thần kinh khứu giác, vốn lan rộng như một mạng lưới trên một lớp màng nhầy lót phần trên của khoang mũi. Nguyên nhân gần đúng của mùi là những sợi lông nhỏ của màng mũi kết nối với các dây thần kinh thông qua các tế bào hình thoi. Cảm giác không bị kích thích bởi sự tiếp xúc với chất lỏng hoặc chất rắn, mà luôn luôn với chất khí. Ngay cả trong trường hợp ngửi kim loại, chẳng hạn như đồng thau, đồng, thiếc, v.v., có một chất khí tinh tế hoặc hơi cay nồng tỏa ra từ chúng ở nhiệt độ khí quyển thông thường. Cường độ khác nhau của mùi phụ thuộc vào trọng lượng phân tử tương đối của chúng. Khi mùi trở nên mạnh hơn khi chất khí tăng lên về trọng lượng phân tử, đến chất lượng của mùi; Bạn nghĩ rằng có thể phụ thuộc vào các sóng hài của rung động. "Do đó, chất lượng âm sắc của một cây vĩ cầm khác với chất lượng âm sắc của một cây sáo bởi các sóng hài hoặc âm bội khác nhau, đặc trưng cho mỗi nhạc cụ. Tôi sẽ gán cho các sóng hài số lượng mùi mà các chất khác nhau sở hữu.... Vậy thì, mùi có thể giống âm thanh ở chỗ chất lượng

resemble sound in having its quality influenced by harmonics. And just as a piccolo has the same quality as a flute, although some of its harmonics are so high as to be beyond the range of the ear, so smells owe their quality to harmonics, which, if occurring alone, would be beyond sense." Two sounds heard simultaneously, he remarks, give a discord or a concord, yet the ear may distinguish them separately. Two colours, on the other hand, produce a single impression on the eye, and it is doubtful whether we can analyse them. "But smell resembles sound and not light in this particular. For in a mixture of smells, it is possible, by practice, to distinguish each ingredient," and—in a laboratory experiment—to match the sensation by a mixture of different ingredients. Apparently astonished at his own audacity, he brings forward "the theory adduced with great diffidence." Poor discoverer, the elephantine foot of the Royal Society may crush his toes! The problem, he says, is to be solved "by a careful measurement of the 'lines' in the spectrum of heat rays, and the calculation of the fundamentals, which this theory supposes to be the cause of smell.

của nó bị ảnh hưởng bởi các sóng hài. Và giống như một cây piccolo có cùng chất lượng với một cây sáo, mặc dù một số sóng hài của nó cao đến mức vượt quá phạm vi của tai, thì mùi cũng có chất lượng của chúng nhờ các sóng hài, mà nếu chỉ xảy ra một mình, sẽ vượt quá giác quan." Bạn nhận xét, hai âm thanh nghe đồng thời tạo ra một sự bất hòa hoặc một sự hòa hợp, nhưng tai có thể phân biệt chúng riêng biệt. Mặt khác, hai màu sắc tạo ra một ấn tượng duy nhất trên mắt và người ta nghi ngờ liệu chúng ta có thể phân tích chúng hay không. "Nhưng mùi giống âm thanh chứ không phải ánh sáng ở điểm đặc biệt này. Vì trong một hỗn hợp mùi, có thể, bằng cách thực hành, để phân biệt từng thành phần," và—trong một thí nghiệm trong phòng thí nghiệm—để phù hợp với cảm giác bằng một hỗn hợp các thành phần khác nhau. Dường như ngạc nhiên trước sự táo bạo của chính mình, Bạn đưa ra "lý thuyết được đưa ra với sự dè dặt lớn." Nhà phát hiện đáng thương, bàn chân voi của Hội Hoàng gia có thể nghiền nát các ngón chân của ông! Bạn nói, vấn đề là phải được giải quyết "bằng cách đo cẩn thận 'các đường' trong quang phổ của tia nhiệt và tính toán các yếu tố cơ bản, mà lý thuyết này cho là nguyên nhân gây ra mùi.

It may be a comfort for Professor Ramsay to know that he is not the first to travel the path he suddenly has found winding from his laboratory-door up the hill of fame. Twenty or more years ago, a novel, entitled *Kaloolah*, was published in America by one Dr. Mayo, a well-known writer. It pretended, among other things, to describe a strange city, situated in the heart of Africa, where, in many respects, the people were more civilized and perfected than contemporary Europeans. As regards smell, for instance, the prince of that country, for the entertainment of his visitors—the hero of the story and his party—seats himself at a large instrument like an organ, with tubes,

Có thể là một niềm an ủi cho Giáo sư Ramsay khi biết rằng Bạn không phải là người đầu tiên đi trên con đường mà Bạn đột nhiên thấy quanh co từ cửa phòng thí nghiệm của mình lên ngọn đồi danh vọng. Hai mươi năm hoặc hơn trước, một cuốn tiểu thuyết, có tựa đề Kaloolah, đã được xuất bản ở Mỹ bởi một Tiến sĩ Mayo, một nhà văn nổi tiếng. Trong số những thứ khác, nó đã cố gắng mô tả một thành phố kỳ lạ, nằm ở trung tâm châu Phi, nơi, về nhiều mặt, người dân văn minh và hoàn thiện hơn so với người châu Âu đương thời. Ví dụ, về mùi, hoàng tử của quốc gia đó, để giải trí cho khách của mình—người hùng của câu chuyện và nhóm của ông—ngồi vào

stops, pedals and keys, and plays an intricate composition, of which the harmonics are in odours, instead of in sounds as with a musical instrument. And he explains that his people have brought their olfactory sense, by practice, to such an exquisite point of sensitiveness as to afford them, by combinations and contrasts of smells, as high enjoyment as the European derives from a "concourse of sweet sounds." It is but too plain, therefore, that Mr. Mayo had, if not a scientific, yet at least an intuitive cognition of this vibratory theory of odours, and that his *smell harmonicum* was not so much the baseless image of a romancer's fancy as the novel-readers took it for when they laughed so heartily at the conceit. The fact is—as has been so often observed—the dream of one generation becomes the experience of the next. If our poor voice might without profanation invade so sacred a place as the laboratory of University College, Bristol, we would ask Mr. Ramsay to take a glance—just one furtive peep, with closed doors, and when he finds himself alone—at (it requires courage to say the word!) at..at..at *Occult Science*. (We scarcely dared speak the dreadful word, but it is out at last, and the Professor must hear it.) He will then find his vibratory theory is older than even Dr. Mayo, since it was known to the Aryans and is included in their philosophy of the harmonics of nature. They taught that there is a perfect correspondence, or mutual compensation between all the vibrations of Nature, and a most intimate relation between the set of vibrations which give us the impression of sound, and that other set of vibrations which give us the impression of colour. This subject is treated at some length in *Isis Unveiled*. The Oriental adept applies this very knowledge practically when he transforms any disagreeable odour into any delicious perfume he may think of. And thus modern science, after so long enjoying its *joke*

một nhạc cụ lớn như đàn organ, với các ống, điểm dừng, bàn đạp và phím, và chơi một bản nhạc phức tạp, mà các sóng hài của nó là mùi, thay vì âm thanh như với một nhạc cụ âm nhạc. Và Bạn giải thích rằng người dân của Bạn đã đưa khứu giác của họ, bằng cách thực hành, đến một điểm nhạy cảm tinh tế như vậy để mang lại cho họ, bằng sự kết hợp và tương phản của mùi, sự thích thú cao như người châu Âu có được từ một "sự hòa hợp của những âm thanh ngọt ngào." Do đó, quá rõ ràng, rằng Bạn Mayo đã có, nếu không phải là một khoa học, thì ít nhất là một nhận thức trực quan về lý thuyết rung động này về mùi, và rằng smell harmonicum của Bạn không phải là hình ảnh vô căn cứ của trí tưởng tượng của một nhà lãng mạn như những độc giả tiểu thuyết đã coi nó khi họ cười sảng khoái trước sự tự phụ. Thực tế là—như đã được quan sát rất nhiều lần—giấc mơ của một thế hệ trở thành kinh nghiệm của thế hệ tiếp theo. Nếu giọng nói yếu ớt của chúng ta có thể xâm nhập mà không xúc phạm một nơi thiêng liêng như phòng thí nghiệm của Đại học Cao đẳng Bristol, chúng ta sẽ yêu cầu Bạn Ramsay liếc nhìn—chỉ một cái nhìn lén lút, với cánh cửa đóng kín, và khi Bạn thấy mình ở một mình—vào (cần có can đảm để nói ra từ này!) vào..vào..vào Huyền Bí Học. (Chúng ta hầu như không dám nói từ khủng khiếp, nhưng cuối cùng nó đã được nói ra, và Giáo sư phải nghe nó.) Sau đó, Bạn sẽ thấy lý thuyết rung động của mình còn cũ hơn cả Tiến sĩ Mayo, vì nó đã được người Arya biết đến và được bao gồm trong triết học của họ về các sóng hài của tự nhiên. Họ dạy rằng có một sự tương ứng hoàn hảo, hoặc sự bù trừ lẫn nhau giữa tất cả các rung động của Tự nhiên, và một mối quan hệ mật thiết nhất giữa tập hợp các rung động mang lại cho chúng ta ấn tượng về âm thanh và tập hợp các rung động khác mang lại cho chúng ta ấn tượng về màu sắc. Chủ đề này được đề cập khá dài trong Isis Unveiled. Bậc thầy phương Đông áp dụng kiến thức này một

over the puerile credulity of the Asiatics in believing such fairy stories about the powers of their *Sadhoos*, is now ending by being forced to demonstrate the scientific possibility of those very powers by actual laboratory experimentation. “He laughs best who laughs last”—an adage that the graduates of India would do well to remember.

cách thực tế khi y biến đổi bất kỳ mùi khó chịu nào thành bất kỳ loại nước hoa thơm ngon nào mà y có thể nghĩ đến. Và do đó, khoa học hiện đại, sau khi tận hưởng trò đùa của mình trong một thời gian dài về sự cả tin trẻ con của người châu Á khi tin vào những câu chuyện cổ tích như vậy về quyền năng của các Sadhoo của họ, giờ đây đang kết thúc bằng việc buộc phải chứng minh khả năng khoa học của chính những quyền năng đó bằng thử nghiệm thực tế trong phòng thí nghiệm. "Cười người cười cuối cùng là người cười giỏi nhất"—một câu ngạn ngữ mà sinh viên tốt nghiệp ở Ấn Độ nên ghi nhớ.

APPENDIX D—PHỤ LỤC D

(Notes to Theosophist, Vol. 4, p.3)—(Ghi chú cho Nhà Thông Thiên Học, Quyển 4, tr.37)

A. See Plato’s *History of Atlantis*, as given by the priests of Sais to his great ancestor Solon, the Athenian law-giver.

A. Xem Lịch sử Atlantis của Plato, như được các tu sĩ của Sais kể cho tổ tiên vĩ đại của Bạn là Solon, nhà lập pháp người Athens.

Atlantis, the submerged continent and the land of the “Knowledge of Good and Evil” (especially the latter) *par excellence,* was inhabited by the fourth race of men (we are the fifth), who are credited in the *Popol-Vuh* (the book of the Guatemalans) with sight unlimited, and “who knew all things at once.” Eliphas Levi refers to the secret tradition, among occultists, about the great struggle that took place in those far-away prehistoric days of Atlantis, between the “sons of God,” the initiated Adepts of *Sham-bha-la* (once as fair a land, an oasis surrounded by barren deserts and salt lakes)—and the Atlanteans, the wicked magicians of Thevetat, (see *Isis*,

Atlantis, lục địa bị nhấn chìm và vùng đất của “Tri Thức về Thiện và Ác” (đặc biệt là cái sau) xuất sắc, là nơi sinh sống của nhân loại chủng tộc thứ tư (chúng ta là chủng tộc thứ năm), vốn được ghi nhận trong Popol-Vuh (cuốn sách của người Guatemala) với tầm nhìn không giới hạn, và “những người biết mọi thứ cùng một lúc.” Eliphas Levi đề cập đến truyền thống bí mật, giữa các nhà huyền bí học, về cuộc đấu tranh vĩ đại đã diễn ra vào những ngày tiền sử xa xôi của Atlantis, giữa “những người con của Thượng đế”, các Chân sư Điểm đạo của Sham-bha-la (từng là một vùng đất tươi đẹp, một ốc đảo được bao quanh bởi những sa mạc cằn cỗi và hồ muối) —và người

Vol. I, pp. 589-94).

Atlantis, những nhà huyền thuật độc ác của Thevetat, (xem Isis, Quyển I, tr. 589-94).

It is a well-established belief among the Eastern and especially the Mongolian and Tibetan occultists, that, towards the end of every race, when mankind reaches its apex of knowledge in that cycle, dividing into two distinct classes, it branches off, one as the "Sons of Light" and the other as "the Sons of Darkness," or initiated Adepts and natural-born magicians or—mediums. Towards the very close of the race, as their mixed progeny furnishes the first pioneers of a new and higher race, there comes the last and supreme struggle, during which the "Sons of Darkness" are usually exterminated by some great cataclysm of nature, either by fire or by water. Atlantis was submerged: hence the inference that that portion of the mankind of the fifth race which will be composed of "natural-born magicians" will be exterminated in the future great cataclysm—by fire.

Một niềm tin vững chắc giữa các nhà huyền bí học phương Đông và đặc biệt là Mông Cổ và Tây Tạng, là, vào cuối mỗi chủng tộc, khi nhân loại đạt đến đỉnh cao tri thức trong chu kỳ đó, chia thành hai giai cấp riêng biệt, nó phân nhánh, một là "Con của Ánh Sáng" và một là "Con của Bóng Tối", hay các Chân sư Điểm đạo và các nhà huyền thuật bẩm sinh hoặc—đồng tử. Gần đến cuối chủng tộc, khi dòng dõi hỗn tạp của họ cung cấp những người tiên phong đầu tiên của một chủng tộc mới và cao hơn, sẽ đến cuộc đấu tranh cuối cùng và tối cao, trong đó "Con của Bóng Tối" thường bị tiêu diệt bởi một thảm họa lớn của tự nhiên, hoặc bằng lửa hoặc bằng nước. Atlantis đã bị nhấn chìm: do đó suy luận rằng phần nhân loại của chủng tộc thứ năm vốn sẽ bao gồm "các nhà huyền thuật bẩm sinh" sẽ bị tiêu diệt trong thảm họa lớn trong tương lai—bằng lửa.

B. (37). What was in reality that much maligned and still more dreaded goat, that Baphomet, regarded even now by the Roman Catholics as Satan, the Grand Master of the "Witches Sabbath," the central figure of their nocturnal orgies? Why, simply Pan or Nature.

B. [37]. Thực chất con dê bị phỉ báng và còn đáng sợ hơn nhiều, Baphomet, thậm chí bây giờ vẫn được người Công giáo La Mã coi là Satan, Đại Huấn Sư của "Lễ Sabbath Phù Thủy", nhân vật trung tâm của những cuộc ăn chơi trác táng về đêm của họ, là gì? Tại sao, đơn giản là Pan hay Tự nhiên.

C. By "the dogma of elementary forces" Eliphas Levi means "spirit" and "matter," allegorised by Zoroaster for the common herd into Ormazd and Ahriman, the prototype of the Christian "God" and "Devil": and epitomised and summed up by the philosophy of Occult Science in the "Human Triad" (body, soul, spirit—the two poles and the "middle nature" of man), the perfect microcosm of the One Universal Macrocosm or Universe. In the *Khodah-Avesta* the Zoroastrian dualism is contradicted: "Who art thou, O fair being?"

C. Với "giáo điều về các lực lượng nguyên tố", Eliphas Levi muốn nói đến "tinh thần" và "vật chất", được Zoroaster ngụ ngôn cho đám đông thành Ormazd và Ahriman, nguyên mẫu của "Thượng đế" và "Ác quỷ" của Cơ đốc giáo: và được tóm tắt và tổng kết bởi triết học của Huyền Bí Học trong "Tam Thể Nhân Loại" (thể xác, linh hồn, tinh thần—hai cực và "bản chất trung gian" của con người), tiểu thiên địa hoàn hảo của Đại Thiên Địa hay Vũ Trụ Duy Nhất. Trong Khodah-Avesta, thuyết nhị nguyên của Zoroaster bị mâu thuẫn: "Ngươi là ai, hỡi

inquiries the disembodied soul of one who stands at the gates of its Paradise. "I am, O soul, thy good and pure actions... thy law, thy angel, and thy God."

sinh vật xinh đẹp?" linh hồn lìa khỏi xác của một người đứng ở cổng Thiên đường của nó hỏi. "Ta là, hỡi linh hồn, những hành động tốt đẹp và thuần khiết của ngươi... luật pháp của ngươi, thiên thần của ngươi và Thượng đế của ngươi."

D. P.38. The seventh state of matter-life. The Fire and Light of the "Astral Virgin" may be studied by the Hindus in the Fire and Light of Akasha.

D. Tr.38. Trạng thái thứ bảy của sự sống vật chất. Lửa và Ánh sáng của "Trinh Nữ Cảm dục" có thể được người Hindu nghiên cứu trong Lửa và Ánh sáng của Akasha.

E...." to avoid seeing what God is," *i.e.,* seeing that God is but man and *vice versa*, when he is not the lining of God, the Devil. We know of many who prefer voluntary life-long blindness to plain, sober truth and fact.

E...." để tránh nhìn thấy Thượng đế là gì," tức là, thấy rằng Thượng đế chỉ là con người và ngược lại, khi y không phải là lớp lót của Thượng đế, Ác quỷ. Chúng ta biết có nhiều người thích mù quáng suốt đời một cách tự nguyện hơn là sự thật và thực tế tỉnh táo, rõ ràng.

F. (38), Cupid, the God, is the seventh principle of the Brahm of the Vedantin and Psyche is its vehicle, the sixth or spiritual soul. As soon as she feels herself distinct from her "consort," and sees him, she loses him. Study the "Heresy of Individuality" and you will understand.

F. [38], Thần Cupid, là nguyên lý thứ bảy của Brahm của Vedantin và Psyche là vận cụ của nó, linh hồn thứ sáu hay tinh thần. Ngay khi Bà cảm thấy mình khác biệt với "bạn đời" của mình, và nhìn thấy Ngài, Bà sẽ mất Ngài. Nghiên cứu "Dị Giáo về Tính Cá Nhân" và bạn sẽ hiểu.

G. In the Christian legend the Redeemer is the Initiator, who offers his life in sacrifice for the privilege of teaching his disciples some great truths. He who unriddles the Christian Sphinx "becomes the Master of the Absolute," for the simple reason that the greatest mystery of all the ancient initiations, past, present, and future, is made plain and divulged to him. Those who accept the allegory literally, will remain blind all their life, and those who divulge it to the ignorant masses deserve punishment for their want of discretion in seeking to "feed pigs with pearls."

G. Trong truyền thuyết Cơ đốc giáo, Đấng Cứu Chuộc là Đấng Điểm đạo, vốn hiến dâng mạng sống của Ngài để có đặc ân dạy cho các đệ tử của Ngài một số chân lý vĩ đại. Y giải mã Nhân sư Cơ đốc giáo "trở thành Chúa Tể của Tuyệt Đối", vì lý do đơn giản là bí ẩn lớn nhất của tất cả các cuộc điểm đạo cổ xưa, quá khứ, hiện tại và tương lai, được làm sáng tỏ và tiết lộ cho y. Những người chấp nhận ngụ ngôn một cách đen tối, sẽ vẫn mù quáng suốt đời, và những người tiết lộ nó cho quần chúng ngu dốt đáng bị trừng phạt vì thiếu thận trọng trong việc tìm cách "cho lợn ăn ngọc trai".

The Theosophist, read by the intelligent, who, when they understand it, prove that they

Nhà Thông Thiên Học, được những người thông minh đọc, khi họ hiểu nó, chứng minh

deserve as much of the secret knowledge as can be given them, is permitted to throw out a hint. Let him who would fathom the mystery of the allegory of both Sphinx and Cross, study the modes of initiation of the Egyptians, Chaldeans, ancient Jews, Hindus, etc. And then he will find what the word "Atonement," far older than Christianity, meant as also "the Baptism of Blood." At the last moment of the supreme initiation, when the Initiator had divulged the last mysterious word, either the hierophant or the "newly-born," the worthier of the two, had to die, since two Adepts of equal power must not live, and "he who is perfect" has no room on earth. Eliphas Levi hints at the mystery in his volumes without explaining it. Yet he speaks of Moses who dies, mysteriously disappears from the top of Mount Pisgah, after he had laid hands on the initiated Aaron: of Jesus, who dies for the disciple "whom he loved," John, the author of the Apocalypse: and of John the Baptist, the last of the real *Nazars* of the Old Testament (see *Isis*, Vol. II, p.132), who, in the incomplete, contradictory and tortured Gospel accounts, is made to die later through Herodias' whim, and, in the secret Kabalistic documents of the Nabatheans, to offer himself as an expiatory victim after baptizing (*i.e.*, initiating) his chosen successor in the mystic Jordan.

rằng họ xứng đáng với kiến thức bí mật có thể được trao cho họ, được phép đưa ra một gợi ý. Y muốn khám phá bí ẩn của ngụ ngôn về cả Nhân sư và Thập giá, hãy nghiên cứu các phương thức điểm đạo của người Ai Cập, Chaldea, người Do Thái cổ đại, người Hindu, v.v. Và sau đó y sẽ tìm thấy ý nghĩa của từ "Sự Chuộc Tội", vốn cổ xưa hơn Cơ đốc giáo, cũng như "Lễ Rửa Tội bằng Máu". Vào thời khắc cuối cùng của cuộc điểm đạo tối cao, khi Đấng Điểm đạo đã tiết lộ linh từ bí ẩn cuối cùng, hoặc là tư tế hoặc là "người mới sinh", người xứng đáng hơn trong hai người, phải chết, vì hai Chân sư có sức mạnh ngang nhau không được sống, và "y hoàn hảo" thì không có chỗ trên trái đất. Eliphas Levi gợi ý về bí ẩn trong các tập sách của Bạn mà không giải thích nó. Tuy nhiên, Bạn nói về Moses, người chết, biến mất một cách bí ẩn khỏi đỉnh Núi Pisgah, sau khi Bạn đặt tay lên Aaron đã được điểm đạo: về Đức Jesus, người chết vì người đệ tử "mà Ngài yêu mến", John, tác giả của Khải Huyền: và về John the Baptist, người cuối cùng của những người Nazar thực sự của Cựu Ước (xem Isis, Quyển II, tr.132), người, trong các tài liệu Phúc âm không đầy đủ, mâu thuẫn và bị tra tấn, được cho là chết sau đó do sự thất thường của Herodias, và, trong các tài liệu Kabal bí mật của người Nabatheans, tự hiến mình làm vật tế chuộc tội sau khi rửa tội (tức là điểm đạo) người kế vị được chọn của mình ở Jordan huyền bí.

In these documents, after the initiation, Aba, the Father, becomes the Son, and the Son succeeds the Father and becomes Father and Son at the same time, inspired by *Sophia Achamoth* (secret wisdom), transformed later on into the Holy Ghost. But this successor of John the Baptist was not Jesus, the Nazarenes say. But of this anon. To this day, the initiation beyond the Himalayas is followed by temporary death (from three to six months) of the disciple, often of the initiator: but the

Trong những tài liệu này, sau cuộc điểm đạo, Aba, Người Cha, trở thành Người Con, và Người Con kế vị Người Cha và đồng thời trở thành Cha và Con, được Sophia Achamoth (minh triết bí mật) truyền cảm hứng, sau này được biến đổi thành Chúa Thánh Thần. Nhưng người kế vị của John the Baptist này không phải là Đức Jesus, những người Nazarene nói. Nhưng về điều này sau. Cho đến ngày nay, cuộc điểm đạo vượt ra ngoài dãy Himalaya được tiếp nối bằng cái chết tạm thời (từ ba đến

Buddhists do not spill blood, for they have a horror of it, knowing that blood attracts evil powers. At the initiation of the *Chinnamasta Tantrikas* (*chinna,* severed, *masta,* head) the goddess being represented by a decapitated head, the Tantrik Shastras say that, as soon as the Adept has reached the highest degree of perfection, he has to initiate his successor and —die, offering his blood for the sins of his brothers. He must "cut off his own head with the right hand, holding it on the left." Three streams of blood gush out from the headless trunk. One of these is directed into the mouth of the decapitated head (..."my blood is drink indeed"... the injunction in *John* that so shocked his disciples). The other is directed towards the earth as an offering of pure, sinless blood to mother Earth: and the third gushes towards heaven as a witness for the sacrifice of "self-immolation." Now, this has a profound occult significance which is known only to the initiated: nothing like truth is explained by the Christian dogma: and, imperfectly as they have defined the *quasi inspired* authors of "The Perfect Way" reveal the truth far nearer than any of the Christian commentators.

sáu tháng) của đệ tử, thường là của người điểm đạo: nhưng những người theo đạo Phật không đổ máu, vì họ kinh hãi nó, biết rằng máu thu hút các thế lực tà ác. Tại lễ điểm đạo của Chinnamasta Tantrikas (chinna, bị cắt đứt, masta, đầu), nữ thần được đại diện bởi một cái đầu bị chặt, Tantrik Shastras nói rằng, ngay khi Chân sư đạt đến mức độ hoàn hảo cao nhất, y phải điểm đạo cho người kế vị của mình và—chết, hiến máu của mình cho tội lỗi của các huynh đệ của y. Y phải "tự chặt đầu bằng tay phải, giữ nó trên tay trái". Ba dòng máu phun ra từ thân cây không đầu. Một trong số này được hướng vào miệng của cái đầu bị chặt (..."máu của ta thực sự là đồ uống"... lời răn trong John đã gây sốc cho các đệ tử của Ngài). Cái còn lại được hướng về trái đất như một vật hiến tế máu thuần khiết, vô tội cho mẹ Trái Đất: và cái thứ ba phun về phía thiên đường như một nhân chứng cho sự hy sinh của "sự tự thiêu". Giờ đây, điều này có một ý nghĩa huyền bí sâu sắc vốn chỉ được biết đến với những người đã được điểm đạo: không có gì giống như sự thật được giải thích bởi giáo điều Cơ đốc giáo: và, không hoàn hảo như cách họ đã định nghĩa, các tác giả được truyền cảm hứng bán phần của "Con Đường Hoàn Hảo" tiết lộ sự thật gần hơn nhiều so với bất kỳ nhà bình luận Cơ đốc giáo nào.